BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI
TỔNG CỤC GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP

# NHỮNG ĐIỀU CẦN BIẾT
# VỀ TUYỂN SINH TRUNG CẤP, CAO ĐẲNG NĂM 2018

NHÀ XUẤT BẢN LAO ĐỘNG - XÃ HỘI
NĂM 2018

# LỜI NÓI ĐẦU

*Để giúp bạn đọc quan tâm hiểu thêm về lĩnh vực Giáo dục nghề nghiệp và định hướng cho các em thanh, thiếu niên, học sinh trung học cơ sở, trung học phổ thông chuẩn bị cho tương lai, chọn ngành, nghề, chọn trường học phù hợp để lập thân, lập nghiệp và vững bước trên con đường phát triển sự nghiệp, góp phần phát triển kinh tế đất nước. Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp phối hợp cùng với Nhà xuất bản Lao động - Xã hội biên soạn cuốn sách "**Những điều cần biết về tuyển sinh trung cấp, cao đẳng năm 2018**".*

*Nội dung cuốn sách bao gồm: Danh mục các văn bản hướng dẫn thực hiện Luật giáo dục nghề nghiệp, Một số văn bản hướng dẫn về công tác tuyển sinh, đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng trong giáo dục nghề nghiệp; Mô tả các ngành, nghề đào tạo phổ biến mà xã hội có nhu cầu cao; Thông tin chung về các trường trung cấp, trường cao đẳng trong hệ thống giáo dục nghề nghiệp; Các ngành, nghề đào tạo và chỉ tiêu tuyển sinh của các trường trung cấp, trường cao đẳng.*

*Chúng tôi xin trân trọng cảm ơn Nhà xuất bản Lao động - Xã hội, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội các tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương, các trường cao đẳng, trường trung cấp đã tích cực phối hợp, cung cấp thông tin để cuốn sách được phát hành tới bạn đọc.*

*Trong quá trình biên soạn cuốn sách, mặc dù đã có nhiều cố gắng, nhưng không thể tránh khỏi những thiếu sót nhất định. Rất mong được chia sẻ và nhận được ý kiến đóng góp từ phía bạn đọc để cuốn sách xuất bản lần sau hoàn thiện hơn.*

*Xin chân thành cảm ơn!*

**TỔNG CỤC GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP**

**DANH MỤC**

**Một số văn bản hướng dẫn thực hiện Luật Giáo dục nghề nghiệp ban hành năm 2016-2017**

| TT | Ký hiệu | Ngày ban hành | Trích yếu văn bản |
|---|---|---|---|
| 1 | 143/2016/NĐ-CP | 14/10/2016 | Quy định điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp |
| 2 | 46/2016/TT-BLĐTBXH | 28/12/2016 | Quy định về điều lệ trường cao đẳng |
| 3 | 47/2016/TT-BLĐTBXH | 28/12/2016 | Quy định về điều lệ trường trung cấp |
| 4 | 03/2017/TT-BLĐTBXH | 01/03/2017 | Quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng |
| 5 | 04/2017/TT-BLĐTBXH | 02/03/2017 | Ban hành Danh mục ngành, nghề đào tạo cấp IV trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng |
| 6 | 05/2017/TT-BLĐTBXH | 02/03/2017 | Quy định quy chế tuyển sinh và xác định chỉ tiêu tuyển sinh trình độ trung cấp, cao đẳng |
| 7 | 06/2017/TT-BLĐTBXH | 08/03/2017 | Quy định về tuyển dụng, sử dụng, bồi dưỡng đối với nhà giáo giáo dục nghề nghiệp |
| 8 | 07/2017/TT-BLĐTBXH | 10/03/2017 | Quy định chế độ làm việc của nhà giáo giáo dục nghề nghiệp |
| 9 | 08/2017/TT-BLĐTBXH | 10/03/2017 | Quy định về chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ của nhà giáo giáo dục nghề nghiệp |
| 10 | 09/2017/TT-BLĐTBXH | 13/03/2017 | Quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp |
| 11 | 10/2017/TT-BLĐTBXH | 13/03/2017 | Quy định về mẫu bằng tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng; in, quản lý, cấp phát, thu hồi, hủy bỏ bằng tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng |
| 12 | 12/2017/TT-BLĐTBXH | 20/4/2017 | Quy định khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng |
| 13 | 17/2017/TT-BLĐTBXH | 30/06/2017 | Ban hành Quy chế công tác học sinh, sinh viên trong trường trung cấp, trường cao đẳng |
| 14 | 22/2017/TT-BLĐTBXH | 10/08/2017 | Hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 113/2015/NĐ-CP ngày 09/11/2015 của Chính phủ quy định phụ cấp đặc thù, phụ cấp ưu đãi, phụ cấp trách nhiệm công việc và phụ cấp nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm đối với nhà giáo trong các CSGDNN |
| 15 | 27/2017/TT-BLĐTBXH | 21/09/2017 | Quy định đào tạo liên thông giữa các trình độ trong giáo dục nghề nghiệp |

| TT | Ký hiệu | Ngày ban hành | Trích yếu văn bản |
|---|---|---|---|
| 16 | 103/2017/TT-BTC | 05/10/2017 | Quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu giáo dục nghề nghiệp - Việc làm và An toàn lao động giai đoạn 2016-2020 |
| 17 | 28/2017/TT-BLĐTBXH | 15/12/2017 | Quy định hệ thống bảo đảm chất lượng của cơ sở giáo dục nghề nghiệp |
| 18 | 29/2017/TT-BLĐTBXH | 15/12/2017 | Quy định về liên kết tổ chức thực hiện chương trình đào tạo |
| 19 | 34/2017/TT-BLĐTBXH | 29/12/2017 | Quy định việc công nhận đối với văn bằng, chứng chỉ giáo dục nghề nghiệp do cơ sở giáo dục nghề nghiệp nước ngoài cấp |
| 20 | 36/2017/TT-BLĐTBXH | 29/12/2017 | Ban hành Danh mục ngành, nghề học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng |
| 21 | 37/2017/TT-BLĐTBXH | 29/12/2017 | Ban hành danh mục ngành, nghề đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng khó tuyển sinh nhưng xã hội có nhu cầu |
| 22 | 38/2017/TT-BLĐTBXH | 29/12/2017 | Quy định chương trình bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm cho nhà giáo trình độ sơ cấp; mẫu chứng chỉ, mẫu bản sao; quản lý phôi và chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm dạy trình độ sơ cấp |

# DANH MỤC

**Mô tả một số ngành/nghề đào tạo phổ biến, có nhu cầu cao của xã hội trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng**

| TT | Tên ngành/nghề | Ghi chú |
|---|---|---|
| 1 | Công nghệ thông tin (ứng dụng phần mềm) | |
| 2 | Lập trình máy tính | |
| 3 | Quản trị mạng máy tính | |
| 4 | Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính | |
| 5 | Truyền thông và mạng máy tính | |
| 6 | Kỹ thuật truyền dẫn quang và vô tuyến | |
| 7 | Điện công nghiệp | |
| 8 | Điện tử Công nghiệp | |
| 9 | Công nghệ ô tô | |
| 10 | Công nghệ kỹ thuật cơ khí | |
| 11 | Công nghệ chế tạo máy | |
| 12 | Hàn | |
| 13 | Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí | |
| 14 | Cắt gọt kim loại | |
| 15 | Kỹ thuật xây dựng | |
| 16 | Điện dân dụng | |
| 17 | Điện tử dân dụng | |
| 18 | Kỹ thuật lắp đặt điện và điều khiển trong công nghiệp | |
| 19 | Cơ điện tử | |
| 20 | Cơ điện nông thôn | |
| 21 | Cơ điện lạnh thủy sản | |
| 22 | Xây dựng cầu đường bộ | |
| 23 | Vận hành máy xây dựng | |
| 24 | Vận hành máy thi công nền | |
| 25 | Hướng dẫn du lịch | |
| 26 | Quản trị lữ hành | |
| 27 | Quản trị khách sạn | |
| 28 | Kỹ thuật chế biến món ăn | |
| 29 | Quản trị nhà hàng | |
| 30 | May thời trang | |
| 31 | Thiết kế thời trang | |
| 32 | Thiết kế đồ họa | |

| TT | Tên ngành/nghề | Ghi chú |
|---|---|---|
| 33 | Thú y | |
| 34 | Chăn nuôi gia súc, gia cầm | |
| 35 | Khuyến nông lâm | |
| 36 | Lâm sinh | |
| 37 | Kiểm lâm | |
| 38 | Bảo vệ thực vật | |
| 39 | Nuôi trồng thuỷ sản nước ngọt | |
| 40 | Nuôi trồng thuỷ sản nước mặn, lợ | |
| 41 | Lâm nghiệp đô thị | |
| 42 | Kỹ thuật dược | |
| 43 | Điều dưỡng | |
| 44 | Hộ sinh | |
| 45 | Thương mại điện tử | |
| 46 | Logistics | |
| 47 | Quản trị cơ sở dữ liệu | |
| 48 | Điều khiển phương tiện thủy nội địa | |
| 49 | Khai thác máy tàu thủy | |
| 50 | Nguội sửa chữa máy công cụ | |
| 51 | Gia công và thiết kế sản phẩm mộc | |
| 52 | Cấp, thoát nước | |
| 53 | Vận hành cần trục | |
| 54 | Lắp đặt đường dây tải điện và trạm biến áp tải có điện áp từ 220 kV trở lên | |
| 55 | Quản lý vận hành, sửa chữa đường dây và trạm biến áp có điện áp từ 220kV trở lên | |
| 56 | Sửa chữa đường dây trung áp đang vận hành đến 22 kV | |
| 57 | Xếp dỡ cơ giới tổng hợp | |
| 58 | Sản xuất hàng giày da | |
| 59 | Quản trị bán hàng | |
| 60 | Rèn, dập | |
| 61 | Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh | |
| 62 | Vận hành máy thi công mặt đường | |
| 63 | Vận hành máy nông nghiệp | |
| 64 | Mộc mỹ nghệ | |
| 65 | Mộc dân dụng | |
| 66 | Quản trị khu resort | |

| TT | Tên ngành/nghề | Ghi chú |
|---|---|---|
| 67 | Dịch vụ nhà hàng | |
| 68 | Kỹ thuật thiết bị xét nghiệm y tế | |
| 69 | Kỹ thuật thiết bị điện tử y tế | |
| 70 | Kỹ thuật thiết bị hình ảnh y tế | |
| 71 | Kỹ thuật thiết bị sản xuất dược | |
| 72 | Vận hành nhà máy thuỷ điện | |
| 73 | Công nghệ kỹ thuật tài nguyên nước | |
| 74 | Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử | |
| 75 | Tự động hóa công nghiệp | |
| 76 | Điện tàu thuỷ | |
| 77 | Sửa chữa máy tàu thủy | |
| 78 | Công nghệ chế tạo vỏ tàu thủy | |
| 79 | Chế tạo thiết bị cơ khí | |
| 80 | Kế toán lao động tiền lương và Bảo hiểm xã hội | |
| 81 | Marketing du lịch | |
| 82 | Kế toán ngân hàng | |
| 83 | An ninh mạng | |
| 84 | Công nghệ may Veston | |
| 85 | Điều hành tour du lịch | |
| 86 | Lắp đặt thiết bị lạnh | |
| 87 | Sửa chữa máy nâng chuyển | |
| 88 | Sửa chữa cơ khí động lực | |
| 89 | Sản xuất cáp điện và thiết bị đầu nối | |
| 90 | Kỹ thuật bảo dưỡng cơ khí tàu bay | |
| 91 | Xử lý rác thải | |
| 92 | Thiết kế mạch điện tử trên máy tính | |
| 93 | Sửa chữa thiết bị dệt | |
| 94 | Sửa chữa điện máy công trình | |
| 95 | Kỹ thuật mạng ngoại vi và Thiết bị đầu cuối | |
| 96 | Gia công ống công nghệ | |
| 97 | Nghiệp vụ lưu trú - Quản trị buồng phòng | |
| 98 | Điện đầu máy đường sắt | |
| 99 | Bảo vệ môi trường đô thị | |
| 100 | Bảo vệ môi trường công nghiệp | |
| 101 | Sửa chữa thiết bị tự động hóa | |

| TT | Tên ngành/nghề | Ghi chú |
|---|---|---|
| 102 | Chế biến nông sản thực phẩm | |
| 103 | Công nghệ sợi | |
| 104 | Công nghệ dệt | |
| 105 | Hệ thống điện | |
| 106 | Luyện gang | |
| 107 | Thí nghiệm điện | |
| 108 | Công nghệ mạ | |
| 109 | Kiểm nghiệm bột giấy và giấy | |
| 110 | Nguội lắp ráp cơ khí | |
| 111 | Sản xuất phân bón | |
| 112 | Sản xuất bánh kẹo | |
| 113 | Sản xuất nước giải khát | |
| 114 | Sản xuất pin-ắc quy | |
| 115 | Sản xuất rượu, bia | |
| 116 | Thí nghiệm các sản phẩm hóa dầu | |
| 117 | Vận hành nhà máy thuỷ điện | |
| 118 | Vận hành thiết bị sàng tuyển than | |
| 119 | Vận hành và sửa chữa Trạm thuỷ điện | |
| 120 | Quản trị kinh doanh vận tải đường sắt | |
| 121 | Lắp đặt cầu | |
| 122 | Công nghệ sản xuất bê tông nhựa nóng | |
| 123 | Gia công và lắp dựng kết cấu thép | |
| 124 | Lắp đặt điện công trình | |
| 125 | Quản lý khu đô thị | |
| 126 | Gia công, lắp ráp hệ thống ống tàu thuỷ | |
| 127 | Quản lý, khai thác công trình thuỷ lợi | |
| 128 | Chế biến mủ cao su | |
| 129 | Bảo dưỡng trạm thu phát sóng vô tuyến | |
| 130 | Quản trị dịch vụ giải trí, thể thao | |
| 131 | Quản trị du lịch MICE | |
| 132 | Vẽ và Thiết kế trên máy tính | |
| 133 | Vận hành nhà máy nhiệt điện | |
| 134 | Quản lý kinh doanh điện | |
| 135 | Vận hành lò hơi | |
| 136 | Khoan thăm dò địa chất | |

| TT | Tên ngành/nghề | Ghi chú |
|---|---|---|
| 137 | Đo lường điện | |
| 138 | Công nghệ nhiệt luyện | |
| 139 | Chế biến dầu thực vật | |
| 140 | Kỹ thuật cơ điện mỏ hầm lò | |
| 141 | Kỹ thuật khai thác mỏ hầm lò | |
| 142 | Sửa chữa, lắp ráp xe máy | |
| 143 | Chế tạo khuôn mẫu | |
| 144 | Kiểm tra soi chiếu an ninh hàng không | |
| 145 | Tài chính - Tín dụng | |
| 146 | Thanh nhạc | |
| 147 | Kỹ thuật pha chế đồ uống | |
| 148 | Kỹ thuật tua bin hơi | |
| 149 | Vận hành bơm, quạt, máy nén khí | |
| 150 | Quản trị doanh nghiệp vừa và nhỏ | |
| 151 | Thí nghiệm và kiểm tra chất lượng công trình cầu đường bộ | |
| 152 | Phiên dịch Tiếng Anh du lịch | |
| 153 | Vận hành máy Ủi, máy Xúc máy San | |
| 154 | Mộc xây dựng và Trang trí nội thất | |
| 155 | Kỹ thuật rau hoa công nghệ cao | |
| 156 | Trồng cây thuốc lá | |
| 157 | Trồng cây cà phê | |
| 158 | Vận hành thiết bị sản xuất xi măng | |
| 159 | Điện đầu máy đường sắt | |

# GIỚI THIỆU VÀ MÔ TẢ MỘT SỐ NGÀNH/NGHỀ ĐÀO TẠO PHỔ BIẾN, CÓ NHU CẦU CAO CỦA XÃ HỘI TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP, TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG

**1. Ngành/nghề: Công nghệ thông tin (ứng dụng phần mềm)**

***(1). Mô tả ngành/nghề***

Ngành/nghề "Công nghệ thông tin" (ứng dụng phần mềm) là ngành/nghề thực hiện các công việc ứng dụng phần mềm tin học để xử lý, vận hành, trên một hệ thống công nghệ thông tin (hệ thống máy tính, thiết bị xử lý thông tin) để tạo nên thành phẩm là một sản phẩm kỹ thuật số, multimedia (voice/ video), một bộ cơ sở dữ liệu hoặc một bộ các thông tin dưới dạng văn bản và số hóa đúng yêu cầu kỹ thuật theo thiết kế, đạt năng suất chất lượng và bảo đảm các tiêu chuẩn an toàn.

***(2). Vị trí làm việc***

Người làm ngành/nghề Công nghệ thông tin (ứng dụng phần mềm) có thể đảm nhiệm được các vị trí: trực tiếp tham gia sản xuất sản phẩm dựa trên ứng dụng công nghệ thông tin tại các cơ sở sản xuất trong nước hoặc ở nước ngoài; làm tổ trưởng tổ tin học, cán bộ kỹ thuật tin học, kỹ thuật viên tin học, bác sỹ máy tính, nhân viên kỹ thuật, nhân viên làm việc với máy tính để thiết kế và sửa chữa các sản phẩm, các mặt hàng trên máy tính; tổ chức và quản lý doanh nghiệp sản xuất sản phẩm trên máy tính với quy mô vừa và nhỏ.

***(3). Các nhiệm vụ chủ yếu của ngành/nghề***

Người làm ngành/nghề Công nghệ thông tin (ứng dụng phần mềm) có các nhiệm vụ chủ yếu: xác định phần mềm; cài đặt công nghệ; tạo môi trường làm việc; kiểm tra; tạo phiên làm việc; xử lý dữ liệu; sao lưu dữ liệu; đảm bảo an toàn; xử lý lỗi; bảo trì hệ thống.

**2. Ngành/nghề: Lập trình máy tính**

***(1). Mô tả ngành/nghề***

Ngành/nghề Lập trình máy tính là ngành/nghề đào tạo ra các lập trình viên để thực hiện các nhiệm vụ như: vận hành, bảo trì máy tính; kết nối máy tính với mạng; sử dụng máy tính hỗ trợ công việc văn phòng, công việc tính toán; lập kế hoạch thiết kế; thiết kế mẫu; xử lý hình ảnh; xây dựng chương trình ứng dụng cơ bản; phân tích, cài đặt thuật toán trên các cấu trúc dữ liệu; xây dựng ứng dụng theo hướng đối tượng; xây dựng cơ sở dữ liệu; quản trị cơ sở dữ liệu; xây dựng ứng dụng Web; phân tích thiết kế ứng dụng và kiểm thử phần mềm.

***(2). Vị trí làm việc***

Người làm ngành/nghề Lập trình máy tính thường có thể đảm nhiệm được các vị trí: văn phòng các công ty, doanh nghiệp có ứng dụng công nghệ thông tin; làm cán bộ kỹ thuật, trưởng nhóm tại các công ty về công nghệ thông tin; các doanh nghiệp phát triển phần mềm; tự tổ chức và làm chủ những cơ sở về công nghệ thông tin.

***(3). Các nhiệm vụ chủ yếu của ngành/nghề***

Người làm ngành/nghề Lập trình máy tính có các nhiệm vụ chủ yếu: Vận hành và bảo trì máy tính; kết nối máy tính; sử dụng máy tính; sử dụng máy tính hỗ trợ công việc văn phòng; tạo và trình diễn báo cáo; sử dụng máy tính hỗ trỡ công việc tính toán; lập kế hoạch thiết kế; thiết kế mẫu; xử lý hình ảnh; xây

dựng chương trình ứng dụng cơ bản; phân tích và cài đặt thuật toán trên các cấu trúc dữ liệu; xây dựng ứng dụng theo hướng đối tượng; xây dựng cơ sở dữ liệu; quản trị cơ sở dữ liệu; xây dựng ứng dụng sử dụng công nghệ; xây dựng ứng dụng web; kiểm thử phần mềm; phát triển nghề nghiệp.

**3. Ngành/nghề: Quản trị mạng máy tính**

***(1). Mô tả ngành/nghề***

Ngành/nghề "Quản trị mạng máy tính" là ngành/nghề chuyên thực hiện quá trình khảo sát, thiết kế, lắp đặt và quản trị một hệ thống mạng trong các cơ quan, xí nghiệp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động cũng như bảo mật các thông tin, dữ liệu trong cơ quan, tổ chức.

***(2). Vị trí làm việc***

Người làm ngành/nghề Quản trị mạng máy tính thường được bố trí làm việc ở các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, các tập đoàn đa quốc gia trong môi trường tiếp xúc với các máy tính, thiết bị mạng.

***(3). Các nhiệm vụ chủ yếu của ngành/nghề***

Người làm ngành/nghề Quản trị mạng máy tính có các nhiệm vụ chủ yếu: khảo sát và thiết kế các hệ thống mạng LAN, WAN; lắp đặt hệ thống mạng; cài đặt phần mềm mạng; quản lý dịch vụ mạng; quản lý các đối tượng sử dụng mạng; chia sẻ tài nguyên hệ thống mạng; quản lý ứng dụng trên mạng; giám sát hệ thống mạng; đảm bảo an toàn hệ thống mạng; bảo dưỡng hệ thống mạng; sửa chữa hệ thống mạng; nâng cấp hệ thống mạng.

**4. Ngành/nghề: Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính**

***(1). Mô tả ngành/nghề***

"Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính" là ngành/nghề lắp đặt, sửa chữa và bảo trì hệ thống máy tính, mạng LAN nhỏ; khảo sát nhu cầu, tư vấn, thiết kế, thi công hệ thống máy tính, các thiết bị văn phòng theo yêu cầu của doanh nghiệp; lập hồ sơ quản lý; chẩn đoán, sửa chữa máy tính, khắc phục các sự cố, bảo trì hệ thống máy tính, mạng LAN nhỏ và các thiết bị văn phòng.

***(2). Vị trí làm việc***

Người có chuyên môn ngành/nghề Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính thường được bố trí làm việc tại các công ty có trang bị hệ thống máy tính, các thiết bị văn phòng; các toà nhà có trang bị hệ thống máy tính; các công ty chuyên kinh doanh máy tính và các thiết bị công nghệ thông tin, hãng sản xuất, bảo trì máy tính, thiết bị, linh kiện máy tính; công việc đòi hỏi tính cẩn trọng, an toàn điện, điện tử và mang tính tập thể, làm việc nhóm.

***(3). Các nhiệm vụ chủ yếu của ngành/nghề***

Người làm ngành/nghề Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính có nhiệm vụ: sửa chữa các thành phần cơ bản của hệ thống máy tính; sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị ngoại vi của hệ thống máy tính; sửa chữa màn hình, sửa chữa máy in; lắp ráp phần cứng hệ thống máy tính; cài đặt phần mềm; ghép nối các máy tính; thiết kế mạng cục bộ - LAN; sửa chữa máy tính, bảo dưỡng máy tính xách tay; bảo dưỡng hệ thống máy tính; nâng cấp hệ thống máy tính.

**5. Truyền thông và mạng máy tính**

***(1). Mô tả ngành/nghề***

Ngành/nghề "Truyền thông và mạng máy tính" là ngành/nghề nghiên cứu những nguyên lý của mạng, cách thiết kế, xây dựng một hệ thống mạng từ mạng nội bộ cho đến mạng diện rộng có kết nối toàn

cầu. Đồng thời, ngành Truyền thông và mạng máy tính cũng trang bị cho người học những kỹ năng tiên tiến trong việc phát triển ứng dụng trên các hệ thống máy tính nối mạng từ trung đến cao cấp.

***(2). Vị trí làm việc***

Người làm ngành/nghề Truyền thông và mạng máy tính có khả năng làm việc tại các công ty quản trị mạng và hệ thống tại các ngân hàng, các trung tâm dữ liệu, các nhà cung cấp dịch vụ Internet (ISP); nhân viên xây dựng và phát triển các ứng dụng truyền thông: VoIP, hội nghị truyền hình; nhân viên thiết kế mạng chuyên nghiệp: xây dựng các mạng máy tính an toàn, hiệu quả cho các đơn vị có yêu cầu; nhân viên phát triển mạng không dây.

***(3). Các nhiệm vụ chủ yếu của ngành/nghề***

Người làm ngành/nghề Truyền thông và mạng máy tính có các nhiệm vụ chủ yếu sau: sử dụng mạng máy tính; chuyển mạch và định tuyến; truyền thông đa phương tiện; hệ điều hành Windows Server; mạng LAN và WAN; mạng truyền thông và di động; lắp ráp và sửa chữa máy tính; ứng dụng hệ thống mạng trong việc xây dựng hệ thống giám sát...

**6. Ngành/nghề: Kỹ thuật truyền dẫn quang và vô tuyến**

***(1). Mô tả ngành/nghề***

"Kỹ thuật truyền dẫn quang và vô tuyến" là ngành/nghề cung cấp cho người học về: công dụng, cấu tạo, nguyên lý làm việc, các thông số và tiêu chuẩn kỹ thuật của các thiết bị, dụng cụ, vật liệu truyền dẫn quang và vô tuyến.

***(2). Vị trí làm việc***

Người làm ngành/nghề Kỹ thuật truyền dẫn quang và vô tuyến thường được bố trí việc ở các vị trí trong hệ thống vận hành các thiết bị truyền dẫn quang và vô tuyến; các cơ sở sản xuất thiết bị truyền dẫn quang và vô tuyến; các đơn vị thi công hệ thống viễn thông; các cơ sở kinh doanh thiết bị và khai thác các dịch vụ viễn thông; tự mở cơ sở kinh doanh thiết bị điện tử, viễn thông.

***(3). Các nhiệm vụ chủ yếu của ngành/nghề***

Vận hành và bảo dưỡng hệ thống truyền dẫn quang và vô tuyến; vận hành và bảo dưỡng các thiết bị trong hệ thống truyền dẫn quang và vô tuyến; thi công, lắp đặt, khai thác, sửa chữa truyền hình vệ tinh, truyền hình mặt đất, truyền hình cáp gồm: đầu thu hình VTC, anten parapol... lắp đặt, khai thác, bảo dưỡng mạng tổng đài nội bộ, gồm: các loại tổng đài dung lượng nhỏ, các loại điện thoại bàn, triển khai kết nối tuyến đường dây thông tin; lắp đặt, khai thác hệ thống mạng vi tính nội bộ; tìm kiếm thông tin trên mạng Internet.

**7. Ngành/nghề: Điện công nghiệp**

***(1). Mô tả ngành/nghề***

"Điện công nghiệp" là ngành/nghề thực hiện việc lắp đặt và sửa chữa, bảo dưỡng hệ thống cung cấp điện, tủ phân phối điện, mạng điện chiếu sáng, máy điện và thiết bị điện trong các xí nghiệp công nghiệp với các môi trường trong nhà, ngoài trời, mỏ, hầm lò trong điều kiện an toàn lao động.

***(2). Vị trí làm việc***

Người học ngành/nghề Điện công nghiệp có khả năng làm việc tại các công ty điện lực (tổ vận hành và quản lý đường dây, tổ bảo trì và sửa chữa đường dây...); làm việc trong các trạm truyền tải và

phân phối điện năng (nhân viên vận hành); làm việc trong các công ty xây lắp công trình điện; đảm nhiệm công việc trong các tổ cơ điện, phòng bảo dưỡng bảo trì thiết bị điện của các nhà máy, xí nghiệp.

***(3). Các nhiệm vụ chủ yếu của ngành/nghề***

Sử dụng được các loại dụng cụ đo điện năng: Vônmét, Ampemét, Ampekìm, Đồng hồ đo vạn năng, Mêgômét, Hioki... đo đúng thông số cần đo vào trường hợp cụ thể trong thực tế; sử dụng đúng các dụng cụ an toàn điện, an toàn lao động, an toàn cháy nổ trong từng công việc; sơ cứu, cấp cứu người bị tai nạn điện; lắp đặt hệ thống cung cấp điện; lắp đặt tủ điện phân phối; lắp đặt mạng điện chiếu sáng; lắp đặt bộ điều khiển dùng công tắc tơ, các bộ điều khiển lập trình; bảo dưỡng, sửa chữa mạng động lực tủ điện phân phối; bảo dưỡng, sửa chữa bộ điều khiển dùng công tắc tơ và các bộ điều khiển lập trình; vận hành được hệ thống điều khiển tự động dùng PLC; bảo dưỡng, sửa chữa động cơ điện một chiều và xoay chiều; quấn dây động cơ điện, máy biến áp công suất nhỏ; sửa chữa máy phát điện xoay chiều; vận hành, sửa chữa các thiết bị mỏ hầm lò như: Áptômát phòng nổ, khởi động từ phòng nổ, biến áp khoan phòng nổ; đọc và phân tích các bản vẽ thiết kế lắp đặt điện công nghiệp; khảo sát được hiện trường để có phương án lắp đặt hoặc sửa chữa hợp lý; lắp đặt, vận hành, sửa chữa và kiểm tra, hiệu chỉnh hệ thống cung cấp điện và thiết bị điện công nghiệp.

**8. Ngành/nghề: Điện tử Công nghiệp**

***(1). Mô tả ngành/nghề***

Ngành/nghề "Điện tử công nghiệp" là ngành/nghề chuyên thực hiện quá trình thiết kế, xử lý và lắp đặt các mạch: điện tử công nghiệp, khí cụ điện, mạch đo lường điện tử, mạch điện tử cơ bản, bộ điều khiển dùng Rơle-khởi động từ, bộ điều khiển dùng linh kiện điện tử, mạch ứng dụng kỹ thuật cảm biến, bộ điều khiển dùng PLC, thiết bị kỹ thuật xung-số. Điện tử công nghiệp cũng là ngành/nghề bảo dưỡng, kiểm tra, sửa chữa các thiết bị hệ thống điện tử trong sản xuất công nghiệp, các mạch điện tử cơ bản, bộ điều khiển dùng Rơle - khởi động từ, bộ điều khiển dùng linh kiện điện tử, bộ điều khiển dùng PLC, mạch kỹ thuật xung - số, mạch ứng dụng kỹ thuật cảm biến, bộ điều khiển dùng vi xử lý và IC chuyên dụng.

***(2). Vị trí làm việc***

Người làm ngành/nghề Điện tử công nghiệp thường được bố trí làm việc ở các nhà máy hoặc phân xưởng, các công ty, doanh nghiệp điện điện tử. Làm việc trong các tổ cơ điện, phòng bảo dưỡng, bảo trì thiết bị điện của các nhà máy, xí nghiệp.

***(3). Các nhiệm vụ chủ yếu của ngành/nghề***

Các nhiệm vụ chủ yếu của người làm ngành/nghề Điện tử công nghiệp là: lắp ráp, vận hành các thiết bị điện tử trong xí nghiệp và dây chuyền công nghiệp; lắp đặt và sửa chữa, bảo dưỡng các mạch điện tử cơ bản; lắp đặt và sửa chữa bảo dưỡng các khí cụ điện hạ thế; lắp đặt và sửa chữa, bảo dưỡng các bộ điều khiển; lắp đặt và bảo trì các mạch xung - số; lắp đặt và sửa chữa các vi mạch số và IC thông dụng; phân tích, lắp ráp các bộ biến đổi công suất; lắp đặt các hệ thống đo lường điện tử; lắp đặt các tủ điều khiển thiết bị công nghiệp, các thiết bị và hệ thống bảo vệ, các bảng mạch điện tử công nghiệp; kiểm tra sửa chữa được các hư hỏng trên thiết bị điện tử công nghiệp; thay thế tương đương, linh kiện, mạch điện hư hỏng đơn giản trên thiết bị điện tử công nghiệp; hiệu chỉnh được các thông số kỹ thuật của mạch điện; xử lý một số tình huống phát sinh trong quá trình làm việc của thiết bị; lập trình đơn giản các phần mềm khi có sự cố; kết nối mạch điện đúng theo sơ đồ nguyên lý; chống ẩm và rò điện tốt cho thiết bị; vận hành chạy thử toàn bộ mạch điện; thực hiện các biện pháp an toàn lao động, an toàn điện và vệ sinh công nghiệp.

**9. Ngành/nghề: Công nghệ ô tô**

***(1). Mô tả ngành/nghề***

"Công nghệ ô tô" là ngành/nghề thực hiện các nhiệm vụ về bảo dưỡng, sửa chữa động cơ; bảo dưỡng, sửa chữa trang bị điện; bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống truyền lực (gầm ô tô); chuẩn đoán tình trạng kỹ thuật và các pan bệnh của các hệ thống trên ô tô; vận hành, kiểm tra động cơ và ô tô; thực hiện các công việc gia công bổ trợ như hàn điện, hàn hơi, gò, sử dụng các thiết bị ngành/nghề nguội...

***(2). Vị trí làm việc***

Người tốt nghiệp ngành/nghề Công nghệ ô tô là kỹ thuật viên có khả năng làm việc ở các vị trí sau:

- Tại các cơ sở lắp ráp ô tô: làm việc tại một vị trí cụ thể, trưởng dây chuyền lắp ráp, giám sát quá trình lắp ráp, giám sát chất lượng ô tô...;

- Tại các cơ sở bảo dưỡng, sửa chữa, bảo hành ô tô: làm việc tại một vị trí cụ thể, điều hành sản xuất, giám sát kỹ thuật, cố vấn dịch vụ, đào tạo kỹ thuật viên bậc dưới tại cơ sở...;

- Tại các cơ sở chế tạo phụ tùng ô tô: kiểm tra chất lượng sản phẩm, phân phối sản phẩm...;

- Tại các cơ sở kinh doanh ô tô và phụ tùng: cố vấn bán hàng, cố vấn dịch vụ, nhân viên bán hàng...;

- Tại các cơ sở đào tạo ngành/nghề: hướng dẫn thực hành, thực tập;

- Chủ động, giao tiếp và phối hợp làm việc theo tổ, nhóm, tổ chức và quản lý quá trình sản xuất, bồi dưỡng kèm cặp được công nhân bậc thấp tương ứng với trình độ quy định.

***(3). Các nhiệm vụ chủ yếu của ngành/nghề***

Bảo dưỡng động cơ ô tô; sửa chữa động cơ ô tô; bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống trang bị điện ô tô; bảo dưỡng hệ thống truyền lực (hệ thống ly hợp, hệ thống số, hệ thống truyền động các đăng, hệ thống cầu chủ động, hệ thống phanh, hệ thống phanh thủy lực, phanh khí nén, phanh ABS, hệ thống lái, hệ thống treo, khung xe, thân vỏ xe...); kiểm tra tính năng làm việc, chuẩn đoán tình trạng kỹ thuật và các pan bệnh của các hệ thống trên ô tô; vận hành, kiểm tra động cơ và ô tô; xác định mức độ hư hỏng, tìm ra nguyên nhân và có phương án bảo dưỡng, sửa chữa thích hợp; giao dịch với khách hàng.

**10. Ngành/nghề: Công nghệ kỹ thuật cơ khí**

***(1). Mô tả ngành/nghề***

Ngành/nghề "Công nghệ kỹ thuật cơ khí" là ngành/nghề thuộc lĩnh vực kỹ thuật chuyên về các công việc thiết kế, chế tạo, lắp ráp, vận hành và bảo trì các thiết bị công nghệ, thiết bị cơ khí; tổ chức và quản lý từng công đoạn sản xuất cơ khí.

***(2). Vị trí làm việc***

Người có chuyên môn về Công nghệ kỹ thuật cơ khí thường có vị trí việc làm tại các cơ sở chế tạo, sửa chữa, bảo dưỡng cơ khí; đảm nhiệm các chức danh "Kỹ thuật viên sửa chữa, bảo dưỡng cơ khí", "Kỹ thuật viên vận hành máy gia công cơ khí", "Nhân viên kiểm tra chất lượng sản phẩm"; làm việc tại các cơ sở kinh doanh, đào tạo và nghiên cứu thuộc lĩnh vực cơ khí, đảm nhiệm các chức danh "Marketing cơ khí", "Kỹ thuật viên"...

***(3). Các nhiệm vụ chủ yếu của ngành/nghề***

Sửa chữa, bảo dưỡng cơ khí; vận hành máy gia công cơ khí; thiết kế, gia công thiết bị cơ khí, kiểm tra chất lượng sản phẩm cơ khí, tổ chức sản xuất kinh doanh sản phẩm liên quan tới cơ khí...

**11. Ngành/nghề: Công nghệ chế tạo máy**

***(1). Mô tả ngành/nghề***

"Công nghệ chế tạo máy" còn có tên gọi phổ biến gần tương đương là "Cơ khí chế tạo máy", là Ngành/nghề có vai trò tham gia trong hoạt động sản xuất thực tế, nơi các kỹ thuật viên công nghệ chế tạo máy tham gia việc vận hành toàn bộ quy trình chế tạo ra các sản phẩm (cơ khí), đồng thời tối ưu hóa quá trình sản xuất đảm bảo tính hiệu quả, tính kinh tế nhất có thể.

***(2). Vị trí làm việc***

Nhu cầu lao động của ngành Công nghệ chế tạo máy là khá lớn, đặc biệt là trong hầu hết các nhà máy sản xuất sản phẩm cơ khí ở khắp nơi trên Việt Nam cũng như thế giới. Các vị trí công việc: vận hành quy trình sản xuất, lập kế hoạch sản xuất, thiết kế chi tiết cơ khí, thiết kế máy...

***(3). Các nhiệm vụ chủ yếu của ngành/nghề***

Đảm nhiệm các công việc về cơ khí tại công ty, nhà máy, xí nghiệp cơ khí chế tạo: thi công, lắp đặt và giám sát việc thi công máy móc, thiết bị, dây chuyền sản xuất cho các công trình, nhà máy nhiệt điện, thủy điện, xi măng, đóng tàu; tham gia gia công sản phẩm cơ khí như phay, tiện, hàn, bào, khoan, gia công trên các máy vạn năng CNC tại các xưởng, xí nghiệp hay công ty cơ khí; tổ chức quy trình sản xuất, vận hành quy trình sản xuất, kiểm soát chất lượng sản phẩm; bảo trì, bảo dưỡng định kỳ, xử lý sự cố các hệ thống máy móc của nhà máy, xí nghiệp, công ty...

**12. Ngành/nghề: Hàn**

***(1). Mô tả ngành/nghề***

Ngành/nghề "Hàn" là ngành/nghề thực hiện các công việc nối hai đầu của một hay nhiều chi tiết kim loại thành một liên kết liền khối, không thể tháo rời, bằng cách sử dụng nguồn nhiệt, áp lực hoặc cả nguồn nhiệt và áp lực, có sử dụng hoặc không sử dụng kim loại phụ.

Trong trường hợp tạo ra liên kết liền khối chỉ sử dụng nguồn nhiệt, kim loại tại chỗ hàn cần được nung tới trạng thái chảy để tạo ra bể hàn, bể hàn sau khi kết tinh sẽ tạo nên mối hàn.

Trường hợp tạo ra liên kết liền khối chỉ sử dụng áp lực, kim loại tại chỗ hàn cần được tác động một lực ép đủ lớn để các nguyên tử kim loại tại bề mặt tiếp xúc tiến sát lại gần nhau tạo nên liên kết phân tử.

Trường hợp sử dụng cả nguồn nhiệt và lực ép, kim loại chỗ hàn cần được nung tới trạng thái dẻo, sau đó nhờ lực ép mà mối hàn được hình thành.

***(2). Vị trí làm việc***

Người hành nghề Hàn làm việc tại các cơ quan, doanh nghiệp trong các lĩnh vực như: Cơ khí, xây dựng, giao thông, đóng tàu, dầu khí... Mối hàn được thực hiện ở tất cả các tư thế trong không gian, công việc hàn có thể thực hiện tại xưởng tập trung, tại hiện trường hoặc trực tiếp trên kết cấu đang lắp ghép...

***(3). Các nhiệm vụ chủ yếu của ngành/nghề***

Chuẩn bị các điều kiện để thực hiện hàn; hàn kim loại bằng hồ quang; hàn kim loại bằng khí cháy; hàn kim loại bằng các phương pháp khác; kiểm tra các quá trình và sản phẩm hàn; giám sát hoạt động hàn; bảo đảm chất lượng; quản lý; bảo đảm an toàn; phát triển công nghệ mới.

**13. Ngành/nghề: Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí**

***(1). Mô tả ngành/nghề***

"Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí" là ngành/nghề chuyên lắp đặt, vận hành, bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống máy lạnh và điều hòa không khí như: hệ thống máy lạnh trong các kho lạnh, hệ thống máy lạnh thương nghiệp, máy kem, máy đá, tủ lạnh; hệ thống điều hòa không khí trung tâm, điều hòa không khí cục bộ... đúng yêu cầu kỹ thuật, đạt năng suất, an toàn.

***(2). Vị trí làm việc***

Người làm ngành/nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí thường được bố trí làm việc tại các cơ sở, các công ty dịch vụ chuyên ngành, siêu thị, các nhà máy bia, chế biến sữa, bảo quản thủy hải sản; các nhà máy chế tạo thiết bị máy lạnh, điều hòa không khí, các công ty, tập đoàn thi công lắp đặt, bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa máy lạnh và điều hòa không khí...

***(3). Các nhiệm vụ chủ yếu của ngành/nghề***

Người làm ngành/nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí có các nhiệm vụ chủ yếu là: thực hiện công tác an toàn lao động và vệ sinh công nghiệp; lắp đặt hệ thống máy lạnh công nghiệp; lắp đặt hệ thống máy lạnh thương nghiệp; lắp đặt hệ thống điều hoà không khí trung tâm; lắp đặt hệ thống điều hoà không khí cục bộ; vận hành hệ thống máy lạnh; vận hành hệ thống điều hoà không khí trung tâm; bảo trì - bảo dưỡng hệ thống lạnh; sửa chữa hệ thống lạnh; nâng cao nghiệp vụ chuyên môn; tổ chức lao động; giao tiếp, chăm sóc khách hàng.

**14. Ngành/nghề: Cắt gọt kim loại**

***(1). Mô tả ngành/nghề***

"Cắt gọt kim loại" là ngành/nghề sử dụng các loại máy công cụ vạn năng và điều khiển theo chương trình số để gia công tạo hình sản phẩm (chi tiết máy) có phôi nhằm phục vụ cho tất cả các ngành chế tạo máy công nghiệp và nông nghiệp theo yêu cầu của những công ty, doanh nghiệp trong các khu công nghiệp, khu chế xuất hoặc những cơ sở gia công cơ khí. "Cắt gọt kim loại" sử dụng các máy công cụ có tạo phôi như: tiện, phay, bào, mài, doa... để chế tạo các chi tiết đúng yêu cầu kỹ thuật, đạt năng suất và an toàn.

***(2) Vị trí làm việc***

Người hành nghề Cắt gọt kim loại thường làm việc tại các công ty, xí nghiệp chế tạo máy hoặc tại những cơ sở gia công cơ khí trong môi trường: máy làm việc với tốc độ cao; ồn; nóng; va chạm với những hóa chất công nghiệp như emulsi, dầu nhờn... và tính chất công việc mang tính tập thể (mỗi người phụ trách một công đoạn trong dây chuyền sản xuất). Vì vậy, người công nhân phải có đủ sức khỏe, có tâm với nghề nghiệp và có đủ năng lực, kiến thức về kỹ thuật cơ khí để thực hiện những nhiệm vụ nêu trên.

***(3). Các nhiệm vụ chủ yếu của ngành/nghề***

Sử dụng thành thạo các máy cắt gọt kim loại thông dụng; vận hành và điều chỉnh được máy công cụ điều khiển số; chọn đúng và sử dụng thành thạo các loại dụng cụ cắt, dụng cụ đo kiểm, đồ gá và các trang bị công nghệ thích hợp; tổ chức, điều hành và thực hiện gia công sản xuất trên các loại máy công cụ vạn năng như máy tiện vạn năng; gia công trên máy phay vạn năng; gia công trên máy tiện CNC; gia công trên máy phay CNC; gia công trên máy EDM; gia công trên máy bào và xọc vạn năng; gia công nguội; gia công trên máy doa vạn năng...

**15. Ngành/nghề: Kỹ thuật xây dựng**

***(1). Mô tả ngành/nghề***

Từ các vật liệu xây dựng; gạch, đá, vôi, cát, xi măng, gỗ, thép... ngành/nghề "Kỹ thuật xây dựng" làm các nhiệm vụ xây, trát, lát, ốp, sơn vôi, lắp đặt các cấu kiện loại nhỏ, lắp các thiết bị vệ sinh; gia công lắp dựng và tháo dỡ cốp pha, giàn giáo, làm cốt thép và đổ bê tông một số bộ phận của công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp. Ngoài các dụng cụ cầm tay như: dao xây, bay, bàn xoa, các loại thước; ngành/nghề Kỹ thuật xây dựng cần trang bị thêm máy trộn, máy cắt, máy đầm, máy mài... hầu hết các công việc của ngành/nghề Kỹ thuật xây dựng được thực hiện ngoài trời nên người làm ngành/nghề này phải có sức khoẻ tốt.

***(2). Vị trí làm việc***

Người làm ngành/nghề Kỹ thuật xây dựng có thể trực tiếp làm việc tại các vị trí của dây chuyền tại các công trường xây dựng, công trường sản xuất bê tông và các công ty sản xuất vật liệu xây dựng hoặc làm nhiệm vụ quản lý, tổ chức các tổ đội sản xuất tại các công ty xây dựng; làm kỹ thuật viên tại các phòng kỹ thuật của các doanh nghiệp xây dựng. Ngoài ra, có khả năng làm việc độc lập tại các nhà, xưởng về xây dựng.

***(3). Các nhiệm vụ chủ yếu của ngành/nghề***

Người làm ngành/nghề Kỹ thuật xây dựng có các nhiệm vụ chủ yếu như: đào móng, xây gạch; lắp đặt, lắp đặt cấu kiện loại nhỏ; trát, láng; lát, ốp; bả ma tít, sơn vôi; làm họa tiết trang trí; làm mái; lắp đặt thiết bị vệ sinh; gia công, lắp dựng và tháo dỡ ván khuôn, giàn giáo; gia công lắp đặt cốt thép; hàn hồ quang tay; trộn, đổ, đầm bê tông; xây đá; lắp đặt mạng điện sinh hoạt; lắp đặt đường ống cấp nước trong nhà; lắp đặt đường ống thoát nước khu vệ sinh; trát vữa trộn đá...

**16. Ngành/nghề: Điện dân dụng**

***(1). Mô tả ngành/nghề***

Ngành/nghề "Điện dân dụng" là ngành/nghề chuyên lắp đặt, kiểm tra, bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống điện dân dụng, các thiết bị điện gia dụng và thiết bị điện dân dụng như: máy phát điện; động cơ điện; máy biến áp; thiết bị điều khiển, thiết bị đo lường... đúng với yêu cầu kỹ thuật đạt năng suất và an toàn.

***(2). Vị trí làm việc***

Người làm ngành/nghề Điện dân dụng thường có thể đảm nhiệm được các vị trí: trực tiếp tham gia lắp đặt, vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống điện dân dụng và thiết bị điện gia dụng; làm cán bộ kỹ thuật, cán bộ thiết kế trong các xí nghiệp, cơ quan, đơn vị kinh doanh điện; tự tổ chức và làm chủ những cơ sở lắp đặt, sản xuất, sửa chữa thiết bị điện gia dụng.

***(3). Các nhiệm vụ chủ yếu của ngành/nghề***

Người làm ngành/nghề Điện dân dụng có các nhiệm vụ chủ yếu: lắp đặt, bảo dưỡng sửa chữa máy phát điện dân dụng; lắp đặt vận hành và sửa chữa động cơ điện dân dụng; lắp đặt, sửa chữa thiết bị điện gia dụng; lắp đặt, bảo dưỡng, sửa chữa máy biến áp dân dụng; lắp đặt, bảo dưỡng thiết bị điều khiển dân dụng; lắp đặt, sửa chữa hệ thống điện dân dụng; sử dụng dụng cụ đo lường; thực hiện các công việc ngành/nghề bổ trợ; thực hiện các biện pháp an toàn lao động; quản lý sản xuất.

**17. Ngành/nghề: Điện tử dân dụng**

***(1). Mô tả ngành/nghề***

"Điện tử dân dụng" là ngành/nghề chuyên kiểm tra, sửa chữa các thiết bị điện tử dân dụng như: hệ thống âm thanh, máy ghi âm (cát sét), máy thu thanh, máy thu hình, máy CD, máy VCD, máy DVD, máy Camera... đúng yêu cầu kỹ thuật sửa chữa, đảm bảo an toàn.

***(2). Vị trí làm việc***

Người làm ngành/nghề Điện tử dân dụng có thể tham gia vào các vị trí công việc như: trực tiếp sản xuất, cán bộ kỹ thuật, tổ trưởng sản xuất, quản đốc phân xưởng trong các doanh nghiệp sản xuất, lắp ráp, sửa chữa, kinh doanh các sản phẩm điện tử hoặc có thể tự tạo việc làm và tiếp tục học lên trình độ cao hơn.

***(3). Các nhiệm vụ chủ yếu của ngành/nghề***

Người làm ngành/nghề Điện tử dân dụng có các nhiệm vụ chủ yếu như: sửa chữa máy CAMCORDER; sửa chữa điện thoại di động; lắp ráp, cài đặt và bảo trì máy tính; sửa chữa đầu, máy DVD, VCD; sửa chữa máy thu hình màu; sửa chữa máy thu thanh (Radio), máy ghi âm, catset; sửa chữa các loại thiết bị điện tử dân dụng: hệ thống âm thanh, máy thu hình công nghệ cao và digital, DVD, Monitor, CAMERA...; đo lường các đại lượng điện và không điện; tổ chức, quản lý sản xuất và bồi dưỡng bậc thợ dưới theo chuyên môn của mình.

**18. Ngành/nghề: Kỹ thuật lắp đặt điện và điều khiển trong công nghiệp**

***(1). Mô tả ngành/nghề***

Ngành/nghề "Kỹ thuật lắp đặt điện và điều khiển trong công nghiệp" là ngành/nghề chuyên lắp đặt, kiểm tra, bảo dưỡng các thiết bị và hệ thống điều khiển trong công nghiệp. Vận hành các thiết bị trong hệ thống cung cấp điện và các dây chuyền sản xuất công nghiệp đạt năng suất đảm bảo an toàn theo quy phạm hiện hành.

***(2). Vị trí làm việc***

Người trong ngành/nghề Kỹ thuật lắp đặt điện và điều khiển trong công nghiệp làm việc tại: các công trình xây lắp đường dây và trạm biến áp có cấp điện áp ≤ 35kV; các doanh nghiệp quản lý, kinh doanh và chiếu sáng công trình đô thị, khu công nghiệp; các doanh nghiệp sản xuất và lắp đặt thiết bị điện và dây chuyền sản xuất công nghiệp.

***(3). Các nhiệm vụ chủ yếu của ngành/nghề***

Lắp đặt hệ thống chiếu sáng công nghiệp; lắp đặt thiết bị phân phối; lắp đặt đường dây truyền tải; lắp đặt thiết bị đo lường điện; lắp đặt hệ thống điều khiển công nghiệp; kiểm tra, bảo dưỡng, hệ thống điều khiển điện công nghiệp...

**19. Ngành/nghề: Cơ điện tử**

***(1). Mô tả ngành/nghề***

Ngành/nghề "Cơ điện tử" là ngành/nghề tích hợp các lĩnh vực cơ khí, điện - điện tử, thủy khí, kỹ thuật máy tính. Ngành/nghề Cơ điện tử thực hiện các công việc thiết kế, lắp ráp, kết nối, bảo trì và các dịch vụ liên quan đến các sản phẩm cơ điện tử và các hệ thống thiết bị tự động hóa.

***(2). Vị trí làm việc***

Người lao động trong ngành/nghề Cơ điện tử có thể làm việc tại các vị trí khác nhau trong: các nhà máy chế tạo, lắp ráp sản phẩm cơ điện tử; các dây chuyền sản xuất tự động; các doanh nghiệp làm dịch vụ sửa chữa và bảo trì sản phẩm cơ điện tử; các doanh nghiệp cung cấp thiết bị cơ điện tử; chăm sóc khách hàng sử dụng sản phẩm và dịch vụ cơ điện tử.

***(3). Các nhiệm vụ chủ yếu của ngành/nghề***

Thiết kế hệ thống cơ điện tử; phân tích cấu trúc và hoạt động của hệ thống cơ điện tử; lắp ráp, vận hành và bảo trì các hệ thống thiết bị cơ khí, điện - điện tử, thủy lực - khí nén, các hệ thống tự động hóa sử dụng các bộ điều khiển; lắp đặt, vận hành các thiết bị và hệ thống tự động; xử lý các sự cố của hệ thống thiết bị cơ điện tử; tổ chức sản xuất theo nhóm, bồi dưỡng thợ bậc thấp.

**20. Ngành/nghề: Cơ điện nông thôn**

***(1). Mô tả ngành/nghề***

Ngành/nghề "Cơ điện nông thôn" là ngành/nghề đào tạo kỹ thuật viên để chuyên thực hiện các công việc trong lĩnh vực cơ khí nông nghiệp như vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa nhỏ máy động lực, máy nông nghiệp được sử dụng chủ yếu và phổ biến trong nông nghiệp nông thôn như: các loại máy canh tác, chăm sóc cây trồng, thu hoạch và chế biến sản phẩm nông sản phổ biến... Ngoài ra, ngành/nghề Cơ điện nông thôn còn thực hiện gia công, sửa chữa nhỏ một số sản phẩm cơ khí sử dụng phổ biến ở nông thôn.

Ngành/nghề "Cơ điện nông thôn" đào tạo kỹ thuật viên để chuyên thực hiện các công việc trong lĩnh vực điện nông thôn bao gồm công việc lắp đặt, vận hành bảo dưỡng và sửa chữa nhỏ hệ thống điện dân dụng; bơm điện, thủy điện nhỏ quy mô hộ gia đình; các trang thiết bị điện lắp đặt trên các loại máy nông nghiệp và trang thiết bị điện gia dụng.

***(2). Vị trí làm việc***

Người hành nghề Cơ điện nông thôn có thể tham gia vào vị trí sau: kỹ thuật viên bảo dưỡng và sửa chữa các máy nông nghiệp, các động cơ đốt trong, hệ thống truyền động máy kéo; nhân viên vận hành các máy canh tác, máy thu hoạch; nhân viên bảo quản máy sau thời vụ; kỹ thuật viên phục vụ công tác nghiên cứu khoa học; có khả năng tổ chức, quản lý quá trình sản xuất hoặc tự mở các cơ sở dịch vụ cơ điện phục vụ nông nghiệp, nông thôn.

***(3). Các nhiệm vụ chủ yếu của ngành/nghề***

Bảo dưỡng động cơ đốt trong; bảo dưỡng hệ thống truyền động máy kéo; bảo dưỡng, sửa chữa máy nông nghiệp; sửa chữa những hư hỏng bất thường của máy kéo; vận hành máy canh tác; vận hành máy thu hoạch; vận hành thiết bị bảo quản chế biến; bảo quản máy sau thời vụ; gia công sản phẩm cơ khí gia dụng; thực hiện quy định về An toàn lao động; lắp đặt hệ thống điện một pha, ba pha; lắp đặt, vận hành bơm điện và máy thủy điện nhỏ; sửa chữa máy điện và thiết bị điện dân dụng; bảo dưỡng máy bơm điện công suất nhỏ; dịch vụ cơ điện nông nghiệp; tổ chức, quản lý quá trình vận hành, bảo dưỡng.

**21. Ngành/nghề: Cơ điện lạnh thủy sản**

***(1). Mô tả ngành/nghề***

"Cơ điện lạnh thủy sản" là ngành/nghề chuyên về vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa các thiết bị và hệ thống lạnh ở tàu khai thác, sơ chế, các nhà máy chế biến và bảo quản thủy sản.

***(2). Vị trí làm việc***

Cán bộ kỹ thuật, trực tiếp vận hành tại các nhà máy, doanh nghiệp khai thác, chế biến và bảo quản thủy sản. Tham gia đào tạo, kinh doanh trong lĩnh vực điện lạnh thủy sản.

***(3). Các nhiệm vụ chủ yếu của ngành/nghề***

Thực hiện an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp và an toàn thực phẩm; chế biến bảo quản lạnh đông thủy sản; vận hành hệ thống lạnh một cấp nén; vận hành hệ thống lạnh hai cấp nén; bảo dưỡng hệ thống lạnh; sửa chữa hệ thống lạnh; thực hiện tiết kiệm năng lượng trong vận hành, bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống lạnh; vận hành máy và thiết bị chế biến, bảo quản thủy sản.

**22. Ngành/nghề: Xây dựng cầu đường bộ**

***(1). Mô tả ngành/nghề***

Ngành/nghề "Xây dựng cầu đường bộ" là ngành/nghề trực tiếp thi công, duy tu, sửa chữa các công trình cầu đường bộ ở miền núi, đồng bằng, các khu công nghiệp, khu dân cư trong cả nước cũng như trong khu vực. Ngành/nghề này làm các nhiệm vụ thi công nền đường, thi công mặt đường, thi công hệ thống thoát nước, thi công móng, mố, trụ cầu và các hạng mục phụ trợ khác. Người lao động phải biết sử dụng được các công cụ máy móc thiết bị như: máy đóng cọc, thiết bị khoan cọc nhồi, các thiết bị đo đạc, thiết bị lao lắp dầm cầu, các máy thi công nền đường, mặt đường.

***(2). Vị trí làm việc***

Người hành nghề "Xây dựng cầu đường bộ" làm việc tại các công ty cầu đường, các công ty công trình giao thông đường bộ; làm tổ tưởng của các đội sản xuất, đội thi công các công trình cầu, đường bộ.

***(3). Các nhiệm vụ chủ yếu của ngành/nghề***

Chuẩn bị thi công; thi công nền đường; thi công mặt đường; thi công hệ thống thoát nước; thi công móng; thi công mố, trụ cầu; thi công kết cấu phần trên cầu; thi công các hạng mục phụ trợ khác.

**23. Ngành/nghề: Vận hành máy xây dựng**

***(1). Mô tả ngành/nghề***

Ngành/nghề "Vận hành máy xây dựng" (nhóm máy phục vụ thi công, gia công cốt liệu) là ngành/nghề vận hành thiết bị các công đoạn trong dây chuyền sản xuất vật liệu xây dựng tại các trạm nghiền, trạm trộn bê tông và một số máy phục vụ thi công xây dựng gồm: băng tải, vận thăng, máy nghiền, máy sàng, máy trộn bê tông. Là ngành/nghề thực hiện việc vận hành các thiết bị, hệ thống như: bộ phận cung cấp nguyên liệu thô, băng tải, vít tải, thiết bị nghiền, sàng trong trạm nghiền sàng; máy trộn bê tông, hệ thống cung cấp xi măng, hệ thống cung cấp nước, hệ thống cung cấp khí nén trong trạm trộn; vận hành trung tâm điều khiển trạm, vận hành máy vận thăng đảm bảo theo quy trình, đúng yêu cầu kỹ thuật và an toàn lao động.

***(2). Vị trí làm việc***

Người hành nghề Vận hành máy xây dựng được bố trí làm việc tại các trung tâm điều khiển, vận hành thiết bị ở các công đoạn trong dây chuyền sản xuất bê tông, xi măng; làm tổ trưởng, đội trưởng hoặc trưởng nhóm trong dây chuyền sản xuất của các công ty, công trường xây dựng.

***(3). Các nhiệm vụ chủ yếu của ngành/nghề***

Cung cấp nguyên liệu thô; vận hành băng tải; vận hành thiết bị nghiền; vận hành máy sàng; vận hành hệ thống cung cấp xi măng trong trạm trộn; vận hành hệ thống cung cấp nước trong trạm trộn; vận

hành hệ thống khí nén; vận hành thùng trộn bê tông di động; vận hành máy vận thăng; tổ chức sản xuất; thực hiện các biện pháp an toàn và vệ sinh môi trường lao động.

**24. Ngành/nghề: Vận hành máy thi công nền**

***(1). Mô tả ngành/nghề***

"Vận hành máy thi công nền" là ngành/nghề vận hành và bảo dưỡng các loại máy ủi, máy xúc, máy lu, máy san và một số loại máy liên quan khác để thi công nền các công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thủy điện... đúng tiêu chuẩn kỹ thuật chuyên ngành, đảm bảo năng suất lao động, an toàn kỹ thuật, đảm bảo vệ sinh môi trường và đúng thời gian quy định.

***(2). Vị trí làm việc***

Người hành nghề Vận hành máy thi công nền được bố trí làm việc ở các vị trí: công nhân vận hành máy thi công nền làm việc trên các công trường xây dựng, san lấp, công trình thủy điện, thủy lợi...; chỉ huy tổ, nhóm công nhân vận hành máy thi công nền làm việc; làm chủ máy thi công nền.

***(3). Các nhiệm vụ chủ yếu của ngành/nghề***

Vận hành thành thạo các loại máy ủi, máy xúc, máy lu, máy san và một số loại máy liên quan khác để san lấp mặt bằng, rải vật liệu và gia cố nền móng đúng trình tự và yêu cầu kỹ thuật, đảm bảo chất lượng và nâng cao hiệu quả; bảo dưỡng kỹ thuật một số loại máy thi công nền; thường xuyên cập nhật kiến thức mới, kỹ năng vận hành và bảo dưỡng; tổ chức, điều hành tổ, nhóm thi công nền và kèm cặp người thợ có tay nghề thấp; thực hiện an toàn kỹ thuật và vệ sinh môi trường.

**25. Ngành/nghề: Hướng dẫn du lịch**

***(1). Mô tả ngành/nghề***

"Hướng dẫn du lịch" là ngành/nghề chuyên tổ chức thực hiện và phục vụ khách theo các chương trình du lịch với các nhiệm vụ cơ bản như: chuẩn bị, tổ chức thực hiện chương trình; thuyết minh; quản lý đoàn khách; hướng dẫn tham quan; hỗ trợ quảng cáo tiếp thị và bán chương trình du lịch; thiết lập và duy trì các mối quan hệ với các đối tác; giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện chương trình du lịch; chăm sóc khách hàng... đáp ứng nhu cầu của khách du lịch. Bảo đảm các yêu cầu về chất lượng, vệ sinh, an toàn, an ninh, chu đáo và lịch sự.

***(2). Vị trí làm việc***

Người làm ngành/nghề Hướng dẫn du lịch có thể tham gia vào các vị trí công việc như: hướng dẫn viên tại điểm tham quan; hướng dẫn viên toàn tuyến; hướng dẫn viên dưới các hình thức du lịch khác; trưởng nhóm hướng dẫn viên; quản lý nghiệp vụ hướng dẫn của các công ty du lịch và các vị trí khác... tùy theo khả năng cá nhân, lượng kiến thức được đào tạo và yêu cầu của công việc.

***(3). Các nhiệm vụ chủ yếu của ngành/nghề***

Nhiệm vụ chủ yếu của người Hướng dẫn du lịch là: chuẩn bị tổ chức thực hiện chương trình du lịch; tổ chức thực hiện chương trình du lịch; thuyết minh; quản lý đoàn khách; hỗ trợ quảng cáo, tiếp thị và phối hợp bán sản phẩm du lịch; giải quyết các công việc sau chuyến đi; chăm sóc khách hàng; tạo lập, duy trì và phát triển các mối quan hệ trong quá trình tổ chức thực hiện chương trình du lịch; đảm bảo vệ sinh, an toàn và an ninh trong quá trình tổ chức thực hiện chương trình du lịch; xử lý tình huống phát sinh trong hoạt động hướng dẫn; học tập, rèn luyện nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.

**26. Ngành/nghề: Quản trị lữ hành**

***(1). Mô tả ngành/nghề***

Ngành/nghề "Quản trị lữ hành" là ngành/nghề trực tiếp thực hiện, quản lý và điều phối các hoạt động du lịch lữ hành. Là ngành/nghề phải thực hiện được việc: thiết kế chương trình du lịch; tổ chức xúc tiến và bán sản phẩm du lịch; điều hành tổ chức và giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện chương trình du lịch nhằm đảm bảo thực hiện tốt việc chăm sóc khách hàng để duy trì thị phần; thiết lập và duy trì tốt các mối quan hệ với đối tác; quản lý cơ sở vật chất - kỹ thuật; quản lý nhân sự; quản lý tài chính.

***(2). Vị trí làm việc***

Người hành nghề Quản trị lữ hành có thể đảm nhiệm công việc của cán bộ quản lý điều hành về nghiệp vụ lữ hành; trưởng nhóm nghiệp vụ; nhân viên nghiên cứu thị trường, thiết kế chương trình du lịch và bán chương trình du lịch; điều hành tour; đại lý viên lữ hành; tư vấn lữ hành; kiểm soát viên lữ hành; các vị trí khác tại phòng ban trong doanh nghiệp lữ hành tùy theo yêu cầu của công việc và khả năng cá nhân.

***(3). Các nhiệm vụ chủ yếu của ngành/nghề***

Thiết kế chương trình du lịch; tổ chức xúc tiến và bán sản phẩm du lịch; điều hành tổ chức và giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện chương trình du lịch nhằm đảm bảo thực hiện tốt việc chăm sóc khách hàng để duy trì thị phần; thiết lập và duy trì tốt các mối quan hệ với đối tác; quản lý cơ sở vật chất - kỹ thuật; quản lý nhân sự; quản lý tài chính; đảm bảo an toàn, an ninh theo quy định; giám sát và đánh giá kết quả công việc một cách chặt chẽ nhằm đạt hiệu quả kinh doanh cao.

**27. Ngành/nghề: Quản trị khách sạn**

***(1). Mô tả ngành/nghề***

Ngành/nghề "Quản trị khách sạn" là ngành/nghề trực tiếp quản lý các hoạt động kinh doanh hàng ngày của khách sạn, bao gồm việc lập kế hoạch, tổ chức thực hiện, kiểm soát và đánh giá quá trình thực hiện kế hoạch kinh doanh của khách sạn; giám sát các hoạt động dịch vụ và bộ phận chức năng: lưu trú, ăn uống, dịch vụ khác, tài chính, bán hàng - tiếp thị, nhân sự - hành chính, kỹ thuật, an ninh - an toàn.

***(2). Vị trí làm việc***

Người làm ngành/nghề Quản trị khách sạn đảm nhiệm được các vị trí: trưởng các bộ phận, quản lý khách sạn, phó giám đốc khách sạn, giám đốc khách sạn, tùy theo khả năng cá nhân, lượng kiến thức được đào tạo và yêu cầu của công việc.

***(3). Các nhiệm vụ chủ yếu của ngành/nghề***

Người làm ngành/nghề Quản trị khách sạn có các nhiệm vụ chủ yếu sau: quản lý chung (General Management); quản lý tiền sảnh (Front Office Management); quản lý dịch vụ buồng (Housekeeping Management); quản lý dịch vụ ăn uống (Restaurant Management); quản lý chế biến món ăn (Food Production Management); quản lý dịch vụ khác (Other Services Management); quản lý nhân sự - hành chính (Personel &Administration Management); quản lý bán hàng và tiếp thị (Sales & Marketing Management); quản lý cơ sở vật chất - kỹ thuật (Building & Engineering Management); quản lý tài chính (Financial Management); quản lý công tác an toàn, an ninh (Safety & Security Management); điều phối hoạt động bộ phận an ninh - an toàn với các bộ phận liên quan.

**28. Ngành/nghề: Kỹ thuật chế biến món ăn**

***(1). Mô tả ngành/nghề***

Ngành/nghề "Kỹ thuật chế biến món ăn" là ngành/nghề kỹ thuật, trực tiếp chế biến các loại món ăn tại các cở sở kinh doanh ăn uống (khách sạn, nhà hàng...) với các nhiệm vụ cơ bản như: chuẩn bị công việc đầu ca; chế biến nước dùng; chế biến xốt; chế biến xúp, canh; chế biến sa lát, nộm; chế biến thịt gia súc, gia cầm; chế biến trứng gia cầm; chế biến thủy sản; chế biến rau, củ, quả; chế biến cơm, mỳ; chế biến bánh Á và món tráng miệng Á; chế biến bánh Âu và món tráng miệng Âu... đáp ứng các yêu cầu về chất lượng, an toàn vệ sinh thực phẩm. Ngoài các nhiệm vụ cơ bản nói trên người lao động còn phải thực hiện một số nhiệm vụ khác có liên quan trực tiếp đến kỹ thuật chế biến món ăn như: xây dựng thực đơn; quản lý nguyên liệu chế biến; quản lý tài sản; quản lý lao động; quản lý tác nghiệp (tổ chức sản xuất)... trong bộ phận chế biến.

***(2). Vị trí làm việc***

Các công việc của ngành/nghề chủ yếu được thực hiện tại nơi chế biến món ăn (khu vực nhà bếp) của các nhà hàng, khách sạn.

***(3.) Các nhiệm vụ chủ yếu của ngành/nghề***

Người làm nghề Kỹ thuật chế biến món ăn có nhiệm vụ: xây dựng thực đơn; chuẩn bị công việc đầu ca; chế biến nước dùng; chế biến xốt, nước chấm; chế biến xúp, canh; chế biến nộm, sa lát; chế biến món ăn từ thịt gia súc, gia cầm; chế biến món ăn từ trứng gia cầm; chế biến món ăn từ thủy sản; chế biến món ăn từ rau, củ, quả; chế biến cơm, mỳ; chế biến bánh Á và món ăn tráng miệng Á; chế biến bánh Âu và món ăn tráng miệng Âu...; quản lý nguyên liệu chế biến; quản lý tài sản; quản lý lao động; quản lý tác nghiệp (tổ chức sản xuất)...

**29. Ngành/nghề: Quản trị nhà hàng**

***(1). Mô tả ngành/nghề***

Ngành/nghề "Quản trị nhà hàng" là ngành/nghề chuyên tổ chức, quản lý và điều hành các hoạt động kinh doanh nhà hàng và phục vụ khách ăn uống tại các nhà hàng, khách sạn và các cơ sở kinh doanh ăn uống khác, với các hình thức phục vụ đa dạng phong phú (ăn theo thực đơn, chọn món, buffet, các loại tiệc, các loại đồ uống, các hình thức phục vụ khác...) đáp ứng các yêu cầu về chất lượng, vệ sinh, an toàn thực phẩm, an ninh, chu đáo và lịch sự...

***(2). Vị trí làm việc***

Người làm ngành/nghề Quản trị nhà hàng có thể làm việc trong các nhà hàng thuộc các khách sạn, khu resort, khu nghỉ dưỡng du lịch, các nhà hàng độc lập với các vị trí từ nhân viên phục vụ trực tiếp, trưởng nhóm nghiệp vụ, trưởng ca, quản lý và các vị trí khác trong nhà hàng tùy theo khả năng cá nhân, lượng kiến thức được đào tạo và yêu cầu của công việc.

***(3). Các nhiệm vụ chủ yếu của ngành/nghề***

Người làm ngành/nghề Quản trị Nhà hàng thường thực hiện các nhiệm vụ chủ yếu như: chuẩn bị phục vụ; phục vụ khách theo thực đơn đặt trước (Set menu); phục vụ khách ăn chọn món (À la carté); phục vụ khách ăn tự chọn (Buffet); phục vụ tiệc (Banquet); phục vụ hội nghị, hội thảo; phục vụ khách ăn tại buồng nghỉ (Room service); tổ chức phục vụ các hình thức ăn uống khác; pha chế và phục vụ đồ uống; chăm sóc khách hàng; vệ sinh, an toàn, an ninh trong hoạt động kinh doanh nhà hàng; quản trị

marketing nhà hàng; quản trị nhân lực nhà hàng; quản trị cơ sở vật chất, kỹ thuật nhà hàng; quản trị chất lượng dịch vụ nhà hàng; quản trị tài chính nhà hàng.

**30. Ngành/nghề: May thời trang**

***(1). Mô tả ngành/nghề***

"May thời trang" là ngành/nghề thiết kế, cắt, may các kiểu sản phẩm may từ cơ bản đến phức tạp, thực hiện chuyên sâu ở lĩnh vực may các sản phẩm trong ngành may công nghiệp và may các sản phẩm thời trang. Đồng thời là ngành/nghề sản xuất hàng loạt các sản phẩm may mặc trên dây chuyền theo một quy trình nhất định, được thực hiện từ khâu chuẩn bị sản xuất, cắt, may, hoàn thiện, tổ chức quản lý và điều hành sản xuất nhằm đảm bảo về các tiêu chuẩn của sản phẩm và thời gian ký kết với khách hàng.

***(2). Vị trí làm việc***

Người làm ngành/nghề May thời trang có thể trực tiếp làm việc tại các vị trí của dây chuyền may hoặc làm nhiệm vụ quản lý, tổ chức dây chuyền sản xuất may công nghiệp; làm kỹ thuật viên tại các phòng kỹ thuật của các doanh nghiệp may; có thể tham gia thiết kế mẫu, kiểm tra chất lượng sản phẩm trong các cơ sở sản xuất của ngành may mặc. Ngoài ra, có khả năng làm việc độc lập tại các cửa hiệu may đo.

***(3). Các nhiệm vụ chủ yếu của ngành/nghề***

Người hành nghề May thời trang có các nhiệm vụ chủ yếu như: chuẩn bị kỹ thuật; cắt bán thành phẩm; may công đoạn; may ráp sản phẩm; hoàn thiện sản phẩm; thực hiện công tác an toàn và vệ sinh môi trường; quản lý và điều hành dây chuyền may; quản lý chất lượng sản phẩm; quản lý thiết bị, dụng cụ, đồ gá; quản lý vật tư, nguyên, phụ liệu; quản lý lao động.

**31. Ngành/nghề: Thiết kế thời trang**

***(1). Mô tả ngành/nghề***

Ngành/nghề "Thiết kế thời trang" là ngành/nghề trực tiếp thiết kế, cắt, may các kiểu sản phẩm may từ cơ bản đến phức tạp, thực hiện chuyên sâu ở lĩnh vực thiết kế và may các sản phẩm thời trang.

***(2). Vị trí làm việc***

Người hành nghề Thiết kế thời trang thường được bố trí làm việc ở các vị trí sau: tại các cửa hiệu may đo, quản lý và điều hành công việc thiết kế, làm kỹ thuật viên tại các phòng kỹ thuật của các doanh nghiệp may.

***(3). Các nhiệm vụ chủ yếu của ngành/nghề***

Tìm hiểu và phân tích thị trường; xác định nhân trắc cơ thể người; thiết kế hình khối trang phục; sử dụng màu sắc; bố cục trang phục; lựa chọn nguyên vật liệu; định hướng thời trang; thiết kế mẫu trang phục; ứng dụng phần mềm chuyên dụng để sáng tác mẫu; may mẫu thời trang; xây dựng quy trình công nghệ và quản lý chất lượng; hoàn thiện mẫu; Marketing sản phẩm; quản lý, điều hành thiết kế và môi trường làm việc; bồi dưỡng, học tập, phát triển nghề nghiệp.

**32. Ngành/nghề: Thiết kế đồ họa**

***(1). Mô tả ngành/nghề***

Ngành/nghề "Thiết kế đồ họa" là ngành/nghề kết hợp các hoạt động mang tính mỹ thuật và tính công nghệ nhằm tạo ra các sản phẩm hình ảnh phục vụ cho nhu cầu sản xuất, kinh doanh và sinh hoạt của con người.

***(2). Vị trí làm việc***

Người làm ngành/nghề Thiết kế đồ họa thường làm việc tại bộ phận thiết kế trong các doanh nghiệp sản xuất: công ty quảng cáo truyền thông, nhà xuất bản, xưởng phim hoạt hình, studio ảnh nghệ thuật, công ty sản xuất game, công ty phần mềm...

***(3). Các nhiệm vụ chủ yếu của ngành/nghề***

Các nhiệm vụ chủ yếu của người làm ngành/nghề Thiết kế đồ họa là: xác định yêu cầu thiết kế; xây dựng ý tưởng về sản phẩm thiết kế; thiết kế bố cục, phông chữ, đồ vật, con người; thiết kế đồ họa động; thiết kế lôgô, quảng cáo, kiểu dáng bao bì, nhãn mác hàng hoá...; xử lý ảnh với sự trợ giúp của máy tính.

**33. Ngành/nghề: Thú y**

***(1). Mô tả ngành/nghề***

Ngành/nghề "Thú y" là ngành/nghề hoạt động trong lĩnh vực chẩn đoán, điều trị, phòng bệnh, hướng dẫn kỹ thuật... nhằm bảo vệ sức khỏe và phòng chống dịch bệnh cho vật nuôi theo đúng pháp luật, cung cấp cho xã hội các sản phẩm vật nuôi an toàn góp phần phát triển chăn nuôi bền vững. Môi trường hoạt động của người làm công tác Thú y là các trang trại chăn nuôi, cơ sở giết mổ, cơ quan quản lý nhà nước về Thú y hoặc mạng lưới Thú y ở tuyến cơ sở.

***(2). Vị trí làm việc***

Vị trí làm việc của người làm công tác Thú y thường gắn với các trang trại; mạng lưới Thú y cấp phường, xã; trạm Thú y quận, huyện, tỉnh; các công ty chăn nuôi, công ty thuốc Thú y hoặc tự đứng ra kinh doanh cửa hàng thuốc Thú y, mở bệnh xá Thú y...

***(3). Các nhiệm vụ chủ yếu của ngành/nghề***

Sử dụng thuốc Thú y, vaccine; sử dụng dụng cụ thú y; phòng bệnh; chẩn đoán; điều trị bệnh; chống dịch bệnh; thực hành sản khoa; gieo tinh nhân tạo; thực hiện công tác khuyến nông; kiểm dịch, kiểm soát giết mổ; quán triệt luật Thú y; tổ chức, điều hành cơ sở Thú y theo từng cấp; nghiên cứu, ứng dụng khoa học.

**34. Ngành/nghề: Chăn nuôi gia súc, gia cầm**

***(1). Mô tả ngành/nghề***

Ngành/nghề "Chăn nuôi gia súc, gia cầm" là ngành/nghề sản xuất tạo ra các loại sản phẩm chăn nuôi phục vụ cho con người. Ngành/nghề Chăn nuôi gia súc, gia cầm là ngành/nghề phải thực hiện được việc: thiết kế và xây dựng chuồng trại chăn nuôi; lắp đặt, kiểm tra dụng cụ, thiết bị chăn nuôi; sản xuất giống gia súc, gia cầm; nuôi dưỡng, chăm sóc vật nuôi; vệ sinh thú y và phòng bệnh, điều trị bệnh cho vật nuôi; thu hoạch và bảo quản sản phẩm chăn nuôi; tiêu thụ sản phẩm chăn nuôi đúng với yêu cầu kỹ thuật, đạt hiệu quả và bảo đảm an toàn cho người, vật nuôi cũng như môi trường.

***(2). Vị trí làm việc***

Người hành nghề Chăn nuôi gia súc, gia cầm làm việc tại: các cơ sở chăn nuôi; công ty chăn nuôi; công ty giống vật nuôi; cơ sở sản xuất thức ăn gia súc; các trang trại chăn nuôi; trung tâm khuyến nông khuyến lâm.

***(3). Các nhiệm vụ chủ yếu của ngành/nghề***

Nghiên cứu xu hướng thị trường; lập phương án sản xuất kinh doanh; thiết kế và xây dựng chuồng trại chăn nuôi; kiểm tra chuồng trại; lắp đặt và kiểm tra dụng cụ, thiết bị chăn nuôi; chuẩn bị thức ăn và

nguyên liệu; kiểm tra nước uống; sản xuất giống gia súc, gia cầm; nuôi dưỡng vật nuôi; chăm sóc vật nuôi; vệ sinh thú y và phòng bệnh; điều trị bệnh; thu hoạch và bảo quản sản phẩm; tiêu thụ sản phẩm.

**35. Ngành/nghề: Khuyến nông lâm**

***(1). Mô tả ngành/nghề***

"Khuyến nông lâm" là ngành/nghề tổ chức thực hiện tuyên truyền, phổ biến kiến thức, đào tạo huấn luyện và tư vấn, hỗ trợ cho nông dân nhằm thúc đẩy sản xuất nông lâm nghiệp phát triển.

***(2). Vị trí làm việc***

Người làm ngành/nghề Khuyến nông lâm thường đảm nhiệm các vị trí công việc của cán bộ khuyến nông, khuyến lâm làm việc tại các trung tâm khuyến nông, khuyến lâm các trạm khuyến nông, lâm tùy theo yêu cầu công việc và năng lực cá nhân.

***(3). Các nhiệm vụ chủ yếu của ngành/nghề***

Thông tin tuyên truyền về chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, trong sản xuất nông, lâm nghiệp đến người dân; tổng hợp và phổ biến các kỹ thuật, tiến bộ khoa học và công nghệ, các điển hình tiên tiến trong sản xuất, kinh doanh nông, lâm nghiệp; bồi dưỡng, tập huấn và đào tạo, truyền ngành/nghề cho nông dân về kỹ năng sản xuất, tổ chức, quản lý sản xuất kinh doanh trong các lĩnh vực nông-lâm nghiệp; trình diễn và nhân rộng các mô hình tiến bộ khoa học và công nghệ phù hợp với từng địa phương, nhu cầu của người sản xuất và định hướng của ngành, các mô hình thực hành sản xuất tốt gắn với tiêu thụ sản phẩm; tư vấn về ngành ngành/nghề sản xuất và dịch vụ nông nghiệp nông thôn.

**36. Ngành/nghề: Lâm sinh**

***(1). Mô tả ngành/nghề***

"Lâm sinh" là ngành/nghề trồng cây gây rừng. Người làm ngành/nghề Lâm sinh phải thực hiện được các nhiệm vụ: tạo cây giống, trồng, chăm sóc, nuôi dưỡng, cải tạo, làm giàu rừng và sản xuất nông lâm kết hợp trên đất nông lâm nghiệp của cá nhân, hộ gia đình, các doanh nghiệp và cơ quan nhà nước nhằm phát triển kinh tế và bảo vệ môi trường sinh thái. Để hành nghề, người lao động cần có đủ sức khoẻ, cần cù, chịu khó, làm được các công việc ngoài trời, nơi địa hình phức tạp, đi lại khó khăn và khí hậu bất lợi.

***(2). Vị trí làm việc***

Người làm ngành/nghề Lâm sinh được bố trí làm việc tại các vị trí sau: các trang trại, các hộ gia đình, các doanh nghiệp và cơ quan nhà nước nhằm phát triển kinh tế và bảo vệ môi trường sinh thái; các công ty môi trường và công ty môi trường đô thị.

***(3). Các nhiệm vụ chủ yếu của ngành/nghề***

Thiết kế trồng rừng; nhân giống cây trồng; trồng và chăm sóc rừng; nuôi dưỡng và phục hồi rừng; quản lý bảo vệ rừng; thiết kế khai thác gỗ; khai thác gỗ và tre nứa; trồng cây ăn quả; trồng cây công nghiệp; trồng và thu hoạch một số lâm sản ngoài gỗ; trồng hoa và cây cảnh; nông, lâm kết hợp; khuyến nông lâm; kinh doanh sản xuất nông, lâm nghiệp.

**37. Ngành/nghề: Kiểm lâm**

***(1). Mô tả ngành/nghề***

"Kiểm lâm" là ngành/nghề thực hiện chức năng tham mưu, quản lý nhà nước về bảo vệ rừng và bảo đảm chấp hành pháp luật về bảo vệ và phát triển rừng trong phạm vi cả nước.

***(2). Vị trí làm việc***

Người làm ngành/nghề Kiểm lâm thường được bố trí làm việc tại các hạt kiểm lâm cấp huyện, hạt kiểm lâm rừng phòng hộ, rừng đặc dụng, cơ quan kiểm lâm vùng, các trạm Kiểm lâm cửa rừng, địa bàn hoặc làm chuyên viên ở một số bộ phận tại cơ quan kiểm lâm cấp cục, chi cục kiểm lâm, và các cơ quan quản lý nhà nước về lâm nghiệp.

***(3). Các nhiệm vụ chủ yếu của ngành/nghề***

Thực hiện chức năng, nhiệm vụ của kiểm lâm: tuyên truyền giáo dục pháp luật lâm nghiệp; thực hiện nghiệp vụ hành chính kiểm lâm; nâng cao hiệu lực thi hành nhiệm vụ kiểm lâm; thực hiện các biện pháp bảo vệ rừng; theo dõi diễn biến tài nguyên rừng; xây dựng biện pháp bảo tồn thực vật rừng; bảo tồn đa dạng sinh học và động vật; quản lý kỹ thuật gây nuôi một số động, thực vật hoang dã; quản lý bền vững hệ sinh thái rừng; xây dựng và phát triển rừng; chuyển giao kỹ thuật khuyến nông lâm.

**38. Ngành/nghề: Bảo vệ thực vật**

***(1). Mô tả ngành/nghề***

Ngành/nghề "Bảo vệ thực vật" là ngành/nghề chuyên xác định, đánh giá và đưa ra giải pháp kỹ thuật cho các vấn đề bảo vệ thực vật trong sản xuất cây trồng nhằm cải thiện thu nhập của nông dân và sản xuất những giống cây trồng bền vững.

***(2).Vị trí làm việc***

Người làm ngành/nghề Bảo vệ thực vật có khả năng làm việc độc lập và theo nhóm tuỳ theo tình hình cụ thể, làm việc trong các nông hộ, trang trại, hợp tác xã, công ty sản xuất, kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật; làm việc tại các cơ sở trong mạng lưới chuyên ngành bảo vệ thực vật các cấp...

***(3). Các nhiệm vụ chủ yếu của ngành/nghề***

Ngành/nghề Bảo vệ thực vật thực hiện các nhiệm vụ như: tổ chức xây dựng, điều hành mạng lưới chuyên ngành bảo vệ thực vật các cấp, sản xuất, kinh doanh thuốc Bảo vệ thực vật; thực hiện các thao tác bảo vệ cây trồng trên đồng ruộng.

**39. Ngành/nghề: Nuôi trồng thuỷ sản nước ngọt**

***(1). Mô tả ngành/nghề***

Nuôi trồng thuỷ sản nước ngọt là một bộ phận của nền sản xuất nông nghiệp nước ta. Ngành/nghề "Nuôi trồng thuỷ sản nước ngọt" là ngành/nghề sản xuất ra các loại sản phẩm thuỷ sản có chất lượng cao phục vụ cho đời sống của nhân dân và cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp chế biến, xuất khẩu, góp phần cải tạo môi trường sinh thái.

***(2). Vị trí làm việc***

Kỹ thuật viên sản xuất giống thuỷ sản nước ngọt; kỹ thuật viên nuôi thương phẩm thuỷ sản nước ngọt; nhân viên bảo quản sản phẩm thuỷ sản sau thu hoạch; kỹ thuật viên phục vụ công tác nghiên cứu khoa học.

***(3). Các nhiệm vụ chủ yếu của ngành/nghề***

Xác định thủy sinh vật; xác định một số chỉ tiêu sinh học ở cá, tôm...; khảo sát, thiết kế công trình nuôi thủy sản; chuẩn bị công trình nuôi thuỷ sản; sản xuất và sử dụng thức ăn trong nuôi trồng thuỷ sản; quản lý chất lượng nước trong nuôi thủy sản; phòng và trị bệnh động vật thủy sản; thực hiện an toàn lao động trong nuôi trồng thủy sản; sản xuất giống nhóm cá đẻ trứng bán trôi nổi; sản xuất giống nhóm cá

đẻ trứng dính; sản xuất giống cá da trơn; sản xuất giống cá rô phi đơn tính đực; sản xuất giống tôm càng xanh; nuôi cá ao nước tĩnh; nuôi cá ruộng; nuôi cá lồng bè; nuôi tôm càng xanh; nuôi cá tra, basa; sản xuất giống và nuôi baba; sản xuất giống và nuôi ếch; vận chuyển động vật thuỷ sản...

**40. Ngành/nghề: Nuôi trồng thủy sản nước mặn, lợ**

***(1). Mô tả ngành/nghề***

Ngành/nghề "Nuôi trồng thuỷ sản nước mặn, lợ" là ngành/nghề sản xuất ra các loại sản phẩm thuỷ sản có chất lượng cao phục vụ cho đời sống của nhân dân và cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp chế biến, xuất khẩu, góp phần cải tạo môi trường sinh thái.

***(2). Vị trí làm việc***

Kỹ thuật viên sản xuất giống thuỷ sản nước mặn lợ; kỹ thuật viên nuôi trồng thuỷ sản nước mặn lợ; nhân viên bảo quản sản phẩm thuỷ sản sau thu hoạch; kỹ thuật viên phục vụ công tác nghiên cứu khoa học.

***(3). Các nhiệm vụ chủ yếu của ngành/nghề***

Xác định thủy sinh vật; xác định một số chỉ tiêu sinh học ở cá; khảo sát, thiết kế công trình nuôi thuỷ sản; chuẩn bị công trình nuôi thủy sản; sản xuất và sử dụng thức ăn trong nuôi thủy sản; quản lý chất lượng nước trong nuôi thủy sản; phòng và trị bệnh động vật thủy sản; thực hiện an toàn lao động trong nuôi trồng thủy sản; sản xuất giống cá biển; sản xuất giống tôm sú; sản xuất giống tôm he chân trắng; sản xuất giống cua biển; sản xuất giống động vật thân mềm; nuôi cá lồng bè trên biển; nuôi cá trong ao nước lợ, mặn; nuôi tôm sú thương phẩm; nuôi tôm he chân trắng thương phẩm; nuôi cua thương phẩm; nuôi hầu Thái bình dương; nuôi tu hài; nuôi ngao nghêu; nuôi trai ngọc biển; vận chuyển động vật thuỷ sản.

**41. Ngành/nghề: Lâm nghiệp đô thị**

***(1). Mô tả ngành/nghề***

"Lâm nghiệp đô thị" là ngành/nghề thiết kế, trồng, chăm sóc, bảo vệ và quản lý hệ thống cây bóng mát, cây trang trí trong các khu đô thị.

***(2). Vị trí làm việc***

Người làm ngành/nghề Lâm nghiệp đô thị có thể được bố trí làm việc tại các doanh nghiệp, làm việc ở các công ty công trình đô thị, các khu du lịch, các cơ quan, trường học và các cơ sở sản xuất, dịch vụ cây xanh.

***(3). Các nhiệm vụ chủ yếu của ngành/nghề***

Các nhiệm vụ chủ yếu của ngành/nghề Lâm nghiệp đô thị là: thiết kế và tổ chức thi công các công trình cảnh quan, chuẩn bị cây giống, trồng, chăm sóc và quản lý, bảo vệ cây bóng mát, cây trang trí, sử dụng thành thạo các công cụ, dụng cụ và thiết bị thường dùng trong sản xuất và thi công công trình cây xanh đô thị, bảo dưỡng công trình cảnh quan, thực hiện an toàn vệ sinh lao động và quản lý rừng đô thị.

**42. Ngành/nghề: Kỹ thuật dược**

***(1). Mô tả ngành/nghề***

"Kỹ thuật dược" là ngành/nghề thực hiện quá trình sản xuất dược phẩm, tham gia quá trình bảo quản, kiểm tra chất lượng thuốc, nhằm mục đích tạo ra các sản phẩm chất lượng, an toàn cho người sử dụng, phù hợp với giấy phép lưu hành.

*(2). Vị trí làm việc*

Người có chuyên môn ngành/nghề Kỹ thuật dược có thể làm việc tại các vị trí như: các phân xưởng sản xuất thuốc viên; phân xưởng sản xuất thuốc tiêm, tiêm truyền, nhỏ mắt; phân xưởng sản xuất thuốc dùng ngoài, thuốc uống; kho bảo quản thuốc và nguyên liệu làm thuốc; phòng kiểm tra chất lượng thuốc. Làm việc tại các khoa dược của các bệnh viện; tại các cửa hàng thuốc, các công ty dược học hoặc có thể là chủ cửa hàng thuốc.

*(3). Các nhiệm vụ chủ yếu của ngành/nghề*

Lập kế hoạch sản xuất; xây dựng định mức kinh tế, kỹ thuật, định mức lao động; thực hiện được các quá trình pha chế, đóng gói sản phẩm theo quy định của quy chế; thực hiện nhiệm vụ kiểm soát, kiểm tra trong quá trình sản xuất; tham gia kiểm tra chất lượng; thực hiện việc bảo quản, cấp phát nguyên vật liệu, bán thành phẩm, thành phẩm; thực hiện vận hành thiết bị, máy móc trong sản xuất đúng quy trình kỹ thuật; thực hiện việc ghi chép hồ sơ lô, biểu mẫu đúng quy định; giải quyết được các sự cố đơn giản trong quá trình sản xuất; thực hiện vệ sinh công nghiệp, vệ sinh cá nhân đúng quy định GMP; thực hiện an toàn lao động; tham gia bảo trì, bảo dưỡng thiết bị; tham gia đào tạo, bồi dưỡng các nhân viên mới.

**43. Ngành/nghề: Điều dưỡng**

*(1). Mô tả ngành/nghề*

"Điều dưỡng" là ngành/nghề độc lập đã được công nhận trên thế giới nói chung và trong hệ thống y tế Việt Nam nói riêng. Đối tượng phục vụ của người điều dưỡng là người bệnh và người bình thường nhưng quan tâm đến vấn đề sức khỏe trong cộng đồng, điều dưỡng đưa ra quyết định về hoạt động chăm sóc, tư vấn về sức khỏe và thực hiện chỉ định của bác sỹ.

*(2). Vị trí làm việc*

Người làm ngành/nghề Điều dưỡng có thể được bố trí làm việc tại bất kỳ một cấp nào trong hệ thống y tế Việt Nam như: các bệnh viện, trung tâm y tế, phòng khám, trạm y tế, y tế cơ quan, mạng lưới y tế dự phòng, các viện điều dưỡng và trung tâm phục hồi chức năng, các viện nghiên cứu và các trường đào tạo điều dưỡng.

*(3). Các nhiệm vụ chủ yếu của ngành/nghề*

Chăm sóc về tinh thần cho người bệnh; chăm sóc vệ sinh cá nhân cho người bệnh; chăm sóc về dinh dưỡng cho người bệnh; chăm sóc phục hồi chức năng cho người bệnh; chăm sóc người bệnh có chỉ định phẫu thuật, thủ thuật; chăm sóc người bệnh giai đoạn hấp hối và người bệnh tử vong; chăm sóc sản phụ và người mắc bệnh phụ khoa; chăm sóc trẻ sơ sinh và bệnh nhi; sơ cứu cấp cứu; làm các kỹ thuật điều dưỡng cơ bản; nhân viên điều dưỡng nâng cao; nhân viên điều dưỡng chuyên khoa cơ bản; dùng thuốc và theo dõi dùng thuốc cho người bệnh; theo dõi, đánh giá người bệnh; kiểm soát nhiễm khuẩn trong bệnh viện; tư vấn, hướng dẫn, giáo dục sức khỏe cho người bệnh và thân nhân người bệnh; kiểm soát an toàn và phòng ngừa sai sót chuyên môn kỹ thuật trong chăm sóc người bệnh; ghi chép và quản lý hồ sơ bệnh án; đào tạo và nghiên cứu khoa học.

**44. Ngành/nghề: Hộ sinh**

*(1). Mô tả ngành/nghề*

"Hộ sinh" là ngành/nghề chăm sóc sức khỏe cho thai phụ, giúp đỡ cho phụ nữ sinh đẻ và chăm sóc trẻ em sơ sinh.

***(2). Vị trí việc làm***

Người làm ngành/nghề Hộ sinh có khả năng làm việc tại các cơ sở khám chữa bệnh công lập và ngoài công lập ở tất cả các tuyến từ trung ương đến cơ sở, cộng đồng trong toàn quốc, các cơ sở đào tạo cán bộ y tế, đặc biệt là chuyên khoa sản.

***(3). Những nhiệm vụ chủ yếu của ngành/nghề***

Khám, tư vấn, chăm sóc trước sinh cho thai phụ; người trực tiếp theo dõi diễn biến cuộc chuyển dạ, chuẩn bị dụng cụ, phụ giúp bác sĩ, động viên sản phụ giúp cho ca đẻ an toàn; làm công việc bà đỡ; hướng dẫn sản phụ cho con bú, phát hiện các bất thường của sản phụ sau sinh và chăm sóc trẻ; tư vấn chăm sóc sức khỏe cho mẹ và bé.

**45. Ngành/nghề: Thương mại điện tử**

***(1). Mô tả ngành/nghề***

"Thương mại điện tử" là ngành/nghề giao dịch thương mại thông qua các phương tiện điện tử. Ngành/nghề Thương mại điện tử bao gồm các hoạt động mua bán hàng hóa và dịch vụ thông qua phương tiện điện tử; giao nhận các nội dung kỹ thuật số trên mạng; chuyển tiền điện tử; mua bán cổ phiếu điện tử; vận đơn điện tử; đấu giá thương mại; hợp tác thiết kế; tài nguyên mạng; mua sắm công cộng; tiếp thị trực tuyến tới người tiêu dùng và các dịch vụ sau bán hàng. Ngành/nghề Thương mại điện tử được thực hiện đối với cả thương mại hàng hóa và thương mại dịch vụ.

***(2). Vị trí làm việc***

Vị trí làm việc của người làm ngành/nghề Thương mại điện tử là làm việc tại các cửa hàng bán buôn, bán lẻ, siêu thị, các phòng nghiệp vụ kinh doanh, phòng xuất nhập khẩu, phòng marketing của các doanh nghiệp.

Địa bàn hoạt động của ngành/nghề Thương mại điện tử theo đối tượng khách hàng, phạm vi hoạt động có thể trong nước hoặc ngoài nước.

***(3). Các nhiệm vụ chủ yếu của ngành/nghề***

Thực hiện mua, bán hàng hóa; thực hiện marketing điện tử; thực hiện quy trình vận tải, giao nhận và bảo hiểm hàng hóa; thực hiện các giao dịch thương mại điện tử; thực hiện xây dựng và sử dụng hệ thống mạng máy tính; xử lý ảnh và thiết kế đồ họa; thiết kế và quản trị hệ thống website.

**46. Ngành/nghề: Logistics**

***(1). Mô tả ngành/nghề***

"Logistics" là một trong những ngành "dịch vụ hậu cần", được hiểu đơn giản là quá trình chuẩn bị hàng hóa, sắp xếp, đóng gói, kẻ kí mã hiệu và bảo quản hàng hóa, vận chuyển hàng hóa ra cảng và làm thủ tục thông quan xuất khẩu hoặc nhập khẩu cho hàng.

***(2). Vị trí làm việc***

Người làm ngành/nghề logistics có thể công tác tại các doanh nghiệp làm dịch vụ logistics, doanh nghiệp làm dịch vụ vận tải đa phương thức nói riêng và các doanh nghiệp dịch vụ vận tải, giao nhận nói chung; làm việc tại các phòng ban nghiệp vụ phù hợp chuyên môn gồm: kế hoạch, khai thác, marketing, dịch vụ khác hàng, kinh doanh quốc tế, kho vận, cung ứng vật tư, kế toán...

***(3). Các nhiệm vụ chủ yếu của ngành/nghề***

Dịch vụ logistics là một quá trình khép kín từ việc lập kế hoạch, tổ chức thực hiện và kiểm soát hàng hóa đến nơi tiêu thụ cuối cùng là người tiêu dùng. Logistics gồm rất nhiều dịch vụ như vận tải, kho bãi, xếp dỡ... với nhiều tiềm năng để phát triển.

**47. Ngành/nghề: Quản trị cơ sở dữ liệu**

***(1). Mô tả ngành/nghề***

"Quản trị cơ sở dữ liệu" là ngành/nghề chuyên thực hiện quá trình tổ chức, quản lý, khai thác, sử dụng hệ thống cơ sở dữ liệu nhằm phục vụ và nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp.

***(2). Vị trí làm việc***

Người làm ngành/nghề Quản trị cơ sở dữ liệu thường được bố trí làm việc ở các cơ quan, xí nghiệp, các tập đoàn đa quốc gia trong môi trường tổ chức, quản lý, khai thác hệ thống cơ sở dữ liệu và phát triển phần mềm.

***(3). Các nhiệm vụ chủ yếu của ngành/nghề***

Người làm ngành/nghề Quản trị cơ sở dữ liệu có nhiệm vụ chủ yếu là: xác định yêu cầu của hệ thống cơ sở dữ liệu (CSDL); lập kế hoạch phát triển hệ thống CSDL; phân tích hệ thống CSDL; thiết kế hệ thống CSDL; cài đặt phần mềm quản trị CSDL; thiết lập hệ thống CSDL; khai thác hệ thống CSDL; quản lý hệ thống CSDL; bảo trì hệ thống; bảo mật hệ thống CSDL; nâng cấp hệ thống CSDL; xây dựng ứng dụng; tích hợp các hệ thống cơ sở dữ liệu; hỗ trợ người dùng CSDL.

**48. Ngành/nghề: Điều khiển phương tiện thủy nội địa**

***(1). Mô tả ngành/nghề***

"Điều khiển phương tiện thủy nội địa" là ngành/nghề trực tiếp điều khiển tàu, thuyền hoặc các cấu trúc nổi khác hoạt động trên đường thủy nội địa; thường xuyên lưu động, công việc nặng nhọc luôn luôn phải chịu sóng gió, rung động, tiếng ồn; luôn gặp khó khăn trong lúc hành nghề nhất là khi gặp sóng to, gió lớn, lũ lụt hoặc bão tố, khi làm việc trên cao hoặc dưới hầm hàng; luôn phải tiếp xúc với sơn, dầu mỡ và các chất độc hại khác. Ngành/nghề "Điều khiển phương tiện thủy nội địa" là ngành/nghề cần có tính sáng tạo, quyết đoán, xử lý nhanh nhạy kịp thời khi có tình huống khẩn cấp xảy ra; đồng thời cần có tính kiên trì, bền bỉ để phù hợp với những chuyến đi độc lập dài ngày.

***(2). Vị trí làm việc***

Người hành ngành/nghề Điều khiển phương tiện thủy nội địa điều khiển được các phương tiện như: tàu, thuyền, xà lan, ca nô...

***(3). Các nhiệm vụ chủ yếu của ngành/nghề***

Người hành nghề Điều khiển phương tiện thủy nội địa có các nhiệm vụ chủ yếu sau: chuẩn bị cho chuyến đi; làm dây; vận hành các trang thiết bị boong; giao nhận và bảo quản hàng hóa; đón trả và phục vụ hành khách; điều động tàu; trực ca; bảo quản, bảo dưỡng phương tiện và các thiết bị boong; vận hành và bảo dưỡng các thiết bị hàng hải; đảm bảo an toàn và vệ sinh môi trường; thực hiện công tác hậu cần; thực hiện quan hệ giao dịch; hạch toán vận tải; thực hiện kế hoạch sửa chữa; lãnh đạo và quản lý; xử lý trong các tình huống nguy cấp.

**49. Ngành/nghề: Khai thác máy tàu thủy**

***(1). Mô tả ngành/nghề***

"Khai thác máy tàu thủy" là ngành/nghề khai thác, bảo quản, bảo dưỡng, sửa chữa các trang thiết bị thuộc bộ phận quản lý máy nhằm đảm bảo sự hoạt động an toàn, hiệu quả cho con người, tàu và bảo vệ môi trường.

***(2). Vị trí làm việc***

Người hành nghề Khai thác máy tàu thủy làm việc tại bộ phận quản lý máy trên tàu thủy hoặc có thể làm việc tại các xưởng đóng tàu (bộ phận máy tàu thủy), xưởng sửa chữa và bảo dưỡng tàu thủy.

***(3). Các nhiệm vụ chủ yếu của ngành/nghề***

Người hành nghề Khai thác máy tàu thủy có các nhiệm vụ chính sau: khai thác, bảo dưỡng, sửa chữa các thiết bị động lực chính tàu thủy; khai thác, bảo dưỡng, sửa chữa các thiết bị phụ và hệ thống phục vụ tàu thủy; trực ca buồng máy; thực hiện an toàn, an ninh hàng hải; phòng chống ô nhiễm môi trường; xử lý các tình huống nguy cấp; nhận và quản lý vật tư nhiên liệu.

**50. Ngành/nghề: Nguội sửa chữa máy công cụ**

***(1). Mô tả ngành/nghề***

Ngành/nghề "Nguội sửa chữa máy công cụ" là ngành/nghề chuyên kiểm tra, bảo dưỡng và sửa chữa các loại máy công cụ như: Máy tiện Khoan - Phay... và các thiết bị truyền dẫn thuỷ lực và khí nén đúng yêu cầu kỹ thuật, ngoài ra còn bảo dưỡng, điều chỉnh được các cơ cấu điều khiển truyền dẫn cơ khí trong máy máy công cụ CNC.

Ngành/nghề "Nguội sửa chữa máy công cụ" là một ngành/nghề đòi hỏi trình độ tay nghề cơ khí và khả năng phân tích, phán đoán chính xác để tiến hành bảo dưỡng và sửa chữa các máy công cụ vốn là loại máy có độ chính xác rất cao.

***(2). Vị trí làm việc***

Người hành nghề Nguội sửa chữa máy công cụ thường làm việc tại phòng cơ điện, phân xưởng sửa chữa hoặc tổ sửa chữa trong phân xưởng cơ khí hoặc làm chủ các xưởng cơ khí tư nhân.

***(3). Các nhiệm vụ chủ yếu của ngành/nghề***

Thực hiện an toàn lao động và vệ sinh công nghiệp chế độ lao động; chuẩn bị trước khi bảo dưỡng và sửa chữa; thực hiện công việc bổ trợ cho ngành/nghề; sửa chữa chi tiết bằng phương pháp gia công nguội; tháo bộ phận máy; sửa chữa trục; sửa chữa vỏ hộp; sửa chữa thanh truyền, càng gạt; sửa chữa ổ trượt; sửa chữa chi tiết dạng đĩa; sửa chữa cơ cấu điển hình; sửa chữa mặt trượt trên thân máy; sửa chữa hệ thống thủy lực, khí nén; lắp ráp và điều chỉnh máy; bảo dưỡng máy công cụ; phát triển nghề nghiệp.

**51. Ngành/nghề: Gia công và thiết kế sản phẩm mộc**

***(1). Mô tả ngành/nghề***

"Gia công và thiết kế sản phẩm mộc" là ngành/nghề sử dụng nguyên liệu chính là gỗ để sản xuất ra các sản phẩm đồ mộc như bàn, ghế, giường, tủ... Ngành/nghề này phải thực hiện được các nhiệm vụ: sấy gỗ; pha phôi; gia công mặt phẳng; gia công mối ghép mộng; gia công mặt cong; ghép ván; tiện gỗ; lắp ráp sản phẩm; trang sức bề mặt sản phẩm.

*(2). Vị trí làm việc*

Người hành nghề Gia công và thiết kế sản phẩm mộc thường được làm trong các nhà máy chế biến gỗ từ khâu thiết kế mẫu đến sản xuất sản phẩm hoặc có thể làm chủ cơ sở sản xuất các sản phẩm mộc...

*(3). Các nhiệm vụ chủ yếu của ngành/nghề*

Thiết kế sản phẩm mộc; chuẩn bị nguyên liệu; sấy gỗ; pha phôi; gia công mặt phẳng; gia công mối ghép mộng; gia công mặt cong; ghép ván; tiện gỗ; lắp ráp sản phẩm; trang sức bề mặt sản phẩm.

**52. Ngành/nghề: Cấp, thoát nước**

*(1). Mô tả ngành/nghề*

"Cấp, thoát nước" là ngành/nghề chuyên lắp đặt, vận hành, quản lý, bảo trì các thiết bị công trình cho hệ thống cấp, thoát nước. Ngành/nghề Cấp, thoát nước là ngành/nghề phải thực hiện được các công việc, như: lắp đặt đường ống và thiết bị, phụ kiện mạng lưới đường ống cấp nước, thoát nước, thiết bị vệ sinh, ống và thiết bị thu nước, xử lý nước, làm sạch nước thải, các trạm bơm; quản lý, bảo trì, vận hành toàn bộ hệ thống cấp, thoát nước đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật và an toàn lao động.

*(2). Vị trí làm việc*

Người hành nghề Cấp thoát nước thường được bố trí làm tại các công ty cổ phần cấp thoát nước; các nhà máy nước; các công ty quản lý công trình đô thị; các công ty xây dựng; công ty đóng tàu biển; các nhà máy chế biến thực phẩm, sản xuất vật liệu, khai thác hầm mỏ trên toàn quốc...

*(3). Các nhiệm vụ chủ yếu của ngành/nghề*

Lắp đặt các đường ống cấp nước; lắp đặt các đường ống thoát nước; lắp đặt các thiết bị dùng nước; lắp đặt hệ thống ống và thiết bị cho các công trình xử lý nước cấp; lắp đặt ống và thiết bị cho các công trình xử lý nước thải; lắp đặt máy bơm; vận hành công trình xử lý nước cấp; vận hành, quản lý hệ thống đường ống cấp, thoát nước; vận hành công trình xử lý nước thải; thực hiện an toàn lao động và dùng nước công nghiệp; phát triển nghề nghiệp.

**53. Ngành/nghề: Vận hành cần, cầu trục**

*(1). Mô tả ngành/nghề*

Ngành/nghề "Vận hành cần trục" là ngành/nghề sử dụng cần trục để xếp dỡ hàng hóa, xây dựng các công trình ở miền núi, đồng bằng, các khu công nghiệp, khu dân cư trong cả nước cũng như trong khu vực.

*(2). Vị trí làm việc*

Người hành nghề Vận hành cần trục thường được bố trí làm việc tại các công ty, xí nghiệp, các cảng nội địa, cảng biển, tự hành nghề Vận hành cần trục.

*(3). Các nhiệm vụ chủ yếu của ngành/nghề*

Lập phương án cẩu; đưa phương tiện đến nơi làm việc; xếp dỡ hàng hoá; hướng dẫn thợ phụ; xử lý sự cố xảy ra khi làm việc; bảo dưỡng thiết bị.

**54. Ngành/nghề: Lắp đặt đường dây tải điện và trạm biến áp có điện áp từ 220 kV trở lên**

*(1). Mô tả ngành/nghề*

"Lắp đặt đường dây tải điện và trạm biến áp tải có điện áp từ 220 kV trở lên" là ngành/nghề thực hiện xây lắp, thi công các đường dây tải điện, các trạm biến áp có điện áp từ 220 kV trở lên.

***(2). Vị trí làm việc***

Người làm ngành/nghề Lắp đặt đường dây tải điện và trạm biến áp tải có điện áp từ 220 kV trở lên thường được bố trí làm việc trong các tổ, đội, công ty xây lắp điện tại các công trình xây lắp đường dây và trạm biến áp. Các vị trí làm việc cụ thể của ngành/nghề này thường là: công nhân, cán bộ kỹ thuật, cán bộ điều hành thi công công trình.

***(3). Các nhiệm vụ chủ yếu của ngành/nghề***

Thi công đào đúc móng cột, trụ móng, trụ đỡ thiết bị; thi công tiếp địa và lấp móng; lắp dựng cột thép bằng trụ leo; dựng cột bê tông bằng trụ; rải dây, lấy độ võng, lắp phụ kiện cho đường dây; lắp đặt trụ đỡ thiết bị, dàn thanh cái; lắp đặt MBA lực; lắp đặt thiết bị nhất thứ; lắp đặt các thiết bị nhị thứ; lắp đặt cáp lực và cáp điều khiển, cáp chiếu sáng; rải dây, lấy độ võng, lắp phụ kiện cho đường dây cáp quang.

**55. Ngành/nghề: Quản lý vận hành, sửa chữa đường dây và trạm biến áp có điện áp từ 220kV trở lên**

***(1). Mô tả ngành/nghề***

"Quản lý vận hành, sửa chữa đường dây và trạm biến áp có điện áp từ 220kV trở lên" là ngành/nghề liên quan đến công tác quản lý vận hành, sửa chữa đường dây và trạm biến áp có điện áp từ 220kV trở lên.

***(2). Vị trí làm việc***

Lao động quản lý vận hành, sửa chữa đường dây và trạm biến áp có điện áp từ 220kV trở lên. Người có chuyên môn Quản lý vận hành, sửa chữa đường dây và trạm biến áp có điện áp từ 220kV trở lên thường được bố trí công việc tại các cơ sở điện lực (sản xuất, kinh doanh điện...).

***(3). Các nhiệm vụ chủ yếu của ngành/nghề***

Thường xuyên kiểm tra, phát hiện tồn tại, khiếm khuyết và sửa chữa, xử lý các phần tử hư hỏng trên đường dây và trạm biến áp có điện áp từ 220kV trở lên đảm bảo lưới truyền tải điện vận hành an toàn, liên tục, đúng quy trình, quy phạm, kinh tế và đảm bảo chất lượng điện năng. Nghiệm thu các công trình lưới điện xây dựng mới và sau trung, đại tu theo quy định. Vận hành, sửa chữa thiết bị phòng chống cháy nổ; thực hiện công tác PCBL; tuyên truyền bảo vệ an toàn lưới điện nhằm xã hội hóa công tác bảo vệ tài sản quốc gia. Quản lý hệ thống hồ sơ, sổ sách, tài liệu kỹ thuật... phục vụ công tác quản lý vận hành, sửa chữa đường dây và trạm biến áp. Sử dụng các máy móc, trang thiết bị dụng cụ để: kiểm tra, đo đạc, phân tích; sửa chữa, thay thế các phần tử hỏng.

**56. Ngành/nghề: Sửa chữa đường dây trung áp đang vận hành đến 22 KV**

***(1). Mô tả ngành/nghề***

"Sửa chữa đường dây trung áp đang vận hành đến 22 KV" là ngành/nghề mà người thợ làm việc trực tiếp với lưới điện đang mang điện đến cấp điện áp 22KV để sửa chữa, bảo trì, thay thế các phần tử lưới điện (sứ cách điện; mối nối; thiết bị đóng cắt, thiết bị bảo vệ, thiết bị đo đếm, trụ/cột, xà/đà; xử lý dây dẫn bị tưa/xước) mà không làm gián đoạn cung cấp điện, ứng dụng các phương tiện bảo vệ cá nhân, các trang cụ an toàn; đảm bảo an toàn lao động, an toàn điện.

***(2). Vị trí làm việc***

Người làm ngành/nghề sửa chữa đường dây trung áp đang vận hành đến 22kV được bố trí làm việc tại các đơn vị quản lý, bảo trì lưới điện đến cấp điện áp 22kV.

***(3). Các nhiệm vụ chủ yếu của ngành/nghề***

Khảo sát hiện trường; thực hiện an toàn; bảo trì sứ đứng; bảo trì sứ néo; bảo trì đà (xà); bảo trì mối nối; xử lý dây dẫn bị tưa (xước); cô lập, đấu nối lưới điện; thay thiết bị; thay trụ (cột).

**57. Ngành/nghề: Xếp dỡ cơ giới tổng hợp**

***(1). Mô tả ngành/nghề***

Ngành/nghề "Xếp dỡ cơ giới tổng hợp" là ngành/nghề vận hành, bảo dưỡng sửa chữa một số hư hỏng thông thường trên các phương tiện máy nâng hàng, cần trục chân đế, cần trục kiểu tự hành, cần cẩu tháp, máy xúc lật, máy vận thăng, máy vận chuyển liên tục, máy tời, máy cẩu cổng trục, cầu trục và một số loại máy liên quan khác để thực hiện xếp, dỡ hàng hóa trong các công ty, nhà máy, bến bãi, hải cảng, công trình xây dựng... lên xuống phương tiện vận chuyển hoặc có thể từ nơi sản xuất vào trong kho chứa và ngược lại.

***(2). Vị trí làm việc***

Làm thợ vận hành và bảo dưỡng các loại máy: máy nâng hàng, cần trục chân đế, cần cẩu tháp, cần trục kiểu tự hành và các máy liên quan trong ngành/nghề Xếp dỡ cơ giới tổng hợp trong các bến cảng, nhà máy, công trường xây dựng; chỉ huy một nhóm công nhân xếp dỡ cơ giới tổng hợp làm việc; làm tổ trưởng hoặc quản đốc tại các bến cảng, nhà máy, công trường xây dựng... chuyên về công việc xếp dỡ hàng hóa. Tham gia nguồn xuất khẩu lao động.

***(3). Các nhiệm vụ chủ yếu của ngành/nghề***

Phân loại, tổ chức xếp dỡ hàng hóa; vận hành các loại máy nâng hàng, cần trục chân đế, cần trục kiểu tự hành, cần cẩu tháp và một số loại máy liên quan để xếp dỡ hàng hóa, xếp hàng hóa để thực hiện xếp dỡ hàng hóa trong kho, bến cảng, nhà máy, công trường xây dựng... Bảo dưỡng và sửa chữa kỹ thuật một số hư hỏng thông thường trên các máy xếp dỡ cơ giới tổng hợp. Xử lý sự cố khi đang thực hiện xếp dỡ hàng hóa. Tổ chức, điều hành tổ, nhóm thợ xếp dỡ và kèm cặp người thợ có tay nghề thấp.

**58. Ngành/nghề: Sản xuất hàng da, giày (Công nghệ da giày)**

***(1). Mô tả ngành/nghề***

Ngành/nghề "Sản xuất hàng da, giày" là ngành/nghề kỹ thuật sản xuất hàng làm bằng da, và giả da bao gồm: thiết kế, chế tạo sản phẩm, tạo năng lực sản xuất (thiết bị, công cụ, công nghệ), tổ chức sản xuất (dây chuyền, nguồn nhân lực) từ nguyên phụ liệu da và giả da, đế và các nguyên liệu phụ trợ (keo dán, chỉ, nhãn, cót...) đáp ứng nhu cầu thị trường (sản phẩm: giày da, giày giả da, giày vải...). Ngành/nghề sản xuất hàng da, giày được thực hiện theo quy trình công nghệ trên các thiết bị thông dụng, chuyên dụng, phụ trợ trong sản xuất giày da.

***(2). Vị trí làm việc***

Người làm ngành/nghề Sản xuất hàng da, giày trong các cơ sở doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh sản phẩm da, giày cao cấp được bố trí làm việc trong các xưởng sản xuất, các phòng thiết kế kỹ thuật, các phòng nghiên cứu công nghệ hoặc các phòng kiểm tra đánh giá chất lượng sản phẩm.

***(3). Các nhiệm vụ chủ yếu của ngành/nghề***

Thực hiện an toàn lao động sản xuất giày; thực hiện an toàn lao động sử dụng hóa chất sản xuất hàng da, giày; đánh giá nguyên liệu và phụ liệu; thiết kế mỹ thuật sản phẩm da, giày; thiết kế mẫu; nghiên cứu chế tạo sản phẩm mới; chuẩn bị năng lực sản xuất; chuẩn bị sản xuất các nguyên liệu chính; chuẩn bị sản xuất các nguyên liệu phụ trợ; công nghệ thêu, in da; may ráp mũ giày; gò định hình giày;

ráp đế lưu hóa giày; ráp đế ép dán giày; hoàn thiện giày lưu hóa; hoàn thiện giày ép dán; bảo dưỡng thiết bị sản xuất giày; điều độ kế hoạch sản xuất.

**59. Ngành/nghề: Quản trị bán hàng**

***(1). Mô tả ngành/nghề***

"Quản trị bán hàng" là ngành/nghề tổ chức, quản lý, điều hành và kinh doanh bán hàng bao gồm: phát triển thị trường; thu mua, bảo quản, tiêu thụ hàng hóa; dịch vụ khách hàng; nhượng quyền thương mại, cung ứng và giám sát các dịch vụ theo nhiều phương thức nhằm phục vụ các nhu cầu đa dạng của khách hàng tại các cửa hàng bán buôn, bán lẻ (thông dụng và chuyên dụng), bán hàng đại lý, chuỗi cửa hàng, siêu thị, trung tâm thương mại, ki-ốt, bán hàng tự động, bán hàng trực tuyến, bán hàng đa cấp. Trong quá trình quản trị bán hàng, người làm ngành/nghề phải tìm hiểu chất lượng hàng hóa, tiện ích của hàng hóa, phòng ngừa, phát hiện và quản lý để đảm bảo các yêu cầu về chất lượng vệ sinh, an toàn của hàng hóa, an ninh, chu đáo và lịch sự với khách hàng.

***(2). Vị trí làm việc***

Người làm ngành/nghề Quản trị bán hàng có thể làm việc trong các cửa hàng bán buôn, bán lẻ (thông dụng và chuyên dụng), bán hàng đại lý, chuỗi cửa hàng, siêu thị, trung tâm thương mại, ki-ốt, bán hàng tự động, bán hàng trực tuyến, bán hàng đa cấp với các vị trí từ nhân viên bán hàng trực tiếp, tổ trưởng, trưởng ngành hàng, phụ trách các bộ phận, quản lý cửa hàng, sản phẩm.

***(3). Các nhiệm vụ chủ yếu của ngành/nghề***

Khởi sự kinh doanh bán hàng; nghiên cứu, xác định nhu cầu hàng hóa, dịch vụ; định vị phân khúc thị trường; khai thác nguồn cung ứng hàng hóa; nghiên cứu và phát triển thị trường; quản trị và luân chuyển hàng hóa; an ninh, an toàn trong bán hàng; trưng bày hàng hóa; chăm sóc khách hàng; quản trị hành chính; tổ chức hoạt động bán hàng (bán lẻ, bán hàng đại lý, bán hàng trực tuyến, bán hàng siêu thị, bán hàng đa cấp); giám sát bán hàng; mở rộng và phát triển thị trường; quản trị tài chính bán hàng.

**60. Ngành/nghề: Rèn, dập**

***(1). Mô tả ngành/nghề***

"Rèn, dập" là ngành/nghề gia công kim loại bằng áp lực trong môi trường nhiệt độ biến dạng dẻo (nhiệt độ rèn) để tạo phôi hoặc tạo ra sản phẩm theo khuôn mẫu xác định, đồng thời cải thiện cơ tính của vật liệu. Rèn dập được thực hiện bằng tay, bằng máy hoặc bằng hệ thống rèn, dập tự động.

***(2). Vị trí làm việc***

Kỹ thuật viên, nhân viên Rèn, dập có thể làm việc tại xưởng rèn, dập của các doanh nghiệp sản xuất cơ khí; các cơ sở chuyên về dịch vụ rèn, dập; các bộ phận rèn, dập của các công trình lưu động...

***(3). Các nhiệm vụ chủ yếu của ngành/nghề***

Vận hành lò nung và thiết bị rèn; rèn tự do bằng tay; rèn tự do bằng máy; rèn khuôn bằng tay; rèn khuôn bằng máy; rèn dập trên hệ thống rèn, dập liên hoàn.

**61. Ngành/nghề: Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh**

***(1). Mô tả ngành/nghề***

Ngành/nghề "Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh" là ngành/nghề chuyên về vận hành, bảo dưỡng và sửa chữa các hệ thống lạnh công nghiệp, thương nghiệp và dân dụng.

*(2). Vị trí làm việc*

Người hành nghề Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh thường làm việc tại các nhà máy, xí nghiệp trong khu công nghiệp; làm việc tại các doanh nghiệp có dịch vụ, chế biến, bảo quản nông sản và thực phẩm... các nhà máy chế tạo thiết bị lạnh, các công ty, tập đoàn thi công lắp đặt sửa chữa và bảo dưỡng thiết bị lạnh...

*(3). Các nhiệm vụ chủ yếu của ngành/nghề*

Vận hành hệ thống máy lạnh công nghiệp, thương nghiệp và dân dụng đảm bảo đúng quy trình, đạt yêu cầu kỹ thuật, công nghệ, an toàn cho người và thiết bị. Nhận biết dấu hiệu, xác định các nguyên nhân gây ra hư hỏng của thiết bị lạnh và đưa ra quy trình sửa chữa các hư hỏng đó. Thay thế các chi tiết, cụm chi tiết bị hư hỏng. Bảo dưỡng, sửa chữa, phục hồi trạng thái làm việc bình thường của hệ thống máy lạnh. Tổ chức, điều hành hoạt động của tổ, nhóm vận hành, sửa chữa và hướng dẫn, kèm cặp thợ bậc thấp. Sử dụng các trang thiết bị an toàn đúng kỹ thuật, sơ cứu nạn nhân khi xảy ra cố.

**62. Ngành/nghề: Vận hành máy thi công mặt đường**

*(1). Mô tả ngành/nghề*

Ngành/nghề "Vận hành máy thi công mặt đường" là ngành/nghề thực hiện các công việc: vận hành và bảo dưỡng các loại máy san, máy lu, máy rải thảm và một số loại máy liên quan khác để thi công mặt đường đúng tiêu chuẩn kỹ thuật chuyên ngành, đảm bảo năng suất lao động, an toàn kỹ thuật, vệ sinh môi trường và thời gian quy định.

Muốn hoàn thành tốt các nhiệm vụ và thành đạt trong ngành/nghề người vận hành máy phải có những hiểu biết nhất định về các nhiệm vụ chủ yếu, vị trí nơi làm việc của ngành/nghề, các trang thiết bị sẽ sử dụng trong khi hành nghề.

*(2). Vị trí làm việc*

Người hành nghề làm việc như một công nhân trên công trình thi công đường thuộc đơn vị, công ty, doanh nghiệp đảm nhận hoặc tại các công trường xây dựng có liên quan. Công việc được tiến hành trên tuyến đường đang xây dựng hoặc tại công trường xây dựng có liên quan.

*(3). Các nhiệm vụ chủ yếu của ngành/nghề*

Vận hành thành thạo các loại máy san, máy lu, máy rải thảm và một số loại máy liên quan khác để thi công mặt đường. Thực hiện các công việc san, lu, rải vật liệu, làm mặt đường đúng trình tự và yêu cầu kỹ thuật, chất lượng, hiệu quả. Thường xuyên cập nhật để hiểu rõ quy trình thi công, bảo dưỡng chăm sóc kỹ thuật một số loại máy thi công mặt đường. Thực hiện an toàn kỹ thuật và vệ sinh môi trường. Tổ chức, điều hành tổ, nhóm thi công mặt đường và kèm cặp người có tay nghề thấp.

**63. Ngành/nghề: Vận hành máy Nông nghiệp**

*(1). Mô tả ngành/nghề*

"Vận hành máy nông nghiệp" là ngành/nghề vận hành các liên hợp máy (LHM) nông nghiệp thực hiện các nhiệm vụ phổ biến như: làm đất, gieo trồng, chăm sóc cây trồng, thu hoạch lúa, chế biến, bảo quản phục vụ cơ giới hóa trong sản xuất nông nghiệp.

*(2). Vị trí làm việc*

Người học ngành/nghề Vận hành máy nông nghiệp làm việc theo thời vụ, công việc chủ yếu được thực hiện trên đồng ruộng, trang trại và tại các xưởng chế biến bảo quản.

***(3). Các nhiệm vụ chủ yếu của ngành/nghề***

Điều khiển thành thạo các LHM thực hiện làm đất, gieo trồng, chăm sóc cây trồng, thu hoạch, chế biến bảo quản; kiểm tra đánh giá chất lượng công việc sau khi thực hiện; chăm sóc bảo dưỡng máy động lực và máy nông nghiệp; lập kế hoạch sản xuất; chuyển giao công nghệ cung ứng dịch vụ máy nông nghiệp; đảm bảo an toàn lao động và vệ sinh môi trường.

**64. Ngành/nghề: Mộc mỹ nghệ**

***(1). Mô tả ngành/nghề***

Ngành/nghề "Mộc mỹ nghệ" là một ngành/nghề truyền thống ở Việt Nam, cũng như nhiều nước khác trên thế giới. Sự phát triển của ngành/nghề Mộc được gắn liền với sự phát triển của nền văn hoá dân tộc. Các sản phẩm của ngành/nghề được làm từ các nguyên vật liệu gỗ tự nhiên khi công nghệ chế biến gỗ phát triển thì sản phẩm của ngành/nghề được sản xuất từ ván nhân tạo. Thông qua sử dụng dụng cụ thủ công cùng với bàn tay khéo léo của người thợ, sự phát triển của công nghệ máy móc, thiết bị đã và đang tham gia vào chế tạo các sản phẩm mộc đáp ứng yêu cầu sử dụng của con người trong đời sống vật chất cũng như tinh thần. Các sản phẩm của ngành/nghề như giường, tủ, bàn, ghế...

***(2). Vị trí làm việc***

Người hành nghề Mộc mỹ nghệ có thể làm việc ở một số vị trí sau: công nhân kỹ thuật ngành/nghề Mộc; kỹ thuật viên, giáo viên ngành/nghề Mộc; tổ chức sản xuất và kinh doanh sản phẩm mộc.

***(3). Các nhiệm vụ chủ yếu của ngành/nghề***

Thiết kế mẫu; chuẩn bị nguyên vật liệu; pha phôi; gia công mặt phẳng; gia công mặt cong; gia công mộng và lỗ mộng; ghép ván; tiện gỗ; lắp ráp sản phẩm; gia công ghế; gia công bàn; gia công giường; gia công tủ; trang trí bề mặt sản phẩm.

**65. Ngành/nghề: Mộc dân dụng**

***(1). Mô tả ngành/nghề***

"Mộc dân dụng" là ngành/nghề chuyên gia công các loại cửa, khuôn cửa cho các công trình xây dựng từ nguyên liệu gỗ tự nhiên bằng các dụng cụ thủ công và các thiết bị chuyên dùng. Ngành/nghề Mộc dân dụng được làm trong các doanh nghiệp chế biến gỗ, trên các công trình xây dựng ở trong và ngoài nước và ở các trường dạy nghề trong lĩnh vực chế biến gỗ.

***(2). Vị trí làm việc***

Trực tiếp sản xuất tại các phân xưởng Mộc ở các cơ sở sản xuất chế biến gỗ; Kỹ thuật viên, giáo viên ngành/nghề Mộc; tổ trưởng tổ sản xuất, trưởng ca sản xuất; chủ cơ sở, doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh đồ mộc; đảm nhận một phần công việc cho những công trình xây dựng.

***(3). Các nhiệm vụ chủ yếu của ngành/nghề***

Vẽ mẫu; chuẩn bị nguyên vật liệu; pha phôi; gia công mặt phẳng; gia công mộng và lỗ mộng; gia công mặt cong; ghép ván; tiện gỗ; lắp ráp sản phẩm; gia công khuôn cửa; gia công cửa panô huỳnh gỗ; gia công cửa panô kính; gia công cửa chớp gỗ; lắp cánh cửa vào khuôn cửa; trang trí bề mặt sản phẩm.

**66. Ngành/nghề: Quản trị khu Resort**

***(1). Mô tả ngành/nghề***

"Quản trị khu resort" là ngành/nghề gắn với trách nhiệm chính là quản lý trực tiếp các hoạt động hàng ngày của các bộ phận trực tiếp hay gián tiếp phục vụ khách du lịch như: lễ tân, buồng, nhà hàng, chế biến món ăn, dịch vụ giải trí, dịch vụ spa, kế toán, bán hàng và marketing, nhân sự... Phạm vi công

việc và nhiệm vụ cụ thể hàng ngày, tuần, tháng của các khách sạn khác nhau về quy mô, cấp hạng, tính chất thông thường rất khác nhau.

***(2). Vị trí làm việc***

Làm việc tại các khu Resort, doanh nghiệp kinh doanh, quản lý Resort...

***(3). Các nhiệm vụ chủ yếu của ngành/nghề***

Quản lý toàn bộ hoạt động của khu resort (quản lý chung), quản lý bộ phận buồng, quản lý bộ phận lễ tân, quản lý bộ phận chế biến món ăn, quản lý dịch vụ giải trí, quản lý nhân sự hành chính, quản lý bán hàng và tiếp thị, quản lý cơ sở vật chất-kỹ thuật, quản lý tài chính, quản lý an ninh an toàn, quản lý cảnh quan sân vườn và quản lý khu biệt thự (Villa Management) - đây là vị trí công việc mới phát sinh trong quá trình phân tích ngành/nghề xuất hiện vị trí quản gia (butler) của khu biệt thự trong ngành/nghề quản trị khu resort.

**67. Ngành/nghề: Dịch vụ nhà hàng**

***(1). Mô tả ngành/nghề***

"Dịch vụ nhà hàng" là ngành/nghề chuyên tổ chức, đón tiếp và phục vụ khách ăn uống tại các nhà hàng, khách sạn và các cơ sở kinh doanh ăn uống khác, với các hình thức phục vụ đa dạng phong phú (ăn theo thực đơn, chọn món, buffet, các loại tiệc, các loại đồ uống pha chế, đồ uống không cồn, đồ uống có cồn, các hình thức phục vụ khác...) đáp ứng các yêu cầu về chất lượng, vệ sinh, an toàn, an ninh, chu đáo và lịch sự...

***(2). Vị trí làm việc***

Người làm ngành/nghề Dịch vụ nhà hàng có thể làm việc tại các công ty, khách sạn, nhà hàng, siêu thị... hoặc tự mở cửa hàng ăn uống, quản lý nhà hàng của mình.

***(3). Các nhiệm vụ chủ yếu của ngành/nghề***

Ngoài các nhiệm vụ cơ bản nói trên người lao động còn phải thực hiện một số nhiệm vụ khác có liên quan như: xây dựng thực đơn và tổ chức phục vụ các hình thức ăn uống khác; quản lý tài sản; quản lý lao động; quản lý tác nghiệp; vệ sinh, an toàn, an ninh trong hoạt động kinh doanh nhà hàng; kiểm tra, đánh giá chất lượng phục vụ; học tập, rèn luyện, nâng cao nghiệp vụ chuyên môn; tổ chức lao động trong nhà hàng và tạo lập, phát triển các mối quan hệ trong công việc...

**68. Ngành/nghề: Kỹ thuật thiết bị xét nghiệm y tế**

***(1). Mô tả ngành/nghề***

"Kỹ thuật thiết bị xét nghiệm y tế" là ngành/nghề chuyên lắp đặt, khai thác, vận hành thử, bảo dưỡng, sửa chữa, tư vấn, kiểm định, nghiên cứu thiết kế, chế tạo và quản lý thiết bị xét nghiệm y tế đúng với yêu cầu kỹ thuật, đạt hiệu quả cao và đảm bảo tiêu chuẩn an toàn y tế. Thiết bị xét nghiệm y tế gồm các nhóm thiết bị: Máy xét nghiệm huyết học, máy xét nghiệm sinh hóa, máy xét nghiệm miễn dịch, máy xét nghiệm điện giải, kính hiển vi...

***(2). Vị trí làm việc***

Người học ngành/nghề Kỹ thuật thiết bị xét nghiệm y tế làm việc trong các lĩnh vực như: kỹ thuật thiết bị xét nghiệm y tế; kinh doanh thiết bị xét nghiệm y tế; tư vấn về thiết bị xét nghiệm y tế; kiểm định thiết bị xét nghiệm y tế; nghiên cứu, thiết kế, chế tạo, sản xuất thiết bị xét nghiệm y tế; giảng dạy kỹ thuật thiết bị xét nghiệm y tế.

***(3). Các nhiệm vụ chủ yếu của ngành/nghề***

Sử dụng thành thạo các trang thiết bị của ngành/nghề. Bảo dưỡng, sửa chữa các thiết bị xét nghiệm y tế. Nghiên cứu, thiết kế, chế tạo, sản xuất các thiết bị xét nghiệm y tế. Kiểm tra, đánh giá chất lượng của thiết bị xét nghiệm y tế. Lập kế hoạch, tổ chức thực hiện và quản lý các công việc thuộc lĩnh vực kỹ thuật thiết bị xét nghiệm y tế, bồi dưỡng người có kỹ năng nghề bậc thấp hơn.

**69. Ngành/nghề: Kỹ thuật thiết bị điện tử y tế**

***(1). Mô tả ngành/nghề***

Ngành/nghề "Kỹ thuật thiết bị điện tử y tế" là ngành/nghề chuyên lắp đặt, khai thác vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa và quản lý trang thiết bị điện tử y tế đúng với yêu cầu kỹ thuật, đạt hiệu quả cao và đảm bảo tiêu chuẩn an toàn y tế.

***(2). Vị trí việc làm***

Người học ngành/nghề Kỹ thuật thiết bị điện tử y tế có thể làm việc tại các bệnh viện, phòng khám, công ty thiết bị kỹ thuật y tế, cơ sở sản xuất, kinh doanh thiết bị y tế...

***(3). Các nhiệm vụ chủ yếu của ngành/nghề***

Lắp đặt, sử dụng, bảo dưỡng, sửa chữa, và quản lý thiết bị y tế ảnh như: Thiết bị phẫu thuật (dao mổ điện cao tần, dao mổ laser, dao mổ siêu âm...). Thiết bị theo dõi và chẩn đoán chức năng (máy ghi sóng sóng điện tim, máy ghi sóng sóng điện não, máy theo dõi bệnh nhân, máy đo lưu huyết não,....). Thiết bị điều trị (Trị liệu, máy điện xung, giác hơi, quang trị liệu, vi sóng trị liệu, từ trị liệu, phá rung tim...).

**70. Ngành/nghề: Kỹ thuật thiết bị hình ảnh y tế**

***(1). Mô tả ngành/nghề***

"Kỹ thuật thiết bị hình ảnh y tế" là ngành/nghề chuyên thực hiện các công việc có liên quan đến các thiết bị tạo hình ảnh dựa trên đặc điểm giải phẫu cơ thể người nhằm phục vụ cho công tác chẩn đoán và điều trị người bệnh.

***(2). Vị trí việc làm***

Người học ngành/nghề Kỹ thuật thiết bị hình ảnh y tế có thể làm việc tại các bệnh viện, phòng khám, công ty thiết bị kỹ thuật y tế, cơ sở sản xuất, kinh doanh thiết bị y tế...

***(3). Các nhiệm vụ chủ yếu của ngành/nghề***

Lắp đặt, sử dụng, bảo dưỡng, sửa chữa, và quản lý thiết bị hình ảnh như máy X quang, máy siêu âm, máy chụp cắt lớp điện toán (CT)...

**71. Ngành/nghề: Kỹ thuật thiết bị sản xuất dược**

***(1). Mô tả ngành/nghề***

"Kỹ thuật thiết bị sản xuất dược" là ngành/nghề thực hiện quá trình tham gia lắp đặt; vận hành, sửa chữa và bảo dưỡng các thiết bị sản xuất dược phẩm nhằm đảm bảo chất lượng của thiết bị: vận hành an toàn, đảm bảo độ tin cậy, tính chính xác... tham gia vào quá trình sản xuất thuốc, nhằm mục đích tạo ra các sản phẩm chất lượng, an toàn cho người sử dụng, phù hợp với giấy phép lưu hành.

*(2). Vị trí làm việc*

Người làm ngành/nghề Kỹ thuật thiết bị sản xuất dược thực hiện việc vận hành, sửa chữa, bảo dưỡng, vệ sinh các thiết bị sản xuất, thiết bị phụ trợ trong các công ty, nhà máy sản xuất dược phẩm với điều kiện môi trường không khí được kiểm soát nghiêm ngặt và tiếp xúc trực tiếp với nguyên liệu, hoá chất.

*(3). Các nhiệm vụ chủ yếu của ngành/nghề*

Xây dựng quy trình vận hành thiết bị sản xuất dược đảm bảo đúng các bước vận hành; vận hành thiết bị sản xuất dược đúng quy trình đã xây dựng; lập kế hoạch bảo dưỡng định kỳ, sửa chữa các hỏng hóc nhỏ các thiết bị sản xuất dược; thực hiện việc bảo dưỡng thường xuyên, bảo dưỡng định kỳ thiết bị sản xuất dược; phát hiện các sự cố trong quá trình vận hành, sửa chữa được các hư hỏng thông thường của các thiết bị sản xuất dược; tham gia sửa chữa các thiết bị sản xuất dược có ứng dụng công nghệ cao; theo dõi và tham gia giám sát quá trình sửa chữa thiết bị sản xuất dược của các chuyên gia, cán bộ kỹ thuật; lập hồ sơ thiết bị sản xuất, ghi chép và theo dõi tình trạng hoạt động của các thiết bị sản xuất dược; thực hiện an toàn điện, phòng chống cháy nổ.

**72. Ngành/nghề: Vận hành nhà máy thuỷ điện**

*(1). Mô tả ngành/nghề*

"Vận hành nhà máy thuỷ điện" là ngành/nghề làm nhiệm vụ vận hành, theo dõi, kiểm tra, giám sát, điều chỉnh chuyển đổi phương thức và xử lý các trường hợp sự cố trong các tuyến năng lượng, tua bin thuỷ lực, máy phát điện, máy biến áp lực, trạm phân phối, hệ thống điện tự dùng, hệ thống điện một chiều, thiết bị nhị thứ, hệ thống nước kỹ thuật, trạm bơm nước, thông gió, máy nén khí, đập tràn... của một nhà máy thuỷ điện với công suất của tổ máy khoảng 30 MW trở lên, đảm bảo kỹ thuật, an toàn. Việc vận hành và điều phối hồ chứa của nhà máy thủy điện không thuộc phạm vi xây dựng của ngành/nghề này.

*(2). Vị trí làm việc*

Người làm nghề Vận hành nhà máy thủy điện có khả năng vận hành phần điện và phần máy trong nhà máy thủy điện và có thể làm việc trong các lĩnh vực liên quan đến thủy điện.

*(3). Các nhiệm vụ chủ yếu của ngành/nghề*

Thực hiện chính xác các thao tác đối với các thiết bị điện, thiết bị cơ khí thủy lực và hệ thống thiết bị phụ trong nhà máy thủy điện, đảm bảo đúng quy trình vận hành. Kiểm tra, giám sát tình trạng làm việc của thiết bị điện, thiết bị cơ khí thủy lực, hệ thống thiết bị phụ trong nhà máy thủy điện. Điều chỉnh và chuyển đổi phương thức vận hành của thiết bị điện, thiết bị cơ khí thủy lực, hệ thống thiết bị phụ trong nhà máy thủy điện. Phát hiện kịp thời và xử lý được các sự cố của thiết bị điện, thiết bị cơ khí thủy lực, hệ thống thiết bị phụ trong nhà máy thủy điện đảm bảo đúng quy trình xử lý sự cố các thiết bị.

**73. Ngành/nghề: Công nghệ kỹ thuật tài nguyên nước**

*(1). Mô tả ngành/nghề*

"Công nghệ kỹ thuật tài nguyên nước" là ngành/nghề thuộc lĩnh vực kỹ thuật chuyên về quy hoạch, thiết kế, xây dựng, triển khai thực hiện và giám sát thi công các công trình, dự án phòng lũ, tưới tiêu; tổ chức quản lý và khai thác hệ thống tài nguyên nước lưu vực sông và vùng lãnh thổ, quản lý và khai thác các công trình thủy lợi, cấp thoát nước.

***(2). Vị trí làm việc***

Người có chuyên môn về Công nghệ kỹ thuật tài nguyên nước có thể làm việc ở các cơ sở quy hoạch, thiết kế, xây lắp, quản lý và khai thác các công trình thủy lợi, tưới tiêu, cấp, thoát nước; cán bộ, nhân viên vận hành trạm bơm tưới, tiêu hoặc cấp, thoát nước, tư vấn và chuyển giao công nghệ kỹ thuật tài nguyên nước.

***(3). Các nhiệm vụ chủ yếu của ngành/nghề***

Thiết kế, xây lắp, quản lý và khai thác các công trình thủy lợi, tưới tiêu, cấp, thoát nước; viên vận hành trạm bơm tưới, tiêu hoặc cấp, thoát nước, tư vấn và chuyển giao công nghệ kỹ thuật tài nguyên nước.

**74. Ngành/nghề: Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử**

***(1). Mô tả ngành/nghề***

Ngành/nghề "Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử" thuộc lĩnh vực kỹ thuật chuyên về các công việc thiết kế, chế tạo, lắp ráp, lắp đặt, bảo trì, sửa chữa, bảo dưỡng các thiết bị điện, điện tử, sử dụng trong công nghiệp và dân dụng.

***(2). Vị trí làm việc***

Người làm ngành/nghề Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử thường có vị trí việc làm ở các cơ sở chế tạo, lắp ráp, xây lắp, sửa chữa, bảo trì, kinh doanh, đào tạo và nghiên cứu trong lĩnh vực kỹ thuật điện, điện tử; đảm nhiệm các chức danh "Kỹ thuật viên điện, điện tử", "Nhân viên kiểm tra chất lượng sản phẩm", "Cán bộ Tư vấn, thiết kế và chuyển giao công nghệ kỹ thuật điện, điện tử".

***(3). Các nhiệm vụ chủ yếu của ngành/nghề***

Thiết kế, chế tạo, lắp ráp, lắp đặt, bảo trì, sửa chữa, bảo dưỡng các thiết bị điện, điện tử, sử dụng trong công nghiệp và dân dụng; kiểm tra chất lượng sản phẩm điện, điện tử; tổ chức sản xuất, kinh doanh thiết bị điện, điện tử...

**75. Ngành/nghề: Tự động hóa công nghiệp (Điện tự động công nghiệp)**

***(1). Mô tả ngành/nghề***

"Tự động hóa công nghiệp" là ngành/nghề thuộc ngành kỹ thuật lắp đặt hệ thống điện tự động dân dụng và công nghiệp; lắp đặt các hệ thống điện tự động chiếu sáng, tại các khu công nghiệp, hệ thống điện tự động trong các doanh nghiệp.

***(2). Vị trí làm việc***

Người làm ngành/nghề Tự động hóa công nghiệp có vị trí việc làm tại các công ty điện lực, các trạm truyền tải và phân phối điện năng, các công ty xây lắp công trình điện hoặc các công ty, xí nghiệp sản xuất công nghiệp trong các thành phần kinh tế xã hội...

***(3). Các nhiệm vụ chủ yếu của ngành/nghề***

Lắp đặt hệ thống điện tự động dân dụng và công nghiệp; quản lý đường dây; bảo trì và sửa chữa hệ thống điện tự động; vận hành các trạm truyền tải và phân phối điện năng; vận hành các dây chuyền tự động...

**76. Ngành/nghề: Điện tàu thủy**

***(1). Mô tả Ngành/nghề***

Ngành/nghề "Điện tàu thuỷ" là ngành/nghề vận hành, sửa chữa, lắp đặt các loại thiết bị điện trên tàu thủy. Nhận biết, phân tích được nguyên lý làm việc và ứng dụng của các linh kiện điện tử,

các khí cụ điện, các loại máy điện, trạm phát điện và phân tích các phương pháp phân chia điện năng trên tàu thuỷ.

***(2). Vị trí làm việc***

Người làm ngành/nghề Điện tàu thủy có khả năng đảm nhiệm ở các vị trí sau: sỹ quan điện trên các tàu biển; cán bộ kỹ thuật tại công ty kinh doanh thiết bị điện, tự động; cán bộ kỹ thuật tại các nhà máy đóng và sửa chữa; cán bộ kỹ thuật tại công ty điện lực; giáo viên các trường dạy nghề kỹ thuật; công tác kỹ thuật trong các cơ quan quản lý nhà nước có sử dụng chuyên môn nghề điện tàu thuỷ.

***(3). Các nhiệm vụ chủ yếu của ngành/nghề***

Vận hành, sửa chữa, lắp đặt các loại thiết bị điện trên tàu thủy; lắp đặt các hệ thống điện trong cơ sở sản xuất, kinh doanh, kiểm tra hệ thống đảm bảo chất lượng an toàn điện trên tàu thủy...

**77. Ngành/nghề: Sửa chữa máy tàu thủy**

***(1). Mô tả ngành/nghề***

"Sửa chữa máy tàu thủy" là ngành/nghề cơ khí nhằm thực hiện những công việc: bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống động lực chính, hệ thống động lực phụ và các hệ thống, thiết bị của hệ thống động lực tàu thủy.

***(2). Vị trí làm việc***

Người hành nghề Sửa chữa máy tàu thủy có vị trí việc làm như sau: làm việc tại các nhà máy, xí nghiệp đóng tàu thủy; các doanh nghiệp bảo dưỡng, bảo trì, sửa chữa tàu thủy; làm việc trực tiếp trên tàu thủy...

***(3). Các nhiệm vụ chủ yếu của ngành/nghề***

Sửa chữa, bảo dưỡng các máy móc, thiết bị của hệ động lực tàu thủy trong các công ty đóng mới và sửa chữa tàu thủy, công ty khai thác tàu; thợ vận hành máy tàu thủy...

**78. Ngành/nghề: Công nghệ chế tạo vỏ tàu thủy**

***(1). Mô tả ngành/nghề***

Ngành/nghề "Công nghệ chế tạo vỏ tàu thủy" là ngành/nghề thuộc nhóm kỹ thuật gia công cơ khí chuyên thực hiện công việc công nghệ gia công và lắp ráp đóng mới và sửa chữa thân tàu thủy.

***(2). Vị trí việc làm***

Người học ngành/nghề Công nghệ chế tạo vỏ tàu thủy có thể làm nhân viên kỹ thuật tại nhà máy đóng mới và sửa chữa tàu thủy, các công việc liên quan đến cơ khí.

***(3). Các nhiệm vụ chủ yếu của ngành/nghề***

Các nhiệm vụ chính của người hành nghề Công nghệ chế tạo vỏ tàu thủy phải thực hiện là: phóng dạng tuyến hình thân tàu; khai triển kết cấu tàu thuỷ; khai triển tôn vỏ tàu thuỷ; chế tạo dưỡng và lập thảo đồ; gia công chi tiết kết cấu thân tàu; gia công tôn vỏ, chế tạo bệ khuôn; gia công phụ kiện thiết bị thân tàu; lắp ráp phân đoạn; lắp ráp tổng đoạn; lắp ráp thân tàu trên đà; lắp đặt phụ kiện thiết bị thân tàu, hạ thuỷ tàu.

**79. Ngành/nghề: Chế tạo thiết bị cơ khí**

***(1). Mô tả ngành/nghề***

Ngành/nghề "Chế tạo thiết bị cơ khí" là ngành/nghề chuyên chế tạo ra thiết bị cơ khí như: các hệ thống thông gió, cấp nhiệt, thiết bị lọc bụi, thiết bị bồn bể, si téc, bun ke, si lô, băng tải, dàn khoan, cần

trục, cột điện cao thế, cột thu phát thanh truyền hình, các chi tiết, thiết bị phi tiêu chuẩn, các dây chuyền sản xuất xi măng, sản xuất đường, nhà máy thuỷ điện, nhiệt điện, lọc dầu... đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật và an toàn lao động.

***2. Vị trí làm việc***

Người hành nghề Chế tạo thiết bị cơ khí thường được bố trí làm việc trong các phân xưởng cơ khí hoặc trong các nhà máy xi măng, thủy điện, nhiệt điện hoặc có thể mở các xưởng cơ khí tư nhân.

***(3). Các nhiệm vụ chủ yếu của ngành/nghề***

Các nhiệm vụ chủ yếu của ngành/nghề Chế tạo thiết bị cơ khí bao gồm: chế tạo băng tải; chế tạo lan can, cầu thang; chế tạo hệ thống thông gió; chế tạo khung nhà công nghiệp một tầng; chế tạo cột điện cao thế ≥ 35kV; chế tạo bồn bể, téc; chế tạo bun ke - si lô; chế tạo thiết bị lọc bụi kiểu ly tâm - siclon; thực hiện an toàn trong thi công; đo kiểm tra kích thước thiết bị cơ khí; chế tạo trên máy CNC...

**80. Ngành/nghề: Kế toán lao động tiền lương và Bảo hiểm xã hội**

***(1). Mô tả ngành/nghề***

Ngành/nghề "Kế toán lao động tiền lương và Bảo hiểm xã hội" là ngành/nghề chuyên thu thập, xử lý, kiểm tra, phân tích, đánh giá tình hình hoạch toán kế toán tiền lương, bảo hiểm xã hội; tham gia phân tích tình hình quản lý, sử dụng lao động tại các tổ chức, doanh nghiệp. Cung cấp đầy đủ thông tin về Kế toán lao động tiền lương và Bảo hiểm xã hội cho các nhà quản lý, hoạch toán kế toán theo quy định và chế độ cho người lao động nhằm phục vụ yêu cầu lãnh đạo và quản lý kinh tế ở các tổ chức, doanh nghiệp. Tham mưu cho lãnh đạo các tổ chức, doanh nghiệp cải tiến công tác Kế toán lao động tiền lương và Bảo hiểm xã hội hiệu quả, đúng pháp luật.

***(2). Vị trí làm việc***

Người làm ngành/nghề Kế toán lao động tiền lương và Bảo hiểm xã hội đảm nhận những công việc tại các doanh nghiệp, cơ quan hành chính sự nghiệp và bảo hiểm xã hội như: kế toán tiền lương; kế toán thuế thu nhập cá nhân; thống kê nhân sự; giải quyết chế độ lao động; kế toán các khoản thu chi bảo hiểm; quản lý nhân sự.

***(3). Các nhiệm vụ chủ yếu của ngành/nghề***

Quản lý thông tin pháp luật; quản lý lao động; xây dựng thang bảng lương; xây dựng kế hoạch lao động; xây dựng quỹ tiền lương; kế toán chi tiết tiền lương và bảo hiểm xã hội; đăng ký kê khai bảo hiểm xã hội; kế toán các khoản trích nộp; kế toán các chế độ lao động khác; kế toán thuế thu nhập cá nhân; kế toán tổng hợp tiền lương và bảo hiểm xã hội; lưu trữ hồ sơ.

**81. Ngành/nghề: Marketing du lịch**

***(1). Mô tả ngành/nghề***

"Marketing du lịch" là ngành/nghề chuyên xây dựng kế hoạch, tổ chức, triển khai và đánh giá các hoạt động marketing, các sự kiện trong lĩnh vực lữ hành, cơ sở lưu trú, nhà hàng, vận chuyển du lịch, điểm đến du lịch và các dịch vụ bổ sung khác trong ngành/nghề du lịch.

***(2). Vị trí làm việc***

Người làm ngành/nghề "Marketing du lịch" thường được bố trí làm việc trong các phòng Marketing, phòng Kinh doanh, phòng Kinh doanh và Tiếp thị... tại các doanh nghiệp lữ hành, cơ sở lưu trú, nhà hàng, vận chuyển du lịch, các khu vui chơi giải trí, điểm đến du lịch, cơ quan thông tin, xúc tiến du lịch

của địa phương. Các vị trí làm việc cụ thể của ngành/nghề này thường là: nhân viên, giám sát viên, người quản lý marketing, nghiên cứu thị trường, quan hệ khách hàng, chăm sóc khách hàng, quảng cáo sản phẩm, bán hàng, tổ chức sự kiện, thông tin truyền thông...

***(3). Các nhiệm vụ chủ yếu của ngành/nghề***

Người làm ngành/nghề Marketing du lịch có nhiệm vụ chính là: nghiên cứu thị trường; tham gia vào quá trình xây dựng sản phẩm dịch vụ du lịch; quản lý ngân sách Marketing du lịch; xây dựng kênh phân phối sản phẩm dịch vụ du lịch; bán sản phẩm dịch vụ du lịch; quản lý bộ nhận diện thương hiệu của doanh nghiệp trong ngành du lịch; quảng cáo sản phẩm dịch vụ lữ hành và sản phẩm liên quan; quảng cáo sản phẩm dịch vụ lưu trú và dịch vụ ăn uống; thực hiện marketing sản phẩm dịch vụ du lịch trực tuyến; thực hiện hoạt động khuyến mãi trong kinh doanh du lịch; quan hệ công chúng, khách hàng trong kinh doanh du lịch; triển khai sự kiện marketing du lịch; xúc tiến quảng bá điểm đến du lịch du lịch...

**82. Ngành/nghề: Kế toán ngân hàng**

***(1). Mô tả ngành/nghề***

"Kế toán ngân hàng" là ngành/nghề chuyên thực hiện công tác hạch toán kế toán ngân hàng theo chế độ tài chính, kế toán của Nhà nước.

***(2). Vị trí làm việc***

Người làm ngành/nghề Kế toán ngân hàng thường được bố trí làm việc tại phòng tài chính kế toán ở các sở giao dịch của các ngân hàng thương mại thuộc các loại hình sở hữu theo luật doanh nghiệp Việt Nam.

***(3). Các nhiệm vụ chủ yếu của ngành/nghề***

Vận dụng kiến thức về pháp luật, kinh tế - xã hội, quản trị kinh doanh, tài chính - tiền tệ, kế toán, kiểm toán trong việc thực hiện nghiệp vụ kế toán được đào tạo theo đúng chuyên ngành ở vị trí công tác được giao; xác định cơ cấu tổ chức bộ máy kế toán phù hợp với từng loại hình ngân hàng; xác định kế hoạch kinh doanh và kế hoạch tài chính của ngân hàng; vận dụng hệ thống chứng từ, tài khoản, hình thức kế toán và hệ thống báo cáo kế toán vào thực tiễn; lập chứng từ, kiểm tra, phân loại, xử lý chứng từ kế toán; sử dụng chứng từ kế toán trong ghi sổ kế toán tổng hợp và chi tiết; sắp xếp, xử lý, tổ chức bảo quản và lưu trữ chứng từ; lập các báo cáo kế toán của ngân hàng; thiết lập mối quan hệ với ngân hàng nhà nước, với các tổ chức tín dụng và khách hàng; kiểm tra giám sát công tác kế toán của ngân hàng; cung cấp đầy đủ thông tin kinh tế về hoạt động kinh doanh của đơn vị để phục vụ cho yêu cầu lãnh đạo và quản lý kinh tế ở đơn vị; cập nhật các chính sách phát triển kinh tế và các chế độ về tài chính, kế toán, thuế vào công tác kế toán tại ngân hàng.

**83. Ngành/nghề: An ninh mạng**

***(1). Mô tả ngành/nghề***

"An ninh mạng" là ngành/nghề thực hiện công việc an toàn thông tin, an ninh hệ thống mạng nội bộ và mạng internet cho công ty, tổ chức, doanh nghiệp (DN), trường học; khảo sát nhu cầu, tư vấn, thiết kế, thi công hệ thống an ninh thông tin theo yêu cầu của doanh nghiệp; lập quy trình chính sách bảo mật mạng; phân tích dò tìm và khai thác các lỗ hổng bảo mật của hệ thống mạng, lập báo cáo tình hình hoạt động và rủi ro mà DN có thể gặp phải; triển khai, vận hành và hướng dẫn người dùng cuối đảm bảo an ninh thông tin khi sử dụng hệ thống mạng máy tính.

*(2). Vị trí làm việc*

Người làm ngành/nghề an ninh mạng làm việc tại bộ phận an toàn thông tin, an ninh mạng của các công ty, tổ chức, doanh nghiệp; các tổ chức về tài chính, tập đoàn kinh tế, các tổ chức của nhà nước có yêu cầu cao về đảm bảo an ninh thông tin.

*(3). Các nhiệm vụ chủ yếu của ngành/nghề*

Lắp ráp phần cứng hệ thống máy tính, phần mềm máy tính; triển khai và quản trị hệ thống mạng; dò tìm và khai thác lỗ hổng bảo mật, mã hóa thông tin, điều khiển truy cập; bảo mật mạng, bảo mật dịch vụ mạng, bảo mật cơ sở dữ liệu; quản trị rủi ro an ninh thông tin, giám sát hệ thống an ninh thông tin; sao lưu, phục hồi và dự phòng thảm họa dữ liệu; xây dựng quy trình và chính sách an ninh thông tin, hướng dẫn bảo mật cho người dùng cuối, phát triển nghề nghiệp.

**84. Ngành/nghề: Công nghệ may Veston**

*(1). Mô tả ngành/nghề*

Ngành/nghề "Công nghệ may Veston" là ngành/nghề nghiên cứu và sản xuất ra bộ sản phẩm cao cấp Veston được sử dụng nguyên phụ liệu từ thiên nhiên và nhân tạo đáp ứng nhu cầu thị trường. Ngành/nghề này được thực hiện theo quy trình công nghệ sản xuất trên các thiết bị may thông dụng, chuyên dụng trong dây chuyền sản xuất Veston.

*(2). Vị trí làm việc*

Ngành/nghề Công nghệ may Veston được tổ chức trong các cơ sở doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh sản phẩm Veston cao cấp. Người làm ngành/nghề công nghệ may Veston được bố trí làm việc trong các xưởng sản xuất, các phòng thiết kế kỹ thuật, các phòng nghiên cứu công nghệ hoặc các phòng kiểm tra đánh giá chất lượng sản phẩm.

*(3). Các nhiệm vụ chủ yếu của ngành/nghề*

Người làm ngành/nghề Công nghệ may Veston đảm nhiệm các nhiệm vụ chính như: thiết kế kỹ thuật; thiết kế công nghệ; khai thác sử dụng thiết bị; chế tạo cữ dưỡng; kiểm tra chất lượng nguyên phụ liệu; cắt và chuẩn bị bán thành phẩm; may sản phẩm; hoàn thiện sản phẩm; điều độ kế hoạch sản xuất nghiên cứu sản xuất.

**85. Ngành/nghề: Điều hành tour du lịch**

*(1). Mô tả ngành/nghề*

Ngành/nghề "Điều hành tour du lịch" là một trong những ngành/nghề kinh doanh lữ hành; người làm ngành/nghề Điều hành tour du lịch thực hiện các công việc như: đặt chỗ, giữ chỗ và thu xếp các chương trình du lịch cho khách du lịch; điều hành tổ chức và giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện chương trình du lịch; thiết lập và duy trì tốt các mối quan hệ với đối tác; thiết kế chương trình du lịch; tham gia vào hoạt động chăm sóc khách hàng của doanh nghiệp; hỗ trợ xúc tiến và bán sản phẩm du lịch; quản lý nhân sự, quản lý tài chính và cơ sở vật chất - kỹ thuật; giám sát và đánh giá kết quả công việc của bộ phận điều hành; đảm bảo an ninh, an toàn.

*(2). Vị trí làm việc*

Vị trí làm việc chính của ngành/nghề Điều hành tour là: nhân viên điều hành tour, nhân viên đặt giữ chỗ tour du lịch; giám sát viên bộ phận điều hành tour và trưởng bộ phận điều hành.

***(3). Các nhiệm vụ chủ yếu của ngành/nghề***

Các nhiệm vụ chủ yếu của ngành/nghề Điều hành tour du lịch: chuẩn bị kiến thức chung về du lịch, lữ hành và doanh nghiệp lữ hành; tổ chức thực hiện đảm bảo an toàn và an ninh tại nơi làm việc; làm việc tại văn phòng; xây dựng, hệ thống thông tin về điểm đến; cập nhật kiến thức về sản phẩm và dịch vụ; thiết lập, duy trì và phát triển mối quan hệ với đối tác; thiết kế xây dựng chương trình du lịch theo yêu cầu khách hàng; hỗ trợ việc quảng cáo và bán chương trình du lịch; hỗ trợ thực hiện các giao dịch tài chính; thực hiện giữ chỗ và đặt chỗ; thu xếp dịch vụ và điều hành chương trình du lịch; xử lý tình huống; chăm sóc khách hàng; thiết lập và lưu trữ hồ sơ, số liệu thống kê, báo cáo, kiến nghị và đề xuất; quy hoạch và phát triển đội ngũ điều hành tour; quản lý tài chính trong hoạt động điều hành tour.

**86. Ngành/nghề: Lắp đặt thiết bị lạnh**

***(1). Mô tả ngành/nghề***

"Lắp đặt thiết bị lạnh" là ngành/nghề chuyên về lắp đặt và vận hành kiểm tra các thiết bị của các hệ thống lạnh công nghiệp, thương nghiệp và dân dụng.

***(2). Vị trí làm việc***

Người hành nghề Lắp đặt thiết bị lạnh có thể làm việc ở các vị trí: cán bộ kỹ thuật tại các khu công nghiệp, cơ sở dịch vụ, chế biến, bảo quản nông sản và thực phẩm, các nhà máy chế tạo thiết bị lạnh; trực tiếp tham gia thi công lắp đặt sửa chữa và bảo dưỡng thiết bị lạnh tại các doanh nghiệp; tham gia trong các tổ chức, cá nhân hoạt động trong lĩnh vực điện lạnh...

***(3). Các nhiệm vụ chủ yếu của ngành/nghề***

Chuẩn bị các điều kiện cho lắp đặt; lắp đặt cụm máy nén; lắp đặt thiết bị trao đổi nhiệt, van tiết lưu; lắp đặt hệ thống đường ống; lắp đặt các thiết bị phụ; lắp đặt hệ thống điện; hiệu chỉnh, bàn giao hệ thống; bảo trì, bảo hành hệ thống.

**87. Ngành/nghề: Sửa chữa máy nâng chuyển**

***(1). Mô tả ngành/nghề***

"Sửa chữa máy nâng chuyển" là ngành/nghề thực hiện việc bảo dưỡng, sửa chữa phục hồi, thay thế, căn chỉnh các chi tiết, cụm chi tiết để duy trì tình trạng máy nâng chuyển đúng yêu cầu kỹ thuật, giúp máy hoạt động bình thường đáp ứng yêu cầu sản xuất, thi công.

***(2). Vị trí làm việc***

Người làm ngành/nghề Sửa chữa máy nâng chuyển thường được bố trí làm việc trong các nhà máy, xưởng sửa chữa cơ khí, các công trình xây lắp, kho bãi, bến cảng...

***(3). Các nhiệm vụ chủ yếu của ngành/nghề***

Người hành nghề Sửa chữa máy nâng chuyển bao gồm: tháo, kiểm tra chất lượng, phân loại các cụm, cơ cấu và chi tiết máy; lắp cụm, cơ cấu, tổng thành; thử cụm, cơ cấu, tổng thành và chạy rà máy nâng chuyển; đánh giá chất lượng máy sau bảo dưỡng sửa chữa; tháo, lắp đặt máy vào vị trí sản xuất; tổ chức quá trình sửa chữa bảo dưỡng; thực hiện an toàn lao động, phòng chống cháy nổ và vệ sinh công nghiệp.

**88. Ngành/nghề: Sửa chữa cơ khí động lực**

***(1). Mô tả ngành/nghề***

"Sửa chữa cơ khí động lực" là ngành/nghề sửa chữa các loại động cơ đốt trong dùng để dẫn động: phương tiện giao thông, các loại máy thi công công trình, máy khai thác lâm ngiệp; máy nông nghiệp,

máy công nghiệp, tàu biển, máy mỏ và các loại máy khác phụ vụ sản xuất và đời sống. Việc sửa chữa bao gồm: kiểm tra, chẩn đoán, phục hồi, thay thế, cân chỉnh để làm cho động cơ trở về trạng thái hoạt động bình thường.

***(2). Vị trí làm việc***

Người làm ngành/nghề Sửa chữa cơ khí động lực có thể tự tạo việc làm hoặc làm việc tại các nhà máy, công ty. Nơi làm việc là xưởng sửa chữa hoặc công trường (nếu công việc sửa chữa đơn giản).

***(3). Các nhiệm vụ chủ yếu của ngành/nghề***

Chẩn đoán hư hỏng của các loại động cơ đốt trong và lập phương án sửa chữa; sửa chữa cơ cấu trục khuỷu thanh truyền trên động cơ đốt trong; sửa chữa cơ cấu phân phối khí trên động cơ đốt trong; sửa chữa hệ thống bôi trơn, làm mát trên động cơ đốt trong; sửa chữa hệ thống nhiên liệu động cơ xăng trên động cơ đốt trong; sửa chữa hệ thống nhiên liệu động cơ diesel trên động cơ đốt trong; sửa chữa hệ thống cung cấp điện trên động cơ đốt trong; sửa chữa hệ thống khởi động đánh lửa trên động cơ đốt trong; kiểm tra, bảo dưỡng hệ thống điện kiểm tra theo dõi và hệ thống điện tử điều khiển động cơ; tổ chức, quản lý sản xuất, thực hiện an toàn lao động, phòng chống cháy nổ và vệ sinh công nghiệp.

**89. Ngành/nghề: Sản xuất cáp điện và thiết bị đầu nối**

***(1). Mô tả ngành/nghề***

"Sản xuất cáp điện và thiết bị đầu nối" là việc tạo ra các sản phẩm cáp điện hạ thế và thiết bị đầu nối từ kim loại đồng hoặc nhôm. Sản phẩm này được sử dụng trong ngành điện; cáp điện dùng để dẫn điện; đầu nối dùng nối cáp điện với nhau hoặc nối cáp điện với các phần tử, thiết bị điện khác.

***(2). Vị trí làm việc***

Người hành nghề Sản xuất cáp điện và thiết bị đầu nối có thể đảm nhận công việc của người công nhân, kỹ thuật viên, tổ trưởng sản xuất, quản đốc tại các nhà máy sản xuất cáp điện và thiết bị đầu nối.

***(3). Các nhiệm vụ chủ yếu của ngành/nghề***

Thực hiện thiết kế cáp điện và thiết bị đầu nối. Thực hiện đúc rút đồng, kéo sợi đồng/nhôm, xoắn cáp điện, bọc cáp điện. Thực hiện dập, đúc thiết bị đầu nối. Thực hiện mạ chi tiết đầu nối. Thực hiện lắp ráp đầu nối. Kiểm tra nguyên liệu đầu vào, bán thành phẩm, thành phẩm. Thực hiện an toàn và vệ sinh công nghiệp. Tổ chức, quản lý sản xuất và bồi dưỡng thợ bậc dưới cùng chuyên môn.

**90. Ngành/nghề: Kỹ thuật bảo dưỡng cơ khí tàu bay**

***(1). Mô tả ngành/nghề***

"Kỹ thuật bảo dưỡng cơ khí tàu bay" là ngành/nghề chuyên kiểm tra, bảo dưỡng và sửa chữa khung sườn, các hệ thống thuộc nhóm cơ khí như hệ thống càng đáp, hệ thống thủy lực, hệ thống điều khiển bay, hệ thống điều hòa không khí, hệ thống nhiên liệu, hệ thống điện, trang thiết bị khoang hành khách... và các loại động cơ tàu bay như: động cơ piston, động cơ tua bin cánh quạt, động cơ tua bin phản lực cánh quạt...

***(2). Vị trí làm việc***

Người làm ngành/nghề kỹ thuật bảo dưỡng cơ khí tàu bay thường được bố trí làm việc tại sân đỗ tàu bay, xưởng bảo dưỡng tàu bay, phân xưởng sửa chữa chuyên dụng.

***(3). Các nhiệm vụ chủ yếu của ngành/nghề***

Kiểm tra tàu bay trước và sau khi bay; bảo dưỡng hệ thống nhiên liệu, nạp nhiên liệu; bảo dưỡng hệ thống điều hòa không khí, ô xy, khí nén; bảo dưỡng hệ thống điều khiển bay; bảo dưỡng thân tàu bay; bảo dưỡng hệ thống thủy lực; bảo dưỡng hệ thống điện, đèn, chống cháy; bảo dưỡng hệ thống càng, thay thế bánh xe, cụm phanh; bảo dưỡng hệ thống chống băng, mưa, nước sạch, nước thải; bảo dưỡng trang thiết bị khoang hành khách; bảo dưỡng động cơ tua bin khí; bảo dưỡng động cơ pít tông, cánh quạt...

**91. Ngành/nghề: Xử lý rác thải**

***(1). Mô tả ngành/nghề***

"Xử lý rác thải" là ngành/nghề thực hiện tiếp nhận, phân tích chất thải rắn sinh hoạt và vận hành các hệ thống xử lý chất thải rắn sinh hoạt bảo đảm an toàn, vệ sinh môi trường.

***(2). Vị trí làm việc***

Người làm ngành/nghề Xử lý rác thải có thể đảm nhiệm công việc của người công nhân, kỹ thuật viên, đốc công, quản đốc trong các nhà máy xử lý chất thải rắn sinh hoạt hoặc đơn vị thi công biogas.

***(3). Các nhiệm vụ chủ yếu của ngành/nghề***

Thực hiện việc tiếp nhận, phân tích, đánh giá, phân loại chất thải rắn và vận hành, vệ sinh, bảo dưỡng các công trình, thiết bị xử lý chất thải rắn sinh hoạt, bao gồm: tiếp nhận chất thải rắn sinh hoạt; phân tích chất thải rắn sinh hoạt; vận hành hệ thống xử lý chất rắn sinh hoạt bằng phương pháp nhiệt; vận hành hệ thống xử lý chất thải rắn sinh hoạt bằng phương pháp chôn lấp; vận hành hệ thống xử lý chất thải rắn sinh hoạt thành phân bón hữu cơ; vận hành hệ thống xử lý chất thải rắn sinh hoạt thành khí đốt; tái chế chất thải rắn sinh hoạt thành nguyên liệu; giám sát thi công và đảm bảo an toàn lao động; vệ sinh, bảo trì, bảo dưỡng máy móc thiết bị xử lý chất thải rắn sinh hoạt.

**92. Ngành/nghề: Thiết kế mạch điện tử trên máy tính**

***(1). Mô tả ngành/nghề***

"Thiết kế mạch điện tử trên máy tính" là ngành/nghề sử dụng máy tính và các công cụ cần thiết để thiết kế mạch điện tử trong các lĩnh vực như: thiết kế IC, thiết kế mạch in, thiết kế lập trình nhúng, thiết kế mạch điện tử theo yêu cầu.

***(2). Vị trí làm việc***

Người làm ngành/nghề Thiết kế mạch điện tử trên máy tính thường được bố trí làm việc trong các công ty thiết kế mạch điện tử, lập trình nhúng, thiết kế mạch in, gia công mạch in, thiết kế IC, kiểm tra thiết kế...

***(3). Các nhiệm vụ chủ yếu của ngành/nghề***

Chuẩn bị trước và sau thiết kế; thực hiện an toàn lao động; lắp đặt trang thiết bị; thiết kế sơ đồ nguyên lý; thiết kế sơ đồ mạch in; thiết kế lập trình nhúng; thiết kế IC; thiết kế giao diện người dùng trên máy tính; gia công sản phẩm mẫu; lưu trữ; bảo trì trang thiết bị phòng thiết kế; bồi dưỡng, nâng cao trình độ; sử dụng các thiết bị hỗ trợ; quản lý điều hành.

**93. Ngành/nghề: Sửa chữa thiết bị dệt**

***(1). Mô tả ngành/nghề***

"Sửa chữa thiết bị dệt" là ngành/nghề sử dụng các loại công cụ, dụng cụ để bảo dưỡng và sửa chữa

các thiết bị dệt trong dây chuyền dệt vải nhằm đảm bảo các thiết bị này hoạt động tốt phù hợp với các tính năng công nghệ của thiết bị và đáp ứng yêu cầu sản xuất.

***(2). Vị trí làm việc***

Người làm ngành/nghề Sửa chữa thiết bị dệt có khả năng làm công việc sửa chữa, bảo dưỡng, quản lý thiết bị dệt ở trong xưởng dệt hoặc các đơn vị sản xuất vải.

***(3). Các nhiệm vụ chủ yếu của ngành/nghề***

Chuẩn bị tổ chức sửa chữa thiết bị dệt; sửa chữa các loại máy: máy mắc đồng loạt, máy mắc phân băng, máy hồ sợi, máy nối sợi; máy đánh suốt sợi ngang; máy dệt thoi; máy dệt không thoi; máy kiểm tra vải; bồi dưỡng nâng cao trình độ và thực hiện an toàn và vệ sinh môi trường. Vận hành các thiết bị dệt; quản lý và lập kế hoạch tu sửa thiết bị dệt theo định kỳ hoặc đột xuất tại các xưởng dệt vải; di chuyển, lắp đặt thiết bị dệt trong xưởng sản xuất vải; gia công phục hồi được các chi tiết đơn giản trong các thiết bị dệt; đọc, hiểu các tài liệu kỹ thuật chuyên ngành bằng tiếng Anh để tra và xử lý lỗi trên màn hình thiết bị dệt; sử dụng thành thạo các công cụ, dụng cụ phục vụ cho việc sửa chữa; tổ chức, triển khai việc sửa chữa, bảo dưỡng các thiết bị dệt; lập dự trù vật tư, chi tiết phục vụ cho việc tu sửa và biết gia công, chế tạo một số dụng cụ chuyên dùng ở mức độ đơn giản.

**94. Ngành/nghề: Sửa chữa điện máy công trình**

***(1). Mô tả ngành/nghề***

"Sửa chữa điện máy công trình" là ngành/nghề thực hiện các công việc bảo dưỡng, kiểm tra và sửa chữa hệ thống điện, điện tử trên các loại máy công trình như máy San, máy Lu, máy Xúc, máy Ủi, máy Rải thảm, và một số máy chuyên dùng khác, để thi công cầu, đường, thi công các công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, hầm mỏ... đảm bảo máy móc hoạt động ổn định, an toàn kỹ thuật và vệ sinh môi trường.

***(2). Vị trí làm việc***

Người hành nghề Sửa chữa điện máy công trình, thực hiện sửa chữa phần điện, điện tử trực tiếp trên máy công trình tại các công trường thi công, các xưởng sửa chữa, các doanh nghiệp kinh doanh máy công trình; người thợ sửa chữa điện máy công trình có thể làm việc trực tiếp, có thể quản lý nhóm thợ sửa chữa điện máy công trình hoặc là nhân viên tư vấn kỹ thuật cho khách hàng, quản lý kho thiết bị điện, điện tử trên máy công trình.

***(3). Các nhiệm vụ chủ yếu của ngành/nghề***

Sửa chữa hệ thống cung cấp điện; sửa chữa hệ thống điện khởi động; sửa chữa hệ thống hiển thị - tín hiệu - cảnh báo; sửa chữa hệ thống điện điều khiển động cơ bằng mô tơ ga; sửa chữa hệ thống điều khiển động cơ bằng bộ điều tốc điện tử; sửa chữa hệ thống điều khiển điện động cơ bằng phun dầu điện tử; sửa chữa hệ thống điện điều khiển thủy lực; sửa chữa hệ thống điện điều khiển khí nén; sửa chữa hệ thống chiếu sáng và tín hiệu; sửa chữa hệ thống gạt mưa; sửa chữa hệ thống điện điều hòa; thực hiện các quy định về an toàn lao động và bảo vệ môi trường; tổ chức quản lý sửa chữa điện máy công trình; thử máy sau sửa chữa...

**95. Ngành/nghề: Kỹ thuật mạng ngoại vi và Thiết bị đầu cuối**

***(1). Mô tả ngành/nghề***

"Kỹ thuật mạng ngoại vi và Thiết bị đầu cuối" là ngành/nghề thực hiện việc thi công, bảo trì, lắp đặt, sửa chữa, bảo trì hệ thống mạng cáp ngoại vi và các thiết bị đầu cuối: tổng đài nội bộ, điện thoại cố định có dây, điện thoại cố định không dây, điện thoại di động, máy fax, modem ADSL, máy vi tính.

***(2). Vị trí làm việc***

Người làm ngành/nghề Kỹ thuật mạng ngoại vi và Thiết bị đầu cuối làm việc trong các lĩnh vực/ công ty chuyên ngành viễn thông, điện tử, tin học, vận hành sửa chữa mạng cáp ngoại vi và thiết bị đầu cuối.

***(3). Các nhiệm vụ chủ yếu của ngành/nghề***

Thi công, lắp đặt hệ thống mạng cáp ngoại vi và các thiết bị đầu cuối: tổng đài nội bộ, điện thoại cố định có dây, điện thoại cố định không dây, điện thoại di động, máy Fax, MODEM ADSL - MODEM/ WI-FI ROUTER, máy vi tính. Phân tích được nguyên lý hoạt động của thiết bị đầu cuối cần được sửa chữa; phân tích được nguyên nhân dẫn đến tình trạng hư hỏng thiết bị/hệ thống đầu cuối. Lập quy trình sửa chữa cho các thiết bị/hệ thống/máy móc thiết bị đầu cuối. Tính toán, lựa chọn được vật tư, thiết bị phù hợp với điều kiện làm việc của thiết bị/hệ thống cần sửa chữa. Kiểm tra sửa chữa và thay thế được các linh kiện hư hỏng trong thiết bị/hệ thống đảm bảo yêu cầu kỹ thuật của thiết bị/hệ thống; đánh giá được chất lượng của thiết bị/hệ thống sau khi đã sửa chữa. Lập kế hoạch, tổ chức thực hiện và quản lý các công việc thuộc lĩnh vực ngành/nghề sửa chữa Kỹ thuật ngoại vi và Thiết bị đầu cuối...

**96. Ngành/nghề: Gia công ống công nghệ**

***(1). Mô tả ngành/nghề***

"Gia công ống công nghệ" là ngành/nghề chuyên gia công và sửa chữa chi tiết, phụ kiện, cụm ống cho các hệ thống ống công nghiệp.

***(2). Vị trí làm việc***

Người làm ngành/nghề Gia công ống công nghệ thường được bố trí làm việc trong nhà xưởng hoặc mặt bằng của các công trình xây dựng nhà máy lọc dầu, nhiệt điện, thuỷ điện, sản xuất phân bón, sản xuất xi măng, sản xuất thép, sản xuất bột giấy, chế biến sữa, cụm công trình khí...

***(3). Các nhiệm vụ chủ yếu của ngành/nghề***

Gia công chi tiết từ ống tiêu chuẩn; gia công chi tiết ống từ thép tấm; gia công phụ kiện từ ống tiêu chuẩn; gia công phụ kiện ống từ thép tấm; gia công kết cấu thép giữ ống; gia công cụm ống công nghệ; sửa chữa đường ống công nghệ; sơn chống gỉ đường ống công nghệ; bảo ôn đường ống; tổ chức, quản lý quá trình sản xuất; ứng dụng các phần mềm kỹ thuật; thực hiện an toàn lao động, phòng chống cháy nổ và vệ sinh công nghiệp.

**97. Ngành/nghề: Nghiệp vụ lưu trú - Quản trị buồng phòng**

***(1). Mô tả ngành/nghề***

"Nghiệp vụ lưu trú - Quản trị buồng phòng" là ngành/nghề thực hiện quá trình thu, dọn và thay đổi các vật dụng, đồ vải trong buồng khách; thực hiện quy trình vệ sinh sạch sẽ tất cả các khu vực buồng khách, khu vực công cộng, hậu sảnh theo tiêu chuẩn của khách sạn, khu resort hoặc các đơn vị có kinh doanh lưu trú; duy trì vẻ đẹp và kéo dài tuổi thọ của các loại trang thiết bị, tiện nghi trong khách sạn thuộc phạm vi trách nhiệm của bộ phận buồng; cung cấp các dịch vụ bổ sung cho khách lưu trú như giặt là, mini bar... Ngoài ra, ngành/nghề này còn thực hiện việc quản lý trong bộ phận buồng của các khách sạn, khu resort hoặc các đơn vị có kinh doanh lưu trú về các mặt nhân sự, cơ sở vật chất kỹ thuật, trang thiết bị, tiện nghi, vật tư, đồ cung cấp và chất lượng dịch vụ nhằm đảm bảo hoạt động thông suốt, có hiệu quả của cả bộ phận buồng nói riêng và cả đơn vị kinh doanh lưu trú nói chung.

***(2). Vị trí làm việc***

Các vị trí làm việc chính của ngành/nghề Nghiệp vụ lưu trú - Quản trị buồng phòng là nhân viên bộ phận buồng, giám sát viên, trợ lý trưởng bộ phận, trưởng bộ phận Buồng.

***(3). Các nhiệm vụ chủ yếu của ngành/nghề***

Phục vụ buồng khách; phục vụ các khu vực công cộng; thực hiện các công việc tại khu giặt là; thực hiện các công việc vệ sinh không thường xuyên; cung cấp dịch vụ mini bar; thực hiện công việc quản gia khu biệt thự; quản trị nhân sự bộ phận buồng; quản lý trang thiết bị buồng khách; quản lý thiết bị, dụng cụ, hóa chất làm vệ sinh, đồ cung cấp và vật tư bộ phận buồng; quản trị rủi ro trong bộ phận buồng; giám sát chất lượng dịch vụ buồng ngủ; giám sát chất lượng dịch vụ giặt là; giám sát chất lượng dịch vụ các khu vực công cộng; giám sát chất lượng các dịch vụ bổ sung khác của bộ phận buồng; giám sát, phục vụ các sự kiện của khách sạn có liên quan đến bộ phận buồng; giám sát việc chăm sóc cảnh quan, cây cảnh; làm việc với các đơn vị hợp đồng bên ngoài; kiểm soát an ninh, an toàn; quản lý hành chính trong bộ phận buồng; xây dựng các nội quy, quy định của bộ phận buồng và các quy trình tiêu chuẩn; quản lý chung bộ phận buồng.

**98. Ngành/nghề: Điện đầu máy đường sắt**

***(1). Mô tả ngành/nghề***

"Điện đầu máy đường sắt" là ngành/nghề chuyên về các công việc chuyên môn: lắp ráp các thiết bị, hệ thống điện hoàn chỉnh trên đầu máy; bảo dưỡng hệ thống điện đầu máy theo các cấp quy định đối với mỗi loại đầu máy, sửa chữa thiết bị điện đầu máy theo quy trình.

***(2). Vị trí làm việc***

Người làm ngành/nghề Điện đầu máy đường sắt thường được bố trí làm việc trong tổ điện, điện mạch, điện động lực của các xí nghiệp đầu máy, nhà máy chế tạo đầu máy, các khu công nghiệp có sử dụng đầu máy.

***(3). Các nhiệm vụ chủ yếu của ngành/nghề***

Chế tạo, lắp ráp mới hệ thống điện, thiết bị điện trên đầu máy mới. Bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống điện, thiết bị điện trên đầu máy đang sử dụng. Bảo dưỡng, sửa chữa kiểm tra, hiệu chỉn các thiết bị điện; bảo dưỡng hiệu chỉnh máy điện; sửa chữa hệ thống dây dẫn; sửa chữa các thiết bị điện; sửa chữa thiết bị điện tử; sửa chữa máy điện; thử nghiệm hệ thống điện. Lắp đặt hệ thống điện gồm: lắp đặt hệ thống điện; lắp đặt thiết bị điện; lắp đặt máy điện; thử nghiệm hệ thống điện.

**99. Ngành/nghề: Bảo vệ môi trường đô thị**

***(1). Mô tả ngành/nghề***

"Bảo vệ môi trường đô thị" là ngành/nghề có các hoạt động đảm bảo chất lượng môi trường sống cho người dân trong khu đô thị, bao gồm môi trường: đất, nước, không khí và các vấn đề về chất thải đô thị, cảnh quan đô thị, quy hoạch môi trường như: quản lý và xử lý chất thải rắn, chất thải nguy hại; quản lý môi trường không khí xung quanh; xử lý khí thải tại các nhà máy, khu công nghiệp; quản lý chất lượng nước mặt và nước ngầm; xử lý nước cấp cho đô thị; xử lý nước thải tại các khu công nghiệp, trạm xử lý tập trung; vệ sinh môi trường khu vực đô thị; giảm thiểu chất thải; quản lý tài nguyên thiên nhiên, quản lý môi trường đô thị, quản lý khu công nghiệp và ứng phó ảnh hưởng của biến đổi khí hậu đến môi trường và người dân đô thị.

*(2). Vị trí làm việc*

Người làm ngành/nghề Bảo vệ môi trường đô thị có thể được bố trí làm việc tại các sở, ban, ngành như Sở Tài nguyên và Môi trường, Chi cục bảo vệ môi trường, Thanh tra môi trường, Cảnh sát môi trường; khu xử lý chất thải rắn; khu hoạt động xử lý chất thải nguy hại; công ty môi trường đô thị; công ty cấp thoát nước, các công ty tư nhân, phòng thí nghiệm hoạt động trong lĩnh vực môi trường như tư vấn môi trường; xử lý chất thải, quan trắc môi trường; quản lý môi trường theo ISO14000...

*(3). Các nhiệm vụ chủ yếu của ngành/nghề*

Quản lý, xử lý chất thải rắn, chất thải nguy hại đô thị; quản lý ô nhiễm không khí và tiếng ồn; xử lý khí thải công nghiệp; xử lý nước cấp đô thị và nước giếng khoan; xử lý nước thải đô thị; quản lý hệ thống cấp và thoát nước đô thị; quản lý ô nhiễm môi trường đất đô thị; quản lý cảnh quan và vệ sinh môi trường đô thị; quản lý hoạt động bảo vệ môi trường tại các doanh nghiệp; bảo vệ môi trường tại các doanh nghiệp; thích ứng với biến đổi khí hậu, nước biển dâng, ngập lụt đô thị; quản lý và tiết kiệm năng lượng đô thị; bảo vệ môi trường giao thông đô thị; quy hoạch bảo vệ môi trường đô thị.

**100. Ngành/nghề: Bảo vệ môi trường công nghiệp**

*(1). Mô tả ngành/nghề*

"Bảo vệ môi trường công nghiệp" là ngành/nghề mà người thực hiện các công việc bảo quản, thu gom, phân loại, vận chuyển, xử lý các sản phẩm độc hại được thải ra trong quá trình sản xuất công nghiệp để xử lý nhằm giảm đến mức thấp nhất tác động tiêu cực của các phế phẩm, các nguyên vật liệu này đến môi trường sống tự nhiên; đồng thời quan trắc, thu thập, phân tích, xử lý, bảo quản, thống kê báo cáo đánh giá những ảnh hưởng tác động đến môi trường tự nhiên của các ngành sản xuất công nghiệp.

*(2). Vị trí làm việc*

Người làm ngành/nghề Bảo vệ môi trường công nghiệp được bố trí làm việc tại các nhà máy, trạm xử lý chất thải hoặc các đơn vị thu gom, phân loại, vận chuyển chất thải; các tổ chức kiểm tra, giám sát, theo dõi để đánh giá mức độ ảnh hưởng của quá trình sản xuất đến môi trường tự nhiên.

*(3). Các nhiệm vụ chủ yếu của ngành/nghề*

Lấy mẫu chất thải ở dạng rắn, dạng lỏng, dạng khí để phân tích xác định các thành phần độc hại. Thu gom, phân loại, đóng gói, bảo quản, vận chuyển chất thải thông thường hoặc nguy hại bằng phương tiện thủ công hoặc lên thiết bị chuyên dụng để đưa đến các kho, bãi, nhà máy phân loại và xử lý trên các dây chuyền công nghệ hoặc bằng các phương pháp đơn giản. Vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa các hư hỏng nhỏ thường gặp trong dây chuyền xử lý nước thải công nghiệp. Thực hiện các công việc của quy trình hoàn nguyên môi trường. Điều tra, khảo sát, thống kê, báo cáo đánh giá tác động của sản xuất công nghiệp đến môi trường tự nhiên xung quanh và sức khỏe của con người. Tổ chức thực hiện các giải pháp nhằm giảm thiểu tác hại của sản xuất công nghiệp đến môi trường.

**101. Ngành/nghề: Sửa chữa thiết bị tự động hóa**

*(1). Mô tả ngành/nghề*

"Sửa chữa thiết bị tự động hóa" là ngành/nghề thực hiện các công việc sửa chữa các thiết bị, dây chuyền, hệ thống tự động điện của các nhà máy, các công ty, xí nghiệp.

*(2). Vị trí làm việc*

Người hành nghề Sửa chữa thiết bị tự động hóa làm việc trong lĩnh vực: nhà máy sản xuất, các công ty thiết kế, chế tạo thiết bị/hệ thống tự động... Việc sửa chữa thiết bị có thể thực hiện ở trong xưởng hoặc ngay tại vị trí đặt máy của dây chuyền.

***(3). Các nhiệm vụ chủ yếu của ngành/nghề***

Tính toán, thiết kế, chọn được vật tư, thiết bị phù hợp với điều kiện làm việc của thiết bị/hệ thống cần sửa chữa; phân tích được nguyên nhân dẫn đến tình trạng hư hỏng thiết bị/hệ thống; lập quy trình sửa chữa cho các thiết bị/hệ thống/máy móc khác nhau; đánh giá được chất lượng của thiết bị/hệ thống sau khi đã sửa chữa; lập kế hoạch, tổ chức thực hiện và quản lý các công việc thuộc lĩnh vực ngành/nghề sửa chữa thiết bị tự động, bồi dưỡng người có kỹ năng ngành/nghề bậc thấp hơn; sử dụng thành thạo các trang thiết bị của ngành/nghề; đảm bảo an toàn lao động, vệ sinh môi trường theo quy định của pháp luật.

**102. Ngành/nghề: Chế biến nông sản thực phẩm**

***(1). Mô tả ngành/nghề***

"Chế biến nông sản thực phẩm" là ngành/nghề sản xuất ra các sản phẩm thực phẩm nông nghiệp (chăn nuôi, trồng trọt và đánh bắt thủy sản như chè, cà phê, rau, quả, thịt, cá, sữa...) thành sản phẩm tiêu dùng trong đời sống hàng ngày.

***(2). Vị trí làm việc***

Người làm ngành/nghề Chế biến nông sản thực phẩm làm việc trên một công đoạn (nếu quy mô sản xuất lớn) hoặc trên toàn bộ dây chuyền sản xuất (nếu quy mô sản xuất nhỏ) để sản xuất ra sản phẩm thực phẩm. Quản lý các quá trình sản xuất thực phẩm về máy thiết bị và tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm. Khắc phục kịp thời sự cố của một số thiết bị. Tiếp nhận công nghệ sản xuất sản phẩm mới.

***(3). Các nhiệm vụ chủ yếu của ngành/nghề***

Thực hiện quy trình chế biến nguyên liệu nông sản thành các sản phẩm thực phẩm. Chọn và phân loại nguyên liệu nông sản. Chế biến nông sản thực phẩm theo các quá trình công nghệ và những trang thiết bị thích hợp cho từng quy trình làm ra sản phẩm.

**103. Ngành/nghề: Công nghệ sợi**

***(1). Mô tả ngành/nghề***

"Công nghệ sợi" là ngành/nghề thực hiện các công việc xé, trộn, làm sạch, chải, làm đều, làm mảnh, chập sợi, xe săn, quấn ống tạo nên thành phẩm là sợi đúng yêu cầu kỹ thuật theo thiết kế, đạt năng suất, chất lượng và an toàn.

***(2). Vị trí làm việc***

Người làm Công nghệ sợi thường được bố trí công việc tại các dây chuyền sản xuất sợi trong các nhà máy sợi.

***(3). Các nhiệm vụ chủ yếu của ngành/nghề***

Vận hành các máy trong dây chuyền sản xuất sợi; thực hiện chuẩn xác các thao tác công nghệ sợi cơ bản; phát hiện sự cố về máy và báo chỉnh sửa chữa kịp thời; có đủ sức khỏe làm việc trong môi trường ồn, nóng, bụi.

**104. Ngành/nghề: Công nghệ dệt**

***(1). Mô tả ngành/nghề***

"Công nghệ dệt" là ngành/nghề thiết kế, gia công các loại nguyên liệu (xơ hoặc sợi) trên các dây chuyền công nghệ dệt để tạo ra vải đạt yêu cầu kỹ thuật theo thiết kế, đảm bảo năng suất, chất lượng và an toàn.

*(2). Vị trí làm việc*

Trực tiếp tham gia sản xuất trên dây chuyền công nghệ dệt của các cơ sở sản xuất ngành dệt trong nước hoặc xuất khẩu lao động. Làm tổ trưởng sản xuất, cán bộ kỹ thuật thiết kế mẫu vải, kỹ thuật chuyền, kỹ thuật xây dựng định mức, kỹ thuật thiết kế công nghệ sản xuất, nhân viên kỹ thuật kiểm tra chất lượng sản phẩm trên dây chuyền, gia công các mặt hàng vải dệt thoi, vải dệt kim và vải không dệt. Tổ chức và quản lý doanh nghiệp sản xuất ngành dệt với quy mô vừa và nhỏ.

*(3). Các nhiệm vụ chủ yếu của ngành/nghề*

Thiết kế mặt hàng dựa trên cơ sở phân tích mẫu thật hoặc yêu cầu của khách hàng. Thiết kế đơn công nghệ gia công trên từng thiết bị và trên dây chuyền sản xuất. Xây dựng tiêu chuẩn kỹ thuật chất lượng sản phẩm. Xây dựng định mức sản xuất cho từng thiết bị và cho cả dây chuyền. Thiết kế dây chuyền sản xuất hợp lý trên điều kiện cơ sở vật chất trang thiết bị của doanh nghiệp. Vận hành an toàn, đúng quy trình kỹ thuật các thiết bị gia công trên dây chuyền công nghệ dệt, đảm bảo năng suất, chất lượng sản phẩm. Giám sát và xử lý sự cố trong quá trình sản xuất trên dây chuyền công nghệ dệt.

**105. Ngành/nghề: Hệ thống điện**

*(1). Mô tả ngành/nghề*

Ngành/nghề "Hệ thống điện" là ngành/nghề lắp đặt, quản lý, vận hành, kiểm tra, bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống lưới điện từ hạ áp đến 220kV.

*(2). Vị trí làm việc*

Người hành nghề Hệ thống điện có thể làm việc tại các công ty điện lực, công ty truyền tải điện, nhà máy điện; các nhà máy, xí nghiệp công nghiệp, quản lý vận hành trạm biến áp và hệ thống cung cấp điện tại các khu công nghiệp.

*(3). Các nhiệm vụ chủ yếu của ngành/nghề*

Lắp đặt hệ thống lưới điện và trạm biến áp phân phối có U ≤ 35kV; lắp đặt, kiểm tra, bảo dưỡng, sửa chữa khí cụ điện, tủ phân phối điện, hệ thống thanh góp, tụ điện cao áp và lưới điện phân phối; quản lý vận hành lưới điện phân phối đến 110kV, lưới điện truyền tải 220kV; kiểm tra, bảo dưỡng hệ thống đo lường, điều khiển tín hiệu, bảo vệ rơ le và tự động hóa và thống điện một chiều, máy phát điện, máy biến áp có U£ 110kV; bảo dưỡng, sửa chữa đường dây tải điện.

**106. Ngành/nghề: Luyện gang**

*(1). Mô tả ngành/nghề*

"Luyện gang" là ngành/nghề chuyên sản xuất các loại gang đúc và gang luyện thép trong lò cao đúng theo các yêu cầu kỹ thuật - kinh tế và an toàn lao động.

*(2). Vị trí làm việc*

Làm việc tại các nhà máy luyện gang.

*(3). Các nhiệm vụ chủ yếu của ngành/nghề*

Tiếp nhận và phân loại các nguyên vật liệu phù hợp với yêu cầu công nghệ; sử dụng thành thạo các trang thiết bị và dụng cụ phục vụ công nghệ sản xuất gang lò cao; tính toán điều chỉnh thành phần phối liệu phù hợp với từng sản phẩm; vận hành lò cao đảm bảo các chỉ tiêu năng suất, chất lượng và kinh tế; bồi dưỡng kèm cặp công nhân bậc thấp; tổ chức và quản lý quá trình sản xuất tương ứng với trình độ của mình.

**107. Ngành/nghề: Thí nghiệm điện**

***(1). Mô tả ngành/nghề***

"Thí nghiệm điện" là ngành/nghề được thực hiện trong trạm biến áp và đường dây thuộc lĩnh vực phân phối, truyền tải điện.

***(2). Vị trí làm việc***

Người học ngành/nghề Thí nghiệm điện ra trường có thể làm việc tại các nhà máy điện, trạm biến áp, hệ thống cung cấp và phân phối điện trong dân dụng, nhà máy công nghiệp, phòng thí nghiệm tiêu chuẩn.

***(3). Các nhiệm vụ chủ yếu của ngành/nghề***

Hiệu chỉnh đối với các thiết bị trong hệ thống điện dựa vào các tiêu chuẩn của nhà chế tạo, tiêu chuẩn ngành điện và tiêu chuẩn nhà nước được ban hành. Bối cảnh thực hiện: thí nghiệm trong khi lắp đặt, sau lắp đặt, thí nghiệm định kỳ và thí nghiệm sau khi đại tu, sửa chữa.

**108. Ngành/nghề: Công nghệ mạ**

***(1). Mô tả ngành/nghề***

"Công nghệ mạ" là ngành/nghề tạo ra trên bề mặt kim loại hay phi kim loại một lớp kim loại khác để bảo vệ ăn mòn cho kim loại hoặc tạo ra các tính chất khác cho bề mặt vật mạ: bóng sáng, cứng, từ tính, trang sức... Quá trình mạ được thực hiện ở các dây chuyền công nghệ cụ thể, phù hợp với từng tính chất, chức năng của lớp mạ. Trong mỗi lớp mạ có sử dụng các máy, thiết bị và hoá chất riêng thích hợp cho từng loại quy trình mạ. Đặc điểm chung của các quy trình mạ kim loại là tiếp xúc với nhiều loại hoá chất, nhiệt độ cao, dòng điện lớn và dễ cháy nổ. Trong môi trường phát sinh nhiều bụi kim loại, hơi hoá chất dễ gây ô nhiễm môi trường. Lớp mạ có thể tạo ra bằng phương pháp điện hoá hoặc hoá học trên nền kim loại hoặc phi kim loại. Các lớp mạ thường gặp như: đồng, kẽm, niken, crom, thiếc, bạc, vàng, hợp kim Cu - Zn, Cu - Sn, và mỗi lớp có tính chất và phạm vi ứng dụng riêng.

***(2). Vị trí làm việc***

Người có chuyên môn về Công nghệ mạ làm việc trong các dây chuyền mạ, các xưởng gia công, sửa chữa của các công ty, doanh nghiệp có liên quan đến công nghệ mạ.

***(3). Các nhiệm vụ chủ yếu của ngành/nghề***

Thực hiện quy trình mạ đạt tiêu chuẩn sản phẩm, có hiệu quả và phù hợp với cấp trình độ được đào tạo; pha chế các dung dịch sử dụng cho một lớp mạ, vận hành được hệ thống máy, thiết bị trong dây chuyền mạ; nhận biết và xử lý các sự cố xảy ra trong quy trình mạ; thực hiện việc bảo quản, bảo dưỡng các máy móc và thiết bị theo đúng quy định; thực hiện công việc kiểm tra và đánh giá chất lượng của lớp mạ.

**109. Ngành/nghề: Kiểm nghiệm bột giấy và giấy**

***(1). Mô tả ngành/nghề***

"Kiểm nghiệm bột giấy và giấy" là ngành/nghề yêu cầu người công nhân/kỹ thuật viên phải làm các nhiệm vụ bao gồm từ kiểm tra chất lượng nguyên vật liệu đưa vào sản xuất, kiểm tra quá trình sản xuất, kiểm tra chất lượng bán sản phẩm và sản phẩm trong quá trình sản xuất bột giấy và giấy, tham gia nghiên cứu nâng cao chất lượng sản phẩm.

*(2). Vị trí làm việc*

Làm việc trong các nhà máy sản xuất giấy.

*(3). Các nhiệm vụ chính của ngành/nghề*

Xác định, phân tích, đánh giá các loại nguyên vật liệu, hoá chất... đưa vào sản xuất, các công việc kiểm tra trên dây chuyền trong quá trình sản xuất, kiểm tra chất lượng các bán thành phẩm và sản phẩm cuối cùng trong toàn bộ dây chuyền công nghệ sản xuất bột giấy và giấy, tham gia các công việc khác như nghiên cứu nâng cao chất lượng sản phẩm, đào tạo thợ bậc thấp, quản lý và tổ chức sản xuất.

**110. Ngành/nghề: Nguội lắp ráp cơ khí**

*(1). Mô tả ngành/nghề*

"Nguội lắp ráp cơ khí" là ngành/nghề thực hiện các công việc lắp ráp, điều chỉnh các chi tiết, cụm chi tiết hoặc toàn bộ thiết bị cơ khí, hệ thống khí nén, thuỷ lực thông thường nhằm làm cho các cụm chi tiết, thiết bị hoạt động được theo đúng tính năng kỹ thuật và đảm bảo an toàn.

*(2). Vị trí làm việc*

Người có chuyên môn về ngành/nghề Nguội lắp ráp cơ khí có thể làm việc tại các phân xưởng của xí nghiệp, nhà máy hoặc nơi có thiết bị đơn lẻ mà ở đó có nhu cầu lắp ráp cơ khí, hay vận hành bảo trì thiết bị trong các doanh nghiệp. Làm việc trong các lĩnh vực lắp ráp dụng cụ, đồ gá, thiết bị cơ khí, lắp đặt đường ống công nghệ, lắp ráp thiết bị nâng chuyển, lắp ráp thiết bị trong dây chuyền sản xuất hoặc có thể trực tiếp tham gia vào quá trình chế tạo sản phẩm cơ khí hàng hóa nhỏ.

*(3). Các nhiệm vụ chủ yếu của ngành/nghề*

Lập các bảng kê vật tư phụ tùng cần cho lắp ráp; lập quy trình lắp ráp; thực hiện việc tổ chức, tiếp nhận, lắp ráp thiết bị đảm bảo yêu cầu kỹ thuật; chạy thử, kiểm tra, hiệu chỉnh thiết bị; thay thế chi tiết hay bộ phận của thiết bị; kèm cặp công nhân bậc thấp sau khi tích luỹ kinh nghiệm ngành/nghề.

**111. Ngành/nghề: Sản xuất phân bón**

*(1). Mô tả ngành/nghề*

"Sản xuất phân bón" là ngành/nghề sản xuất các sản phẩm phân bón hoá học như: phân lân, phân đạm, phân hỗn hợp NPK, phân phức hợp DAP. Trong quá trình sản xuất các loại phân bón có sử dụng các máy và thiết bị thích hợp cho từng quy trình sản xuất các sản phẩm phân bón hoá học khác nhau.

*(2). Vị trí làm việc*

Người học ngành/nghề Sản xuất phân bón có thể làm việc ở các vị trí của các doanh nghiệp sản xuất phân bón; làm việc tại các cơ sở kinh doanh phân bón.

*(3). Các nhiệm vụ chủ yếu của ngành/nghề*

Vận hành hệ thống máy và thiết bị trong dây chuyền sản xuất; xử lý các sự cố xảy ra trong quy trình sản xuất; thực hiện việc bảo quản, bảo dưỡng các máy móc và thiết bị theo đúng quy định; thực hiện công việc đóng bao và bảo quản sản phẩm phân bón; tổ chức quản lý kinh doanh phân bón...

**112. Ngành/nghề: Sản xuất bánh kẹo**

*(1). Mô tả ngành/nghề*

Ngành/nghề "Sản xuất bánh kẹo" là ngành/nghề sản xuất ra các sản phẩm bánh, kẹo phục vụ tiêu dùng trong đời sống hàng ngày. Sử dụng các quy trình công nghệ và thiết bị chuyên dụng để chế biến

các nguyên liệu thành các sản phẩm khác nhau như các loại kẹo: kẹo cứng, kẹo mềm, kẹo dẻo... các loại bánh: bánh quy xốp, bánh quy dai, bánh mỳ, bánh gato...

***(2). Vị trí làm việc***

Làm việc tại các nhà máy sản xuất bánh, kẹo.

***(3). Các nhiệm vụ chủ yếu của ngành/nghề***

Thực hiện việc vận hành và bảo dưỡng các máy thiết bị theo quy định; Tổ chức và quản lý quá trình sản xuất tương xứng với trình độ đào tạo; vận hành các máy, thiết bị cơ bản trong quá trình sản xuất. Quản lý về máy móc thiết bị và tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm. Khắc phục kịp thời sự cố của một số thiết bị. Tiếp nhận công nghệ sản xuất sản phẩm mới.

**113. Ngành/nghề: Sản xuất nước giải khát**

***(1). Mô tả ngành/nghề***

"Sản xuất nước giải khát" là ngành/nghề sản xuất các loại nước giải khát khác nhau: nước rau quả, nước trà xanh, nước trà thảo dược, nước ngọt có gas, nước khoáng, nước uống tinh khiết... phục vụ đời sống.

***(2). Vị trí làm việc***

Trực tiếp tham gia sản xuất trên dây chuyền sản xuất nước giải khát của các cơ sở và chế biến thực phẩm. Làm tổ trưởng sản xuất, cán bộ kỹ thuật phân xưởng, nhân viên kỹ thuật kiểm tra chất lượng sản phẩm và trưởng ca các dây chuyền sản xuất nước giải khát. Tổ chức và quản lý doanh nghiệp sản xuất ngành chế biến thực phẩm với quy mô vừa và nhỏ.

***(3). Các nhiệm vụ chủ yếu của ngành/nghề***

Thực hiện các công việc trong quy trình công nghệ sản xuất các loại nước giải khát, đưa ra thị trường các sản phẩm nước giải khát theo yêu cầu của khách hàng. Thiết kế dây chuyền sản xuất hợp lý trên điều kiện cơ sở vật chất trang thiết bị của doanh nghiệp. Vận hành an toàn, đúng quy trình kỹ thuật thiết bị trên dây chuyền sản xuất nước giải khát đảm bảo năng suất, chất lượng sản phẩm. Giám sát và xử lý được sự cố trong quy trình sản xuất trên dây chuyền sản xuất nước giải khát.

**114. Ngành/nghề: Sản xuất pin-ắc quy**

***(1). Mô tả ngành/nghề***

Ngành/nghề "Sản xuất pin-ắc quy" là ngành/nghề sản xuất các nguồn điện hoá học như: Pin khô mangan-kẽm, pin kiềm mangan-kẽm, pin liti ion, pin liti ion polyme, pin kẽm-bạc, pin niken-cadimi, ắc quy chì, ắc quy niken-cadimi... để cung cấp năng lượng điện cho một số thiết bị điện trong sinh hoạt và trong công nghiệp.

***(2). Vị trí làm việc***

Người làm ngành/nghề nghề Sản xuất pin-ắc quy thường làm việc tại các doanh nghiệp sản xuất pin-ắc quy; các cơ sở kinh doanh pin và ắc quy.

***(3). Các nhiệm vụ chủ yếu của ngành/nghề***

Nhiệm vụ chủ yếu của ngành/nghề Sản xuất pin-ắc quy là: thực hiện quá trình sản xuất pin-ắcquy đạt chất lượng, hiệu quả; vận hành hệ thống máy và thiết bị trong dây chuyền sản xuất; xử lý các sự cố xảy ra trong khi tiến hành sản xuất; thực hiện bảo quản các máy móc và thiết bị theo đúng quy định; thực

hiện kiểm tra chất lượng sản phẩm, đóng bao và bảo quản sản phẩm; cải tiến và ứng dụng được các tiến bộ khoa học vào công việc của ngành/nghề nhằm nâng cao hiệu quả và năng suất lao động.

**115. Ngành/nghề: Sản xuất rượu, bia**

***(1). Mô tả ngành/nghề***

"Sản xuất rượu, bia" là ngành/nghề thực hiện các nhiệm vụ trong dây chuyền sản xuất rượu, bia: từ tiếp nhận nguyên liệu, vận hành, kiểm tra thiết bị sản xuất rượu bia... đến sản phẩm cuối cùng theo đúng yêu cầu kỹ thuật, đạt năng suất, chất lượng và an toàn, hiệu quả trong các phòng thí nghiệm, các xưởng sản xuất của các xí nghiệp, doanh nghiệp, nhà máy sản xuất rượu, bia.

***(2). Vị trí làm việc***

Trực tiếp tham gia sản xuất trên dây chuyền sản xuất rượu, bia của các cơ sở và chế biến thực phẩm trong nước hoặc xuất khẩu lao động. Làm tổ trưởng sản xuất, cán bộ kỹ thuật phân xưởng, nhân viên kỹ thuật kiểm tra chất lượng sản phẩm và trưởng ka các dây chuyền sản xuất rượu, bia. Tổ chức và quản lý doanh nghiệp sản xuất ngành chế biến thực phẩm với quy mô vừa và nhỏ.

***(3). Các nhiệm vụ chủ yếu của ngành/nghề***

Nắm vững đặc điểm nguyên liệu, sự biến đổi, quá trình sơ chế bảo quản nguyên liệu trong quy trình sản xuất rượu bia; thực hiện quy trình công nghệ sản xuất rượu cồn, rượu vang, rượu khai vị, quy trình sản xuất bia đưa ra thị trường các sản phẩm rượu, bia theo yêu cầu của khách hàng; thiết kế dây chuyền sản xuất hợp lý trên điều kiện cơ sở vật chất trang thiết bị của doanh nghiệp; vận hành an toàn, đúng quy trình kỹ thuật thiết bị trên dây chuyền sản xuất rượu, bia đảm bảo năng suất, chất lượng sản phẩm; giám sát và xử lý được sự cố trong quy trình sản xuất trên dây chuyền sản xuất rượu, bia.

**116. Ngành/nghề: Thí nghiệm các sản phẩm hóa dầu**

***(1). Mô tả ngành/nghề***

Ngành/ nghề "Thí nghiệm các sản phẩm hóa dầu" là ngành/nghề thí nghiệm để xác định thành phần, tính chất, chỉ tiêu kỹ thuật các sản phẩm có nguồn gốc từ dầu mỏ như: chất dẻo, keo dán, thuốc nhuộm, đạm urê, thuốc nổ, chất tẩy rửa tổng hợp v.v... Quá trình thí nghiệm các sản phẩm hóa dầu được thực hiện ở các phòng thí nghiệm và tại các cơ sở sản xuất. Trong quá trình thí nghiệm có sử dụng các máy móc, thiết bị thích hợp cho từng quy trình thí nghiệm các sản phẩm hóa dầu khác nhau.

***(2). Vị trí làm việc***

Kỹ thuật viên "Thí nghiệm các sản phẩm hóa dầu" làm việc tại các phòng thí nghiệm, bộ phận KCS trong các công ty, cơ sở sản suất, kinh doanh các sản phẩm hóa dầu.

***(3). Các nhiệm vụ chủ yếu của ngành/nghề***

Các nhiệm vụ chủ yếu của Thí nghiệm các sản phẩm hóa dầu là: thực hiện thí nghiệm sản phẩm chất dẻo, keo dán, thuốc nhuộm, đạm urê, thuốc nổ, chất tẩy rửa tổng hợp...

**117. Ngành/nghề: Vận hành nhà máy thuỷ điện**

***(1). Mô tả ngành/nghề***

"Vận hành nhà máy thuỷ điện" là ngành/nghề làm nhiệm vụ vận hành, theo dõi, kiểm tra, giám sát, điều chỉnh và xử lý các trường hợp sự cố trong các tuyến năng lượng, tua bin thuỷ lực, máy phát điện, máy biến áp lực, trạm phân phối, hệ thống điện tự dùng, hệ thống điện một chiều, thiết bị nhị thứ,

hệ thống nước kỹ thuật, trạm bơm nước, thông gió, máy nén khí, đập tràn... của một nhà máy thuỷ điện đảm an toàn kỹ thuật.

***(2). Vị trí làm việc***

Làm việc tại các nhà máy thủy điện.

***(3). Các nhiệm vụ chủ yếu của ngành/nghề***

Thực hiện các thao tác đúng của các thiết bị điện, thiết bị cơ khí thuỷ lực và hệ thống thiết bị phụ trong nhà máy thuỷ điện, đảm bảo đúng quy trình vận hành. Kiểm tra, giám sát tình trạng làm việc và điều chỉnh được các thông số vận hành của thiết bị điện, thiết bị cơ khí thuỷ lực, hệ thống thiết bị phụ trong nhà máy thuỷ điện. Phát hiện kịp thời và xử lý được các sự cố của thiết bị điện, thiết bị cơ khí thuỷ lực, hệ thống thiết bị phụ trong nhà máy thuỷ điện bảo đảm quy trình xử lý sự cố các thiết bị.

**118. Ngành/nghề: Vận hành thiết bị sàng tuyển than**

***(1). Mô tả ngành/nghề***

"Vận hành thiết bị sàng tuyển than" là ngành/nghề vận hành các thiết bị trong dây chuyền công nghệ của phân xưởng, nhà máy sàng tuyển than. Là nghề được người công nhân kỹ thuật thực hiện trong phạm vi mặt bằng của phân xưởng sàng, tuyển than với các công đoạn chính: chuẩn bị than cấp liệu, tuyển tách và hoàn thiện sản phẩm.

***(2). Vị trí làm việc***

Người làm ngành/nghề Vận hành thiết bị sàng tuyển than thường làm việc tại các mỏ than, các doanh nghiệp khai thác, kinh doanh than.

***(3). Các nhiệm vụ chủ yếu của ngành/nghề***

Vận hành các máy sàng: sàng sơ bộ than nguyên khai, sàng tách cám khô, sàng khử nước, sàng tách cấp hạt mịn, sàng rửa manhetít, sàng phân loại than sạch thành các cấp hạt khác nhau có kích thước theo tiêu chuẩn quốc gia, TCCS hoặc theo yêu cầu của khách hàng. Vận hành các máy nghiền, máy đập để làm giảm kích thước của than cục, than trung gian, xít thải theo yêu cầu của công nghệ và khách hàng. Vận hành các loại máy tuyển: máng rửa, máy lắng, máy tuyển huyền phù, máy xoáy lốc huyền phù, máng xoắn, máy tuyển nổi với mục đích sản xuất các loại than sạch có chất lượng cao và loại bỏ đá thải từ than nguyên khai. Vận hành các thiết bị phụ trợ: máy bơm, máy nén khí, các thiết bị cô đặc than bùn, máy lọc ép, các thiết bị, dụng cụ trong phòng thí nghiệm phân tích chất lượng sản phẩm than. Chăm sóc, bảo dưỡng các thiết bị và xử lý các sự cố xảy ra trong quá trình vận hành.

**119. Ngành /nghề: Vận hành và sửa chữa Trạm thủy điện**

***(1). Mô tả ngành/nghề***

Ngành/nghề "Vận hành và sửa chữa Trạm thuỷ điện" là ngành/nghề làm nhiệm vụ vận hành, theo dõi, kiểm tra, giám sát, điều chỉnh, bảo dưỡng và xử lý các sự cố trong một trạm thuỷ điện (nhà máy thuỷ điện nhỏ).

***(2). Các nhiệm vụ chủ yếu của ngành/nghề***

Kỹ thuật viên Vận hành và sửa chữa Trạm thuỷ điện thường đảm nhận các nhiệm vụ chủ yếu như: vận hành tuyến năng lượng; vận hành tua bin thuỷ lực; vận hành máy phát điện thuỷ điện; vận hành máy biến áp; vận hành hệ thống điện tự dùng xoay chiều; vận hành hệ thống điện tự dùng một chiều; vận hành hệ thống dầu không áp lực; vận hành hệ thống nước; vận hành hệ thống khí nén; vận hành hệ thống

thông gió; bảo dưỡng, sửa chữa tuyến năng lượng; bảo dưỡng, sửa chữa tuabin; bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống dầu áp lực; bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống nước; bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống khí nén của một trạm thuỷ điện, đảm bảo an toàn, kỹ thuật và kinh tế.

**120. Ngành/nghề: Quản trị kinh doanh vận tải đường sắt**

***(1). Mô tả ngành/nghề***

"Quản trị kinh doanh vận tải đường sắt" là ngành/nghề quản lý, điều hành, thực hiện các công việc kinh doanh trong vận tải hàng hoá, vận tải hành khách bằng đường sắt nhằm đạt hiệu quả cao.

***(2). Vị trí làm việc***

Người làm ngành/nghề Quản trị kinh doanh vận tải đường sắt hoạt động trong các bộ phận quản lý, nghiệp vụ, tư vấn, phục vụ tại các doanh nghiệp kinh doanh vận tải đường sắt liên vận quốc tế, doanh nghiệp kinh doanh vận tải đường sắt nội địa, doanh nghiệp kinh doanh vận tải đường sắt nội đô, doanh nghiệp kinh doanh vận tải đa phương thức.

***(3). Các nhiệm vụ chủ yếu của ngành/nghề***

Lập kế hoạch sản phẩm, kế hoạch tiếp thị, tổ chức thực hiện kế hoạch tiếp thị của doanh nghiệp vận tải đường sắt. Lập kế hoạch sản xuất kinh doanh ngắn hạn, trung hạn, dài hạn của doanh nghiệp vận tải đường sắt. Tổ chức quá trình vận tải hàng hoá bằng đường sắt, thực hiện các nghiệp vụ về vận tải tại ga nhận hàng, các thủ tục phát sinh dọc đường và tại ga đường sắt giao trả lại hàng hoá theo yêu cầu của khách hàng. Tổ chức quá trình vận tải hành khách bằng đường sắt, thực hiện các công việc phục vụ hành khách tại ga và trên tàu kể từ ga đường sắt hành khách đi tàu tới ga đường sắt hành khách xuống tàu. Quản lý sử dụng lao động, cơ sở vật chất trong phạm vi trách nhiệm được phân công. Tổ chức các dịch vụ hỗ trợ khách hàng, các dịch vụ kinh doanh sản phẩm đi kèm ngoài sản phẩm dịch vụ vận tải đường sắt nhằm tăng thu và giảm giá thành vận tải đường sắt. Đánh giá hiệu quả kinh tế trong kinh doanh vận tải đường sắt của doanh nghiệp. Xây dựng mối quan hệ hợp tác lao động thân thiện, bền vững những người lao động trong cùng doanh nghiệp, giữa doanh nghiệp với khách hàng, doanh nghiệp với địa phương, doanh nghiệp với các cơ quan chức năng của nhà nước và với các doanh nghiệp bạn.

**121. Ngành/nghề: Lắp đặt cầu**

***(1). Mô tả ngành/nghề***

"Lắp đặt cầu" là ngành/nghề thực hiện các công việc: lắp đặt cầu kết cấu bê tông cốt thép; cầu kết cấu thép; cầu dây văng và cầu treo theo đúng yêu cầu kỹ thuật chuyên ngành, đảm bảo kết quả chính xác, làm việc an toàn và đúng thời gian yêu cầu.

***(2). Vị trí làm việc***

Người hành nghề Lắp đặt cầu thường đảm nhiệm vị trí của một công nhân kỹ thuật; cán bộ kỹ thuật hiện trường; đội trưởng, tổ trưởng thi công tại công trường xây dựng cầu đường bộ. Công việc được tiến hành ngoài hiện trường xây dựng cầu đường bộ.

***(3). Các nhiệm vụ chủ yếu của ngành/nghề***

Lắp đặt thiết bị thi công; lắp đặt hệ thống sàn tạm; thi công lắp ghép mố trụ cầu; hỗ trợ khoan cọc nhồi; lắp đặt dầm bê tông cốt thép đúc sẵn; lắp hẫng và bán hẫng kết cấu nhịp cầu; lắp đẩy kết cấu nhịp; lao dọc, lao ngang kết cấu nhịp cầu thép; lắp đặt hệ mặt cầu; thực hiện an toàn lao động và vệ sinh môi trường; tổ chức lao động và giám sát tổ, nhóm lắp đặt cầu...

**122. Ngành/nghề: Công nghệ sản xuất bê tông nhựa nóng**

***(1). Mô tả ngành/nghề***

"Công nghệ sản xuất bê tông nhựa nóng" (Bê tông ASPHAL) là ngành/nghề thực hiện các công việc: sử dụng trạm trộn bê tông nhựa nóng để thực hiện quy trình sản xuất ra sản phẩm là bê tông nhựa nóng phục vụ cho việc thi công mặt đường, bê tông nhựa nóng sản xuất ra phải đảm bảo các yêu cầu kinh tế, kỹ thuật, độ chính xác về thành phần vật liệu, độ đồng đều về chất lượng trộn và nhiệt độ khi ra khỏi buồng trộn, chi phí sản xuất hợp lý. Muốn hoàn thành tốt các nhiệm vụ và thành đạt trong ngành/nghề, người hành nghề phải có những hiểu biết nhất định về các nhiệm vụ chủ yếu, vị trí và nơi làm việc, các trang thiết bị sử dụng trong khi hành nghề.

***(2). Vị trí làm việc***

Người hành nghề Công nghệ sản xuất bê tông nhựa nóng thường đảm nhiệm vị trí của một công nhân kỹ thuật, cán bộ kỹ thuật trong trạm trộn bê tông nhựa của các công ty, xí nghiệp; công việc được tiến hành trong ca bin vận hành, phòng thí nghiệm vật liệu và các vị trí trên bãi đặt trạm trộn.

***(3). Các nhiệm vụ chủ yếu của ngành/nghề***

Lắp đặt trạm trộn bê tông nhựa nóng; thực hiện công tác kiểm tra, chuẩn bị trước khi sản xuất bê tông nhựa nóng. Thiết kế được thành phần hỗn hợp bê tông nhựa nóng để sản xuất và kiểm tra chất lượng vật liệu đầu vào và sản phẩm đầu ra. Vận hành trạm trộn sản xuất ra bê tông nhựa nóng đảm bảo các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật. Thực hiện công việc kiểm tra sau khi kết thúc ca sản xuất. Bảo trì và sửa chữa các hư hỏng thông thường của các bộ phận trong trạm trộn. Xử lý các sự cố kỹ thuật xảy ra trong quá trình sản xuất. Thực hiện an toàn kỹ thuật, an toàn lao động và vệ sinh công nghiệp. Tổ chức, điều hành tổ, nhóm làm việc, kèm cặp người có tay nghề bậc thấp và tham gia các hoạt động chia sẻ kinh nghiệm với đồng nghiệp, phát triển nghề nghiệp.

**123. Ngành/nghề: Gia công và lắp dựng kết cấu thép**

***(1). Mô tả ngành/nghề***

"Gia công và lắp dựng kết cấu thép" là ngành/nghề cơ khí - sử dụng các dụng cụ và thiết bị của nhiều lĩnh vực như: gia công phôi, nguội, gò, hàn, cắt gọt, bảo quản, thẩm mỹ... để tiến hành gia công hoàn chỉnh các sản phẩm là các kết cấu thép, sau đó tiến hành khảo sát các yếu tố mặt bằng công trình, sử dụng các thiết bị đo kiểm nâng hạ để lắp ráp các kết cấu thép đó thành công trình kỹ thuật.

***(2). Vị trí làm việc***

Người hành nghề Gia công và lắp dựng kết cấu thép thường được bố trí công việc ở nhiều vị trí như: trong phân xưởng cơ khí; làm việc tại các công trình của ngành xây dựng, giao thông, công nghiệp... Công việc có thể diễn ra trên mặt đất, trong lòng đất, trên cao hoặc dưới nước...

***(3). Các nhiệm vụ chủ yếu của ngành/nghề***

Người làm Gia công và lắp dựng kết cấu thép thường đảm nhiệm các nhiệm vụ chủ yếu như: chuẩn bị vật liệu và phương tiện; chuẩn bị mặt bằng sản xuất; gia công chi tiết; định hình cụm chi tiết; hoàn thiện kết cấu; lắp dựng kết cấu; thực hiện an toàn cho người và thiết bị; phát triển nhân lực nghề nghiệp.

**124. Ngành/nghề: Lắp đặt điện công trình**

***(1). Mô tả ngành/nghề***

Lắp đặt điện công trình là ngành/nghề chuyên kiểm tra, lắp đặt các thiết bị điện, hệ thống điện trong các công trình xây dựng như: các hệ thống cung cấp điện, hệ thống chống sét cho công trình, lắp đặt các hệ thống chiếu sáng công nghiệp và dân dụng.

***(2). Các nhiệm vụ chủ yếu của ngành/nghề***

Nhiệm vụ chính của người Lắp đặt điện công trình là lắp đặt các thiết bị điện trong công nghiệp, dân dụng đang xây dựng tại các khu công nghiệp, khu đô thị, khu dân cư và các văn phòng làm việc... sau đó bàn giao cho đơn vị chủ quản trực tiếp quản lý và sử dụng. Vì vậy, đòi hỏi người hành nghề phải có kiến thức, kỹ năng chuyên môn, làm chủ về trang thiết bị, tiếp cận với công nghệ mới.

**125. Ngành/nghề: Quản lý khu đô thị**

***(1). Mô tả ngành/nghề***

"Quản lý khu đô thị" là ngành/nghề thực hiện việc quản lý, điều hành các hoạt động trong khu đô thị như khai thác, vận hành, bảo trì các hạng mục công trình và xử lý các vấn đề liên quan đến hạ tầng của một khu đô thị, bao gồm hạ tầng xã hội (nhà ở, trường học, bệnh viện, khu vui chơi, giải trí...) và hạ tầng kỹ thuật (hệ thống điện, nước, khí gas, hệ thống giao thông, cây xanh, thông tin, bảo vệ tự động...) nhằm đảm bảo an ninh trật tự và đáp ứng nhu cầu sinh hoạt tối thiểu cho người dân đang sinh sống ở các khu đô thị và các tiêu chuẩn quy định của một khu đô thị trên phạm vi toàn quốc.

***(2). Các nhiệm vụ chủ yếu của ngành/nghề***

Quản lý hệ thống điện, nước, khí gas... trong khu đô thị. Quản lý hệ thống thiết bị kỹ thuật trong khu đô thị. Quản lý hành chính và các dịch vụ đô thị. Quản lý quy hoạch kiến trúc cảnh quan và môi trường khu đô thị. Quản lý công tác phòng cháy chữa cháy trong khu đô thị.

**126. Ngành/nghề: Gia công, lắp ráp hệ thống ống tàu thuỷ**

***(1). Mô tả ngành/nghề***

"Gia công, lắp ráp hệ thống ống tàu thuỷ" là một trong những ngành/nghề áp dụng trong công nghệ đóng tàu thuỷ, người hành nghề phải thực hiện công việc trong các phân xưởng, các khoang, két trên tàu với không gian chật hẹp, kỹ thuật phức tạp và phải đáp ứng đầy đủ tiêu chuẩn của các cơ quan đăng kiểm như: TCVN 6259-7:1997, NK (tiêu chẩn đăng kiểm Nhật Bản), IMO (tiêu chuẩn của Hiệp hội vận tải Anh), ISO 9001-2000, trong điều kiện luôn luôn phải cập nhật các công nghệ mới, các tiến bộ khoa học kỹ thuật của ngành hiện nay và trong tương lai.

***(2). Các nhiệm vụ chủ của ngành/nghề***

Gia công hệ thống ống có áp lực vừa và thấp. Gia công hệ thống ống có áp lực cao. Gia công phụ kiện ống. Lắp ráp hệ thống hút khô và dằn tàu. Lắp ráp hệ thống ống phục vụ động cơ Diesel. Lắp ráp hệ thống chữa cháy. Lắp ráp hệ thống nước sinh hoạt. Lắp ráp hệ thống ống thuỷ lực, khí nén phục vụ thiết bị boong. Lắp ráp hệ thống ống làm hàng trên tàu chuyên dụng. Lắp ráp các hệ thống ống khác. Sửa chữa thiết bị đường ống. Sửa chữa ống và phụ kiện đường ống. Thử hệ thống ống toàn tàu.

**127. Ngành/nghề: Quản lý, khai thác công trình thuỷ lợi**

***(1). Mô tả ngành/nghề***

"Quản lý, khai thác công trình thuỷ lợi" là ngành/nghề quản lý và khai thác các công trình trong hệ thống tưới, tiêu, phục vụ dân sinh, công nghiệp, nông nghiệp, an ninh quốc phòng.

***(2). Vị trí làm việc***

Người hành nghề Quản lý khai thác công trình thủy lợi thường làm việc tại các doanh nghiệp quản lý, khai thác công trình thủy lợi, doanh nghiệp khai thác tài nguyên nước... họ cần có đủ kiến thức, kỹ

năng, sức khỏe để làm việc ở văn phòng, công trình hoặc ngoài trời, đôi khi phải làm việc trong những điều kiện khắc nghiệt như gió bão, lũ lụt...

***(3). Các nhiệm vụ chủ yếu của ngành/nghề***

Đo đạc các yếu tố khí tượng thủy văn; trắc đạc công trình; quan trắc công trình, quản lý, vận hành tưới, tiêu; quản lý, vận hành hệ thống tưới tiết kiệm nước; quản lý, vận hành công trình đầu mối; quản lý, vận hành kênh và công trình trên kênh; thi công, tu bổ công trình; duy tu, bảo dưỡng; phòng chống lụt bão; bảo vệ công trình; thực hiện an toàn lao động.

**128. Ngành/nghề: Chế biến mủ cao su**

***(1). Mô tả ngành/nghề***

"Chế biến mủ cao su" là ngành/nghề chế biến từ mủ cây cao su ra 5 loại sản phẩm chính như: cao su dạng khối, cao su dạng tờ RSS, cao su latex cô đặc theo những quy trình công nghệ và thiết bị phù hợp để sản phẩm đạt tiêu chuẩn quốc gia và quốc tế nhằm làm nguyên liệu phục vụ cho ngành công nghiệp chế biến sản phẩm cao su như săm lốp, găng tay, băng tải, đế giày...

***(2). Vị trí làm việc***

Người hành nghề Chế biến mủ cao su có thể làm việc ở các vị trí trong quy trình chế biến các loại mủ cao su; làm việc tại phòng kiểm phẩm cao su; làm việc tại các cơ sở kinh doanh mủ cao su.

***(3). Các nhiệm vụ chủ yếu của ngành/nghề***

Tổ chức làm việc theo nhóm và điều hành phân xưởng chế biến, điều hành ca và tổ sản xuất được phân công; thực hiện đúng các quy định trong quy trình chế biến; phản ứng nhanh đảm bảo an toàn khi lao động, vệ sinh công nghiệp và xử lý môi trường.

**129. Ngành/nghề: Bảo dưỡng trạm thu phát sóng vô tuyến**

***(1). Mô tả ngành/nghề***

"Bảo dưỡng trạm thu phát sóng vô tuyến" là ngành/nghề đặc thù trong ngành Viễn thông, được thực hiện định kỳ 1 đến 2 lần trong năm bao gồm các công việc như vệ sinh, kiểm tra, xiết chặt các đấu nối; đo kiểm, phân tích đánh giá kết quả, xử lý các lỗi nhỏ; phát hiện và báo cáo kịp thời các sự cố sửa chữa lớn cho các bộ phận quản lý liên quan để duy trì hoạt động bình thường, liên tục, lâu dài, nâng cao tuổi thọ thiết bị và đảm bảo chất lượng cho trạm thu phát sóng vô tuyến.

***(2). Vị trí làm việc***

Vị trí làm việc của kỹ thuật viên Bảo dưỡng trạm thu phát sóng vô tuyến rất đa dạng như: làm việc trên cột cao, làm việc trong phòng máy, làm việc trên những tòa nhà cao tầng. Đối với những tỉnh miền núi thì các trạm thu phát sóng vô tuyến còn được đặt tại những đỉnh núi cao, địa bàn hoạt động trải dài trên toàn quốc. Đặc thù của công việc bảo dưỡng trạm thu phát sóng vô tuyến là làm việc theo nhóm, luôn luôn phải tiếp xúc với tần số cao, độ cao, nguy hiểm cũng luôn luôn rình rập.

***(3). Các nhiệm vụ chủ yếu của ngành/nghề***

Công việc bảo dưỡng trạm thu phát sóng vô tuyến trong ngành viễn thông bao gồm: bảo dưỡng trạm thu phát sóng vô tuyến dùng trong các nghiệp vụ thông tin vô tuyến cố định, bảo dưỡng trạm thu phát sóng vô tuyến di động mặt đất (GSM, CDMA, 3G, W-CDMA...); bảo dưỡng trạm thu phát sóng vi ba...

**130. Ngành/nghề: Quản trị dịch vụ giải trí, thể thao**

***(1). Mô tả ngành/nghề***

"Quản trị dịch vụ giải trí, thể thao" là ngành/nghề chuyên về nghiên cứu, khảo sát nhu cầu giải trí, thể thao của khách du lịch và tiến hành lập kế hoạch, tổ chức thực hiện, kiểm tra, đánh giá, tổng kết các dịch vụ giải trí, thể thao...

***(2). Vị trí làm việc***

Các vị trí làm việc chủ yếu Quản trị dịch vụ giải trí, thể thao bao gồm: nhân viên quản lý, nhân viên tác nghiệp dịch vụ trong các doanh nghiệp có lĩnh vực kinh doanh dịch vụ giải trí, thể thao trong và ngoài ngành du lịch.

***(3). Các nhiệm vụ chủ yếu của ngành/nghề***

Thiết kế chương trình, lập kế hoạch và xây dựng chính sách giá cho dịch vụ giải trí, thể thao. Quảng bá và xúc tiến bán dịch vụ. Chuẩn bị tổ chức dịch vụ. Tổ chức điều hành. Xử lý các tình huống phát sinh trong quá trình tổ chức dịch vụ giải trí, thể thao. Tổ chức các dịch vụ bổ trợ. Kết thúc và hoàn tất quá trình tổ chức dịch vụ. Tạo lập, duy trì và phát triển các mối quan hệ trong ngành/nghề quản trị dịch vụ giải trí, thể thao. Quản trị nhân lực. Quản trị tài chính. Bảo vệ môi trường, tài nguyên du lịch và đảm bảo an ninh, an toàn trong quá trình tổ chức dịch vụ giải trí, thể thao. Chăm sóc khách hàng... đáp ứng nhu cầu của khách hàng, đảm bảo các yêu cầu về chất lượng dịch vụ.

**131. Ngành/nghề: Quản trị du lịch MICE**

***(1). Mô tả ngành/nghề***

"Quản trị du lịch MICE" là ngành/nghề tổ chức quản lý và thực hiện các dịch vụ hội họp, hội nghị hội thảo, hội chợ triển lãm, du lịch khuyến thưởng của ngành du lịch - dịch vụ.

***(2). Vị trí làm việc***

Các hoạt động du lịch MICE được thực hiện chủ yếu tại các khách sạn cao cấp, trung tâm hội nghị, hội chợ, triển lãm và các khu du lịch... trong điều kiện môi trường làm việc năng động; quan hệ công chúng rộng rãi; có cường độ lao động, áp lực công việc và tính chuyên nghiệp cao.

Vị trí làm việc của người hành nghề là nhân viên nghiên cứu, thiết kế, bán chương trình; chuyên gia tổ chức thực hiện và điều hành các chương trình du lịch MICE, các vị trí khác tùy theo khả năng cá nhân và yêu cầu của công việc.

***(3). Các nhiệm vụ chủ yếu của ngành/nghề***

Nhiệm vụ chủ yếu của ngành/nghề Quản trị du lịch MICE bao gồm: khảo sát và xây dựng kế hoạch tổ chức; xúc tiến bán sản phẩm; tổ chức thực hiện, giám sát hoạt động hội họp, hội nghị hội thảo, hội chợ triển lãm và du lịch khuyến thưởng nhằm đạt chất lượng dịch vụ thoả mãn nhu cầu khách hàng và hiệu quả kinh tế cao.

**132. Ngành/nghề: Vẽ và Thiết kế trên máy tính**

***(1). Mô tả ngành/nghề***

"Vẽ và Thiết kế trên máy tính" là ngành/nghề không thể thiếu trong lĩnh vực chế tạo các sản phẩm cơ khí hiện đại, nó thực hiện quá trình biến các ý tưởng dựa trên sản phẩm đã có hoặc chưa có, được thể hiện bằng các bản vẽ kỹ thuật từ đó tạo ra các sản phẩm cụ thể.

*(2). Vị trí làm việc*

Người có năng lực Vẽ và Thiết kế trên máy tính có khả năng làm việc tại các xí nghiệp, công ty có nhu cầu về vẽ và thiết kế cơ khí với vị trí là nhân viên của phòng kỹ thuật, làm việc độc lập và tổ chức làm việc theo nhóm thực hiện các công việc vẽ, thiết kế và giám sát gia công sản phẩm mẫu.

*(3). Các nhiệm vụ chủ yếu của ngành/nghề*

Người học ngành/nghề Vẽ và Thiết kế trên máy tính sử dụng máy vi tính, phần mềm hỗ trợ vẽ và thiết kế, trang thiết bị dụng cụ đo lường cơ khí, kết hợp việc đọc và phân tích bản vẽ, khai thác các phương pháp tạo hình, biểu diễn vật thể, phác thảo sơ đồ động... cho việc vẽ và thiết kế sản phẩm cơ khí.

**133. Ngành/nghề: Vận hành nhà máy nhiệt điện**

*(1). Mô tả ngành/nghề*

"Vận hành nhà máy nhiệt điện" là ngành/nghề làm nhiệm vụ vận hành các thiết bị trong dây chuyền sản xuất điện của nhà máy nhiệt điện bao gồm: các thiết bị hệ thống nhiên liệu, các thiết bị xử lý nước, lò hơi, turbine, các thiết bị phụ lò hơi, các thiết bị phụ turbine, các thiết bị điện, các thiết bị đo lường điều khiển.

*(2). Vị trí làm việc*

Toàn bộ các vị trí trực vận hành trong nhà máy nhiệt điện.

*(3). Các nhiệm vụ chủ yếu của ngành/nghề*

Vận hành các thiết bị trong dây chuyền sản xuất điện của nhà máy nhiệt điện, đảm bảo các thiết bị vận hành an toàn, ổn định, kinh tế và đáp ứng các chỉ tiêu môi trường.

**134. Ngành/nghề: Quản lý kinh doanh điện**

*(1). Mô tả ngành/nghề*

"Quản lý kinh doanh điện" là khâu cuối cùng của quá trình Sản xuất điện - Truyền tải điện - Phân phối điện. Do quá trình sản xuất và tiêu thụ xảy ra đồng thời, người ta coi điện năng là một loại hàng hóa đặc biệt, do vậy ngành/nghề kinh doanh điện là ngành/nghề kinh doanh mang tính kỹ thuật. Điện năng được cung cấp cho sản xuất tiêu dùng thiết yếu của toàn xã hội, cho nên ngành/nghề "Quản lý kinh doanh điện" ở nước ta hiện nay không những chỉ vì mục tiêu lợi nhuận mà còn phải phục vụ cho vấn đề công ích xã hội.

Quản lý kinh doanh điện đòi hỏi cán bộ, công nhân viên không những chỉ có kiến thức chuyên môn và năng lực thực hành các công việc của ngành/nghề trong lĩnh vực cung cấp điện, các nguyên tắc xây dựng giá điện, cung cấp các dịch vụ sẵn có cho khách hàng, có khả năng làm việc độc lập với đạo đức lương tâm nghề nghiệp, ý thức tổ chức kỷ luật, tác phong công nghiệp, có sức khỏe đảm bảo để làm việc, mà còn phải am hiểu về quản lý tài chính, luật pháp của Nhà nước - đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp và nông thôn.

*(2). Vị trí làm việc*

Người làm Quản lý kinh doanh điện có khả năng thực hiện các công việc liên quan đến kinh doanh điện năng tại phòng kinh doanh của các sở điện lực hoặc các đơn vị kinh doanh điện tương đương. Người làm Quản lý kinh doanh điện cần phải có khả năng thực hiện tất cả các công việc liên quan kinh doanh điện năng từ đơn giản như ghi chỉ số công tơ đến các công việc phức tạp như lập báo cáo và tổng hợp đánh giá các kết quả kinh doanh của đơn vị, trừ những công việc khó liên quan đến kỹ thuật như lắp đặt công tơ...

***(3). Các nhiệm vụ chủ yếu của ngành/nghề***

Khảo sát thị trường kinh doanh điện; xử lý yêu cầu cung cấp điện; ký kết hợp đồng mua bán điện; quản lý hợp đồng mua bán điện; quản lý hệ thống đo đếm điện năng; ghi chỉ số công tơ điện; lập và giải quyết các sai sót về hoá đơn tiền điện; thu và theo dõi nợ tiền điện; kiểm tra, xử lý các vi phạm sử dụng điện; áp giá và kiểm soát giá bán điện; giao tiếp và chăm sóc khách hàng; quản lý và theo dõi tổn thất điện năng thương phẩm; lập báo cáo kinh doanh điện năng.

**135. Ngành/nghề: Vận hành lò hơi**

***(1). Mô tả ngành/nghề***

"Vận hành lò hơi" là ngành/nghề kỹ thuật tham gia vào các hoạt động: khởi động lò, tăng/giảm tải lò, theo dõi và điều chỉnh các thông số lò hơi, xử lý sự cố lò hơi, ngừng lò hơi. Bảo dưỡng, sửa chữa lò hơi: Đánh giá trạng thái kỹ thuật lò hơi. Lập kế hoạch sửa chữa, bảo dưỡng. Bảo dưỡng và sửa chữa nhỏ, sửa chữa định kỳ (sửa chữa lớn: trung, đại tu). Nghiệm thu, chạy thử, đánh giá trạng thái kỹ thuật lò hơi sau sửa chữa.

***(2). Vị trí làm việc***

Người Vận hành lò hơi làm việc tại phòng điều khiển trung tâm; các vị trí tại gian lò từ cốt âm 4m đến độ cao 50m; làm việc trong các vị trí kín như buồng lửa, bao hơi, các bộ quá nhiệt, trong các khoang lọc bụi, trong bụng thùng nghiền...

***(3). Các nhiệm vụ chủ yếu của ngành/nghề***

Vận hành lò hơi và các thiết bị phụ của nó an toàn, kinh tế bao gồm: khởi động lò hơi, thay đổi tải lò hơi. Điều chỉnh các thông số lò hơi nằm trong dải quy định và đảm bảo an toàn, kinh tế. Theo dõi các thông số, tình trạng lò hơi và các thiết bị phụ của nó để sẵn sàng xử lý các tình trạng bất thường. Ngừng lò bình thường, ngừng lò sự cố. Ngừng lò hơi và làm biện pháp an toàn phục vụ sửa chữa định kỳ. Đánh giá tình trạng kỹ thuật lò hơi. Giám sát quá trình sửa chữa lò hơi; chạy thử nghiệm thu, đưa lò hơi từ sửa chữa vào vận hành. Lập phương án và tiến độ sửa chữa, làm các biện pháp an toàn phục vụ sửa chữa. Sửa chữa các hạng mục của lò hơi và thiết bị phụ (bảo dưỡng, gia công phục hồi, thay thế...). Chạy thử, hiệu chỉnh từng hạng mục thiết bị và chạy thử tổng hợp lò hơi và các thiết bị phụ, đánh giá chất lượng sửa chữa và bàn giao cho vận hành.

**136. Ngành/nghề: Khoan thăm dò địa chất**

***(1). Mô tả ngành/nghề***

"Khoan thăm dò địa chất" là ngành/nghề thường được áp dụng để thi công thăm dò các mỏ khoáng sản nằm sâu dưới bề mặt trái đất trong công tác thăm dò địa chất.

***(2). Vị trí làm việc***

Người hành nghề Khoan thăm dò địa chất thường làm việc tại các tổ máy khoan thăm dò địa chất với vai trò là một người thợ phụ, thợ cả, kíp trưởng khoan tại các tổ máy của các Liên đoàn địa chất, các công ty thuộc tập đoàn Than khoáng sản Việt Nam, khai thác nước ngầm, khí, khoan trong lò, các lỗ khoan nổ mìn phá đá, các xí nghiệp khảo sát của các công ty khảo sát thiết kế xây dựng.

***(3). Các nhiệm vụ chủ yếu của ngành/nghề***

Lắp tháo bộ dụng cụ khoan thành thạo đảm bảo kỹ thuật và an toàn; khắc phục khó khăn khi tháo lắp như: biến dạng ren; cần khoan cong; khó tháo do tự xiết quá chặt... Bảo quản, bảo dưỡng dụng cụ và thiết bị khoan đúng quy định và đảm bảo an toàn, bảo dưỡng bôi trơn thiết bị đúng định kỳ. Sản xuất

và kiểm tra được các thông số cơ bản của dung dịch sét khi sản xuất và khi sử dụng. Lựa chọn bộ dụng cụ khoan phù hợp điều kiện đất đá khoan qua, kiểm tra điều chỉnh bộ ống mẫu đảm bảo các tiêu chuẩn kỹ thuật. Tính toán, lựa chọn điều chỉnh được chế độ công nghệ khoan phù hợp với điều kiện địa chất lỗ khoan. Vận hành được bộ máy khoan để thực hiện khoan lấy mẫu; khoan phá toàn đáy; khoan chuyển đường kính, chống ống trong lỗ khoan đảm bảo yêu cầu kỹ thuật và an toàn. Tổ chức và chỉ đạo công tác bảo dưỡng thiết bị khoan đang sử dụng; điều chỉnh và sửa chữa được một số hư hỏng nhỏ của các cụm cơ cấu máy. Tính toán, lựa chọn điều chỉnh và kiểm tra được tất cả các thông số của dung dịch khoan sử dụng trong điều kiện bình thường và phức tạp. Tổ chức và điều hành kíp khoan một cách khoa học để nâng cao năng suất và hạ giá thành mét khoan. Tổ chức xử lý các tình huống phức tạp và sự cố lỗ khoan nhanh chóng và hiệu quả.

**137. Ngành/nghề: Đo lường điện**

***(1). Mô tả ngành/nghề***

"Đo lường điện" là ngành/nghề kỹ thuật thực hiện các công việc vận hành, thí nghiệm hiệu chỉnh, lắp đặt các thiết bị đo lường điện, công việc đòi hỏi có tính chính xác cao nên người lao động phải qua các trường lớp đào tạo chuyên về đo lường điện. Do tính phức tạp của ngành/nghề cũng như môi trường làm việc nên người lao động phải đủ sức khoẻ, bình tĩnh, phản ứng nhanh nhạy và sáng tạo trong làm việc.

***(2). Vị trí làm việc***

Người hành nghề Đo lường điện thường được bố trí làm việc tại phòng thí nghiệm của phân xưởng thí nghiệm, các trạm biến áp đang xây dựng và các trạm điện đã vận hành điện áp 220V đến 500kV.

***(3). Các nhiệm vụ chủ yếu của ngành/nghề***

Thí nghiệm hiệu chỉnh, kiểm định, lắp đặt các thiết bị đo lường điện: các loại đồng hồ một chiều, xoay chiều lắp cho tủ điện, đo điện áp, đo dòng điện, các loại đồng hồ đo công suất hữu công, đồng hồ đo công suất vô công, các loại công tơ điện cảm ứng và công tơ điện tử hiện số dùng cho lưới điện 1 pha và lưới điện 3 pha.

**138. Ngành/nghề: Công nghệ nhiệt luyện**

***(1). Mô tả ngành/nghề***

"Công nghệ nhiệt luyện" là ngành/nghề gia công kim loại và hợp kim ở trạng thái rắn dưới tác dụng của nhiệt, hóa chất, qua quá trình nung nóng, giữ nhiệt, làm nguội nhằm làm thay đổi tổ chức, cơ tính, tính chất của kim loại và hợp kim theo mục đích xác định.

***(2). Vị trí làm việc***

Người hành nghề Công nghệ nhiệt luyện thường làm việc tại các phân xưởng hoặc bộ phận nhiệt luyện trong cơ sở sản xuất cơ khí, các doanh nghiệp chuyên về dịch vụ nhiệt luyện.

***(3). Các nhiệm vụ chính của ngành/nghề***

Vận hành thiết bị nhiệt luyện; Ủ; Thường hóa; Tôi; Ram; Hóa già; Hóa nhiệt luyện; Nhuộm mầu kim loại.

**139. Ngành/nghề: Chế biến dầu thực vật**

***(1). Mô tả ngành/nghề***

"Chế biến dầu thực vật" là ngành/nghề sử dụng các máy móc, công cụ chủ yếu là thiết bị tự động như: máy nghiền, máy ép, thiết bị chưng sấy, thiết bị làm lạnh, thiết bị thủy hóa, trung hòa, đồng hóa, lọc,

tẩy màu... dụng cụ đo kiểm để sản xuất ra dầu thực vật bằng những quy trình công nghệ phù hợp từ các loại nguyên liệu hạt có dầu nhằm mục đích phục vụ các ngành kinh tế quốc dân và đời sống hàng ngày.

***(2). Vị trí làm việc***

Người làm ngành/nghề Chế biến dầu thực vật trực tiếp tham gia sản xuất trên dây truyền chế biến dầu thực vật của các cơ sở chế biến thực phẩm trong nước hoặc xuất khẩu lao động. Làm tổ trưởng sản xuất, cán bộ kỹ thuật phân xưởng, nhân viên kỹ thuật kiểm tra chất lượng sản phẩm và trưởng ca các dây truyền chế biến dầu thực vật. Tổ chức quản lý doanh nghiệp sản xuất ngành chế biến thực phẩm với quy mô vừa và nhỏ.

***(3). Các nhiệm vụ chủ yếu của ngành/nghề***

Thiết kế dây truyền chế biến hợp lý trên điều kiện cơ sở vật chất trang thiết bị của doanh nghiệp. Vận hành an toàn, đúng quy trình kỹ thuật thiết bị trên dây truyền chế biến đảm bảo năng suất, chất lượng sản phẩm, giám sát và sử lý được sự cố trong quy trình sản xuất trên dây truyền chế biến dầu thực vật.

**140. Ngành/nghề: Kỹ thuật cơ điện mỏ hầm lò**

***(1). Mô tả ngành/nghề***

"Kỹ thuật cơ điện mỏ hầm lò" là ngành/nghề thực hiện các công việc lắp đặt, bảo dưỡng, vận hành các thiết bị cơ điện trong dây chuyền công nghệ đào lò hoặc khai thác khoáng sản bằng phương pháp hầm lò. Người làm ngành/nghề kỹ thuật cơ điện mỏ hầm lò chịu trách nhiệm trực tiếp thực hiện nhiệm vụ lắp đặt. kiểm tra, bảo dưỡng, vận hành và xử lý một số tình huống thông thường của các thiết bị trong quá trình phục vụ công tác phá vỡ đất đá (khoan nổ mìn); thông gió; thoát nước; vận tải; chiếu sáng... đảm bảo cho thiết bị tham gia sản xuất hoạt động liên tục ổn định và an toàn.

***(2). Vị trí làm việc***

Người hành nghề Kỹ thuật cơ điện mỏ hầm lò làm việc trên phạm vi rộng, từ ngoài mặt bằng sân công nghiệp đến tất cả các vị trí trong lò mỏ có bố trí thiết bị điện; theo phạm vi mạng điện, mạng động lực bố trí trong hệ thống các đường lò; có thể làm việc trên xưởng hoặc trong hầm mỏ không có ánh sáng tự nhiên và điều kiện môi trường khắc nghiệt về nhiệt độ, không khí, tiếng ồn, bụi... công việc mang tính tập thể.

***(3). Các nhiệm vụ chủ yếu của ngành/nghề***

Lắp đặt, bảo dưỡng, đấu nối, vận hành hệ thống cáp điện cứng và cáp điện mềm; lắp đặt, bảo dưỡng, đấu nối, vận hành các thiết bị đóng cắt điện hạ áp bằng tay; lắp đặt, bảo dưỡng, đấu nối, vận hành hệ thống điện chiếu sáng trong mỏ hầm lò; lắp đặt, bảo dưỡng, đấu nối, vận hành cầu chì, rơ le điều khiển, bảo vệ, linh kiện điện tử trong lưới điện hạ áp; lắp đặt, bảo dưỡng, đấu nối, vận hành dụng cụ đo lường điện hạ áp; lắp đặt, bảo dưỡng, đấu nối, vận hành động cơ điện xoay chiều một pha, ba pha; lắp đặt, bảo dưỡng, đấu nối, vận hành áp tô mát, khởi động từ; lắp đặt, bảo dưỡng, đấu nối, vận hành thiết bị đóng cắt bảo vệ phòng nổ trong lưới điện hạ áp; lắp đặt, bảo dưỡng, đấu nối và trực tiếp vận hành thiết bị trạm mạng; lắp đặt, bảo dưỡng, đấu nối, vận hành thiết bị bơm nước, thiết bị nén khí, thiết bị khoan, thiết bị thông gió; lắp đặt, bảo dưỡng, đấu nối, vận hành thiết bị vận tải, bốc xúc mỏ hầm lò; tạo các điều kiện an toàn và chuẩn bị thiết bị cơ điện và tham gia lắp đặt, bảo dưỡng, đấu nối các thiết bị khai thác, đào lò; tạo các điều kiện an toàn và chuẩn bị thiết bị cơ điện và thực hiện các hành động đề phòng, xử lý và khắc phục một số sự cố như: nổ khí, sự cố điện, bục nước...

**141. Ngành/nghề: Kỹ thuật khai thác mỏ hầm lò**

***(1). Mô tả ngành/nghề***

"Kỹ thuật khai thác mỏ hầm lò" là ngành/nghề thực hiện các công việc khai thác khoáng sản có ích bằng phương pháp hầm lò; đồng thời chống giữ khoảng trống mới khai thác cũng như thu hồi khoáng sản có ích kết hợp chèn lấp khoảng trống sau khu khai thác tại các vỉa khoáng sản có chiều dày và độ dốc bất kỳ. Ngoài ra còn tham gia thực hiện công việc đào và chống giữ các đường lò chuẩn bị cho khu khai thác.

***(2). Vị trí làm việc***

Người hành nghề Kỹ thuật khai thác mỏ hầm lò làm việc chủ yếu ở các lò khai thác trong lòng đất tại các mỏ khai thác khoáng sản bằng phương pháp hầm lò.

***(3). Các nhiệm vụ chủ yếu của ngành/nghề***

Phá vỡ đất đá, khoáng sản (bằng thủ công, bán cơ giới, cơ giới hoặc bằng khoan nổ mìn); xúc bốc đất đá, khoáng sản lên thiết bị vận tải bằng dụng cụ thủ công hoặc thiết bị cơ giới; vận chuyển đất đá, khoáng sản bằng máng trượt, goòng, băng tải hoặc máng cào hoặc tàu điện; vận chuyển vật liệu bằng thủ công hoặc thiết bị chuyên dùng; chống giữ lò khai thác bằng các loại vì chống gỗ, kim loại, giá khung thuỷ lực hoặc dàn chống thuỷ lực; chống giữ lò chuẩn bị (lò mở vỉa) bằng các loại vì chống gỗ hoặc kim loại hoặc vì neo hoặc bê tông; củng cố các vì chống bị suy yếu; sửa chữa các vì chống hoặc đoạn lò có vì chống bị hư hỏng, biến dạng quá mức cho phép; tham gia xử lý các sự cố trong quá trình sản xuất như sập đổ lò; cháy nổ khí hoặc bục nước ngầm.

**142. Ngành/nghề: Sửa chữa, lắp ráp xe máy**

***(1). Mô tả ngành/nghề***

"Sửa chữa, lắp ráp xe máy" là ngành/nghề được làm trong các doanh nghiệp, các xưởng sửa chữa, lắp ráp xe máy và ở các trường dạy nghề trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp.

***(2). Vị trí làm việc***

Người thợ sửa chữa, lắp ráp xe máy có thể làm việc tại các nhà máy lắp ráp xe máy, các trung tâm bảo hành, các xưởng sửa chữa xe máy hoặc có thể tự tổ chức, thành lập các cơ sở, xưởng sửa chữa xe máy.

***(3). Các nhiệm vụ chủ yếu của ngành/nghề***

Bảo dưỡng - Sửa chữa: động cơ, hệ thống nhiên liệu, hệ thống bôi trơn, làm mát, hệ thống truyền lực xe máy, hệ thống trang bị điện xe máy, hệ thống khởi động và đánh lửa, hệ thống phanh, hệ thống treo, di chuyển xe máy, khung vỏ. Chẩn đoán xe máy. Lắp ráp và hiệu chỉnh xe máy.

**143. Ngành/nghề: Chế tạo khuôn mẫu**

***(1). Mô tả ngành/nghề***

"Chế tạo khuôn mẫu" là ngành/nghề sử dụng các loại dụng cụ, thiết bị cơ khí, phần mềm điều khiển số để thực hiện các công việc từ đơn giản đến phức tạp để chế tạo, lắp ráp, sửa chữa, hiệu chỉnh, bảo dưỡng các loại khuôn mẫu (kim loại).

***(2). Vị trí làm việc***

Người làm ngành/nghề Chế tạo khuôn mẫu là người có kỹ thuật cao, có thể làm việc tại các công ty, doanh nghiệp, nhà máy sản xuất, thiết kế chế tạo, sửa chữa khuôn mẫu hoặc trong các đơn vị có máy cắt kim loại.

*(3). Các nhiệm vụ chủ yếu của ngành/nghề*

Thiết kế khuôn mẫu. Lập quy trình công nghệ. Tổ chức sản xuất. Gia công khuôn. Gia công nguội khuôn. Gia công các chi tiết khác. Hoàn thiện khuôn. Thử khuôn và sửa chữa khuôn...

**144. Ngành/nghề: Kiểm tra soi chiếu an ninh hàng không**

*(1). Mô tả ngành/nghề*

Ngành/nghề "Kiểm tra soi chiếu an ninh hàng không" được thực hiện trên cơ sở kết hợp việc sử dụng con người, khai thác các thiết bị an ninh để xác định đúng hành khách, nhân viên, người tham quan (gọi chung là hành khách) và phát hiện, loại bỏ vũ khí, chất cháy nổ (gọi chung là vũ khí), vật phẩm nguy hiểm bị cấm vào khu vực hạn chế hàng không hoặc lên tàu bay.

*(2). Vị trí làm việc*

Vị trí điểm kiểm tra soi chiếu an ninh hàng không được thiết lập tại các cảng hàng không gồm các vị trí cụ thể sau: nhà ga hành khách, nhà ga hàng hóa, khu chế biến suất ăn, khu bảo dưỡng tàu bay hoặc điểm kiểm tra soi chiếu tăng cường.

*(3). Các nhiệm vụ chủ yếu của ngành/nghề*

Vận hành, khai thác máy X-quang. Vận hành, khai thác máy phát hiện kim loại cầm tay. Vận hành, khai thác máy phát hiện kim loại cố định. Vận hành, khai thác máy phát hiện chất nổ cố định. Vận hành, khai thác máy phát hiện chất nổ cầm tay. Vận hành, khai thác máy bộ đàm. Kiểm tra soi chiếu đối với hành khách, nhân viên, người tham quan. Kiểm tra soi chiếu đối với hành lý xách tay, đồ vật. Kiểm tra soi chiếu đối với hành lý ký gửi, hàng hóa, bưu phẩm, bưu kiện, thư tín. Kiểm tra giấy tờ tùy thân của nhân viên, người tham quan, hành khách và thẻ lên tàu bay của hành khách. Xử lý hành khách gây rối tại điểm kiểm tra soi chiếu. Xử lý với tình huống khẩn nguy tại điểm kiểm tra soi chiếu. Hoàn tất hồ sơ sự việc.

**145. Ngành/nghề: Tài chính - tín dụng**

*(1). Mô tả ngành/nghề*

Ngành/nghề "Tài chính - Tín dụng" là ngành/nghề thực hiện phân tích, kiểm tra, đánh giá tình hình kinh tế, tài chính của khách hàng. Cung cấp đầy đủ thông tin kinh tế về hoạt động thương mại - dịch vụ phục vụ cho yêu cầu lãnh đạo và quản lý kinh tế ở doanh nghiệp - ngân hàng. Tham mưu được cho lãnh đạo doanh nghiệp - ngân hàng những ý kiến cải tiến làm cho công tác kế toán và công tác quản lý tài chính tiền tệ của ngân hàng đúng pháp luật.

*(2). Vị trí làm việc*

Giao dịch viên tại ngân hàng. Quan hệ khách hàng tại ngân hàng. Phát hành thẻ ATM tại ngân hàng. Hỗ trợ tín dụng tại ngân hàng. Ngân quỹ tại doanh nghiệp, ngân hàng. Chăm sóc khách hàng tại doanh nghiệp, ngân hàng. Tín dụng tại ngân hàng. Thẩm định tín dụng tại ngân hàng. Phân tích tài chính tại doanh nghiệp, ngân hàng. Thanh toán quốc tế tại doanh nghiệp, ngân hàng.

*(3). Các nhiệm vụ chủ yếu của ngành/nghề*

Quản lý: ngân quỹ, tín dụng khách hàng, dịch vụ khách hàng cá nhân. Kế toán chi tiết. Kế toán tổng hợp. Kinh doanh vàng, ngoại tệ. Thanh toán quốc tế. Marketing, quản lý thông tin pháp luật. Kiểm soát nội bộ. Quản trị hành chính - nguồn nhân lực. Xác định nhu cầu vốn cho doanh nghiệp. Phân tích báo cáo tài chính.

**146. Ngành/nghề: Thanh nhạc**

***(1). Mô tả ngành/nghề***

Thanh nhạc là bộ môn nghệ thuật phối hợp giữa ngôn ngữ và âm nhạc. Người học ngành/nghề "Thanh nhạc" được trang bị những kỹ năng chuyên sâu về thanh nhạc (kỹ thuật luyện thanh; cách xử lý diễn cảm tác phẩm và kỹ năng biểu diễn...) và các kiến thức âm nhạc hỗ trợ như: lý thuyết âm nhạc, ký xướng âm; hòa âm; lịch sử âm nhạc; phân tích tác phẩm âm nhạc; vũ đạo...

***(2). Vị trí làm việc***

Người học Thanh nhạc có thể làm việc tại các đoàn nghệ thuật chuyên nghiệp, các trung tâm văn hóa quận, huyện, thành phố và các tỉnh, thành. Thể hiện phong cách biểu diễn phù hợp với sân khấu nhạc nhẹ: Pop, Rock, Dance, R&B... dân ca, dân gian đương đại.

***(3). Các nhiệm vụ chủ yếu của ngành/nghề***

Biểu diễn nhạc nhẹ, dân ca, dân gian đương đại... Tổ chức biểu diễn; sáng tác ca khúc; kỹ thuật viên thu âm; ca sỹ, nhạc sỹ phòng thu; viết văn bản nhạc; biên tập, dàn dựng chương trình...

**147. Ngành/nghề: Kỹ thuật pha chế đồ uống**

***(1). Mô tả ngành/nghề***

"Kỹ thuật pha chế đồ uống" là ngành/nghề pha chế và phục vụ đồ uống tại các quán bar, khách sạn, nhà hàng, các khu du lịch, các câu lạc bộ (clubs), các quán cà phê...

***(2). Vị trí làm việc***

Người làm ngành/nghề "Kỹ thuật pha chế đồ uống" thường được bố trí làm việc ở tại quầy pha chế, khu vực phục vụ khách bao gồm: nhân viên pha chế; nhân viên phục vụ; nhân viên giám sát; tổ trưởng tổ bar; nhân viên quản lý.

***(3). Các nhiệm vụ chủ yếu của ngành/nghề***

Chuẩn bị ca làm việc; sử dụng, bảo quản các trang thiết bị, dụng cụ; yêu cầu và tiếp nhận dụng cụ, nguyên vật liệu. Pha chế và phục vụ các loại trà, cà phê, nước uống, hoa quả, sinh tố. Pha chế và phục vụ các loại mocktail, cocktail. Phục vụ bia, nước ngọt, nước khoáng, các loại rượu vang, rượu mạnh, rượu mùi. Pha chế, phục vụ các loại đồ uống khác. Chăm sóc khách hàng, xây dựng danh mục đồ uống và các hàng hóa khác. Giám sát, kiểm tra, đánh giá hoạt động kinh doanh của bar, nhà hàng.

**148. Ngành/nghề: Kỹ thuật tua bin**

***(1). Mô tả ngành/nghề***

Ngành/nghề "Kỹ thuật tua bin" là ngành/nghề chuyên vận hành, sửa chữa, bảo dưỡng tua bin và các thiết bị phụ tua bin.

***(2). Vị trí làm việc***

Người hành nghề Kỹ thuật tua bin làm việc tại gian tua bin trong các nhà máy nhiệt điện và các nhà máy công nghiệp khác.

***(3). Các nhiệm vụ chủ yếu của ngành/nghề***

Vận hành của nhà chế tạo, các sơ đồ vận hành công nghệ, xử lý sự cố. Vận hành, công việc sửa chữa bảo dưỡng thiết bị, biết sử dụng thành thạo các thiết bị đo, thiết bị nâng hạ.

**149. Ngành/nghề: Vận hành bơm, quạt, máy nén khí**

***(1). Mô tả ngành/nghề***

Ngành/nghề "Vận hành bơm, quạt, máy nén khí" là công việc đảm bảo cho bơm, quạt, máy nén khí làm việc ổn định, an toàn, đáp ứng yêu cầu của hệ thống; phòng ngừa và xử lý tốt các sự cố; thực hiện các công việc quản lý trong vận hành.

***(2). Vị trí làm việc***

Người có chuyên môn về Vận hành bơm, quạt, máy nén khí có thể làm việc tại: doanh nghiệp kinh doanh các thiết bị bơm, quạt, máy nén khí; các nhà máy nhiệt điện, thuỷ điện; nhà máy khác có sử dụng bơm, quạt, máy nén khí; công ty khai thác công trình thuỷ nông; công ty cấp, thoát nước của các thành phố, thị trấn; các trạm thông gió và nén khí lớn; các công ty lắp máy và sửa chữa thiết bị bơm, quạt, máy nén khí.

***(3). Các nhiệm vụ chủ yếu của ngành/nghề***

Vận hành các loại máy bơm, quạt và máy nén khí. Sửa chữa các loại máy bơm, quạt và máy nén khí. Lắp đặt bơm, quạt và máy nén khí.

**150. Ngành/nghề: Quản trị doanh nghiệp vừa và nhỏ**

***(1). Mô tả ngành/nghề***

Ngành/ nghề "Quản trị doanh nghiệp vừa và nhỏ" được thực hiện trong phạm vi các doanh nghiệp có quy mô vừa và nhỏ, tại các vị trí quản trị là nhân viên gián tiếp như nhân viên kinh doanh, nhân viên nhân sự, nhân viên marketing, thư ký... và nhân viên quản lý phân xưởng sản xuất như quản đốc, đốc công, tổ trưởng, thủ kho...

***(2). Vị trí làm việc***

Lập kế hoạch sản xuất kinh doanh, nghiên cứu thị trường, khai thác thị trường, quản lý vật tư, quản lý sản xuất, quản lý lao động... tại các doanh nghiệp vừa và nhỏ.

***(3). Các nhiệm vụ chủ yếu của ngành/nghề***

Lao động gián tiếp làm việc tại các phòng ban chức năng, văn phòng phân xưởng, tổ đội.

**151. Ngành/nghề: Thí nghiệm và kiểm tra chất lượng công trình cầu đường bộ**

***(1). Mô tả ngành/nghề***

"Thí nghiệm và kiểm tra chất lượng công trình cầu đường bộ" là ngành/nghề thực hiện các công việc: lấy mẫu vật liệu; đo đạc, thí nghiệm kiểm tra chất lượng vật liệu, hỗn hợp vật liệu xây dựng; thử nghiệm kết cấu công trình; kiểm tra chất lượng cầu trên đường bộ và đường bộ theo đúng yêu cầu kỹ thuật chuyên ngành, đảm bảo kết quả chính xác, làm việc an toàn và đúng thời gian yêu cầu.

***(2). Vị trí làm việc***

Người hành nghề làm việc như một nhân viên kỹ thuật, cán bộ kỹ thuật trong phòng thí nghiệm, phòng kỹ thuật của công ty, xí nghiệp hoặc tại công trường xây dựng cầu đường bộ. Công việc được tiến hành trong phòng thí nghiệm, ngoài hiện trường xây dựng cầu đường bộ, tại nơi sản xuất, khai thác vật liệu. Trong môi trường làm việc, người hành nghề phải tiếp xúc với khói bụi, các chất khí độc hại, luôn tiềm ẩn các diễn biến phát sinh sự cố mất an toàn lao động và bệnh nghề nghiệp, người hành nghề cần có đủ sức khỏe, phản ứng nhanh để kịp thời xử lý các tình huống xảy ra.

*(3). Các nhiệm vụ chủ yếu của ngành/nghề*

Sử dụng thành thạo các thiết bị đo đạc, các dụng cụ thiết bị thí nghiệm và thử nghiệm của nghề. Thực hiện các thí nghiệm và kiểm tra chất lượng vật liệu xây dựng, thử nghiệm kết cấu công trình đúng quy trình. Báo cáo kết quả thí nghiệm, giúp chủ đầu tư, tư vấn giám sát và nhà thầu xây dựng đưa ra quyết định chính xác về chất lượng vật liệu và chất lượng công trình. Thực hiện an toàn kỹ thuật, an toàn lao động và vệ sinh môi trường.

**152. Ngành/nghề: Phiên dịch tiếng Anh Du lịch**

*(1). Mô tả ngành/nghề*

"Phiên dịch tiếng Anh du lịch" là ngành/nghề tiếp xúc với ngôn ngữ nguồn ở dạng văn bản viết hoặc văn bản nói, sau đó sử dụng kiến thức về ngôn ngữ, văn hóa, xã hội của ngôn ngữ nguồn để phân tích văn bản và chuyển ngữ một cách chính xác và đầy đủ sang ngôn ngữ đích. Ngôn ngữ nguồn và ngôn ngữ đích trong ngành/nghề phiên dịch tiếng Anh du lịch bao gồm tiếng Việt và tiếng Anh. Ngữ cảnh và nội dung của các văn bản này thuộc lĩnh vực du lịch, nhà hàng, khách sạn, lữ hành và những lĩnh vực liên quan. Người làm ngành/nghề phiên dịch tiếng Anh du lịch sẽ thực hiện công tác phiên dịch các văn bản trong lĩnh vực du lịch, khách sạn, nhà hàng từ tiếng Anh sang tiếng Việt hoặc ngược lại với hai hình thức chính là phiên dịch (dịch văn bản nói) và biên dịch (dịch văn bản viết) đồng thời có thể làm nhân viên các bộ phận hành chính trong lĩnh vực nhà hàng, khách sạn, lữ hànhvà trong các tổ chức về du lịch có yếu tố nước ngoài.

*(2). Vị trí làm việc*

Người làm ngành/nghề Phiên dịch tiếng Anh du lịch làm việc cho công ty, tổ chức du lịch, khách sạn, nhà hàng, lữ hành tại các vị trí sau: Biên dịch viên. Phiên dịch viên. Hướng dẫn viên du lịch quốc tế. Nhân viên điều hành tour. Trợ lí cho các trưởng bộ phận. Nhân viên hành chính văn phòng (bộ phận nhân sự, hành chính, lễ tân). Nhân viên marketing dự án du lịch.

*(3). Các nhiệm vụ chủ yếu của ngành/nghề*

Chuẩn bị các yếu tố cần thiết cho công việc phiên dịch hoặc biên dịch trước khi thực hiện công việc. Biên dịch các biểu mẫu, văn bản, tài liệu trong lĩnh vực du lịch, khách sạn, nhà hàng. Phiên dịch các cuộc giao tiếp trực tiếp hoặc qua các phương tiện thông tin liên lạc về các chủ đề du lịch, khách sạn, nhà hàng; Quản lý công việc dịch của nhóm chuyên viên dịch thuật. Quản lý chất lượng sản phẩm dịch. Xây dựng tư liệu dịch làm tài liệu tham khảo phục vụ cho những lần dịch sau. Hỗ trợ thực hiện các công việc hành chính, đối ngoại của tổ chức, công ty. Hỗ trợ chăm sóc khách hàng của tổ chức, công ty. Tự bồi dưỡng nâng cao kỹ năng ngôn ngữ, kiến thức chuyên môn, kỹ năng dịch thuật.

**153. Ngành/nghề: Vận hành máy Ủi, máy Xúc, máy San**

*(1). Mô tả ngành/nghề*

"Vận hành máy Ủi, máy Xúc máy San" là ngành/nghề thực hiện các công việc: vận hành và bảo dưỡng các loại máy Ủi, máy Xúc, máy San để thi công nền đường đúng tiêu chuẩn kỹ thuật chuyên ngành, đảm bảo năng suất lao động, an toàn kỹ thuật, vệ sinh môi trường và thời gian quy định.

*(2). Vị trí làm việc*

Người hành nghề Vận hành máy Ủi, máy Xúc, máy San làm việc trên công trường thi công đường thuộc đơn vị, công ty đảm nhận hoặc tại các công trình xây dựng có liên quan. Công việc được tiến hành trên tuyến đường đang xây dựng hoặc tại công trường xây dựng có liên quan.

*(3). Các nhiệm vụ chủ yếu của ngành/nghề*

Vận hành và thao tác máy đúng quy trình kỹ thuật; thi công an toàn và hiệu quả; sử dụng thành thạo dụng cụ, đồ nghề, trang thiết bị để xử lý được những hư hỏng, sự cố kỹ thuật thông thường nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng thiết bị; thực hiện kiểm tra, bảo dưỡng kỹ thuật theo đúng quy trình; lựa chọn được các loại máy phù hợp với công việc và địa hình khác nhau.

**154. Ngành/ nghề: Mộc xây dựng và trang trí nội thất**

*(1). Mô tả ngành/nghề*

Mộc xây dựng và Trang trí nội thất là ngành/nghề làm những sản phẩm gắn liền với các công trình xây dựng như: làm cửa, khuôn cửa, ván khuôn, cầu thang, tủ bếp, ốp lát dầm sàn... các sản phẩm được làm từ các nguyên vật liệu gỗ tự nhiên, ván nhân tạo và các vật liệu khác. Thông qua việc sử dụng các loại máy móc, dụng cụ thủ công cùng với bàn tay khéo léo của người thợ để gia công, chế tạo, lắp ghép và hoàn thiện các sản phẩm đảm bảo tính kỹ thuột, mỹ thuật phù hợp với nhu cầu sử dụng của công trình.

*(2). Vị trí làm việc*

Người hành nghề Mộc xây dựng và Trang trí nội thất là công nhân kỹ thuật sản xuất các sản phẩm mộc xây dựng và Trang trí nội thất. Kỹ thuật viên trang trí nội ngoại thất. Trưởng ca, tổ trưởng, nhóm trưởng sản xuất về sản phẩm Mộc xây dựng và Trang trí nội thất.

*(3). Các nhiệm vụ chính của ngành/nghề*

Pha phôi; gia công mặt phẳng - mặt cong; gia công mộng; hoàn thiện bề mặt sản phẩm; làm khuôn cửa, cánh cửa; làm ván khuôn; ốp lát dầm, trần, sàn, tường; làm tủ bếp; làm cầu thang gỗ; làm sườn mái dốc...

**155. Ngành/nghề: Kỹ thuật rau hoa công nghệ cao**

*(1). Mô tả ngành/nghề*

"Kỹ thuật rau hoa công nghệ cao" là ngành/nghề chuyên thực hiện quá trình canh tác cây rau, hoa công nghệ cao với quy trình từ nhân giống cây trồng bằng phương pháp nuôi cấy mô tế bào thực vật cho đến thu hoạch bảo quản rau hoa và xuất ra thị trường đảm bảo yêu cầu kỹ thuật năng suất và chất lượng theo hướng nông nghiệp sạch, bền vững.

*(2). Vị trí làm việc*

Nông trại sản xuất rau hoa, các cơ sở nuôi cấy mô, các viện nghiên cứu, trung tâm nghiên cứu cây rau, hoa, các cơ sở sản xuất kinh doanh rau hoa, các cơ sở bảo quản và chế biến rau, hoa, các trung tâm nông nghiệp, các trung tâm khuyến nông.

*(3). Các nhiệm vụ chủ yếu của ngành/nghề*

Trồng, chăm sóc, thu hoạch, bảo quản cây rau, hoa ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp bền vững. Vận hành những trang thiết bị phòng nuôi cấy như máy cất nước, tủ nuôi cấy, tủ sinh trưởng, tủ hod, kính hiển vi, máy li tâm. Vận hành những trang thiết bị trong nhà kính, nhà lưới như hệ thống thông gió, hệ thống tăng nhiệt, hệ thống tưới tiêu. Xây dựng quy trình nhân nhanh giống cây trồng. Trồng cây rau hoa theo hướng thủy canh. Phát hiện, khắc phục sự cố xảy ra trong quá trình thao tác. Tổ chức quản lý sản xuất và bồi dưỡng thợ lành nghề bậc dưới. Thực hiện an toàn lao động, phòng chống cháy nổ và vệ sinh công nghiệp...

**156. Ngành/nghề: Trồng cây thuốc lá**

***(1). Mô tả ngành/nghề***

"Trồng cây thuốc lá" là ngành/nghề sản xuất ra sản phẩm ở dạng lá thuốc khô, cung cấp nguyên liệu cho ngành sản xuất thuốc lá điếu.

***(2). Vị trí làm việc***

Người làm nghề Trồng cây thuốc lá thường làm việc tại các doanh nghiệp, trang trại, hộ gia đình và các dự án liên quan đến lĩnh vực sản xuất, kinh doanh cây thuốc lá, các trung tâm khuyến nông lâm.

***(3). Các nhiệm vụ chủ yếu của ngành/nghề***

Công việc chủ yếu của nghề Trồng cây thuốc lá bao gồm các công đoạn cơ bản như: nghiên cứu thị trường thuốc lá; lập phương án sản xuất kinh doanh thuốc lá; thiết kế và xây dựng vườn ươm cây giống; thiết kế vườn trồng; sản xuất cây giống thuốc lá bằng phương pháp bầu đất, khay lỗ; chuẩn bị đất trồng; trồng cây; chăm sóc; điều tiết sinh trưởng phát triển; xây dựng lò sấy; thu hoạch; sơ chế sản phẩm; bảo quản sản phẩm; nhận biết một số giống thuốc lá chính đang được trồng tại Việt Nam; tiêu thụ và hạch toán sản phẩm và phát triển nghề nghiệp.

**157. Ngành/nghề: Trồng cây cà phê**

***(1). Mô tả ngành/nghề***

"Trồng cây cà phê" là ngành/nghề sản xuất ra sản phẩm ở dạng hạt, cung cấp nguyên liệu cho ngành sản xuất cà phê. Cây cà phê được trồng phổ biến ở các tỉnh vùng Tây Nguyên, Đông Nam Bộ. Cây cà phê có giá trị kinh tế rất lớn. Hạt của cây cà phê là nguyên liệu cho ngành công nghiệp chế biến thực phẩm phục vụ tiêu dùng nội địa và xuất khẩu. Diện tích trồng cà phê phủ xanh hàng trăm ngàn ha đất trống, đồi núi trọc và giải quyết việc làm tại chỗ cho người dân địa phương. Hiện nay xã hội đang có nhu cầu lớn về lao động trồng cây cà phê.

***(2). Vị trí làm việc***

Người làm nghề Trồng cây cà phê có thể làm việc tại các doanh nghiệp, trang trại, hộ gia đình và dự án có liên quan đến lĩnh vực trồng cây cà phê. Căn cứ vào yêu cầu công việc người làm nghề có thể làm ở các vị trí: kỹ thuật viên, cán bộ kỹ thuật, quản lý sản xuất tại các vườn ươm cây giống cà phê, các tổ, đội sản xuất, nông trường, phòng kỹ thuật... của các công ty cà phê.

***(3). Các nhiệm vụ chủ yếu của ngành/nghề***

Xây dựng vườn nhân chồi ghép cây cà phê; sản xuất cây giống; chuẩn bị đất trồng; trồng cây; chăm sóc và phòng chống cháy; phòng trừ sâu, bệnh hại; thu hoạch, bảo quản; tiêu thụ sản phẩm; tổ chức và quản lý sản xuất. Người lao động chủ yếu làm việc thủ công ở ngoài trời, điều kiện làm việc vất vả, phụ thuộc vào thời tiết, khí hậu, mùa vụ và độc hại do thuốc bảo vệ thực vật hoặc nguy hiểm do côn trùng gây ra.

**158. Ngành/nghề: Vận hành thiết bị sản xuất xi măng**

***(1). Mô tả ngành/nghề***

"Vận hành thiết bị sản xuất xi măng" là ngành/nghề vận hành thiết bị ở trong dây chuyền vận hành thiết bị sản xuất xi măng gồm tạo bột phối liệu; nung và làm nguội clinker; nghiền xi măng; đóng bao và xuất sản phẩm.

*(2). Vị trí làm việc*

Người hành nghề Vận hành thiết bị sản xuất xi măng được bố trí làm việc trực tiếp tại các phân xưởng nhà máy sản xuất xi măng hoặc trung tâm điều khiển cục bộ, vận hành thiết bị ở trong dây chuyền sản xuất xi măng.

*(3). Các nhiệm vụ chủ yếu của ngành/nghề*

Vận hành thiết bị gia công nguyên liệu; vận hành các thiết bị vận chuyển; vận hành các thiết bị gia công nguyên liệu; vận hành thiết bị rải nguyên liệu; vận hành thiết bị rút liệu; vận hành các thiết bị nghiền; vận hành thiết bị phân ly; vận hành tháp trao đổi nhiệt và tiền nung; vận hành lò nung clinker; vận hành thiết bị làm nguội Clinker; vận hành thiết bị quạt và các thiết bị làm sạch khí công nghiệp; vận hành thiết bị đóng bao xi măng; vận hành thiết bị xuất sản phẩm clinker và xi măng; vận hành trung tâm điều khiển cục bộ, đảm bảo yêu cầu kỹ thuật và an toàn lao động.

**159. Ngành/nghề: Điện đầu máy đường sắt**

*(1). Mô tả ngành/nghề*

Ngành/nghề "Điện đầu máy đường sắt" được sử dụng tại các xí nghiệp đầu máy, nhà máy chế tạo đầu máy. Người hành nghề Điện đầu máy đường sắt làm các công việc chuyên môn: lắp ráp các thiết bị, hệ thống điện hoàn chỉnh trên đầu máy. Đồng thời làm các công việc: bảo dưỡng hệ thống điện đầu máy theo các cấp quy định đối với mỗi loại đầu máy, sửa chữa thiết bị điện đầu máy theo quy trình đã ban hành.

*(2). Vị trí làm việc*

Người hành nghề Điện đầu máy đường sắt có cơ hội làm việc trong tổ điện, điện mạch, điện động lực của các xí nghiệp đầu máy, nhà máy chế tạo đầu máy, các khu công nghiệp có sử dụng đầu máy.

*(3). Các nhiệm vụ chủ yếu của ngành/nghề*

Kiểm tra các thiết bị điện. Bảo dưỡng, hiệu chỉnh các thiết bị điện. Bảo dưỡng hiệu chỉnh máy điện. Sửa chữa hệ thống dây dẫn, các thiết bị điện, điện tử, sửa chữa máy điện. Thử nghiệm hệ thống điện. Lắp đặt hệ thống điện gồm: Lắp đặt hệ thống điện, thiết bị điện, máy điện, Thử nghiệm hệ thống điện.

# TUYỂN SINH CÁC TRƯỜNG CAO ĐẲNG

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Cao đẳng | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| **TRUNG DU MIỀN NÚI PHÍA BẮC** | | | | | | |
| **HÀ GIANG** | | | | | | |
| 1 | **Trường Cao đẳng Nghề tỉnh Hà Giang**<br>Mã trường: CDD0501<br>Địa chỉ: Đường 3/2, tổ 8, P. Quang Trung, Tp. Hà Giang, T. Hà Giang<br>Điện thoại: 02193 810 138 - 02193 810 227<br>Website: truongcaodangnghehg.edu.vn<br>Email: tuyensinh.cdn.hagiang@gmail.com | | | | | |
| | Vận hành nhà máy thủy điện | 35 | 35 | | Xét tuyển | Liên tục trong năm, chia làm 3 đợt:<br>Đợt 1:<br>Từ tháng 01/2018 đến tháng 05/2018.<br>Đợt 2:<br>Từ tháng 6/2018 đến tháng 9/2018<br>Đợt 3:<br>Từ tháng 10/2018 đến tháng 12/2018 |
| | Thú y | 35 | 35 | | | |
| | Quản trị cơ sở dữ liệu | 35 | 35 | | | |
| | Kỹ thuật xây dựng | 35 | 35 | | | |
| | Công nghệ ô tô | 35 | 35 | | | |
| | Kế toán doanh nghiệp | 35 | | | | |
| | Điện công nghiệp | 35 | 35 | | | |
| | Chăn nuôi gia súc gia cầm | | 35 | | | |
| | Điện dân dụng | | 35 | | | |
| | Điện tử dân dụng | | 35 | | | |
| | May thời trang | | 35 | | | |
| | Gia công thiết kế sản phẩm mộc | | 35 | | | |
| | Trồng cây lương thực thực phẩm | | 35 | | | |
| | Lái xe ô tô các hạng B1, B2, C | | | 700 | | Liên tục hàng tháng |
| **BẮC CẠN** | | | | | | |
| 2 | **Trường Cao đẳng Nghề Dân tộc nội trú Bắc Kạn**<br>Mã trường: CDD1101<br>Địa chỉ:Tổ 9 - phường Phùng Chí Kiên - TP. Bắc Kạn - T. Bắc Kạn<br>Điện thoại: 0209.3.873.017<br>Website: http://caodangdtntbackan.edu.vn<br>Email:caodangnghe.cdn@backan.gov.vn | | | | | |
| | Công nghệ ô tô | 20 | 35 | | Xét tuyển | Năm 2018 |
| | Điện công nghiệp | 20 | 25 | | | |
| | Điện dân dụng | | 30 | | | |
| | Khuyến Nông lâm | 20 | 25 | | | |
| | Kỹ thuuật chế biến món ăn | | 20 | | | |
| | Công nghệ kỹ thuật cơ khí | 30 | 50 | | | |
| | Thú y | 30 | | | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Cao đẳng | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| | Chăn nuôi - Thú y | | 50 | | Xét tuyển | Năm 2018 |
| | Trồng trọt và bảo vệ thực vật | | 30 | | | |
| | Sửa chữa điện lạnh | | | 30 | | |
| | Sửa chữa máy động lực nhỏ | | | 30 | | |
| | Sửa chữa xe máy | | | 30 | | |
| | Điện công nghiệp dân dụng | | | 30 | | |
| | Kỹ thuật xây dựng | | | 50 | | |
| | Sản xuất chè an toàn | | | 60 | | |
| | Sản xuất rau an toàn | | | 60 | | |
| | Vỗ béo trâu bò | | | 20 | | |
| | Tin học văn phòng | | | 50 | | |
| | Lái xe ô tô B1, B2, C | | | 580 | | |
| 3 | **Trường Cao đẳng Cộng đồng Bắc Kạn**<br>Mã trường: CDD1102<br>Địa chỉ: Tổ 17, phường Sông Cầu, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn<br>Điện thoại: 0209.3 812 316 (phòng Đào tạo)<br>Website: http://cdcdbackan.edu.vn/<br>Email: tuyensinh@cdcdbackan.edu.vn | | | | | |
| | Kế toán | 20 | | | Xét tuyển (theo học bạ và kết quả thi THPT QG) | Theo kế hoạch của Bộ |
| | Tiếng Anh | 20 | | | | |
| | Tin học ứng dụng | 20 | | | | |
| | Trồng trọt | | 30 | | | Cả năm |
| | Lập trình, Phân tích hệ thống | | 30 | | | |
| | Xây dựng dân dụng và công nghiệp | | 30 | | | |
| | Thư viện - Thiết bị trường học | | 30 | | | |
| | Kế toán doanh nghiệp | | 30 | | | |
| **LÀO CAI** | | | | | | |
| 4 | **Trường Cao đẳng Lào Cai**<br>Mã trường: CDD0801<br>Địa chỉ: Tổ 19 phường Bắc Cường, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai<br>Điện thoại: 0214 3837 320<br>Website: cdlaocai.edu.vn<br>Email: caodanglc@gmail.com | | | | | |
| | Điện công nghiệp | 90 | 90 | 25 | Xét tuyển | Liên tục trong năm |
| | Công nghệ ô tô | 60 | 60 | 25 | | |
| | Thú y | 25 | 25 | | | |
| | Kỹ thuật xây dựng | 30 | 90 | 25 | | |
| | Vận hành nhà máy thủy điện | 40 | 30 | | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Cao đẳng | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| | Hàn | 30 | 30 | | Xét tuyển | Liên tục trong năm |
| | Hướng dẫn du lịch | 40 | 70 | | | |
| | Quản trị doanh nghiệp vừa và nhỏ | 30 | | | | |
| | Cắt gọt kim loại | 20 | 30 | | | |
| | Khuyến nông lâm | | 25 | 25 | | |
| | Cơ điện nông thôn | | 30 | | | |
| | Điện dân dụng | | 60 | 35 | | |
| | Cốt - thép hàn | | 30 | | | |
| | Nghiệp vụ lễ tân | | | 35 | | |
| | Nghiệp vụ nhà hàng | | | 70 | | |
| | Kỹ thuật pha chế đồ uống | | | 35 | | |
| | Kỹ thuật chế biến món ăn | | | 70 | | |
| | Thú y cơ sở | | | 35 | | |
| | Sửa chữa thiết bị điện lạnh | | | 35 | | |
| | Sửa chữa thiết bị cơ khí nhỏ nông thôn | | | 35 | | |
| | Điện tử dân dụng | | | 35 | | |
| | Sửa chữa xe máy | | | 35 | | |
| | Hàn hồ quang tay | | | 25 | | |
| | Hàn Tig, Mig, Mag | | | 25 | | |
| | Tiện | | | 25 | | |
| | Chăn nuôi gia súc, gia cầm | | | 25 | | |
| | Lái xe các hạng B1, B2, C, D, E | | | 1200 | | |
| 5 | **Trường Cao đẳng Cộng đồng Lào Cai**<br>Mã trường: CDD0802<br>Địa chỉ: 56A Phố Châu Úy (đường B3), phường Nam Cường, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai<br>Điện thoại: 02143.840.547 Fax: 02143.840.547<br>Website: http://www.cdcdlaocai.edu.vn<br>Email: truongcdcdlc@gmail.com | | | | | |
| | Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành | 90 | | | Xét tuyển học bạ THPT | Từ 15/1 đến 20/12/2018 |
| | Kế toán | 35 | | | | |
| | Quản trị văn phòng | 30 | | | | |
| | Khuyến nông lâm | 35 | | | | |
| | Nghiệp vụ nhà hàng, khách sạn | | 70 | | Xét tuyển học bạ THCS/THPT | |
| | Hướng dẫn du lịch | | 50 | | | |
| | Dịch vụ pháp lý | | 10 | | | |
| | Văn thư hành chính | | 10 | | | |
| | Chăn nuôi - Thú y | | 10 | | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Cao đẳng | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| | Trồng trọt | | 10 | | Xét tuyển học bạ THCS/THPT | Từ 15/1 đến 20/12/2018 |
| | Xây dựng dân dụng & công nghiệp | | 20 | | | |
| | Kế toán doanh nghiệp | | 15 | | | |
| | Tin học ứng dụng | | 15 | | | |
| | Quản lý văn hóa | | 10 | | | |
| | Công tác xã hội | | 10 | | | |
| | Thư viện | | 10 | | | |
| | Hội họa | | 10 | | - Xét tuyển học bạ THCS/THPT<br>- Sơ tuyển năng khiếu nghệ thuật | |
| | Nghệ thuật biểu diễn múa dân gian dân tộc | | 10 | | | |
| | Thanh nhạc | | 10 | | | |
| | Organ | | 10 | | | |
| | Biểu diễn nhạc cụ truyền thống | | 10 | | | |
| 6 | **Trường Cao đẳng Sư phạm Lào Cai**<br>Mã trường: c08<br>Địa chỉ: Tổ 13, phường Bình Minh, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai<br>Điện thoại: 0214.3844881 Fax: 0214.3840155<br>Website: http://cdsplaocai.edu.vn<br>Email: Phongdaotao.c08@moet.edu.vn | | | | | |
| | Tiếng Trung Quốc | 100 | | | Xét tuyển | Từ tháng 2/2018 |
| | Tiếng Anh | 50 | | | | |
| | Việt Nam học | 50 | | | | |
| | Thư viện - Thiết bị trường học | | 50 | | | |
| | Tin học ứng dụng | | 50 | | | |
| | **YÊN BÁI** | | | | | |
| 7 | **Trường Cao đẳng Nghề Yên Bái**<br>Mã trường: CDD1302<br>Địa chỉ: Thôn Văn Phú, Xã Văn Phú, Tp. Yên Bái, tỉnh Yên Bái<br>Điện thoại: 02163 866 277. Fax: 02163 867 164<br>Website: caodangngheyenbai.edu.vn<br>Email: phongdaotao.cdnyb@gmail.com | | | | | |
| | Công nghệ ô tô | 50 | 50 | 0 | Xét tuyển trên toàn quốc | Liên tục xét tuyển trong năm |
| | Điện công nghiệp | 50 | 50 | 0 | | |
| | Điện tử công nghiệp | 30 | 25 | 0 | | |
| | Công nghệ thông tin (ứng dụng phần mềm) | 25 | 20 | 0 | | |
| | Kỹ thuật máy lạnh và điều hoà không khí | 25 | 30 | 0 | | |
| | Hàn | 0 | 30 | 0 | | |
| | Cắt gọt kim loại | 0 | 20 | 0 | | |
| | Chế tạo thiết bị cơ khí | 0 | 15 | 0 | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Cao đẳng | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| | Vận hành máy thi công nền | 0 | 20 | 0 | Từ 15/1 đến 20/12/2018 | Liên tục xét tuyển trong năm |
| | Kỹ thuật xây dựng | 0 | 20 | 0 | | |
| | Gia công thiết kế sản phẩm mộc | 0 | 30 | 0 | | |
| | Kế toán doanh nghiệp | 30 | 30 | 0 | | |
| | Công tác xã hội | 20 | 20 | 0 | | |
| | Chăn nuôi - Thú ý | 0 | 30 | 0 | | |
| | Lâm nghiệp | 0 | 30 | 0 | | |
| | Quản lý đất đai | 0 | 20 | 0 | | |
| | Quản lý và kinh doanh nông nghiệp | 0 | 30 | 0 | | |
| | Khuyến nông lâm | 0 | 30 | 0 | | |
| | Đào tạo lái xe ô tô | 0 | 0 | 1000 | | |
| 8 | **Trường Cao đẳng Y tế Yên Bái**<br>Mã trường: CDD1304<br>Địa chỉ: Tổ 63, phường Yên Ninh, thành Phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái<br>Điện thoại: 02163855383<br>Website: www.ymc.edu.vn<br>Email: cdytyb@ymc.edu.vn | | | | | |
| | Điều dưỡng | 120 | | | Xét tuyển gia (theo học bạ hoặc kết quả thi THPT Quốc gia) | Theo quy định của Bộ LĐTBXH |
| | Điều dưỡng liên thông | 130 | | | Thi tuyển (Toán; Giải phẫu sinh lý; Chuyên ngành) | - Đợt 1: tháng 4/2018<br>- Đợt 2: tháng 7/2018 |
| | Chuyển đổi Y sỹ sang Điều dưỡng | | | 50 | | Từ tháng 4/2018 |
| 9 | **Trường Cao đẳng Văn hóa nghệ thuật và Du lịch Yên Bái**<br>Mã trường: Cao đẳng: CDD 1303<br>Địa chỉ: Km6 - đường Đinh Tiên Hoàng - TP.Yên Bái - tỉnh Yên Bái<br>Điện thoại: 02163 852165; 0216 3852648 Fax: 0216 3852648<br>Website: yenbaiact.edu.vn Email: cvy@moet.edu.vn | | | | | |
| | Thanh nhạc | 15 | | | - Xét tuyển kết hợp với sơ tuyển:<br>+ Xét điểm tổng kết các môn học lớp cuối THPT;<br>+ Sơ tuyển năng khiếu: Môn Thẩm âm - Tiết tấu; Thanh nhạc (HS2); Xét tuyển dựa trên điểm sơ tuyển. | Từ tháng 3 đến tháng 12 |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Cao đẳng | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| | BD Nhạc cụ Phương tây | 10 | | | - Xét tuyển kết hợp với sơ tuyển:<br>+ Xét điểm tổng kết các môn học lớp cuối THPT;<br>+ Sơ tuyển năng khiếu: Môn Thẩm âm (HS2); Tiết tấu: Xét tuyển dựa trên điểm sơ tuyển. | Từ tháng 3 đến tháng 12 |
| | BD Nhạc cụ Truyền thống | 5 | | | | |
| | Diễn viên múa | 15 | | | - Xét tuyển kết hợp với sơ tuyển:<br>+ Xét điểm tổng kết các môn học lớp cuối THPT;<br>+ Sơ tuyển năng khiếu: Môn Thẩm âm -Tiết tấu; Múa (HS2). Xét tuyển dựa trên điểm sơ tuyển. | |
| | Hội họa | 15 | | | - Xét tuyển kết hợp với sơ tuyển:<br>+ Xét điểm tổng kết các môn học lớp cuối THPT;<br>+ Sơ tuyển năng khiếu: Môn Bố cục; Hình họa (HS2): Xét tuyển dựa trên điểm sơ tuyển. | |
| | Quản lý văn hóa | 15 | | | - Xét tuyển kết hợp với sơ tuyển:<br>+ Xét điểm tổng kết các môn học lớp cuối THPT;<br>+ Sơ tuyển năng khiếu (tự chọn): Kể chuyện, kịch, hát, đàn, MC... | |
| | Hướng dẫn Du lịch | 15 | | | - Xét tuyển kết hợp với sơ tuyển:<br>+ Xét điểm tổng kết các môn học lớp cuối THPT;<br>+ Sơ tuyển năng khiếu (tự chọn): Kể chuyện, kịch, hát, đàn, MC, tổ chức trò chơi... | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Cao đẳng | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| | Thanh nhạc | | 15 | | - Xét tuyển kết hợp với sơ tuyển:<br>+ Xét điểm tổng kết các môn học lớp cuối THCS;<br>+ Sơ tuyển năng khiếu: Thẩm âm -Tiết tấu; Thanh nhạc (HS2); Xét tuyển dựa trên điểm sơ tuyển. | Từ tháng 3 đến tháng 12 |
| | BD Nhạc cụ Phương tây | | 20 | | - Xét tuyển kết hợp với sơ tuyển:<br>+ Xét điểm tổng kết các môn học lớp cuối THCS;<br>+ Sơ tuyển năng khiếu: Thẩm âm (HS2); Tiết tấu: Xét tuyển dựa trên điểm sơ tuyển. | |
| | BD Nhạc cụ Truyền thống | | 10 | | | |
| | NTBD Múa dân gian dân tộc | | 15 | | - Xét tuyển kết hợp với sơ tuyển:<br>+ Xét điểm tổng kết các môn học lớp cuối THCS;<br>+ Sơ tuyển năng khiếu: Môn Thẩm âm -Tiết tấu; Múa (HS2). Xét tuyển dựa trên điểm sơ tuyển. | |
| | Thiết kế đồ họa | | 20 | | - Xét tuyển kết hợp với sơ tuyển:<br>+ Xét điểm tổng kết các môn học lớp cuối THCS;<br>+ Sơ tuyển năng khiếu: Môn Hình họa; Trang trí (HS2). Xét tuyển dựa trên điểm sơ tuyển. | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Cao đẳng | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| | Nghiệp vụ nhà hàng | | 20 | | - Xét tuyển kết hợp với sơ tuyển:<br>+ Xét điểm tổng kết các môn học lớp cuối THCS hoặc THPT.<br>+ Sơ tuyển tuyển năng khiếu (tự chọn): Kể chuyện, kịch, MC, hát... | Từ tháng 3 đến tháng 12 |
| | Nghiệp vụ lễ tân | | 20 | | - Xét tuyển kết hợp với sơ tuyển:<br>+ Xét điểm tổng kết các môn học lớp cuối THCS hoặc THPT.<br>+ Xét tuyển tuyển năng khiếu (tự chọn): Kể chuyện, kịch, MC, hát... | |
| | Hướng dẫn Du lịch | | 20 | | - Xét tuyển kết hợp với sơ tuyển:<br>+ Xét điểm tổng kết các môn học lớp cuối THCS hoặc THPT.<br>- Xét tuyển tuyển năng khiếu (tự chọn): Kể chuyện, kịch, MC, hát, tổ chức trò chơi... | |
| | Kỹ thuật chế biến món ăn | | 20 | | - Xét tuyển kết hợp với sơ tuyển:<br>+ Xét điểm tổng kết các môn học lớp cuối THCS hoặc THPT.<br>+ Xét tuyển năng khiếu (tự chọn): Kỹ năng giao tiếp, kỹ năng trang trí món ăn: Cắm và cắt tỉa hoa,củ quả; trang trí đĩa và các dụng cụ đồ ăn; setup bàn ăn... | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Cao đẳng | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| | Kỹ thuật pha chế đồ uống | | 20 | | - Xét tuyển kết hợp với sơ tuyển:<br>+ Xét điểm tổng kết các môn học lớp cuối THCS hoặc THPT.<br>+ Xét tuyển năng khiếu (tự chọn): Kỹ năng giao tiếp, kỹ năng trang trí đồ uống, cắm và cắt tỉa hoa trang trí ly cốc và các dụng cụ đồ uống, setup bàn uống. | Từ tháng 3 đến tháng 12 |
| | Kỹ thuật chế biến món ăn | | | 25 | Xét tuyển:<br>Đối tượng XT: người có đủ trình độ học vấn và sức khỏe phù hợp với nghề cần học | |
| | **Trường Cao đẳng Y dược PASTEUR**<br>Mã trường: CDD1301<br>Trụ sở: Tổ 48 - Phường Đồng Tâm - Thành Phố Yên Bái - Tỉnh Yên Bái<br>Điện thoại: 02166296296<br>Cơ sở Hà Nội: 212 - Hoàng Quốc Việt, Cổ Nhuế, Quận Cầu Giấy, Hà Nội<br>Điện thoại: 0886212212 - 0996212212<br>Cơ sở Tp. Hồ Chí Minh: 37/3 Ngô Tất Tố, Phường 21, Quận Bình Thạnh, TP. HCM<br>Điện thoại: 02862956295 - 0962956295<br>Website: http://truongcaodangyduocpasteur.edu.vn/<br>Email: cdyduocpasteur@gmail.com | | | | | |
| | Kỹ thuật xét nghiệm y học | 310 | 70 | | "Xét tuyển, Thi tuyển" | "Từ 01/01/2018 đến 31/12/2018" |
| | Dược | 370 | 70 | | | |
| | Điều dưỡng | 250 | 50 | | | |
| | Hộ sinh | 180 | | | | |
| | "Kỹ thuật vật lý trị liệu và phục hồi chức năng" | 120 | 40 | | | |
| | Y sỹ y học cổ truyền | | 110 | | Xét tuyển | |
| | Kỹ thuật phục hình răng | | 50 | | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Cao đẳng | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| **THÁI NGUYÊN** | | | | | | |
| 10 | **Trường Cao đẳng Công thương Thái Nguyên**<br>Mã trường: CDT1201.<br>Địa chỉ: Tổ 15, phường Tích Lương, Tp. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.<br>Điện thoại: 0208 3845035 - 3845036<br>Website: tcit.edu.vn<br>Email: phongdaotaocdlk@gmail.com | | | | | |
| | Công nghệ Cán, kéo kim loại | 35 | 35 | 35 | Xét tuyển học bạ và điểm thi TN THPTQG | Đến tháng 12/2018 |
| | Luyện thép | 35 | 70 | 35 | | |
| | Luyện gang | 30 | 30 | | | |
| | Cắt gọt kim loại | 35 | 35 | 35 | | |
| | Hàn | 70 | 210 | | | |
| | Công nghệ ô tô | 30 | 30 | | | |
| | Điện công nghiệp | 70 | 150 | 35 | | |
| | Điện tử công nghiệp | 30 | 30 | | | |
| | Tin học văn phòng | | 70 | 35 | | |
| | May thời trang | | 70 | 30 | | |
| | Sửa chữa thiết bị luyện kim | | 35 | 35 | | |
| | Nguội sửa chữa máy công cụ | | 35 | | | |
| | Hàn điện | | | 35 | | |
| | Hàn cắt khí | | | 35 | Xét tuyển học bạ và điểm thi TN THPTQG | Đến tháng 12/2018 |
| | Vận hành cầu trục | | | 140 | | |
| | Vận hành trạm ô xy- khí nén | | | 35 | | |
| | Vận hành cần trục | | | 35 | | |
| | Vận hành xe nâng | | | 35 | | |
| | Đúc kim loại | | | 35 | | |
| | Vận hành dây chuyền tuyển khoáng | | | 35 | | |
| | Vận hành nồi hơi | | | 35 | | |
| | Vận hành thiết bị áp lực | | | 35 | | |
| 11 | **Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật**<br>Mã trường: CDT1202<br>Địa chỉ: Tổ 15 - phường Thịnh Đán - thành phố Thái Nguyên<br>Điện thoại: 0208 3855 606<br>Website: www.tec.tnu.edu.vn<br>Email: nxhoang63@gmail.com | | | | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Cao đẳng | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| | Tiếng Anh | 20 | 150 | | Xét tuyển | Từ tháng 5/2018 - 31/12/2018 |
| | Tiếng Hàn Quốc | 200 | 150 | | | |
| | Kế toán | 30 | | | | |
| | Kế toán doanh nghiệp | 30 | 30 | | | |
| | Kiểm toán | | 20 | | | |
| | Quản trị kinh doanh | 20 | | | | |
| | Tài chính - Ngân hàng | 20 | 20 | | | |
| | Quản lý và bán hàng siêu thị | | 150 | | | |
| | Quản lý đất đai | 20 | 20 | | | |
| | Quản lý Tài nguyên và Môi trường | | 20 | | | |
| | Thú y | 30 | 100 | | | |
| | Khoa học cây trồng | 20 | | | | |
| | Trồng trọt | | 20 | | | |
| | Trồng cây ăn quả | 20 | 50 | | | |
| | Bảo vệ thực vật | 20 | 50 | | | |
| | Trồng chè | | | 100 | | |
| | Chế biến chè xanh, chè đen | | | 50 | | |
| | Trồng rau an toàn | | | 50 | | |
| | Trồng cây có múi | | | 200 | | |
| | Nuôi và phòng trị bệnh cho gà | | | 50 | | |
| | Nuôi và phòng trị bệnh cho lợn | | | 50 | | |
| | Nuôi dê, thỏ | | | 50 | | |
| | Sử dụng thuốc thú y trong chăn nuôi | | | 50 | Xét tuyển | Từ tháng 5/2018 -31/12/2018 |
| | Nuôi và phòng trị bệnh cho trâu, bò | | | 100 | | |
| | Điện dân dụng | 20 | 50 | 50 | | |
| | Điện Công nghiệp | 20 | 80 | 50 | | |
| | Công nghệ ô tô | 30 | 20 | 50 | | |
| | Cắt gọt kim loại | 20 | 20 | | | |
| | Nguội sửa chữa máy công cụ | 20 | 20 | 50 | | |
| | Hàn | 20 | 20 | 50 | | |
| | Công nghệ thông tin | 50 | | | | |
| | Công nghệ thông tin (ứng dụng phần mềm) | | 50 | | | |
| | Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính | 20 | 80 | | | |
| | Tin học văn phòng | 20 | 100 | | | |
| | Công nghệ kỹ thuật Cơ khí | 50 | 20 | | | |
| | Công nghệ kỹ thuật Điện - Điện tử | 150 | 20 | | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Cao đẳng | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| 12 | **Trường Cao đẳng Nghề số 1- BQP**<br>Mã trường: CDT 1203<br>Địa chỉ: Tổ 8 - phường Tân Thịnh - Tp. Thái Nguyên<br>Điện thoại: 02083.846344<br>Website: truong1bqp.edu.vn<br>Email: caodang1bqp@gmail.com | | | | | |
| | Công nghệ ô tô | 35 | 70 | 150 | Xét tuyển (Theo học bạ) | Tuyển sinh liên tục trong năm |
| | Điện công nghiệp | 35 | 35 | 70 | | |
| | Điện tử công nghiệp | 30 | 30 | 30 | | |
| | KT Máy lạnh và ĐHKK | 50 | 35 | 50 | | |
| | Hàn | 35 | 70 | 90 | | |
| | Cắt gọt kim loại | 35 | 35 | 70 | | |
| | Vận hành máy thi công nền | | 35 | 150 | | |
| | Kỹ thuật Dược | 200 | 50 | | | |
| | Điều dưỡng | 50 | 25 | | | |
| | SC và LR máy tính | | 35 | 70 | | |
| | Vận hành xe nâng | | | 75 | | |
| | Cấp thoát nước | | | 60 | | |
| | Sửa chữa xe máy | | | 90 | | |
| | Hàn công nghệ cao CNC | | | 90 | | |
| | SC Máy nông nghiệp | | | 60 | | |
| | May công nghiệp | | | 120 | | |
| | Lái xe các hạng | | | 3.570 | | |
| 13 | **Trường Cao đẳng Công nghiệp Việt Đức**<br>Mã trường: CDT1204<br>Địa chỉ: phường Thắng Lợi, thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên<br>Điện thoại: 02083.862.077<br>Website: Truongvietducthainguyen.edu.vn<br>Email: cdvietduc@vnn.vn | | | | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Cao đẳng | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| | Nguội sửa chữa máy công cụ | 20 | 20 | | Xét tuyển | Từ 01/3/2018 đến 30/11/2018 |
| | Bảo trì thiết bị cơ điện | 20 | 20 | | | |
| | Nguội lắp ráp cơ khí | 20 | 30 | | | |
| | Nguội chế tạo | 20 | 20 | | | |
| | Công nghệ ô tô | 60 | 120 | | | |
| | Điện công nghiệp | 65 | 240 | | | |
| | Điện dân dụng | 20 | 30 | | | |
| | Điện tử công nghiệp | 20 | 30 | | | |
| | Điện tử dân dụng | 20 | 20 | | | |
| | Hàn | 20 | 30 | | | |
| | Cắt gọt kim loại | 65 | 670 | | | |
| | Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính | 20 | 40 | | | |
| | Kế toán doanh nghiệp | 30 | 30 | | | |
| | Cơ điện tử | 20 | 20 | | | |
| | Công nghệ kỹ thuật cơ khí | 20 | | | | |
| | Tin học ứng dụng | 30 | | | | |
| | Kế toán | 20 | | | | |
| | Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử | 20 | | | | |
| | Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử | 60 | | | | |
| | Công nghệ kỹ thuật ô tô | 20 | | | | |
| | Tài chính - Ngân hàng | | 20 | | | |
| | Rèn, dập | | 20 | | | |
| | Quản trị mạng máy tính | | 40 | | | |
| 14 | **Trường Cao đẳng Công nghiệp Thái Nguyên**<br>Mã trường: CT14<br>Địa chỉ: xã Sơn Cẩm - Tp. Thái Nguyên - tỉnh Thái Nguyên<br>Điện thoại: 02083.844142<br>Website: www.cdcntn.edu.vn<br>Email: ccb@moet.edu.vn | | | | | |
| | Công nghệ ôtô | 35 | 50 | 30 | Xét tuyển theo học bạ | Từ 01/3/2018 đến 31/11/2018 |
| | Cắt gọt kim loại | 30 | 30 | 30 | | |
| | Hàn | 35 | 40 | 30 | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Cao đẳng | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| | Điện công nghiệp | 50 | 200 | 30 | Xét tuyển theo học bạ | Từ 01/3/2018 đến 31/11/2018 |
| | Kế toán doanh nghiệp | 35 | 50 | | | |
| | Công nghệ kỹ thuật cơ khí | 60 | | | | |
| | Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử | 60 | | | | |
| | Kế toán | 30 | 50 | | | |
| | Tin học ứng dụng | 35 | 100 | | | |
| | Quản trị kinh doanh | 30 | | | | |
| | May thời trang | | 200 | 30 | | |
| | Nguội sửa chữa máy công cụ | | 30 | 30 | | |
| | Bảo trì và sửa chữa thiết bị cơ khí | | 50 | | | |
| | Điện công nghiệp và dân dụng | | 200 | | | |
| | Công nghệ may và thời trang | | 150 | | | |
| 15 | **Trường Cao đẳng Cơ khí - Luyện kim**<br>Mã trường: CDT1206.<br>Địa chỉ: phường Lương Sơn, Tp. Sông Công, tỉnh Thái Nguyên.<br>Điện thoại: 0208 3845 092.<br>Website: cklk.edu.vn.<br>Email: cklk2000@hn.vnn.vn hay thuongtv.cklk@gmail.com | | | | | |
| | Cắt gọt kim loại | 40 | 30 | 30 | Trình độ Cao đẳng<br>- Xét tuyển theo kết quả kỳ thi THPT Quốc gia, xét tuyển theo kết quả học tập THPT (Theo đề án tuyển sinh riêng)<br>- Tốt nghiệp THPT hoặc trình độ tương đương.<br>Trình độ Trung cấp<br>Xét tuyển theo hai cấp bậc:<br>- Xét tuyển tất cả các ngành theo đề án tuyển sinh riêng của trường<br>- Tốt nghiệp THPT, THCS hoặc tương đương. | Gồm 02 đợt:<br>- Đợt 1: Từ 10/07/2018 đến 22/09/2018.<br>- Đợt 2: Từ 23/09/2018 đến 22/12/2018 |
| | Công nghệ cán, kéo kim loại | 40 | 30 | 30 | | |
| | Công nghệ đúc kim loại | 40 | 40 | 30 | | |
| | Kiểm tra và phân tích hoá chất | 30 | 30 | | | |
| | Luyện gang | 40 | 30 | 30 | | |
| | Luyện kim màu | 40 | 50 | 30 | | |
| | Luyện thép | 40 | 30 | 30 | | |
| | Nguội sửa chữa máy công cụ | 40 | 30 | | | |
| | Quản trị mạng máy tính | 40 | 30 | 30 | | |
| | Tin học văn phòng | 40 | | 30 | | |
| | Điện tử công nghiệp | 40 | | | | |
| | Công nghệ kỹ thuật điện tử, truyền thông | 40 | | | | |
| | Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử | 40 | | | | |
| | Công nghệ kỹ thuật ôtô | 40 | | | | |
| | Công nghệ chế tạo máy | 50 | | | | |
| | Kế toán | 40 | | | | |
| | Hàn | 30 | | 30 | | |
| | Công nghệ thông tin | 50 | | | | |
| | Vận hành cần, cầu trục | | 30 | 30 | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Cao đẳng | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| | Vận hành sửa chữa thiết bị lạnh | | 30 | 30 | | Gồm 02 đợt:<br>- Đợt 1: Từ 10/07/2018 đến 22/09/2018.<br>- Đợt 2: Từ 23/09/2018 đến 22/12/2018 |
| | Bảo trì hệ thống thiết bị công nghiệp | | 40 | | | |
| | Bảo trì sửa chữa ô tô | | 40 | | | |
| | Cơ khí chế tạo | | 50 | | | |
| | Công nghệ hàn | | 50 | | | |
| | Công nghệ kỹ thuật cơ khí | | 40 | | | |
| | Công nghệ mạ | | 30 | | | |
| | Công nghệ ô tô | | 30 | | | |
| | Công nghệ tuyển khoáng | | 50 | | | Tuyển trong cả năm |
| | Điện công nghiệp và dân dụng | | 50 | 30 | Trình độ Sơ cấp:<br>- Xét tuyển | |
| | Sản xuất các chất vô cơ | | 30 | 30 | | |
| | Sản xuất vật liệu chịu lửa | | 50 | 50 | | |
| | Tin học ứng dụng | | 50 | | | |
| | Nguội lắp ráp cơ khí | | 30 | 30 | | |
| | Công nghệ thông tin (Ứng dụng phần mềm) | | 30 | 30 | | |
| | Lập trình gia công trên máy CNC | | | 30 | | |
| | Vận hành thiết bị sàng tuyển quặng kim loại | | | 50 | | |
| | Luyện cốc | | | 50 | | |
| | Luyện Fero hợp kim | | | 50 | | |
| | Công nghệ nhiệt luyện | | | 50 | | |
| | Rèn dập | | | 50 | | |
| | Sản xuất axit Sunfuaric | | | 50 | | |
| | Kỹ thuật lò hơi | | | 30 | | |
| | Vận hành máy nén khí, máy bơm, quạt gió mỏ | | | 30 | | |
| | Hàn công nghệ cao | | | 30 | | |
| | Lập trình vi điều khiển | | | 30 | | |
| | Lập trình trên thiết bị PLC | | | 30 | | |
| | Vẽ thiết kế trên AutoCAD | | | 30 | | |
| | Đo lường &Phân tích thành phần kim loại | | | 30 | | |
| 16 | **Trường Cao đẳng Thương mại và Du lịch**<br>Mã trường: CDT1027<br>Địa chỉ: Số 478, Đường Thống Nhất, phường Tân Thịnh, thành phố Thái Nguyên<br>Điện thoại: 02803.842.648<br>Website: www.cdtmdl.edu.vn<br>Email: daotao2017@gmail.com | | | | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Cao đẳng | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| | Quản trị Khách sạn | 35 | | | Xét tuyển | Nhiều đợt trong năm |
| | Quản trị dịch vụ và du lịch lữ hành | 35 | | | | |
| | Quản trị nhà hàng | 35 | | | | |
| | Hướng dẫn du lịch | 35 | 35 | | | |
| | Quản trị kinh doanh | 35 | | | | |
| | Quản trị doanh nghiệp vừa và nhỏ | 35 | | | | |
| | Kế toán doanh nghiệp | 35 | 35 | | | |
| | Kỹ thuật chế biến món ăn | | 240 | 100 | | |
| | Nghiệp vụ nhà hàng, khách sạn | | 120 | | | |
| | Kinh doanh thương mại và dịch vụ | | 30 | | | |
| | Nghiệp vụ lễ tân | | 35 | | | |
| | Du lịch lữ hành | | 35 | | | |
| | Quản lý và kinh doanh nhà hàng và dịch vụ ăn uống | | 30 | | | |
| | Quản lý và kinh doanh du lịch | | 30 | | | |
| | Kinh doanh xuất nhập khẩu | | 30 | | | |
| | Kinh doanh xăng dầu và khí đốt | | 30 | | | |
| | Quản lý doanh nghiệp | | 35 | | | |
| | Kỹ thuật xăng dầu | | 35 | | | |
| | Kỹ thuật làm bánh | | | 70 | | |
| | Kỹ thuật pha chế đồ uống | | | 70 | | |
| | Dịch vụ chăm sóc gia đình | | | 35 | | |
| | Nghiệp vụ kinh doanh xăng, dầu, gas | | | 200 | | |
| | Nghiệp vụ lễ tân, buồng khách sạn | | | 50 | | |
| | Nghiệp vụ bàn, bar khách sạn | | | 200 | | |
| 17 | **Trường Cao đẳng Công nghệ và Kinh tế Công nghiệp**<br>Mã trường: CDT1208<br>Địa chỉ: + Cơ sở 1: xã Trung Thành - TX. Phổ Yên - Thái Nguyên<br>+ Cơ sở 2: phường Cải Đan - TP. Sông Công - Thái Nguyên<br>Điện thoại: 02083.866.125; 0912.865.108<br>Website: ietc.edu.vn<br>Email: ttts.ietc@gmail.com | | | | | |
| | Công nghệ kỹ thuật xây dựng | 50 | | | Xét tuyển theo học bạ | Cả năm |
| | Cơ khí chế tạo | 50 | 50 | | | |
| | Điện công nghiệp | 50 | | | | |
| | Điện công nghiệp và dân dụng | | 150 | | | |
| | Kỹ thuật xây dựng | 90 | | | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Cao đẳng | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| | Xây dựng dân dụng và công nghiệp | | 150 | | Xét tuyển theo học bạ | Cả năm |
| | Tin học ứng dụng | 50 | 50 | | | |
| | Tin học văn phòng | | 50 | | | |
| | Quản trị kinh doanh | 50 | | | | |
| | Tài chính ngân hàng | 50 | 50 | | | |
| | Kế toán | 100 | | | | |
| | Kế toán doanh nghiệp | 50 | 50 | | | |
| | Xây lắp đường dây và trạm điện | | 50 | | | |
| | Quản lý vận hành, sửa chữa đường đây và trạm biến áp có điện áp từ 110kv trở xuống | 70 | 80 | | | |
| | Quản lý vận hành, sửa chữa đường đây và trạm biến áp có điện áp từ 220kv trở lên | 80 | 80 | | | |
| | Lắp đặt đường dây tải điện và trạm biến áp có điện áp từ 110kv trở xuống | 60 | 100 | | | |
| | Lắp đặt đường dây tải điện và trạm biến áp có điện áp từ 220kv trở lên | 60 | 100 | | | |
| | Kế toán hành chính sự nghiệp | | 50 | | | |
| 18 | **Trường Cao đẳng Văn hóa Nghệ thuật Việt Bắc**<br>Mã trường: CDT1209<br>Địa chỉ: Tổ 15, phường Đồng Quang, thành phố Thái Nguyên, Thái Nguyên<br>Website: vietbacact.edu.vn<br>Điện thoại: 0208.3840389<br>Email: bantuyensinhvhntvb@gmail.com | | | | | |
| | Sư phạm Âm nhạc | 20 | | | - Năng khiếu (Tiết tấu, cao độ)<br>- Chuyên môn (đàn hoặc hát) | - Cao đẳng: Từ tháng 7/2018 đến tháng 10/2018 |
| | Sư phạm Mỹ thuật | 20 | | | - Hình hoạ, Bố cục màu | |
| | Quản lý Văn hóa | 30 | | | - Năng khiếu (tiết tấu, cao độ)<br>- Chuyên môn (đàn hoặc hát) | |
| | Khoa học Thư viện | 15 | | | - Xét tuyển học bạ | |
| | Bảo tàng học | 15 | | | | |
| | Hướng dẫn Du lịch | 15 | 15 | | | - Trung cấp:<br>Từ ngày 1/3/2018 đến 29/12/2018 |
| | Thanh nhạc | 20 | 25 | | - Năng khiếu (tiết tấu, cao độ)<br>- Thanh nhạc | |
| | Hội họa | 15 | 15 | | - Hình hoạ, Bố cục màu | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Cao đẳng | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| | Organ | | 10 | | - Năng khiếu (tiết tấu, cao độ)<br>- Chuyên môn (nhạc cụ) | |
| | Piano | | 5 | | | |
| | Biểu diễn nhạc cụ phương Tây | | 20 | | | |
| | Biểu diễn nhạc cụ Truyền thống | | 20 | | | |
| | Nghệ thuật BD Múa Dân gian DT | | 25 | | - Năng khiếu (tiết tấu, cao độ)<br>- Điều kiện cơ thể | |
| | Văn hóa Văn nghệ quần chúng | | 20 | | - Năng khiếu (tiết tấu, cao độ)<br>- Chuyên môn (đàn hoặc hát) | |
| | Biên tập và dàn dựng ca múa nhạc | | 15 | | | |
| | Vẽ thiết kế mỹ thuật có trợ giúp bằng máy tính | | 15 | | - Hình họa<br>- Trang trí | |
| | Kỹ thuật chế biến món ăn | | 15 | | Xét tuyển | |
| 19 | **Trường Cao đẳng Kinh tế - Tài chính Thái Nguyên**<br>Mã trường: CDD1201<br>Địa chỉ: Đường Thống Nhất, phường Thịnh Đán, tp Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên<br>Điện thoại: 0208 3855 290<br>Website: cdkttctn.edu.vn<br>Email:Caodangkinhte@gmail.com | | | | | |
| | Kinh doanh dịch vụ bưu chính | 50 | 50 | 150 | Xét tuyển | 1/1/18-30/11/18 |
| | Thiết kế và Quản lý Website | 0 | 50 | 0 | | |
| | Thương mại điện tử | 0 | 150 | 0 | | |
| | Thư ký văn phòng | 0 | 50 | 0 | | |
| | Dịch vụ pháp lý | 100 | 0 | 0 | | |
| | Pháp luật | 0 | 100 | 0 | | |
| | Tài chính - Ngân hàng | 100 | 100 | 0 | | |
| | Công nghệ kỹ thuật điện tử, viễn thông | 100 | 100 | 0 | | |
| | Kế toán doanh nghiệp | 100 | 150 | 0 | | |
| | Quản lý kinh doanh khách sạn | 0 | 100 | 0 | | |
| | Bán hàng siêu thị | 0 | 100 | 0 | | |
| | Quản lý và kinh doanh nhà hàng và dịch vụ ăn uống | 0 | 100 | 0 | | |
| | Hướng dẫn du lịch | 0 | 100 | 0 | | |
| | Công nghệ thông tin | 150 | 0 | 0 | | |
| | Quản trị kinh doanh | 100 | 0 | 0 | | |
| | Kế toán xây dựng | 0 | 35 | 0 | | |
| | Hành chính văn phòng | 0 | 35 | 0 | | |
| | Marketing | 0 | 35 | 0 | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Cao đẳng | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| | Bảo hiểm | 0 | 35 | 0 | Xét tuyển | 1/1/18-30/11/18 |
| | Kinh doanh thương mại và dịch vụ | 0 | 35 | 0 | | |
| | Kinh doanh xuất nhập khẩu | 0 | 35 | 0 | | |
| | Tiếng Hàn Quốc | 0 | 35 | 0 | | |
| | Kinh doanh thiết bị Viễn thông - Tin học | 0 | 35 | 0 | | |
| | Kỹ thuật lắp đặt đài trạm Viễn thông | 0 | 35 | 0 | | |
| | Kỹ thuật đài trạm Viễn thông | 0 | 35 | 0 | | |
| | Kỹ thuật mạng ngoại vi và thiết bị đầu cuối | 0 | 0 | 0 | | |
| | Hệ thống thông tin quản lý | 35 | 0 | 0 | | |
| 20 | **Trường Cao đẳng Y tế Thái Nguyên**<br>Mã trường: CDD1202<br>Địa chỉ: Tổ 18, phường Thịnh Đán - thành phố Thái Nguyên - tỉnh Thái Nguyên<br>Điện thoại: 0208 3846105<br>Website: caodangytethainguyen.edu.vn<br>Email: contact@caodangytethainguyen.edu.vn | | | | | |
| | Điều dưỡng | 500 | 50 | | Xét tuyển:<br>- Phương thức 1: Xét tuyển dựa theo kết quả kỳ thi trung học phổ thông quốc gia năm 2018<br>- Phương thức 2: Dựa vào kết quả học tập của năm học lớp 12 ở bậc Trung học phổ thông hoặc tương đương | Liên tục trong năm từ tháng 01/2018 đến tháng 12/2018 |
| | Dược | 350 | 200 | | | |
| | Hộ sinh | 400 | 50 | | | |
| | Y sĩ | | 200 | | | |
| 21 | **Trường Cao đẳng Công thương Việt Nam**<br>Mã trường: CDD1204<br>Địa chỉ:<br>- Cơ sở 1: Thị trấn Hương Sơn, Phú Bình, Thái Nguyên.<br>- Cơ sở 2: Khu đô thị mới Nghĩa Đô, ngõ 106 Hoàng Quốc Việt, Cổ Nhuế 1, Bắc Từ Liêm, Hà Nội.<br>Điện thoại: 02422.475.888/02422.451.999 Fax:<br>Website: vci.edu.vn Email: cdncongthuongvn@gmail.com | | | | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Cao đẳng | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| | Dược | 40 | | | a) Hệ cao đẳng<br>+ Tốt nghiệp Trung học phổ thông (THPT) hoặc tương đương;<br>b) Hệ Trung cấp:<br>- Học sinh tốt nghiệp THCS trở lên. | Tuyển sinh liên tục đến khi đủ chỉ tiêu thì dừng |
| | Điện tử công nghiệp | 40 | 40 | | | |
| | Kỹ thuật chề biến món ăn | 40 | 40 | | | |
| | Văn thư hành chính | 40 | | | | |
| | Kế toán doanh nghiệp | 40 | 40 | | | |
| | Quản trị doanh nghiệp vừa và nhỏ | 40 | | | | |
| | Hướng dẫn du lịch | 35 | | | | |
| | Công nghệ thông tin (ƯDPM) | 35 | | | | |
| | Thương mại điện tử | 20 | 20 | | | |
| | Phiên dịch Tiếng Anh thương mại | 30 | | | | |
| **LẠNG SƠN** | | | | | | |
| 22 | **Trường Cao đẳng Nghề Lạng Sơn**<br>Mã trường: CDD1001<br>Địa chỉ: Khu Đồi Chè - Hoàng Đồng - Tp. Lạng Sơn<br>Điện thoại: 02053890524; - Fax: 02053890524<br>Website: cdnghelangson.edu.vn<br>Email: caodangnghels@yahoo.com.vn | | | | | |
| | Điện công nghiệp | 20 | 20 | | Xét tuyển | Từ tháng 3 - tháng 12 hằng năm |
| | Cắt gọt kim loại | 20 | 20 | | | |
| | Cơ điện nông thôn | 20 | 20 | | | |
| | Chăn nuôi gia súc, gia cầm | 20 | 20 | | | |
| | Điện dân dụng | | 30 | | | |
| | Điện tử dân dụng | | 30 | | | |
| | Hàn | | 30 | | | |
| | Công nghệ ô tô | | 30 | | | |
| | Thú y | | 30 | | | |
| | Quản trị mạng máy tính | | 35 | | | |
| | May thời trang | | 30 | | | |
| | Sửa chữa xe gắn máy | | | 70 | | |
| | Tiện ren | | | 30 | | |
| | Sửa chữa cơ điện nông thôn | | | 30 | | |
| | Hàn điện | | | 70 | | |
| | Lắp đặt điện nội thất | | | 70 | | |
| | Sửa chữa trang thiết bị nhiệt gia đình | | | 70 | | |
| | Quản lý điện nông thôn | | | 70 | | |
| | Sửa chữa, bảo trì tủ lạnh và điều hòa nhiệt độ | | | 70 | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Cao đẳng | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| | Kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật và thú y | | | 30 | Xét tuyển | Từ tháng 3 - tháng 12 hằng năm |
| | Sử dụng thuốc thú y trong chăn nuôi | | | 30 | | |
| | Trồng rau an toàn | | | 70 | | |
| | Trồng và nhân giống nấm | | | 70 | | |
| | May công nghiệp | | | 30 | | |
| | Cắt may trang phục nữ | | | 30 | | |
| | Vi tính văn phòng | | | 70 | | |
| 23 | **Trường Cao đẳng Y tế Lạng Sơn**<br>Mã trường: CDD1002<br>Địa chỉ: số 11 Hoàng Văn Thụ, phường Chi Lăng, Tp. Lạng Sơn<br>Điện thoại: 0205.3812.580<br>Fax: 0205.3812.461<br>Website:://www.cdytlangson.edu.vn<br>Email: caodangytelangson@gmail.com | | | | | |
| | Điều dưỡng | 250 | | | Xét tuyển và thi tuyển | Từ tháng 4 đến tháng 12 |
| | Hộ sinh | 50 | | | | |
| | Dược | | 120 | | Xét điểm học bạ THPT lớp 12 | |
| | Y sỹ | | 120 | | | |
| 24 | **Trường Cao đẳng Công nghệ và Nông lâm Đông Bắc**<br>Mã trường: CDT1001<br>Địa chỉ: Xã Minh Sơn, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn<br>Điện thoại: 02053 829 417<br>Website: www.cdndongbac.edu.vn<br>Email: cdndb@cdndongbac.edu.vn | | | | | |
| | Lâm sinh | 50 | 60 | | Xét tuyển | Liên tục trong năm |
| | Quản lý cây xanh đô thị | | 30 | | | |
| | Khuyến nông lâm | 25 | 60 | | | |
| | Thú y | 40 | 60 | | | |
| | Kiểm lâm | 20 | 20 | | | |
| | Chăn nuôi gia súc, gia cầm | 25 | 25 | | | |
| | Gia công và thiết kế sản phẩm mộc | 40 | 90 | 30 | | |
| | Kỹ thuật điêu khắc gỗ | 20 | 30 | | | |
| | Mộc xây dựng và trang trí nội thất | 20 | 30 | | | |
| | Công nghệ ô tô | 20 | 70 | | | |
| | Hàn | 40 | 90 | 30 | | |
| | Điện công nghiệp | 30 | 60 | | | |
| | Điện tử dân dụng | 30 | 30 | 30 | | |
| | Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí | 20 | 20 | | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Cao đẳng | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| | Điện dân dụng | | 30 | 30 | Xét tuyển | Liên tục trong năm |
| | Cơ điện nông thôn | | 30 | | | |
| | Cấp thoát nước | | 30 | 30 | | |
| | Vận hành máy thi công nền | | 60 | | | |
| | Kế toán doanh nghiệp | 50 | 25 | | | |
| | Trồng rừng kinh tế | | | 30 | | |
| | Sản xuất rau an toàn | | | 30 | | |
| | Kinh doanh sản xuất giống cây lâm nghiệp | | | 30 | | |
| | Trồng và khai thác một số loài cây dưới tán rừng | | | 30 | | |
| | Kỹ thuật trồng, chăm sóc và thu hoạch chè | | | 30 | | |
| | Nhân giống cây ăn quả | | | 30 | | |
| | Kỹ thuật chăn nuôi gà an toàn sinh học trong hộ dân | | | 30 | | |
| | Nuôi và phòng trị bệnh cho trâu, bò | | | 30 | | |
| | Nuôi và phòng trị bệnh cho lợn | | | 30 | | |
| | Trồng lúa năng suất cao | | | 30 | | |
| | Trồng ngô | | | 30 | | |
| | Trồng tre lấy măng | | | 30 | | |
| | Trông Quế, Hồi, Xả lấy tinh dầu | | | 30 | | |
| | Trồng, chăm sóc mủ cao su | | | 30 | | |
| | Tạo dáng và chăm sóc cây cảnh | | | 30 | | |
| | Sử dụng thuốc thú y trong chăn nuôi | | | 30 | | |
| | Vận hành máy xúc | | | 30 | | |
| | Sửa chữa máy nông nghiệp | | | 30 | | |
| | Sản xuất đồ mộc từ ván nhân tạo | | | 30 | | |
| | Kỹ thuật ván ghép thanh | | | 30 | | |
| | Phòng chống và diệt trừ mối | | | 30 | | |
| | Lái xe ô tô các hạng B1, B2 và C | | | 400 | | |
| **PHÚ THỌ** | | | | | | |
| 25 | **Trường Cao đẳng Y tế Phú Thọ**<br>Mã trường: CDD1501<br>Địa chỉ: Số 179 - Phố Cao Bang - phường Trường Thịnh - Thị xã Phú Thọ - Phú Thọ<br>Điện thoại: 02103.822749 hoặc 0210.3714143<br>Website: www.cyp.edu.vn<br>Email: cyp@moet.edu.vn hoặc happylien2405@yahoo.com | | | | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Cao đẳng | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| | Điều dưỡng | 640 | 30 | 100 | Đối với Cao đẳng và trung cấp hệ chính quy: Xét tuyển theo học bạ<br>- Đối với Cao đẳng hệ liên thông: Thi tuyển kết hợp xét tuyển | Từ 02/01/2018 đến 31/12/2018 |
| | Dược | 400 | 30 | | | |
| | Hộ sinh | 480 | 30 | 50 | | |
| | Kỹ thuật hình ảnh y học | 100 | 20 | 30 | | |
| | Kỹ thuật xét nghiệm y học | 100 | 30 | 30 | | |
| | Kỹ thuật vật lý trị liệu và phục hồi chức năng | 90 | | 50 | | |
| | Y sỹ y học cổ truyền | | 30 | | | |
| | Y sỹ đa khoa | | 30 | | | |
| 26 | **Trường Cao đẳng Công nghệ và Nông lâm Phú Thọ**<br>Mã trường: CDT1503<br>Địa chỉ: Xã Hà Lộc - Thị xã Phú Thọ - Phú Thọ<br>Điện thoại: 02103.3760668<br>Website: http://www.cnnlpt.edu.vn<br>Email: congnghenonglam@cnnlpt.edu.vn | | | | | |
| | Công nghệ ô tô | 20 | 40 | | Xét tuyển | Từ 01/01/2018 đến 31/12/2018 |
| | Điện công nghiệp | 20 | 65 | | | |
| | Điện dân dụng | | 30 | | | |
| | Kế toán Doanh nghiệp | | 35 | | | |
| | Hàn | | 30 | | | |
| | Kỹ thuật máy Nông nghiệp | | 35 | | | |
| | Kỹ thuật điêu khắc gỗ | | 35 | | | |
| | Lâm sinh | 20 | 40 | | | |
| | Khuyến nông lâm | | 70 | | | |
| | Bảo vệ thực vật | | 70 | | | |
| | Thú y | 20 | 100 | | | |
| | Chăn nuôi gia súc - gia cầm | | 70 | | | |
| 26 | **Trường Cao đẳng Cơ điện Phú Thọ**<br>Mã trường: CDT1501<br>Địa chỉ: Khu 8, thị trấn Thanh Ba, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ<br>Điện thoại: 02106.589.636<br>Website: www.caodangcodienphutho.edu.vn<br>Email: trungtam.cdncdpt@gmail.com | | | | | |
| | Điện công nghiệp | 18 | 54 | | Xét tuyển | Liên tục trong năm |
| | Điện dân dụng | 18 | 36 | 10 | | |
| | Điện tử công nghiệp | 18 | 54 | | | |
| | Nghề Điện tử dân dụng | 18 | 36 | 10 | | |
| | Kỹ thuật máy lạnh và ĐHKK | 18 | 54 | | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Cao đẳng | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| | Hàn | 18 | 54 | 10 | Xét tuyển | Liên tục trong năm |
| | Công nghệ ô tô | 30 | 72 | 10 | | |
| | Cắt gọt kim loại | 18 | 18 | | | |
| | Quản trị mạng máy tính | 18 | 36 | | | |
| | Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính | 18 | 18 | | | |
| | Kế toán doanh nghiệp | 18 | 18 | | | |
| | Cơ điện nông thôn | 18 | 54 | 30 | | |
| | Công nghệ chế biến chè | 18 | 60 | 30 | | |
| | Tin học văn phòng | 36 | 126 | | | |
| | Cơ điện tử | 18 | 18 | | | |
| | Nguội sửa chữa máy công cụ | | | 10 | | |
| | Trồng chè | | | 30 | | |
| 28 | **Trường Cao đẳng Công thương Phú Thọ**<br>Mã trường: CDT 1502<br>Địa chỉ: Thị trấn Phong Châu, huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ<br>Điện thoại: 02103 833 833 - DĐ: 0904 508 488<br>Website: http://pcit.edu.vn/<br>Email: Trungtamtuyensinhvcp@gmail.com | | | | | |
| | Công nghệ sản xuất bột giấy và giấy | 20 | 30 | | Xét tuyển theo học bạ | Liên tục trong năm |
| | Kiểm nghiệp bột giấy và giấy | | 30 | | | |
| | Điện Công nghiệp | 20 | 60 | | | |
| | Hàn | 20 | 35 | | | |
| | Nguội lắp ráp cơ khí | | 30 | | | |
| | Tin học văn phòng | 20 | 60 | | | |
| | Kế toán doanh nghiệp | 20 | 35 | | | |
| | Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí | | 60 | | | |
| | Cắt gọt kim loại | | 25 | | | |
| | Công nghệ ô tô | | 35 | | | |
| | Công nghệ sản xuất bột giấy | | | 20 | | |
| | Công nghệ sản xuất giấy | | | 20 | | |
| | Hàn MIG/MAG | | | 15 | | |
| | Hàn điện | | | 15 | | |
| | Vận hành xe nâng hàng | | | 20 | | |
| | Vận hành lò hơi công nghiệp | | | 15 | | |
| | Sửa chữa điện và điện lạnh ô tô | | | 15 | | |
| | Sửa chữa bảo trì tủ lạnh và điều hòa nhiệt độ | | | 15 | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Cao đẳng | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| | Sửa chữa quạt, động cơ điện, ổn áp | | | 15 | Xét tuyển theo học bạ | Liên tục trong năm |
| | Vi tính văn phòng | | | 15 | | |
| | Lắp ráp, cài đặt và sửa chữa máy tính | | | 15 | | |
| | May công nghiệp | | | 20 | | |
| 29 | **Trường Cao đẳng Công nghiệp Hóa chất**<br>Mã trường: CCA<br>Địa chỉ: Khu 4 - Thị trấn Hùng Sơn - Lâm Thao - Phú Thọ<br>Điện thoại: 0210.3787.568<br>Website: ccipt.edu.com<br>Email: phongtsgtvl@gmail.com | | | | | |
| | Công nghệ Kỹ thuật Hóa học | 100 | | | Xét tuyển | Từ tháng 01 đến tháng 12 năm 2018 |
| | Công nghệ Kỹ thuật Điện - Điện tử | 80 | | | | |
| | Kế toán | 70 | | | | |
| | Bảo trì và Sửa chữa Thiết bị Cơ khí | | 50 | | | |
| | Công nghệ Kỹ thuật Cơ khí | | 50 | 50 | | |
| | Công nghệ Hàn | | 50 | 50 | | |
| | Điện Công nghiệp và Dân dụng | | 50 | 50 | | |
| | Tin học ứng dụng | | 30 | | | |
| | Kế toán Doanh nghiệp | | 50 | | | |
| | Công nghệ Hóa vô cơ | | 50 | 50 | | |
| | Công nghệ Hóa silicat | | 35 | | | |
| | Công nghệ Hóa hữu cơ | | 35 | | | |
| | Hóa phân tích | | 50 | 50 | | |
| 30 | **Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ nghệ thực hành Phú Thọ**<br>Mã trường: CDD1502<br>Địa chỉ: Đường Nguyễn Tất Thành - phường Thọ Sơn - thành phố Việt Trì - tỉnh Phú Thọ<br>Điện thoại: 02103.863.839<br>Website: ktkn.edu.vn<br>Email: cdkinhtept@gmail.com | | | | | |
| | Kế toán | 30 | | | Xét tuyển theo học bạ | Thực hiện nhiều lần trong năm |
| | Tin học ứng dụng | 30 | 30 | | | |
| | Dịch vụ pháp lý | 30 | | | | |
| | Kế toán doanh nghiệp | | 60 | | | |
| | Điện công nghiệp | | 30 | | | |
| | Điện công nghiệp và dân dụng | | 30 | | | |
| | May thời trang | | 60 | | | |
| | Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí | | 30 | | | |
| | Pháp luật | | 30 | | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Cao đẳng | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| | Thú y | | 60 | | Xét tuyển theo học bạ | Thực hiện nhiều lần trong năm |
| | Chăn nuôi thú y | | | 140 | | |
| | Điện dân dụng | | | 35 | | |
| | May công nghiệp | | | 105 | | |
| 31 | **Trường Cao đẳng Y dược Phú Thọ**<br>Mã trường: CDT1507<br>Địa chỉ: Số 2201- Đường Hùng Vương, phường Gia Cẩm, TP. Việt Trì, tỉnh Phú Thọ<br>Điện thoại: 0210.3843.252- 0982.892.108<br>Website:http://www.duocphutho.edu.vn<br>Email: fushico@duocphutho.edu.vn | | | | | |
| | Điều dưỡng | 910 | 120 | | Xét tuyển theo học bạ | 01/01/2018-31/12/2018 |
| | Dược | 1.100 | 300 | | | |
| | Y sĩ | | 60 | | | |
| 32 | **Trường Cao đẳng Công nghiệp Quốc phòng**<br>Mã trường: QPH.<br>Địa chỉ:<br>- Trung tâm trường: P.Thanh Vinh, TX.Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ<br>- Cơ sở 2: P.Ngọc Thụy, Q.Long Biên, TP. Hà Nội<br>Điện thoại.<br>Trung tâm trường: Điện thoại: 02103 820 227 Fax: 02103 822 136.<br>Cơ sở 2: Điện thoại: 0243 827 3264 Fax: 0243 877 0582.<br>Website: www.cdcnqp.edu.vn<br>Email: cdcnqppt@gmail.com | | | | | |
| | Kế toán | 110 | | | A. Cao đẳng: Tuyển sinh theo 2 hình thức.<br>1. Xét tuyển theo điểm thi THPT quốc gia năm 2018, sử dụng các tổ hợp môn A00; A01, D01 - D06.<br>2. Xét tuyển theo kết quả học tập THPT và tương đương (xét điểm học bạ 03 năm học THPT). | A. Cao đẳng, Trung cấp:<br>Tuyển sinh từ 01/5/2018 đến hết ngày 10/10/2018.<br>B. Sơ cấp: Tuyển sinh và khai giảng hàng tuần. |
| | Tài chính - Ngân hàng | 75 | | | | |
| | Công nghệ thông tin | 100 | | | | |
| | Công nghệ kỹ thuật cơ khí | 155 | 50 | | | |
| | Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử | 135 | | | | |
| | Công nghệ kỹ thuật hóa học (Chuyên ngành Hóa nổ) | | 30 | 10 | | |
| | Điện công nghiệp và dân dụng | | 50 | | | |
| | Kế toán doanh nghiệp | | 50 | | | |
| | Cắt gọt kim loại | | 100 | 30 | | |
| | Điện công nghiệp | | 30 | 5 | | |
| | Điện nước | | 15 | 10 | | |
| | Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí | | 15 | 10 | | |
| | Nguội chế tạo | | 20 | 5 | | |
| | Nguội sửa chữa máy công cụ | | 15 | 5 | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Cao đẳng | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| | Hàn | | 20 | 5 | B. Trung cấp: Xét tuyển theo kết quả học tập THPT và tương đương (xét điểm học bạ 03 năm học THPT). C. Sơ cấp: Xét tuyển theo kết quả học tập THCS và tương đương trở lên (xét điểm theo học bạ 04 năm THCS hoặc 03 năm THPT) | A. Cao đẳng, Trung cấp: Tuyển sinh từ 01/5/2018 đến hết ngày 10/10/2018. B. Sơ cấp: Tuyển sinh và khai giảng hàng tuần. |
| | Công nghệ mạ | | 10 | 5 | | |
| | Công nghệ nhiệt luyện | | 10 | 5 | | |
| | Rèn, dập | | 10 | 5 | | |
| | Tiện CNC | | | 60 | | |
| | Phay CNC | | | 40 | | |
| | Hàn TIG-MIG-MAG | | | 5 | | |
| 33 | **Trường Cao đẳng Công nghiệp Thực phẩm**<br>Mã trường: CDT1505<br>Địa chỉ: Đường Nguyễn Tất Thành - phường Tân Dân -TP. Việt Trì - tỉnh Phú Thọ<br>Điện thoại: 0210.3849674 - 0210.6254045<br>Website: fic.edu.vn<br>Email: tuyensinhctp@fic.edu.vn | | | | | |
| | Chế biến lương thực | 100 | | | Xét tuyển (theo học bạ THPT, THCS..) | Từ 01/01/2018 đến 31/12/2018 |
| | Công nghệ thực phẩm | | | | | |
| | Chế biến thực phẩm | | | | | |
| | Chế biến dầu thực vật | | | | | |
| | Sản xuất bánh kẹo | | | | | |
| | Sản xuất cồn | | | | | |
| | Sản xuất rượu | | | | | |
| | Sản xuất nước giải khát | | | | | |
| | Chế biến cà phê, ca cao | | | | | |
| | Chế biến thuốc lá | | | | | |
| | Công nghệ sau thu hoạch | | | | | |
| | Công nghệ chế biến chè | | 200 | | | |
| | Chế biến rau quả | | | | | |
| | Công nghệ kỹ thuật chế biến và bảo quản thực phẩm | | | | | |
| | Công nghệ kỹ thuật chế biến và bảo quản sản phẩm cây công nghiệp | | | | | |
| | Nghiệp vụ nhà hàng khách sạn | | | 75 | | |
| | Kỹ thuật chế biến món ăn | | | 75 | | |
| | Công nghệ sinh học | 30 | | | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Cao đẳng | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| | Kiểm nghiệm chất lượng lương thực, thực phẩm | 30 | | | Xét tuyển (theo học bạ THPT, THCS..) | Từ 01/01/2018 đến 31/12/2018 |
| | Công nghệ kỹ thuật hóa học | | | | | |
| | Công nghệ hóa nhựa | | 50 | | | |
| | Công nghệ kỹ thuật môi trường | | | | | |
| | Công nghệ thông tin | 40 | | | | |
| | Tin học ứng dụng | | | | | |
| | Quản trị cơ sở dữ liệu | | 150 | | | |
| | Quản trị mạng máy tính | | | | | |
| | Công nghệ thông tin (ứng dụng phần mềm) | | | | | |
| | Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa | 100 | | | | |
| | Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử | | 200 | | | |
| | Điện dân dụng | | | | | |
| | Điện công nghiệp | | | | | |
| | Kế toán | 100 | | | | |
| | Tài chính - Ngân hàng | | | | | |
| | Quản trị kinh doanh | | | | | |
| | Kế toán doanh nghiệp | | 200 | | | |
| | Quản lý và bán hàng siêu thị | | | 75 | | |
| | Công nghệ may và thời trang | | 200 | 75 | | |
| 34 | **Trường Cao đẳng Nghề Phú Thọ**<br>Mã trường: CDD1503<br>Địa chỉ: Khu 1, phường Vân Phú, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ<br>Điện thoại: 02106267333<br>Website:http://caodangnghephutho.edu.vn<br>Email:truongcdnphutho@gmail.com | | | | | |
| | Điện công nghiệp | 35 | 60 | | Xét tuyển | Năm 2018 |
| | Điện tử dân dụng | 35 | 65 | | | |
| | Hàn | 20 | 20 | | | |
| | Công nghệ ô tô | 35 | 90 | | | |
| | Cắt gọt kim loại | 15 | 15 | | | |
| | Kỹ thuật chế biến món ăn | 35 | 35 | | | |
| | Quản trị khách sạn | 20 | | | | |
| | Công nghệ thông tin (ứng dụng phần mềm) | 35 | 35 | | | |
| | May thời trang | 15 | 65 | | | |
| | Thú y | 20 | 20 | | | |
| | Kế toán doanh nghiệp | | 15 | | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Cao đẳng | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| | Nghề phi nông nghiệp: May công nghiệp; Kỹ thuật chế biến món ăn; May nón; Điện dân dụng; Hàn... | | | 175 | Xét tuyển | Năm 2018 |
| | Nghề nông nghiệp: Nuôi ong mật; Nuôi và phòng trị bệnh cho lợn; Nuôi và phòng trị bệnh cho gà; Chăn nuôi thú y; Kỹ thuật trồng nấm, mộc nhĩ; Trồng rau sạch;... | | | 420 | | |
| **ĐIỆN BIÊN** | | | | | | |
| 35 | **Trường Cao đẳng Nghề Điện Biên**<br>Mã trường: CDD6201<br>Địa chỉ: Phố 15, phường Thanh Bình, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên<br>Điện thoại: 0215. 3828.241; 0215.3826.526<br>Website: cdn.dienbien.gov.vn<br>Email: pdt.tcndb2009@gmail.com | | | | | |
| | Lâm sinh | 20 | 25 | | Xét tuyển | Năm 2018 |
| | Điện công nghiệp | 20 | 25 | | | |
| | Công nghệ ô tô | 30 | 25 | | | |
| | Công nghệ thông tin | 20 | 25 | | | |
| | Kế toán doanh nghiệp | 20 | 25 | | | |
| | Kỹ thuật xây dựng | 20 | 25 | 70 | | |
| | Công tác xã hội | 20 | 25 | | | |
| | Điện dân dụng | | 25 | | | |
| | Chế biến mủ cao su | | 25 | | | |
| | Quản lý vận hành, sửa chữa đường dây và trạm biến áp từ 110KV trở xuống | | 25 | | | |
| | Hàn | | 25 | | | |
| | Tin học văn phòng | | 25 | | | |
| | Hàn điện | | | | | |
| | Sửa chữa xe máy | | | 50 | | |
| | Vận hành máy thi công nền | | | 60 | | |
| | Nuôi và phòng trị bệnh cho lợn | | | 30 | | |
| | Lái xe cơ giới đường bộ các hạng B1, B2 và C | | | 1.000 | | |
| | Tin học - Ngoại ngữ | | | 300 | | |
| 36 | **Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Điện Biên**<br>Mã trường: CDD6203<br>Địa chỉ: Số 34, Tổ 01, phường Him Lam, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên<br>Điện thoại: 0215. 3810.193; 0215.3811.115<br>Website: www.dtec.edu.vn<br>Email: cdkt.dtec@gmail.com | | | | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Cao đẳng | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| | Tài chính - Ngân hàng | 25 | | | Xét tuyển | Năm 2018 |
| | Kế toán | 25 | | | | |
| | Quản lý đất đai | 25 | | | | |
| | Khoa học cây trồng | 25 | | | | |
| | Chăn nuôi | 25 | | | | |
| | Lâm nghiệp | 25 | | | | |
| | Dịch vụ pháp lý | 30 | | | | |
| | Tài chính - Ngân hàng | | 25 | | | |
| | Quản lý đất đai | | 25 | | | |
| | Lâm nghiệp | | 25 | | | |
| | Kế toán doanh nghiệp | | 20 | | | |
| | Tin học ứng dụng | | 20 | | | |
| | Xây dựng dân dụng và công nghiệp | | 20 | | | |
| | Trồng trọt | | 20 | | | |
| | Chăn nuôi - Thú y | | 20 | | | |
| | Pháp luật | | 20 | | | |
| | Hành chính văn phòng | | 20 | | | |
| | Quản lý văn hóa | | 20 | | | |
| | Hướng dẫn du lịch | | 20 | | | |
| | Kế toán lao động, tiền lương, Bảo hiểm xã hội | | | 30 | | |
| | Kế toán vật tư | | | 30 | | |
| | Kế toán tin học | | | 30 | | |
| | Kế toán Hành chính sự nghiệp | | | 30 | | |
| | Kế toán trang trại, HTX | | | 30 | | |
| | Kế toán xây dựng | | | 30 | | |
| | Kế toán doanh nghiệp | | | 30 | | |
| | Kỹ thuật sản xuất ra an toàn | | | 30 | | |
| | Kỹ thuật trồng cây dược liệu | | | 30 | | |
| | Kỹ thuật xây dựng | | | 30 | | |
| 37 | **Trường Cao đẳng Y tế Điện Biên**<br>Mã trường: CDD6202<br>Địa chỉ: phường Noong Bua, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên<br>Điện thoại: 0215. 3720.112; 0215.3824.906<br>Website: truongcdytdienbien.edu.vn<br>Email: phongdaotao.cdy@moet.edu.vn | | | | | |
| | Điều dưỡng | 450 | | | Xét tuyển | Năm 2018 |
| | Dược | | 200 | | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Cao đẳng | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| | Y sĩ | | 200 | | Xét tuyển | Năm 2018 |
| | Tổng | 450 | 400 | | | |
| 38 | **Trường Cao đẳng Sư phạm Điện Biên**<br>Mã trường: C62<br>Địa chỉ: Tổ 30, phường Mường Thanh, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên<br>Điện thoại: 0215. 3828.702<br>Website: cdsptdienbien.edu.vn<br>Email: bants.c62@moet.edu.vn | | | | | |
| | Công tác xã hội | 30 | | | Xét tuyển | Năm 2018 |
| | Quản lý văn hóa | 15 | | | | |
| | Quản trị văn phòng | 15 | | | | |
| | Tin học ứng dụng | 15 | | | | |
| | Việt Nam học | 15 | | | | |
| | Tổng | 90 | | | | |
| | **LAI CHÂU** | | | | | |
| 39 | **Trường Cao đẳng Cộng đồng tỉnh Lai Châu**<br>Mã trường: CDD0701<br>Địa chỉ: Đường Võ Nguyên Giáp, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu<br>Điện thoại: 0213.3792.088; 0213.3792787<br>Website: http://laichaucc.edu.vn<br>Email: laichaucc@gmail.com; phongdt.clc@moet.edu.vn | | | | | |
| | Lâm sinh | 15 | | | Xét tuyển học bạ | Trong năm |
| | Kế toán doanh nghiệp | | 15 | | | |
| | Khoa học cây trồng | 15 | | | | |
| | Trồng trọt và bảo vệ thực vật | | 15 | | | |
| | Công nghệ thông tin | 15 | | | | |
| | Tiếng Anh | 20 | | | | |
| | Kinh doanh thương mại | 20 | | | | |
| | Tin học ứng dụng | | 30 | | | |
| | Hướng dẫn du lịch | | 40 | | | |
| | Kiểm lâm | | 35 | | | |
| | Lắp ráp, sửa chữa máy tính | | | 35 | | |
| | Kỹ thuật trồng khai thác mủ cao su | | | 35 | | |
| | Kỹ thuật chế biến món ăn | | | 50 | | |
| | Trồng rau an toàn | | | 35 | | |
| | Sản xuất giống cây nông nghiệp | | | 35 | | |
| | Trồng nấm | | | 35 | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Cao đẳng | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| **SƠN LA** | | | | | | |
| 40 | **Trường Cao đẳng Y tế Sơn La**<br>Mã trường: CDD 1403<br>Địa chỉ: Số 79, đường Lò Văn Giá, Tổ 4, phường Chiềng Lề, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La.<br>Điện thoại: 02123.857.961<br>Website:www.cdytesonla.edu.vn<br>Email: leanhtuancdytsla@gmail.com | | | | | |
| | Dược sĩ | 150 | 50 | | Xét tuyển | Từ 03/2018 đến 11/2018 |
| | Điều dưỡng | 150 | | | | |
| | Hộ sinh | 60 | | | | |
| | Y sĩ đa khoa | | 30 | | | |
| 41 | **Trường Cao đẳng Nông lâm Sơn La**<br>Mã trường: CDD 1404<br>Địa chỉ: Tiểu khu 13, Thị Trấn Hát Lót, Huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La<br>Điện thoại: 02123.843.033<br>Website: http://www.cdnlsonla.edu.vn<br>Email: admin@cdnlsonla.edu.vn | | | | | |
| | Chăn nuôi | 60 | | | Xét tuyển | Liên tục trong năm |
| | Lâm sinh | 60 | | | | |
| | Khoa học cây trồng | 60 | | | | |
| | Quản trị kinh doanh | 25 | | | | |
| | Chăn nuôi - Thú y | | 90 | | | |
| | Kế toán doanh nghiệp | | 60 | | | |
| | Khuyến nông lâm | | 120 | | | |
| | Lâm sinh | | 90 | | | |
| | Trồng trọt và bảo vệ thực vật | | 50 | | | |
| | Quản lý đất đai | | 60 | | | |
| | Kỹ thuật trồng, chăm sóc, thu hoạch và sơ chế cà phê | | | 90 | | |
| | Kỹ thuật trồng, chăm sóc, thu hoạch và tiêu thụ cây có múi | | | 70 | | |
| | Kỹ thuật trồng đào, lê, mận | | | 70 | | |
| | Kỹ thuật trồng, chăm sóc, thu hoạch, bảo quản và tiêu thụ rau hữu cơ | | | 60 | | |
| | Kỹ thuật trồng hồng | | | 60 | | |
| | Kỹ thuật nhân giống, trồng, chăm sóc cây tếch | | | 30 | | |
| | Kỹ thuật nhân giống, trồng, chăm sóc cây trám đen | | | 70 | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Cao đẳng | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| | Kỹ thuật nhân giống, trồng và chăm sóc cây Sơn tra | | | 30 | Xét tuyển | Liên tục trong năm |
| | Kỹ thuật trồng, bảo quản và sơ chế xoài nhãn | | | 90 | | |
| | Kỹ thuật trồng, chăm sóc, thu hoạch và bảo quản bơ | | | 30 | | |
| | Kỹ thuật nhân giống, trồng, chăm sóc cây xoan đào | | | 90 | | |
| | Kỹ thuật nhân giống, trồng chăm sóc mây nếp | | | 60 | | |
| | Kỹ thuật nuôi dê, thỏ | | | 70 | | |
| | Kỹ thuật nuôi và phòng trị bệnh cho gà | | | 30 | | |
| | Kỹ thuật nuôi và phòng trị bệnh cho lợn | | | 30 | | |
| | Kỹ thuật nuôi và phòng trị bệnh cho trâu, bò | | | 30 | | |
| | Kỹ thuật chăn nuôi thủy cầm | | | 50 | | |
| | Kế toán hợp tác xã nông nghiệp | | | 90 | | |
| | Tin học văn phòng | | | 60 | | |
| 42 | **Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Sơn La**<br>Mã trường: CDD 1401<br>Địa chỉ: Khu đô thị mới Chiềng Ngần - thành phố Sơn La - tỉnh Sơn La<br>Điện thoại: 02123.856.721<br>Website: http://www.tcdktcnsl.edu.vn<br>Email: tcdktcnsl@gmail.com | | | | | |
| | Công nghệ ô tô | 35 | 150 | | Xét tuyển | Tháng 6 đến tháng 9 |
| | Điện Công nghiệp | 70 | 150 | | | |
| | Điện Dân dụng | 35 | 65 | | | |
| | Tin học Văn phòng | 70 | 150 | | | |
| | Công nghệ thông tin (Ứng dụng phần mềm) | 35 | | | | |
| | Kỹ thuật xây dựng | | 105 | | | |
| | Hàn | | 105 | | | |
| | Vận hành máy xúc đào | | | 100 | | Liên tục trong năm |
| | Lái xe ô tô hạng B1, B2 | | | 330 | | |
| | Lái xe ô tô hạng C | | | 280 | | |
| | Sửa chữa điện dân dụng | | | 90 | | |
| | Sửa chữa mô tô, xe máy | | | 90 | | |
| | Sửa chữa máy nông nghiệp | | | 120 | | |
| | Hàn điện | | | 90 | | |
| | Nề xây dựng | | | 90 | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Cao đẳng | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| 43 | **Trường Cao đẳng Sơn La**<br>Mã trường: CDD 1402<br>Địa chỉ: Tổ 2, phường Chiềng Sinh, Thành Phố Sơn La, tỉnh Sơn La<br>Điện thoại: 02123.874.544; 02123.874.298<br>Website: http://www.cdsonla.edu.vn<br>Email: c14@moet.edu.vn | | | | | |
| | Quản lý đất đai | 35 | 35 | | Xét tuyển theo học bạ | 01/4/2018-30/11/2018 |
| | Quản lý tài nguyên rừng | 35 | 35 | | | |
| | Công tác xã hội | 40 | 35 | | | |
| | Văn thư hành chính | 36 | 35 | | | |
| | Hướng dẫn du lịch | 30 | 35 | | | |
| | Kế toán doanh nghiệp | 35 | 35 | | | |
| | Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử | 35 | | | | |
| | Tài chính ngân hàng | 30 | | | | |
| | Công nghệ thông tin | 35 | | | | |
| | Chăn nuôi | 35 | | | | |
| | Lâm nghiệp | 35 | | | | |
| | Quản trị văn phòng | 35 | | | | |
| | Quản lý văn hóa | 35 | | | | |
| | Khuyến nông | 35 | | | | |
| | Khoa học cây trồng | 35 | | | | |
| | Khoa học thư viện | 35 | | | | |
| | Công nghệ kỹ thuật môi trường | 35 | | | | |
| | Chăn nuôi - Thú y | | 35 | | | |
| | Lâm sinh | | 35 | | | |
| | Trồng trọt | | 35 | | | |
| | Kê toán hành chính sự nghiệp | | 35 | | | |
| | Hành chính văn phòng | | 35 | | | |
| | Thư viện - Thiết bị trường học | | 35 | | | |
| | Tin học ứng dụng | | 35 | | | |
| | Pháp Luật | | 35 | | | |
| **HÒA BÌNH** | | | | | | |
| 44 | **Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Hòa Bình**<br>Mã trường: CDD2303<br>Địa chỉ: Xã Dân Chủ, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình<br>Điện thoại: 02183.851.424<br>Website: kythuatcongnghehb.edu.vn<br>Email: kythuatcongnghehb@gmail.com | | | | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Cao đẳng | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| | Hàn | 35 | 75 | 60 | Xét tuyển (theo học bạ) | Tuyển sinh các tháng trong năm |
| | Công nghệ ô tô | 35 | 35 | | | |
| | Vận hành máy thi công nền | 35 | 35 | 30 | | |
| | Điện Công nghiệp | 50 | 50 | | | |
| | Điện tử dân dụng | 50 | 50 | | | |
| | Quản trị mạng máy tính | 35 | 35 | | | |
| | Kế toán doanh nghiệp | 50 | 70 | | | |
| | Cắt gọt kim loại | | 35 | | | |
| | Vận hành máy xây dựng | | 35 | | | |
| | Hướng dẫn du lịch | | 50 | 30 | | |
| | Sửa chữa, lắp ráp xe máy | | | 60 | | |
| | Mộc dân dụng (Gia công và thiết kế sản phẩm mộc) | | | 30 | | |
| | Nề - Hoàn thiện | | | 30 | | |
| | Điện dân dụng | | | 30 | | |
| | Sửa chữa máy lạnh và điều hòa không khí | | | 30 | | |
| | Tin học văn phòng | | | 30 | | |
| | May công nghiệp | | | 30 | | |
| 45 | **Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Hòa Bình**<br>Mã trường: CDD 2301<br>Địa chỉ: Số 79, Đường Bà Triệu, Tổ 18, phường Chăm Mát, TP. Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình<br>Điện thoại: 02183.858.988 - 02183.858.028 * Fax: 02183.858.559<br>Website: http://www.kinhtekythuathoabinh.edu.vn<br>Email: th.kit@hoabinh.edu.vn | | | | | |
| | Chăn nuôi | 30 | | | Xét tuyển theo học bạ | T3/2018 đến T12/2018 |
| | Khoa học cây trồng | 30 | | | | |
| | Lâm nghiệp | 20 | | | | |
| | Kế toán | 30 | | | | |
| | Dịch vụ pháp lý | 30 | | | | |
| | Quản trị văn phòng | 30 | | | | |
| | Kế toán doanh nghiệp | | 20 | | | |
| | Quản lý và kinh doanh nông nghiệp | | 20 | | | |
| | Pháp luật | | 30 | | | |
| | Hành chính văn phòng | | 30 | | | |
| | Chăn nuôi - Thú y | | 30 | | | |
| | Tin học ứng dụng | | 30 | | | |
| | Quản lý và kinh doanh khách sạn | | 30 | | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Cao đẳng | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| | Quản lý và kinh doanh nhà hàng và dịch vụ ăn uống | | 60 | | Xét tuyển theo học bạ | T3/2018 đến T12/2018 |
| | Quản lý và bán hàng siêu thị | | 60 | | | |
| | Vẽ thiết kế mỹ thuật có trợ giúp bằng máy tính | | 20 | | | |
| | Phát triển nông thôn | | 30 | | | |
| | Quản lý nông trại | | 20 | | | |
| | Lâm sinh | | 20 | | | |
| | Trồng trọt | | 20 | | | |
| | Bảo vệ thực vật | | 20 | | | |
| | Quản lý tài nguyên rừng | | 20 | | | |
| | Khuyến nông lâm | | 20 | | | |
| 46 | **Trường Cao đẳng Nghề sông Đà**<br>Mã trường: CĐT2301<br>Địa chỉ: Tổ 6 - phường Thịnh Lang - TP. Hòa Bình - Hòa Bình<br>Điện thoại: 02183.881516; 01696.274668 (Cô Ngân); 0974.666525 (Thầy Nam); 0915.838516 (Thầy Tráng)<br>Website: songda.edu.vn<br>Email: truongcdn@songda.edu.vn | | | | | |
| | Công nghệ ô tô | 25 | 70 | 25 | Xét tuyển | Liên tục trong năm |
| | Điện công nghiệp | 25 | 70 | 25 | | |
| | Kế toán doanh nghiệp | | 70 | | | |
| | Hàn | | 70 | 25 | | |
| | Vận hành cần, cầu trục | | | 25 | | |
| | Vận hành máy thi công nền | | 35 | 25 | | |
| | Lái xe ô tô hạng B1, B2 | | | 410 | | |
| | Lái xe ô tô hạng C | | | 240 | | |
| | Lái xe mô tô hạng A1 | | | 1300 | | |
| 47 | **Trường Cao đẳng Văn hóa Nghệ thuật Tây Bắc**<br>Mã trường: CDT2303<br>Địa chỉ: phường Thịnh Lang, Tp. Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình<br>Điện thoại: 02183858026 Fax: 02183858643<br>Website: vhnttaybac.edu.vn | | | | | |
| | Hội họa | 10 | | | Thi tuyển kết hợp với xét tuyển | * Hệ Cao đẳng thi năng khiếu:<br>- Đợt 1: 07/2018<br>- Đợt 2: 09/2018<br>(lịch cụ thể sẽ thông báo sau) |
| | Diễn viên múa | 10 | | | | |
| | Biên đạo múa | 10 | | | | |
| | Thanh nhạc | 30 | | | | |
| | Quản lý văn hóa | 20 | | | | |
| | Hội họa | | 15 | | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Cao đẳng | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| | Thanh nhạc | | 35 | | Thi tuyển kết hợp với xét tuyển | * Hệ Trung cấp:<br>- Xét tuyển từ tháng 04 đến tháng 10 năm 2018) |
| | Biểu diễn nhạc cụ phương Tây | | 20 | | | |
| | Organ | | 35 | | | |
| | Biểu diễn nhạc cụ truyền thống | | 15 | | | |
| | Nghệ thuật Biểu diễn múa dân gian dân tộc | | 30 | | | |
| **ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG** | | | | | | |
| **HÀ NỘI** | | | | | | |
| 48 | **Trường Cao đẳng Nghề Công nghiệp Hà Nội**<br>Mã trường: CDD0101<br>Địa chỉ: 131 Phố thái Thịnh - Đống Đa - Hà Nội<br>Điện thoại: 02438532033 -0989199280<br>Website: www.hnivc.edu.vn<br>Email: nguyentuongvi1978@gmail.com; info@hnivc.edu.vn | | | | | |
| | Cắt gọt kim loại | 55 | 20 | | Xét tuyển (theo học bạ, ...) | 5/2018 |
| | Hàn | 40 | 20 | | | |
| | Nguội chế tạo | 25 | | | | |
| | Công nghệ ô tô | 120 | 60 | | | |
| | Cơ điện tử | 50 | | | | |
| | Điện công nghiệp | 80 | 20 | | | |
| | Điện dân dụng | 20 | 70 | | | |
| | Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí | 80 | 20 | | | |
| | Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh | 30 | | | | |
| | Thiết kế đồ họa | 50 | 20 | | | |
| | Kế toán doanh nghiệp | 60 | 90 | | | |
| | Điện tử dân dụng | 30 | | | | |
| | Điện tử công nghiệp | 50 | 20 | | | |
| | Quản trị mạng máy tính | 70 | | | | |
| | Tin học văn phòng | | 1200 | | | |
| | Kỹ thuật lắp ráp và sửa chữa máy tính | | 40 | | | |
| | Công nghệ TT (Ứng dụng phần mềm) | | 300 | | | |
| 49 | **Trường Cao đẳng Công nghệ và Kinh tế Hà Nội**<br>Mã trường: CDT0138<br>Địa chỉ: Xã Đông Xuân - Huyên Sóc Sơn - Hà Nội<br>Điện thoại: 043.884.3325<br>Website: http:/hncte.edu.vn<br>Email: hncte@hncte.edu.vn | | | | | |
| | Công nghệ thông tin | 50 | | 60 | Xét tuyển theo học bạ | Từ 02/2018 đến 31/12/2018 |
| | Kế toán | 40 | | 15 | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Cao đẳng | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| | Công nghệ kỹ thuật điện - Điện tử | 60 | | | Xét tuyển theo học bạ | Từ 02/2018 đến 31/12/2018 |
| | Công nghệ thực phẩm | 40 | | | | |
| | Công nghệ kỹ thuật ô tô | 60 | | | | |
| | Chế biến thực phẩm | | 150 | 20 | | |
| | Chế biến lương thực | | 30 | | | |
| | Sản xuất rượu bia | | | 15 | | |
| | Công nghệ kỹ thuật kiểm nghiệm chất lượng lương thực - thực phẩm | | 50 | 15 | | |
| | Công nghệ ô tô | | 120 | 50 | | |
| | Công nghệ thông tin (Ứng dụng phần mềm) | | 250 | | | |
| | Kế toán doanh nghiệp | | 100 | | | |
| | Kinh doanh thương mại và dịch vụ | | 150 | | | |
| | Quản lý và kinh doanh nông nghiệp | | 50 | 15 | | |
| | Điện công nghiệp và dân dụng | | 100 | | | |
| | Điện công nghiệp | | | 60 | | |
| | Điện tử công nghiệp | | 200 | 60 | | |
| | Hàn | | | 40 | | |
| 50 | **Trường Cao đẳng Cơ điện và Công nghệ Thực phẩm Hà Nội**<br>Mã trường: CDT0122<br>Địa chỉ: Thị trấn Phú Minh, Phú Xuyên, Hà Nội<br>Điện thoại: 02433783113<br>Website: http:codientech.edu.vn<br>Email: codientech@gmail.com | | | | | |
| | Cắt gọt kim loại | 35 | 50 | 70 | Xét tuyển | Liên tục trong năm |
| | Công nghệ ô tô | 40 | 30 | 70 | | |
| | Hàn | 40 | 30 | 150 | | |
| | Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí | 35 | 40 | 70 | | |
| | Điện công nghiệp | 40 | 30 | 205 | | |
| | Điện tử công nghiệp | 35 | 50 | 70 | | |
| | Công nghệ thông tin (Ứng dụng phần mềm) | 35 | 50 | 150 | | |
| | Kế toán doanh nghiệp | 50 | 30 | 70 | | |
| | Chế biến thực phẩm | 35 | 45 | 70 | | |
| | Kỹ thuật Chế biến món ăn | 40 | 35 | 150 | | |
| | Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính | | 30 | 70 | | |
| | Sản xuất đường mía | | 50 | 150 | | |
| | May thời trang | | 35 | 70 | | |
| | Cơ điện nông thôn | | 70 | 120 | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Cao đẳng | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| | Kỹ thuật rau hoa công nghệ cao | | 40 | | Xét tuyển | Liên tục trong năm |
| | Kỹ thuật lò hơi | | | 180 | | |
| | Sửa chữa cơ khí | | | 150 | | |
| | Vận hành cầu trục | | | 70 | | |
| | Quản trị mạng máy tính | | | 70 | | |
| | Trồng rau hữu cơ an toàn | | | 140 | | |
| | Nuôi trồng và chế biến nấm ăn, nấm dược liệu | | | 140 | | |
| | Kỹ thuật nuôi cá thương phẩm | | | 140 | | |
| | Trồng lúa chất lượng cao | | | 140 | | |
| | Xây trát dân dụng | | | 180 | | |
| | Lắp đặt điện nước | | | 180 | | |
| 51 | **Trường Cao đẳng Cơ điện Hà Nội**<br>Mã trường: CĐT0105<br>Địa chỉ: - Cơ sở 1: 160 Mai dịch - Cầu giấy - Hà Nội (Trụ sở chính)<br>- Cơ sở 2: 111 Phan Trọng Tuệ - Văn Điển - Thanh trì - Hà Nội<br>- Cơ sở 3: Đường Nguyễn Văn Linh - phường Xuân Hoà - Vĩnh Phúc<br>Điện thoại: 024.37670374 -043.8615553 Fax: 024.3.7648337<br>Website: www.codienhanoi.edu.vn<br>Email: ttcodienhanoi@gmail.com | | | | | |
| | Điện công nghiệp | 300 | 50 | | Xét tuyển | Từ 01/03/2018 đến 30/12/2018 |
| | Cơ điện tử | 100 | 20 | | | |
| | Điện tử công nghiệp | 30 | 20 | | | |
| | Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí | 70 | 30 | | | |
| | Vận hành và sửa chữa trạm bơm điện | 40 | 15 | | | |
| | Quản lý khai thác công trình thủy lợi | 20 | 15 | | | |
| | Hàn | 50 | 15 | | | |
| | Cắt gọt kim loại | 50 | 15 | | | |
| | Công nghệ ô tô | 230 | 50 | | | |
| | Kế toán doanh nghiệp | 50 | 20 | | | |
| | Quản trị doanh nghiệp | 30 | | | | |
| | Marketing thương mại | 30 | | | | |
| | Thương mại điện tử | 30 | | | | |
| | Tài chính tín dụng | 30 | | | | |
| | Quản lý kinh doanh điện | 30 | | | | |
| | Lập trình máy tính | 50 | 20 | | | |
| | Quản trị mạng máy tính | 30 | | | | |
| | Thiết kế trang Web | 30 | | | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Cao đẳng | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| | Lắp đạt thiết bị cơ khí | | 20 | | Xét tuyển | Từ 01/03/2018 đến 30/12/2018 |
| | Cấp thoát nước | 20 | 10 | | | |
| 52 | **Trường Cao đẳng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Bắc Bộ**<br>Mã trường: CDT0127<br>Địa chỉ: Km 36, QL 6, thị trấn Xuân Mai, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội<br>Điện thoại:02433.840.164/0912.523.997/ 0972.932.286/0948.855.386<br>Website: http//www.vcard.edu.vn<br>Email: thainvcard@gmail.com ngockhcb@gmail.com daohung.vcard@gmail.com | | | | | |
| | Dịch vụ thú y | 118 | | | Hệ Cao đẳng xét tuyển theo học bạ và kết quả thi THPT trên phạm vi cả nước.<br>Hệ Trung cấp xét tuyển học bạ THCS, THPT trên phạm vi cả nước. | Hệ Cao đẳng từ ngày 30 tháng 06 năm 2018 đến 31 tháng 12 năm 2018 |
| | Khoa học cây trồng | 20 | | | | |
| | Bảo vệ thực vật | 17 | | | | |
| | Khuyến nông | 20 | | | | |
| | Công nghệ sinh học | 20 | | | | |
| | Tài chính ngân hàng | 20 | | | | |
| | Quản lý và kinh doanh nông nghiệp | 20 | 20 | | | |
| | Quản trị kinh doanh | 20 | | | | |
| | Quản lý đất đai | 20 | 30 | | | |
| | Tin học ứng dụng | 20 | 20 | | | |
| | Chăn nuôi | 20 | 20 | | | |
| | Kế toán doanh nghiệp | 20 | 20 | | | Hệ Trung cấp xét tuyển cả năm |
| | Phát triển nông thôn | 25 | 20 | | | |
| | Thú y | | 30 | | | |
| | Chăn nuôi gia súc gia cầm | | 20 | | | |
| | Nuôi trồng thủy sản nước ngọt | | 20 | | | |
| | Khuyến Nông lâm | | 20 | | | |
| | Trồng trọt | | 20 | | | |
| | Thiết kế cảnh quan, hoa viên | | 20 | | | |
| | Kinh doanh thương mại và dịch vụ | | 20 | | | |
| | Hành chính văn phòng | | 20 | | | |
| | Quản trị doanh nghiệp vừa và nhỏ | | 20 | | | |
| | Chăn nuôi - thú y | | 100 | 350 | | |
| | Làm vườn cây cảnh | | 20 | 35 | | |
| | Sinh vật cảnh | | 20 | 30 | | |
| | Kỹ thuật chăn nuôi gia cầm | | | 150 | | |
| | Kỹ thuật chăn nuôi lợn | | | 150 | | |
| | Kỹ thuật nuôi cá thương phẩm (nước ngọt) | | | 150 | | |
| | Kỹ thuật nuôi ong | | | 35 | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Cao đẳng | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| | Trồng cây ăn quả | | | 150 | Hệ Cao đẳng xét tuyển theo học bạ và kết quả thi THPT trên phạm vi cả nước.<br>Hệ Trung cấp xét tuyển học bạ THCS, THPT trên phạm vi cả nước. | Hệ Trung cấp xét tuyển cả năm |
| | Trồng rau hữu cơ, trồng rau an toàn | | | 150 | | |
| | Trồng lúa chất lượng cao | | | 150 | | |
| | Nuôi trồng và chế biến nấm ăn, nấm dược liệu | | | 150 | | |
| | Kỹ thuật trồng và chăm sóc cây cảnh | | | 35 | | |
| | Kỹ thuật trồng đào, quất cảnh | | | 35 | | |
| | Kỹ thuật trồng chè | | | 35 | | |
| | Trồng lúa trên cạn | | | 35 | | |
| | Quản lý trang trại | | | 35 | | |
| | Marketting tiêu thụ sản phẩm | | | 35 | | |
| | Tin học văn phòng | | | 35 | | |
| | May công nghiệp | | | 150 | | |
| | Sản xuất hàng may tre giang đan | | | 70 | | |
| | Móc sợi | | | 35 | | |
| 53 | **Trường Cao đẳng Nghề Kỹ thuật Mỹ nghệ Việt Nam**<br>Mã trường: CDT0110<br>Địa chỉ: Dương Xá - Gia Lâm - Hà Nội<br>Điện thoại: (0243) 6786301<br>Website: vcth.edu.vn<br>Email: daotaovietnam@gmail.com | | | | | |
| | Điện công nghiệp | 70 | 35 | 50 | Xét tuyển theo học bạ | Tuyển sinh liên tục trong năm |
| | Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí | 35 | 35 | 35 | | |
| | Hàn | 70 | 35 | 60 | | |
| | May thời trang | 70 | 70 | 60 | | |
| | Thiết kế thời trang | 35 | 35 | 35 | | |
| | Kế toán doanh nghiệp | 150 | 50 | | | |
| | Quản trị doanh nghiệp vừa và nhỏ | 50 | 35 | | | |
| | Quản trị mạng máy tính | 120 | 35 | | | |
| | Kỹ thuật sơn mài - khảm trai | 50 | 35 | 50 | | |
| | Gia công - thiết kế sản phẩm mộc | 35 | 70 | | | |
| | Tin học văn phòng | | | 120 | | |
| | Mộc dân dụng | | | 120 | | |
| | Đồ gốm mỹ thuật | | | 50 | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Cao đẳng | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| 54 | **Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Hà Nội**<br>Mã trường: CKN<br>Địa chỉ: 247 Vũ Tông Phan, Khương Trung, Thanh Xuân, Hà Nội<br>Điện thoại: 0246 253 27 47<br>Website: WWW.hcet.edu.vn<br>Email: Quy.HVNNVN@gmail.com | | | | | |
| | Quản trị doanh nghiệp vừa và nhỏ | 40 | | | Xét tuyển | 1/4/2018 đến 31/11/2018 |
| | Kế toán doanh nghiệp | 50 | 50 | | | |
| | Tài chính ngân hàng | 40 | | | | |
| | Truyền thông và mạng máy tính | 40 | | | | |
| 55 | **Trường Cao đẳng Công nghệ và Môi trường Hà Nội**<br>Mã trường: CMT<br>Địa chỉ: Số 30A phố Vũ Hữu, Thanh Xuân Bắc, Thanh Xuân, Hà Nội<br>Điện thoại:; (024) 35533612; (024) 38546649; (024) 35530652<br>Website: www.htec.edu.vn<br>Email: cdcongnghemoitruong@htec.edu.vn | | | | | |
| | Bảo vệ thực vật | 90 | | | Xét tuyển học bạ | Từ tháng 1-tháng 12/2018 |
| | Dịch vụ thú y | 120 | | | | |
| | Kế toán | 60 | | | | |
| | Cơ - Điện nông nghiệp | | 60 | | | |
| | Công nghệ kỹ thuật chế biến và bảo quản nông sản | | 60 | | | |
| | Chăn nuôi- Thú y | | 60 | | | |
| | Du lịch sinh thái | | 60 | | | |
| | Kế toán doanh nghiệp | | 60 | | | |
| | Quản lý đất đai | | 60 | | | |
| | Tin học ứng dụng | | 60 | | | |
| | Trồng trọt và bảo vệ thực vật | | 60 | | | |
| 56 | **Trường Cao đẳng Y tế Hà Nội**<br>Mã trường: CDD0134<br>Địa chỉ: 35 Đoàn Thị Điểm - Đống Đa - Hà Nội<br>Điện thoại: 024.37326303/0932329822/0988468932; Fax: 04.37322556<br>Website: yhn.edu.vn<br>Email: caodangytehanoi35@gmail.com | | | | | |
| | Điều dưỡng | 1000 | | | Xét tuyển theo học bạ THPT hoặc kết quả thi tốt nghiệp năm 2018 với các tổ hợp môn: Toán-Lý-Hóa/Toán-Hóa-Sinh/Văn-Toán-Ngoại ngữ | Từ tháng 3/2018 |
| | Hộ sinh | 50 | | | | |
| | Dược | 400 | | | | |
| | Kỹ thuật xét nghiệm y học | 50 | | | | |
| | Kỹ thuật hình ảnh y học | 50 | | | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Cao đẳng | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| 57 | **Trường Cao đẳng Cộng đồng Hà Tây**<br>Mã trường: CDD0132<br>Địa chỉ: Thủy Xuân Tiên - Chương Mỹ - Hà Nội<br>Điện thoại: 02433.721.213<br>Website: httc.edu.vn<br>Email: bants.d20@moet.edu.vn | | | | | |
| | Dịch vụ thú y | 40 | | | Xét tuyển (theo học bạ THPT, điểm thi tốt nghiệp THPT đối với hệ cao đẳng, trung cấp 2 năm. Xét theo học bạ THCS đối với hệ trung cấp 3 năm) | Từ tháng 02 đến 31/12/2018 |
| | Chăn nuôi | 30 | | | | |
| | Chăn nuôi thú y | | 150 | | | |
| | Khoa học cây trồng | 20 | | | | |
| | Trồng trọt | | 70 | | | |
| | Bảo vệ thực vật | 20 | 70 | | | |
| | Kỹ thuật rau, hoa công nghệ cao | 70 | 70 | | | |
| | Kế toán | 20 | | | | |
| | Kế toán doanh nghiệp | | 70 | | | |
| | Tài chính - Ngân hàng | 20 | 20 | | | |
| | Kế toán lao động tiền lương và bảo hiểm xã hội | 70 | 70 | | | |
| | Quản trị kinh doanh | 30 | | | | |
| | Quản lý doanh nghiệp | | 70 | | | |
| | Quản lý và kinh doanh nông nghiệp | 30 | 70 | | | |
| | Phát triển nông thôn | | 30 | | | |
| | Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành | 70 | | | | |
| | Quản lý và kinh doanh du lịch | | 70 | | | |
| | Kỹ thuật chế biến món ăn | 70 | 70 | | | |
| | Quản lý đất đai | 30 | 70 | | | |
| | Công nghệ kỹ thuật môi trường | 20 | 20 | | | |
| | Công nghệ thực phẩm | 40 | 50 | | | |
| | Công nghệ thông tin | 20 | | | | |
| | Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử | 20 | 70 | | | |
| | Tin học ứng dụng | 20 | 20 | | | |
| | Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính | | 70 | | | |
| | Điện công nghiệp | | 70 | | | |
| | Tiếng Anh | 30 | | | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Cao đẳng | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| 58 | **Trường Cao đẳng Du lịch Hà Nội**<br>Mã trường: CDT0126<br>Địa chỉ: 236 Hoàng Quốc Việt - phường Cổ Nhuế 1 - Quận Bắc Từ Liêm - Hà Nội<br>Điện thoại: 024.37560745 - 024.37541936 - Fax: 024.37543050<br>Website: www.htc.edu.vn | | | | | |
| | Kỹ thuật chế biến món ăn | 520 | | | Xét tuyển theo các hình thức sau:<br>- Điểm thi THPTQG<br>- Điểm Học bạ lớp 12 | Nhận hồ sơ (dự kiến):<br>+ Đợt 1: 10/7/2018 đến 25/7/2018<br>+ Đợt 2: Từ 13/8/2018 đến 24/8/2018<br>Thông tin chính thức tại Website: www.htc.edu.vn |
| | Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành | 270 | | | | |
| | Quản trị khách sạn | 370 | | | | |
| | Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống | 270 | | | | |
| | Hướng dẫn du lịch | 270 | | | | |
| | Tiếng Anh | 175 | | | | |
| | Tiếng Anh - Quản trị khách sạn, nhà hàng | | | | | |
| | Tiếng Anh - Quản trị lữ hành, hướng dẫn | | | | | |
| | Kế toán | 100 | | | | |
| | Nghiệp vụ lễ tân | | 100 | | Xét tuyển theo học bạ THPT | Nhận hồ sơ (dự kiến):<br>+ Đợt 1: Từ 20/06/2018 đến 10/08/2018.<br>+ Đợt 2: Từ 15/08/2018 đến 10/09/2018 |
| | Hướng dẫn du lịch | | 100 | | | |
| | Kỹ thuật chế biến món ăn | | 260 | | | |
| | Kế toán doanh nghiệp | | 50 | | | |
| | Nghiệp vụ nhà hàng, khách sạn | | 70 | | | |
| | Nghiệp vụ lễ tân | | | 50 | | Tuyển sinh liên tục trong năm |
| | Nghiệp vụ lưu trú | | | 50 | | |
| | Nghiệp vụ nhà hàng | | | 50 | | |
| | Nghiệp vụ Bar (Pha chế đồ uống) | | | 50 | | |
| | Nghiệp vụ chế biến món ăn | | | 150 | | |
| | Nghiệp vụ chế biến bánh | | | 50 | | |
| | Nghiệp vụ khách sạn | | | 90 | | |
| 59 | **Trường Cao đẳng Múa Việt Nam**<br>Mã trường: CDT0133<br>Địa chỉ: Khu Văn hóa Nghệ thuật, Đường Hồ Tùng Mậu, Mai Dịch, Cầu Giấy, Hà Nội<br>Điện thoại: 02437649781<br>Website: www.cdmuavn.edu.vn<br>Email: phongdaotaocdm2015@gmail.com | | | | | |
| | Ngành Diễn viên múa | | | | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Cao đẳng | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| | Chuyên ngành:<br>Nghệ thuật biểu diễn Kịch múa | | 30 | | Kết hợp thi tuyển và xét tuyển.<br>Môn thi: Năng khiếu múa; Năng khiếu âm nhạc.<br>Xét tuyển: Học bạ | Sơ tuyển:<br>Trực tiếp tại Trường Cao đẳng Múa Việt Nam vào các ngày thứ 7 và Chủ nhật (7g30-11g30). Từ ngày 7/4 đến hết ngày 15/7/2018.<br>Chung tuyển:<br>Ngày 1.2.3/8/2018 |
| | Chuyên ngành:<br>Nghệ thuật biểu diễn múa Dân gian dân tộc | | 45 | | | |
| 60 | **Trường Cao đẳng Nghề Kỹ thuật Công nghệ**<br>Mã trường: CDT0104<br>Địa chỉ: Tổ 27, Thị trấn Đông Anh, Huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội<br>Điện thoại: 0243.882.1104, 0912626631, 0986527597<br>Website: www.httc.edu.vn<br>Email: vanthuttc@molisa.gov.vn, conghung@molisa.gov.vn, luutien@molisa.gov.vn | | | | | |
| | Công nghệ ôtô | 40 | 50 | 30 | Xét tuyển | Từ 01/01 đến 31/12 |
| | Quản trị mạng máy tính | 25 | 30 | | | |
| | Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính | 25 | 30 | 30 | | |
| | Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí | 30 | 30 | 30 | | |
| | Điện công nghiệp | 40 | 50 | 30 | | |
| | Điện tử công nghiệp | 30 | 40 | 30 | | |
| | Cắt gọt kim loại | 30 | 30 | 20 | | |
| | Hàn | 20 | 30 | 20 | | |
| | May thời trang | 20 | 30 | 30 | | |
| | Kế toán doanh nghiệp | 20 | 50 | 30 | | |
| | Cơ điện tử | 20 | 30 | | | |
| 61 | **Trường Cao đẳng Thương mại và Du lịch Hà Nội**<br>Mã trường: CDD0130<br>Địa chỉ: Đường Phạm Văn Đồng - Mai Dịch - Cầu Giấy - Hà Nội<br>Điện thoại: (024).37641121 - (024).37921179<br>Website: http://hcct.edu.vn<br>Email: daotaotmdl@gmail.com | | | | | |
| | Quản trị kinh doanh | 120 | | | Xét học bạ lớp 12 | Từ 2/4 đến 31/12/2018 |
| | Quản trị khách sạn | 160 | | | | |
| | Kỹ thuật chế biến món ăn | 190 | | | | |
| | Thương mại điện tử | 30 | | | | |
| | Kế toán | 150 | | | | |
| | Kinh doanh thương mại | 20 | | | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Cao đẳng | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| | Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành | 125 | | | Xét học bạ lớp 12 | Từ 2/4 đến 31/12/2018 |
| | Tiếng Anh | 55 | | | | |
| | Phiên dịch tiếng Anh thương mại | 60 | | | | |
| | Phiên dịch tiếng Anh du lịch | 60 | | | | |
| | Kỹ thuật chế biến món ăn | | 30 | | | |
| 62 | **Trường Cao đẳng Nghệ thuật Hà Nội**<br>Mã trường: CDD0136<br>Địa chỉ: Số 7 Hai Bà Trưng, Hoàn Kiếm, Hà Nội<br>Điện thoại: 0243. 825.1809 Fax: 0243.934.0699<br>Website: http://www.nghethuathanoi.edu.vn<br>Email: vanthu_tcdnthn@hanoi.gov.vn | | | | | |
| | Quản lý văn hóa | 20 | 0 | 0 | Xét tuyển (theo học bạ) | 01/08 - 29/09/2018 |
| | Việt Nam học | 10 | 0 | 0 | | |
| | Truyền thông đa phương tiện | 10 | 0 | 0 | Thi tuyển: môn Hình họa | - Đợt 1: 25/3 và 01/04/2018<br>- Đợt 2: 15/7 - 20/7/2018<br>- Đợt 3: 15/9 - 20/9/2018 |
| | Thiết kế đồ họa | 10 | 0 | 0 | | |
| | Diễn viên kịch - Điện ảnh | 30 | 0 | 0 | Thi tuyển<br>- Môn thi: Hình thể, Tiếng nói, Năng khiếu biểu diễn | |
| | Biên đạo múa | 10 | 0 | 0 | Thi tuyển<br>- Môn thi: Cảm thụ âm nhạc, Chuyên ngành | |
| | Thanh nhạc | 25 | 85 | 0 | Thi tuyển<br>- Cao đẳng: Thi Xướng âm, ghi âm, Chuyên ngành<br>- Trung cấp: Thi thẩm âm tiết tấu, Chuyên ngành | |
| | Piano | 3 | 65 | 0 | | |
| | Biểu diễn nhạc cụ phương Tây | 7 | 60 | 0 | | |
| | Biểu diễn nhạc cụ truyền thống | 5 | 40 | 0 | | |
| | Hội họa | 10 | 60 | 0 | Thi tuyển<br>- Môn thi: Hình họa, Bố cục | |
| | Thiết kế thời trang | 10 | 20 | 0 | Thi tuyển<br>- Môn thi: Hình họa, Trang trí | |
| | Nghệ thuật biểu diễn múa dân gian dân tộc | 0 | 20 | 0 | Thi tuyển:<br>- Môn thi: Cảm thụ âm nhạc, Biểu diễn tác phẩm | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Cao đẳng | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| 63 | **Trường Cao đẳng Điện lực miền Bắc**<br>Mã trường:<br>Địa chỉ: Cơ sở 1: Xã Tân Dân, Huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội<br>Cơ sở 2: Xã Yên Viên, huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội<br>Điện thoại: Cơ sở 1: 024.22175586<br>Cơ sở 2: 024.22175583<br>Website: Nepc.edu.vn<br>Email: caodangdienlucmienbac@gmail.com | | | | | |
| | Đo lường điện | 35 | 35 | | Xét tuyển học bạ | |
| | Thí nghiệm điện | 35 | 35 | | | |
| | Quản lý vận hành, sửa chữa đường dây và trạm biến áp có điện áp 110kV trở xuống | 180 | 90 | | | |
| | Vận hành nhà máy nhiệt điện | 35 | 35 | | | |
| | Vận hành nhà máy thủy điện | 60 | 60 | | | |
| | Quản lý kinh doanh điện | 35 | 50 | | | |
| | Điện công nghiệp | 45 | 45 | | | |
| | Hệ thống điện | | 280 | | | |
| | Lắp đặt đường dây tải điện và trạm biến áp có điện áp 110kV trở xuống | | 50 | | | |
| 64 | **Trường Cao đẳng Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội**<br>Địa chỉ: Số 29A, ngõ 124, phố Vĩnh Tuy, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội<br>Điện thoại: 02466623934<br>Email: kinhdoanhcongnghe.nqk@gmail.com | | | | | |
| | Kế toán doanh nghiệp | 150 | | | Xét tuyển | Đợt 1 từ 19 tháng 7 năm 2018 đến 27 tháng 9 năm 2018<br>Đợt 2 từ 14 tháng 2 năm 2019 đến 30 tháng 3 năm 2019 |
| | Quản trị doanh nghiệp vừa và nhỏ | 70 | | | | |
| | Quản trị cơ sở dữ liệu | 70 | | | | |
| | Kỹ thuật sửa chữa lắp ráp máy tính | 100 | | | | |
| | Dược sỹ cao đẳng | 100 | | | | |
| 65 | **Trường Cao đẳng Y tế Hà Đông**<br>Mã trường: CDD0135<br>Địa chỉ: Số 39, Nguyễn Viết Xuân, Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội<br>Điện thoại: 02433824523 - Fax: 02433515852<br>Website: www.cdythadong.edu.vn<br>Email:tcdythd@hanoi.gov.vn | | | | | |
| | Điều dưỡng | 680 | 35 | | - Xét điểm thi trung học phổ thông quốc gia; | - Liên tục trong năm |
| | Dược | 240 | 35 | | | |
| | Hộ sinh | 90 | 35 | | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Cao đẳng | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| | Xét nghiệm | 90 | 35 | | - Xét học bạ THPT hoặc tương đương | - Liên tục trong năm |
| | Y sỹ | | 35 | | | |
| 66 | **Trường Cao đẳng Truyền hình**<br>Mã trường: CDT0131<br>Địa chỉ: Thị trấn Thường Tín, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội<br>Số điện thoại: 02433 853 048<br>Web site: http://ctv.vtv.vn<br>Email: bants.ctv@gmail.com | | | | | |
| | Báo chí | 100 | 30 | | Xét tuyển | Từ 01/05/2018 đến 30/10/2018 |
| | Quay phim | 70 | 30 | | | |
| | Công nghệ Điện ảnh-Truyền hình | 50 | 30 | | | |
| | Công nghệ kỹ thuật điện tử, truyền thông | 30 | 20 | | | |
| | Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử | 20 | | | | |
| | Tin học ứng dụng | 30 | 20 | | | |
| | Tiếng Anh | 20 | | | | |
| 67 | **Trường Cao đẳng Quốc tế Hà Nội**<br>Mã trường: CDD0123<br>Địa chỉ: Minh Trí - Sóc Sơn - Hà Nội<br>Điện thoại: 0981.257.178-0981.241.276<br>Website: Quoctehanoi.edu.vn<br>Email: nguyenphucanh83@gmail.com | | | | | |
| | Kỹ thuật chế biến món ăn | 35 | 35 | | Xét tuyển | Liên tục trong năm |
| | Kỹ thuật xây dựng | 35 | 35 | | | |
| | Kế toán doanh nghiệp | 65 | | | | |
| | Quản trị doanh nghiệp vừa và nhỏ | 65 | | | | |
| | Quản trị mạng máy tính | 65 | | | | |
| | Quản trị lễ tân | 30 | | | | |
| | Hướng dẫn du lịch | 65 | | | | |
| | Quản trị khách sạn | 65 | | | | |
| | Hàn | 35 | 35 | | | |
| 68 | **Trường Cao đẳng Nghề Việt Nam - Hàn Quốc Tp Hà Nội**<br>Mã trường: CDD0126<br>Địa chỉ: Đường Uy Nỗ, Thị trấn Đông Anh, Đông Anh, Hà Nội<br>Điện thoại: 0243.8800048 - 0945.301.091<br>Website: www.cdviethanhanoi.edu.vn - Facebook: www.facebook.com/cdnviethan<br>Email: truong@cdviethanhanoi.edu.vn - congban.vhh@gmail.com | | | | | |
| | Cắt gọt kim loại | 35 | 90 | 35 | Xét tuyển | Quanh năm |
| | Hàn | 35 | 35 | 35 | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Cao đẳng | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| | Công nghệ ô tô | 35 | 65 | | Xét tuyển | Quanh năm |
| | Điện công nghiệp | 35 | 120 | 35 | | |
| | Điện tử công nghiệp | 55 | 120 | 35 | | |
| | Cơ điện tử | 30 | 30 | 35 | | |
| | Điện dân dụng | | | 35 | | |
| | Sửa chữa động cơ ô tô | | | 35 | | |
| | Sửa chữa xe máy | | | 35 | | |
| 69 | **Trường Cao đẳng Nghề số 17 - Bộ Quốc Phòng**<br>Mã trường: CDT0123<br>Địa chỉ trụ sở chính: Ngõ 228 - Lê Trọng Tấn - Thanh Xuân - Hà Nội<br>Điện thoại:: 043.5656203/046.2517316 Fax: 043.56.56.203<br>Website: www.t17.edu.vn<br>Email: Caodang17bqp@t17.edu.vn | | | | | |
| | May thời trang | | | 90 | Xét tuyển | Liên tục trong năm |
| | Công nghệ ô tô | | | 130 | | |
| | Sửa chữa điện điện lạnh ô tô | | | 70 | | |
| | Sửa chữa điện điều khiển ô tô | | | 70 | | |
| | Sửa chữa cơ khí động cơ | | | 70 | | |
| | Sửa chữa xe máy | | | 70 | | |
| | Hàn | | | 50 | | |
| | Hàn 3G | | | 50 | | |
| | Hàn CNC | | | 50 | | |
| | Cắt gọt kim loại | | | 30 | | |
| | Điện dân dụng | | | 70 | | |
| | Điện nước | | | 50 | | |
| | Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí | | | 50 | | |
| | SC động cơ và TB gia dụng | | | 35 | | |
| | Điện tử dân dụng | | | 50 | | |
| 70 | **Trường Cao đẳng Công thương Hà Nội**<br>Mã trường: CDD0141<br>Địa chỉ: Số 54A1, Đường Vũ Trọng Phụng, Thanh Xuân, Hà Nội<br>Điện thoại: 0243.5400927 - 0243.5400926<br>Website: http://hcit.edu.vn<br>Email: hcit.edu.vn@gmail.com | | | | | |
| | Kế toán | 200 | | | Xét tuyển học bạ | Liên tục trong năm 2018 |
| | Công nghệ thông tin | 250 | | | | |
| | Dược | 150 | | | | |
| | Công nghệ kỹ thuật môi trường | | 100 | | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Cao đẳng | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| | Tin học ứng dụng | | 400 | | Xét tuyển học bạ | Liên tục trong năm 2018 |
| | Kế toán doanh nghiệp | | 300 | | | |
| | Tài chính ngân hàng | | 100 | | | |
| | Quản lý doanh nghiệp | | 100 | | | |
| | Quản lý công trình đô thị | | 100 | | | |
| | Xây dựng dân dụng và công nghiệp | | 100 | | | |
| | Sửa chữa Điện lạnh và Điện gia dụng | | | 150 | | |
| | Sửa chữa Điện thoại di động | | | 100 | | |
| | Sửa chữa Máy tính | | | 100 | | |
| 71 | **Trường Cao đẳng Nghề Văn Lang Hà Nội**<br>Mã trường: CDD0115<br>Địa chỉ: Nhà C1, Chung cư Khu công nghiệp Bắc Thăng Long, Kim Chung, Đông Anh, Hà Nội<br>Điện thoại: 0968 8686 41<br>Website: vanlang.edu.vn<br>Email: dongasia@gmail.com | | | | | |
| | Điện dân dụng | 50 | 50 | 115 | Xét tuyển | Quanh năm |
| | Điện công nghiệp | 70 | 70 | 25 | | |
| | Điện tử dân dụng | 25 | 25 | 25 | | |
| | Điện tử công nghiệp | 50 | 50 | 25 | | |
| | Kỹ thuật chế biến món ăn | 70 | 70 | 210 | | |
| | Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí | 60 | 50 | 25 | | |
| | Kế toán doanh nghiệp | 65 | 35 | 25 | | |
| | Kỹ thuật sửa chữa lắp ráp máy tính | 80 | 50 | 25 | | |
| | Hàn | 70 | 50 | 25 | | |
| | Quản trị cơ sở dữ liệu | 120 | 50 | | | |
| | Quản trị mạng máy tính | 120 | 50 | | | |
| | Quản trị nhà hàng | 100 | | | | |
| | Dịch vụ nhà hàng | | | 130 | | |
| | Nghiệp vụ lễ tân | | | 120 | | |
| | Nghiệp vụ văn thư lưu trữ | | | 60 | | |
| | Quản trị khách sạn | | | 105 | | |
| | Nghiệp vụ lưu trú | | | 105 | | |
| | Nghiệp vụ nhà hàng | | 50 | | | |
| | Hướng dẫn du lịch | 40 | 40 | | | |
| | Quản trị lữ hành | 40 | 40 | | | |
| | Phiên dịch tiếng Anh thương mại | 40 | 40 | | | |
| | Văn thư hành chính | 20 | 20 | | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Cao đẳng | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| | Công tác xã hội | 20 | 20 | | Xét tuyển | Quanh năm |
| | Thư viện - thiết bị trường học | | 20 | | | |
| | Kỹ thuật cắt uốn tóc | | | 20 | | |
| | Thiết kế tạo mẫu tóc | | | 20 | | |
| | Kỹ thuật chăm sóc da | | | 20 | | |
| | Kỹ thuật chăm sóc móng | | | 20 | | |
| | Kỹ thuật trang điểm | | | 20 | | |
| | Thiết bị trường học | | | 20 | | |
| | Thông tin thư viện | | | 20 | | |
| 72 | **Trường Cao đẳng Nghề Kỹ thuật và Nghiệp vụ Hà Nội**<br>Mã trường: CDT01234<br>Địa chỉ: 169 Nguyễn Ngọc Vũ, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, Tp. Hà Nội<br>Điện thoại: 043 8585. 141 Fax: 043. 8582.667<br>Website: http://hatechs.edu.vn Email:tuyensinh@hatechs.edu.vn | | | | | |
| | Kế toán doanh nghiệp | 20 | 20 | 30 | Xét tuyển theo học bạ | Từ tháng 1 đến tháng 12 năm 2018 |
| | Điện dân dụng | 20 | 20 | 30 | | |
| | Cấp thoát nước | 20 | 20 | 30 | | |
| | Hàn | 20 | 20 | 30 | | |
| | Điện công nghiệp | 20 | 20 | | | |
| | Kế toán ngân hàng | 20 | 20 | | | |
| | Marketing thương mại | 20 | 20 | | | |
| | Tài chính doanh nghiệp | 20 | 20 | | | |
| | Kỹ thuật xây dựng | 20 | 20 | | | |
| | Công nghệ thông tin (ứng dụng phần mềm) | 20 | 20 | | | |
| | Quản trị doanh nghiệp vừa và nhỏ | 20 | 20 | | | |
| | Cốp pha giàn giáo | | 20 | 40 | | |
| | Cốt thép hàn | | 20 | 40 | | |
| | Quản trị cơ sở dữ liệu | 20 | | | | |
| | Thư ký văn phòng | | 20 | | | |
| | Xây dựng dân dụng và công nghiệp | | 20 | | | |
| | Kỹ thuật sửa chữa lắp ráp máy tính | | 20 | | | |
| | Điện nước | | 20 | | | |
| | Tin học văn phòng | | | 20 | | |
| | Nề hoàn thiện | | | 40 | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Cao đẳng | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| 73 | **Trường Cao đẳng Điện tử - Điện lạnh Hà Nội**<br>Mã trường: CDD0131<br>Địa chỉ: Đường Nguyễn Văn Huyên (kéo dài), Dịch Vọng, Cầu Giấy, Hà Nội<br>Điện thoại: 024.37673896/024.38349644/(Hotline): 0975.363.566/098.5628.118<br>Website: http//dtdl.edu.vn<br>Email: tuyensinh@dtdl.edu.vn | | | | | |
| | Công nghệ thông tin | 50 | | | Xét tuyển:<br>- Trình độ Cao đẳng: xét tuyển thí sinh tốt nghiệp THPT (hoặc tương đương);<br>- Trình độ Trung cấp: xét tuyển thí sinh tốt nghiệp THCS trở lên;<br>- Trình độ Sơ cấp: xét tuyển thí sinh đủ 15 tuổi trở lên, có đủ sức khỏe phù hợp ngành, nghề đăng ký học. | Tuyển sinh liên tục trong năm, từ 01/3/2018 đến hết 31/12/2018 |
| | Công nghệ kỹ thuật điện tử, truyền thông | 40 | | | | |
| | Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử | 75 | | | | |
| | Tự động hóa công nghiệp | 75 | | | | |
| | Điện công nghiệp | 50 | 50 | | | |
| | Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí | 175 | 100 | 35 | | |
| | Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử | 75 | | | | |
| | Điện tử công nghiệp | 50 | | | | |
| | Tin học ứng dụng | | 150 | | | |
| | Công nghệ kỹ thuật điện tử, viễn thông | | 50 | | | |
| | Điện công nghiệp và dân dụng | | 50 | | | |
| | Điện dân dụng | | | 35 | | |
| | Cơ khí | | | 35 | | |
| | Tin học văn phòng | | | 35 | | |
| | Kỹ thuật sửa chữa máy tính, máy in, máy photocopy | | | 35 | | |
| 74 | **Trường Cao đẳng Xây dựng Công trình Đô thị**<br>Mã trường: CDT0128<br>Địa chỉ: - Cơ sở 1: xã Yên Thường, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội<br>- Cơ sở 2: 1355 Nguyễn Tất Thành, phường Phú Bài, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế<br>Điện thoại: 024.3877 0034; Hotline: 0987 495 856.<br>Website: www.cuwc.edu.vn<br>Email: tuyensinh.cuwc@gmail.com | | | | | |
| | Công nghệ kỹ thuật xây dựng | 30 | | | Xét tuyển căn cứ vào kết quả học bạ THPT (đối với hệ cao đẳng), THCS hoặc THPT (đối với hệ trung cấp, sơ cấp) | Từ 01/01-31/12/2018 |
| | Kỹ thuật xây dựng | | 20 | 50 | | |
| | Công nghệ kỹ thuật kiến trúc | 30 | | | | |
| | Thiết kế nội thất | 20 | | | | |
| | Quản lý xây dựng | 20 | | | | |
| | Điện công nghiệp | 20 | 50 | 30 | | |
| | Điện tử công nghiệp | 20 | 80 | | | |
| | Điện dân dụng | | 50 | 30 | | |
| | Điện công nghiệp và dân dụng | 30 | 30 | | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Cao đẳng | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| | Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí | 20 | 20 | | Xét tuyển căn cứ vào kết quả học bạ THPT (đối với hệ cao đẳng), THCS hoặc THPT (đối với hệ trung cấp, sơ cấp) | Từ 01/01-31/12/2018 |
| | Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa | 20 | 20 | | | |
| | Công nghệ kỹ thuật chiếu sáng đô thị | | 20 | | | |
| | Kế toán doanh nghiệp | | 30 | | | |
| | Tin học ứng dụng | | 50 | | | |
| | Cấp, thoát nước | 30 | 30 | 50 | | |
| | Kỹ thuật lắp đặt ống công nghệ | | 30 | 50 | | |
| | Điện - Nước | | 50 | 50 | | |
| | Hàn | 20 | 20 | 40 | | |
| | Công nghệ kỹ thuật trắc địa | 20 | | | | |
| | Công nghệ kỹ thuật môi trường | 20 | | | | |
| 75 | **Trường Cao đẳng Công nghệ Hà Nội**<br>Mã trường: CDD0138<br>Địa chỉ: Km12, đường Cầu Diễn, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội<br>Điện thoại: 024.62 952 832 - 024.37 637 574<br>Website: www.hitech.edu.vn<br>Email: tuyensinh@hitech.edu.vn/tuyensinh.hitech@gmail.com | | | | | |
| | Công nghệ kỹ thuật Cơ khí | 70 | 20 | | Xét tuyển thí sinh đã tốt nghiệp THPT hoặc tương đương trong năm 2018 và các năm trước | Tuyển sinh liên tục trong năm |
| | Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử | 120 | 20 | | | |
| | Công nghệ kỹ thuật Điều khiển và tự động hóa | 60 | | | | |
| | Công nghệ kỹ thuật Điện tử truyền thông | 50 | | | | |
| | Điện tử công nghiệp | 50 | | | | |
| | Điện công nghiệp | 50 | | | | |
| | Công nghệ thông tin | 90 | 20 | | | |
| | Lập trình máy tính | 50 | 20 | | | |
| | Kế toán doanh nghiệp | 60 | 20 | | | |
| | Tài chính ngân hàng | 50 | | | | |
| | Quản trị kinh doanh | 50 | | | | |
| 76 | **Trường Cao đẳng Xây dựng số 1**<br>Mã trường: CDT0129<br>Địa chỉ: Đường Trung Văn, phường Trung Văn, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội<br>Điện thoại: 0981004537, 0981004538, 024 85877316<br>Website: www.ctc1.edu.vn<br>Email: phongdaotaoctc1@gmail.com | | | | | |
| | Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng | 200 | | | Xét tuyển học bạ năm lớp 12 | Từ 02/01/2018 đến 30/12/2018 |
| | Quản lý xây dựng | 50 | | | | |
| | Kế toán | 50 | | | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Cao đẳng | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| | Công nghệ kỹ thuật kiến trúc | 20 | | | Xét tuyển học bạ năm lớp 12 | Từ 02/01/2018 đến 30/12/2018 |
| | Công nghệ kỹ thuật vật liệu xây dựng | 20 | | | | |
| | Công nghệ kỹ thuật xây dựng | 20 | | | | |
| | Quản trị kinh doanh | 20 | | | | |
| | Tài chính Ngân hàng | 20 | | | | |
| | Xây dựng dân dụng và công nghiệp | | 150 | | Xét tuyển học bạ năm lớp 12 hoặc lớp 9 | |
| | Kế toán doanh nghiệp | | 100 | | | |
| | Kế toán xây dựng | | 150 | | | |
| | Cấp thoát nước | | 150 | | | |
| | Nề - Hoàn thiện | | 25 | | | |
| | Cốt thép - Hàn | | 25 | | | |
| | Bê tông | | 25 | | | |
| | Cốp pha - Giàn giáo | | 25 | | | |
| 77 | **Trường Cao đẳng Dược Hà Nội I**<br>Mã trường: TCD0176<br>Địa chỉ: Số 1 Đường Phú Diễn - Quận Bắc Từ Liêm - Tp. Hà Nội<br>Điện thoại: 024.37638724; Website: duochanoi.net;<br>Email: caodangduochanoi1edu@gmail.com | | | | | |
| | Cử nhân Dược | 800 | | 0 | Kết hợp thi tuyển và xét tuyển (Thi tuyển 3 môn: Toán, Hóa, Chuyên môn); (Xét tuyển theo học bạ THPT) | 01/01/2018-31/12/2018 |
| | Dược sỹ | | 300 | 0 | Xét tuyển học bạ THPT | |
| 78 | **Trường Cao đẳng Giao thông Vận tải Trung ương I**<br>Mã trường: CĐT 0113<br>Địa chỉ: Xã Thụy An - huyện Ba Vì - Tp. Hà Nội<br>Điện thoại: 024.33 863 336; Fax: 024.33 864 111<br>Website: www.gtvttw1.edu.vn<br>Email: daotao.gtvttw1@gmail.com | | | | | |
| | Điện dân dụng | 30 | 35 | 20 | Xét tuyển | Cả năm |
| | Điện công nghiệp | 40 | 60 | 60 | | |
| | Thí nghiệm và kiểm tra chất lượng cầu đường bộ | 30 | 50 | 90 | | |
| | Công nghệ ô tô | 70 | 35 | 60 | | |
| | Hàn | 30 | 30 | 30 | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Cao đẳng | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| | Sửa chữa máy thi công xây dựng | 60 | 30 | | Xét tuyển | Cả năm |
| | Xây dựng cầu đường bộ | 70 | 50 | | | |
| | Kế toán doanh nghiệp | 70 | 90 | | | |
| | Vận hành cần, cầu trục | | 30 | 50 | | |
| | Vận hành máy thi công nền | 20 | 120 | | | |
| | Vận hành máy thi công mặt đường | 30 | 30 | | | |
| | Kỹ thuật xây dựng | 20 | 20 | | | |
| | Kỹ thuật chế biến món ăn | 60 | 30 | 60 | | |
| | Công tác xã hội | 35 | 60 | | | |
| | Sửa chữa điện máy công trình | | 30 | | | |
| | Lắp đặt cầu | | 25 | | | |
| | Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí | | 20 | | | |
| | Tin học ứng dụng | | 90 | | | |
| | Khai thác vận tải đường bộ | | 25 | | | |
| | Xây dựng dân dụng và công nghiệp | | 50 | | | |
| | Điện nước | | | 30 | | |
| | Điện thủy lực máy thi công xây dựng | | | 90 | | |
| | Điện máy thi công | | | 60 | | |
| | Sửa chữa điện lạnh, ô tô | | | 30 | | |
| | Sửa chữa cơ khí động cơ | | | 30 | | |
| | Sửa chữa hệ thống khung gầm ô tô | | | 30 | | |
| | Cắt gọt kim loại | | | 30 | | |
| | Vận hành máy xúc | | | 60 | | |
| | Vận hành máy ủi | | | 25 | | |
| | Vận hành máy san | | | 25 | | |
| | Vận hành máy lu | | | 25 | | |
| | Vận hành máy rải thảm | | | 25 | | |
| | Vận hành máy nâng hàng | | | 25 | | |
| | Vận hành búa đóng cọc | | | 30 | | |
| | Vận hành cầu trục | | | 30 | | |
| | Ổn định đường | | | 20 | | |
| | Tuần đường | | | 30 | | |
| | Trắc địa công trình | | | 20 | | |
| | Duy tu sửa chữa cầu đường bộ | | | 20 | | |
| | Nề hoàn thiện | | | 30 | | |
| | Kế toán thuế | | | 60 | | |
| | Kế toán máy | | | 60 | | |
| | Kế toán tổng hợp | | | 60 | | |
| | Lái xe ô tô các hạng (B1, B2, C, D, E) | | | 1.800 | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Cao đẳng | LT CĐ | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| 79 | **Trường Cao đẳng Nghề Công nghệ cao Hà Nội**<br>Mã trường: CDD0118<br>Địa chỉ: Phố Nhuệ Giang, Phường Tây Mỗ, Q. Nam Từ Liêm, Hà Nội<br>Điện thoại:; (024) 3765 3568; (024) 37653637;<br>Website: www.hht.edu.vn<br>Email: tuyensinh@hht.edu.vn | | | | | | |
| | Hàn | 35 | | | 100 | Xét học bạ | Từ tháng 1 - tháng 12/2018 |
| | Chế tạo thiết bị cơ khí | 35 | | | | | |
| | Cắt gọt kim loại | 105 | 35 | 35 | 100 | | |
| | Chế tạo khuôn mẫu | 35 | | | | | |
| | Bảo trì hệ thống thiết bị cơ khí | 35 | | | | | |
| | Vẽ và thiết kế trên máy tính | 35 | | | | | |
| | Cơ điện tử | 105 | | | | | |
| | Công nghệ ô tô | 245 | 35 | | | | |
| | Điện tử công nghiệp | 105 | | 35 | | | |
| | Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính | 70 | 35 | 35 | | | |
| | Quản trị mạng máy tính | 30 | | | | | |
| | Điện công nghiệp | 105 | | 35 | 100 | | |
| | Điện - Nước | | 35 | | | | |
| | Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí | 210 | 105 | 35 | | | |
| | Kỹ thuật lắp đặt điện và điều khiển trong CN | 35 | | | | | |
| | Thiết kế đồ họa | 70 | 35 | | | | |
| | Thiết kế Web | 35 | | | | | |
| | Công nghệ thông tin (UDPM) | 70 | 105 | | | | |
| | Lập trình máy tính | 30 | | | | | |
| | Kế toán doanh nghiệp | 35 | 105 | | | | |
| | Quản trị doanh nghiệp | 35 | | | | | |
| | Thương mại điện tử | 35 | | | | | |
| | Thiết kế nội thất | 35 | | | | | |
| | Quan hệ công chúng | 35 | | | | | |
| | Kỹ thuật chăm sóc tóc | | 35 | | 20 | | |
| | Chăm sóc sắc đẹp | 70 | 35 | 35 | 100 | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Cao đẳng | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| 80 | **Trường Cao đẳng Nghề Trần Hưng Đạo**<br>Mã trường: CĐĐ0109<br>Địa chỉ: số 7, đường Mỹ Đình, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm - Hà Nội<br>Điện thoại: 0243 768 2544<br>Website: hptt://www.caodangtranhungdao.edu.vn<br>email: info@caodangtranhungdao.vn | | | | | |
| | Kỹ thuật chế biến món ăn | 100 | 70 | x | Xét tuyển học bạ | Liên tục tuyển sinh |
| | Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính | 80 | 30 | x | | |
| | Kế toán doanh nghiệp | 60 | 30 | x | | |
| | Thiết kế đồ họa | 70 | 35 | x | | |
| | Quản trị khách sạn | 50 | 35 | x | | |
| | Lập trình máy tính | 70 | | x | | |
| | Nghiệp vụ nhà hàng | | 70 | x | | |
| | Thẩm mỹ | | | x | | |
| | Điều dưỡng | | | x | | |
| | **Trường Cao đẳng Công nghệ và Thương mại Hà Nội**<br>Mã trường: CDD0139<br>Địa chỉ: Số 252, Hạ Hội, Tân Lập, Đan Phượng, Hà Nội<br>Điện thoại: 024.3362.8666 – 024.3290.9340 - 0928.88.99.00<br>Website: htt.edu.vn<br>Email: info@htt.edu.vn | | | | | |
| | Dược | 420 | 30 | 35 | Xét tuyển theo học bạ THPT, bổ túc THPT hoặc THCS | Từ ngày 01/01/2018 đến ngày 25/12/2018 |
| | Điều dưỡng | 150 | 30 | 35 | | |
| | Y sỹ đa khoa | | 30 | | | |
| | Quản trị kinh doanh | 90 | | | | |
| | Tài chính - ngân hàng | 90 | | | | |
| | Kế toán | 180 | | | | |
| | Công nghệ kỹ thuật xây dựng | 120 | | | | |
| | Xây dựng cầu đường bộ | 35 | | | | |
| | Công nghệ kỹ thuật kiến trúc | 35 | | | | |
| | Công nghệ thông tin | 35 | | | | |
| | Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử | 70 | | | | |
| | Công nghệ kỹ thuật điện tử, viễn thông | 35 | | | | |
| | Điện công nghiệp | 35 | 35 | | | |
| | Điện dân dụng | 35 | 35 | | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Cao đẳng | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| | Điện tử dân dụng | 35 | 35 | | Xét tuyển theo học bạ THPT, bổ túc THPT hoặc THCS | Từ ngày 01/01/2018 đến ngày 25/12/2018 |
| | Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí | 35 | | | | |
| | Hướng dẫn du lịch | 60 | | | | |
| | Công tác xã hội | 90 | | | | |
| | Quản trị khách sạn | 30 | | | | |
| | Quản trị nhà hàng | 30 | | | | |
| | Kỹ thuật chế biến món ăn | 90 | 30 | 35 | | |
| | Dịch vụ pháp lý | 90 | | | | |
| | Nghiệp vụ nhà hàng, khách sạn | | 30 | | | |
| | Nghiệp vụ lễ tân | | 30 | | | |
| | Công nghệ ô tô | 35 | 35 | | | |
| **VĨNH PHÚC** | | | | | | |
| 81 | **Trường Cao đẳng Nghề Vĩnh Phúc**<br>Mã trường: CDD1601<br>Địa chỉ:<br>+ Khu A: Đường Nguyễn Tất Thành, khu hành chính 15, phường Liên Bảo, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc<br>+ Khu B: Đường Chu Văn An, khu hành chính 15, phường Liên Bảo, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc<br>Điện thoại: 02113.860.829 - 02113.535.868<br>Website: www.vpvc.edu.vn<br>Email: cdnvp@vinhphuc.edu.vn | | | | | |
| | Điện công nghiệp | 50 | 200 | - | Xét tuyển | Liên tục trong năm |
| | Công nghệ ô tô | 50 | 150 | - | | |
| | Cắt gọt kim loại | 35 | 70 | | | |
| | Hàn | 15 | 70 | | | |
| | Công nghệ thông tin (Ứng dụng phần mền) | 25 | - | - | | |
| | Kỹ thuật Sửa chữa và lắp ráp máy tính | - | 100 | - | | |
| | Điện tử công nghiệp | 20 | 100 | - | | |
| | Kế toán doanh nghiệp | 20 | 50 | - | | |
| | Kỹ thuật xây dựng | 15 | - | - | | |
| | Cơ điện tử | 20 | - | - | | |
| | Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí | 50 | 200 | | | |
| | May thời trang | - | 100 | - | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Cao đẳng | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| 82 | **Trường Cao đẳng Cơ khí Nông nghiệp**<br>Mã trường: CDT1602<br>Địa chỉ: Xã Tam Hợp, Huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc<br>Điện thoại: 02113.866.086 Fax: 02113. 866.542<br>Website: cam.edu.vn<br>Email: tuyensinhCKNN@gmail.com; tchcvcam@gmail.com | | | | | |
| | Cắt gọt kim loại | 30 | 60 | 30 | Xét tuyển | |
| | Hàn | 20 | 30 | 50 | | |
| | Công nghệ Ôtô | 80 | 120 | 20 | | |
| | Công nghệ thông tin | 20 | | | | |
| | Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính | 20 | 100 | | | |
| | Quản trị mạng máy tính | 20 | 20 | | | |
| | Tin học văn phòng | 20 | 30 | | | |
| | Điện công nghiệp | 80 | 120 | 30 | | |
| | Điện dân dụng | | 30 | 30 | | |
| | Kỹ thuật lắp đặt điện và điều khiển trong CN | | 20 | | | |
| | Điện tử công nghiệp | 50 | 90 | | | |
| | Điện tử dân dụng | | 20 | | | |
| | Kỹ thuật máy lạnh và ĐHKK | 30 | 60 | 30 | | |
| | Kỹ thuật máy nông nghiệp | | 30 | | | |
| | Vận hành máy thi công nền | | 30 | 30 | | |
| | Kế toán doanh nghiệp | 20 | 20 | | | |
| | Xếp dỡ cơ giới tổng hợp | | | 30 | | |
| | Lái xe Ô tô | | | 1620 | | |
| | Sư phạm dạy nghề | | | 300 | | |
| 83 | **Trường Cao đẳng Kinh tế Kỹ thuật Vĩnh Phúc**<br>Mã trường: CDD1602<br>Địa chỉ: Số 55 B, Đường Hùng Vương, Phường Hội Hợp, TP Vĩnh Yên, Vĩnh Phúc<br>Điện thoại: 02113. 861. 938; 02113. 867.994 Fax: 02773.848.231<br>Website: vtec.edu.vn Email: cdktvp@vinhphuc.edu.vn | | | | | |
| | Cắt gọt kim loại | 30 | 30 | | Xét tuyển theo học bạ | Chia 4 đợt xét tuyển:<br>+ Đợt 1: Từ 15/3 - 15/6/2018<br>+ Đợt 2: Từ 16/6 - 15/8/2018<br>+ Đợt 3: Từ: 16/8 - 15/9/2018<br>+ Đợt 4: Từ 16/9 - 15/11/2018 |
| | Điện công nghiệp | 30 | 50 | | | |
| | Hàn | 30 | 30 | | | |
| | Công nghệ ô tô | 60 | 50 | | | |
| | Kế toán doanh nghiệp | 30 | 50 | | | |
| | Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử | 30 | 30 | | | |
| | Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính | 30 | 30 | | | |
| | Nguội sửa chữa máy công cụ | 30 | 30 | | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Cao đẳng | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| | Truyền thông và mạng máy tính | 30 | | | Xét tuyển theo học bạ | Chia 4 đợt xét tuyển:<br>+ Đợt 1: Từ 15/3 - 15/6/2018<br>+ Đợt 2: Từ 16/6 - 15/8/2018<br>+ Đợt 3: Từ: 16/8 - 15/9/2018<br>+ Đợt 4: Từ 16/9 - 15/11/2018 |
| | Công nghệ kỹ thuật cơ khí | 30 | | | | |
| | Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa | 30 | | | | |
| | Chăn nuôi | 30 | | | | |
| | Dịch vụ thú y | 30 | | | | |
| | Kế toán | 30 | | | | |
| | Quản trị kinh doanh | 30 | | | | |
| | Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí | | 30 | | | |
| | Chăn nuôi gia súc, gia cầm | | 30 | | | |
| | Thú y | | 30 | | | |
| | Quản lý doanh nghiệp | | 50 | | | |
| | Trắc địa - Địa hình - Địa chính | | 30 | | | |
| | Tin học văn phòng | | 30 | | | |
| | Quản trị hệ thống | | 30 | | | |
| | Điện công nghiệp và dân dụng | | 30 | | | |
| | Cơ khí chế tạo | | 30 | | | |
| | Cơ điện tử | | 20 | | | |
| | Bảo trì và sửa chữa thiết bị cơ khí | | 30 | | | |
| | Chăn nuôi - thú y | | 30 | | | |
| | Thủy lợi tổng hợp | | 30 | | | |
| | Xây dựng dân dụng và công nghiệp | | 30 | | | |
| | Thống kế | | 50 | | | |
| | Kế toán hành chính sự nghiệp | | 50 | | | |
| 84 | **Trường Cao đẳng Công nghiệp Phúc Yên**<br>Mã trường: CDT1601<br>Địa chỉ: Số 1, Phố Chùa Cấm, Phường Trưng Nhị, Thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc<br>Điện thoại: 02113.511.836<br>Website: http://www.pci.edu.vn<br>Email: caodangcnpy@pci.edu.vn | | | | | |
| | Công nghệ kỹ thuật điện tử, truyền thông | 40 | | | Xét tuyển | Cả năm |
| | Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa | 60 | | | | |
| | Công nghệ ô tô | 80 | 30 | | | |
| | Hàn | 40 | 40 | | | |
| | Kế toán doanh nghiệp | 80 | 40 | | | |
| | Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính | | 70 | | | |
| | Khoan thăm dò địa chất | | 30 | | | |
| | Điều dưỡng | | | 150 | | |
| | Điện tử dân dụng | 35 | 60 | | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Cao đẳng | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| 85 | **Trường Cao đẳng Nghề số 2 - Bộ Quốc Phòng**<br>Mã trường: CDT1604<br>Địa chỉ: Lũng Hòa - Vĩnh Tường - Vĩnh Phúc<br>Điện thoại: 02113 855 132 Fax: 02113 855 982<br>Họ tên Hiệu trưởng: Nguyễn Ngọc Long Điện thoại: 0983. 282. 566<br>Wedsite: http://www.caodangngheso2.edu.vn Email: tuyensinht2@gmail.com | | | | | |
| | Công nghệ ô tô | 70 | 140 | 90 | Xét tuyển | - Tuyển sinh 9 tỉnh phía bắc.<br>- Tuyển sinh tháng 5,6,7 & T10,11,12 |
| | Điện công nghiệp | 70 | 105 | | | |
| | Hàn | 35 | 70 | 60 | | |
| | Quản trị mạng máy tính | 50 | 50 | | | |
| | Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí | | 70 | 90 | | |
| | Công nghệ thông tin | 50 | | | | |
| | Công nghệ thông tin (ƯDPM) | | 70 | 120 | | |
| | Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính | | 60 | 120 | | |
| | Cắt gọt kim loại | | 60 | 60 | | |
| | Vận hành máy thi công nền | | 105 | 300 | | |
| | Kế toán doanh nghiệp | | 50 | | | |
| | Gò - Hàn | | | 90 | | |
| | Hàn công nghệ cao | | | 120 | | |
| | Gia công khung nhôm cửa kính | | | 60 | | |
| | Sửa chữa xe máy | | | 90 | | |
| | Điện - Điện lạnh ô tô | | | 120 | | |
| | Điện công nghiệp và dân dụng | | | 90 | | |
| | Điện tử dân dụng | | | 60 | | |
| | Lái xe ô tô hạng B1,B2,C | | | 5380 | | |
| 86 | **Trường Cao đẳng Nghề Việt Xô số 1**<br>Mã trường: CDT 1603<br>Địa chỉ: 56 Phạm Văn Đồng, Phường Xuân Hòa - Thị xã Phúc Yên - tỉnh Vĩnh Phúc<br>Điện thoại: 0211 2479043;02113 863056. Fax: 02113863506<br>Website: Error! Hyperlink reference not valid.<br>Email: bantuyensinh.vx1@gmail.com; truongvietxo@gmail.com | | | | | |
| | Công nghệ ô tô | 90 | 35 | 15 | Xét tuyển học bạ | Từ tháng 3/2018 |
| | Điện công nghiệp | 90 | 100 | 30 | | |
| | Hàn | 90 | 95 | 65 | | |
| | Sửa chữa máy thi công xây dựng | 50 | 50 | 15 | | |
| | Lắp đặt thiết bị cơ khí | 40 | 50 | | | |
| | Kế toán doanh nghiệp | 35 | 35 | 30 | | |
| | Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính | 30 | 30 | 15 | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Cao đẳng | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| | Điện dân dụng | 50 | 55 | 15 | Xét tuyển học bạ | Từ tháng 3/2018 |
| | Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí | 35 | 55 | | | |
| | Cơ điện tử | 35 | 40 | 20 | | |
| | Vận hành máy thi công nền | | 55 | 20 | | |
| | Vận hành cần trục | | 25 | 75 | | |
| | Vận hành cầu trục | | | 75 | | Tuyển sinh quanh năm |
| | Cắt gọt kim loại | | | 35 | | |
| | Hàn 3G, 6G | | | 30 | | |
| | Vận hành máy nâng hàng | | | 100 | | |
| | Thiết kế đồ họa trên máy tính | | | 15 | | |
| | Quản trị mạng máy tính | | | 15 | | |
| | Vận hành máy khoan cọc nhồi | | | 15 | | |
| | Vận hành máy đóng cọc | | | 15 | | |
| | Vận hành máy cạp tường vây | | | 15 | | |
| | Điện - nước | | | 20 | | |
| | Điện tử công nghiệp | | | 20 | | |
| | Vận hành máy xúc, ủi, lu, san | | | 115 | | |
| | Vận hành cần trục tháp | | | 20 | | |
| | Lái xe ô tô các hạng | | | 480 | | |
| 87 | **Trường Cao đẳng Vĩnh Phúc**<br>Mã trường: C16<br>Địa chỉ: Phường Trưng Nhị - Thị xã Phúc Yên - tỉnh Vĩnh Phúc<br>Điện thoại: 02113.854.243 Fax:<br>Họ và tên Hiệu trưởng: Trần Thanh Tùng Điện thoại: 0912069591<br>Website: caodangvinhphuc.edu.vn. Email: cdspvinhphuc@gmail.com | | | | | |
| | Tin học ứng dụng | 20 | 0 | 0 | Xét tuyển (theo Học bạ và kết quả kỳ thi THPT) | Tuyển sinh nhiều lần trong năm |
| | Kế toán | 20 | 0 | 0 | | |
| | Tiếng Anh | 20 | 0 | 0 | | |
| | Kế toán doanh nghiệp | 20 | 0 | 0 | | |
| | Quản trị máy tính | 20 | 0 | 0 | | |
| 88 | **Trường Đại học Công nghệ Giao thông Vận tải (Thuộc: Bộ Giao thông vận tải)**<br>Mã trường: GTA<br>Địa chỉ trụ sở chính: 278 - Đường Lam Sơn - Thành phố Vĩnh Yên - tỉnh Vĩnh Phúc<br>Điện thoại: 0211 3867404<br>Website: http://www.utt.edu.vn Email: iofovy@utt.edu.vn | | | | | |
| | Điện dân dụng | 30 | | | Xét tuyển (Theo học bạ) | |
| | Công nghệ kỹ thuật cơ khí | 30 | | | | |
| | Hàn | 30 | | | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Cao đẳng | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| | Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng | 30 | | | Xét tuyển (Theo học bạ) | |
| | Công nghệ kỹ thuật giao thông | 30 | | | | |
| | Công nghệ thông tin | 30 | | | | |
| | Công nghệ kỹ thuật điện tử, truyền thông | 30 | | | | |
| | Công nghệ kỹ thuật ô tô | 30 | | | | |
| | Khai thác vận tải | 30 | | | | |
| | Quản lý xây dựng | 30 | | | | |
| | Kế toán | 30 | | | | |
| | Quản trị kinh doanh | 30 | | | | |
| | Tài chính - Ngân hàng | 30 | | | | |
| **BẮC NINH** | | | | | | |
| 89 | **Trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh**<br>Mã trường: CDD 1902<br>Địa chỉ: Số 499, đường Hàn Thuyên, khu 1, phường Đại Phúc, Thành phố Bắc Ninh, Bắc Ninh<br>Điện thoại: 0222.3856.294<br>Website: www.bci.edu.vn<br>Email: cdcn.bci@gmail.com | | | | | |
| | - Điện công nghiệp | 100 | 52 | - | Xét tuyển | Từ 3/2018-10/2018 |
| | | - | - | 30 | | Từ 1/2018-12/2018 |
| | - Điện tử công nghiệp | 60 | 50 | - | | Từ 3/2018-10/2018 |
| | | - | - | 30 | | Từ 1/2018-12/2018 |
| | - Cơ điện tử | 30 | - | - | | Từ 3/2018-10/2018 |
| | | - | - | 30 | | Từ 1/2018-12/2018 |
| | - Công nghệ ôtô | 30 | 25 | - | | Từ 3/2018-10/2018 |
| | - Cắt gọt kim loại | 40 | 25 | - | | |
| | - Hàn | 30 | 20 | - | | |
| | - Công nghệ thông tin | 25 | - | - | | |
| | - Kế toán doanh nghiệp | 25 | 20 | - | | |
| | | - | - | 25 | | Từ 1/2018-12/2018 |
| | - Kỹ thuật lắp đặt điện và điều kiển trong công nghiệp | 30 | - | 25 | | Từ 3/2018-10/2018 |
| | | - | - | 25 | | Từ 1/2018-12/2018 |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Cao đẳng | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| | - Tự động hóa công nghiệp | 30 | - | - | Xét tuyển | Từ 3/2018-10/2018 |
| | - Vận hành và sửa chữa trạm bơm điện | - | 25 | - | | |
| | | - | - | 20 | | Từ 1/2018-12/2018 |
| | - Kỹ thuật chế biến món ăn | - | 30 | - | | Từ 3/2018-10/2018 |
| | | - | - | 90 | | Từ 1/2018-12/2018 |
| | - Điện dân dụng | - | - | 30 | | |
| | - Lắp đặt thiết bị lạnh | - | - | 20 | | |
| | - Công nghệ ô tô (phần gầm) | - | - | 25 | | |
| | - Công nghệ ô tô (phần điện) | - | - | 25 | | |
| | - Công nghệ ô tô (phần động cơ) | - | - | 25 | | |
| | Sửa chữa thiết bị tự động hóa | - | - | 25 | | |
| | Nguội sửa chữa máy công cụ | - | - | 25 | | |
| | Hàn điện hồ quang tay | - | - | 30 | | |
| | Hàn (hàn hơi, hàn inox) | - | - | 30 | | |
| | Hàn bán tự động TIG, MIG, MAG | - | - | 20 | | |
| | Phay CNC | - | - | 20 | | |
| | Tiện trên máy vạn năng | - | - | 25 | | |
| | May công nghiệp | - | - | 25 | | |
| | Tin học văn phòng | - | - | 30 | | |
| | Quản lý khai thác công trình thủy lợi | - | - | 30 | | |
| | Chăn nuôi thú y | - | - | 30 | | |
| | Nuôi và phòng trị bệnh cho gia súc | - | - | 30 | | |
| | Nuôi và phòng trị bệnh cho gia cầm | - | - | 30 | | |
| | Trồng rau an toàn | - | - | 60 | | |
| | Trồng và chăm sóc cây hoa | - | - | 60 | | |
| | Tạo dáng và chăm sóc cây cảnh | - | - | 60 | | |
| 90 | **Trường Cao đẳng Cơ điện và Xây dựng Bắc Ninh**<br>Mã trường: CDT1901<br>Địa chỉ: Khu 10 - Phường Đại Phúc - TP Bắc Ninh - Bắc Ninh<br>Điện thoại: 0222.3.854.331<br>Website: http://codienxaydungbacninh.edu.vn/<br>Email: vanthu.hctc@gmail.com | | | | | |
| | Xây dựng và hoàn thiện công trình thủy lợi | 20 | | 35 | Xét tuyển | 12 tháng/năm |
| | Kỹ thuật xây dựng | 20 | | | | |
| | Quản lý, khai thác công trình thủy lợi | 20 | 20 | | | |
| | Xử lý nước thải công nghiệp | 20 | 20 | | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Cao đẳng | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| | Hàn | 20 | 35 | 35 | Xét tuyển | 12 tháng/năm |
| | Điện công nghiệp | 100 | 120 | | | |
| | Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí | 100 | 45 | | | |
| | Điện tử công nghiệp | 150 | 130 | | | |
| | Công nghệ ô tô | 25 | 25 | | | |
| | Cơ điện nông thôn | | 15 | | | |
| | Công nghệ thông tin | 20 | 35 | | | |
| | Kế toán doanh nghiệp | 20 | 20 | 60 | | |
| | May thời trang | 35 | 35 | | | |
| | Điện dân dụng | | | 100 | | |
| | Điện tử dân dụng | | | 30 | | |
| | Tin học văn phòng | | | 35 | | |
| | Điện ô tô | | | 30 | | |
| | Điện lạnh | | | 50 | | |
| | Cấp thoát nước | | | 50 | | |
| | Gia công lắp dựng kết cấu thép | | | 30 | | |
| | Mộc xây dựng | | | 30 | | |
| 91 | **Trường Cao đẳng Công nghiệp Hưng Yên**<br>Mã trường: CDT2202<br>Địa chỉ: - Cơ sở chính: xã Giai Phạm, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên<br>- Cơ sở 2: phường Đồng Kỵ, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh<br>Điện thoại: - Cơ sở chính: 02213. 587 898 Di động: 090 601 5579<br>- Cơ sở 2: 02223. 743 708 Di động: 0912 536 538<br>Website: www.hic.edu.vn<br>Email: pts.hic@gmail.com | | | | | |
| | Công nghệ thông tin (Ứng dụng phần mềm) | 40 | 100 | | Xét tuyển | Liên tục trong năm |
| | Công nghệ may | 230 | | | | |
| | Thiết kế thời trang | 30 | 30 | | | |
| | May thời trang | 60 | 160 | | | |
| | Hàn | 25 | 35 | | | |
| | Điện công nghiệp | 60 | 65 | | | |
| | Điện tử công nghiệp | 45 | 55 | | | |
| | Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí | 25 | 25 | | | |
| | Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử | 70 | | | | |
| | Điện tử dân dụng | | 85 | | | |
| | Điện dân dụng | | 70 | | | |
| | Điện công nghiệp và dân dụng | | 100 | | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Cao đẳng | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| | Tài chính - Ngân hàng | 45 | | | Xét tuyển | Liên tục trong năm |
| | Quản trị kinh doanh | 45 | | | | |
| | Kế toán | 130 | | | | |
| | Kế toán doanh nghiệp | | 100 | | | |
| 92 | **Trường Cao đẳng Y dược Hà Nội**<br>Mã trường: CDD 1904<br>Địa chỉ: Khu Khúc Toại - Phường Khúc Xuyên - TP. Bắc Ninh - tỉnh Bắc Ninh<br>Điện thoại: 0222 246 0246<br>Website: cdyduochanoi.edu.vn<br>Email: caodangyduochanoi2017@gmail.com | | | | | |
| | Cao đẳng Dược | 800 | | | Xét điểm Học bạ THPT | Tuyển sinh nhiều đợt trong năm |
| | Cao đẳng Điều dưỡng | 700 | | | | |
| | Cao đẳng Hộ sinh | 200 | | | | |
| | Cao đẳng Kỹ thuật xét nghiệm y học | 100 | | | | |
| 93 | **Trường Cao đẳng Thống kê**<br>Mã trường: CDT1902<br>Địa chỉ: Số 568 đường Thành Cổ - Phường Vệ An - TP Bắc Ninh - tỉnh Bắc Ninh<br>Điện thoại: (0222)3.821.713; (0222)3.824.611<br>Website: htpp://www.cos.edu.vn<br>Email: cdthongke@bacninh.edu.vn | | | | | |
| | Thống kê | X | X | | Xét tuyển | Từ 01/01-31/12 |
| | Kế toán | X | | | | |
| | Hệ thống thông tin kinh tế | X | | | | |
| | Quản trị kinh doanh | X | | | | |
| | Tài chính - Ngân hàng | X | | | | |
| | Phiên dịch tiếng Anh thương mại | X | | | | |
| | Kế toán HCSN | | X | | | |
| | Kế toán Doanh nghiệp | | X | | | |
| | Tin học ứng dụng | | X | | | |
| 94 | **Trường Cao đẳng Ngoại ngữ - Công nghệ Việt Nhật**<br>Mã trường: CNC<br>Địa chỉ: E6 - KCN Quế Võ - Phường Vân Dương - Tp Bắc Ninh - tỉnh Bắc Ninh<br>Điện thoại: 0222.3634.279; 0222.3634.267; Mobile:0983.130.428; 01662.939.899;<br>Hotline: 0912.570.158.<br>Website: cnc.edu.vn<br>Email: caodangvietnhat@cnc.edu.vn; tuyensinh@cnc.edu.vn | | | | | |
| | Tiếng Nhật | 300 | | | Trình độ cao đẳng:<br>+ Trường tuyển sinh dựa vào kết quả kỳ thi THPT Quốc gia năm 2018 và chiếm 60% chỉ tiêu của từng ngành. | Đợt 1: từ ngày 10.05.2018 đến 30.06.2018. Thời gian nhập học Đợt 1: từ ngày 02.07.2018 đến ngày 05.07.2018. (xét học bạ của thí sinh); |
| | Tiếng Hàn Quốc | 300 | | | | |
| | Tiếng Trung Quốc | 300 | | | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Cao đẳng | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| | Tiếng Anh | 100 | | | + Xét điểm trung bình của 3 môn học của 6 học kỳ (lớp 10, lớp 11, lớp 12) trong học bạ THPT theo 1 trong các tổ hợp các khối xét tuyển của nhà trường đạt từ 16,5 điểm trở lên. (mỗi môn học đạt bình quân 5,5 đ). Và chiếm 40% chỉ tiêu của từng ngành.<br>+ Thí sinh không trúng tuyển vào hệ cao đẳng có nguyện vọng được trường chuyển xuống học hệ Trung cấp chuyên nghiệp gồm các ngành: Kế toán doanh nghiệp; Hướng dẫn du lịch; Công nghệ thông tin; Điện công nghiệp và dân dụng; Công nghệ hàn. | Đợt 2: từ ngày 01.07.2018 đến 10.07.2018. Thời gian nhập học Đợt 2: từ ngày 12.07.2018 đến 15.07.2018. (xét học bạ của thí sinh);<br>Đợt 3: từ ngày 11.07.2018 đến 22.07.2018. Thời gian nhập học từ ngày 25.07.2018 đến 30.07.2018. (xét học bạ của thí sinh + kết quả dự thi THPT Quốc gia);<br>Đợt 4: từ ngày 23.07.2018 đến khi đủ chỉ tiêu. Thời gian nhập học Đợt 4: từ ngày 12.08.2018 đến khi đủ chỉ tiêu (xét học bạ của thí sinh + kết quả dự thi THPT Quốc gia). |
| | Hướng dẫn du lịch | 50 | | | | |
| | Công nghệ thông tin | 100 | | | | |
| | Quản trị kinh doanh | 100 | | | | |
| | Kế toán | 100 | | | | |
| | Tài chính ngân hàng | 100 | | | | |
| | Kế toán doanh nghiệp | | 200 | | Xét học bạ và bằng tốt nghiệp THPT hoặc tương đương; | Thời gian nhận hồ sơ:<br>Từ 01/01/2018 đến 30/12/2018<br>- Thời gian xét tuyển:<br>Đợt 1: từ 15/6 đến 30/7/2018<br>Đợt 2: từ 15/9 đến 30/10/2018<br>Đợt 3: từ 15/11 đến 30/12/2018 |
| | Hướng dẫn du lịch | | 100 | | | |
| | Công nghệ thông tin | | 200 | | | |
| | Điện công nghiệp và dân dụng | | 100 | | | |
| | Công nghệ hàn | | 100 | | | |
| 95 | **Trường Cao đẳng Y tế Bắc Ninh**<br>Mã trường: CDD1908<br>Địa chỉ: Đồi Búp Lê, phường Vũ Ninh, thành phố Bắc Ninh<br>Điện thoại: 0222.3827239<br>Website: http://ytebacninh.edu.vn<br>Email: truongybacninh@gmail.com | | | | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Cao đẳng | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| | Điều dưỡng | 250 | | | Xét tuyển | Đợt 1: 01/01/2018 đến 31/3/2018<br>Đợt 2: 01/4/2018 đến 30/6/2018<br>Đợt 3: 01/7/2018 đến 30/9/2018<br>Đợt 4: 01/10/2018 đến 31/12/2018 |
| | Hộ sinh | 50 | | | | |
| | Dược sỹ | 150 | 50 | | | |
| | Y sỹ | | 15 | | | |
| | Y sỹ y học cổ truyền | | 15 | | | |
| 96 | **Trường Cao đẳng Kinh tế Kỹ thuật và Thủy sản**<br>Mã trường: CDT1903<br>Địa chỉ: phường Đình Bảng, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh<br>Điện thoại: 0222.3831632<br>Website: www.ftec.edu.vn<br>Email: vanthu@ftec.edu.vn | | | | | |
| | Kế toán doanh nghiệp | x | x | x | Xét tuyển (theo học bạ) | Nhiều lần trong năm: từ tháng 01 đến 31/12 |
| | Nuôi trồng thủy sản nước ngọt | x | x | | | |
| | Nuôi trồng thủy sản | x | x | x | | |
| | Chế biến và bảo quản thủy sản | x | | | | |
| | Công nghệ thực phẩm | x | | | | |
| | Công nghệ kỹ thuật môi trường | x | | | | |
| | Công nghệ sinh học | x | | | | |
| | Kế toán | x | | | | |
| | Quản trị kinh doanh | x | | | | |
| | Tài chính - Ngân hàng | x | | | | |
| | Dịch vụ thú y | x | | | | |
| | Công nghệ thông tin | x | | | | |
| | Nuôi trồng thủy sản nước mặn, lợ | | x | | | |
| | Quản lý doanh nghiệp | | x | | | |
| | Tin học ứng dụng | | x | | | |
| | Thú y | | | x | | |
| | Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính | | | x | | |
| | Điện công nghiệp | | | x | | |
| | Điện dân dụng | | | x | | |
| | Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí | | | x | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Cao đẳng | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| **HẢI DƯƠNG** | | | | | | |
| 97 | **Trường Cao đẳng Nghề Hải Dương**<br>Mã trường: CDHD2101<br>Địa chỉ: Ái Quốc - TP.Hải Dương - tỉnh Hải Dương<br>Điện thoại: 0220.3753402; 0220.3753697<br>Website: http://hdvtc.edu.vn<br>Email: caodangnghehd@gmail.com | | | | | |
| | Điện công nghiệp | 70 | 50 | 0 | Xét tuyển | Từ tháng 6/2018 đến tháng 12/2018 |
| | Điện tử công nghiệp | 50 | 50 | 0 | | |
| | Cơ điện tử | 30 | 0 | 0 | | |
| | Cắt gọt kim loại | 35 | 50 | 0 | | |
| | Công nghệ thông tin | 20 | 20 | 0 | | |
| | Hàn | 30 | 30 | 0 | | |
| | May thời trang | 50 | 70 | 0 | | |
| | Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh | 25 | 25 | 0 | | |
| | Công nghệ ô tô | 25 | 25 | 0 | | |
| 98 | **Trường Cao đẳng Cơ giới Xây dựng**<br>Mã trường: CDT2103<br>Địa chỉ: Thái Học 3 - Sao Đỏ - Chí Linh - Hải Dương<br>Điện thoại: 0220.659.6688; 0989.355.520<br>Website: caodangcogioixaydung.edu.vn<br>Email: phongkhdtcgxd.cmc@gmail.com | | | | | |
| | Công nghệ ô tô | 25 | 70 | 35 | Xét tuyển | 9/2018 |
| | Kế toán doanh nghiệp | 25 | 35 | 35 | | |
| | Hàn | 25 | 70 | 60 | | |
| | Điện công nghiệp | 25 | 70 | 75 | | |
| | Điện dân dụng | 25 | 70 | 50 | | |
| | Cắt gọt kim loại | 25 | 25 | | | |
| | Vận hành máy thi công nền | | 150 | | | T3/2018; T9/2018 |
| | Vận hành cần, cầu trục | | 130 | | | |
| | Kỹ thuật sửa chữa lắp ráp máy tính | | 35 | | | |
| | Khoan nổ mìn | | 35 | | | |
| | Sửa chữa máy thi công xây dựng | | 35 | | | |
| | Cốt thép hàn | | 35 | | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Cao đẳng | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| | Cấp thoát nước | | 35 | | Xét tuyển | T3/2018; T9/2018 |
| | Vận hành máy đóng cọc và khoan cọc nhồi | | 35 | | | |
| | Vận hành máy xúc | | | 100 | | Liên tục tuyển sinh |
| | Vận hành máy ủi | | | 25 | | |
| | Vận hành máy nâng hàng | | | 150 | | |
| | Vận hành cần trục | | | 100 | | |
| | Vận hành cầu trục | | | 100 | | |
| | Vận hành máy khoan cọc nhồi | | | 35 | | |
| | Vận hành nồi hơi, lò hơi | | | 35 | | |
| | Vận hành máy nén khí | | | 25 | | |
| | Vận hành máy san | | | 25 | | |
| | Vận hành máy lu | | | 25 | | |
| | Vận hành thiết bị áp lực | | | 25 | | |
| | Vận hành trạm trộn bê tông | | | 25 | | |
| | Vận hành máy vận thăng | | | 25 | | |
| | Vận hành cần trục tháp | | | 25 | | |
| | Vận hành máy đóng cọc | | | 25 | | |
| | Tin học ứng dụng | | | 40 | | |
| | Vận hành dây chuyền sản xuất tấm lợp | | | 25 | | |
| | May công nghiệp | | | 35 | | |
| | Kỹ thuật lạnh | | | 35 | | |
| | Gia công lắp dựng và tháo dỡ ván khuôn dàn giáo | | | 25 | | |
| 99 | **Trường Cao đẳng Công thương Hải Dương**<br>Mã trường: CDT2102<br>Địa chỉ: Thị trấn Lai Cách, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương<br>Điện thoại: 0220.3786.840<br>Website: http://hdcit.edu.vn<br>Email: daotao.civc@gmail.com | | | | | |
| | Điện công nghiệp | 100 | 350 | 35 | Xét tuyển | 01/1-31/12/2018 |
| | Hàn | 50 | 50 | 35 | | |
| | Kế toán doanh nghiệp | 105 | 35 | 35 | | |
| | Điện tử công nghiệp | 70 | 35 | 35 | | |
| | Quản trị kinh doanh xăng dầu và gas | 30 | 30 | 25 | | |
| | Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính | 35 | 35 | 25 | | |
| | Kỹ thuật lắp đặt điện và điều khiển trong công nghiệp | 80 | 50 | | | |
| | Công nghệ ô tô | 50 | 50 | | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Cao đẳng | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| | Quản lý kinh doanh điện | 35 | 35 | | Xét tuyển | 01/1-31/12/2018 |
| | Quản trị doanh nghiệp vừa và nhỏ | 35 | 35 | | | |
| | Thương mại điện tử | 35 | 35 | | | |
| | Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí | 35 | 35 | | | |
| | May thời trang | | 330 | | | |
| | Bán hàng siêu thị | | | 25 | | |
| | Tin học văn phòng | | | 25 | | |
| | Điện dân dụng | | | 35 | | |
| | Điện tử dân dụng | | | 35 | | |
| | Nghiệp vụ kinh doanh xăng dầu | | | 500 | | |
| | Giao nhận, bảo quản xăng dầu | | | 35 | | |
| | Sửa chữa động cơ ô tô | | | 35 | | |
| | Sửa chữa hệ thống khung gầm | | | 25 | | |
| | Sửa chữa điện - điện lạnh ô tô | | | 25 | | |
| | Hàn công nghệ cao | | | 35 | | |
| | May công nghiệp | | | 35 | | |
| 100 | **Trường Cao đẳng Giao thông Vận tải đường thủy 1**<br>Mã trường: CDT2104<br>Địa chỉ: Xã Nam Đồng, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương<br>Điện thoại: 02203.752.457<br>Website: http//caodangduongthuy1.edu.vn<br>Email: caodangduongthuy@gmail.com | | | | | |
| | Điều khiển tàu biển | 15 | 20 | | Xét tuyển | Từ tháng 3 đến tháng 11/2018 |
| | Điều khiển phương tiện thuỷ nội địa | 15 | 35 | | | |
| | Sửa chữa máy tàu thuỷ | 15 | 20 | | | |
| | Xây dựng công trình thuỷ | 15 | 30 | 30 | | |
| | Xây dựng cầu đường bộ | 15 | 20 | 30 | | |
| | Hàn | 35 | 35 | 30 | | |
| | Điện công nghiệp | 30 | 90 | | | |
| | Điện tử công nghiệp | 30 | 60 | | | |
| | Kế toán doanh nghiệp | 30 | 20 | | | |
| | Quản lý công trình đường thuỷ | | 20 | 30 | | |
| | Khảo sát địa hình | | 25 | 30 | | |
| | Khai thác vận tải thủy | | 35 | | | |
| | Tin học ứng dụng | | 50 | | | |
| | Điện công nghiệp và dân dụng | | 35 | | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Cao đẳng | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| 101 | **Trường Cao đẳng Du lịch và Thương mại**<br>Mã trường: CDT2108<br>Địa chỉ: Thị trấn Lai Cách, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương<br>Điện thoại: 02203.786.492 - 02203.786.749 - 0968.169.398 - 0915.578.442<br>Website: www//http: dltm.edu.vn<br>Email: pdt.ctc@gmail.com | | | | | |
| | Kỹ thuật chế biến món ăn | 50 | 150 | 200 | Xét tuyển | Liên tục |
| | Kế toán doanh nghiệp | 30 | 30 | 100 | | |
| | Hướng dẫn du lịch | 30 | 30 | 50 | | |
| | Tin học ứng dụng | 40 | 90 | | | |
| | Quản trị khách sạn | 30 | | 100 | | |
| | Quản trị nhà hàng | 30 | | | | |
| | Phiên dịch Tiếng Anh du lịch | 30 | | | | |
| | Kỹ thuật pha chế đồ uống | 30 | | 25 | | |
| | Quản lý và bán hàng siêu thị | | 150 | 30 | | |
| | Bếp trưởng | | | 80 | | |
| | Nghiệp vụ lưu trú | | | 100 | | |
| | Nghiệp vụ nhà hàng | | | 100 | | |
| | Nghiệp vụ lễ tân | | | 100 | | |
| 102 | **Trường Cao đẳng Hải Dương**<br>Mã trường: CDD2106<br>Địa chỉ: - Cơ sở 1: Số 42, đường Nguyễn Thị Duệ, phường Thanh Bình, thành phố Hải Dương<br>- Cơ sở 2: Khu Tiền Trung, phường Ái Quốc, thành phố Hải Dương<br>Điện thoại: 02203891544; 094576909<br>Website: http://caodanghaiduong.edu.vn<br>Email: vanquyengv@gmail.com | | | | | |
| | Khoa học thư viện | 50 | | | - Phương thức 1: Xét tuyển theo bằng tốt nghiệp và học bạ THPT năm lớp 12 theo tổ hợp các môn xét tuyển;<br>- Phương thức 2: Xét tuyển theo kết quả thi THPT quốc gia. | Từ tháng 3/2018 đến tháng 12/2018 |
| | Tin học ứng dụng | 100 | 100 | | | |
| | Quản lý văn hóa | 50 | | | | |
| | Tài chính - Ngân hàng | 100 | | | | |
| | Tiếng Anh | 100 | | | | |
| | Công nghệ kĩ thuật điện, điện tử | 100 | | | | |
| | Công nghệ kĩ thuật môi trường | 50 | | | | |
| | Kế toán | 100 | | | | |
| | Quản trị kinh doanh | 50 | | | | |
| | Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành | 50 | | | | |
| | Việt Nam học | 50 | | | | |
| | Công nghệ thiết bị trường học | 50 | | | | |
| | Thiết kế đồ họa | 50 | | | | |
| | Thư kí văn phòng | 5 | | | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Cao đẳng | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| | Thư viện - Thiết bị trường học | | 100 | | - Xét theo bằng tốt nghiệp và học bạ THCS hoặc THPT | - Xét tuyển nhiều đợt trong năm |
| | Marketing | | 100 | | | |
| | Kế toán doanh nghiệp | | 100 | 105 | | |
| | Công tác xã hội | | 100 | | | |
| | Quản lí và bán hàng siêu thị | | 100 | | | |
| | Quản trị Logistics (QL kho hàng) | | 100 | | | |
| | Điện công nghiệp và dân dụng | | 100 | | | |
| | Chăn nuôi - Thú y | | 100 | | | |
| | Trồng trọt và bảo vệ thực vật | | 100 | | | |
| | Quản lý đất đai | | 100 | | | |
| | Thủy lợi tổng hợp | | 100 | | | |
| | Cơ điện nông thôn | | 100 | | | |
| | Nuôi trồng thủy sản | | 100 | | | |
| | Kế toán hợp tác xã | | 100 | | | |
| | Phát triển nông thôn | | 100 | | | |
| | Điện công nghiệp | | | 105 | | |
| | Điện dân dụng | | | 70 | | |
| 103 | **Trường Cao đẳng Dược Trung ương - Hải Dương**<br>Mã trường: CDT2109<br>Địa chỉ: Số 324 đường Nguyễn Lương Bằng - Phường Thanh Bình - Thành phố Hải Dương - Hải Dương.<br>Điện thoại: 0220.3890486; 0220.3890944<br>Website: duoctu-hd.edu.vn; đăng kí tuyển sinh: http://tuyensinhhccp.edu.vn<br>Email: caodangduoctwhd@moet.edu.vn | | | | | |
| | Dược | 700 | | | * Hệ Cao đẳng chính quy: Xét tuyển: theo điểm thi THPT quốc gia năm 2018 hoặc học bạ THPT năm lớp 12.<br>Cả 2 hình thức xét tuyển theo 1 trong 9 Tổ hợp môn: A00 (Toán, Hóa học, Vật lí), A01 (Toán, Vật lí, Tiếng Anh), A02 (Toán, Vật lí, Sinh), B00 (Toán, Hóa, Sinh), C01 (Ngữ văn, Toán, Vật lí), C02 (Ngữ văn, Toán, Hóa học), D01(Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh), D07 (Toán, Hóa học, Tiếng Anh), D08 (Toán, Sinh học, Tiếng Anh). | Đợt I: Từ ngày 11/06/2018 đến ngày 07/08/2018<br>Đợt II: Từ ngày 08/08/2018 đến ngày 10/09/2018<br>Đợt III: Từ ngày 11/09/2018 đến ngày 31/12/2018 |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Cao đẳng | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| | | 150 | | | * Cao đẳng liên thông: Thi tuyển<br>+ Các môn thi: Toán, Hóa phân tích, Lý thuyết chuyên môn. | Tuyển sinh liên tục |
| | | | 50 | | * Trung cấp<br>- Chính quy: xét tuyển (Điểm tổng kết môn Toán, Hóa học) năm lớp 12 | |
| 104 | **Trường Cao đẳng Y tế Hải Dương**<br>Mã trường: CDT 2107<br>Địa chỉ: Số 239 Nguyễn Lương Bằng, TP Hải Dương, tỉnh Hải Dương.<br>Điện thoại: 0220.3892.302<br>Website: http://www.caodangytehd.edu.vn<br>Email: caodangytehd@gmail.com | | | | | |
| | Điều dưỡng | 275 | | | Xét tuyển | Trong năm 2018 |
| | Dược | 100 | | | | |
| | Hộ sinh | 100 | | | | |
| | Y sỹ | | 50 | | | |
| | Y sỹ văn bằng 2 | | 50 | | | |
| | **HẢI PHÒNG** | | | | | |
| 405 | **Trường Cao đẳng Hàng hải I**<br>Mã trường: CDT0301<br>Địa chỉ: Số 498 Đà Nẵng, quận Hải An, thành phố Hải Phòng<br>Điện thoại: 02253766739<br>Fax: 02253766425<br>Website: www.chh.edu.vn<br>Email: cdhh1@hn.vnn.vn | | | | | |
| | Điều khiển tàu biển | 120 | 90 | 300 | Xét tuyển (theo học bạ) | Liên tục trong năm (Từ 01/01 đến 31/12 hàng năm) |
| | Vận hành khai thác máy tàu thủy | 100 | 45 | 1050 | | |
| | Điện tàu thủy | 40 | 35 | 50 | | |
| | Kế toán doanhnghiệp | 50 | 30 | | | |
| | Khai thác vận tải | 40 | 30 | | | |
| | Logicstic | 40 | 30 | | | |
| | Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa | 40 | 30 | | | |
| | Điện công nghiệp | 40 | 30 | 100 | | |
| | Điện dân dụng | 40 | 30 | 100 | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Cao đẳng | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| | Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí | 40 | 30 | 100 | Xét tuyển (theo học bạ) | Liên tục trong năm (Từ 01/01 đến 31/12 hàng năm) |
| | Công nghệ thông tin (Ứng dụng phần mềm) | 40 | 30 | | | |
| | Công nghệ chế tạo vỏ tàu thủy | 30 | 30 | | | |
| | Công nghệ ô tô | 30 | 30 | 100 | | |
| | Sửa chữa máy tàu thủy | 50 | 30 | 30 | | |
| | Lắp ráp hệ thống động lực tàu thủy | 30 | 30 | | | |
| | Hàn | 30 | 30 | 100 | | |
| 406 | **Trường Cao đẳng Giao thông Vận tải Trung ương II**<br>Mã trường: CDT0302<br>Địa chỉ: xã Hồng Thái, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng<br>Điện thoại: 02258602835<br>Fax: 02253670794<br>Website: www.cvcot.edu.vn<br>Email: truongcdngtvttw2@vnn.vn | | | | | |
| | Công nghệ chế tạo Vỏ tàu thủy | 50 | 50 | 50 | Xét tuyển | Từ 01/01/2018 đến 31/12/2018 |
| | Điện công nghiệp | 180 | 30 | 50 | | |
| | Điện tàu thủy | 20 | 20 | 30 | | |
| | Sửa chữa máy tàu thủy | 20 | 10 | 20 | | |
| | Khai thác máy tàu thủy | 20 | 20 | 20 | | |
| | Nguội sửa chữa máy công cụ | 20 | 10 | 30 | | |
| | Cắt gọt kim loại | 20 | 20 | 50 | | |
| | Hàn | 50 | 30 | | | |
| | Công nghệ ô tô | 120 | 70 | | | |
| | Gia công lắp ráp hệ thống ống tàu thủy | 20 | 20 | | | |
| | Quản trị mạng máy tính | 20 | 20 | | | |
| | Kế toán doanh nghiệp | 50 | | | | |
| | Quản trị kinh doanh vận tải đường bộ | | 50 | | | |
| | Sửa chữa động cơ ô tô | | | 30 | | |
| | Sửa chữa ô tô | | | 30 | | |
| | Sửa chữa điện ô tô | | | 30 | | |
| | Kỹ thuật lắp đặt ống công nghệ | | | 20 | | |
| | Sửa chữa xe máy | | | 30 | | |
| | Sơn tàu biển | | | 30 | | |
| | Phay CNC | | | 20 | | |
| | Tiện CNC | | | 30 | | |
| | Cắt nhiệt CNC | | | 30 | | |
| | Hàn hồ quang tay | | | 30 | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Cao đẳng | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| | Hàn TIG | | | 30 | Xét tuyển | Từ 01/01/2018 đến 31/12/2018 |
| | Hàn MAG | | | 30 | | |
| | Hàn ống 6G | | | 30 | | |
| | Lái xe ô tô cac hạng B1, B2, C | | | 1.742 | | |
| 107 | **Trường Cao đẳng Nghề số 3 Bộ Quốc Phòng**<br>Mã trường: CDT0303<br>Địa chỉ: số 248 Lê Duẩn, quận Kiến An, thành phố Hải Phòng<br>Điện thoại: 02253676439<br>Fax: 02253790218<br>Website: www.cdns3.edu.vn<br>Email: cdnsbqp@ymail.com | | | | | |
| | Công nghệ ô tô | | 220 | | Xét tuyển học bạ | Trong năm 2018 |
| | Cơ điện tử | | 50 | | | |
| | Điện tử công nghiệp | | 80 | | | |
| | Điện công nghiệp | | 130 | | | |
| | Cắt gọt kim loại | | 100 | 150 | | |
| | Vận hành cần, cầu trục | | 130 | | | |
| | Hàn | | 100 | 20 | | |
| | Điện dân dụng | | 100 | 20 | | |
| | Quản trị mạng máy tính | | 20 | | | |
| | Kỹ thuật sửa chữa lắp ráp máy tính | | 100 | 200 | | |
| | Kế toán doanh nghiệp | | 100 | | | |
| | Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh | | 100 | 200 | | |
| | May thời trang | | 70 | | | |
| | Lái xe ô tô các hạng B1, B2, C, D, E, Fc | | | 6500 | | |
| | Sửa chữa cơ khí động cơ | | | 200 | | |
| | Sửa chữa điện - điện lạnh ô tô | | | 200 | | |
| | Sửa chữa hệ thống khung gầm ô tô | | | 200 | | |
| | Sửa chữa điện điều khiển động cơ | | | 200 | | |
| | Điện dân dụng | | | 200 | | |
| | Hàn 3G | | | 400 | | |
| | May công nghiệp | | | 150 | | |
| | Công nghệ thông tin (ứng dụng phần mềm) | | | 80 | | |
| | Vận hành cần trục | | | 280 | | |
| | Vận hành máy xúc | | | 300 | | |
| | Vận hành máy lu | | | 100 | | |
| | Vận hành máy ủi | | | 100 | | |
| | Vận hành máy nâng chuyển | | | 400 | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Cao đẳng | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| 108 | **Trường Cao đẳng Nghề Kinh tế - Kỹ thuật Bắc Bộ**<br>Mã trường: CDT0304<br>Địa chỉ: Số 184 Đường 5 mới, phường Hùng Vương, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng<br>Điện thoại: 02253522277<br>Fax: 02253522211<br>Website: bacbo.edu.vn<br>Email: tuyensinhbacbo@gmail.com | | | | | |
| | Điện công nghiệp | 30 | 40 | | Xét tuyển học bạ | Trong năm 2018 |
| | Điện dân dụng | | 60 | | | |
| | Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí | 20 | 20 | 20 | | |
| | Công nghệ chế tạo Vỏ tàu thủy | 0 | 20 | | | |
| | Hàn | | 20 | 20 | | |
| | Công nghệ ô tô | 20 | 30 | 20 | | |
| | Tin học văn phòng | | 60 | | | |
| | Quản trị mạng máy tính | 20 | 20 | | | |
| | Kỹ thuật sửa chữa lắp đặt máy tính | | 20 | | | |
| | Kế toán doanh nghiệp | 20 | 20 | | | |
| | Quản trị doanh nghiệp | 20 | 20 | | | |
| | Kế toán Hợp tác xã | | 30 | | | |
| 109 | **Trường Cao đẳng Công nghệ, Kinh tế và Thủy sản**<br>Mã trường: CDT0305<br>Địa chỉ: Số 804 Thiên Lôi, phường Kênh Dương, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng<br>Điện thoại: 0225 3728274 fax:0225.3728.446<br>Website: www.tefco.edu.vn<br>Email: Email: tefco@mard.gov.vn | | | | | |
| | Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí | 20 | 50 | 25 | Xét tuyển | Tháng 3/2018 đến Tháng 11/2018 |
| | Khai thác máy tàu thủy | 30 | 20 | | | |
| | Điện công nghiệp | 20 | 50 | 25 | | |
| | Công nghệ ô tô | 20 | 25 | | | |
| | Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính | 25 | 50 | | | |
| | Công nghệ thông tin (ứng dụng phần mềm) | 25 | 25 | | | |
| | Chế biến thực phẩm | 25 | 25 | | | |
| | Kế toán doanh nghiệp | 40 | 35 | 25 | | |
| | Chế biến và bảo quản thủy sản | 25 | 25 | 25 | | |
| | Khai thác, đánh bắt hải sản | 35 | 35 | | | |
| | Nuôi trồng thủy sản nước mặn, nước lợ | 15 | 25 | | | |
| | Nuôi trồng thủy sản nước ngọt | 15 | 25 | | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Cao đẳng | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| | Lắp ráp máy tính | | | 25 | Xét tuyển | Liên tục trong năm |
| | Tin học văn phòng | | | 25 | | |
| | Chế biến tôm xuất khẩu | | | 25 | | |
| | Chế biến nhuyễn thể hai mảnh vỏ đông lạnh xuất khẩu | | | 25 | | |
| | Chế biến nhuyễn thể chân đầu đông lạnh | | | 25 | | |
| | Chế biến hải sản khô | | | 25 | | |
| | Nuôi tôm thẻ chân trắng | | | 25 | | |
| | Nuôi tôm sú | | | 25 | | |
| | Nuôi cá Diêu hồng | | | 25 | | |
| | Điều khiển tàu cá | | | 25 | | |
| | Thuyền trưởng tàu cá hạng tư | | | 25 | | |
| | Kỹ thuật khai thác, bảo quản sản phẩm theo công nghệ mới đối với tàu cá có tổng công suất máy chính từ 400CV trở lên | | | 25 | | |
| | Vận hành tàu vỏ thép, tàu vỏ vật liệu mới | | | 25 | | |
| | Hàn | | | 25 | | |
| | Vận hành, bảo trì máy tàu thủy | | | 25 | | |
| | Máy trưởng tàu cá hạng tư | | | 25 | | |
| 110 | **Trường Cao đẳng VMU**<br>Mã trường: CDT0306<br>Địa chỉ: Đường Hải Triều, phường Quán Toan, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng<br>Điện thoại: 02253534435<br>Fax: 02253534435<br>Website: vimaru-vmc.edu.vn<br>Email: info@vimaru-vmc.edu.vn | | | | | |
| | Điều khiển tàu biển | 45 | 45 | 15 | Xét tuyển học bạ và điểm thi THPT quốc gia | Liên tục trong năm |
| | Khai thác máy tàu thủy | 45 | 45 | 15 | | |
| | Sửa chữa máy tàu thủy | 35 | 35 | 15 | | |
| | Điện công nghiệp | 45 | 80 | 45 | | |
| | Điện tàu thủy | 20 | 20 | 15 | | |
| | Tự động hóa công nghiệp (Điện tự động công nghiệp) | 30 | 15 | | | |
| | Hàn | 45 | 45 | 25 | | |
| | Công nghệ chế tạo vỏ tàu thủy | 25 | 25 | | | |
| | Quản trị kinh doanh vận tải biển (Kinh tế vận tải biển) | 45 | 45 | | | |
| | Quản trị kinh doanh | 30 | | | | |
| | Tài chính doanh nghiệp (Tài chính kế toán) | 45 | 45 | | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Cao đẳng | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| | Kế toán doanh nghiệp | 45 | 45 | 30 | Xét tuyển học bạ và điểm thi THPT quốc gia | Liên tục trong năm |
| | Công nghệ thông tin | 45 | 25 | | | |
| | Công nghệ ô tô | 20 | | | | |
| | Kỹ thuật lắp đặt ống công nghệ | | 30 | 25 | | |
| | Cắt gọt kim loại | | 25 | 25 | | |
| | Công nghệ làm sạch và sơn | | | 25 | | |
| | Vận hành cần trục, cầu trục | | | 25 | | |
| | Vận hành cẩu trục | | | 25 | | |
| | Vận hành xe nâng hàng | | | 25 | | |
| | Vận hành xe nâng người | | | 25 | | |
| | Vận hành nồi hơi và thiết bị áp lực | | | 25 | | |
| 111 | **Trường Cao đẳng Kinh tế và Công nghệ Thực phẩm**<br>Mã trường: CDT0307<br>Địa chỉ: Phường Ngọc Xuyên, quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng<br>Cơ sở 2: Số 36 Đường Dân lập - Tổ 6 phường Dư Hàng Kênh, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng<br>Điện thoại: 02253861400<br>Fax: 02253861802<br>Website: cdktcntp.edu.vn<br>Email: cdktcntp@mard.gov.vn | | | | | |
| | Kế toán doanh nghiệp | 70 | | | Xét tuyển | Xét tuyển 3 đợt: Tháng 6, tháng 8, tháng 10 |
| | Điện dân dụng | 35 | | | | |
| | Điện công nghiệp | 35 | | | | |
| | Chế biến thực phẩm | 35 | | | | |
| | Kế toán doanh nghiệp | | 70 | | | |
| | Điện dân dụng | | 35 | | | |
| | Điện công nghiệp | | 35 | | | |
| | Chế biến thực phẩm | | 60 | | | |
| | Kế toán hành chính sự nghiệp | | 60 | | | |
| | Công nghệ thông tin (ứng dụng phần mềm) | | 90 | | | |
| | Tin học ứng dụng | | 60 | | | |
| | Công nghệ kỹ thuật chế biến và bảo quản thực phẩm | | 90 | | | |
| | Điện công nghiệp và dân dụng | | 90 | | | |
| | Công nghệ nuôi trồng, chế biến nấm | | | 70 | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Cao đẳng | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| 112 | **Trường Cao đẳng Du lịch Hải Phòng**<br>Mã trường: CDT0308<br>Địa chỉ: xã Nam Sơn, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng<br>Điện thoại: 02253552322<br>Fax: 02253589336<br>Website: www.hct.edu.vn<br>Email: tuyensinhdlhp@gmail.com | | | | | |
| | Quản trị lữ hành | 50 | | | Xét tuyển theo học bạ THPT, THCS hoặc tương đương | Hệ cao đẳng: Từ tháng 7/2018 đến tháng 11/2018<br>Hệ trung cấp: Các tháng trong năm khi đủ chỉ tiêu |
| | Quản trị lễ tân | 50 | | | | |
| | Quản trị nhà hàng | 50 | | | | |
| | Quản trị khách sạn | 70 | | | | |
| | Hướng dẫn du lịch | 70 | 90 | | | |
| | Kỹ thuật chế biến món ăn | 130 | 70 | | | |
| | Kế toán doanh nghiệp | 50 | | | | |
| | Kỹ thuật làm bánh | | 50 | | | |
| | Nghiệp vụ lễ tân | | 70 | | | |
| | Nghiệp vụ nhà hàng | | 50 | | | |
| 113 | **Trường Cao đẳng Duyên Hải**<br>Mã trường: CDD0301<br>Địa chỉ: Số 156/109 Trường Chinh, phường Đồng Hòa, quận Kiến An, thành phố Hải Phòng<br>Điện thoại: 02253778225<br>Fax: 02253691037<br>Website: www.duyenhai.edu.vn<br>Email: daotao@duyenhai.edu.vn | | | | | |
| | Kế toán doanh nghiệp | 40 | | | Xét tuyển theo học bạ | Liên tục trong năm |
| | Điện công nghiệp | 30 | | | | |
| | Khai thác máy tàu thủy | 30 | | | | |
| | Điều khiển tàu biển | 30 | | | | |
| | Hàn | 30 | | | | |
| 114 | **Trường Cao đẳng Công nghệ và Du lịch Bắc Nam**<br>Mã trường: CDD0302<br>Địa chỉ: 90/243 Trường Chinh, quận Kiến An, thành phố Hải Phòng<br>Điện thoại: 02253778133; 02253778134<br>Fax: 02253778145<br>Website: cdnbacnam.edu.vn<br>Email: daotaobacnam@gmail.com | | | | | |
| | May thời trang | 70 | 35 | 105 | Xét tuyển | Cả năm |
| | Thiết kế thời trang | 70 | 35 | 100 | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Cao đẳng | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| | May công nghiệp | | | 250 | Xét tuyển | Cả năm |
| | Kỹ thuật chế biến món ăn | 35 | 35 | 105 | | |
| | Quản trị nhà hàng | 35 | | | | |
| | Nghiệp vụ nhà hàng | | 35 | | | |
| | Dịch vụ nhà hàng | | | 50 | | |
| | Quản trị doanh nghiệp vừa và nhỏ | 35 | 35 | | | |
| | Thương mại điện tử | 35 | 35 | | | |
| | Quản trị mạng máy tính | 35 | 35 | | | |
| | Quản trị cơ sở dữ liệu | 35 | 35 | | | |
| | Kế toán doanh nghiệp | 70 | 35 | | | |
| 115 | **Trường Cao đẳng Công nghiệp Hải Phòng**<br>Mã trường: CDD0304<br>Địa chỉ: Số 187 Đại lộ Tôn Đức Thắng, xã An Đồng, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng<br>Điện thoại: 02253835986<br>Fax: 02253700670<br>Website: www.hivc.edu.vn | | | | | |
| | Điện công nghiệp | 250 | 150 | 25 | Xét tuyển học bạ | Cả năm |
| | Hàn | 50 | 50 | 65 | | |
| | Điện tử công nghiệp | 30 | | 25 | | |
| | Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí | 50 | 50 | 25 | | |
| | Cắt gọt kim loại | 50 | 50 | 65 | | |
| | Công nghệ ô tô | 50 | 50 | 25 | | |
| | Nguội sửa chữa máy công cụ | | 30 | 15 | | |
| | Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính | 25 | 25 | 15 | | |
| | Quản trị mạng máy tính | 30 | 25 | 15 | | |
| 116 | **Trường Cao đẳng Lao động - Xã hội Hải Phòng**<br>Mã trường: CDD0305<br>Địa chỉ: Số 83 Bạch Đằng, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng<br>Điện thoại: 02253842619<br>Fax: 02253.842.724<br>Website: www.cdnldxhhp.edu.vn<br>Email: cdnldxhhp@gmail.com | | | | | |
| | Công nghệ ô tô | 35 | 35 | | Xét tuyển học bạ THPT | Tuyển sinh liên tục các tháng trong năm |
| | Công tác xã hội | 35 | 35 | 35 | | |
| | May thời trang | 35 | | | | |
| | Điện Công nghiệp | 35 | 35 | 35 | | |
| | Hàn | | 35 | 35 | | |
| | May công nghiệp | | | 35 | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Cao đẳng | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| | Sửa chữa xe gắn máy | | | 25 | Xét tuyển học bạ THPT | Tuyển sinh liên tục các tháng trong năm |
| | Xếp dỡ cơ giới tổng hợp | | | 35 | | |
| | Vận hành xe nâng hàng | | | 35 | | |
| | Vận hành xe nâng người | | | 25 | | |
| | Vận hành cần, cầu trục | | | 25 | | |
| | Điện dân dụng | | | 25 | | |
| | Tin học văn phòng | | | 35 | | |
| 117 | **Trường Cao đẳng Y tế Hải Phòng**<br>Mã trường: CDD0306<br>Địa chỉ: Số 169 Trần Nguyên Hãn, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng<br>Điện thoại: 02253719315; 02253781412<br>Fax: 02253717400<br>Website: cdyhaiphong.edu.vn<br>Email: caodangytehaiphong@gmail.com | | | | | |
| | Điều dưỡng | 680 | 50 | 0 | - Xét tuyển (theo học bạ hoặc điểm thi tốt nghiệp THPT)<br>- Thi 3 môn: Toán, GPSL, Chuyên ngành đối với hệ Liên thông | Liên tục trong năm 2018 |
| | Dược | 200 | 50 | 0 | - Xét tuyển (theo học bạ hoặc điểm thi tốt nghiệp THPT)<br>- Thi 3 môn: Toán, Hóa phân tích, Chuyên ngành với hệ Liên thông | |
| | Hộ sinh | 100 | 0 | 0 | Xét tuyển (theo học bạ hoặc điểm thi tốt nghiệp THPT) | |
| | Y sỹ | 0 | 100 | 0 | Xét học bạ THPT | |
| 118 | **Trường Cao đẳng Cộng đồng Hải Phòng**<br>Mã trường: CDD0307<br>Địa chỉ: Số 264 Trần Nhân Tông, quận Kiến An, Hải Phòng<br>Điện thoại: (0225) 3677 734; 3735 651; 3735 130.<br>Website: hpcc.edu.vn<br>Email: caodang@hpcc.edu.vn | | | | | |
| | Công nghệ kỹ thuật cơ khí | 40 | | | Xét tuyển theo học bạ Trung học phổ thông | Liên tục trong năm |
| | Kế toán | 40 | | | | |
| | Chăn nuôi | 40 | | | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Cao đẳng | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| | Thống kê | 40 | | | Xét tuyển theo học bạ Trung học phổ thông | Liên tục trong năm |
| | Công nghệ kỹ thuật tài nguyên nước | 40 | | | | |
| | Công nghệ thông tin | 40 | | | | |
| | Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử | 40 | | | | |
| | Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành | 40 | | | | |
| | Khoa học cây trồng | 40 | | | | |
| | Quản trị kinh doanh | 40 | | | | |
| | Phát triển nông thôn | 40 | | | | |
| | Tài chính - Ngân hàng | 40 | | | | |
| | Bảo trì và sửa chữa thiết bị cơ khí | | 30 | | Xét tuyển theo học bạ Trung học phổ thông hoặc Trung học cơ sở | |
| | Kỹ thuật chế biến món ăn | | 30 | | | |
| | Tin học ứng dụng | | 30 | | | |
| | Điện công nghiệp và dân dụng | | 30 | | | |
| | Văn thư hành chính | | 30 | | | |
| | Kế toán doanh nghiệp | | 30 | | | |
| | Quản lý đất đai | | 30 | | | |
| **HƯNG YÊN** | | | | | | |
| 119 | **Trường Cao đẳng Công nghiệp Hưng Yên**<br>Mã trường: CDT2202<br>Địa chỉ: - Cơ sở chính: xã Giai Phạm, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên<br>- Cơ sở 2: phường Đồng Kỵ, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh<br>Điện thoại: - Cơ sở chính: 02213. 587 898 Fax: 02213. 967. 065<br>- Cơ sở 2: 02223. 743 708 Fax: 02223. 740. 293<br>Website: www.hic.edu.vn<br>Email: pts.hic@gmail.com | | | | | |
| | Công nghệ thông tin (Ứng dụng phần mềm) | 40 | 100 | | - Trình độ cao đẳng xét tuyển thí sinh tốt nghiệp THPT hoặc tương đương<br>- Trình độ trung cấp xét tuyển thí sinh tốt nghiệp THCS trở lên | Liên tục trong năm |
| | Công nghệ may | 230 | | | | |
| | Thiết kế thời trang | 30 | 30 | | | |
| | May thời trang | 60 | 160 | | | |
| | Hàn | 25 | 35 | | | |
| | Điện công nghiệp | 60 | 65 | | | |
| | Điện tử công nghiệp | 45 | 55 | | | |
| | Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí | 25 | 25 | | | |
| | Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử | 70 | | | | |
| | Điện tử dân dụng | | 85 | | | |
| | Điện dân dụng | | 70 | | | |
| | Điện công nghiệp và dân dụng | | 100 | | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Cao đẳng | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| | Tài chính - Ngân hàng | 45 | | | - Trình độ cao đẳng xét tuyển thí sinh tốt nghiệp THPT hoặc tương đương<br>- Trình độ trung cấp xét tuyển thí sinh tốt nghiệp THCS trở lên | Liên tục trong năm |
| | Quản trị kinh doanh | 45 | | | | |
| | Kế toán | 130 | | | | |
| | Kế toán doanh nghiệp | | 100 | | | |
| 120 | **Trường Cao đẳng Y - Dược Asean**<br>Mã trường: CDD2291<br>Địa chỉ: - Xã Trưng Trắc, Huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên (Km15+150m, Quốc lộ 5, Hà Nội đi Hải Phòng)<br>- VP Hà Nội: 287 Khâm Thiên, Đống Đa, Hà Nội và Lô TH2, khu đô thị Cổ Nhuế, P.Cổ Nhuế 1, Q.Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội (Ngõ 234 Hoàng Quốc Việt + 300m)<br>Điện thoại: 18006681 - 0221.6279816 - 0979.981850 - 0962.255855<br>Website: www.aseanedu.vn; www.cdasean.edu.vn; www.caodangyduocasean.edu.vn<br>Email: caodangasean@gmail.com | | | | | |
| | Dược | 600 | 150 | | - Xét tuyển hệ cao đẳng, trung cấp chính quy<br>- Thi tuyển hệ liên thông trình độ cao đẳng chính quy | Liên tục trong năm |
| | Điều dưỡng | 400 | | | | |
| 121 | **Trường Cao đẳng Dược Hà Nội**<br>Mã trường: CDD2205<br>Địa chỉ: Trưng Trắc, Văn Lâm, Hưng Yên<br>Cơ sở: - Số 10, ngõ 4, Phố Xốm, Phường Phú Lãm, Quận Hà Đông, Tp Hà Nội<br>- Ngõ 25 - Nguyễn Cơ Thạch - Nam Từ Liêm - Hà Nội<br>Điện thoại: 043.764.9493/0915050131/0914330873<br>Website:http://caodangduochanoi.org.vn; Email:daotaoduochanoi2014@gmail.com | | | | | |
| | Dược | 1.000 | | | Xét tuyển | Liên tuc cả năm |
| | Kỹ thuật Dược | 200 | | | | |
| | Điều dưỡng | 300 | | | | |
| | Hộ sinh | 300 | | | | |
| 122 | **Trường Cao đẳng Kinh tế Kỹ thuật Tô Hiệu Hưng Yên**<br>Mã trường: CDD2201<br>Địa chỉ: Dân Tiến - Khoái Châu - Hưng Yên<br>Điện thoại: 02213.713.008<br>Website: cdntohieu.edu.vn<br>Email: ets.tohieu@gmail.com | | | | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Cao đẳng | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| | CAO ĐẲNG | 215 | | | - Xét tuyển dựa vào kết quả thi THPT QG<br>- Xét tuyển dựa vào kết quả bậc học THPT | - Đợt 1: 07/2018<br>- Đợt 2: 11/2018 |
| | Kế toán doanh nghiệp | 25 | | | | |
| | Quản trị doanh nghiệp vừa và nhỏ | 25 | | | | |
| | Trồng cây ăn quả | 25 | | | | |
| | Chăn nuôi gia súc, gia cầm | 25 | | | | |
| | Thú y | 35 | | | | |
| | Bảo vệ thực vật | 25 | | | | |
| | Kỹ thuật máy Nông nghiệp | 20 | | | | |
| | May thời trang | 35 | | | | |
| | TRUNG CẤP | | 965 | | - Xét tuyển dựa vào kết quả thi THPT QG<br>- Xét tuyển dựa vào kết quả bậc học THPT<br>- Xét tuyển dựa vào bằng tốt nghiệp THCS | |
| | Kế toán doanh nghiệp | | 20 | | | |
| | Quản trị doanh nghiệp vừa và nhỏ | | 25 | | | |
| | Quản lý và kinh doanh nông nghiệp | | 30 | | | |
| | Quản lý đất đai | | 30 | | | |
| | Chăn nuôi thú y | | 60 | | | |
| | Chăn nuôi gia súc, gia cầm | | 25 | | | |
| | Thú y | | 50 | | | |
| | Trồng trọt & bảo vệ thực vật | | 25 | | | |
| | Trồng cây lương thực thực phẩm | | 15 | | | |
| | Trồng cây ăn quả | | 20 | | | |
| | Bảo vệ thực vật | | 20 | | | |
| | Nuôi trồng thủy sản nước ngọt | | 30 | | | |
| | Kỹ thuật máy nông nghiệp | | 30 | | | |
| | Điện công nghiệp | | 100 | | | |
| | Điện dân dụng | | 30 | | | |
| | May thời trang | | 100 | | | |
| | Sửa chữa và lắp ráp máy tính | | 25 | | | |
| | Sửa chữa và lắp ráp xe máy | | 25 | | | |
| | Điện tử công nghiệp | | 35 | | | |
| | Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí | | 60 | | | |
| | Công nghệ ô tô | | 35 | | | |
| | Hàn (Công nghệ cao) | | 35 | | | |
| | Cắt gọt kim loại | | 35 | | | |
| | Nguội sửa chữa máy công cụ | | 35 | | | |
| | Kỹ thuật xây dựng | | 35 | | | |
| | Kỹ thuật chế biến món ăn (Nấu ăn) | | 35 | | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Cao đẳng | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| | SƠ CẤP | | | 410 | - Xét tuyển dựa vào bằng tốt nghiệp THCS trở lên | - Đợt 1: 07/2018<br>- Đợt 2: 11/2018 |
| | Chăn nuôi gia súc, gia cầm | | | 30 | | |
| | Thú y | | | 30 | | |
| | Trồng trọt | | | 30 | | |
| | Bảo vệ thực vật | | | 30 | | |
| | Điện công nghiệp | | | 30 | | |
| | Điện dân dụng | | | 30 | | |
| | May thời trang | | | 50 | | |
| | QL&VH lưới điện hạ áp | | | 30 | | |
| | Điện tử dân dụng | | | 30 | | |
| | Sửa chữa xe máy | | | 30 | | |
| | Hàn điện | | | 30 | | |
| | Tiện | | | 30 | | |
| | Sửa chữa thiết bị may | | | 30 | | |
| 123 | **Trường Cao đẳng Cơ điện và Thủy lợi**<br>Mã trường: CDT2201<br>Địa chỉ: Xã Dân Tiến, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên<br>Điện thoại: 0221.3713.103<br>Website: www.mwc.edu.vn<br>Email: cdncodienthuyloi@mard.gov.vn | | | | | |
| | Điện công nghiệp | 100 | | | Xét tuyển | Cả năm |
| | | | 150 | | | |
| | Sửa chữa Điện dân dụng | | | 120 | | |
| | Quản lý điện nông thôn | | | 90 | | |
| | Hàn | 100 | | | | |
| | | | 130 | | | |
| | | | | 120 | | |
| | Công nghệ ô tô | 70 | | | | |
| | | | 100 | | | |
| | Sửa chữa xe gắn máy | | | 70 | | |
| | Điện tử công nghiệp | 35 | | | | |
| | | | 120 | | | |
| | Sửa chữa Điện tử dân dụng | | | 90 | | |
| | Vận hành và sửa chữa trạm bơm điện | 60 | | | | |
| | | | 35 | | | |
| | Sửa chữa bơm điện | | | 120 | | |
| | Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí | 50 | | | | |
| | | | 120 | | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Cao đẳng | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| | Lắp ráp và sửa chữa thiết bị điện lạnh | | | 90 | Xét tuyển | Cả năm |
| | Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính | 50 | | | | |
| | | | 50 | | | |
| | Vi tính văn phòng | | | 90 | | |
| | Kế toán doanh nghiệp | 130 | | | | |
| | | | 70 | | | |
| | | | | 70 | | |
| | Cấp, thoát nước | | 35 | | | |
| | Lắp đặt điện, nước nông thôn | | | 90 | | |
| | Cơ điện nông thôn | | 35 | | | |
| | Sửa chữa, vận hành tàu cuốc | | 60 | | | |
| | | | | 70 | | |
| | Quản lý khai thác công trình thủy lợi | | 35 | | | |
| | | | | 90 | | |
| | Điều khiển tầu cuốc | | 35 | | | |
| | | | | 50 | | |
| | Bảo trì hệ thống thiết bị cơ khí | 20 | | | | |
| | | | 30 | | | |
| | Vận hành máy thi công nền | | 30 | | | |
| | Vận hành máy xúc đào | | | 50 | | |
| | May thời trang | | 70 | | | |
| | May công nghiệp | | | 120 | | |
| 124 | **Trường Cao đẳng Y tế Hưng Yên**<br>Mã trường: CDD2202<br>Địa chỉ: Đường Tuệ Tĩnh, An Tảo, TP. Hưng Yên, Hưng Yên<br>Điện thoại: ĐT: 02213.865.502; HC: 02213.865.166<br>Website: yhy.edu.vn<br>Email: chy@moet.edu.vn | | | | | |
| | Điều dưỡng | 150 | 50 | | Xét tuyển | Từ 1/1 đến hết 31/12/2018 |
| | Dược | 150 | 50 | | | |
| | Y sĩ | | 50 | | | |
| | Hộ sinh | | 50 | | | |
| | **THÁI BÌNH** | | | | | |
| 125 | **Trường Cao đẳng nghề số 19/BQP**<br>Mã trường: CDT2602<br>Địa chỉ: số 784, Lý Bôn, Thành phố Thái Bình<br>Điện thoại: 0227 844 764<br>Website: truong19bqp.vn<br>Email: truong19bqp@gmail.com | | | | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Cao đẳng | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| | Hàn | 0 | 0 | 200 | Xét tuyển theo học bạ | Các tháng trong năm |
| | Công nghệ ô tô | 0 | 0 | 200 | | |
| | Điện công nghiệp | 0 | 0 | 200 | | |
| | Kỹ thuật ML&ĐHKK | 0 | 0 | 200 | | |
| | Cắt gọt kim loại | 0 | 0 | 100 | | |
| | Điện dân dụng | 0 | 0 | 100 | | |
| | Tin học văn phòng | 0 | 0 | 200 | | |
| | May công nghiệp | 0 | 0 | 200 | | |
| | Lái xe ô tô | 0 | 0 | 1700 | | |
| 126 | **Trường Cao đẳng Nghề Thái Bình**<br>Mã trường: CDD2601<br>Địa chỉ: Số 514 - đường Long Hưng - phường Hoàng Diệu - thành phố Thái Bình<br>Điện thoại: 0227.3748.299<br>Website: www.cdnthaibinh.edu.vn/<br>Email: caodangnghethaibinh@gmail.com | | | | | |
| | Điện công nghiệp | 60 | 60 | | Xét học bạ THPT hoặc THCS | Liên tục trong năm |
| | Điện tử công nghiệp | 50 | 60 | | | |
| | May thời trang | 80 | 80 | | | |
| | Công nghệ thông tin (ứng dụng phần mềm) | 50 | | | | |
| | Hàn | 50 | 60 | | | |
| | Công nghệ ô tô | 50 | 60 | | | |
| | Công tác xã hội | 60 | 45 | | | |
| | Tin học văn phòng | | 60 | | | |
| | Hàn điện | | | 30 | | |
| | Sửa chữa thiết bị may | | | 30 | | |
| | May công nghiệp | | | 60 | | |
| | Sửa chữa, bảo trì tủ lạnh và điều hoà nhiệt độ | | | 30 | | |
| | Sửa chữa quạt, động cơ điện và ổn áp điện | | | 30 | | |
| 127 | **Trường Cao đẳng Văn hóa Nghệ thuật Thái Bình**<br>Mã trường: CDD2604<br>Địa chỉ: Số 12 phố Hoàng Công Chất, phường Quang Trung thành phố Thái Bình<br>Điện thoại: 02273.842.405<br>Website: cdvhntthaibình.edu.vn Email: | | | | | |
| | Cao đẳng Quản lý Văn hóa | 20 | | | Xét tuyển theo học bạ | 7-18 |
| | Cao đẳng Thanh nhạc | 15 | | | Thi môn năng khiếu + xét tuyển theo học bạ | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Cao đẳng | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| | Cao đẳng Sân khấu kịch hát (chèo) | 15 | | | Thi môn năng khiếu + xét tuyển theo học bạ | 7-18 |
| | Cao đẳng Khoa học thư viện | 25 | | | | |
| | Cao đẳng sư phạm âm nhạc-mỹ thuật | 40 | | | | |
| | Trung cấp Biểu diễn nhạc cụ truyền thống | | 20 | | | 9-18 |
| | Trung cấp Nghệ thuật diễn viên chèo | | 20 | | | |
| | Trung cấp Nhạc cụ Organ | | 20 | | | |
| | Trung cấp Thiết kế đồ họa | | 30 | | | |
| | Trung cấp Thanh nhạc | | 15 | | | |
| | TC Biểu diễn Múa dân gian dân tộc | | 10 | | | |
| | Trung cấp Hướng dẫn du lịch | | 30 | | | |
| | Trung cấp SP Âm nhạc-Mỹ thuật (Nguồn giáo viên Mầm Non) | | 40 | | | |
| | Sơ cấp chèo | | | 150 | | 08-18 |
| | Sơ cấp nhạc chèo | | | 30 | | |
| | Sơ cấp kẻ vẽ | | | 50 | | 04-18 |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Cao đẳng | | Trung cấp | | | |
| | | Chính quy | Liên thông | Tốt nghiệp THPT | Tốt nghiệp THCS | | |
| 128 | **Trường Cao đẳng Y tế Thái Bình**<br>Mã trường: CYE<br>Địa chỉ: Số 290 đường Phan Bá Vành, P. Quang Trung, TP Thái Bình<br>Điện thoại: 0363.844.966 Fax: 0363.844.966<br>Họ tên Hiệu trưởng: Phạm Quang Hoà Điện thoại: 0363.601.898<br>Website: http://caodangytb.edu.vn | | | | | | |
| | Điều dưỡng | 700 | | | | Xét tuyển | Tuyển sinh liên tục trong năm |
| | Dược sỹ | | | | | | |
| | Xét nghiệm Y học | | | | | | |
| | Điều dưỡng | | 800 | | | | |
| | Dược sỹ | | | | | | |
| | Xét nghiệm Y học | | | | | | |
| | Điều dưỡng | | | 300 | | | |
| | Y sỹ | | | | | | |
| | Kỹ thuật xét nghiệm | | | | | | |
| | Dược sỹ trung cấp | | | | | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Cao đẳng | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| **HÀ NAM** | | | | | | |
| 129 | **Trường Cao đẳng Công nghệ, Kinh tế và Chế biến Lâm sản**<br>Mã trường : CDT2401<br>Địa chỉ trường: Phường Thanh Tuyền, Thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam<br>Điện thoại : 02263.881.847; 02263.881.666. fax: 02263.880.031.<br>Website: http://www.cdcongnghekinhte.edu.vn.<br>E-mail: cdchebiengo@gmail.com | | | | | |
| | Gia công và Thiết kế sản phẩm mộc | 40 | 60 | | Xét tuyển (Hồ sơ) | Cả năm |
| | Kỹ thuật điêu khắc gỗ | 40 | 50 | | | |
| | Kỹ thuật sơn mài và khảm trai | 20 | 40 | | | |
| | Công nghệ SX ván nhân tạo | 30 | 30 | | | |
| | Kế toán doanh nghiệp | 50 | 50 | | | |
| | Quản trị mạng máy tính | 50 | 50 | | | |
| | Quản trị cơ sở dữ liệu | 35 | 35 | | | |
| | Điện dân dụng | 35 | 35 | | | |
| | Điện công nghiệp | 35 | 35 | | | |
| | Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí | 30 | 25 | | | |
| | Kỹ thuật gia công bàn ghế | | | 35 | | |
| | Kỹ thuật gia công tủ | | | 50 | | |
| | Chạm khắc hoa văn phù điêu | | | 50 | | |
| | Chạm khắc gỗ con giống | | | 50 | | |
| | Khảm trai hoa văn dây leo | | | 50 | | |
| | Kỹ thuật sản xuất ván ghép thanh | | | 35 | | |
| | Lắp ráp và sửa chữa máy tính | | | 35 | | |
| | Vi tính văn phòng | | | 35 | | |
| | Quản lý điện nông thôn | | | 35 | | |
| | Lắp đặt điện nội thất | | | 35 | | |
| | Lắp đặt điện cho cơ sở sản xuất nhỏ | | | 35 | | |
| | Sửa chữa bảo trì tủ lạnh và điều hòa nhiệt độ | | | 35 | | |
| 130 | **Trường Cao đẳng Thủy lợi Bắc Bộ**<br>Mã trường: CDT2403<br>Địa chỉ: xã Liêm Chung, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam<br>Điện thoại: 0226.3840246<br>Website: ww.caodangthuyloibacbo.edu.vn<br>Email: cdtlbb@gmail.com | | | | | |
| | Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng | 30 | | | Xét tuyển | Từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/12/2018 |
| | Công nghệ kỹ thuật xây dựng | 15 | | | | |
| | Công nghệ kỹ thuật tài nguyên nước | 30 | | | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Cao đẳng | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| | Kế toán | 15 | | | Xét tuyển | Từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/12/2018 |
| | Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính | | 70 | | | |
| | Điện dân dụng | | 70 | | | |
| | Điện công nghiệp | | 70 | | | |
| | Công trình thủy lợi | | 15 | | | |
| | Quản lý thủy nông | | 15 | | | |
| | Kế toán doanh nghiệp | | 20 | | | |
| | Cấp thoát nước | | 50 | | | |
| | Tin học ứng dụng | | 30 | | | |
| | Điện công nghiệp và dân dụng | | 50 | | | |
| | Quản lý khai thác công trình thủy lợi | | | 50 | | |
| | Vận hành và sửa chữa bơm điện | | | 50 | | |
| | Kỹ thuật xây dựng | | | 20 | | |
| 131 | **Trường Cao đẳng Nghề Hà Nam**<br>Mã trường: CDD2402<br>Địa chỉ: Số 88 - Đường Lê Hoàn - Phường Quang Trung - TP. Phủ Lý - tỉnh Hà Nam<br>Điện thoại: 0351.3853360 Fax: 0351.3853360<br>Website: www.cdnhanam.edu.vn<br>Email: vanthucdn@gmail.com | | | | | |
| | Điện công nghiệp | 100 | 200 | | Xét tuyển | Cả năm |
| | Công nghệ ô tô | 50 | 100 | | | |
| | Cơ điện nông thôn | 50 | 50 | 50 | | |
| | Hàn | 50 | 75 | 100 | | |
| | Quản trị mạng máy tính | 50 | | | | |
| | Kế toán doanh nghiệp | 25 | | | | |
| | Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính | | 25 | | | |
| | Lắp đặt điện cho cơ sở sản xuất nhỏ | | | 50 | | |
| | Sửa chữa, bảo trì tủ lạnh và điều hoà nhiệt độ | | | 100 | | |
| | Điện dân dụng | | | 100 | | |
| | Hàn điện | | | 100 | | |
| | Sửa chữa điện và điện lạnh ô tô | | | 100 | | |
| | Sửa chữa, lắp ráp xe máy | | | 50 | | |
| | May thời trang | | | 100 | | |
| | Tin học văn phòng | | | 100 | | |
| | Lái xe ô tô B2, C | | | 800 | | |
| | Lái xe mô tô A1 | | | | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | | | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Cao đẳng | | Trung cấp | | Sơ cấp | | |
| | | Chính quy | Liên thông | Tốt nghiệp THPT | Tốt nghiệp THCS | | | |
| 132 | **Trường Cao đẳng Phát thanh - Truyền hình I**<br>Mã trường: CDT2402<br>Địa chỉ: Số 136, đường Quy Lưu, phường Minh Khai, Tp. Phủ Lý, tỉnh Hà Nam<br>Điện thoại: 02263.889660 Fax: 02263.854383<br>Họ tên Hiệu trưởng: Nguyễn Xuân Trường Điện thoại: 0913.067429<br>Website: cdptth1.vov.vn; Email: phongdaotao.cpt@gmail.com | | | | | | | |
| | Báo chí | 15 | 15 | | | | Hệ CĐ Xét tuyển theo học bạ THPT lớp 12 hoặc điểm thi THPT Quốc gia năm 2018<br>Hệ TC Xét tuyển theo học bạ THCS (lớp 9) | Chia làm 3 đợt. Dự kiến từ 01/03/2018 đến 20/12/2018 |
| | Quan hệ công chúng | 15 | | | | | | |
| | Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử | 15 | 20 | | | 100 | | |
| | Công nghệ thông tin | 15 | | | | 100 | | |
| | Công nghệ kỹ thuật điện tử, truyền thông | 15 | | | | 100 | | |
| | Kế toán | 15 | 15 | | | 60 | | |
| | Tiếng Anh | 15 | | | | | | |
| | Báo chí | | | 30 | 170 | 60 | | |
| | Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử | | | 15 | 150 | | | |
| | Tin học ứng dụng | | | 15 | 100 | | | |
| | Công nghệ kỹ thuật điện tử viễn thông | | | | 80 | | | |
| | Kế toán doanh nghiệp | | | 15 | 100 | | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Cao đẳng | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| | **NAM ĐỊNH** | | | | | |
| 133 | **Trường Cao đẳng Xây dựng Nam Định**<br>Mã trường: CDT2502<br>Địa chỉ: Quốc lộ 10 - Phường Lộc Vượng - Tp. Nam Định<br>Điện thoại: 0228.3682.841; 0228.3682.177<br>Website: http://www.cdxdnd.edu.vn<br>Email: truong@cdxdnd.edu.vn | | | | | |
| | Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng | 90 | | | Xét tuyển theo học bạ THPT, THCS | 02/01/2018 đến 31/12/2018 |
| | Quản lý xây dựng | 20 | | | | |
| | Kế toán | 20 | | | | |
| | Kỹ thuật xây dựng | 20 | 100 | 30 | | |
| | Hàn | 20 | 30 | 20 | | |
| | Chạm khắc đá | 30 | 50 | | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Cao đẳng | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| | Xây dựng dân dụng và công nghiệp | | 30 | | Xét tuyển theo học bạ THPT, THCS | 02/01/2018 đến 31/12/2018 |
| | Kế toán doanh nghiệp | | 150 | | | |
| | Quản trị mạng máy tính | | 30 | | | |
| | Điện dân dụng | | 120 | 30 | | |
| | Cấp thoát nước | | 40 | | | |
| | Cốt thép - Hàn | | 30 | 20 | | |
| | Mộc xây dựng và trang trí nội thất | | 30 | | | |
| | Mộc mỹ nghệ | | 120 | 50 | | |
| | Kỹ thuật điêu khắc gỗ | | 130 | 50 | | |
| | Kỹ thuật sơn mài và khảm trai | | 50 | | | |
| | Mộc dân dụng | | 20 | | | |
| | Tin học văn phòng | | 20 | | | |
| 134 | **Trường Cao đẳng Văn hóa Nghệ thuật & Du lịch Nam Định**<br>Mã trường: CDD2502<br>Địa chỉ: 128 Trần Huy Liệu - P. Trường Thi - Tp. Nam Định<br>Điện thoại: 02283.529.545<br>Website: cdvhntdlnd.edu.vn<br>Email: phongdaotaovhnt2502@gmail.com | | | | | |
| | Thanh nhạc | | 20 | | Thi Thanh nhạc + Xét tuyển môn Văn lớp 9 | - Tại trường: vào tất cả các ngày trong tuần (trong giờ hành chính).<br>- Tại các địa phương: Nhà trường có kế hoạch cụ thể thông báo trên Website của nhà trường |
| | Organ | | 15 | | Thi Organ + Xét tuyển môn Văn lớp 9 | |
| | Biểu diễn nhạc cụ truyền thống | | 20 | | Thi NCDT + Xét tuyển môn Văn lớp 9 | |
| | Hội họa | | 20 | | Thi Bố cục (Vẽ theo đề tài) + Xét tuyển môn Văn lớp 9 | |
| | Nghệ thuật biểu diễn chèo | | 20 | | Thi Hát chèo + Xét tuyển môn Văn lớp 9 | |
| | Nghệ thuật biểu diễn cải lương | | 10 | | Thi Ca cải lương + Xét tuyển môn Văn lớp 9 | |
| | Nghệ thuật biểu diễn kịch nói | | 10 | | Thi Diễn tiểu phẩm + Xét tuyển môn Văn lớp 9 | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Cao đẳng | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| | Thư viện | | 80 | | Xét kết quả công nhận, xếp loại tốt nghiệp THPT (hoặc tương đương) | - Tại trường: vào tất cả các ngày trong tuần (trong giờ hành chính).<br>- Tại các địa phương: Nhà trường có kế hoạch cụ thể thông báo trên Website của nhà trường |
| | Quản lý văn hóa | | 90 | | | |
| | Hành chính - văn thư | | 60 | | | |
| | Quản lý văn hóa | 50 | | | | |
| | Quản lý văn hóa<br>(Liên thông) | 50 | | | | |
| 135 | **Trường Cao đẳng Nghề số 20/BQP**<br>Mã Trường: CDT2503<br>Địa chỉ: 126c Trần Đăng Ninh - TP Nam Định Điện thoại: 0228.3860668<br>Website: caodangso20-bqp.edu.vn Email: caodangso20.bqp@gmail.com | | | | | |
| | Công nghệ ô tô | 90 | 100 | 1070 | Xét tuyển | Tháng 2 và tháng 8 |
| | Điện tử công nghiệp | 25 | 40 | 230 | | |
| | Kỹ thuật lắp đặt điện và điều khiển TCN | 40 | 60 | 380 | | |
| | Kỹ thuật máy lạnh và điều hoà không khí | 35 | 110 | 630 | | |
| | Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính | 15 | 30 | 135 | | |
| | Vận hành máy thi công nền | 10 | 25 | 230 | | |
| | Hàn | 15 | 30 | 405 | | |
| | Cắt gọt kim loại | 10 | 25 | 100 | | |
| | Sửa chữa thiết bị tự đông hoá | 10 | 15 | | | |
| | Cơ điện tử | 10 | 15 | | | |
| | Điều khiển phương tiện thuỷ nội địa | 10 | 10 | | | |
| | Khai thác máy tàu thuỷ | 10 | 10 | 10 | | |
| | Thiết kế đồ hoạ | 10 | 10 | | | |
| | May thời trang | 0 | 25 | 50 | | |
| | Cốt thép hàn | 0 | 10 | 10 | | |
| | Bảo trì máy may | 0 | 0 | 160 | | |
| | Sửa chữa máy nông nghiệp | 0 | 0 | 10 | | |
| | Lái xe B2, C | 0 | 0 | 1800 | | |
| 136 | **Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nam Định**<br>Mã trường: CDD2501<br>Địa chỉ: 1392 đường Trần Huy Liệu, Thành phố Nam Định, Nam Định<br>Điện thoại: 02283839192, 0228385255<br>Website: http://www.nct.edu.vn<br>Email: caodangkythuatcongnghend@hotmail.com | | | | | |
| | Hàn | 35 | 30 | 35 | Xét tuyển học bạ | Cả năm |
| | Điện công nghiệp | 100 | 80 | 35 | | |
| | Công nghệ ô tô | 70 | 30 | | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Cao đẳng | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| | Cắt gọt kim loại | 50 | 30 | 35 | Xét tuyển học bạ | Cả năm |
| | Xây dựng và hoàn thiện công trình thủy lợi | 35 | 30 | 30 | | |
| | Quản lý khai thác công trình thủy lợi | 35 | 30 | 35 | | |
| | Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính | 35 | 20 | 35 | | |
| | Công nghệ thông tin (ứng dụng phần mềm) | 35 | 20 | 35 | | |
| | Kế toán doanh nghiệp | 35 | 30 | | | |
| | Vận hành và sửa chữa trạm bơm điện | 35 | 30 | 30 | | |
| | Điện dân dụng | 35 | 30 | 35 | | |
| 137 | **Trường Cao đẳng Công nghiệp Nam Định**<br>Mã trường: CDT2501<br>Địa chỉ: Liên Bảo, Vụ Bản, Nam Định<br>Điện thoại: 02283.986919<br>Website: www.cnd.edu.vn<br>Email: cnd@cnd.edu.vn | | | | | |
| | Công nghệ chế tạo vỏ tàu thủy | 25 | 20 | | * Vùng tuyển sinh: Tuyển sinh trong cả nước đối với tất cả các trình độ đào tạo.<br>* Cao đẳng:<br>- Hình thức đào tạo: Chính quy<br>- Hình thức tuyển sinh: Xét tuyển | Từ tháng 1/2018 đến hết tháng 12/2018 |
| | Công nghệ kỹ thuật nhiệt | 30 | 50 | | | |
| | Công nghệ kỹ thuật cơ khí | 90 | | | | |
| | Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa | 30 | | | | |
| | Công nghệ ô tô | 90 | 20 | | | |
| | Công nghệ kỹ thuật môi trường | 30 | | | | |
| | Công nghệ kỹ thuật điện tử, truyền thông | 30 | | | | |
| | Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử | 120 | 30 | | | |
| | Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử | 30 | | | | |
| | Điện tử công nghệp | 25 | 20 | | - Đối tượng xét tuyển:<br>+ Xét tuyển kết quả thi của các thí sinh tham gia kỳ thi THPT quốc gia năm 2018.<br>+ Thí sinh tốt nghiệp THPT<br>* Trung cấp:<br>- Hình thức đào tạo: Chính quy<br>- Phương thức tuyển sinh: Xét tuyển<br>- Đối tượng xét tuyển:<br>+ Thí sinh tốt nghiệp THPT<br>+ Thí sinh tốt nghiệp THCS | |
| | Điện công nghiệp | 50 | 20 | 20 | | |
| | Điện tử công nghiệp và dân dụng | | 50 | | | |
| | Điện tử dân dụng | | 20 | | | |
| | Điện công nghiệp và dân dụng | | 90 | | | |
| | Điện dân dụng | | 20 | | | |
| | Nguội sửa chữa máy công cụ | 20 | | | | |
| | Nguội lắp rắp cơ khí | 25 | 20 | | | |
| | Cắt gọt kim loại | 25 | 20 | 20 | | |
| | Hàn | 25 | 20 | | | |
| | Kỹ thuật lắp đặt ống công nghệ | | 20 | | | |
| | Bảo trì và sửa chữa thiết bị cơ khí | | 30 | | | |
| | Quản trị kinh doanh | 20 | | | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Cao đẳng | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| | Kinh doanh thương mại và dịch vụ | | 100 | | * Sơ cấp:<br>- Phương thức tuyển sinh: Xét tuyển<br>- Hình thức đào tạo: Chính quy Đào tạo nghề cho lao động phổ thông và lao động nông thôn<br>- Đối tượng xét tuyển: Thí sinh tốt nghiệp THCS | Từ tháng 1/2018 đến hết tháng 12/2018 |
| | Quản lý và bán hàng siêu thị | | 30 | | | |
| | Tài chính - Ngân hàng | 20 | | | | |
| | Kế toán doanh nghiệp | 50 | 100 | 20 | | |
| | Kế toán | 40 | | | | |
| | Kế toán hành chính sự nghiệp | | 30 | | | |
| | Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính | 25 | 20 | | | |
| | Truyền thông và mạng máy tính | 30 | | | | |
| | Công nghệ thông tin | 30 | | | | |
| | Tin học văn phòng | | 90 | | | |
| | Tin học ứng dụng | 20 | | | | |
| | Thiết kế đồ họa | | | 20 | | |
| | Lập trình máy tính | 20 | | | | |
| | Quản trị cơ sở dữ liệu | 20 | | | | |
| | Quản trị mạng máy tính | 20 | | | | |
| | Sửa chữa thiết bị may | | 20 | 50 | | |
| | Công nghệ may | 100 | | | | |
| | Công nghệ may và thời trang | | 100 | | | |
| | May thời trang | 50 | 20 | | | |
| | May công nghiệp | | | 100 | | |
| | Thiết kế thời trang | 50 | | | | |
| **NINH BÌNH** | | | | | | |
| 138 | **Trường Cao đẳng Cơ giới Ninh Bình**<br>Mã trường: CDT 2702<br>Địa chỉ: phường Yên Bình, thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình<br>Điện thoại: 0229 3773 776<br>Website: http://cogioi.edu.vn<br>Email: cdcgnb@cogioi.edu.vn | | | | | |
| | Vận hành máy thi công nền | | 160 | 20 | Xét tuyển | Theo đợt |
| | Kỹ thuật máy lạnh & ĐHKK | 25 | 125 | 20 | | |
| | Vận hành máy thi công mặt đường | | 10 | 15 | | |
| | Bảo trì hệ thống thiết bị cơ khí | 10 | 10 | | | |
| | Sửa chữa máy thi công xây dựng | 10 | 15 | | | |
| | Điện công nghiệp | 40 | 100 | 20 | | |
| | Công nghệ ô tô | 50 | 100 | 20 | | |
| | Điện dân dụng | 10 | 45 | 10 | | |
| | Hàn | 10 | 45 | 15 | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Cao đẳng | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| | Cấp thoát nước | | 10 | | Xét tuyển | Theo đợt |
| | Cắt gọt kim loại | 10 | 20 | 15 | | |
| | Kế toán doanh nghiệp | 10 | 10 | | | |
| | Kỹ thuật chế biến món ăn | 15 | 170 | 30 | | |
| | Vận hành cần, cầu trục | | 20 | 150 | | |
| | Công tác xã hội | 10 | 10 | | | |
| | Điện nước | | | 20 | | |
| | Kỹ thuật pha chế đồ uống | | | 10 | | |
| | Vận hành máy xúc | | | 50 | | |
| | Vận hành máy lu | | | 15 | | |
| | Vận hành máy ủi | | | 15 | | |
| | Vận hành cần trục | | | 100 | | |
| | Vận hành cầu trục | | | 50 | | |
| | Vận hành xe nâng hàng | | | 50 | | |
| | Vận hành máy xúc lật | | | 10 | | |
| | Hàn 3G; 5G; 6G | | | 15 | | |
| | Lái xe ôtô hạng B1; B2; C; D và E | | | 900 | | |
| | Sư phạm dạy nghề; CC Kỹ năng dạy học | | | 250 | | |
| 139 | **Trường Cao đẳng Nghề Lilama 1**<br>Mã trường: CDT2703<br>Địa chỉ: Phường Đông Thành, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình<br>Điện thoại: 0229.3874119; 0229.3871015<br>Website: caodang-lilama1.edu.vn<br>Email: caodang-lilama1@.edu.vn | | | | | |
| | Nghề hàn | 60 | 200 | 120 | Xét tuyển | Liên tục trong năm<br>Nhập học T3 và T9 |
| | Nghề kỹ thuật lắp đặt điện và điều khiển trong công nghiệp | 60 | 200 | | | |
| | Nghề kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí | 20 | 70 | 60 | | |
| | Nghề điện dân dụng | 20 | 70 | 60 | | |
| | Nghề lắp đặt thiết bị cơ khí | 35 | 70 | | | |
| | Nghề công nghệ ô tô | 20 | 35 | | | |
| | Nghề sản xuất xi măng | | 30 | 30 | | |
| | Nghề vận hành cần, cẩu trục | 0 | 20 | 30 | | |
| | Nghề chế tạo thiết bị cơ khí | 35 | 70 | | | |
| | Nghề kỹ thuật lắp đặt ống công nghệ | 25 | 35 | | | |
| | Nghề cắt gọt kim loại | 0 | 35 | 40 | | |
| | Nghề cấp thoát nước | 0 | 35 | | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Cao đẳng | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| | Gò | 0 | 0 | 30 | Xét tuyển | Liên tục trong năm<br>Nhập học T3 và T9 |
| | Gia công kết cấu thép dân dụng và công nghiệp | 0 | 0 | 50 | | |
| | Cấp nước | 0 | 0 | 50 | | |
| | Lắp đặt đường ống nước | 0 | 0 | 50 | | |
| | Lắp đặt điện dân dụng và công nghiệp | 0 | 0 | 80 | | |
| | Lắp đặt điện và đường ống nước dân dụng | 0 | 0 | 90 | | |
| | Hàn điện 2G, 3G | 0 | 0 | 120 | | |
| | Hàn ống 6G | 0 | 0 | 100 | | |
| | Hàn MIG, MAG | 0 | 0 | 100 | | |
| | Hàn TIG | 0 | 0 | 120 | | |
| | Hàn cắt khí | 0 | 0 | 80 | | |
| | Lắp dựng giàn giáo | 0 | 0 | 120 | | |
| | Nâng chuyển thiết bị | 0 | 0 | 80 | | |
| | Sửa chữa điện và điện lạnh ô tô | 0 | 0 | 30 | | |
| | Lái xe hạng B1, B2, C | 0 | 0 | 600 | | |
| 140 | **Trường Cao đẳng Cơ điện Xây dựng Việt Xô**<br>Mã trường: CĐT 2701<br>Địa chỉ: Số 184, Đường Quyết Thắng, Phường Trung Sơn, Tp. Tam Điệp, Ninh Bình<br>Điện thoại: 02293.864.066 Fax: 02293.773.760<br>Website: Caodangvietxo.edu.vn<br>Email: caodangvietxo2012@gmail.com | | | | | |
| | Công nghệ ôtô | 125 | 75 | 50 | Xét tuyển | 12 tháng |
| | Kỹ thuật máy lạnh và ĐHKK | 80 | 110 | 70 | | |
| | Điện công nghiệp | 130 | 130 | 60 | | |
| | Cắt gọt kim loại | 40 | 50 | 30 | | |
| | Hàn | 125 | 125 | 70 | | |
| | Kỹ thuật xây dựng | 100 | 100 | 100 | | |
| | Kế toán doanh nghiệp | 200 | 70 | 60 | | |
| | Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính | 50 | 65 | | | |
| | Văn thư hành chính | 60 | 60 | | | |
| | Thiết kế đồ họa | 30 | 30 | | | |
| | Quản trị mạng máy tính | 25 | | | | |
| | Điện - nước | | 70 | 80 | | |
| | Vận hành máy thi công nền | | 130 | 80 | | |
| | Mộc xây dựng và trang trí nội thất | | 25 | 35 | | |
| | Điện dân dụng | | 60 | 25 | | |
| | Tin học văn phòng | | 100 | 100 | | |
| | Xây dựng dân dụng và CN | | 100 | | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Cao đẳng | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| 141 | **Trường Cao đẳng Y tế Ninh Bình**<br>Mã trường: CDD2701<br>Địa chỉ: 297 - Hải Thượng Lãn Ông - Nam Thành - Tp. Ninh Bình - Ninh Bình<br>Điện thoại: 02293.899833<br>Website: https://cdyteninhbinh.edu.vn/<br>Email: ngocphanhnvn@yahoo.com | | | | | |
| | Điều dưỡng | 570 | 30 | | Xét tuyển | 04 đợt (tháng 3, 6, 9, 12 hàng năm) |
| | Dược sỹ | 500 | 30 | | | |
| | Y sỹ | | 30 | | | |
| | **QUẢNG NINH** | | | | | |
| 142 | **Trường Đại học Hạ Long**<br>Mã trường: HLU<br>Địa chỉ: Số 258, Đường Bạch Đằng, phường Nam Khê, Tp. Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh<br>Điện thoại: 02033.850.854/0912.230.965<br>Website: daihochalong.edu.vn<br>Email: phongdaotao.dhhl@moet.edu.vn | | | | | |
| | Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành | 150 | | | Xét tuyển kết quả kỳ thi THPT Quốc gia hoặc xét học bạ THPT | + Đợt 1: Từ ngày 01/7/2018 đến ngày 31/7/2018<br>+ Đợt 2: Từ ngày 01/8/2018 đến ngày 31/8/2018<br>+ Đợt 3: Từ ngày 01/9/2018 đến ngày 30/9/2018 |
| | Quản trị khách sạn | 150 | | | | |
| | Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống | 120 | | | | |
| | Hướng dẫn du lịch | 100 | | | | |
| | Tin học ứng dụng | 30 | | | | |
| | Tiếng Anh | 50 | | | | |
| | Công tác xã hội | 30 | | | | |
| | Thanh nhạc | 20 | | | | |
| | Nghệ thuật biểu diễn kịch múa | | 20 | | Thi tuyển năng khiếu | + Đợt 1: Từ ngày 01/5/2018 đến ngày 31/5/2018<br>+ Đợt 2: Từ ngày 01/6/2018 đến ngày 30/6/2018<br>+ Đợt 3: Từ ngày 01/7/2018 đến ngày 31/7/2018 |
| | Biểu diễn nhạc cụ phương tây | | 20 | | | |
| | Biểu diễn nhạc cụ truyền thống | | 20 | | | |
| | Thanh nhạc | | 20 | | | |
| | Hội họa | | 20 | | | |
| 143 | **Trường Cao đẳng Than - Khoáng sản Việt Nam**<br>Mã trường: CDT1701<br>Địa chỉ: Số 8 - Phố Chu văn An - Phường Hồng Hải - Tp. Hạ Long - tỉnh Quảng Ninh<br>Điện thoại: 0203823.457<br>Website: www.caodangtkv.edu.vn<br>Email: caodangtkv@gmail.com | | | | | |
| | Kỹ thuật khai thác mỏ hầm lò | 50 | 650 | 550 | Xét tuyển | Từ 01/1/2018 - 31/12/2018 |
| | Kỹ thuật cơ điện mỏ hầm lò | 95 | 245 | 170 | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Cao đẳng | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| | Kỹ thuật xây dựng mỏ | 30 | 265 | 245 | Xét tuyển | Từ 01/1/2018 - 31/12/2018 |
| | Điện công nghiệp | 250 | 235 | 245 | | |
| | Điện dân dụng | 35 | 50 | 140 | | |
| | Kỹ thuật sửa chữa lắp ráp máy tính | 30 | 30 | | | |
| | Kế toán doanh nghiệp | 420 | 200 | | | |
| | Hàn | 35 | 185 | 175 | | |
| | Công nghệ ô tô | 105 | 105 | 105 | | |
| | Quản trị Doanh nghiệp vừa và nhỏ | 90 | | | | |
| | Vận hành điện trong nhà máy điện | 35 | 35 | | | |
| | Khoan nổ mìn | | 120 | | | |
| | Vận hành thiết bị sàng tuyển than | | 90 | 120 | | |
| | Công nghệ chế tạo vỏ tàu thuỷ | | 70 | | | |
| | Kỹ thuật xây dựng | | 35 | | | |
| | Giám định khối lượng, chất lượng than | | 75 | 90 | | |
| | Kỹ thuật chế biến món ăn | | 75 | 210 | | |
| | Văn thư hành chính | | 105 | | | |
| | Luyện kim màu | | 50 | | | |
| | Kỹ thuật lò hơi | | 30 | | | |
| | Kỹ thuật tua bin | | 30 | | | |
| | Nguội sửa chữa máy công cụ | | 30 | | | |
| | Cắt gọt kim loại | | 30 | | | |
| | Lắp đặt, vận hành, sửa chữa bơm, quạt, máy nén khí | | 30 | | | |
| | Vận hành tời trục | | | 100 | | |
| | Vận hành tầu điện ắc qui | | | 100 | | |
| | Vận hành máy xúc mỏ hầm lò | | | 100 | | |
| | Lắp đặt, sửa chữa đường sắt | | | 35 | | |
| | Vận hành cầu trục | | | 100 | | |
| | Vận hành xe nâng | | | 50 | | |
| | Vận hành máy xúc thủy lực | | | 100 | | |
| | Vận hành máng cào | | | 70 | | |
| | Vận hành băng tải | | | 70 | | |
| | Vận hành trạm điện | | | 85 | | |
| | Vận hành cẩu tự hành | | | 85 | | |
| | Vận hành trạm xử lý nước thải | | | 35 | | |
| | Sửa chữa điện máy mỏ | | | 35 | | |
| | Sửa chữa cơ máy mỏ | | | 35 | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Cao đẳng | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| | Nề | | | 35 | Xét tuyển | Từ 01/1/2018 - 31/12/2018 |
| | Vận hành nồi nấu hai vỏ | | | 35 | | |
| | Vận hành máy nén khí | | | 35 | | |
| | Cán bộ chỉ huy sản xuất | | | 85 | | |
| | Điện nông thôn | | | 140 | | |
| | Sửa chữa máy nông nghiệp | | | 140 | | |
| | Vận hành máy gạt | | | 50 | | |
| | Vận hành thiết bị sản xuất xi măng | | | 50 | | |
| | Sư phạm dạy nghề | | | 200 | | |
| | Lái xe hạng B1, B2, C | | | 4.800 | | |
| 144 | **Trường Cao đẳng Công nghiệp và Xây dựng**<br>Mã trường: CDT1703<br>Địa chỉ: Liên Phương - Phương Đông - Uông Bí - Quảng Ninh<br>Điện thoại: Văn phòng 0203 3854 497 - Ban tuyển sinh 0203 3851 240<br>Wedside: www.cic.edu.vn<br>Email: Văn phòng cdcnxd@cic.edu.vn - Ban tuyển sinh tuyensinh@cic.edu.vn | | | | | |
| | Cắt gọt kim loại | 20 | 25 | | - Hệ cao đẳng:<br>+ Xét tuyển theo học bạ;<br>+ Đối tượng TS tốt nghiệp THPT hoặc tương đương;<br>- Hệ trung cấp:<br>+ Xét tuyển theo học bạ; | TS liên tục trong năm |
| | Điện công nghiệp | 50 | 45 | 45 | | |
| | Điện tử công nghiệp | 15 | 25 | 25 | | |
| | Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí | 15 | 20 | 35 | | |
| | Hàn | 20 | 45 | | | |
| | Kỹ thuật xây dựng | 15 | 20 | 35 | + Đối tượng TS tốt nghiệp THCS hoặc tương đương trở lên<br>- Hệ sơ cấp:<br>Đối tượng TS 15 tuổi trở lên, có trình độ học vấn và sức khỏe phù hợp với nghề cần học | |
| | Kỹ thuật khai thác mỏ hầm lò | 20 | 30 | 70 | | |
| | Kỹ thuật cơ điện mỏ hầm lò | 15 | 25 | | | |
| | Tin học ứng dụng | 35 | 25 | 50 | | |
| | Công nghệ thông tin (Ứng dụng phần mềm) | 25 | 25 | | | |
| | Điện tử dân dụng | 15 | 15 | | | |
| | Công nghệ kỹ thuật ô tô | 20 | | | | |
| | Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng | 20 | | | | |
| | Quản lý xây dựng | 20 | | | | |
| | Kế toán | 70 | | | | |
| | Kỹ thuật xây dựng mỏ | 15 | 15 | | | |
| | Kế toán doanh nghiệp | 50 | 70 | | | |
| | Điện dân dụng | 20 | 30 | | | |
| | Quản lý vận hành, sửa chữa đường dây và trạm biến áp có điện áp từ 110 KV trở xuống | 15 | 20 | | | |
| | Công nghệ kỹ thuật cơ khí | 35 | 35 | | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Cao đẳng | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| | Quản trị kinh doanh | 50 | | | - Hệ cao đẳng:<br>+ Xét tuyển theo học bạ<br>+ Đối tượng TS tốt nghiệp THPT hoặc tương đương<br>- Hệ trung cấp:<br>+ Xét tuyển theo học bạ<br>+ Đối tượng TS tốt nghiệp THCS hoặc tương đương trở lên | TS liên tục trong năm |
| | Hướng dẫn du lịch | 35 | | | | |
| | Cơ điện tử | 15 | 25 | | | |
| | Kỹ thuật lắp đặt điện và điều khiển trong công nghiệp | 25 | 15 | | | |
| | Cấp, thoát nước | 15 | | | | |
| | Mộc xây dựng và trang trí nội thất | 15 | | | | |
| | Bảo trì và sửa chữa ô tô | | 70 | | | |
| | Vận hành cần, cầu trục | | 35 | | - Hệ sơ cấp:<br>Đối tượng TS 15 tuổi trở lên, có trình độ học vấn và sức khỏe phù hợp với nghề cần học | |
| | Vận hành máy thi công nền | | 70 | | | |
| | Hệ thống điện | | 25 | | | |
| | Xây dựng dân dụng và công nghiệp | | 30 | | | |
| | Cấp, thoát nước | | 15 | | | |
| | Mộc xây dựng và trang trí nội thất | | 15 | | | |
| | Công nghệ kỹ thuật ô tô - máy kéo | | 45 | | | |
| | Điện - nước | | 30 | | | |
| | Ngành cơ - điện mỏ | | 30 | | | |
| | Ngành cơ - điện tuyển khoáng | | 20 | | | |
| | Ngành quản lý doanh nghiệp | | 60 | | | |
| | Ngành hướng dẫn du lịch | | 30 | | | |
| | Lái xe ô tô | | | 2.600 | | |
| | Tiện | | | 35 | | |
| | Vận hành máy tiện và máy phay CNC | | | 35 | | |
| | Nguội | | | 15 | | |
| | Gò | | | 15 | - Hệ cao đẳng:<br>+ Xét tuyển theo học bạ;<br>+ Đối tượng TS tốt nghiệp THPT hoặc tương đương;<br>- Hệ trung cấp:<br>+ Xét tuyển theo học bạ; | |
| | Rèn, dập, đột kim loại | | | 15 | | |
| | Hàn điện | | | 80 | | |
| | Sửa chữa ô tô | | | 25 | | |
| | Vận hành máy xúc lật | | | 25 | | |
| | Vận hành máy xúc đào | | | 45 | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Cao đẳng | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| | Vận hành máy ủi | | | 15 | + Đối tượng TS tốt nghiệp THCS hoặc tương đương trở lên<br>- Hệ sơ cấp:<br>Đối tượng TS 15 tuổi trở lên, có trình độ học vấn và sức khỏe phù hợp với nghề cần học | TS liên tục trong năm |
| | Vận hành xe nâng hàng | | | 70 | | |
| | Vận hành cần trục | | | 25 | | |
| | Vận hành cầu trục | | | 15 | | |
| | Sửa chữa điện dân dụng | | | 25 | | |
| | Sửa chữa điện tử dân dụng | | | 25 | | |
| | Vận hành trạm điện | | | 25 | | |
| | Kỹ thuật lập trình vi điều khiển | | | 15 | | |
| | Kỹ thuật lập trình PLC | | | 45 | | |
| | Sửa chữa máy điện | | | 25 | | |
| | Nề hoàn thiện | | | 30 | | |
| | Điện nước | | | 25 | | |
| | Kỹ thuật xây dựng mỏ hầm lò | | | 25 | | |
| | Vận hành máy sàng tuyển | | | 30 | | |
| | Vận hành băng tải | | | 35 | | |
| | Vận hành bơm - ép - quạt | | | 25 | | |
| | Vận hành tời trục | | | 20 | | |
| | Vận hành máy xúc mỏ hầm lò | | | 20 | | |
| | Vận hành tàu điện mỏ hầm lò | | | 20 | - Hệ cao đẳng:<br>+ Xét tuyển theo học bạ;<br>+ Đối tượng TS tốt nghiệp THPT hoặc tương đương; | |
| | Sửa chữa máy tính phần cứng | | | 25 | | |
| | Thiết kế trang Web | | | 15 | | |
| | Thiết kế đồ họa | | | 15 | - Hệ trung cấp:<br>+ Xét tuyển theo học bạ;<br>+ Đối tượng TS tốt nghiệp THCS hoặc tương đương trở lên.<br>- Hệ sơ cấp:<br>Đối tượng TS 15 tuổi trở lên, có trình độ học vấn và sức khỏe phù hợp với nghề cần học. | |
| | Kế toán doanh nghiệp sản xuất | | | 40 | | |
| | Kỹ thuật chế biến món ăn | | | 25 | | |
| | Phay - bào | | | 25 | | |
| | Mộc xây dựng | | | 15 | | |
| | Kỹ thuật cơ điện mỏ hầm lò | | | 15 | | |
| | Vận hành máng cào | | | 15 | | |
| | Hàn khí | | | 30 | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Cao đẳng | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| 145 | **Trường Cao đẳng Nông lâm Đông Bắc**<br>Mã trường: CDT1704<br>Địa chỉ: Số 607, đường Mạc Đăng Dung, phường Minh Thành, thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh<br>Điện thoại: 0203.3873.009; 0203.3873.393<br>Website: afcdongbac.edu.vn<br>Email: trungtamtuyensinh.afc@gmail.com | | | | | |
| | Lâm nghiệp | 20 | 20 | | Xét tuyển học bạ | Trong năm học |
| | Quản lý tài nguyên rừng | 20 | 30 | | | |
| | Quản lý tài nguyên và môi trường | | 30 | | | |
| | Quản lý đất đai | 20 | 30 | | | |
| | Kế toán doanh nghiệp | 20 | 50 | | | |
| | Kinh doanh thương mại và dịch vụ | | 50 | | | |
| | Kỹ thuật chế biến món ăn | | 90 | 35 | | |
| | Chăn nuôi | 30 | | | | |
| | Dịch vụ thú y | 50 | | | | |
| | Chăn nuôi - thú y | | 120 | | | |
| | Khoa học cây trồng | 20 | | | | |
| | Khuyến nông lâm | | 30 | | | |
| | Phát triển nông thôn | 20 | | | | |
| | Trồng trọt và bảo vệ thực vật | | 120 | | | |
| | Công nghệ sinh học | | 60 | | | |
| | Tin học ứng dụng | | 90 | | | |
| | Gia công và thiết kế sản phẩm mộc | | 30 | | | |
| | Chăn nuôi gia súc gia cầm | | | 35 | | |
| | Nuôi ong mật | | | 35 | | |
| | Trồng rau an toàn | | | 70 | | |
| | Trồng hoa thời vụ | | | 35 | | |
| 146 | **Trường Cao đẳng Việt - Hàn Quảng Ninh**<br>Mã trường:<br>Địa chỉ: Khu 5, thị trấn Trới, huyện Hoành Bồ, tỉnh Quảng Ninh<br>Điện thoại: 02033.858.988<br>Website: www.caodangviethanqn.edu.vn<br>Email: tuyensinhvhqn@gmail.com | | | | | |
| | Cắt gọt kim loại | 35 | 35 | | Xét tuyển | Tháng 2/2018 |
| | Hàn | 35 | 35 | | | |
| | Công nghệ ô tô | 35 | 35 | | | |
| | Điện tử công nghiệp | 35 | 35 | | | |
| | Điện công nghiệp | 35 | 35 | | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Cao đẳng | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| | Kỹ thuật chế biến món ăn | | 35 | | Xét tuyển | Tháng 2/2018 |
| | Kỹ thuật khai thác mỏ hầm lò | | 200 | | | |
| | Kỹ thuật xây dựng mỏ hầm lò | | 150 | | | |
| | Kỹ thuật cơ điện mỏ hầm lò | | 100 | | | |
| | Lắp đặt, vận hành và sửa chữa bơm, quạt và máy nén khí | | 35 | | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Cao đẳng | | Trung cấp | | | |
| | | Chính quy | Liên thông | Tốt nghiệp THPT | Tốt nghiệp THCS | | |
| 147 | **Trường Cao đẳng Nghề Xây dựng**<br>Mã trường: CDT1702<br>Địa chỉ: Số 206 - Đường Bạch Đằng - Phường Nam Khê - Tp. Uông Bí - Tỉnh Quảng Ninh<br>Điện thoại: (0203) 3850.373 Fax: (0203) 3850.755<br>Website: caodangnghexaydung.edu.vn Email: caodangnghexd@gmail.com<br>Điện thoại CBTS: (0203) 3852 982; Email CBTS: lythuhien78@gmail.com | | | | | | |
| | Kỹ thuật xây dựng | 10 | | | | Xét tuyển | Từ tháng 01/2018 đến tháng 12/2018 |
| | Trắc địa công trình | 10 | | | | | |
| | Điện công nghiệp | 10 | | | | | |
| | Điện dân dụng | 10 | | | | | |
| | Cấp thoát nước | 10 | | | | | |
| | Kỹ thuật xây dựng | | | 20 | 30 | | |
| | Trắc địa công trình | | | 30 | | | |
| | Điện công nghiệp | | | 20 | 30 | | |
| | Điện dân dụng | | | 30 | 70 | | |
| | Cấp thoát nước | | | 30 | 70 | | |
| | Hàn | | | | 20 | | |
| | Cốt thép - hàn | | | 20 | 30 | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Cao đẳng | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| 148 | **Trường Cao đẳng Giao thông**<br>Địa chỉ: Cơ sở 1: Tổ 7, khu1, phường Hà Khẩu, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh;<br>Cơ sở 2: Số 767, Nguyễn Văn Cừ, phường Hồng Hà, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh<br>Điện thoại: phòng TCHC 0203.3846.240; phòng Đào tạo 0203.3653.064<br>Website: vceet.edu.vn | | | | | |
| | Công nghệ ô tô | 30 | 30 | 35 | Xét tuyển | |
| | Điện công nghiệp | 30 | 30 | | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Cao đẳng | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| | Hàn | 30 | 30 | 35 | Xét tuyển | |
| | Công nghệ thông tin (ứng dụng phần mềm) | 30 | 30 | | | |
| | Kế toán doanh nghiệp | 50 | | | | |
| | Điện dân dụng | | 30 | 35 | | |
| | Điện tử công nghiệp | | 30 | | | |
| | Công nghệ chế tạo vỏ tàu thủy | | 30 | | | |
| | Cấp, thoát nước | | 30 | | | |
| | Kỹ thuật xây dựng | | 30 | | | |
| | Điều khiển phương tiện thủy nội địa | | 70 | | | |
| | Hướng dẫn du lịch | 30 | 60 | | | |
| | Quản trị khách sạn | 30 | 30 | | | |
| | Kỹ thuật chế biến món ăn | | 70 | | | |
| | Sửa chữa máy nông nghiệp | | | 35 | | |
| | Sửa chữa điện lạnh | | | 35 | | |
| | Vận hành cẩu lốp | | | 35 | | |
| | Vận hành máy xúc đào | | | 50 | | |
| | Vận hành máy nâng chuyển | | | 65 | | |
| | Lái xe ô tô hạng B1 | | | 120 | | |
| | Lái xe ô tô hạng B2 | | | 1.080 | | |
| | Lái xe ô tô hạng C | | | 345 | | |
| | Nề hoàn thiện | | | 35 | | |
| | Lắp đặt đường ống nước | | | 35 | | |
| 149 | **Trường Cao đẳng Y tế Quảng Ninh**<br>Mã trường: CYQ<br>Địa chỉ: Phường Hồng Hải, Tp. Hạ Long, Quảng Ninh<br>Điện thoại: 0203 3820865<br>Website: cdytquangninh.edu.vn<br>Email: phongdaotao.cyq@moet.edu.vn | | | | | |
| | Điều dưỡng | 200 | 50 | | Xét tuyển | Liên tục |
| | Dược | 200 | 30 | | | |
| | Y sĩ | | 30 | | | |
| | **BẮC GIANG** | | | | | |
| 150 | **Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghiệp**<br>Mã trường: CDT1801<br>Địa chỉ: Cở sở 1: Số 202, Trần Nguyên Hãn, Tp. Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang<br>Cơ sở 2: Xã Tân Dĩnh, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.<br>Điện thoại: (0204) 3851965; 3826112<br>Website:www.bcit.edu.vn<br>Email: contact@bcit.edu.vn; tuyensinh@bcit.edu.vn | | | | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Cao đẳng | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| | Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử | 200 | | | Xét tuyển (Dựa vào kết quả kỳ thi THPT quốc gia 2018; Dựa vào kết quả học tập năm cuối bậc THPT) | Từ 01/01/2018 đến 31/12/2018 |
| | Công nghệ kỹ thuật điều khiển & tự động hoá | 50 | | | | |
| | Công nghệ kỹ thuật cơ khí | 50 | | | | |
| | Kế toán | 70 | | | | |
| | Tài chính - ngân hàng | 50 | | | | |
| | Quản trị kinh doanh | 50 | | | | |
| | Công nghệ kỹ thuật ôtô | 50 | | | | |
| | Công nghệ thông tin | 50 | | | | |
| | Công nghệ kỹ thuật xây dựng | 30 | | | | |
| | Công nghệ kỹ thuật hoá học | 30 | | | | |
| | Công nghệ kỹ thuật môi trường | 30 | | | | |
| | Điện công nghiệp | 80 | | | | |
| | Điện tử dân dụng | 80 | | | | |
| | Điện tử công nghiệp | 150 | | | | |
| | Kỹ thuật sửa chữa lắp ráp máy tính | 50 | | | | |
| | Hàn | 50 | | | | |
| | Cắt gọt kim loại | 30 | | | | |
| | Công nghệ ôtô | 50 | | | | |
| | Nguội sửa chữa máy công cụ | 30 | | | | |
| | May thời trang | 50 | | | | |
| | Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí | 50 | | | | |
| | Thương mại điện tử | 50 | | | | |
| | Kế toán doanh nghiệp | | 60 | 50 | Xét tuyển (Dựa vào kết quả thi THPT quốc gia 2018; Dựa vào kết quả học tập năm cuối bậc THPT hoặc năm cuối bậc THCS) | |
| | Tài chính - ngân hàng | | 30 | | | |
| | Quản lý và kinh doanh nông nghiệp | | 30 | 30 | | |
| | Kế toán hành chính sự nghiệp | | 30 | | | |
| | Thương mại điện tử | | 50 | 50 | | |
| | Tin học ứng dụng | | 60 | 150 | | |
| | Công nghệ thông tin (ứng dụng phần mềm); | | 80 | 80 | | |
| | Cơ khí chế tạo | | 30 | | | |
| | Chăn nuôi - thú y | | 50 | 150 | | |
| | Cơ khí động lực | | 30 | | | |
| | Bảo trì và sửa chữa thiết bị cơ khí | | 30 | | | |
| | Truyền thông và mạng máy tính | | 50 | 50 | | |
| | Công nghệ kỹ thuật điện tử - truyền thông | | 50 | | | |
| | Công nghệ kỹ thuật điều khiển tự động | | 50 | | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Cao đẳng | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| | Điện công nghiệp | | 150 | 200 | Xét tuyển (Dựa vào kết quả thi THPT quốc gia 2018; Dựa vào kết quả học tập năm cuối bậc THPT hoặc năm cuối bậc THCS) | Từ 01/01/2018 đến 31/12/2018 |
| | Điện công nghiệp và dân dụng | | 60 | 50 | | |
| | Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử | | 30 | | | |
| | Điện tử dân dụng | | 80 | 200 | | |
| | Điện tử công nghiệp | | 120 | 80 | | |
| | Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí | | 60 | 350 | | |
| | Kỹ thuật sửa chữa lắp ráp máy tính | | 50 | 50 | | |
| | Hàn | | 30 | 100 | | |
| | Cắt gọt kim loại | | 30 | 80 | | |
| | Công nghệ ôtô | | 50 | 100 | | |
| | Nguội sửa chữa máy công cụ | | 30 | 50 | | |
| | May thời trang | | 80 | 200 | | |
| 151 | **Trường Cao đẳng Nghề Công nghệ Việt - Hàn Bắc Giang**<br>Mã trường: CDD1802<br>Địa chỉ: Xã Dĩnh Trì, Tp. Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang<br>Điện thoại: 0204 3686 998<br>Website: http//vktech.edu.vn<br>Email: caodangviethan@bacgiang.gov.vn | | | | | |
| | Điện công nghiệp | 150 | 120 | 100 | Xét tuyển theo học bạ | Tháng 1 đến 12-2018 |
| | Điện tử công nghiệp | 145 | 150 | 100 | | |
| | Cắt gọt kim loại | 60 | 30 | 60 | | |
| | Công nghệ ô tô | 95 | 60 | 60 | | |
| | Công nghệ thông tin (UDPM) | 150 | 60 | 0 | | |
| | Nguội sửa chữa máy công cụ | 30 | 0 | 0 | | |
| | Kỹ thuật lắp đặt điện và điều khiển trong công nghiệp | 30 | 0 | 0 | | |
| | Cơ điện tử | 25 | 25 | 30 | | |
| | Quản trị mạng máy tính | 25 | 25 | 0 | | |
| | Hàn | 55 | 55 | 60 | | |
| | Thiết kế đồ họa | 0 | 25 | 0 | | |
| | Thiết kế trang web | 0 | 25 | 0 | | |
| | May thời trang | 20 | 120 | 60 | | |
| | Kỹ thuật máy lạnh và điều hoà không khí | 25 | 30 | 30 | | |
| **BẮC TRUNG BỘ VÀ DUYÊN HẢI MIỀN TRUNG** | | | | | | |
| **THANH HÓA** | | | | | | |
| 152 | **Trường Cao đẳng Nghề Công nghiệp Thanh Hóa**<br>Mã trường: CDD2801<br>Địa chỉ: Số 64 - đường Đình Hương - Phường Đông Cương - Thành phố Thanh Hoá<br>Điện thoại: (0237)3960182<br>Website: Thanhhoavci.edu.vn<br>Email: thvci.edu@gmail.com | | | | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Cao đẳng | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| | Công nghệ ô tô | 180 | 120 | 20 | Xét tuyển học bạ | Vào đầu tháng 3 và tháng 9 hàng năm |
| | Điện công nghiệp | 120 | 110 | 20 | | |
| | Điện tử công nghiệp | 40 | 30 | 20 | | |
| | Kỹ thuật máy lạnh và điều hoà không khí | 170 | 140 | 20 | | |
| | Điện nước | 0 | 80 | 20 | | |
| | Hàn | 120 | 100 | 20 | | |
| | Cắt gọt kim loại | 30 | 30 | 15 | | |
| | Nguội lắp ráp cơ khí | 0 | 30 | 15 | | |
| | Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính | 30 | 30 | 15 | | |
| | Công nghệ thông tin (ứng dụng phần mềm) | 30 | 30 | 15 | | |
| | May thời trang | 0 | 80 | 20 | | |
| 153 | **Trường Cao đẳng Nghề Nghi Sơn**<br>Mã trường: CDD2809<br>Địa chỉ: TK 4. Thị trấn Tĩnh Gia - Thanh Hóa<br>Điện thoại: 02378717566<br>Website: cdns.edu.vn<br>Email: Daotao.nghison@gmail.com | | | | | |
| | Điện công nghiệp | 60 | 150 | | Xét tuyển | Liên tục |
| | Kỹ thuật máy lạnh & điều hòa không khí | 40 | 70 | 25 | | |
| | Hàn | 40 | 70 | 25 | | |
| | Công nghệ ô tô | 30 | 60 | | | |
| | May thời trang | 30 | 200 | | | |
| | Kế toán | | 30 | | | |
| | Điện dân dụng | | | 45 | | |
| | Cốp pha - giàn giáo | | | 25 | | |
| | May công nghiệp | | | 30 | | |
| 154 | **Trường Cao đẳng Nghề Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn Thanh Hóa**<br>Mã trường: CDD 2806<br>Địa chỉ: Cơ sở 1: Số 104 đường Bạch đằng, p. Quảng Hưng- Tp. Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.<br>Cơ sở 2: Số 579 Quang Trung II, P Đông vệ - Tp. Thanh Hóa.<br>Điện thoại: Cơ sở 1: 02373.911453; Cơ sở 2: 02373950030;<br>Website: vcathanh hoa.edu.vn<br>Email: cdnnnptnt@thanhhoa.gov.vn | | | | | |
| | Quản lý khai thác công trình thủy lợi | 25 | 45 | 30 | Xét tuyển theo học bạ | Tháng 01 đến tháng 12/2018 |
| | Điện công nghiệp | 25 | 60 | | | |
| | Kế toán doanh nghiệp | 30 | 45 | | | |
| | Khai thác, đánh bắt hải sản | 20 | | | | |
| | Khai thác máy tàu thủy | 20 | 45 | 25 | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Cao đẳng | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| | Nuôi trồng thủy sản nước mặn, lợ | | 20 | | Xét tuyển theo học bạ | Tháng 01 đến tháng 12/2018 |
| | Điều khiển tàu biển | | 30 | 70 | | |
| | Chế biến và bảo quản thủy sản | | 20 | 70 | | |
| | Thú y | | 35 | 70 | | |
| | Trồng rau an toàn | | | 35 | | |
| | Vận hành và sửa chữa trạm bơm điện | | | 35 | | |
| | Điện dân dụng | | | 25 | Xét tuyển | |
| | Hàn điện | | | 25 | | |
| | Nuôi tôm sú | | | 25 | | |
| | Nuôi cá nước ngọt trong ao | | | 35 | | |
| | Nuôi cá lồng bè nước ngọt | | | 35 | | |
| | Chẩn đoán nhanh bệnh động vật thủy sản | | | 35 | | |
| 155 | **Trường Cao đẳng Y tế Thanh Hóa**<br>Mã trường: CDD2807<br>Địa chỉ: 177 Hải Thượng Lãn Ông, Phường Đông Vệ, Tp. Thanh Hóa<br>Điện thoại: 02373.951.081<br>Website: cyt.edu.vn<br>Email: pdtcaodangyth@gmail.com | | | | | |
| | Điều dưỡng | 550 | 50 | | Xét tuyển điểm THPT Quốc Gia năm 2018 hoặc Học bạ lớp 12 | Từ 01/03/2018 đến 31/12/2018 |
| | Hộ sinh | 50 | | | | |
| | Kỹ thuật xét nghiệm Y học | 50 | 50 | | | |
| | Kỹ thuật Hình ảnh Y học | 50 | | | | |
| | Dược | 500 | 50 | | | |
| 156 | **Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Công thương**<br>Mã trường: CDT2801<br>Địa chỉ: 569 Quang Trung 3, phường Đông Vệ, Thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa<br>Điện thoại: 02373.952.065<br>Website: cdktktct.edu.vn<br>Email:caodangktktct@gmail.com | | | | | |
| | Kế toán | 100 | | | Xét tuyển học bạ hoặc Xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi THPT Quốc gia | Tuyển sinh liên tục trong năm |
| | Quản trị kinh doanh | 100 | | | | |
| | Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành | 100 | | | | |
| | Kế toán doanh nghiệp | | 270 | | Xét tuyển học bạ | |
| | Kỹ thuật chế biến món ăn | | 210 | | | |
| | Nghiệp vụ nhà hàng, khách sạn | | 120 | | | |
| | Quản lý và bán hàng siêu thị | | 30 | | | |
| | Hướng dẫn du lịch | | 70 | | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Cao đẳng | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| | Kinh doanh xăng dầu và khí đốt | | 30 | | Xét tuyển học bạ | Tuyển sinh liên tục trong năm |
| | Kinh doanh thương mại và dịch vụ | | 60 | | | |
| | Quản lý doanh nghiệp | | 30 | | | |
| | Điện công nghiệp | | 30 | | | |
| | Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí | | 60 | | | |
| | Nghiệp vụ kinh doanh xăng dầu | | | 90 | Xét tuyển đối với thí sinh từ 15 tuổi trở lên có trình độ học vấn và sức khỏe phù hợp với nghề | |
| | Kỹ thuật chế biến món ăn | | | 70 | | |
| | Nghiệp vụ nhà hàng | | | 70 | | |
| | Nghiệp vụ pha chế đồ uống | | | 70 | | |
| | Nghiệp vụ buồng | | | 70 | | |
| | Nghiệp vụ lễ tân | | | 70 | | |
| | Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí | | | 70 | | |
| | Bán hàng siêu thị | | | 70 | | |
| 157 | **Trường Cao đẳng Tài nguyên và Môi trường miền Trung**<br>Mã trường: CDT2802<br>Địa chỉ: 04 Trần Phú - Ba Đình - TX Bỉm Sơn - Thanh Hóa<br>Điện thoại: 02373 824 252<br>Website: http://cmm.edu.vn<br>Email: caodangmt@yahoo.com | | | | | |
| | Quản lý đất đai | 50 | 50 | | Xét tuyển học bạ | 1/8/2018 đến 30/11/2018 |
| | Công nghệ kỹ thuật trắc địa | 50 | | | | |
| | Công nghệ kỹ thuật môi trường | 50 | 50 | | | |
| | Trắc địa - địa hình - địa chính | | 50 | 50 | | |
| | Kế toán doanh nghiệp | 50 | 40 | | | |
| | Khí tượng | | 20 | | | |
| | Thủy Văn | | 20 | | | |
| | Khai thác mỏ | | 20 | | | |
| 158 | **Trường Cao đẳng Nông lâm Thanh Hóa**<br>Mã trường: CNL<br>Địa chỉ: Km 16, Quốc lộ 47, xã Dân Quyền, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa<br>Điện thoại: Phòng Đào tạo: 02373569211; Phòng Tổ Chức - Hành chính: 02373569159<br>Website: cdnonglam.edu.vn<br>Email: cdnonglam@thanhhoa.edu.vn | | | | | |
| | Khoa học cây trồng | 20 | | | Xét tuyển | 3/2018 - 12/2018 |
| | Bảo vệ thực vật | 20 | | 50 | | |
| | Chăn nuôi | 20 | | | | |
| | Dịch dụ thú y | 50 | | | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Cao đẳng | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| | Quản trị doanh nghiệp vừa và nhỏ | 20 | | | Xét tuyển | 3/2018 - 12/2018 |
| | Kế toán doanh nghiệp | 20 | 15 | | | |
| | Lâm nghiệp | 20 | 25 | | | |
| | Lâm nghiệp đô thị | 20 | | | | |
| | Công nghệ thông tin | 20 | 40 | | | |
| | Trồng trọt - bảo vệ thực vật | | 130 | | | |
| | Chăn nuôi thú y | | 140 | | | |
| | Thú y | | | 50 | | |
| | Kỹ thuật trồng cây có múi | | | 50 | | |
| | Kỹ thuật trồng cây dược liệu | | | 50 | | |
| | Kỹ thuật trồng lúa năng suất cao | | | 50 | | |
| | Kỹ thuật trồng rau an toàn | | | 50 | | |
| | Kỹ thuật trồng tre lấy măng | | | 35 | | |
| | Nuôi và phòng trị bệnh cho gà | | | 50 | | |
| | Nuôi và phòng trị bệnh cho lợn | | | 50 | | |
| | Nuôi và phòng trị bệnh cho trâu, bò | | | 50 | | |
| | Sản xuất kinh doanh giống cây lâm nghiệp | | | 35 | | |
| | Trồng cây lâm sản ngoài gỗ | | | 30 | | |
| | Nuôi dê, thỏ | | | 50 | | |
| 159 | **Trường Cao đẳng Y dược Hợp Lực**<br>Mã trường: CDD2810<br>Địa chỉ: số 595 đường Nguyễn Chí Thanh, phường Đông Thọ, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa<br>Điện thoại: 02373 858 848; 091 431 1808<br>Website: www.hoplucgroup.com.vn<br>Email: tchopluc@thanhhoa.edu.vn | | | | | |
| | Điều dưỡng | 100 | 50 | 0 | Xét tuyển | Liên tục cả năm |
| | Dược sỹ | 100 | 100 | 0 | | |
| | Y sỹ | 0 | 50 | 0 | | |
| 160 | **Trường Cao đẳng Nghề Kinh tế - Công nghệ VICET**<br>Mã trường: 2807<br>Địa chỉ: Phố Thành Yên - Phường Quảng Thành - Thành phố Thanh Hóa - tỉnh Thanh Hóa<br>Điện thoại: 02373.853.734; 0936.242.456<br>Website: htpp://www.vicet.vn<br>Email: info@vistco.com; nguyenvannamqla4@gmail.com; | | | | | |
| | Công nghệ ô tô | 30 | 35 | 90 | Xét tuyển học bạ | Vào đầu tháng 3 và tháng 9 hàng năm |
| | Kỹ thuật chế biến món ăn | 30 | 35 | 90 | | |
| | Kế toán doanh nghiệp | 40 | 35 | | | |
| | Công nghệ thông tin | 50 | | 90 | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Cao đẳng | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| | Sửa chữa điện và điện lạnh ô tô | | | 90 | Xét tuyển học bạ | Vào đầu tháng 3 và tháng 9 hàng năm |
| | Kỹ thuật trồng mía | | | 90 | | |
| | Kỹ thuật trồng nấm | | | 90 | | |
| | Chăn nuôi gia súc | | | 90 | | |
| | Chăn nuôi gia cầm | | | 90 | | |
| | Kỹ thuật trồng lúa chất lượng cao | | | 90 | | |
| **NGHỆ AN** | | | | | | |
| 161 | **Trường Cao đẳng Giao thông Vận tải Trung ương IV**<br>Mã trường: CDT2901<br>Địa chỉ: xã Nghi Liên, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An<br>Điện thoại: 03283.851270<br>Website: www.gtvttw4.edu.vn<br>Email: cd@gtvtmt.edu.vn | | | | | |
| | Xây dựng cầu đường bộ | 30 | 30 | | Xét tuyển theo học bạ | Tuyển sinh liên tục trong năm 2018 |
| | Công nghệ kỹ thuật xây dựng | 20 | | | | |
| | Công nghệ ô tô | 30 | 30 | | | |
| | Hàn | 30 | 50 | | | |
| | Kế toán doanh nghiệp | 20 | 50 | | | |
| | Lắp đặt cầu | | 20 | | | |
| | Kỹ thuật xây dựng | | 20 | | | |
| | Thí nghiệm kiểm tra chất lượng cầu đường bộ | | 20 | | | |
| | Điện công nghiệp | | 80 | | | |
| | Vận hành máy thi công nền | | 30 | | | |
| | Vận hành cần, cầu trục | | 20 | | | |
| | Vận hành máy xúc | | | 80 | | |
| | Vận hành cần cẩu, máy nâng | | | 30 | | |
| | Sắt hàn | | | 30 | | |
| | Duy tu, bảo dưỡng đường bộ | | | 30 | | |
| | Trắc địa công trình | | | 20 | | |
| | Thí nghiệm vật liệu xây dựng | | | 20 | | |
| 162 | **Trường Cao đẳng Việt - Đức Nghệ An**<br>Mã trường: CDD2901<br>Địa chỉ: Số 315 Lê Duẩn, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An<br>Điện thoại: 0238.3568264<br>Website: www.cdvdna.edu.vn<br>Email: cdvdna@gmail.com | | | | | |
| | Điện công nghiệp | 80 | 100 | | Xét tuyển (theo học bạ) | Nhận Hồ sơ từ tháng 04/2018 đến hết tháng 10/2018 |
| | Hàn | 40 | 150 | | | |
| | Công nghệ ô tô | 70 | 40 | | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Cao đẳng | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| | Kỹ thuật xây dựng | 25 | 25 | | Xét tuyển (theo học bạ) | Nhận Hồ sơ từ tháng 04/2018 đến hết tháng 10/2018 |
| | Kế toán doanh nghiệp | 25 | | | | |
| | Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí | | 110 | | | |
| | Vận hành máy thi công nền | | 20 | | | |
| | Điện - nước | | 30 | | | |
| | Tin học văn phòng | | 30 | | | |
| | Lái xe các hạng | | | 630 | | tất cả các tháng trong năm |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Cao đẳng | | Trung cấp | | | |
| | | Chính quy | Liên thông | Tốt nghiệp THPT | Tốt nghiệp THCS | | |
| 163 | **Trường Cao đẳng Hoan Châu**<br>Mã trường:NCL<br>Địa chỉ: xã Diễn Thành, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An<br>Điện thoại:(0238) 3623750; (0238) 8934242<br>Họ và tên Hiệu trưởng: Phạm Kim Thư<br>Website: hoanchau.edu.vn | | | | | | |
| | Kế toán | 140 | | 100 | | Xét tuyển | Liên tục trong năm |
| | Quản trị khách sạn | 35 | | 50 | | | |
| | Hướng dẫn du lịch | 35 | | 50 | | | |
| | Kế toán doanh nghiệp | 40 | | 50 | | | |
| | Quản trị doanh nghiệp vừa và nhỏ | 40 | | 50 | | | |
| | Công nghệ thông tin | 80 | | 50 | | | |
| | Tài chính ngân hàng | 105 | | 100 | | | |
| | Công nghệ thông tin (Ứng dụng phần mềm) | 40 | | 50 | | | |
| | Công nghệ ô tô | 100 | | 100 | | | |
| | Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí | 100 | | 100 | | | |
| | Điện công nghiệp | 100 | | 100 | | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Cao đẳng | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| 164 | **Trường Cao đẳng Văn hóa Nghệ thuật Nghệ An**<br>Mã trường: CDD2904<br>Địa chỉ: 35 Phùng Chí Kiên - Hưng Lộc - Thành phố Vinh - Nghệ An<br>Điện thoại: 02383.565.882; 02383.848.253; 0975571722; 0961173885; Fax: 02383.569.571<br>Website: http://www.vhna.edu.vn<br>Email: phongdaotao.cvv@moet.edu.vn | | | | | |
| | Quản lý văn hóa | 100 | | | Xét tuyển một trong hai phương án:<br>- Kết quả kỳ thi THPT Quốc gia của các tổ hợp môn: Toán, Lý, Hóa hoặc Toán, Lý, Anh hoặc Văn, Sử, Địa hoặc Toán, Văn, Ngoại ngữ.<br>- Xét học bạ THPT hoặc tương đương. | - Tuyển sinh trong cả nước<br>- Nhận hồ sơ thi tuyển, xét tuyển từ ngày:15/04/2018 đến ngày 15/11/2018. |
| | Khoa học thư viện | 100 | | | | |
| | Hướng dẫn viên du lịch | 90 | | | | |
| | Quản trị nhà hàng | 50 | | | | |
| | Quản trị khách sạn | 50 | | | | |
| | Quản trị lữ hành | 50 | | | | |
| | Kỹ thuật chế biến món ăn | 40 | | | | |
| | Biểu diễn nhạc cụ truyền thống | 20 | 20 | | * Trình độ CĐ:<br>- Xét môn Văn năm học lớp 12.<br>- Thi: Thẩm âm tiết tấu, khả năng sử dụng nhạc cụ truyền thống (hệ số 2).<br>* Trình độ TC:<br>- Thi: Thẩm âm tiết tấu, khả năng sử dụng nhạc cụ truyền thống (hệ số 2) | - Xét tuyển được thực hiện thành nhiều đợt, mỗi đợt cách nhau 20 ngày.<br>- Thi tuyển năng khiếu vào 5 đợt:<br>+ Đợt 1: từ ngày 15/07/2018 đến ngày 17/07/2018<br>+ Đợt 2: từ ngày 15/08/2018 đến ngày 17/08/2018<br>+ Đợt 3: từ ngày 15/09/2018 đến ngày 17/09/2018<br>+ Đợt 4: từ ngày 15/10/2018 đến ngày 17/10/2018<br>+ Đợt 5: từ ngày 15/11/2018 đến ngày 17/11/2018. |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Cao đẳng | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| | Biểu diễn nhạc cụ phương Tây | 20 | 20 | | * Trình độ CĐ:<br>- Xét môn văn năm học lớp 12<br>- Thi: Thẩm âm tiết tấu, khả năng sử dụng nhạc cụ phương Tây (hệ số 2)<br>* Trình độ TC:<br>Thi: Thẩm âm tiết tấu, khả năng sử dụng nhạc cụ phương Tây (hệ số 2) | |
| | Thanh nhạc | 25 | 20 | | * Trình độ CĐ:<br>- Xét môn văn năm học lớp 12<br>- Thi: Thẩm âm tiết tấu, thanh nhạc (hệ số 2)<br>* Trình độ TC:<br>Thi: Thẩm âm tiết tấu, thanh nhạc (hệ số 2) | |
| | Đồ họa | 30 | | | - Xét môn văn năm học lớp 12<br>- Thi: Vẽ màu, hình họa (hệ số 2) | |
| | Hội họa | 25 | 20 | | * Trình độ CĐ:<br>- Xét môn văn năm học lớp 12<br>- Thi: Vẽ màu, hình họa (hệ số 2)<br>* Trình độ TC:<br>Thi: Vẽ màu, hình họa (hệ số 2) | |
| | Sư phạm âm nhạc | 48 | | | - Xét môn văn năm học lớp 12<br>- Thi: Thẩm âm tiết tấu, thanh nhạc - nhạc cụ (hệ số 2) | |
| | Sư phạm âm nhạc (Chuyên ngành: Sư phạm Nhạc - Họa mầm non) | 40 | | | - Xét môn văn năm học lớp 12<br>- Thi: Hát, đọc - kể diễn cảm | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Cao đẳng | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| | Sư phạm mỹ thuật | 40 | | | - Xét môn văn năm học lớp 12<br>- Thi: Vẽ màu, hình họa (hệ số 2) | |
| | Nghệ thuật biểu diễn múa dân gian dân tộc | | 20 | | Thi: Năng khiếu múa (hệ số 2); thẩm âm tiết tấu (hệ số 1) | |
| | Nghệ thuật biểu diễn dân ca | | 20 | | Thi: Biểu diễn dân ca (hệ số 2); thẩm âm tiết tấu (hệ số 1) | |
| 165 | **Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghiệp Việt Nam - Hàn Quốc**<br>Mã trường: CDD2902<br>Địa chỉ: Đường Hồ Tông Thốc - Xã Nghi Phú - Tp. Vinh - tỉnh Nghệ An<br>Điện thoại: 02383 511454 02383 511 457<br>Website: www.vkc.edu.vn<br>Email: | | | | | |
| | Cắt gọt kim loại | 100 | 35 | 50 | Xét tuyển | Từ tháng 4/2018 đến tháng 11/2018 |
| | Công nghệ ô tô | 160 | 70 | | | |
| | Hàn | 65 | 75 | 50 | | |
| | Điện tử công nghiệp | 80 | 30 | 50 | | |
| | Cơ điện tử | 30 | | | | |
| | Điện công nghiệp | 165 | 50 | 50 | | |
| | Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí | 140 | 105 | 50 | | |
| | Kỹ thuật lắp đặt điện và điều khiển trong công nghiệp | 30 | | | | |
| | Quản trị mạng máy tính | 15 | | | | |
| | Tiếng Hàn Quốc | | 40 | | | |
| | Kỹ thuật làm bánh | | | 100 | | |
| 166 | **Trường Cao đẳng Nghề số 4 - Bộ Quốc Phòng**<br>Tên Tiếng Anh: Ministry of Defense Vocational Training College No.4<br>Mã trường: CĐT2905<br>Địa chỉ: Số 27 - Đường Hoàng Phan Thái - Nghi Phú, Tp. Vinh, Nghệ An<br>Điện thoại: 02383.517.913<br>Website: www.truong4bqp.edu.vn<br>Email: truong4.bqp@gmail.com | | | | | |
| | Công nghệ ô tô | 120 | 175 | 100 | Xét tuyển | Tuyển sinh liên tục trong năm, chia làm 2 đợt chính:<br>đợt 1: từ tháng 2 đến tháng 6.;<br>đợt 2: từ tháng 7 đến tháng 12. |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Cao đẳng | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| | Hàn | 50 | 190 | 150 | Xét tuyển | Tuyển sinh liên tục trong năm, chia làm 2 đợt chính:<br>đợt 1: từ tháng 2 đến tháng 6.;<br>đợt 2: từ tháng 7 đến tháng 12. |
| | Điện công nghiệp | 50 | 150 | 60 | | |
| | Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí | 50 | 170 | 60 | | |
| | Vận hành máy xây dựng | 0 | 290 | 100 | | |
| | Cắt gọt kim loại | 35 | 55 | 0 | | |
| | Kế toán doanh nghiệp | 50 | 40 | 0 | | |
| | Kỹ thuật Dược | 50 | 60 | | | |
| | Dược | 100 | | | | |
| | Điều dưỡng | 70 | | | | |
| | Vận hành máy nông nghiệp | 0 | 100 | 150 | | |
| | Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính | 0 | 30 | 40 | | |
| | Thiết kế và quản lý website | 0 | 30 | 40 | | |
| | Vẽ thiết kế mỹ thuật có trợ giúp bằng máy tính | 0 | 30 | 40 | | |
| | Thiết kế đồ họa | 0 | 0 | 30 | | |
| | Bảo trì và sửa chữa thiết bị cơ khí | 0 | 50 | 0 | | |
| | Lái xe ô tô các hạng B1, B2, C, D, E | | | 3.480 | | Tuyển sinh liên tục trong năm |
| 167 | **Trường Cao đẳng Việt - Anh**<br>Mã trường: Đang chờ cấp mã mới (mới được nâng cấp lên thành trường Cao đẳng từ trường trung cấp Việt Anh ngày 25/12/2017)<br>Địa chỉ: Số 2 - Nguyễn Chí Thanh - Quán Bàu - Tp. Vinh - Nghệ An<br>Điện thoại: 02383.515157<br>Website: vietanh.edu.vn | | | | | |
| | Dược sỹ | 280 | | | Xét tuyển | Từ tháng 02/2018 |
| | Điều dưỡng | 350 | | 100 | | |
| | Nữ hộ sinh | 220 | | | | |
| | Kỹ thuật xét nghiệm y học | 150 | | 100 | | |
| | Kế toán doanh nghiệp | | 50 | | | |
| | Văn thư lưu trữ | | 150 | | | |
| **HÀ TĨNH** | | | | | | |
| 168 | **Trường Cao đẳng Y tế Hà Tĩnh**<br>Mã trường: CDD3001<br>Địa chỉ: Đường Lê Hồng Phong - Phường Thạch Linh - Thành phố Hà Tĩnh<br>Điện thoại: 02393856829<br>Website: http://cdytehatinh.edu.vn/<br>Email: caodangytht@gmail.com | | | | | |
| | Điều dưỡng | 450 | | | Xét tuyển học bạ | Theo từng quý |
| | Hộ sinh | 200 | | | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Cao đẳng | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| | Dược | 350 | 50 | | Xét tuyển học bạ | Theo từng quý |
| | Y sĩ | | 150 | | | |
| | Tiếng Việt | | | 300 | | |
| | Nhân viên y tế thôn bản | | | 200 | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Cao đẳng | | Trung cấp | | | |
| | | Chính quy | Liên thông | Tốt nghiệp THPT | Tốt nghiệp THCS | | |
| 169 | **Trường Cao đẳng Công nghệ Hà Tĩnh**<br>Mã trường: CDT3001<br>Địa chỉ: 162 Trần Phú - Thành phố Hà Tĩnh - Hà Tĩnh<br>Điện thoại: 0239 3608 315 Fax: 02393 690 023<br>Hiệu trưởng: Nguyễn Trọng Tấn Điện thoại: 0913 539 554<br>Website: http://www.htvtc.edu.vn Email: cdncnhatinh@gmail.com | | | | | | |
| | Điện công nghiệp | 25 | | 75 | 100 | Xét tuyển | Liên tục trong năm |
| | Cơ điện tử | 25 | | 30 | 45 | | |
| | Kỹ thuật máy lạnh & điều hòa không khí | 25 | | 25 | 25 | | |
| | Hàn | 25 | | 50 | 100 | | |
| | Công nghệ ô tô | 25 | | 25 | 25 | | |
| | Kỹ thuật chế biến món ăn | | | 100 | 200 | | |
| | Vận hành máy thi công nền | | | 50 | 50 | | |
| | May thời trang | | | 25 | 50 | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Cao đẳng | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| 170 | **Trường Cao đẳng Kỹ thuật Việt - Đức Hà Tĩnh**<br>Mã trường: CDD 3003<br>Địa chỉ: đường Nguyễn Công Trứ, P. Nguyễn Du, Tp. Hà Tĩnh, Hà Tĩnh<br>Điện thoại: 02393 896888; 02393896889<br>Website: http://caodangnghevdht.edu.vn<br>Email: infovdht@gmail.com | | | | | |
| | Điện công nghiệp | 100 | 85 | 0 | Xét tuyển | Liên tục trong năm |
| | Điện tử công nghiệp | 35 | 0 | 0 | | |
| | Kỹ thuật máy lạnh & điều hòa không khí | 60 | 30 | 0 | | |
| | Hàn | 60 | 80 | 35 | | |
| | Chế tạo thiết bị cơ khí | 40 | 60 | 0 | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Cao đẳng | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| | Cơ khí chế tạo máy (Cắt gọt kim loại) | 35 | 40 | 35 | Xét tuyển | Liên tục trong năm |
| | Công nghệ ô tô | 70 | 100 | 35 | | |
| | Kế toán doanh nghiệp | 80 | 35 | 0 | | |
| | Quản trị mạng máy tính | 35 | 0 | 0 | | |
| | Kỹ thuật sửa chữa lắp ráp máy tính | 0 | 30 | 0 | | |
| | Công nghệ thông tin (Ứng dụng phần mềm) | 30 | 60 | 0 | | |
| | Chăm sóc sắc đẹp | 0 | 120 | 0 | | |
| | Điện dân dụng | 0 | 0 | 35 | | |
| | Sửa chữa điện thoại di động | 0 | 0 | 35 | | |
| | Vận hành và sửa chữa máy nông nghiệp | 0 | 0 | 35 | | |
| | Điện ô tô | 0 | 0 | 35 | | |
| | Sửa chữa bảo dưỡng điện lạnh tô | 0 | 0 | 35 | | |
| | Thiết kế đồ họa | 0 | 0 | 25 | | |
| | Quản trị doanh nghiệp vừa và nhỏ | 0 | 0 | 35 | | |
| | Sửa chữa quạt, động cơ điện và ổn áp | 0 | 0 | 35 | | |
| 171 | **Trường Cao đẳng Văn hóa, Thể thao và Du lịch Nguyễn Du**<br>Mã trường: CDD3002<br>Địa chỉ: số 12, đường Hoàng Xuân Hãn, phường Đại Nài, Tp. Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh<br>Điện thoại: 02393 885 480<br>Website: http://caodangnguyendu.edu.vn; Email: vhttdlnguyendu.cvh@moet.edu.vn | | | | | |
| | Thanh nhạc | 30 | | | Xét điểm Ngữ văn lớp 12 + sơ tuyển năng khiếu | - Đợt 1: Tháng 8/2018;<br>- Đợt 2: Tháng 10/2018;<br>- Đợt 3: Tháng 12/2018.<br>- Đợt 4: Tháng 3/2019 |
| | Thanh nhạc | | 45 | | Xét điểm Ngữ văn lớp 9 hoặc lớp 12 + sơ tuyển môn năng khiếu | |
| | Hội họa | 15 | | | Xét điểm Ngữ văn lớp 12 + sơ tuyển năng khiếu | |
| | Hội họa | | 60 | | Xét điểm Ngữ văn lớp 9 hoặc lớp 12 + sơ tuyển môn năng khiếu | |
| | Quản lý văn hóa | 15 | | | Xét điểm Ngữ văn lớp 12 + thi năng khiếu | |
| | Hướng dẫn du lịch | 30 | | | Xét điểm học bạ THPT | |
| | Hướng dẫn du lịch | | 35 | | Xét điểm học bạ THCS hoặc THPT | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Cao đẳng | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| | Kỹ thuật chế biến món ăn | 30 | | | Xét điểm học bạ THPT | - Đợt 1: Tháng 8/2018;<br>- Đợt 2: Tháng 10/2018;<br>- Đợt 3: Tháng 12/2018.<br>- Đợt 4: Tháng 3/2019 |
| | Kỹ thuật chế biến món ăn | | 35 | | Xét điểm học bạ THPT hoặc THCS | |
| | Quản trị khách sạn | 30 | | | Xét điểm học bạ THPT | |
| | Quản trị khách sạn | | 30 | | Xét điểm học bạ THPT hoặc THCS | |
| | Biểu diễn nhạc cụ truyền thống | | 15 | | Xét điểm học bạ THCS | |
| | Biểu diễn nhạc cụ phương Tây | | 45 | | Xét điểm học bạ THCS + Sơ tuyển năng khiếu | |
| | Nghệ thuật biểu diễn dân ca | | 30 | | | |
| | Nghệ thuật biểu diễn múa dân gian dân tộc | | 15 | | | |
| | Thiết kế đồ họa | | 60 | | Xét điểm học bạ THCS | |
| | Nghiệp vụ Lễ tân | | 30 | | Xét điểm học bạ THPT hoặc THCS | |
| | Nghiệp vụ nhà hàng khách sạn | | 90 | | | |
| **QUẢNG BÌNH** | | | | | | |
| 172 | **Trường Cao đẳng Nghề Quảng Bình**<br>Mã trường: CCD3101<br>Địa chỉ: TDP 1, phường Bắc Lý, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.<br>Điện thoại: 0232.3838 204; 0232.3838 204;<br>Website:caodangquangbinh.edu.vn;<br>Email: phongtuyensinh.cdn@gmail.com | | | | | |
| | Điện công nghiệp | 20 | 30 | | Xét tuyển học bạ | Liên tục trong năm |
| | Điện tử công nghiệp | 20 | 30 | | | |
| | Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí | 20 | 30 | | | |
| | Cắt gọt kim loại | 15 | 20 | | | |
| | Hàn | 15 | 20 | | | |
| | Công nghệ ô tô | 20 | 30 | | | |
| | Kỹ thuật xây dựng | 20 | 20 | 90 | | |
| | May thời trang | 20 | 30 | | | |
| | Hướng dẫn du lịch | 20 | 30 | | | |
| | Kỹ thuật chế biến món ăn | 30 | 30 | 120 | | |
| | Vận hành máy thi công nền | | 30 | 60 | | |
| | Điện dân dụng | | | 90 | | |
| | Sữa chữa, bão trì tủ lạnh và điều hòa nhiệt độ | | | 60 | | |
| | Sửa chữa máy nông nghiệp | | | 90 | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Cao đẳng | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| | Sửa chữa máy tàu thuyền | | | 90 | Xét tuyển học bạ | Liên tục trong năm |
| | Điện tử dân dụng | | | 60 | | |
| | May công nghiệp | | | 280 | | |
| | Hàn điện | | | 60 | | |
| | Lái xe ô tô hạng B, C | | | 1700 | | |
| 173 | **Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công - Nông nghiệp Quảng Bình**<br>Mã trường: CDD3102<br>Địa chỉ: Số 01 - Trần Nhật Duật - Đức Ninh - Đồng Hới - Quảng Bình<br>Số điện thoại: 02323 837417 Fax: 02323 839 022<br>Website: www.ktcnnqb.edu.vn<br>Email: ktcnnqb@quangbinh.edu.vn | | | | | |
| | Công nghệ thông tin | 20 | | | Xét tuyển | Từ 01/02/2018 đến 30/12/2018 |
| | Công nghệ ô tô | 30 | 20 | | | |
| | Kỹ thuật xây dựng | 30 | | | | |
| | Điện công nghiệp | 30 | | | | |
| | Quản lý tài nguyên rừng | 30 | 20 | | | |
| | Thú y | 30 | | | | |
| | Kế toán doanh nghiệp | 30 | 50 | | | |
| | Điện công nghiệp và dân dụng | | 60 | | | |
| | Tin học ứng dụng | | 30 | | | |
| | Cơ khí động lực | | 20 | | | |
| | Xây dựng dân dụng và công nghiệp | | 20 | | | |
| | Xây dựng cầu đường | | 20 | | | |
| | Lâm sinh | | 20 | | | |
| | Chăn nuôi - thú y | | 40 | | | |
| | Công nghệ hàn | | 20 | | | |
| | Vận hành máy thi công nền | | 20 | | | |
| | Quản lý và bán hàng siêu thị | | 50 | | | |
| | Quản lý đất đai | | 20 | | | |
| | Trồng trọt | | 20 | | | |
| | Khuyến nông lâm | | 20 | | | |
| | Nuôi trồng thủy sản | | 20 | | | |
| | Quản trị mạng máy tính | | 20 | | | |
| | Lái xe ô tô hạng B1, B2 | | | 2.500 | | Liên tục trong năm |
| | Lái xe ô tô hạng C | | | 500 | | |
| | Sửa chữa máy tàu thuyền | | | 35 | | |
| | Vận hành máy xúc, ủi | | | 35 | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Cao đẳng | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| | Sửa chữa máy nông nghiệp | | | 35 | Xét tuyển | Liên tục trong năm |
| | Vận hành cần trục | | | 35 | | |
| | Hàn điện | | | 35 | | |
| | Vận hành máy nông nghiệp | | | 35 | | |
| | Kỹ thuật lắp ráp, cài đặt và sửa chữa máy tính | | | 35 | | |
| | Vi tính văn phòng | | | 35 | | |
| | Điện tử dân dụng | | | 50 | | |
| | Điện công nghiệp | | | 50 | | |
| | Điện dân dụng | | | 50 | | |
| | Lắp đặt điện cho cơ sở sản xuất nhỏ | | | 50 | | |
| | Duy tu và bảo dưỡng cầu đường bộ | | | 35 | | |
| | Xây dựng cầu đường bộ | | | 35 | | |
| | Kỹ thuật xây dựng | | | 35 | | |
| | Sửa chữa, lắp đặt mạng cấp thoát nước gia đình | | | 35 | | |
| | Nuôi và phòng trị bệnh cho gia súc, gia cầm | | | 35 | | |
| **QUẢNG TRỊ** | | | | | | |
| 174 | **Trường Cao đẳng Y tế Quảng Trị**<br>Mã trường: CDD3201<br>Địa chỉ: Khu phố 3, Phường Đông Lương, Thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị<br>Điện thoại: 0233.3567.057 - 0944.02.03.77<br>Website: truongytequangtri.edu.vn<br>Email: truongytequangtri@moet.edu.vn | | | | | |
| | Điều dưỡng | 180 | 50 | | Xét tuyển dựa vào kết quả học tập bậc THPT lớp 12 | Đợt 1: 1/1 -31/3/2018<br>Đợt 2: 1/4 - 30/6/218<br>Đợt 3: 1/7-30/9/2018<br>Đợt 4: 1/10 -31/12/2018 |
| | Dược | 250 | 90 | | | |
| | Hộ sinh | | 50 | | | |
| | Y sỹ | | 90 | | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Cao đẳng | | Trung cấp | | | |
| | | Chính quy | Liên thông | Tốt nghiệp THPT | Tốt nghiệp THCS | | |
| **HUẾ** | | | | | | | |
| 175 | **Trường Cao đẳng Nghề Số 23 - BQP**<br>Mã trường:<br>Địa chỉ: Tổ 12, phường Thủy Phương, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế<br>Các cơ sở khác:<br>+ Cơ sở 1: số 1 La Sơn Phu Tử, thành phố Huế<br>+ Cơ sở 2: xã Thủy Bằng, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế<br>+ Cơ sở 3: số 3 Hùng Vương, thành phố Huế<br>Điện thoại: 0234.3.962968; 3.521009. Fax: 0234.3.962.966<br>Website: truong23bqp-hue.edu.vn. Email: truong23bqp@gmail.com | | | | | | |
| | Công nghệ ô tô | 55 | | 25 | 65 | Xét tuyển theo học bạ THPT, bổ túc THPT hoặc THCS | Từ ngày 01/01/2018 đến ngày 25/12/2018 |
| | Điện công nghiệp | 40 | | 20 | 35 | | |
| | Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí | 35 | | 20 | 40 | | |
| | Hàn | 30 | | 20 | 30 | | |
| | Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính | 45 | | 20 | 30 | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Cao đẳng | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| 176 | **Trường Cao đẳng Nghề Thừa Thiên Huế**<br>Mã trường: CDD 3303<br>Địa chỉ: Số 51, đường 2/9, phường Phú Bài, Thị Xã Hương Thủy, Thừa Thiên Huế<br>Điện thoại: 02343863298<br>Website: www.cdnthuathienhue.edu.vn<br>Email: caodangnghethuathienhue@gmail.com | | | | | |
| | Hàn | 25 | 60 | | Xét tuyển | Từ tháng 3 |
| | Cắt gọt kim loại | | 20 | | | |
| | Kỹ thuật lắp đặt điện và điều khiển trong công nghiệp | 25 | 50 | | | |
| | Điện công nghiệp | | 35 | | | |
| | Công tác xã hội | 35 | | | | |
| | Kỹ thuật chế biến món ăn | | 35 | | | |
| | May thời trang | | 9. | | | |
| | Tin học ứng dụng | | 35 | | | |
| | May công nghiệp | | | 100 | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Cao đẳng | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| 177 | **Trường Cao đẳng Giao thông Huế**<br>Mã trường: CDD3301<br>Địa chỉ: 365 Điện Biên Phủ, Trường An, Tp. Huế, Thừa Thiên Huế<br>Điện thoại: 0234.3823044<br>Website: http://www.cdgthue.edu.vn/<br>Email: tuyensinh.cdgthue@gmail.com | | | | | |
| | Công nghệ ô tô | 50 | | | Xét tuyển (theo học bạ) | Từ ngày 01/3/2018 đến ngày 31/12/2018 |
| | Công nghệ kỹ thuật giao thông | 50 | | | | |
| | Quản trị kinh doanh | 50 | | | | |
| | Bảo trì và sửa chữa ô tô | | 50 | | | |
| | Điện công nghiệp và dân dụng | | 50 | | | |
| | Xây dựng cầu đường bộ | | 50 | | | |
| | Xây dựng dân dụng và công nghiệp | | 50 | | | |
| | Kế toán | | 50 | | | |
| | Kinh doanh vận tải đường bộ | | 50 | | | |
| | Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử | | 50 | | | |
| | Lái xe ô tô hạng B1 | | | 100 | Xét tuyển (theo tuổi, sức khỏe) | Cả năm |
| | Lái xe ô tô hạng B2 | | | 1900 | | |
| | Lái xe ô tô hạng C | | | 600 | | |
| | Lái xe ô tô hạng D | | | 300 | | |
| | Lái xe ô tô hạng E | | | 200 | | |
| | Lái xe ô tô hạng F | | | 300 | | |
| | Chuyển cấp B1 - B2, B2 - C | | | 100 | | |
| | Vận hành máy san - ủi | | | 50 | | |
| | Vận hành máy lu - đầm | | | 50 | | |
| | Vận hành máy xúc - đào | | | 50 | | |
| | Vận hành máy cẩu | | | 30 | | |
| | Vận hành xe nâng hạ | | | 100 | | |
| | Xây dựng cầu đường bộ | | | 50 | | |
| | Kỹ thuật xây dựng (Nề hoàn thiện) | | | 50 | | |
| | Thợ sửa chữa động cơ, điện gầm ôtô | | | 30 | | |
| | Sửa chữa điện và điện lạnh ô tô | | | 50 | | |
| | Lắp đặt điện cho cơ sở sản xuất nhỏ | | | 30 | | |
| | Cơ khí gò hàn | | | 30 | | |
| | Mộc dân dụng | | | 30 | | |
| | Autocad | | | 30 | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Cao đẳng | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| | Thủy thủ hạng nhất phương tiện thủy nội địa | | | 30 | Xét tuyển (theo tuổi, sức khỏe) | Cả năm |
| | Thợ máy hạng nhất phương tiện thủy nội địa | | | 30 | | |
| | Điều khiển phương tiện, người lái phương tiện hạng nhất | | | 30 | | |
| | Môtô hạng A1 | | | 10000 | | |
| | Mô tô hạng A2 | | | 100 | | |
| 178 | **Trường Cao đẳng Y tế Huế**<br>Mã trường: CDD3304<br>Địa chỉ: 01 Nguyễn Trường Tộ, Tp. Huế, Thừa Thiên Huế<br>Điện thoại: 0234.3820042, 0234.6250430<br>Website: http://cdythue.edu.vn<br>Email: cdythue@cdythue.edu.vn | | | | | |
| | Điều dưỡng | 235 | 0 | 0 | Xét học bạ hoặc Xét điểm thi THPT | - Nhận hồ sơ: 01/4 - 25/7/2018<br>- Xét tuyển: 30/7/2018<br>* Nếu còn chỉ tiêu, Nhà trường sẽ thông báo trên website Nhà trường http://cdythue.edu.vn |
| | Hộ sinh | 60 | 0 | 0 | | |
| | KT Xét nghiệm y học | 60 | 0 | 0 | | |
| | Dược | 200 | 0 | 0 | | |
| | Y sỹ YHCT | 0 | 50 | 0 | Xét học bạ | |
| | Dược tá | 0 | 0 | 30 | | |
| 179 | **Trường Cao đẳng Sư phạm Thừa Thiên Huế**<br>Mã trường: C33 (cao đẳng), 3304 (trung cấp)<br>Địa chỉ: Số 123, đường Nguyễn Huệ, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế<br>Điện thoại: (0.234)3817577, 3822179, 3828328, Hotline: 0905.448.328<br>Fax: (0.234)3833584<br>Website: http://www.cdsphue.edu.vn<br>Email: cdsp.hue@vnn.vn; phongdtqlkh.cdsp@thuathienhue.gov.vn | | | | | |
| | Kế toán | 60 | | | Xét tuyển | Cả năm |
| | Tài chính - Ngân hàng | 50 | | | | |
| | Tin học ứng dụng | 30 | | | | |
| | Quản trị kinh doanh | 60 | | | | |
| | Quản lý đất đai | 30 | | | | |
| | Việt Nam học | 50 | | | | |
| | Quản trị văn phòng | 50 | | | | |
| | Thư ký văn phòng | 50 | | | | |
| | Quản lý văn hóa | 40 | | | | |
| | Công tác xã hội | 50 | | | | |
| | Tiếng Anh | 80 | | | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Cao đẳng | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| | Tiếng Nhật | 100 | | | Xét tuyển | Cả năm |
| | Thiết kế đồ họa | 30 | | | | |
| | Thiết kế thời trang | 30 | | | | |
| | Thư viện | 30 | | | | |
| | Kế toán doanh nghiệp | | 40 | | | |
| | Tin học ứng dụng | | 30 | | | |
| | Quản lý đất đai | | 30 | | | |
| | Thư viện | | 50 | | | |
| **ĐÀ NẴNG** | | | | | | |
| 180 | **Trường Cao đẳng Công nghệ Thông tin Hữu nghị Việt - Hàn**<br>Mã trường: CDT0401<br>Địa chỉ: 136 Trần Đại Nghĩa, P. Hòa Quý, Q. Ngũ Hành Sơn, Tp. Đà Nẵng<br>Điện thoại: (0236) 3962 888<br>Website: www.viethanit.edu.vn<br>Email: tuyensinh@viethanit.edu.vn | | | | | |
| | Thiết kế đồ họa | 112 | | | Xét tuyển theo học bạ:<br>- Đối với trình độ cao đẳng: xét tuyển dựa vào kết quả học tập THPT | - Đợt 1: tháng 5 - 6<br>- Đợt 2: tháng 7 -8<br>- Đợt 3: 9 - 10 |
| | Truyền thông đa phương tiện | 72 | | | | |
| | Công nghệ kỹ thuật kiến trúc | 56 | | | | |
| | Thiết kế trang Web | | 80 | | | |
| | Công nghệ thông tin (ứng dụng phần mềm) | 136 | | | | |
| | Lập trình máy tính | 64 | | | - Đối với trình độ trung cấp: xét tuyển dựa vào kết quả học tập THCS/THPT | |
| | Quản trị mạng máy tính | 56 | | | | |
| | Tin học văn phòng | 40 | 40 | | | |
| | Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính | | 80 | | | |
| | Công nghệ kỹ thuật điện tử, truyền thông | 56 | | | | |
| | Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông | | 40 | | | |
| | Điện dân dụng | 40 | 147 | | | |
| | Báo chí | 60 | | | | |
| | Quan hệ công chúng | 60 | | | | |
| | Marketing | 60 | | | | |
| | Marketing du lịch | 60 | | | | |
| | Thương mại điện tử | 40 | 150 | | | |
| | Phiên dịch tiếng Anh du lịch | 60 | | | | |
| | Tiếng Hàn Quốc | 80 | | | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Cao đẳng | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| 181 | **Trường Cao đẳng Giao thông Vận tải Trung ương V**<br>Mã trường: CDT0402<br>Địa chỉ: Cơ sở chính: 28 Ngô Xuân Thu, Q. Liên Chiểu, Tp. Đà Nẵng<br>Cơ sở 2: 693/34 Trần Cao Vân, Q. Thanh Khê, Tp. Đà Nẵng<br>Điện thoại: (0236) 3770 363; 0914 913 919; 0976 434 408; 0904 600 556<br>Website: caodanggtvttw5.edu.vn<br>Email:cdgtvttw5@caodanggtvttw5.edu.vn; phongdaotao@caodanggtvttw5.edu.vn | | | | | |
| | Công nghệ kỹ thuật giao thông | 75 | | | - Cao đẳng: Xét tuyển tốt nghiệp THPT, bổ túc THPT, trung cấp hoặc tương đương<br>- Trung cấp: Xét tuyển thí sinh đã tốt nghiệp THCS trở lên<br>- Sơ cấp: Xét tuyển thí sinh 15 tuổi trở lên, có sức khỏe và trình độ phù hợp | Cả năm |
| | Xây dựng cầu - đường bộ | 90 | 35 | 25 | | |
| | Công nghệ ô tô | 120 | 35 | | | |
| | Công nghệ kỹ thuật cơ khí | 70 | | | | |
| | Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng | 75 | | | | |
| | Điện công nghiệp | 25 | | 25 | | |
| | Thí nghiệm và kiểm tra chất lượng cầu đường bộ | 18 | 25 | | | |
| | Công nghệ thông tin (Ứng dụng phần mềm) | 35 | | | | |
| | Công nghệ kỹ thuật vật liệu xây dựng | 30 | | | | |
| | Công nghệ kỹ thuật trắc địa | 35 | | | | |
| | Xây dựng và bảo dưỡng công trình giao thông đường sắt | 25 | 25 | | | |
| | Chế tạo thiết bị cơ khí | 35 | | | Xét tuyển theo học bạ:<br>- Đối với trình độ cao đẳng: xét tuyển dựa vào kết quả học tập THPT | - Đợt 1: tháng 5 - 6<br>- Đợt 2: tháng 7 - 8<br>- Đợt 3: tháng 9 - 10 |
| | Xây dựng công trình thủy | 30 | | | | |
| | Quản trị kinh doanh vận tải đường bộ | 35 | | | | |
| | Kế toán doanh nghiệp | 70 | 35 | | | |
| | Dịch vụ pháp lý | 25 | 25 | | | |
| | Tiếng Anh | 45 | | | | |
| | Logistic | 35 | | | | |
| | Kinh doanh thương mại | 35 | | | | |
| | Quản lý xây dựng | 45 | | | | |
| | Quản trị kinh doanh xăng dầu và gas | 35 | | | | |
| | Bảo hộ lao động | 35 | | | | |
| | Bảo trì và sửa chữa ô tô | | 70 | | | |
| | Lập trình/Phân tích hệ thống (CNTT) | | 45 | | | |
| | Kỹ thuật xây dựng | | 35 | 25 | | |
| | Quản lý kho hàng | | 25 | | | |
| | Cắt gọt kim loại | | 18 | 50 | | |
| | Hàn | | 18 | 150 | | |
| | Vận hành máy thi công nền | | 70 | 25 | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Cao đẳng | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| | Trắc địa công trình | | 30 | 50 | Xét tuyển theo học bạ:<br>- Đối với trình độ cao đẳng: xét tuyển dựa vào kết quả học tập THPT | - Đợt 1: tháng 5 - 6<br>- Đợt 2: tháng 7 - 8<br>- Đợt 3: tháng 9 - 10 |
| | Điện công nghiệp và dân dụng | | 30 | | | |
| | Kinh doanh vận tải đường bộ | | 70 | | | |
| | Kế toán xây dựng | | 35 | | | |
| | Quản lý vận hành tòa nhà | | | 45 | | |
| | Sữa chữa máy tàu thủy (Thợ máy tàu biển) | | | 35 | | |
| | Thanh quyết toán công trình | | | 50 | | |
| | Duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa cầu và đường bộ | | | 100 | | |
| | Lắp đặt và sửa chữa mạng cấp, thoát nước công trình dân dụng | | | 45 | | |
| | Nghiệp vụ bán hàng | | | 45 | | |
| | Xây dựng đường bộ | | | 25 | | |
| | Xây dựng cầu | | | 25 | | |
| | Vận hành máy xây dựng | | | 50 | | |
| | Quản lý kho bãi | | | 50 | | |
| | Điện dân dụng | | | 25 | | |
| | Nghiệp vụ kinh doanh xăng dầu và gas | | | 25 | | |
| | Bảo dưỡng, sửa chữa đường sắt | | | 25 | | |
| | Sửa chữa ô tô | | | 25 | | |
| | Nghiệp vụ văn thư - lưu trữ | | | 25 | | |
| | Tuần tra đường bộ | | | 55 | | |
| | Quản lý Hạt quản lý đường bộ (Hạt trưởng Hạt quản lý đường bộ) | | | 55 | | |
| | Điện ô tô | | | 55 | | |
| | Thiết kế nội thất | | | 35 | | |
| 182 | **Trường Cao đẳng Thương mại**<br>Mã trường: CDT0403<br>Địa chỉ: 45 Dũng Sĩ Thanh Khê, P. Thanh Khê Tây, Q. Thanh Khê, Tp. Đà Nẵng<br>Điện thoại: (0236) 3759 780 - (0236) 3813 919 Fax: (0236) 3811 179<br>Website: www.cdtm.edu.vn<br>Email: tuyensinhcms@gmail.com | | | | | |
| | Kế toán doanh nghiệp | 150 | | | Xét tuyển căn cứ vào điểm thi tốt nghiệp THPT hoặc kết quả học tập lớp 12 bậc THPT hoặc tương đương | Cả năm |
| | Kinh doanh xuất nhập khẩu | 50 | | | | |
| | Marketing du lịch | 50 | | | | |
| | Marketing thương mại | 50 | | | | |
| | Quản trị bán hàng | 50 | | | | |
| | Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành | 300 | | | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Cao đẳng | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| | Quản trị khách sạn | 300 | | | Xét tuyển căn cứ vào điểm thi tốt nghiệp THPT hoặc kết quả học tập lớp 12 bậc THPT hoặc tương đương | Cả năm |
| | Quản trị kinh doanh | 100 | | | | |
| | Quản trị nhà hàng | 100 | | | | |
| | Quản trị nhân sự | 50 | | | | |
| | Tiếng Anh thương mại | 50 | | | | |
| | Bảo hiểm | 50 | | | | |
| | Kiểm toán | 50 | | | | |
| | Quản trị kinh doanh xăng dầu và gas | 50 | | | | |
| | Tài chính doanh nghiệp | 50 | | | | |
| | Thương mại điện tử | 50 | | | | |
| | Kế toán doanh nghiệp | | 50 | | | |
| | Kinh doanh xuất nhập khẩu | | 50 | | | |
| | Kinh doanh xăng dầu và khí đốt | | 50 | | | |
| | Marketing thương mại | | 50 | | | |
| | Quản lý doanh nghiệp | | 50 | | | |
| 183 | **Trường Cao đẳng Du lịch Đà Nẵng**<br>Mã trường: CDT0404<br>Địa chỉ: Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Tổ 69, P. Hòa Hải, Q. Ngũ Hành Sơn, Tp. Đà Nẵng<br>Điện thoại: (0236) 3957 957<br>Website: www.dvtc.edu.vn<br>Email: info@dvtc.edu.vn | | | | | |
| | Quản trị nhà hàng | 40 | | | Xét tuyển<br>Tuyển sinh toàn quốc | Cả năm |
| | Quản trị khách sạn | 300 | | | | |
| | Quản trị lữ hành | 40 | | | | |
| | Kỹ thuật chế biến món ăn | 80 | 30 | 50 | | |
| | Quản trị resort | 100 | | | | |
| | Phiên dịch tiếng anh du lịch | 40 | | | | |
| | Hướng dẫn du lịch | 80 | | 50 | | |
| | Nghiệp vụ nhà hàng | | | 50 | | |
| | Nghiệp vụ lễ tân | | | 50 | | |
| | Nghiệp vụ buồng | | | 50 | | |
| | Pha chế đồ uống | | | 50 | | |
| 184 | **Trường Cao đẳng Nghề Số 5 - Bộ Quốc Phòng**<br>Mã trường: CDT0405<br>Địa chỉ: Số 85 Ngũ Hành Sơn, P. Mỹ An, Q. Ngũ Hành Sơn, Tp. Đà Nẵng<br>Điện thoại: (0236) 3951 059 - (0236) 3951 127<br>Website: caodangnghe5qk5.edu.vn<br>Email: caodangnghe5@gmail.com | | | | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Cao đẳng | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| | Công nghệ ô tô | 150 | 150 | 340 | Xét tuyển | Tháng 3 - 9 |
| | Hàn | 35 | 50 | 230 | | |
| | Điện công nghiệp | 80 | 80 | | | |
| | Điện dân dụng | 35 | 35 | 80 | | |
| | Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí | 50 | 70 | 80 | | |
| | Điện tử công nghiệp | 35 | 50 | | | |
| | Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính | 50 | 50 | 70 | | |
| | Quản trị mạng máy tính | 50 | 50 | | | |
| | Cắt gọt kim loại | | 35 | 80 | | |
| | Kỹ thuật truyền dẫn quang và vô tuyến | | 35 | | | |
| | Sửa chữa thiết bị điện tử | | | 70 | | |
| | Vận hành xe máy công trình | | | 400 | | Thường xuyên |
| | Sửa chữa mô tô, máy nổ | | | 200 | | |
| | Lái xe ô tô các hạng | | | Theo Giấy phép của Sở GTVT các tỉnh | | |
| 185 | **Trường Cao đẳng Lương thực - Thực phẩm**<br>Mã trường: CDT0406<br>Địa chỉ: 101B Lê Hữu Trác - Q, Sơn Trà, Tp. Đà Nẵng<br>Điện thoại: (0236) 3831 228 - (0236) 3831 841 Fax: (0236) 3844 728<br>Website: http://cfi.edu.vn<br>Email: tuyensinh@cfi.edu.vn | | | | | |
| | Công nghệ thực phẩm | 50 | 30 | | Xét tuyển theo kết quả học tập năm cuối cấp | Từ tháng 2 đến tháng 9 |
| | Kỹ thuật chế biến món ăn | 30 | 30 | | | |
| | Chế biến và bảo quản thủy sản | | 30 | | | |
| | Công nghệ kỹ thuật chế biến và bảo quản lương thực | | 20 | | | |
| | Kiểm nghiệm chất lượng lương thực thực phẩm | 20 | 20 | | | |
| | Quản trị khách sạn | 30 | | | | |
| | Quản trị nhà hàng | 20 | | | | |
| | Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành | 30 | | | | |
| | Quản trị kinh doanh | 30 | | | | |
| | Hướng dẫn du lịch | 30 | 30 | | | |
| | Nghiệp vụ nhà hàng | | 150 | | | |
| | Phát triển nông thôn | 20 | | | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Cao đẳng | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| | Công nghệ sinh học | 20 | | | Xét tuyển theo kết quả học tập năm cuối cấp | Từ tháng 2 đến tháng 9 |
| | Công nghệ kỹ thuật môi trường | 20 | | | | |
| | Bảo vệ thực vật | | 20 | | | |
| | Kế toán doanh nghiệp | 30 | 20 | 30 | | |
| | Công nghệ thông tin | 20 | | | | |
| | Chế biến món ăn | | | 30 | | |
| | Kiểm tra chất lượng thực phẩm | | | 100 | | |
| | Sản xuất nông nghiệp sạch | | | 60 | | |
| | Phục vụ nhà hàng | | | 30 | | |
| 186 | **Trường Cao đẳng Kinh tế - Kế hoạch Đà Nẵng**<br>Mã trường: CDT0407<br>Địa chỉ: 143 Nguyễn Lương Bằng, P. Hòa Khánh Bắc, Q. Liên Chiểu, Tp. Đà Nẵng<br>Điện thoại: (0236) 3842 062<br>Website: www.cep.edu.vn<br>Email: phongdaotaocep@yahoo.com | | | | | |
| | Kế toán tổng hợp | 250 | | | Xét tuyển (dựa vào kết quả học bạ THPT lớp 12 hoặc theo kết quả kỳ thi THPT quốc gia) | Từ 01/07/2018 đến 30/06/2019 |
| | Kế toán doanh nghiệp | 50 | | | | |
| | Quản trị khách sạn | 200 | | | | |
| | Quản trị doanh nghiệp | 40 | | | | |
| | Quản trị lễ tân | 40 | | | | |
| | Quản trị buồng phòng | 40 | | | | |
| | Quản trị marketing | 40 | | | | |
| | Quản trị KD-DL lữ hành | 40 | | | | |
| | Kế hoạch đầu tư | 40 | | | | |
| | Tiếng anh thương mại | 50 | | | | |
| | Tiếng anh du lịch | 150 | | | | |
| | Dịch vụ pháp lý | 50 | | | | |
| | Công nghệ thông tin | 50 | | | | |
| | Ngân hàng | 40 | | | | |
| | Tài chính doanh nghiệp | 40 | | | | |
| | Lập trình máy tính | 40 | | | | |
| | Hệ thống thông tin quản lý | 40 | | | | |
| | Quản lý doanh nghiệp | | 50 | | | |
| | Kế hoạch đầu tư | | 50 | | | |
| | Kế toán doanh nghiệp | | 100 | | | |
| | Kế toán hành chính sự nghiệp | | 100 | | | |
| | Kế toán xây dựng | | 100 | | | |
| | Tin học ứng dụng | | 50 | | | |
| | Dịch vụ pháp lý | | 50 | | | |
| | Pháp luật | | 50 | | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Cao đẳng | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| 187 | **Trường Cao đẳng Công nghệ Thông tin - Đại học Đà Nẵng**<br>Mã trường: CDT0408<br>Địa chỉ: Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P. Hòa Quý, Q. Ngũ Hành Sơn, Tp. Đà Nẵng<br>Điện thoại: (0236) 3667 113 - (0236) 3667 131<br>Website: http://tuyensinh.cit.udn.vn<br>Email: tuyensinh@cit.udn.vn | | | | | |
| | Công nghệ thông tin | 150 | | | Xét tuyển (theo điểm thi THPT quốc gia, theo học bạ) | Từ 01/04 đến 31/12 |
| | Công nghệ kỹ thuật máy tính | 50 | | | | |
| | Kế toán | 50 | | | | |
| | Quản trị kinh doanh | 50 | | | | |
| 188 | **Trường Cao đẳng Công nghệ - Đại học Đà Nẵng (nay là Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật - Đại học Đà Nẵng)**<br>Mã trường: CDT0409 (Tuyển sinh hệ Cao đẳng)<br>Địa chỉ: 48 Cao Thắng, P. Thanh Bình, Q. Hải Châu, Tp. Đà Nẵng<br>Điện thoại: (0236) 3835705 - 3530103<br>Website: www.ute.udn.vn<br>Email: pdt.cdcn@gmail.com | | | | | |
| | Công nghệ kỹ thuật cơ khí | 80 | | | + Điểm xét tuyển là điểm thi THPT 2018 hoặc điểm học bạ lớp 12 cộng điểm ưu tiên.<br>+ Tổ hợp môn xét tuyển là 3 môn trong đó môn Toán -bắt buộc và 2 môn tự chọn trong số 5 môn Văn, Anh, Lý, Hóa, Sinh. | 1. Tuyển sinh trong kỳ I từ 01/4 đến 30/8 - nhập học tháng 9.<br>2. Tuyển sinh trong kỳ II từ 15/9 đến 30/11 nhập học tháng 12/2018. |
| | Công nghệ kỹ thuật ô tô | 180 | | | | |
| | Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử | 40 | | | | |
| | Công nghệ kỹ thuật nhiệt | 50 | | | | |
| | Công nghệ kỹ thuật điện - điện tử | 180 | | | | |
| | Công nghệ thông tin | 180 | | | | |
| | Công nghệ kỹ thuật xây dựng | 50 | | | | |
| | Công nghệ kỹ thuật giao thông | 50 | | | | |
| | Công nghệ thực phẩm | 40 | | | | |
| 189 | **Trường Cao đẳng Nghề Đà Nẵng**<br>Mã trường: CDD0401<br>Địa chỉ: 99 Tô Hiến Thành, P. Phước Mỹ, Q. Sơn Trà, Tp. Đà Nẵng<br>Điện thoại: (0236) 3940 946 Fax: (0236) 3940 678<br>Website: danavtc.edu.vn<br>Email: danavtc@danavtc.edu.vn | | | | | |
| | Kỹ thuật lắp đặt điện và điều khiển trong công nghiệp | 35 | | | Xét tuyển học bạ | Cả năm |
| | Điện tử công nghiệp | 35 | | | | |
| | Điện tử dân dụng | 35 | | | | |
| | Cơ điện tử | 35 | | | | |
| | Lập trình máy tính | 30 | | | | |
| | Quản trị doanh nghiệp vừa và nhỏ | 35 | | | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Cao đẳng | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| | Hướng dẫn du lịch | 70 | | | Xét tuyển học bạ | Cả năm |
| | Quản trị khách sạn | 100 | | | | |
| | Quản trị nhà hàng | 40 | | | | |
| | Quản trị lữ hành | 35 | | | | |
| | Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí | 35 | 35 | | | |
| | Công nghệ thông tin | 90 | | | | |
| | Tự động hóa trong công nghiệp | 35 | | | | |
| | Cắt gọt kim loại | | | | | |
| | Logistic | 35 | | | | |
| | Phiên dịch tiếng Anh thương mại | | | | | |
| | Marketing thương mại | 35 | 35 | | | |
| | Điện công nghiệp | 80 | 50 | | | |
| | Công nghệ ô tô | 70 | 35 | | | |
| | Hàn | 35 | 35 | | | |
| | Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính | 35 | 35 | | | |
| | Quản trị mạng máy tính | 70 | 35 | | | |
| | Kế toán doanh nghiệp | 70 | 35 | | | |
| | May thời trang | 70 | 35 | | | |
| | May thiết kế thời trang | 35 | | | | |
| | Điện dân dụng | | 30 | | | |
| | Nghiệp vụ nhà hàng | | 35 | | | |
| | Nghiệp vụ lưu trú | | 35 | | | |
| | Vận hành hệ thống điện lạnh | | | 40 | | |
| | Lắp đặt điện công trình | | | 50 | | |
| | Lắp đặt thiết bị điện | | | 35 | | |
| | Nghiệp vụ nhà hàng | | | 50 | | |
| | Nghiệp vụ bartender | | | 50 | | |
| | Nghiệp vụ phục vụ buồng | | | 30 | | |
| | Nghiệp vụ lễ tân khách sạn | | | 30 | | |
| | Nghiệp vụ chế biến món ăn | | | 30 | | |
| | May công nghiệp | | | 30 | | |
| | Sửa chữa điện thoại di động | | | 30 | | |
| 190 | **Trường Cao đẳng Nghề Hoa Sen**<br>Mã trường: CDD0402<br>Địa chỉ: Cơ Sở 1; K62/39 Hà Huy Tập, P. Thanh Khê Đông, Q. Thanh Khê, Tp. Đà Nẵng<br>- Cơ Sở 2; Lô 10, Khu Công Viên Phần Mềm Quang Trung, Q. 12, Tp. HCM - Cơ Sở 3; 93 Cao Thắng, Q. 3, Tp. HCM<br>Điện thoại: (0236) 366 1919 - (028) 3929 5988 Hotline; 0916 944 455<br>Website: www.hsc.edu.vn<br>Email: info@hsc.edu.vn/tuyensinh@hsc.edu.vn | | | | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Cao đẳng | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| | Quản trị Nhà hàng | 40 | | | Xét tuyển | Từ 1/6 đến 31/12 |
| | Quản trị Khách sạn | 40 | | | | |
| | Kế toán doanh nghiệp | 40 | | | | |
| | Thiết kế đồ họa | 40 | | | | |
| | Công nghệ thông tin (Ứng dụng Phần mềm) | 40 | | | | |
| | Quản trị mạng máy tính | 40 | | | | |
| | Quản trị doanh nghiệp vừa & nhỏ | 20 | | | | |
| 191 | **Trường Cao đẳng Nguyễn Văn Trỗi**<br>Mã trường: CDD0403<br>Địa chỉ: 69 Đoàn Hữu Trưng, P. Hòa An, Q. Cẩm Lệ, Tp. Đà Nẵng<br>Điện thoại: (0236) 3605 677<br>Website: www.nguyenvantroicollege.edu.vn<br>Email:nguyenvantroi@vnn.vn | | | | | |
| | Kế toán doanh nghiệp | 210 | 30 | 50 | Xét tuyển | Cả năm |
| | Điện công nghiệp | 70 | 30 | 300 | | |
| | Kỹ thuật chế biến món ăn | 35 | 35 | 70 | | |
| | Hướng dẫn du lịch | 45 | 15 | | | |
| | Hàn | 80 | 20 | 50 | | |
| | Quản trị khách sạn | 30 | | | | |
| | Quản trị doanh nghiệp vừa và nhỏ | 35 | | | | |
| | Tài chính tín dụng | 35 | | | | |
| | Công nghệ thông tin (ứng dụng phần mềm) | 35 | | | | |
| | Kỹ thuật dược | 50 | | 50 | | |
| | Quản trị nhà hàng | 35 | | | | |
| | Xây dựng cầu đường bộ | 45 | | | | |
| | Kỹ thuật xây dựng | 50 | | 50 | | |
| | Dịch vụ nhà hàng | | | x | | |
| | Lễ tân khách sạn | | | 50 | | |
| | Lắp ráp và sưa chữa máy tính | | | 50 | | |
| | Sữa chữa điện lạnh | | | 50 | | |
| 192 | **Trường Cao đẳng Phương Đông Đà Nẵng**<br>Mã trường: CDD0404<br>Địa chỉ: 30 - 32 Phan Đăng Lưu, Q. Hải Châu, Tp. Đà Nẵng<br>Điện thoại: (0236) 3642 712 - (0236) 3794 999<br>Website: www.cdpd.edu.vn<br>Email: phuongdong@cdpd.edu.vn, cdpd.edu@gmail.com<br>Facebook: w.w.w.facebook.com/phuongdongtuyensinh | | | | | |
| | Dược | 450 | 150 | | Xét tuyển theo học bạ | Cả năm |
| | Điều dưỡng | 400 | 120 | | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Cao đẳng | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| | Hộ sinh | 150 | | | Xét tuyển theo học bạ | Cả năm |
| | Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành | 120 | | | | |
| | Quản trị kinh doanh | 100 | | | | |
| | Kế toán | 100 | | | | |
| | Tài chính - Ngân hàng | 100 | | | | |
| | Dịch vụ pháp lý | 70 | | | | |
| | Công nghệ thông tin | 70 | | | | |
| | Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử | 90 | | | | |
| | Công nghệ kỹ thuật ô tô | 90 | | | | |
| | Y sĩ | | 90 | | | |
| | Kế toán doanh nghiệp | | 90 | | | |
| | Marketing | | 50 | | | |
| | Kinh doanh bưu chính viễn thông | | 50 | | | |
| | Văn thư lưu trữ | | 50 | | | |
| | Thư viện | | 50 | | | |
| | Điện tử dân dụng | | 90 | | | |
| | Điện công nghiệp và dân dụng | | 90 | | | |
| | Tin học ứng dụng | | 90 | | | |
| | Nghiệp vụ lưu trú | | 200 | | | |
| | Nghiệp vụ nhà hàng | | 200 | | | |
| | Y học cổ truyền | | | 100 | Xét tuyển | |
| | Hộ lý | | | 50 | | |
| | Vật lý trị liệu - phục hồi chức năng | | | 50 | | |
| | Nghiệp vụ lễ tân | | | 100 | | |
| | Nghiệp vụ buồng | | | 100 | | |
| | Nghiệp vụ nhà hàng | | | 100 | | |
| | Kỹ thuật pha chế đồ uống | | | 50 | | |
| | Kỹ thuật chế biến món ăn | | | 50 | | |
| 193 | **Trường Cao đẳng Bách Khoa Đà Nẵng**<br>Mã trường: CDD0405<br>Địa chỉ: 125 Phan Đăng Lưu - P. Hòa Cường Nam, Q. Hải Châu, Tp. Đà Nẵng<br>Điện thoại: (0236) 3640 666 - (0236) 3640 676 - (0236) 3621 511<br>Website: www.bachkhoadanang.edu.vn<br>Email: cdbk@bachkhoadanang.edu.vn | | | | | |
| | Quản trị kinh doanh | 200 | | | Xét tuyển thí sinh tốt nghiệp THPT hoặc tương đương trong cả nước | Cả năm |
| | Tài chính ngân hàng | 30 | | | | |
| | Kế toán | 30 | | | | |
| | Marketing | 30 | | | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Cao đẳng | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| | Công nghệ kỹ thuật xây dựng | 50 | | | Xét tuyển thí sinh tốt nghiệp THPT hoặc tương đương trong cả nước | Cả năm |
| | Quản lý xây dựng | 50 | | | | |
| | Công nghệ kỹ thuật kiến trúc | 50 | | | | |
| | Tin học ứng dụng | 50 | | | | |
| | Điều dưỡng | 800 | | | | |
| | Dược(đã trình mở ngành) | 100 | | | | |
| | Y sĩ | | 50 | | Xét tuyển thí sinh tốt nghiệp THCS trở lên trong cả nước | |
| | Hộ sinh | | 30 | | | |
| | Kỹ thuật xét nghiệm y học | | 30 | | | |
| | Dược | | 100 | | | |
| | Marketing | | 30 | | | |
| | Nghiệp vụ lễ tân | | 30 | | | |
| | Kế toán doanh nghiệp | | 30 | | | |
| | Quản lý doanh nghiệp | | 30 | | | |
| | Văn thư hành chính | | 30 | | | |
| | Quản lý và bán hàng siêu thị | | 20 | | | |
| | Quản trị mạng máy tính | | 30 | | | |
| | Xây dựng dân dụng và CN | | 30 | | | |
| | Công nghệ may & thời trang | | 20 | | | |
| | Truyền thông đa phương tiện | | 20 | | | |
| | Thương mại điện tử | | 20 | | | |
| 194 | **Trường Cao đẳng Nghề Việt - Úc**<br>Mã trường: CDD0406<br>Địa chỉ: K476/8 Điện Biên Phủ, Q. Thanh Khê, Tp. Đà Nẵng<br>Điện thoại: (0236) 3814 400 - (0236) 3814 817<br>Website: vavc.edu.vn<br>Email: cdnvietucdn@gmail.com | | | | | |
| | Quản trị khách sạn | 105 | 70 | 100 | Xét tuyển | Cả năm |
| | Quản trị lữ hành | 70 | 70 | | | |
| | Quản trị lễ tân | 95 | | | | |
| | Kỹ thuật chế biến món ăn | 140 | 145 | 300 | | |
| | Marketing du lịch | 25 | 35 | 40 | | |
| | Hướng dẫn du lịch | 25 | 35 | | | |
| | Kế toán doanh nghiệp | | 25 | | | |
| | Nghiệp vụ lễ tân | | 50 | 100 | | |
| | Nghiệp vụ nhà hàng | | 60 | 100 | | |
| | Nghiệp vụ buồng | | | 100 | | |
| | Kỹ thuật pha chế đồ uống | | | 100 | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Cao đẳng | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| 195 | **Trường Cao đẳng Đại Việt Đà Nẵng**<br>Mã trường: CDD0407<br>Địa chỉ: 65 Nguyễn Lộ Trạch, P. Hòa Cường Nam, Q. Hải Châu, Tp. Đà Nẵng<br>Điện thoại: (0236) 3644 998 - (0236) 3644 997<br>Website: www.daivietdanang.edu.vn<br>Email: tuyensinh@daivietdanang.edu.vn | | | | | |
| | Tin học ứng dụng | 60 | | | Xét tuyển học bạ đối với học sinh tốt nghiệp THPT; kết quả thi tốt nghiệp THPT | Cả năm |
| | Quản trị khách sạn | 105 | | | | |
| | Kế toán | 50 | | | | |
| | Quản trị kinh doanh | 50 | | | | |
| | Tin học ứng dụng | | 30 | | | |
| | Kinh doanh thương mại và dịch vụ | | 35 | | | |
| | Thương mại điện tử | | 50 | | | |
| | Thiết kế nội thất | | 100 | | | |
| | Hành chính văn thư | | 70 | | | |
| | Thư ký văn phòng | | 70 | | | |
| | Nuôi trồng thủy sản | | 15 | | | |
| | Tài chính - ngân hàng | | 50 | | | |
| | Kế toán doanh nghiệp | | 50 | | | |
| 196 | **Trường Cao đẳng Đức Trí**<br>Mã trường: CDD0408<br>Địa chỉ: 116 Nguyễn Huy Tưởng, P. Hòa Minh, Q. Liên Chiểu, Tp. Đà Nẵng<br>Điện thoại: (0236) 6265 255 - (0236) 3767 216<br>Website: http://www.ductri.edu.vn<br>Email: caodangductri@ductri.edu.vn | | | | | |
| | Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử | 25 | | | Xét tuyển | Cả năm |
| | Kỹ thuật xây dựng | 45 | | | | |
| | Công nghệ sinh học | 25 | | | | |
| | Công nghệ kỹ thuật môi trường | 35 | | | | |
| | Tin học ứng dụng | 25 | | | | |
| | Kế toán | 35 | | | | |
| | Quản trị kinh doanh | 35 | | | | |
| | Tài chính - Ngân hàng | 75 | | | | |
| | Điện công nghiệp và dân dụng | | 40 | | | |
| | Xây dựng dân dụng và công nghiệp | | 40 | | | |
| | Tin học ứng dụng | | 35 | | | |
| | Kế toán doanh nghiệp | | 40 | | | |
| | Khuyến nông lâm | | 60 | | | |
| | Khuyến ngư | | 25 | | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Cao đẳng | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| 197 | **Trường Cao đẳng Văn hóa Nghệ thuật Đà Nẵng**<br>Mã trường: CDD0409<br>Địa chỉ: Số 130 Lê Quang Đạo, P. Mỹ An, Q. Ngũ Hành Sơn, Tp. Đà Nẵng<br>Điện thoại: (0236) 2248 135 - (0236) 2248 132.<br>Website: www.vhntdng.vn<br>Email: tvhnt@danang.gov.vn | | | | | |
| | Thanh nhạc | 30* | 80 | | Xét điểm tổng kết môn Văn lớp 12 (THPT) hoặc Văn lớp 9 (THCS) và thi năng khiếu | Nhận hồ sơ từ 03/3 đến 03/8<br>Tuyển thí sinh Đà Nẵng và các tỉnh Miền Trung - Tây nguyên |
| | Organ | | 20 | | | |
| | Piano | | 15 | | | |
| | Violon | | 10 | | | |
| | Biểu diễn nhạc cụ truyền thống (Tranh, Bầu, Sáo, Nhị) | | 15 | | | |
| | Nghệ thuật biểu diễn dân ca | | 15 | | | |
| | Nghệ thuật biểu diễn múa dân gian dân tộc | | 45 | | | |
| | Diễn viên múa | 30* | | | | |
| | Thiết kế đồ họa | 15 | 15 | | | |
| | Điêu khắc | | 10 | | | |
| | Hội họa | | 15 | | | |
| | Thiết kế thời trang | | 15 | | Xét điểm tổng kết môn Văn, Sử lớp 12 | |
| | Hướng dẫn du lịch | | 15 | | | |
| | Thư viện | | 20 | | | |
| | Khoa học thư viện | 15 | | | | |
| | Quản lý văn hóa | 15 | 15 | | | |
| | Bảo tàng | | 15 | | | |
| | (*) Là chỉ tiêu dự kiến tuyển sinh sau khi được cấp phép hoạt động. | | | | | |
| 198 | **Trường Cao đẳng Lạc Việt**<br>Mã trường: CDD0410<br>Địa chỉ: 42 - 46 Phan Châu Trinh, P. Hải Châu 1, Q. Hải Châu, Tp. Đà Nẵng<br>Điện thoại: (0236) 3553 444<br>Website: cdlv.edu.vn<br>Email: caodanglacviet@gmail.com | | | | | |
| | Quản trị kinh doanh | 100 | | | Xét tuyển | Từ 1/3 đến 30/12 |
| | Quản trị doanh nghiệp vừa và nhỏ | 50 | | | | |
| | Kế toán | 100 | 30 | | | |
| | Kế toán doanh nghiệp | 50 | | | | |
| | Tài chính - Ngân hàng | 50 | | | | |
| | Hệ thống thông tin quản lý | 100 | | | | |
| | Quản lý và kinh doanh du lịch | | 100 | 50 | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Cao đẳng | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| | Du lịch lữ hành | | 60 | | Xét tuyển | Từ 1/3 đến 30/12 |
| | Nghiệp vụ lễ tân | | 30 | 150 | | |
| | Y sỹ đa khoa | | 150 | | | |
| | Điều dưỡng | | 30 | | | |
| | Xây dựng dân dụng và công nghiệp | | 50 | | | |
| | Quản lý và bán hàng siêu thị | | 30 | | | |
| | Tài chính - Ngân hàng | | 30 | | | |
| | Kinh doanh thương mại và dịch vụ | | 50 | | | |
| | Pháp luật | | | 30 | | |
| 199 | **Trường Cao đẳng Quốc tế PEGASUS**<br>Mã trường: CDD0411<br>Địa chỉ: Khu đô thị mới Phú Mỹ An, P. Hòa Hải, Q. Ngũ Hành Sơn, Tp. Đà Nẵng<br>Điện thoại: (0236) 3840 515<br>Website: www.pegasus.edu.vn<br>Email: enquiry.danang@pegasus.edu.vn | | | | | |
| | Quản trị Khách sạn | 50 | | | Xét tuyển (tốt nghiệp THPT, chứng chỉ Tiếng Anh IELTS 5.0, GPA 2.4/4.0) | Tháng 2 và Tháng 9 |
| **QUẢNG NAM** | | | | | | |
| 200 | **Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Quảng Nam**<br>(Quang Nam College of Economics and Technology)<br>Mã trường: CDD3403<br>Địa chỉ: 431 Hùng vương, Tp. Tam Kỳ, Quảng Nam<br>Điện thoại: 0235 3834972; 0235 3851442<br>Website: ckq.edu.vn<br>Email: ktkt_qnam@ckq.edu.vn | | | | | |
| | Lâm nghiệp | 70 | | | Xét tuyển | Cả năm |
| | Chăn nuôi | 105 | | | | |
| | Quản lý đất đai | 70 | | | | |
| | Dịch vụ thú y | 105 | | | | |
| | Khoa học cây trồng | 35 | | | | |
| | Nuôi trồng thủy sản | 35 | | | | |
| | Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử | 105 | | | | |
| | Công nghệ kỹ thuật điều khiển và Tự động hóa | 35 | | | | |
| | Công nghệ kỹ thuật xây dựng | 70 | | | | |
| | Công nghệ thông tin | 35 | | | | |
| | Tiếng Anh | 35 | | | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Cao đẳng | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| | Dịch vụ pháp lý | 140 | | | Xét tuyển | Cả năm |
| | Kế toán | 70 | | | | |
| | Quản trị kinh doanh | 70 | | | | |
| | Tài chính - Ngân hàng | 35 | | | | |
| | Dịch vụ pháp lý | | 35 | | | |
| | Pháp luật | | 35 | | | |
| | Văn thư hành chính | | 35 | | | |
| | Kế toán doanh nghiệp | | 35 | | | |
| | Kế toán hành chính sự nghiệp | | 35 | | | |
| | Quản lý & Kinh doanh khách sạn | | 35 | | | |
| | Quản lý & Kinh doanh du lịch | | 70 | | | |
| | Tin học ứng dụng | | 105 | | | |
| | Thiết kế và quản lý website | | 70 | | | |
| | Điện dân dụng | | 70 | | | |
| | Điện công nghiệp | | 70 | | | |
| | Điện tử công nghiệp | | 70 | | | |
| | Bảo trì & sửa chữa ô tô | | 140 | | | |
| | Xây dựng dân dụng và công nghiệp | | 140 | | | |
| | Quản lý đất đai | | 35 | | | |
| | Chế biến và bảo quản thủy sản | | 35 | | | |
| | Chăn nuôi - thú y | | 70 | | | |
| | Lâm nghiệp | | 35 | | | |
| | Quản lý tài nguyên và môi trường | | 35 | | | |
| | Kế toán trưởng doanh nghiệp | | | 20 | | |
| | Kế toán trưởng hành chính sự nghiệp | | | 30 | | |
| | Nghiệp vụ lễ tân | | | 70 | | |
| | Nghề buồng phòng | | | 35 | | |
| | Nghề nhà hàng | | | 105 | | |
| | Báo cáo thuế | | | 35 | | |
| | Trồng và nhân giống nấm | | | 70 | | |
| | Sử dụng thuốc thú y trong chăn nuôi | | | 70 | | |
| | Nuôi, nhận biết và trị bệnh cho Trâu, Bò | | | 70 | | |
| | Trồng nấm rơm | | | 70 | | |
| | Trồng rau sạch | | | 105 | | |
| | Kỹ thuật trồng rừng thâm canh | | | 105 | | |
| | Phòng và trị bệnh gia súc, gia cầm | | | 105 | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Cao đẳng | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| | Chăn nuôi thú y | | | 70 | Xét tuyển | Cả năm |
| | Điện nội thất | | | 35 | | |
| | Thợ nề - xây dựng | | | 120 | | |
| | Chứng chỉ tin học cơ bản và nâng cao | | | 200 | | |
| 201 | **Trường Cao đẳng Tâm Trí**<br>Mã trường: CDD3405<br>Địa chỉ: Khối phố Ngọc Vinh, Phường Điện Ngọc, Thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam<br>Điện thoại: 0235. 3 710 999<br>Website: www.tamtri.edu.vn<br>Email: tuyensinh@tamtri.edu.vn | | | | | |
| | Điều dưỡng | 100 | | | Xét tuyển theo học bạ THPT | Từ tháng 06/2018 đến 12/2018 |
| 202 | **Trường Cao đẳng THACO.**<br>Mã trường: CDD3401<br>Địa chỉ: Khu Công nghiệp Tam Hiệp, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam.<br>Điện thoại: 0235.3567.112 Fax: 0235.3567.113.<br>Website: http://thacovtc.edu.vn<br>Email: cdnthaco@thaco.com.vn | | | | | |
| | Công nghệ ô tô | 90 | 35 | 60 | Xét tuyển học bạ | Tháng 3 & tháng 9 |
| | Hàn | | 35 | 60 | | |
| | Cắt gọt kim loại | 30 | 35 | 40 | | |
| | Cơ - Điện tử | 20 | | | | |
| | Điện công nghiệp | 40 | | | | |
| | Công nghệ sơn ô tô | | | 40 | | |
| | Vận hành xe nâng | | | 60 | | |
| | Kỹ thuật VH & BD máy CNC | | | 20 | | |
| | Kỹ thuật VH & BD robot | | | 20 | | |
| | SCHT Điện - điện tử trên ô tô | | | 20 | | |
| | Polymer Composite | | | 20 | | |
| | Gò | | | 40 | | |
| 203 | **Trường Cao đẳng Nghề Quảng Nam**<br>Mã trường: CD \D 3402<br>Địa chỉ: 224 Huỳnh Thúc Kháng, Tp. Tam Kỳ, Quảng Nam<br>Điện thoại: 0235. 3851243 - 0235. 3825799<br>Website: http://www.caodangngheqn.edu.vn<br>Email: cdnqna@gmail.com, tuyensinhcdnqn@gmail.com | | | | | |
| | May thời trang | 35 | 30 | | Xét tuyển | Trong năm |
| | Công nghệ ô tô | 30 | 30 | | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Cao đẳng | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| | Điện công nghiệp | 30 | 30 | | Xét tuyển | Cả năm |
| | Điện tử công nghiệp | 30 | 30 | | | |
| | Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí | 30 | 30 | | | |
| | Cắt gọt kim loại | 25 | 25 | | | |
| | Sửa chữa thiết bị may | 25 | 25 | | | |
| | Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính | | 30 | | | |
| | Hàn | | 30 | | | |
| 204 | **Trường Cao đẳng Công nghệ - Kinh tế và Thủy lợi miền Trung**<br>Mã trường: CDT 3401<br>Địa chỉ: 14 Nguyễn Tất Thành, Thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam<br>Điện thoại: 0235.3863.366; 0235.3863.355<br>Website: www.ckt.edu.vn<br>Email: daotaockt@gmail.com | | | | | |
| | Xây dựng công trình thủy | 30 | 30 | | Xét tuyển | Cả năm |
| | Công nghệ kỹ thuật xây dựng | 30 | 30 | | | |
| | Công nghệ kỹ thuật giao thông | 30 | | | | |
| | Công nghệ kỹ thuật tài nguyên nước | 40 | | | | |
| | Cấp, thoát nước | 40 | 30 | | | |
| | Kế toán | 60 | | | | |
| | Kế toán doanh nghiệp | | 60 | 30 | | |
| | Nghiệp vụ lễ tân | | 80 | 30 | | |
| | Nghiệp vụ nhà hàng | | 60 | 30 | | |
| | Nghiệp vụ hướng dẫn viên du lịch | | | 40 | | |
| | Quản lý đất đai | 20 | 30 | | | |
| | Thủy lợi tổng hợp | | 30 | | | |
| | Quản lý nhà đất | | 20 | | | |
| | Quản lý tài nguyên và môi trường | | 30 | | | |
| | Công nghệ kỹ thuật môi trường | | 30 | | | |
| | Tin học ứng dụng | | 50 | | | |
| | Lắp đặt đường ống nước | | | 30 | | |
| | Quản lý vận hành bơm điện | | | 30 | | |
| | Kỹ thuật xây dựng | | | 30 | | |
| | Quản lý công trình thủy nông | | | 30 | | |
| | Sửa chữa máy vi tính | | | 30 | | |
| | Cấp nước | | | 30 | | |
| | Hướng dẫn du lịch | | 60 | | | |
| | Điện - nước | | 80 | | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Cao đẳng | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| 205 | **Trường Cao đẳng Y tế Quảng Nam**<br>Mã trường: CDD3406.<br>Địa chỉ: Số 49 đường Nguyễn Du, thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam<br>Điện thoại: 0235.3851705.<br>Website: cdytqn.edu.vn<br>Email: info@cdytqn.edu.vn | | | | | |
| | Điều dưỡng | 200 | | | Xét điểm học bạ năm lớp 12 và điểm thi THPT Quốc gia 2018 | 01/7/2018 - 15/11/2018 |
| | Dược sĩ | 300 | | | | |
| | Hộ sinh | 50 | | | | |
| | Kỹ thuật hình ảnh y học | 50 | | | | |
| | Kỹ thuật xét nghiệm y học | 50 | | | | |
| | Y sĩ | | 100 | | | |
| | Kỹ thuật phục hình răng | | 50 | | | |
| 206 | **Trường Cao đẳng Điện lực miền Trung**<br>Mã trường: CDT 3402<br>Địa chỉ: 04 Nguyễn Tất Thành, phường Tân An, thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam<br>Điện thoại: 0235 2212202<br>Website: www.cdmt.vn<br>Email: cdmt@cdmt.vn | | | | | |
| | Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử | 350 | | | Xét tuyển | Năm 2018 |
| | Công nghệ điện tử, truyền thông | 50 | | | | |
| | Điện công nghiệp | 50 | | | | |
| | Quản lý vận hành, sửa chữa đường dây và trạm biến áp có điện áp 110kV trở xuống | 150 | 50 | | | |
| | Vận hành nhà máy thủy điện | 150 | 50 | | | |
| | Tài chính - Ngân hàng | 50 | | | | |
| | Kế toán | 50 | | | | |
| | Kế toán doanh nghiệp | | 30 | | | |
| | Điện công nghiệp và dân dụng | | 30 | | | |
| | Xây lắp đường dây và trạm điện | | 30 | | | |
| | Hệ thống điện | | 60 | | | |
| | Nhiệt điện | | 30 | | | |
| | Công nghệ kỹ thuật điện tử, viễn thông | | 30 | | | |
| | Công nghệ kỹ thuật điều khiển tự động | | 30 | | | |
| | Điện dân dụng | | | 50 | | |
| | Vận hành nhà máy phong điện | | | 50 | | |
| | Vận hành và bảo dưỡng hệ thống năng lượng mặt trời | | | 50 | | |
| | Sửa chữa đường dây tải điện đến 22kV đang vận hành | | | 80 | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Cao đẳng | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| 207 | **Trường Cao đẳng Phương Đông**<br>Mã trường: CDD3404<br>Địa chỉ: 03 Hùng Vương, Tam Kỳ, Quảng Nam<br>Điện thoại: (0235) 3810718-3811575 - Hotline: 0913.247.365<br>Website: http://www.cpd.edu.vn<br>Email: tuyensinh@cpd.edu.vn | | | | | |
| | Quản trị kinh doanh | 70 | | | Xét tuyển | Đợt 1, ngày 15/3;<br>Đợt 2, ngày 15/4;<br>Đợt 3, ngày 15/5; |
| | Tài chính ngân hàng | 70 | | | | |
| | Kế toán | 70 | | | | |
| | Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử | 70 | | | | |
| | Công nghệ kỹ thuật xây dựng | 70 | | | | |
| | Dược | 300 | | | | |
| | Điều dưỡng | 300 | | | | |
| | Kế toán doanh nghiệp | | 75 | | | |
| | Hành chính văn thư | | 75 | | | |
| | Nghiệp vụ lễ tân | | 100 | | | |
| | Nghiệp vụ nhà hàng, khách sạn | | 100 | | | |
| | Pháp luật | | 100 | | | |
| | Công nghệ kỹ thuật điện tử, viễn thông | | 40 | | | |
| | Điện công nghiệp dân dụng | | 60 | | | |
| | Xây dựng dân dụng và công nghiệp | | 40 | | | |
| | Xây dựng cầu đường | | 40 | | | |
| | Cấp thoát nước | | 40 | | | |
| | Công nghệ kỹ thuật chế biến và bảo quản thuỷ sản | | 70 | | | |
| | Tin học ứng dụng | | 100 | | | |
| **QUẢNG NGÃI** | | | | | | |
| 208 | **Trường Cao đẳng Việt Nam - Hàn Quốc - Quảng Ngãi**<br>Mã trường: CDD 3502<br>Địa chỉ: Số 236 Hoàng Hoa Thám - Phường Quảng Phú - Thành phố Quảng Ngãi - tỉnh Quảng Ngãi<br>Điên thoại: 0255.3718098<br>Website: viethanquangngai.edu.vn<br>Email: viethanquangngai.edu@gmail.com | | | | | |
| | Cắt gọt kim loại | 30 | 16 | | Xét tuyển | Từ ngày 01/01/2018 đến 30/11/2018 |
| | Hàn | 30 | 18 | | | |
| | Điện công nghiệp | 35 | 18 | 35 | | |
| | Cơ điện tử | 30 | 16 | | | |
| | Công nghệ thông tin | 30 | 16 | | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Cao đẳng | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| | Công nghệ ô tô | 50 | 20 | | Xét tuyển | Từ ngày 01/01/2018 đến 30/11/2018 |
| | Kỹ thuật xây dựng | 25 | 16 | 35 | | |
| | Hàn điện, hàn khí | | | 35 | | |
| | Sữa chữa cơ điện nông thôn | | | 35 | | |
| | Kỹ thuật sữa chữa, lắp ráp máy tính | | | 35 | | |
| | Điện tử công nghiệp | | | 35 | | |
| | Lắp đặt thiết bị điện gia đình | | | 35 | | |
| | Bảo trì hệ thống thiết bị cơ khí | | | 35 | | |
| | Lái xe ô tô hạng B | | | 750 | | |
| | Lái xe tải hạng C | | | 750 | | |
| | Nâng cấp các hạng D, E | | | 240 | | |
| | Nâng cấp hạng Fc | | | 64 | | |
| 209 | **Trường Cao đẳng Y tế Đặng Thùy Trâm**<br>Mã trường: CDD3501<br>Địa chỉ: Số17 Nguyễn Chánh - Thành phố Quảng Ngãi - tỉnh Quảng Ngãi<br>Điện thoại: 0255. 3725658 - 0255.3822904<br>Website: dtt.edu.vn<br>Email: cdytdtt@gmail.com | | | | | |
| | Điều dưỡng | 500 | | | Xét tuyển: điểm trung bình cộng cả năm lớp 12 hoặc điểm xếp loại tốt nghiệp TCCN theo chuyên ngành; cộng điểm ưu tiên (nếu có) | Trong năm 2018 |
| | Dược | 450 | | | | |
| | Hộ sinh | 200 | | | | |
| | Kỹ thuật xét nghiệm y học | 50 | | | | |
| 210 | **Trường Cao đẳng Quảng Ngãi**<br>Mã Trường: CDT3503<br>Đại chỉ: Km 1051+ 400 QL1A, Phường Trương Quang Trọng, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi<br>Điện thoại: 02552.217077 Fax: 0553.677<br>Website: www.qnc.edu.vn<br>Email: tuyensinh.qnc@gmail.com | | | | | |
| | Dược | 90 | 60 | | Xét tuyển bằng TN THPT, học bạ THPT hoặc tương đương | Đợt 1: Từ: 01/01/2018 - đến 31/03/2018<br>Đợt 2: Từ 01/04- 31/07/2018<br>Đợt 3: 01/07 - 30/9/2018<br>Đợt 4: 01/10/2018 - 20/12/2018 |
| | Điều dưỡng | 90 | 50 | | | |
| | Kỹ thuật chế biến món ăn | 35 | 35 | | | |
| | Kế toán doanh nghiệp | 70 | 70 | | | |
| | Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử | 50 | 30 | | | |
| | Quản trị NH & DV ăn uống | 50 | | | | |
| | Công nghệ thông tin (Ứng dụng phần mềm) | 70 | | | | |
| | Quản trị kinh doanh | 35 | | | | |
| | Thư ký | 70 | | | | |
| | Kế toán | 60 | | | | |
| | Công tác xã hội | 35 | | | | |
| | Công nghệ kỹ thuật xây dựng | 50 | | | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Cao đẳng | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| | Hướng dẫn du lịch | | 35 | | Xét tuyển<br>Bằng TN và học bạ THPT hoặc Bằng và học bạ THCS | Đợt 1:<br>Từ: 01/01/2018 - đến 31/03/2018<br>Đợt 2:<br>Từ 01/04-31/07/2018<br>Đợt 3:<br>01/07 - 30/9/2018<br>Đợt 4:<br>01/10/2018 - 20/12/2018 |
| | Nghiệp vụ lễ tân | | 90 | | | |
| | Thư viện thiết bị trường học | | 105 | | | |
| | Xây dựng dân dụng và công nghiệp | | 50 | | | |
| | Văn thư hành chính | | 105 | | | |
| | Xây dựng cầu đường bộ | | 90 | | | |
| | Dịch vụ chăm sóc gia đình | | 60 | | | |
| | Lưu trữ và quản lý thông tin | | 50 | | | |
| | Điện công nghiệp | | 60 | | | |
| | Công nghệ kỹ thuật môi trường | | 50 | | | |
| 211 | **Trường Cao đẳng Kỹ nghệ Dung Quất**<br>Mã trường: CDT3501<br>Địa chỉ: xã Bình Hải - huyện Bình Sơn - tỉnh Quảng Ngãi<br>Điện thoại: 02552.212.738, 02553.610.588 Fax: 02553.610588<br>Website: https://www.dungquat.edu.vn<br>Email: cdkn@dungquat.edu.vn | | | | | |
| | Hàn | 30 | 30 | 0 | Xét tuyển theo học bạ | Cả năm |
| | Điện tử công nghiệp | 30 | 0 | 0 | | |
| | Điện công nghiệp | 30 | 30 | 0 | | |
| | Công nghệ ô tô | 30 | 30 | 0 | | |
| | Cắt gọt kim loại | 30 | 20 | 0 | | |
| | Vận hành thiết bị chế biến dầu khí | 25 | 20 | 0 | | |
| | Lập trình máy tính | 30 | 20 | 0 | | |
| | Công nghệ thông tin (Ứng dụng phần mềm) | 30 | 0 | 0 | | |
| | Bảo trì hệ thống thiết bị cơ khí | 30 | 30 | 0 | | |
| | Công nghệ may | 30 | 0 | 0 | | |
| | Công nghệ may và thời trang | 0 | 30 | 0 | | |
| | Kỹ thuật xây dựng | 20 | 25 | 0 | | |
| | Công nghệ thực phẩm | 30 | 30 | 0 | | |
| | Lắp đặt thiết bị cơ khí | 20 | 20 | 0 | | |
| | Chế tạo thiết bị cơ khí | 20 | 30 | 0 | | |
| | Kế toán doanh nghiệp | 30 | 20 | 0 | | |
| | Phân tích các sản phẩm lọc dầu | 20 | 0 | 0 | | |
| | Quản trị khách sạn | 0 | 30 | 0 | | |
| | Tự động hóa công nghiệp | 30 | 30 | 0 | | |
| | Lắp đặt thiết bị điện | 35 | 0 | 0 | | |
| | Công nghệ kỹ thuật môi trường | 30 | 0 | 0 | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Cao đẳng | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| | Lái xe ô tô các hạng B1, B2, C | 0 | 0 | 710 | Xét tuyển theo học bạ | Cả năm |
| | Hàn điện | 0 | 0 | 105 | | |
| | Gia công và lắp dựng kết cấu thép | 0 | 0 | 105 | | |
| | Gia công kết cấu ống | 0 | 0 | 50 | | |
| | Gia công, lắp ráp sửa chữa vỏ tàu cá | 0 | 0 | 75 | | |
| | Điện dân dụng | 0 | 0 | 50 | | |
| | Điện công nghiệp | 0 | 0 | 50 | | |
| | Sửa chữa, bảo trì tủ lạnh và điều hòa nhiệt độ | 0 | 0 | 75 | | |
| | Kỹ thuật gò, hàn nông thôn | 0 | 0 | 105 | | |
| | Vận hành máy xúc, ủi | 0 | 0 | 50 | | |
| | Sửa chữa máy nông nghiệp | 0 | 0 | 75 | | |
| | Sửa chữa xe gắn máy | | 0 | 50 | | |
| | Kỹ thuật xây dựng | 0 | 0 | 50 | | |
| | May công nghiệp | 0 | 0 | 50 | | |
| | Sản xuất hàng da, giày, túi xách | 0 | 0 | 105 | | |
| | Nghiệp vụ xăng dầu | 0 | 0 | 50 | | |
| | Kỹ thuật chế biến cá, tôm, mực, nước mắm | 0 | 0 | 50 | | |
| | Pha chế đồ uống | 0 | 0 | 50 | | |
| 212 | **Trường Cao đẳng Nghề Cơ giới**<br>Mã trường: CDT 3502<br>Địa chỉ: Xã Nghĩa Kỳ - Huyện Tư Nghĩa - tỉnh Quảng Ngãi<br>Điện thoại: 0255.3825451 Fax: 02553.825451<br>Website: www.caodangcogioi.edu.vn<br>Email: phongdaotao.cdcg@gmail.com | | | | | |
| | Công nghệ ô tô | 20 | 60 | | Xét tuyển | Cả năm |
| | Điện công nghiệp | 20 | 90 | | | |
| | Cắt gọt kim loại | 15 | 15 | | | |
| | Hàn | 10 | 15 | | | |
| | Kế toán doanh nghiệp | 15 | 15 | | | |
| | Vận hành máy thi công mặt đường | | 15 | | | |
| | Tin học văn phòng | | 50 | | | |
| | Kỹ thuật sửa chữa và lắp ráp máy tính | | 20 | | | |
| | Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí | | 20 | | | |
| | Tự động hóa công nghiệp | | 20 | | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Cao đẳng | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| 213 | **Trường Đại học Phạm Văn Đồng**<br>Mã trường: PDQ<br>Địa chỉ: 509 Phan Đình Phùng - Thành phố Quảng Ngãi - tỉnh Quảng Ngãi<br>Điện thoại: 0255.3713123<br>Website: www.pdu.edu.vn<br>Email: tuyensinh@pdu.edu.vn | | | | | |
| | Công nghệ thông tin | 40 | | | Xét tuyển theo học bạ | Nhiều lần trong năm |
| | Công nghệ kỹ thuật cơ khí | 50 | | | | |
| | Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử | 50 | | | | |
| | Công nghệ kỹ thuật môi trường | 30 | | | | |
| | Kế toán | 30 | | | | |
| | Tài chính - Ngân hàng | 30 | | | | |
| | Quản trị kinh doanh | 30 | | | | |
| | Sư phạm kỹ thuật công nghiệp | 30 | | | | |
| | Sư phạm kỹ thuật nông nghiệp | 30 | | | | |
| | Kế toán (Liên thông) | 30 | | | | |
| | Quản trị kinh doanh (Liên thông) | 30 | | | | |
| | Công nghệ kỹ thuật cơ khí (Liên thông) | 30 | | | | |
| | Công nghệ kỹ thuật điện - điện tử (Liên thông) | 30 | | | | |
| | **BÌNH ĐỊNH** | | | | | |
| 214 | **Trường Cao đẳng Cơ điện - Xây dựng và Nông lâm Trung Bộ**<br>Mã trường: CDT 3701<br>Địa chỉ: - Trụ sở chính: Khu vực 8, P. Bùi Thị Xuân, Tp. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định<br>- Cơ sở 2: xã Cát Tân, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định;<br>- Cơ sở 3: xã Cát Hanh, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định.<br>Điện thoại: 02563.510.669<br>Website: http://cdntrungbo.edu.vn<br>Email: cdntb@cdntrungbo.edu.vn | | | | | |
| | Công nghệ ô tô | 80 | 120 | | Xét tuyển | Cả năm |
| | Điện công nghiệp | 50 | 80 | 30 | | |
| | Kỹ thuật xây dựng | 50 | 70 | 30 | | |
| | Hàn | 50 | 60 | 30 | | |
| | Khảo sát địa hình | 30 | 80 | 30 | | |
| | Lâm sinh | 35 | 120 | | | |
| | Thú y | 30 | 70 | 30 | | |
| | Vận hành máy thi công nền | 30 | 120 | | | |
| | Kế toán doanh nghiệp | 80 | 20 | | | |
| | Công nghệ sinh học | 30 | | | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Cao đẳng | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| | Cấp thoát nước | | 35 | 30 | Xét tuyển | Cả năm |
| | Sửa chữa và lắp ráp máy tính | | 60 | | | |
| | Bảo vệ thực vật | 30 | | | | |
| | Cốt thép hàn | | 90 | 30 | | |
| | Xây dựng và hoàn thiện CT TL | | 30 | | | |
| | KT ML và ĐH không khí | 30 | 30 | | | |
| | Trắc địa công trình | 30 | 30 | | | |
| | Lái xe ô tô hạng B | | | 600 | | |
| | Lái xe ô tô hạng C | | | 320 | | |
| | Vận hành xe nâng hàng | | | 30 | | |
| | Vận hành máy xúc | | | 60 | | |
| | Vận hành máy ủi | | | 30 | | |
| | Vận hành cần - cầu trục | | | 30 | | |
| | Vận hành máy lu | | | 30 | | |
| | Mộc dân dụng | | | 30 | | |
| | Điện dân dụng | | | 30 | | |
| | Sửa chữa xe gắn máy | | | 30 | | |
| | Sửa chữa máy nông nghiệp | | | 30 | | |
| | Trồng tiêu | | | 30 | | |
| 215 | **Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Quy Nhơn**<br>Mã trường: CDD 3702<br>Địa chỉ: 172 An Dương Vương, phường Nguyễn Văn Cừ, Tp. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định<br>Điện thoại: 0256 2210 602; 0256 6521.541; 0909 845 589<br>Website: http://cdktcnqn.edu.vn<br>Email: caodangktcnqn@gmail.com | | | | | |
| | Bảo trì hệ thống thiết bị cơ khí | 30 | 20 | 10 | Xét tuyển theo Học bạ | Từ tháng 3-12/2018 |
| | Cắt gọt kim loại | 40 | 20 | 10 | | |
| | Chế tạo thiết bị cơ khí | 40 | 30 | 10 | | |
| | Công nghệ ô tô | 150 | 30 | 10 | | |
| | Công nghệ thông tin (Ứng dụng phần mềm) | 30 | 20 | 10 | | |
| | Cơ điện tử | 30 | 0 | 0 | | |
| | Điện công nghiệp | 150 | 30 | 10 | | |
| | Điện tử công nghiệp | 30 | 20 | 10 | | |
| | Hàn | 30 | 30 | 10 | | |
| | Kế toán doanh nghiệp | 30 | 20 | 10 | | |
| | Kỹ thuật chế biến món ăn | 0 | 60 | 10 | | |
| | Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính | 30 | 20 | 10 | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Cao đẳng | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| | Quản trị nhà hàng (Nghiệp vụ nhà hàng) | 30 | 20 | 10 | Xét tuyển theo Học bạ | Từ tháng 3-12/2018 |
| | Quản trị mạng máy tính | 30 | 0 | 10 | | |
| | Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh | 50 | 30 | 0 | | |
| | Điện tử dân dụng | 0 | 0 | 10 | | |
| | Sửa chữa, bảo trì tủ lạnh và điều hòa nhiệt độ | 0 | 0 | 10 | | |
| 216 | **Trường Cao đẳng Y tế Bình Định**<br>Mã trường: CDD 3703<br>Địa chỉ: 130 Trần Hưng Đạo, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định<br>Điện thoại: 02563829671<br>Website: htpp://caodangytebinhdinh.edu.vn<br>Email: cdytbd@gmail.com | | | | | |
| | Điều dưỡng | 400 | | | Xét tuyển theo học bạ THPT | Bắt đầu từ tháng 03/2018 |
| | Điều dưỡng liên thông | | | | Xét tuyển theo học bạ THPT và Bảng điểm trung cấp chuyên nghiệp | |
| | Hộ sinh | 50 | | | Xét tuyển theo học bạ THPT | |
| | Kỹ thuật xét nghiệm y tế | 50 | | | | |
| | Dược sỹ cao đẳng | 350 | | | | |
| | Y sỹ | | 50 | | | |
| 217 | **Trường Cao đẳng Bình Định**<br>Mã trường: CDD 3704<br>Địa chỉ: 684 Hùng Vương, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định<br>Điện thoại: 02563.848422<br>Website: www.cdbd.edu.vn<br>Email: ngockhoa.net@gmail.com | | | | | |
| | Kế toán | 100 | | | Xét tuyển học bạ THPT | Từ 02/2018 đến 11/2018 |
| | Quản trị kinh doanh | 50 | | | | |
| | Quản trị khách sạn | 80 | | | | |
| | Quản trị nhà hàng | 80 | | | | |
| | Tiếng Anh | 110 | | | | |
| | Tin học ứng dụng | 50 | | | | |
| | Thư ký văn phòng | 20 | | | | |
| | Hướng dẫn du lịch | 100 | | | | |
| | Nuôi trồng thuỷ sản | 30 | | | | |
| | Quản trị bán hàng | 40 | | | | |
| | Quản trị lữ hành | 40 | | | | |
| | Công nghệ thực phẩm | 35 | | | | |
| | Khoa học thư viện | 30 | | | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Cao đẳng | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| | Nghiệp vụ lễ tân | | | 50 | Xét tuyển học sinh TN THCS/ THPT | Từ 02/2018 đến 11/2018 |
| | Nghiệp vụ nhà hàng | | | 50 | | |
| | Nghiệp vụ buồng phòng | | | 40 | | |
| | Quản lý khách sạn | | | 30 | | |
| | Quản lý nhà hàng | | | 30 | | |
| | Kỹ năng giao tiếp bằng tiếng Anh | | | 30 | | |
| | Nghiệp vụ Thư ký - Văn thư - Lưu trữ | | | 40 | | |
| | Đồ họa ứng dụng và xử lý ảnh | | | 40 | | |
| | Lắp ráp, cài đặt, bảo trì máy tính và quản trị mạng | | | 40 | | |
| **PHÚ YÊN** | | | | | | |
| 218 | **Trường Cao đẳng Công nghiệp Tuy Hòa**<br>Mã trường: CCP<br>Địa chỉ: 261 Đại lộ Nguyễn Tất Thành, phường 8, Tp. Tuy Hòa<br>Điện thoại: 0257.38.38.241 Hotline: 086.929.1168<br>Website: Tic.edu.vn<br>Email: tuyensinh.tic@gmail.com | | | | | |
| | Thiết kế đồ họa | 20 | | | XT theo HB | Cả năm |
| | Quản trị kinh doanh | 30 | | | | |
| | Tài chính - Ngân hàng | 20 | | | | |
| | Kế toán | 50 | | | | |
| | Sinh học ứng dụng | 20 | | | | |
| | Truyền thông và mạng máy tính | 30 | | | | |
| | Công nghệ thông tin (ứng dụng phần mềm) | 50 | 80 | | | |
| | Công nghệ kỹ thuật cơ khí | 110 | 30 | | | |
| | Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử | 20 | | | | |
| | Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa | 20 | | | | |
| | Công nghệ kỹ thuật hoá học | 30 | | | | |
| | Công nghệ kỹ thuật môi trường | 30 | | | | |
| | Công nghệ kỹ thuật địa chất | 30 | 20 | | | |
| | Công nghệ kỹ thuật trắc địa | 30 | | | | |
| | Công nghệ thực phẩm | 30 | | | | |
| | Quản lý đất đai | 20 | | | | |
| | Công nghệ chế tạo máy | 20 | | | | |
| | Kỹ thuật máy lạnh và điều hoà không khí | 50 | 60 | | | |
| | Điện công nghiệp | 120 | 80 | | | |
| | Điện tử công nghiệp | 50 | 80 | | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Cao đẳng | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| | Công nghệ ô tô | 60 | | | XT theo HB | Cả năm |
| | Hàn | 50 | 30 | | | |
| | Cắt gọt kim loại | 50 | 20 | | | |
| | Hướng dẫn du lịch | 30 | | | | |
| | Phân tích các sản phẩm lọc dầu | 30 | 20 | | | |
| | Kế toán doanh nghiệp | | 50 | | | |
| | Trắc địa - Địa hình - Địa chính | | 20 | | | |
| | Hóa phân tích | | 40 | | | |
| | Quản lý doanh nghiệp | | 50 | | | |
| | Công nghệ kỹ thuật ôtô - máy kéo | | 40 | | | |
| | Khai thác mỏ | | 20 | | | |
| | Thiết kế thời trang | | 40 | | | |
| | Nguội sửa chữa máy công cụ | | 20 | | | |
| | Khoan thăm dò địa chất | | 20 | | | |
| 219 | **Trường Cao đẳng Y tế Phú Yên**<br>Mã trường: YPY<br>Địa chỉ: 270 Trần Hưng Đạo - Phường 6 - Thành phố Tuy Hòa - Phú Yên<br>Điện thoại: 02573. 896907<br>Website: ypy.edu.vn<br>Email: chithien850@gmail.com | | | | | |
| | Dược học | 430 | | | Xét tuyển<br>ĐK: Tốt nghiệp THPT | 01/02/2018 đến 31/12/2018 |
| | Điều dưỡng | 270 | | | | |
| | Y sĩ | | 50 | | Xét tuyển<br>ĐK: Tốt nghiệp THCS trở lên | |
| | **KHÁNH HÒA** | | | | | |
| 220 | **Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang**<br>Mã trường: CDD4101<br>Địa chỉ: 32 Trần Phú, P.Vĩnh Nguyên, Tp. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa<br>Điện thoại: 0258 3881139<br>Website: http://cdnnt.edu.vn/<br>Email: cdktcn@khanhhoa.gov.vn | | | | | |
| | Điện công nghiệp | 105 | 70 | 50 | Xét tuyển | 02/01 - 30/12/2018 |
| | Điện dân dụng | 30 | 30 | 50 | | |
| | Điện tử công nghiệp | 30 | 30 | - | | |
| | Điện tử dân dụng | - | 15 | - | | |
| | Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí | 70 | 70 | - | | |
| | Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính | 30 | 30 | 50 | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Cao đẳng | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| | Công nghệ thông tin (ứng dụng phần mềm) | 35 | 60 | - | Xét tuyển | 02/01 - 30/12/2018 |
| | Quản trị mạng máy tính | 25 | 25 | 50 | | |
| | Tin học văn phòng | - | 15 | - | | |
| | Kế toán doanh nghiệp | 25 | 25 | 50 | | |
| | Quản trị doanh nghiệp vừa và nhỏ | 25 | - | - | | |
| | Quản trị nhà hàng | 35 | - | - | | |
| | Nghiệp vụ nhà hàng | - | 40 | 50 | | |
| | Quản trị khách sạn | 70 | 75 | - | | |
| | Hướng dẫn du lịch | 35 | 35 | 50 | | |
| | Kỹ thuật chế biến món ăn | 70 | 130 | 50 | | |
| | Cắt gọt kim loại | 30 | 30 | - | | |
| | Công nghệ ô tô | 105 | 80 | - | | |
| | Cơ điện tử | 25 | 25 | - | | |
| | Kỹ thuật xây dựng | 20 | 20 | 50 | | |
| | May thời trang | 25 | 25 | - | | |
| | Thiết kế thời trang | 20 | 20 | - | | |
| | Hàn | - | 30 | - | | |
| | Bảo vệ môi trường biển | 15 | 15 | - | | |
| | Chế biến thực phẩm | 30 | 30 | 50 | | |
| | Xử lý nước thải công nghiệp | 15 | 15 | - | | |
| | Công nghệ sinh học | 15 | 15 | - | | |
| | Công tác xã hội | 20 | 20 | 50 | | |
| | Tiện | - | - | 50 | | |
| | CNC (tiện, phay) | - | - | 50 | | |
| | Hàn điện | - | - | 50 | | |
| | Hàn Inox | - | - | 50 | | |
| | Thiết kế và lắp ráp các mạch đèn quảng cáo | - | - | 50 | | |
| | Lắp đặt điện nội thất | - | - | 50 | | |
| | Lắp đặt điện nước | - | - | 50 | | |
| | Điện lạnh | - | - | 50 | | |
| | Sửa chữa bảo trì tủ lạnh và điều hòa | - | - | 50 | | |
| | Nghiệp vụ lễ tân khách sạn | - | - | 50 | | |
| | Nghiệp vụ buồng | - | - | 50 | | |
| | Quản lý bán hàng và tiếp thị trong khách sạn | - | - | 50 | | |
| | Quản lý công tác an toàn - an ninh trong khách sạn | - | - | 50 | | |
| | Quản lý bếp | - | - | 50 | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Cao đẳng | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| | Kỹ thuật chế biên bánh Á - Âu | - | - | 50 | Xét tuyển | 02/01 - 30/12/2018 |
| | Pha chế đồ uống | - | - | 50 | | |
| | Bảo dưỡng sửa chữa động cơ xăng | - | - | 50 | | |
| | Bảo dưỡng sửa chữa động Diesel | - | - | 50 | | |
| | Bảo dưỡng sửa chữa trang bị điện ô tô | - | - | 50 | | |
| | Bảo dưỡng sửa chữa hệ thống phun xăng điện tử | - | - | 50 | | |
| | Thiết kế đồ họa trên máy tính | - | - | 50 | | |
| | Cắt, tỉa củ, quả | - | - | 50 | | |
| | Cắm hoa nghệ thuật | - | - | 50 | | |
| | Kế toán thực hành khai báo thuế | - | - | 50 | | |
| | May | - | - | 50 | | |
| | Lái xe ô tô hạng B1, B2, C | - | - | 670 | | |
| 221 | **Trường Cao đẳng Du lịch Nha Trang**<br>Mã trường: CDT4103<br>Địa chỉ: Số 02 Điện Biên Phủ, phường Vĩnh Hòa, Thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa<br>Điện thoại: 0583 551 777<br>Website: ntc.edu.vn<br>Email: thuyhuong2508@gmail.com | | | | | |
| | Quản trị khách sạn | 316 | | | Xét tuyển học bạ THPT | Tháng 3/2018 đến Tháng 11/2018 |
| | Quản trị nhà hàng | 140 | | | | |
| | Quản trị lễ tân | 81 | | | | |
| | Quản trị lữ hành | 94 | | | | |
| | Hướng dẫn du lịch | 94 | | | | |
| | Kỹ thuật chế biến món ăn | 140 | | | | |
| | Kế toán doanh nghiệp | 35 | | | | |
| | Quản trị khu resort | 50 | | | | |
| | Quản trị khách sạn | | 36 | | | |
| | Nghiệp vụ nhà hàng | | 33 | | | |
| | Nghiệp vụ lễ tân | | 40 | | | |
| | Quản trị lữ hành | | 40 | | | |
| | Hướng dẫn du lịch | | 40 | | | |
| | Kỹ thuật chế biến món ăn | | 33 | | | |
| | Kế toán doanh nghiệp | | 33 | | | |
| | Quản trị khu resort | | 33 | | | |
| | Nghiệp vụ nhà hàng | | | 33 | Xét tuyển | Tuyển sinh và mở lớp liên tục các tháng trong năm |
| | Pha chế đồ uống (Bartender) | | | 33 | | |
| | Quản lý nhà hàng - khách sạn | | | 33 | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Cao đẳng | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| | Kiểm soát giá vốn trong F&B | | | 33 | Xét tuyển | Tuyển sinh và mở lớp liên tục các tháng trong năm |
| | Nghiệp vụ lễ tân khách sạn | | | 33 | | |
| | Nghiệp vụ lưu trú | | | 33 | | |
| | Nghiệp vụ an ninh khách sạn | | | 33 | | |
| | Kỹ thuật chế biến món ăn Âu - Á | | | 33 | | |
| | Kỹ thuật làm bánh | | | 33 | | |
| | Kỹ thuật cắt, tỉa rau, củ, quả | | | 33 | | |
| | Kế toán dịch vụ du lịch | | | 33 | | |
| | Pha chế đồ uống (Bartender) | | | 33 | | |
| | Quản lý nhà hàng - khách sạn | | | 33 | | |
| 222 | **Trường Cao đẳng Y tế Khánh Hòa**<br>Mã Trường: CDD4103<br>Địa chỉ: 84 Quang Trung Nha Trang - Khánh Hòa<br>Điện thoại: 058.3521576<br>Website: cyk.edu.vn<br>Email: tuyensinhcyk@gmail.com | | | | | |
| | Điều dưỡng | 210 | 100 | | Cao đẳng chính quy<br>+ Xét tuyển dựa vào kết quả của 3 môn kỳ thi trung học phổ thông quốc gia năm 2018.<br>+ Xét tuyển thí sinh đã tốt nghiệp THPT và dựa vào kết quả học tập của tổ hợp 03 môn xét tuyển năm lớp 12<br>Tổ hợp môn xét tuyển:<br>- Toán, Hóa, Sinh<br>- Toán, Lý, Hóa<br>- Toán, Hóa, Tiếng Anh<br>- Toán, Sinh, Tiếng Anh<br>- Toán, Lý, Tiếng Anh<br>Cao đẳng liên thông dành cho thí sinh đã tốt nghiệp tccn tương ứng với ngành đăng ký xét tuyển<br>+ Thí sinh đã tốt nghiệp THPT và dựa vào kết quả học tập của tổ hợp 03 môn xét tuyển năm lớp 12<br>Tổ hợp môn xét tuyển:<br>- Toán, Hóa, Sinh<br>- Toán, Lý, Hóa<br>- Toán, Hóa, Tiếng Anh<br>- Toán, Sinh, Tiếng Anh<br>- Toán, Lý, Tiếng Anh<br>Trung cấp Chính quy<br>- Xét tuyển học bạ cuối cấp THCS (học 3 năm) hoặc THPT (học 2 năm) các môn Toán, Hóa đối với ngành Dược và các môn Toán, Sinh đối với các ngành còn lại<br>Trung cấp liên thông<br>- Ngành Dược: dành cho thí sinh đã có bằng Dược tá<br>- Xét tuyển thí sinh đã tốt nghiệp THPT và dựa vào kết quả học tập của tổ hợp 02 môn năm lớp 12 các môn Toán, Hóa<br>- Ngành Dược, Điều dưỡng, Dược, Y sỹ, Y học cổ truyền<br>Đối tượng: tốt nghiệp TC, CĐ khối ngành sức khỏe (học 1,5 năm), tốt nghiệp TC, CĐ, ĐH khối ngành ngoài khối<br>Ngành hộ sinh không xét tuyển thí sinh nam | Cả năm |
| | Hộ sinh | 100 | | | | |
| | Kỹ thuật hình ảnh y học | 90 | 30 | | | |
| | Kỹ thuật xét nghiệm | 90 | 30 | | | |
| | Kỹ thuật phục hình răng | 60 | 30 | | | |
| | Kỹ thuật vật lí trị liệu phục hồi chức năng | 50 | 30 | | | |
| | Y sỹ | | 150 | | | |
| | Dược | 300 | 130 | | | |
| | Y sỹ y học cổ truyền | | 100 | | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Cao đẳng | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| **NINH THUẬN** | | | | | | |
| 223 | **Trường Cao đẳng Nghề Ninh Thuận**<br>Mã trường: cdd 4501<br>Địa chỉ: Đường 16/4, P. Mỹ Hải, Tp. Phan Rang Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận<br>Điện thoại: 0259.3837302<br>Website: www.cnn.edu.vn<br>Email: p.tchc.ntn@gmail.com | | | | | |
| | Điện công nghiệp | 70 | 70 | 30 | Xét tuyển | Quanh năm |
| | Điện tử công nghiệp | 65 | 50 | 30 | | |
| | Quản trị mạng máy tính | 30 | 45 | 30 | | |
| | Công nghệ ô tô | 40 | 50 | 20 | | |
| | Hàn | 30 | 30 | 30 | | |
| | Nuôi trồng thủy sản nước mặn, nước lợ | 35 | 35 | | | |
| | Cơ điện tử | 35 | 30 | | | |
| | Quản trị khách sạn | 35 | 35 | 30 | | |
| | Kế toán doanh nghiệp | 90 | 65 | | | |
| | May thời trang | | 45 | 100 | | |
| | Kỹ thuật lắp đặt điện và điều khiển trong công nghiệp | 45 | 30 | | | |
| | Điện tử dân dụng | | 35 | | | |
| | Điện dân dụng | | 35 | 30 | | |
| | Cắt gọt kim loại | | 30 | 20 | | |
| | Kỹ thuật xây dựng | 60 | 60 | 30 | | |
| | Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí | 30 | 45 | 30 | | |
| | Lái xe ô tô | | | 1000 | | |
| **BÌNH THUẬN** | | | | | | |
| 224 | **Trường Cao đẳng Nghề tỉnh Bình Thuận**<br>Mã trường: CDD 4701<br>Địa chỉ: Đường Trường Chinh, Phường Phú Tài, Tp. Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận<br>Điện thoại: (0252).3.835.323<br>Website: www.dnbt.edu.vn<br>Email: info@dnbt.edu.vn | | | | | |
| | Cơ điện tử | 30 | - | | Xét tuyển theo học bạ | Liên tục trong năm |
| | Công nghệ ô tô | 35 | 60 | | | |
| | Điện công nghiệp | 30 | 60 | | | |
| | Công nghệ kỹ thuật cơ khí | - | 30 | | | |
| | Kỹ thuật máy lạnh & Điều hòa không khí | 30 | 90 | | | |
| | Quản trị khu resort | 30 | 30 | | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Cao đẳng | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| | Quản trị mạng máy tính | 30 | 30 | | Xét tuyển theo học bạ | Liên tục trong năm |
| | Hệ thống thông tin quản lý | - | 30 | | | |
| | Kế toán doanh nghiệp | 35 | - | | | |
| | Văn thư hành chính | - | 30 | | | |
| | May thời trang | | 30 | | | |
| | Nghiệp vụ nhà hàng | | 30 | | | |
| | Kỹ thuật chế biến món ăn | | 60 | | | |
| | Cơ điện nông thôn | | 30 | | | |
| | Kế toán doanh nghiệp | | | 30 | Ghi danh | |
| | Văn thư hành chính | | | 30 | | |
| | Tiếng anh chuyên nghành nghiệp vụ lễ tân | | | 30 | | |
| | Kỹ thuật chế biến món ăn | | | 30 | | |
| | Nghiệp vụ lễ tân | | | 30 | | |
| | Nghiệp vụ phục vụ buồng | | | 30 | | |
| | Ứng dụng CNTT trong quản lý văn thư lưu trữ | | | 30 | | |
| | Hàn | | | 30 | | |
| | Điện lạnh | | | 30 | | |
| | Kỹ thuật xây dựng dân dụng | | | 30 | | |
| 225 | **Trường Cao đẳng Cộng đồng Bình Thuận**<br>Mã trường: CDD4702<br>Địa chỉ: 205 Lê Lợi - Thành phố Phan Thiết - tỉnh Bình Thuận<br>Điện thoại: (0252) 3828150<br>Website: www.btu.edu.vn<br>Email: phongdaotao@btu.edu.vn | | | | | |
| | Giáo dục mầm non | 120 | | | Xét tuyển 02 phương thức: Điểm thi THPT Quốc gia 2018 hoặc Điểm học bạ lớp 12 | Theo lịch tuyển sinh của BGDĐT |
| | Giáo dục tiểu học | 40 | | | | |
| | Việt Nam học | 30 | | | Xét tuyển thí sinh tốt nghiệp THPT hoặc tương đương, tiêu chuẩn tuyển chọn căn cứ thời gian nộp hồ sơ của thí sinh<br>Xét tuyển thí sinh tốt nghiệp THPT hoặc tương đương, tiêu chuẩn | Tuyển sinh cả năm, bắt đầu từ tháng 4/2018 |
| | Tiếng Anh | 100 | | | | |
| | Khoa học thư viện | 30 | | | | |
| | Thư ký văn phòng | 30 | | | | |
| | Kế toán doanh nghiệp | 40 | 30 | | | |
| | Quản trị văn phòng | 30 | | | | |
| | Quản trị kinh doanh | 90 | | | | |
| | Tin học ứng dụng | 30 | | | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Cao đẳng | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| | Quản trị mạng máy tính | 30 | | | tuyển chọn căn cứ thời gian nộp hồ sơ của thí sinh | Tuyển sinh cả năm, bắt đầu từ tháng 4/2018 |
| | Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử | 30 | | | | |
| | Công nghệ may | 30 | | | | |
| | Công nghệ sau thu hoạch | 30 | | | | |
| | Quản trị doanh nghiệp vừa và nhỏ | 70 | | | | |
| | Khoa học cây trồng | 30 | | | | |
| | Nghiệp vụ lễ tân | | 30 | | | |
| | Kỹ thuật chế biến món ăn | | 30 | | | |
| | Điện công nghiệp và dân dụng | | 30 | | | |
| | Dinh dưỡng và kỹ thuật nấu ăn | | | 100 | Xét hồ sơ thí sinh có có độ tuổi từ 15 trở lên | Tuyển sinh cả năm |
| | Lễ tân khách sạn | | | 25 | | |
| | Tiếng Anh chuyên ngành Nghiệp vụ lễ tân | | | 25 | | |
| 226 | **Trường Cao đẳng Y tế Bình Thuận**<br>Mã trường: CDD4703<br>Địa chỉ: 274 Nguyễn Hội, Thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận<br>Điện thoại: 0252.3821482 Fax: 0252.3821482<br>Website: http://www.cybt.edu.vn<br>Email: caodangyte@binhthuan.gov.vn | | | | | |
| | Điều dưỡng hệ chính quy | 100 | - | | - Xét tuyển 1 trong 2 phương án (theo học bạ THPT, tổng điểm 3 môn: Toán, hóa, sinh.) | Liên tục trong năm |
| | Điều dưỡng liên thông | 100 | - | | Xét tuyển (Tổng điểm trung bình năm học 12 và điểm toàn khóa trung cấp chuyên nghiệp) | |
| | Dược chính quy | 100 | - | | Xét tuyển (theo học bạ THPT, tổng điểm 3 môn: Toán, hóa, sinh.) | |
| | Hộ sinh chính quy | 50 | - | | | |
| | Y sỹ | - | 40 | | Xét tuyển (theo học bạ THPT, điểm trung bình năm học 12.) | |
| | Y sỹ văn bằng 2 | - | 60 | | Xét tuyển (tổng điểm toàn khóa điều dưỡng cao đẳng hoặc trung cấp chuyên nghiệp.) | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Cao đẳng | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| **VÙNG TÂY NGUYÊN** | | | | | | |
| **KON TUM** | | | | | | |
| 227 | **Trường Cao đẳng Cộng đồng Kon Tum**<br>Mã trường: CDD3601<br>Địa chỉ: - Trụ sở chính (cơ sở 1): Tổ 3, Phường Ngô Mây, Tp. Kon Tum, tỉnh Kon Tum<br>- Cơ sở 2: Số 413, Nguyễn Huệ, Phường Thống Nhất, Tp. Kon Tum, tỉnh Kon Tum<br>- Cơ sở 3: Số 437, Bà Triệu, Phường Quyết Thắng, Tp. Kon Tum, tỉnh Kon Tum<br>- Cơ sở 4: Tổ 4, Phường Nguyễn Trãi, Tp. Kon Tum, tỉnh Kon Tum<br>Website: cdcdkontum.edu.vn<br>Email: hotro@cdcdkontum.edu.vn<br>Điện thoại: 02603.864.929 Fax: 02603.856.829. | | | | | |
| | Sư phạm Lý - Tin | 45 | | | Toán, Vật lí, Hóa học<br>Toán, Vật lí, Tiếng Anh<br>Toán, Vật lí, Ngữ Văn | - Xét tuyển:từ ngày 01/1/2018 đến tháng 31/12/2018.<br>- Hệ cao đẳng xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi THPT Quốc gia và xét điểm trung bình chung học tập tổ hợp môn lớp 12.<br>- Các ngành Sư phạm phải có hộ khẩu Kon Tum; các ngành khác tuyển sinh trên cả nước. |
| | Sư phạm Tiếng Anh | 65 | | | Ngữ Văn, Toán, Tiếng Anh<br>Ngữ Văn, Lịch sử, Tiếng Anh<br>Ngữ Văn, Địa lý, Tiếng Anh | |
| | Giáo dục mầm non | 45 | | | Ngữ văn, Toán, Năng khiếu (Đọc, Kể diễn cảm, Hát) | |
| | Giáo dục tiểu học | 45 | | | Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý.<br>Ngữ Văn, Lịch sử, Tiếng Anh<br>Toán, Vật lí, Hóa học | |
| | Tin học ứng dụng | 30 | | | Toán, Vật lý, Hóa học.<br>Toán, Vật lý, Tiếng Anh.<br>Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh. | |
| | Công tác xã hội | 30 | | | Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý.<br>Ngữ văn, Tiếng Anh, Địa lý<br>Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh. | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Cao đẳng | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| | Quản trị văn phòng - lưu trữ | 30 | | | Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý.<br>Ngữ văn, Tiếng Anh, Địa lý<br>Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh. | - Xét tuyển:từ ngày 01/1/2018 đến tháng 31/12/2018.<br>- Hệ cao đẳng xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi THPT Quốc gia và xét điểm trung bình chung học tập tổ hợp môn lớp 12.<br>- Các ngành Sư phạm phải có hộ khẩu Kon Tum; các ngành khác tuyển sinh trên cả nước. |
| | Kế toán | 40 | | | Toán, Vật lí, Hóa học<br>Toán, Vật lí, Ngữ văn | |
| | Quản trị kinh doanh | 30 | | | | |
| | Hệ thống thông tin quản lí | 30 | | | | |
| | Quản lý đất đai | 40 | | | | |
| | Lâm sinh | 40 | | | Toán, Sinh học, Hóa học<br>Toán, Sinh học, Ngữ văn | |
| | Khoa học cây trồng | 30 | | | | |
| | Chăn nuôi | 30 | | | | |
| | Y sĩ đa khoa | | 30 | | Toán, Sinh học | - Xét tuyển:<br>từ ngày 01/1/2018 đến tháng 31/12/2018.<br>- Xét điểm trung bình chung học tập các môn lớp 12 và xét điểm trung bình chung học tập các môn lớp 9. |
| | Điều dưỡng | | 50 | | | |
| | Điện công nghiệp | | 25 | | Toán, Lý, Hóa | |
| | Công nghệ ô tô | | 40 | | | |
| | May thời trang | | 50 | | | |
| | Hàn | | 25 | | | |
| | Công nghệ thông tin (UDPM) | | 25 | | | |
| | Vận hành máy thi công nền | | 25 | | | |
| | Trồng cây công nghiệp | | 25 | | Toán, Sinh, Hóa | |
| | Vận hành điện trong nhà máy thủy điện | | 25 | | Toán, Lý, Hóa | - Các ngành Y sỹ đa khoa và Điều dưỡng có hộ khẩu Kon Tum |
| | Tài chính ngân hàng | | 40 | | Toán, Văn lớp 12 | |
| | Kế toán hành chính sự nghiệp | | 40 | | | |
| | Kế toán doanh nghiệp | | 40 | | | |
| | Bảo vệ thực vật | | 40 | | | |
| | Quản lý tài nguyên rừng | | 30 | | | |
| | Quản lý đất đai | | 40 | | | |
| | Lâm sinh | | 40 | | | |
| | Chăn nuôi - thú y | | 40 | | | |
| | Trồng trọt | | 30 | | | |
| | Xây dựng công nghiệp và dân dụng | | 30 | | | |
| | Pháp luật | | 40 | | | |
| | Hành chính văn thư | | 30 | | | |
| | Tin học ứng dụng | | 30 | | | |
| | Cơ khí động lực | | 30 | | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Cao đẳng | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| | Vận hành máy xúc | | | 20 | Không yêu cầu trình độ văn hóa; đảm bảo sức khỏe; có tuổi đời từ 15 tuổi trở lên | - Các ngành Y sỹ đa khoa và Điều dưỡng có hộ khẩu Kon Tum |
| | Sửa chữa xe máy | | | 20 | | |
| | Hàn | | | 20 | | |
| | Vận hành sửa chữa máy nông nghiệp | | | 20 | | |
| | Điện dân dụng | | | 20 | | |
| | Lái xe ô tô hạng B2, C | | | 20 | | |
| | May công nghiệp | | | 20 | | |
| | May dân dụng | | | 20 | | |
| | Kỹ thuật chế biến món ăn | | | 20 | | |
| | Trồng, chăm sóc khai thác mủ cao su | | | 20 | Không yêu cầu trình độ văn hóa; đảm bảo sức khỏe; có tuổi đời từ 15 tuổi trở lên | |
| | Chăn nuôi gia súc, gia cầm | | | 20 | | |
| | Công tác xã hội | | | 20 | | |
| | Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao<br>+ Chăn nuôi<br>+ Trồng cỏ<br>+ Nông trại hữu cơ<br>+ Rau, hoa xứ lạnh<br>+ Trồng cây ăn quả | | | 100 | | |
| | Huấn luyện an toàn lao động, vệ sinh lao động | | | 100 | | |
| **GIA LAI** | | | | | | |
| 228 | **Trường Cao đẳng Nghề Gia Lai**<br>Mã trường: CDD3801<br>Địa chỉ: Thôn 6 - Xã Diên Phú - Thành phố Pleiku - Gia Lai<br>Điện thoại: 0593.825001<br>Website: www.cdngl.edu.vn<br>Email: info@cdngl.edu.vn | | | | | |
| | Ngành, nghề: CNTT | 35 | 15 | | Xét tuyển | Từ 18 tháng đến 24 tháng |
| | Sửa chữa lắp ráp máy tính | 25 | 10 | | | |
| | Ngành, nghề: Văn thư | 30 | 15 | 15 | | Từ 13 tháng đến 24 tháng |
| | Ngành, nghề: Kế toán | 30 | 15 | | | Từ 18 tháng đến 24 tháng |
| | Ngành, nghề: Điện | 50 | 20 | 15 | | Từ 18 tháng đến 30 tháng |
| | Ngành, nghề: Hàn | 50 | 15 | 15 | | |
| | Ngành, nghề: CN. ô tô | 60 | 25 | | | |
| | Ngành, nghề: cắt gọt kim loại | | 10 | | | 18 tháng |
| | Ngành, nghề: KT MNN | | 15 | | | |
| | Ngành, nghề: Xây dựng | | 15 | 20 | | 13 tháng |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Cao đẳng | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| | Ngành, nghề: Bảo vệ thực vật | | 15 | | Xét tuyển | 18 tháng |
| | Ngành, nghề: CTXH | 40 | 15 | | | Từ 13 tháng đến 24 tháng |
| | Ngành, nghề: May thời trang | | 15 | | | 18 tháng |
| | Ngành, nghề: Kỹ thuật chế biến món ăn | | 20 | 30 | | 13 tháng |
| | Ngành, nghề: Sinh học | 30 | | | | 24 tháng |
| | Ngành, nghề: Cấp thoát nước | | 20 | | | 13 tháng |
| | Ngành, nghề: VHTĐ | | 10 | 20 | | 18 tháng |
| | Ngành, nghề: Cốt thép - Hàn | | | 15 | | |
| **ĐẮK LẮK** | | | | | | |
| 229 | **Trường Cao đẳng Công nghệ Tây Nguyên**<br>Mã trường: CDD4001<br>Địa chỉ: Số 594 Lê Duẩn, P. Ea Tam, Tp. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk<br>Điện thoại: 02623.825.911<br>Website: cdcntaynguyen.edu.vn<br>Email: totuyensinhcdntn@gmail.com | | | | | |
| | Kỹ thuật xây dựng | 30 | 35 | 35 | Xét tuyển | Tháng 2/2018 - 11/2018 |
| | May thời trang | 30 | 90 | | | |
| | Thú y | 70 | 40 | 35 | | |
| | Công nghệ thông tin (UDPM) | 40 | 60 | | | |
| | Kỹ thuật sữa chữa, lắp ráp máy tính | | 30 | | | |
| | Kế toán doanh nghiệp | 35 | 35 | | | |
| | Công nghệ ô tô | 60 | 60 | | | |
| | Điện công nghiệp | 25 | 35 | | | |
| | Chế biến cà phê, ca cao | 25 | 35 | | | |
| | Gia công & thiết kế sản phẩm mộc | 20 | 35 | | | |
| | Điện tử công nghiệp | 30 | 40 | | | |
| | Kỹ thuật lắp đặt điện và điều khiển trong công nghiệp | 60 | 35 | 35 | | |
| | Lâm sinh | 25 | 30 | 30 | | |
| | Bảo vệ thực vật | 30 | 35 | 30 | | |
| | Quản trị mạng máy tính | 20 | | 35 | | |
| | Hàn | | 35 | 35 | | |
| | Kỹ thuật điêu khắc gỗ | | 25 | 15 | | |
| | Kỹ thuật chế biến món ăn | | 35 | 35 | | |
| | Văn thư hành chính | | 40 | | | |
| | Kỹ thuật máy nông nghiệp | | 35 | | | |
| | Khuyến nông lâm | | 35 | | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Cao đẳng | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| | Cắt gọt kim loại | | | 15 | Xét tuyển | Tháng 2/2018 - 11/2018 |
| | Quản lý và khai thác công trình thủy lợi | | | 35 | | |
| | Sửa chữa, bảo dưỡng máy kéo công suất nhỏ | | | 35 | | |
| | Trồng trọt | | | 35 | | |
| | May công nghiệp | | | 35 | | |
| | May dân dụng | | | 35 | | |
| | Dệt thổ cẩm truyền thống | | | 35 | | |
| | Dệt may thổ cẩm thời trang | | | 35 | | |
| | Sản xuất mây tre đan | | | 15 | | |
| | Gia công sản phẩm mộc | | | 30 | | |
| | Sơ chế và bảo quản hạt ca cao | | | 25 | | |
| | Sơ chế và bảo quản cà phê sau thu hoạch | | | 35 | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Cao đẳng | | Trung cấp | | | |
| | | Chính quy | Liên thông | Tốt nghiệp THPT | Tốt nghiệp THCS | | |
| 230 | **Trường Cao đẳng Văn hóa Nghệ thuật Đắk Lắk**<br>Mã trường: CVL<br>Địa chỉ: 05 Nguyễn Chí Thanh - Phương Tân An - Tp. Buôn Ma Thuột<br>Điện thoại: 02623.952636 Fax: 026233.958213<br>Website: vhntdaklak.edu.vn Email: bants.cvl@moet.edu.vn | | | | | | |
| | Thanh nhạc | 25 | | | | Môn thi: Thẩm âm, Thanh nhạc<br>Xét tuyển môn: Ngữ văn | Đợt 1: 09/2018;<br>Đợt 2: 10/2018; |
| | Quản lý văn hóa | 30 | | | | Xét tuyển 3 môn: Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý | |
| | Hội họa | | | | 8 | Môn thi: Trang trí cơ bản<br>Xét tuyển môn: Ngữ văn | Đợt 1: 07/2018;<br>Đợt 2: 09/2018;<br>Đợt 3: 10/2018; |
| | Điêu khắc | | | | 8 | | |
| | Đồ họa | | | | 8 | | |
| | Thiết kế đồ họa | | | | 8 | | |
| | Thiết kế nội thất | | | | 8 | | |
| | Thanh nhạc | | | | 10 | Môn thi: Thanh nhạc<br>Xét tuyển môn: Ngữ văn | |
| | Organ | | | | 10 | Môn thi: Organ<br>Xét tuyển môn: Ngữ văn | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Cao đẳng | | Trung cấp | | | |
| | | Chính quy | Liên thông | Tốt nghiệp THPT | Tốt nghiệp THCS | | |
| | Guitare | | | | 10 | Môn thi: Guitare<br>Xét tuyển môn: Ngữ văn | Đợt 1: 07/2018;<br>Đợt 2: 09/2018;<br>Đợt 3: 10/2018; |
| | Nghệ thuật biểu diễn múa dân gian dân tộc | | | | 10 | Môn thi: Múa<br>Xét tuyển môn: Ngữ văn | |
| | Quản lý văn hóa | | | | 10 | Xét tuyển môn: Ngữ văn, Lịch sử | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Cao đẳng | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| 231 | **Trường Cao đẳng Y tế Đắk Lắk**<br>Mã trường: CDD 4004<br>Địa chỉ: 32 Y Ngông, phường Tân Tiến, Tp. Buôn ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk<br>Điện thoại: 0262 3860618<br>Website: www.dmc.edu.vn<br>Email: cdytdaklak@gmail.com | | | | | |
| | Điều dưỡng | 300 | | | Xét tuyển (theo học bạ) | Tháng 3/2018 đến 12/2018 |
| | Hộ sinh | 120 | | | | |
| | Dược | 280 | | | | |
| | Cô đỡ thôn bản | | | 30 | Cử tuyển | |
| | Nhân viên y tế thôn bản | | | 30 | | |
| 232 | **Trường Cao đẳng Kỹ thuật Đắk Lắk**<br>Mã trường: CDD4002<br>Địa chỉ: 30 Y Ngông, P. Tân Tiến, Tp. Buôn Ma Thuột, Đắk Lắk<br>Điện thoại: 02623. 840458 hoặc 02623. 860140<br>Website: www.cdndaklak.edu.vn<br>Email: Phongtuvan.cdn@gmail.com | | | | | |
| | Hàn | 20 | 20 | 40 | Xét tuyển | 22/02 đến 30/12 |
| | Công nghệ ô tô | 70 | 35 | | | |
| | Cắt gọt kim loại | 20 | 30 | | | |
| | Điện công nghiệp | 35 | | 20 | | |
| | Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí | 25 | | | | |
| | Thiết kế đồ họa | 20 | | | | |
| | Công tác xã hội | | 30 | 60 | | |
| | Kỹ thuật xây dựng | | 25 | 25 | | |
| | Công nghệ thông tin (Ứng dụng phần mềm) | | 50 | | | |
| | Kế toán doanh nghiệp | | 25 | | | |
| | Cơ điện tử | | 25 | | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Cao đẳng | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| | Sữa chữa điện và điện lạnh ô tô | | | 30 | Xét tuyển | Thường xuyên trong năm |
| | Kỹ thuật sữa chữa máy nông nghiệp | | | 30 | | |
| | Điện dân dụng | | | 20 | | |
| | Lắp đặt điện nhà và cơ sở sản xuất nhỏ | | | 20 | | |
| | Sửa chữa quạt, động cơ điện và ổn áp | | | 20 | | |
| | Sửa chữa, bảo trì tủ lạnh và điều hòa nhiệt độ | | | 20 | | |
| | Lắp đặt đường dây và trạm biến áp | | | 20 | | |
| | Điện nông thôn | | | 20 | | |
| | Điện tử dân dụng | | | 20 | | |
| | Sữa chữa tivi, đầu VCD, DVD và đầu kỹ thuật số | | | 20 | | |
| | Tiện | | | 40 | | |
| | Quản trị mạng máy tính | | | 20 | | |
| | Kỹ thuật, sửa chữa máy vi tính | | | 20 | | |
| | Xử lý ảnh và đồ họa máy tính | | | 20 | | |
| | Vẽ kỹ thuật trên máy tính với Autocad | | | 20 | | |
| | Vi tính văn phòng | | | 20 | | |
| | Sữa chữa phần cứng máy tính | | | 20 | | |
| | Lái xe ô tô hạng B2 | | | 480 | | |
| | Lái xe ô tô hạng C | | | 100 | | |
| **LÂM ĐỒNG** | | | | | | |
| 233 | **Trường Cao đẳng Công nghệ - Kinh tế Bảo Lộc**<br>Mã trường: CDT4201<br>Địa chỉ: Số 454 Trần Phú, phường 2, Tp. Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng<br>Điện thoại: (2063) 3718.199<br>Website: www.blc.edu.vn<br>Email: cdbl.cbl@moet.edu.vn; tttsbaoloc@gmail.com | | | | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Cao đẳng | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| | Quản trị kinh doanh | 40 | | 40 | 1. BẬC CAO ĐẲNG:<br>- Xét tuyển điểm học bạ học sinh tốt nghiệp THPT hoặc tương đương.<br>- Thời gian đào tạo: 02 - 03 năm<br>- Sau khi tốt nghiệp được cấp bằng Cử nhân hoặc Kỹ sư thực hành.<br>- Học phí: 550.000đ/01 tháng.<br>2. BẬC TRUNG CẤP:<br>- Xét tuyển điểm học bạ học sinh tốt nghiệp THCS trở lên.<br>- Thời gian đào tạo: 01 - 02 năm | Từ ngày 01/01/2018 đến hết ngày 31/12/2018 |
| | Công nghệ kỹ thuật cơ khí | 35 | | 40 | | |
| | Công nghệ kỹ thuật điện - điện tử | 35 | | 40 | | |
| | Kế toán doanh nghiệp | 50 | 40 | 40 | | |
| | Kế toán | 50 | | | | |
| | Khoa học cây trồng<br>Trồng trọt và bảo vệ thực vật | 50 | 40 | 40 | | |
| | Quản lý đất đai | 50 | 40 | 40 | | |
| | Chăn nuôi<br>Chăn nuôi thú y | 50 | 40 | 80 | | |
| | Công nghệ thông tin<br>Tin học ứng dụng | 35 | 40 | 40 | - Sau khi tốt nghiệp được cấp bằng Trung cấp.<br>- Học phí: 500.000đ/01 tháng.<br>* Đối với học sinh tốt nghiệp THCS được miễn 100% học phí và tiền ở ký túc xá<br>3. BẬC CAO ĐẲNG LIÊN THÔNG:<br>- Xét tuyển điểm thi tốt nghiệp Trung cấp.<br>- Thời gia đào tạo: 01 - 1.5 năm<br>- Sau khi tốt nghiệp được cấp bằng Cử nhân hoặc Kỹ sư.<br>- Học phí: 550.000đ/01 tháng. | Từ ngày 01/01/2018 đến hết ngày 31/12/2018 |
| | Công nghệ ô tô | 35 | 40 | 40 | | |
| | Bảo vệ thực vật | 50 | 40 | 40 | | |
| | Điện công nghiệp | 35 | 40 | 40 | | |
| | Trồng cây công nghiệp | 50 | 40 | 40 | | |
| | Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính | 35 | 40 | 40 | | |
| | Chăn nuôi gia súc, gia cầm | 50 | 50 | 40 | | |
| | Phát triển nông nông thôn | | 40 | 40 | | |
| | Kỹ thuật dâu tằm tơ | | 40 | 40 | | |
| | Bảo trì và sửa chữa thiết bị cơ khí | | 40 | 40 | | |
| | Bảo trì và sửa chữa ô tô | | 40 | 40 | | |
| | Điện công nghiệp và dân dụng | | 40 | 40 | | |
| 234 | **Trường Cao đẳng Du lịch Đà Lạt**<br>Mã trường: CDT4202<br>Địa chỉ: Km số 5 - đường Cam Ly - phường 7 - Tp. Đà Lạt<br>Điện thoại: 0263.3554.912 - 0633.554.913 Fax: 02633.532.739<br>Website: www.dtc.edu.vn<br>Emai: daotaodtc@gmail.com | | | | | |
| | Kỹ thuật chế biến món ăn | 30 | 90 | | Xét tuyển | Từ tháng 01 đến tháng 11 hàng năm |
| | Hướng dẫn du lịch | 30 | 30 | | | |
| | Quản trị khách sạn | 30 | 60 | | | |
| | Quản trị lữ hành | 30 | | | | |
| | Quản trị nhà hàng | 30 | | | | |
| | Nghiệp vụ nhà hàng | | 30 | | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Cao đẳng | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| 235 | **Trường Cao đẳng Nghề Đà Lạt**<br>Mã trường: CDD4201<br>Địa chỉ: 01 Hoàng Văn Thụ, phường 4, Tp. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng<br>Điện thoại: 0263 3827063<br>Website: cdndalat.edu.vn<br>Email: daotao@cdndalat.edu.vn | | | | | |
| | Công nghệ sinh học | 35 | 35 | | Xét tuyển | 01/01/2018 đến 31/12/2018 |
| | Bảo vệ thực vật | 35 | 35 | | | |
| | Công nghệ ôtô | 70 | 70 | | | |
| | Điện công nghiệp | 70 | 35 | | | |
| | Công nghệ thông tin (UDPM) | 35 | 35 | | | |
| | Kế toán doanh nghiệp | 35 | 35 | | | |
| | Kỹ thuật chế biến món ăn | 70 | 70 | | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Cao đẳng | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| | Quản trị nhà hàng | 35 | | | Xét tuyển | 01/01/2018 đến 31/12/2018 |
| | Quản trị khách sạn | 35 | | | | |
| | Nghiệp vụ nhà hàng | | 35 | | | |
| | Hàn điện | | | 35 | | |
| | Tiện ren | | | 35 | | |
| | Sửa chữa xe gắn máy | | | 35 | | |
| | Chẩn đoán & sửa chữa động cơ ô tô | | | 35 | | |
| | Chẩn đoán & sửa chữa trang bị điện ô tô | | | 35 | | |
| | Chẩn đoán & sửa chữa hệ thống phun xăng - đánh lửa điện tử | | | 35 | | |
| | Tin học văn phòng | | | 35 | | |
| | Lập trình ứng dụng | | | 35 | | |
| | Thiết kế web | | | 35 | | |
| | Nghiệp vụ bàn | | | 35 | | |
| | Nghiệp vụ bar | | | 35 | | |
| | Nghiệp vụ lễ tân | | | 35 | | |
| | Nghiệp vụ bếp Việt Nam căn bản | | | 35 | | |
| | Nghiệp vụ buồng | | | 35 | | |
| | Kế toán doanh nghiệp | | | 70 | | |
| | Kế toán tin học | | | 70 | | |
| | Rau, hoa công nghệ cao | | | 35 | | |
| | Kỹ thuật trồng rau, hoa | | | 35 | | |
| | Nuôi cấy mô thực vật | | | 35 | | |
| | Quản lý dịch hại tổng hợp | | | 35 | | |
| | Điện khí nén | | | 35 | | |
| | Điện công nghiệp | | | 35 | | |
| | Điện dân dụng | | | 35 | | |
| | Điều khiển lập trình PLC | | | 35 | | |
| | Lập trình vi điều khiển | | | 35 | | |
| | Lái xe ô tô các hạng B1, B2, C, D, E | | | 820 | | |
| 236 | **Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Lâm Đồng**<br>Mã trường: CDD4202<br>Địa chỉ: 39 Trần Phú - phường 4 - Đà Lạt - Lâm Đồng<br>Điện thoại: 02633 831267<br>Website: www.ktktld.edu.vn<br>Email: ktktlamdong.lamdong@moet.edu.vn | | | | | |
| | Quản trị khách sạn | 100 | | | Xét tuyển | Theo thời gian tuyển sinh của tổng cục giáo dục nghề nghiệp |
| | Công nghệ thông tin | 50 | | | | |
| | Công nghệ thực phẩm | 60 | 50 | | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Cao đẳng | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| | Công nghệ sinh học | 50 | | | Xét tuyển | Theo thời gian tuyển sinh của tổng cục giáo dục nghề nghiệp |
| | Kế toán | 50 | | | | |
| | Kế toán doanh nghiệp | | 60 | | | |
| | Công nghệ thông tin (Ứng dụng phần mềm) | | 60 | | | |
| | Điện công nghiệp | | 100 | | | |
| | Điện công nghiệp | 100 | | | | |
| | Điều hành tour du lịch | 100 | | | | |
| | Phiên dịch tiếng Anh du lịch | 90 | | | | |
| | Thanh nhạc | | 30 | | | |
| | Biểu diễn nhạc cụ phương Tây | | 30 | | | |
| | Nghệ thuật biểu diễn múa dân gian dân tộc | | 30 | | | |
| | Nghiệp vụ nhà hàng, khách sạn | | 80 | | | |
| | Kỹ thuật chế biến món ăn | | 80 | | | |
| | Chọn và nhân giống cây trồng | | 40 | | | |
| | Điện dân dụng | 100 | | | | |
| 237 | **Trường Cao đẳng Y tế Lâm Đồng**<br>Mã trường: CDD4203<br>Địa chỉ: 16 Ngô Quyền - phường 6 - Tp. Đà Lạt - Lâm Đồng<br>Điện thoại: 02633829520 - 0912115101<br>Website: caodangytelamdong.edu.vn<br>Email: caodangytelamdong@gmail.com | | | | | |
| | Dược | 300 | | | Xét tuyển học bạ lớp 12 (Toán - Hóa - Sinh) | 01/01 đến 30/12/2018 |
| | Điều dưỡng | 300 | | | | |
| | Hộ sinh | | 50 | | Xét tuyển học bạ lớp 12 (Toán - Sinh) | |
| | Y sĩ | | 60 | | | |
| | Vật lý trị liệu | | | 50 | Xét tuyển<br>Tốt nghiệp THCS | |
| | Y tế thôn bản | | | 70 | | |
| **ĐÔNG NAM BỘ** | | | | | | |
| **BÌNH PHƯỚC** | | | | | | |
| 238 | **Trường Cao đẳng Công nghiệp Cao su**<br>Mã trường: CDT4301<br>Địa chỉ: 1428 Phú Riềng Đỏ - thị xã Đồng Xoài - tỉnh Bình Phước<br>Điện thoại: 0271.3879787 - Fax: 0271.3870291<br>Website: http://www.ric.edu.vn/<br>Email: tuyensinh@ric.edu.vn | | | | | |
| | Khoa học cây trồng | 35 | | | Xét tuyển học bạ THPT | Cả năm 2018 |
| | Công nghệ kỹ thuật hóa học | 35 | | | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Cao đẳng | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| | Công nghệ sản xuất sản phẩm từ cao su | 30 | | | Xét tuyển học bạ THPT | Cả năm 2018 |
| | Công nghệ kỹ thuật môi trường | 35 | | | | |
| | Kế toán | 50 | | | | |
| | Công nghệ thông tin | 35 | | | | |
| | Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử | 50 | | | | |
| | Trồng trọt | | 30 | | Xét tuyển học bạ THCS | |
| | Bảo vệ thực vật | | 30 | | | |
| | Trồng trọt - bảo vệ thực vật | | 100 | | | |
| | Kỹ thuật cao su | | 30 | | | |
| | Chế biến mủ cao su | | 35 | | | |
| | Kế toán | | 50 | | | |
| | Tin học ứng dụng | | 30 | | | |
| | Kế toán - tin học | | 150 | | | |
| | Điện công nghiệp và dân dụng | | 70 | | | |
| | Công nghệ ô tô | | 70 | | | |
| 239 | **Trường Cao đẳng Nghề Bình Phước**<br>Mã trường: CDD4301<br>Địa chỉ: Khu công nghiệp Chơn Thành - thị trấn Chơn Thành - tỉnh Bình Phước<br>Điện thoại: 0271.3691.007 - Fax: 0271.3691.007<br>Website: http://caodangbp.edu.vn<br>Email: phongtchc.cdnbp@gmail.com | | | | | |
| | Điện công nghiệp | 90 | 70 | | Xét tuyển tuyển học bạ | Đến hết tháng 11/2018 |
| | Điện tử công nghiệp | 60 | 40 | | | |
| | Công nghệ ôtô | 60 | 35 | | | |
| | Công nghệ thông tin | 90 | 40 | | | |
| | Kế toán doanh nghiệp | 90 | 60 | | | |
| 240 | **Trường Cao đẳng Y tế Bình Phước**<br>Mã trường: CDD4302<br>Địa chỉ: 01 Phạm Ngọc Thạch - Tiến Thành - thị xã Đồng Xoài - tỉnh Bình Phước<br>Điện thoại: 0271.3881.109 - Fax: 0271.3881.109<br>Website: http://truongytebinhphuoc.net<br>Email: tc.tcytbp@gmail.com | | | | | |
| | Dược sỹ | 150 | 50 | | Xét tuyển học bạ THPT | Cả năm 2018 |
| | Điều dưỡng | 150 | 50 | | | |
| | Hộ sinh | 150 | 50 | | | |
| | Y sỹ | | 50 | | | |
| | Kỹ thuật xét nghiệm y học | | 50 | | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Cao đẳng | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| | Dược sỹ hệ liên thông | 50 | | | Xét tuyển dựa vào điểm xếp loại tốt nghiệp TCCN | Cả năm 2018 |
| | Điều dưỡngnghệ liên thông | 50 | | | | |
| | Y sỹ hệ liên thông | 50 | | | | |
| | Kỹ thuật xét nghiệm y học hệ liên thông | 50 | | | | |
| **TÂY NINH** | | | | | | |
| 241 | **Trường Cao đẳng Nghề Tây Ninh**<br>Mã trường: CDD4601<br>Địa chỉ: 19 Võ Thị Sáu, Khu phố 7, phường 3, Tp. Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh<br>Điện thoại: 0276.3815480<br>Website: cdnghetayninh.edu.vn<br>Email: pdtcdn@gmail.com | | | | | |
| | Điện công nghiệp | 70 | 70 | | Xét tuyển học bạ THCS, THPT | Tháng 6/2018 đến tháng 10/2018 |
| | Cắt gọt kim loại | 35 | 60 | | | |
| | Kế toán doanh nghiệp | 30 | 30 | | | |
| | Quản trị cơ sở dữ liệu | 20 | 25 | | Xét tuyển học bạ THPT | |
| | Quản trị mạng máy tính | | 25 | | Xét tuyển học bạ THCS | |
| | Nguội sửa chữa máy công cụ | | 30 | | | |
| | Lắp đặt thiết bị cơ khí | | 30 | | | |
| | Hàn | | 30 | | | |
| | Bảo trì hệ thống thiết bị cơ khí | | 30 | | | |
| | Chế tạo thiết bị cơ khí | | 30 | | | |
| | Điện tử công nghiệp | | 30 | | | |
| | Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí | | 60 | | | |
| | Công nghệ ô tô | | 60 | | | |
| | Nghiệp vụ nhà hàng | | 30 | | | |
| | Quản trị du lịch MICE | | 30 | | | |
| **BÌNH DƯƠNG** | | | | | | |
| 242 | **Trường Cao đẳng Công nghệ Cao Đồng An**<br>Mã trường: CDD4402<br>Địa chỉ: Số 90, đường 30/4, khu phố Trung Thắng, phường Bình Thắng, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương<br>Điện thoại: (0274) 377 4655<br>Website: www.dongan.edu.vn<br>Email: tuyensinh@dongan.edu.vn | | | | | |
| | Cắt gọt kim loại | 70 | | | Xét tuyển | 05/5/2018 - 09/10/2018 |
| | Cơ điện tử | 35 | | | | |
| | Công nghệ ô tô | 30 | | | | |
| | Điện tử công nghiệp | 70 | | | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Cao đẳng | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| | Điện công nghiệp | 70 | | | Xét tuyển | 05/5/2018 - 09/10/2018 |
| | Công nghệ thông tin (Ứng dụng phần mềm) | 35 | | | | |
| | Quản trị mạng máy tính | 35 | | | | |
| | Quản trị khách sạn | 35 | | | | |
| | Quản trị nhà hàng | 30 | | | | |
| | Kế toán doanh nghiệp | 35 | | | | |
| 243 | **Trường Cao đẳng Công nghệ và Nông lâm Nam Bộ**<br>Mã trường: CDT 4403<br>Địa chỉ: Số 456 KP Nội Hóa 1, phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương<br>Điện thoại: 02743.771.899 - 02743.770.285 - 02743.751.531<br>Website: www.cnnlnb.edu.vn<br>Email: pdt1977@gmail.com; tstruongnghenambo@gmail.com | | | | | |
| | Hàn | 35 | 35 | | Xét tuyển | Liên tục trong năm |
| | Công nghệ ô tô | 50 | 70 | | | |
| | Điện công nghiệp | 50 | 50 | | | |
| | Điện tử công nghiệp | 35 | 35 | | | |
| | Công nghệ thông tin | 30 | 35 | | | |
| | Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính | 30 | 35 | | | |
| | Kế toán doanh nghiệp | 50 | 60 | | | |
| | Gia công và thiết kế sản phẩm mộc | 70 | 35 | | | |
| | Lâm sinh | 70 | 35 | | | |
| | Kỹ thuật xây dựng | 35 | 35 | 50 | | |
| | Cơ điện nông thôn | 50 | 35 | | | |
| | Vận hành cần, cầu trục | | 35 | 100 | | |
| | Vận hành máy thi công nền | | 35 | | | |
| | Tin học văn phòng | | 35 | | | |
| | Công nghệ sản xuất ván nhân tạo | | 35 | | | |
| | Kỹ thuật điêu khắc gỗ | | 35 | | | |
| | Làm vườn - cây cảnh | | 30 | 35 | | |
| | Trồng cây lương thực thực phẩm | | 35 | | | |
| | Bảo vệ thực vật | 35 | 90 | | | |
| | Thú y | 35 | 60 | | | |
| | Trang trí nội thất | 35 | 35 | | | |
| | Điện dân dụng | | | 70 | | |
| | Sơ chế mủ cao su | | | 70 | | |
| | Trồng, chăm sóc và khai thác mủ cao su | | | 35 | | |
| | Kỹ thuật trồng, chăm sóc cà phê | | | 70 | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Cao đẳng | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| | Kỹ thuật trồng, chăm sóc cây trà ô long | | | 70 | Xét tuyển | Liên tục trong năm |
| | Khuyến nông, lâm | | | 35 | | |
| | Trồng và khai thác rừng trồng | | | 50 | | |
| | Bảo tồn, trồng và làm giàu rừng tự nhiên | | | 50 | | |
| | Kỹ thuật trồng và nhân giống nấm | | | 50 | | |
| | Trồng rau an toàn | | | 50 | | |
| | Sản xuất đồ mộc từ ván nhân tạo | | | 30 | | |
| | Ván ghép thanh | | | 30 | | |
| | Vận hành máy gặt, đập liên hoàn | | | 30 | | |
| | Sửa chữa máy nông nghiệp | | | 50 | | |
| | Lái xe nâng hạ | | | 50 | | |
| | Lái xe xúc - đào | | | 50 | | |
| | Lái máy ủi | | | 30 | | |
| | Lái xe hạng B1, B2, C | | | 1200 | | |
| | Trồng lúa năng suất cao | | | 70 | | |
| | Trồng hồ tiêu | | | 90 | | |
| | Trồng nhãn, vải | | | 90 | | |
| | Trồng thanh long | | | 90 | | |
| 244 | **Trường Cao đẳng Đường sắt**<br>Phân hiệu phía Nam<br>Mã trường: CDT0106<br>Địa chỉ: Số 7 Lý Thường Kiệt, Tx. Dĩ An, tỉnh Bình Dương<br>Điện thoại: 02743.742.796<br>Website: caodangduongsat-cs2.edu.vn<br>Email: phpn@truongduongsat.edu.vn | | | | | |
| | Cao đẳng | | | | Xét tuyển (Học bạ hoặc điểm thi tốt nghiệp THPT quốc gia) | Từ 05/3/2018 đến 12/10/2018 |
| | Điều hành chạy tàu hỏa | 30 | | | | |
| | Quản trị mạng máy tính | 25 | | | | |
| | Kế toán doanh nghiệp | 25 | | | | |
| | Điện công nghiệp | 25 | | | | |
| | Điện tử công nghiệp | 25 | | | | |
| | Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí | 25 | | | | |
| | Quản trị kinh doanh vận tải đường sắt | 25 | | | | |
| | Liên thông từ trung cấp lên cao đẳng | | | | | |
| | Điện công nghiệp | 25 | | | | |
| | Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí | 25 | | | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Cao đẳng | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| | Trung cấp | | | | Xét tuyển (Học bạ hoặc điểm thi tốt nghiệp THPT quốc gia) | Từ 05/3/2018 đến 12/10/2018 |
| | Điều hành chạy tàu hỏa | | 30 | | | |
| | Lái tàu đường sắt | | 40 | | | |
| | Điện công nghiệp | | 25 | | | |
| | Điện tử công nghiệp | | 25 | | | |
| | Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí | | 25 | | | |
| | Hàn | | 20 | | | |
| | Công nghệ ô tô | | 25 | | | |
| | Liên thông từ sơ cấp lên trung cấp | | | | | |
| | Điện công nghiệp | | 20 | | | |
| | Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí | | 20 | | | |
| | Sơ cấp | | | | | |
| | Gác đường ngang, cầu chung, hầm đường sắt | | | 40 | | |
| | Cắt gọt kim loại (tiện, phay bào) | | | 20 | | |
| | Sửa chữa thiết bị lạnh | | | 30 | | |
| | Sửa chữa thiết bị điện công nghiệp | | | 30 | | |
| | Hàn | | | 20 | | |
| | Xây dựng đường sắt | | | 40 | | |
| | Khám chữa toa xe | | | 30 | | |
| | Các lớp Bồi nghiệp vụ | | | | | Tuyển sinh thường xuyên |
| | An toàn vệ sinh lao động | | | | | |
| | Các lớp BDNV chuyên ngành đường sắt | | | | | |
| 245 | **Trường Cao đẳng Việt Nam - Hàn Quốc Bình Dương**<br>Mã trường: CDD4403<br>Địa chỉ: Đường Đồng Cây Viết, khu phố 1, phường Phú Mỹ, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương<br>Điện thoại: (0274) 3872127, 3872261<br>Website: http://viethanbd.edu.vn<br>Email: viethantuyensinh@gmail.com | | | | | |
| | Cắt gọt kim loại | 40 | 40 | 20 | Xét tuyển | 01/3/2018 đến 31/8/2018 |
| | Hàn | 20 | 20 | 20 | | |
| | Công nghệ ô tô | 40 | 40 | | | |
| | Điện công nghiệp | 40 | 100 | 20 | | |
| | Điện tử công nghiệp | 40 | 40 | | | |
| | Kế toán doanh nghiệp | 40 | 50 | | | |
| | Cơ điện tử | 35 | | | | |
| | Kỹ thuật ứng dụng và phần mềm máy tính | 35 | | | | |
| | Quản trị mạng máy tính | 40 | 40 | | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Cao đẳng | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| | Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính | | 30 | | Xét tuyển | 01/3/2018 đến 31/8/2018 |
| | Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí | | 40 | | | |
| | Điện tử dân dụng | | | 20 | | Thường xuyên |
| | Điện lạnh dân dụng | | | 20 | | |
| | Lập trình PLC | | | 20 | | |
| | Lập trình Vi điều khiển | | | 20 | | |
| | Kỹ thuật lập trình và vận hành máy CNC | | | 20 | | |
| | Đào tạo lái xe các hạng | | | 800 | | |
| | Vận hành cầu trục | | | 20 | | |
| | Kỹ thuật lò hơi | | | 20 | | |
| | Đào tạo lái xe nâng hàng | | | 160 | | |
| 246 | **Trường Cao đẳng Y tế Bình Dương**<br>Mã trường: CDD4405<br>Địa chỉ: 529 Lê Hồng Phong, phường Phú Hòa, Tp. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương<br>Điện thoại: 0274. 3822727 - 3832867 - 0938 437 110<br>Website: www.cdytbinhduong.edu.vn<br>Email: tuyensinhcby@gmail.com | | | | | |
| | Dược | 250 | | | Tiêu chí xét tuyển:<br>1. Điểm trung bình năm học lớp 12 đối với những thí sinh tốt nghiệp trước năm 2018.<br>2. Điểm thi THPT Quốc gia năm 2018:<br>Xét tuyển 1 trong 2 tổ hợp:<br>+ Toán, Hóa, Sinh<br>+ Toán, Văn, Ngoại ngữ | Đ1: 16/7-30/7/2018<br>Đ2: 06/8-12/8/2018<br>Đ3: 20/8-26/8/2018<br>Thời gian tuyển sinh có thể kết thúc sớm khi số lượng thí sinh nhập học đủ chỉ tiêu |
| | Điều dưỡng | 200 | | | | |
| | Hộ sinh | 100 | | | | |
| | Y sỹ | | 100 | | Tiêu chí xét tuyển:<br>Điểm trung bình năm học lớp 12 | |
| | Dược VLVH | 100 | | | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Cao đẳng | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| | Dược liên thông VLVH | 200 | | | Tiêu chí xét tuyển: Điểm trung bình năm học lớp 12 và điểm trung bình kỳ thi tốt nghiệp trung cấp ngành dự tuyển. | Tháng 03/2018 |
| | Điều dưỡng liên thông VLVH | 100 | | | | |
| | Hộ sinh liên thông VLVH | 100 | | | | |
| 247 | **Trường Cao đẳng Nghề Kỹ thuật Thiết bị Y tế Bình Dương**<br>Mã trường: CDD4404<br>Địa chỉ: 465 đường 30/4, phường Phú Thọ, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương<br>Điện thoại: 0274.3878.567<br>Website: Truongyte.edu.vn<br>Email: bvcmet@gmail.com | | | | | |
| | Kỹ thuật thiết bị điện tử y tế | 30 | | | Xét tuyển | |
| | Kỹ thuật thiết bị hình ảnh y tế | 30 | | | | |
| | Kỹ thuật thiết bị cơ điện y tế | 30 | | | | |
| | Kỹ thuật thiết bị xét nghiệm y tế | 30 | | | | |
| 248 | **Trường Cao đẳng Nghề Việt Nam - SINGAPORE**<br>Mã trường: CDD4401<br>Địa chỉ:<br>Cơ sở chính: Quốc lộ 13, phường Thuận Giao, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương<br>Cơ sở 2: Quốc lộ 13, phường An Thạnh, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương<br>Điện thoại: 0274. 3716320/3820655/3831413.<br>Website: http://www.vsvc.edu.vn;<br>Email: vsvc.bd@gmail.com | | | | | |
| | Điện công nghiệp | 120 | 160 | 0 | Xét tuyển | Đợt 1: 03/2018<br>Đợt 2: 06/2018<br>Đợt 3: 07/2018<br>Đợt 4: 08/2018<br>Đợt 5: 09/2018 |
| | Điện tử công nghiệp | 80 | 100 | 0 | | |
| | Cắt gọt kim loại | 70 | 135 | 0 | | |
| | Cơ điện tử | 70 | 40 | 0 | | |
| | Công nghệ ô tô | 70 | 70 | 0 | | |
| | Quản trị mạng máy tính | 40 | 40 | 0 | | |
| | Nguội sửa chữa máy công cụ | 40 | 70 | 0 | | |
| | Bảo trì thiết bị cơ điện | 40 | 40 | 0 | | |
| | Kỹ thuật sửa chữa lắp ráp máy tính | 0 | 80 | 0 | | |
| | Điện dân dụng | 0 | 40 | 0 | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Cao đẳng | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| 249 | **Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Bình Dương**<br>Mã trường: DKB<br>Địa chỉ: Cơ sở 1: 530 Đại lộ Bình Dương, P. Hiệp Thành, Tp. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương<br>Cơ sở 2: 333 đường Thuận Giao 16, P. Thuận Giao, TX. Thuận An, tỉnh Bình Dương<br>Điện thoại: (0274) 3822847; (0274) 3870795; (0274) 3969171.<br>Website: www.ktkt.edu.vn<br>Email: tuyensinh@ktkt.edu.vn | | | | | |
| | Tin học ứng dụng | 30 | | | Xét tuyển theo học bạ THPT | Đợt 1: 15/8<br>Đợt 2: 21/10 |
| | Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử | 30 | | | | |
| | Công nghệ kỹ thuật hóa học | 30 | | | | |
| | Kế toán | 50 | | | | |
| | Tài chính - Ngân hàng | 30 | | | | |
| | Thư ký văn phòng | 30 | | | | |
| | Dịch vụ pháp lý | 30 | | | | |
| | Tiếng Anh | 50 | | | | |
| | Dược sĩ | 140 | | | | |
| | **ĐỒNG NAI** | | | | | |
| 250 | **Trường Cao đẳng Nghề Cơ giới Thủy lợi**<br>Mã trường: CDT4804<br>Địa chỉ: ấp Thanh Hóa, xã Hố Nai 3, Trảng Bom, Đồng Nai<br>Điện thoại: 02513.968206; 02513.968216<br>Website: Vcmi.edu.vn<br>Email: caodangcogioithuyloi@gmail.com | | | | | |
| | Điện công nghiệp | 60 | 200 | 15 | Xét tuyển (theo học bạ) | Cả năm |
| | Cắt gọt kim loại | 60 | 120 | 15 | | |
| | Công nghệ ô tô | 60 | 80 | 20 | | |
| | Cơ điện tử | 20 | 25 | | | |
| | Điện tử công nghiệp | 25 | 25 | | | |
| | Kế toán doanh nghiệp | 60 | 70 | 15 | | |
| | May thời trang | 15 | 35 | 15 | | |
| | Xử lý dữ liệu | 35 | 70 | | | |
| | Quản trị mạng máy tính | 30 | | | | |
| | Vận hành máy thi công nền | 0 | 20 | | | |
| | Xếp dỡ cơ giới tổng hợp | 0 | 20 | | | |
| | Hàn | 0 | | 20 | | |
| | Vận hành máy nâng hàng | 0 | | 90 | | |
| | Vận hành cần, cầu trục | 0 | | 40 | | |
| | Vận hành máy cẩu | 0 | | 40 | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Cao đẳng | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| | Vận hành máy đào - xúc | 0 | | 60 | Xét tuyển (theo học bạ) | Cả năm |
| | Vận hành máy ủi | 0 | | 40 | | |
| | Vận hành máy san | 0 | | 15 | | |
| | Vận hành máy lu | 0 | | 15 | | |
| | Lái xe ô tô | 0 | | 800 | | |
| 251 | **Trường Cao đẳng Nghề Số 8**<br>Mã trường: CDT4802<br>Địa chỉ: Đường Bùi Văn Hòa, phường Long Bình Tân, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai<br>Điện thoại: 02513.3930081<br>Website: http://caodangngheso8.edu.vn/<br>Email: support@cda.edu.vn | | | | | |
| | Hàn | 60 | 60 | 90 | Xét tuyển (theo học bạ) | Cả năm |
| | Kỹ thuật dược | 60 | 90 | 40 | | |
| | Cắt gọt kim loại | 90 | 120 | 80 | | |
| | Công nghệ ô tô | 150 | 210 | | | |
| | Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí | 50 | 50 | | | |
| | Điện công nghiệp | 90 | 120 | | | |
| | Điện tử công nghiệp | 60 | 90 | | | |
| | May thời trang | 70 | 90 | | | |
| | Kế toán doanh nghiệp | 150 | 150 | | | |
| | Lập trình máy tính | 90 | 120 | | | |
| | Quản trị doanh nghiệp vừa và nhỏ | 120 | | | | |
| | Quản trị nhà hàng | 70 | | | | |
| | Nghiệp vụ nhà hàng | | 40 | | | |
| | Thiết kế đồ họa | | 60 | | | |
| | Công nghệ thông tin | | | 90 | | |
| | Lắp đặt điện dân dụng và công nghiệp | | | 90 | | |
| | Điện lạnh | | | 90 | | |
| | Sửa chữa động cơ điện và thiết bị điện gia dụng | | | 90 | | |
| | Kỹ thuật tiện | | | 80 | | |
| | Kỹ thuật phay | | | 80 | | |
| | Nghiệp vụ kế toán | | | 80 | | |
| | Sửa chữa, lắp ráp máy tính | | | 90 | | |
| | Đồ họa máy tính | | | 90 | | |
| | Quản trị mạng máy tính | | | 90 | | |
| | Bảo trì máy may | | | 90 | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Cao đẳng | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| | May công nghiệp | | | 80 | Xét tuyển (theo học bạ) | Cả năm |
| | Bảo vệ | | | 360 | | |
| | Sửa chữa gầm ô tô | | | 120 | | |
| | Lái xe nâng chuyển | | | 320 | | |
| | Lái xe ô tô B1, B2 | | | 2420 | | |
| | Lái xe ô tô hạng C | | | 1360 | | |
| | Sửa chữa động cơ ô tô | | | 120 | | |
| | Sửa chữa điện ô tô | | | 120 | | |
| | Phay CNC | | | 90 | | |
| | Tiện CNC | | | 90 | | |
| 252 | **Trường Cao đẳng Công nghệ Quốc tế LILAMA 2**<br>Mã trường: CDT4801<br>Địa chỉ: Km 32, QL 51, Long Thành, Đồng Nai<br>Điện thoại: 0251.3558700<br>Website: lilama2.edu.vn<br>Email: lilamattc2@hcm.vnn.vn | | | | | |
| | Hàn | 100 | 50 | 400 | Xét tuyển (theo học bạ) | Cả năm |
| | Chế tạo thiết bị cơ khí | 150 | 75 | 60 | | |
| | Lắp đặt thiết bị cơ khí | 50 | 50 | | | |
| | Kỹ thuật lắp đặt ống công nghệ | 50 | 50 | | | |
| | Cắt gọt kim loại | 100 | 50 | | | |
| | Điện công nghiệp | 125 | 75 | 70 | | |
| | Điện tử công nghiệp | 100 | 50 | | | |
| | Kỹ thuật lắp đặt điện và điều khiển trong CN | 50 | 50 | | | |
| | Cơ điện tử | 100 | 50 | | | |
| | Lắp ráp và sửa chữa máy tính | 25 | 25 | | | |
| | Kế toán doanh nghiệp | 100 | 75 | 100 | | |
| | Kỹ thuật lắp đặt đài trạm viễn thông | 25 | 25 | | | |
| | Kỹ thuật truyền dẫn quang và vô tuyến | 0 | 25 | | | |
| | Quản trị doanh nghiệp vừa và nhỏ | 0 | 25 | | | |
| | Bảo trì thiết bị cơ điện | 0 | 25 | | | |
| | Công nghệ ô tô | 0 | 50 | 250 | | |
| | Vận hành cần trục | 0 | 50 | 150 | | |
| | Vận hành xe nâng | 0 | | 120 | | |
| | An toàn lao động | 0 | | 150 | | |
| | AutoCad | 0 | | 100 | | |
| | Anh văn chuyên ngành | 0 | | 100 | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Cao đẳng | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| 253 | **Trường Cao đẳng Thống kê II**<br>Mã trường: CDT4803<br>Địa chỉ:Khu phố 5, phường Tân Hiệp, Tp. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai<br>Điện thoại: 0251.3891947<br>Website: www.thongke2.edu.vn<br>Email: ththongke@yahoo.com | | | | | |
| | Điều dưỡng | 600 | | | Xét tuyển (theo học bạ) | Cả năm |
| | Dược | 880 | 50 | | | |
| | Hộ sinh | 300 | | | | |
| | Kỹ thuật vật lý trị liệu và phục hồi chức năng | 150 | | | | |
| | Kỹ thuật xét nghiệm y học | 150 | | | | |
| | Y sĩ | 0 | 70 | | | |
| | Nhân viên xoa bóp | 0 | | 200 | | |
| 254 | **Trường Cao đẳng Mỹ thuật Trang trí Đồng Nai**<br>Mã trường: CDT4805<br>Địa chỉ: 368 Đường 30/4, P. Trung Dũng, Tp. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai<br>Điện thoại: 02513 816 820<br>Website: http://dongnaiart.edu.vn<br>Email: support@cda.edu.vn | | | | | |
| | Thiết kế đồ họa | 60 | | | Xét tuyển (theo học bạ) | Cả năm |
| | Thiết kế nội thất | 60 | | | | |
| | Điêu khắc | 10 | | | | |
| | Gốm | 10 | | | | |
| | Thiết kế thời trang | 40 | | | | |
| | Truyền thông đa phương tiện | 60 | | | | |
| | Nhiếp ảnh | 10 | | | | |
| 255 | **Trường Cao đẳng Kỹ thuật Đồng Nai**<br>Mã trường: CDD4803<br>Địa chỉ: Đường Nguyễn Văn Hoa, khu phố 1, phường Thống Nhất, Tp. Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai<br>Điện thoại:0251.3822263<br>Website: http://dongnaiart.edu.vn<br>Email: caodangdona@gmail.com | | | | | |
| | Điện công nghiệp | 150 | 140 | | Xét tuyển (theo học bạ) | Cả năm |
| | Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí | 50 | 40 | | | |
| | Điện tử công nghiệp | 60 | 60 | | | |
| | Nguội sửa chữa máy công cụ | 60 | 50 | | | |
| | Cắt gọt kim loại | 100 | 60 | | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Cao đẳng | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| | Công nghệ hàn | 40 | 20 | | Xét tuyển (theo học bạ) | Cả năm |
| | Công nghệ ô tô | 90 | 60 | | | |
| | Quản trị mạng máy tính | 40 | | | | |
| | Công nghệ thông tin | 60 | 40 | | | |
| | May thời trang | 40 | 40 | | | |
| | Chế biến thực phẩm | 20 | 40 | | | |
| | Kiểm tra và phân tích hóa chất | 0 | 20 | | | |
| | Kế toán doanh nghiệp | 50 | 50 | | | |
| 256 | **Trường Cao đẳng Nghề Công nghệ cao Đồng Nai**<br>Mã trường: CDD4805<br>Địa chỉ: Số 47, đường Tôn Đức Thắng, khu Phước Hải, thị trấn Long Thành, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai<br>Điện thoại: 02513.845352<br>Website: http://longthanhtech.edu.vn hoặc http://dcoht.edu.vn<br>Email: longthanhvtc@gmail.com | | | | | |
| | Điện công nghiệp | 60 | 140 | | Xét tuyển (theo học bạ) | Cả năm |
| | Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí | | 35 | | | |
| | Quản trị mạng máy tính | 25 | 35 | | | |
| | Công nghệ thông tin (ứng dụng phần mềm) | 25 | 60 | | | |
| | Kế toán doanh nghiệp | 80 | 70 | | | |
| | Quản trị doanh nghiệp vừa và nhỏ | 35 | | | | |
| | Công nghệ ô tô | 25 | 80 | | | |
| | Cắt gọt kim loại | 20 | 80 | | | |
| | May thời trang | | 35 | | | |
| | Quản trị khách sạn | 25 | 35 | | | |
| | Kỹ thuật chế biến món ăn | | 30 | | | |
| | Tự động hóa công nghiệp | 25 | | | | |
| | Lái xe ô tô | | | 500 | | |
| | Vận hành xe nâng | | | 120 | | |
| | Tiện ren | | | 25 | | |
| | Vi tính văn phòng | | | 20 | | |
| | Lắp đặt điện nội thất | | | 20 | | |
| | Sửa chữa bảo trì tủ lạnh và điều hoà nhiệt độ | | | 20 | | |
| | Nghiệp vụ chế biến món ăn | | | 25 | | |
| | May công nghiệp | | | 20 | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Cao đẳng | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| 257 | **Trường Cao đẳng Y tế Đồng Nai**<br>Mã trường: CDD4807<br>Địa chỉ: KP9, phường Tân Biên, Biên Hòa, Đồng Nai<br>Điện thoại: 02513 881.390<br>Website: www.cyd.edu.vn<br>Email: truongcdytdn@vnn.vn | | | | | |
| | Điều dưỡng | 600 | | | Xét tuyển (theo học bạ) | Cả năm |
| | Dược | 880 | 50 | | | |
| | Hộ sinh | 300 | | | | |
| | Kỹ thuật vật lý trị liệu và phục hồi chức năng | 150 | | | | |
| | Kỹ thuật xét nghiệm y học | 150 | | | | |
| | Y sĩ | 0 | 70 | | | |
| | Nhân viên xoa bóp | 0 | | 200 | | |
| 258 | **Trường Cao đẳng Công nghệ và Quản trị SONADESI**<br>Mã trường: CDD4804<br>Địa chỉ: Số 1, đường 6A, KCN Biên Hòa 2, Tp. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai<br>Điện thoại: 0251 3994 011<br>Website: www.sonidezi.edu.vn<br>Email: tuyensinh@sonidezi.edu.vn | | | | | |
| | Công nghệ may | 220 | | | Xét tuyển (theo học bạ) | Cả năm |
| | Công nghệ giày da | 220 | | | | |
| | Quản trị kinh doanh | 230 | | | | |
| | Tài chính ngân hàng | 50 | | | | |
| | Kế toán doanh nghiệp | 80 | | | | |
| | Tiếng anh thương mại | 150 | | | | |
| | Tiếng Trung Quốc thương mại | 150 | | | | |
| | Công nghệ kỹ thuật xây dựng | 50 | | | | |
| | Công nghệ thông tin | 50 | | | | |
| 259 | **Trường Cao đẳng Lê Quí Đôn**<br>Mã trường: CDD4806<br>Địa chỉ: Số 538, Quốc lộ 51, KP 3, P. Long Bình Tân, Tp. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai<br>Điện thoại: 02513938 222<br>Website: www.lqd.edu.vn<br>Email: info@lqd.edu.vn | | | | | |
| | Dược | 200 | | | Xét tuyển (theo học bạ) | Cả năm |
| | Điều dưỡng | 300 | | | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Cao đẳng | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| 260 | **Trường Cao đẳng Hòa Bình Xuân Lộc**<br>Mã trường: CDD4805<br>Địa chỉ: Giáo xứ Lai Ổn, Ấp Lộ Đức, Xã Hố Nai 3, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai<br>Điện thoại: 0251. 3980 789<br>Website: truongtcnhoabinh.edu.vn<br>Email: | | | | | |
| | Điện công nghiệp | 67 | 174 | | Xét tuyển (theo học bạ) | Cả năm |
| | Công nghệ ô tô | 73 | 202 | | | |
| | Nghiệp vụ nhà hàng | | 41 | | | |
| | Hướng dẫn viên du lịch | | 65 | | | |
| | Quản trị khách sạn | 21 | 56 | | | |
| | Kế toán doanh nghiệp | 25 | 45 | | | |
| | Kỹ thuật máy lạnh & điều hòa không khí | | 71 | | | |
| | Vận hành & sửa chữa thiết bị lạnh | | 57 | | | |
| | Tin học văn phòng | | 40 | | | |
| | Thiết kế đồ họa | 46 | 84 | | | |
| | Kỹ thuật sửa chữa & lắp ráp máy tính | | 74 | | | |
| | Quản trị mạng máy tính | | 73 | | | |
| | May thời trang | 25 | 84 | | | |
| | Mộc xây dựng & trang trí nội thất | | 14 | | | |
| | Hàn | | 62 | | | |
| | Nguội sửa chữa | | 0 | | | |
| **BÀ RỊA - VŨNG TÀU** | | | | | | |
| 261 | **Trường Cao đẳng Quốc tế VABIS**<br>Mã trường: CDD 5204<br>Địa chỉ: Đường Trường Chinh, Vạn Hạnh, Tân Thành, Bà Rịa - Vũng Tàu<br>Điện thoại: 0909697515 hoặc 0254 3923 197<br>Website: www.vabishonglam.edu.vn<br>Email: ttphuong@vabishonglam.edu.vn | | | | | |
| | Nghề hàn | 30 | 40 | 5 | Xét tuyển (theo học bạ, ...) | Từ tháng 3 đến tháng 8 hàng năm |
| | Nghề điện công nghiệp | 20 | 50 | 5 | | |
| | Nghề máy lạnh và điều hòa không khí | 25 | 20 | 5 | | |
| | Nghề kế toán doanh nghiệp | 30 | 40 | 5 | | |
| | Kỹ thuật lắp đặt ống công nghệ | | 30 | | | |
| | Bảo trì hệ thống thiết bị cơ khí | | 30 | | | |
| | Bảo trì hệ thống thiết bị công nghiệp | | 30 | | | |
| | Marketting thương mại | | 30 | | | |
| | Phiên dịch tiếng anh thương mại | 20 | | | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Cao đẳng | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| | Xây dựng | | 15 | | Xét tuyển (theo học bạ, ...) | Từ tháng 3 đến tháng 8 hàng năm |
| | Tự động hóa với PLC và biến tần | | | 15 | | |
| | Tính toán - Chọn lựa thiết bị trong lắp đặt điện | | | 15 | | |
| | Kỹ thuật lắp đặt và sữa chữa điều hòa không khí dân dụng | | | 15 | | |
| | Kỹ thuật vận hành và sữa chữa máy lạnh | | | 15 | | |
| | Vận hành xe nâng | | | 15 | | |
| | Mộc xây dựng và trang trí nội thất | | | 15 | | |
| | Gia công và thiết kế sản phẩm mộc | | | 15 | | |
| | Kỹ thuật nề hoàn thiện | | | | | |
| | Khác | | | 15 | | |
| 262 | **Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Bà Rịa - Vũng Tàu**<br>Mã trường: CDD5203<br>Địa chỉ: Cơ sở 1: Khu phố Thanh Tân, thị trấn Đất Đỏ, huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu<br>Cơ sở 2: Đường 3/2, phường 11, Tp. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.<br>Cơ sở 3: Số 78 Trương Công Định, phường 3, Tp. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu<br>Điện thoại: 0254.3866420 - 0254.3581703 - 0254.3584976<br>Website: bctech.edu.vn<br>Email: info@bctech.edu.vn | | | | | |
| | Điện công nghiệp | 130 | 190 | 20 | Xét tuyển (theo học bạ) | 01/01/2018 - 30/11/2018 |
| | Kỹ thuật máy lạnh & điều hòa không khí | 40 | 100 | | | |
| | Cơ điện tử | 20 | 20 | | | |
| | Điện tử công nghiệp | | 20 | | | |
| | Kỹ thuật lắp đặt điện và điều khiển trong công nghiệp | 20 | | | | |
| | Công nghệ ôtô | 140 | 150 | | | |
| | Hàn | 30 | 60 | | | |
| | Cắt gọt kim loại | 40 | 80 | | | |
| | Sửa chữa máy tàu thủy | | 20 | | | |
| | Chế tạo thiết bị cơ khí | 20 | 40 | | | |
| | Chế tạo khuôn mẫu | 40 | | | | |
| | Chế biến thực phẩm | 20 | 50 | | | |
| | Quản trị mạng máy tính | 20 | | | | |
| | Công nghệ thông tin(ứng dụng phần mềm) | 50 | 100 | | | |
| | Kế toán doanh nghiệp | 30 | 30 | | | |
| | May thời trang | | 60 | | | |
| | Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính | | 30 | | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Cao đẳng | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| | Sửa chữa động cơ | | | 10 | Xét tuyển (theo học bạ) | 01/01/2018 - 30/12/2018 |
| | May công nghiệp | | | 20 | | |
| | Hàn điện | | | 20 | | |
| | Tiện | | | 20 | | |
| | Tin học văn phòng | | | 20 | | |
| | Kỹ thuật xây dựng | | | 20 | | |
| | Chống ăn mòn kim loại | | | 10 | | |
| | Lắp ráp kết cấu thép | | | 20 | | |
| | Điện lạnh | | | 20 | | |
| | Sửa chữa máy tàu thủy | | | 10 | | |
| | Chế biến món ăn | | | 10 | | |
| 263 | **Trường Cao đẳng Du lịch Vũng Tàu**<br>Mã trường: CDT5202<br>Địa chỉ: 459 Trương Công Định, phường 7, Tp. Vũng Tàu<br>Điện thoại: (0254).385.3334 - (0254). 3585.191<br>Website: www.vtvc.edu.vn<br>Email: truongdulichvungtau@gmail.com | | | | | |
| | Quản trị nhà hàng | 50 | | | Xét tuyển | Thường xuyên |
| | Kỹ thuật chế biến món ăn | 40 | | | | |
| | Kế toán doanh nghiệp | 40 | | | | |
| | Hướng dẫn du lịch | 40 | | | | |
| | Quản trị khách sạn | 140 | | | | |
| | Quản trị lễ tân | 50 | | | | |
| | Nghiệp vụ lễ tân | | 30 | | | |
| | Tiếng Anh | | 30 | | | |
| | Kỹ thuật chế biến món ăn | | 50 | | | |
| | Nghiệp vụ lưu trú | | 30 | | | |
| | Hướng dẫn du lịch | | 30 | | | |
| | Nghiệp vụ nhà hàng | | 30 | | | |
| | Nghiệp vụ buồng | | | 30 | | |
| | Nghiệp vụ nhà hàng | | | 30 | | |
| | Nghiệp vụ lễ tân | | | 30 | | |
| | Kỹ thuật chế biến món ăn | | | 30 | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Cao đẳng | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| 264 | **Trường Cao đẳng Dầu khí**<br>Mã trường: CDT5201<br>Địa chỉ: Số 43, đường 30/4, phường 9, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.<br>Điện thoại: 02543.838.446/02543.838.157/02543.590.252<br>Website: http://www.pvmtc.com.vn<br>Email: tuyensinh@ pvmtc.com.vn | | | | | |
| | Cắt gọt kim loại | 25 | 25 | | Xét tuyển | Từ tháng 03/2018 đến 31/12/2018 |
| | Lắp đặt thiết bị điện | 25 | 25 | | | |
| | Bảo trì thiết bị cơ điện | 25 | 25 | | | |
| | Lắp đặt, vận hành và sửa chữa bảo dưỡng bơm, quạt, máy nén khí | 25 | | | | |
| | Hàn | | 60 | | | |
| | Điện công nghiệp | 25 | | | | |
| | Sửa chữa thiết bị tự động hóa | 25 | | | | |
| | Sửa chữa thiết bị chế biến dầu khí | 25 | | | | |
| | Vận hành thiết bị chế biến dầu khí | 25 | | | | |
| | **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** | | | | | |
| 265 | **Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng thành phố Hồ Chí Minh**<br>Mã trường: CDD0207<br>Địa chỉ: 390 Hoàng Văn Thụ, phường 4, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh<br>Điện thoại: 028. 38 110 521<br>Website: www.LTTC.edu.vn<br>Email: tuyensinh@LTTC.edu.vn | | | | | |
| | Bảo trì hệ thống thiết bị công nghiệp | 150 | 50 | | Xét tuyển theo học bạ | Từ ngày 16/4/2018 đến ngày 30/9/2018 |
| | Cắt gọt kim loại | 150 | 50 | | | |
| | Công nghệ chế tạo máy | 150 | | | | |
| | Công nghệ chế tạo dụng cụ | | 50 | | | |
| | Công nghệ kỹ thuật cơ khí | 150 | 50 | | | |
| | Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử | 150 | 50 | | | |
| | Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử | 150 | 50 | | | |
| | Kỹ thuật mạng ngoại vi và thiết bị đầu cuối | 150 | 50 | | | |
| | Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa | 150 | | | | |
| | Công nghệ kỹ thuật điều khiển tự động | | 50 | | | |
| | Điện công nghiệp | 150 | 50 | | | |
| | Điện tử công nghiệp | 150 | 50 | | | |
| | Công nghệ ô tô | 150 | 50 | | | |
| | May thời trang | 150 | 50 | | | |
| | Công nghệ may veston | 150 | 50 | | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Cao đẳng | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| | Công nghệ may | 150 | | | Xét tuyển theo học bạ | Từ ngày 16/4/2018 đến ngày 30/9/2018 |
| | Công nghệ may và thời trang | | 50 | | | |
| | Lắp đặt thiết bị lạnh | 150 | 50 | | | |
| | Công nghệ kỹ thuật nhiệt | 150 | 50 | | | |
| | An ninh mạng | 150 | 50 | | | |
| | Công nghệ kỹ thuật máy tính | 150 | | | | |
| | Công nghệ kỹ thuật phần cứng máy tính | | 50 | | | |
| | Lập trình máy tính | 150 | 50 | | | |
| | Quản trị mạng máy tính | 150 | 50 | | | |
| | Thiết kế trang Web | 150 | 50 | | | |
| | Tin học ứng dụng | 150 | 50 | | | |
| | Tiếng Anh | 150 | 50 | | | |
| | Kế toán doanh nghiệp | 150 | 50 | | | |
| | Quản trị doanh nghiệp vừa và nhỏ | 150 | 50 | | | |
| | Tài chính doanh nghiệp | 150 | 50 | | | |
| | Kỹ thuật xây dựng | 150 | 50 | | | |
| | Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí | 150 | 50 | | | |
| | Vận hành sửa chữa thiết bị lạnh | 150 | 50 | | | |
| 266 | **Trường Cao đẳng Công nghệ Thủ Đức**<br>Mã trường: CDD0205<br>Địa chỉ: 53 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh<br>Điện thoại: 0962 108 879 (Hotline) - 028.6676 9623 - 028. 3897 0023 - 028. 3897 2339<br>Website: http://tuyensinh.tdc.edu.vn<br>Email: tuyensinh@tdc.edu.vn | | | | | |
| | Tiếng Anh | 300 | 30 | | 1. Hình thức tuyển sinh: Xét tuyển<br>2. Điều kiện tuyển sinh:<br>Cao đẳng: đã tốt nghiệp THPT hoặc tương đương<br>Trung cấp: đã tốt nghiệp THCS (hoặc tương đương) trở lên.<br>3. Căn cứ xét tuyển:<br>Cao đẳng: bằng tốt nghiệp THPT hoặc Giấy chứng nhận tốt nghiệp THPT tạm thời (nếu tốt nghiệp năm 2018) và học bạ THPT<br>Trung cấp: bằng tốt nghiệp THCS/ | Dự kiến từ ngày 01/6/2018 |
| | Tiếng Hàn Quốc | 100 | 50 | | | |
| | Kế toán | 200 | | | | |
| | Thiết kế đồ họa | 140 | | | | |
| | Quản trị kinh doanh | 325 | | | | |
| | Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành | 165 | | | | |
| | Truyền thông và mạng máy tính | 100 | | | | |
| | Công nghệ thông tin | 330 | | | | |
| | Công nghệ kỹ thuật cơ khí | 325 | 50 | | | |
| | Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử | 100 | 30 | | | |
| | Công nghệ kỹ thuật ô tô | 325 | | | | |
| | Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử | 200 | | | | |
| | Công nghệ kỹ thuật điện tử truyền thông | 50 | | | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Cao đẳng | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| | Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa | 50 | | | THPT hoặc Giấy chứng nhận tốt nghiệp THCS/ THPT tạm thời (nếu tốt nghiệp năm 2018) và học bạ THCS/THPT | Dự kiến từ ngày 01/6/2018 |
| | Chế tạo thiết bị cơ khí (*) | 50 | | | | |
| | Điện công nghiệp (*) | 100 | | | | |
| | Điện tử công nghiệp (*) | 100 | | | | |
| | Quản trị khách sạn (*) | 50 | | | | |
| | Kinh doanh thương mại (*) | 50 | | | | |
| | Logistic (*) | 50 | | | | |
| | Tài chính - Ngân hàng (*) | 50 | | | | |
| | Tiếng Nhật (*) | 50 | 40 | | | |
| | Kế toán doanh nghiệp | | 50 | | | |
| | Quản lý doanh nghiệp | | 50 | | | |
| | Hướng dẫn du lịch | | 30 | | | |
| | Bảo trì và sửa chữa ô tô | | 40 | | | |
| | Điện tử công nghiệp | | 30 | | | |
| | Điện công nghiệp và dân dụng | | 50 | | | |
| | Công nghệ kỹ thuật điều khiển tự động | | 30 | | | |
| | Quản lý và kinh doanh nhà hàng và dịch vụ ăn uống | | 40 | | | |
| | Nghiệp vụ Bar (*) | | | 50 | | |
| | Nghiệp vụ chế biến bánh Âu (*) | | | 50 | | |
| | Quản lý và bán hàng siêu thị (*) | | 20 | 50 | | |
| | Kinh doanh thương mại (*) | | | 50 | | |
| | Kế toán tổng hợp (*) | | | 50 | | |
| | Kế toán chuyên nghiệp (*) | | | 50 | | |
| | Phay (*) | | | 50 | | |
| | Vận hành lập trình Tiện - Phay CNC (*) | | | 50 | | |
| | Lập trình viên Android chuyên nghiệp (*) | | | 50 | | |
| | Kiểm thử phần mềm chuyên nghiệp (*) | | | 50 | | |
| | Quản trị hệ thống mạng chuyên nghiệp (*) | | | 50 | | |
| | Lắp đặt triển khai hệ thống mạng (*) | | | 50 | | |
| | Thiết kế đồ họa chuyên nghiệp (*) | | | 50 | | |
| | Làm phim quảng cáo chuyên nghiệp (*) | | | 50 | | |
| | Sửa chữa điện công nghiệp | | | 50 | | |
| | Tiện | | | 50 | | |
| | Gò - Hàn | | | 50 | | |
| | *Ghi chú*: các ngành đánh dấu (*) là các ngành dự kiến đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp trong năm 2018. | | | | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Cao đẳng | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| 267 | **Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật thành phố Hồ Chí Minh**<br>Mã trường: CDD0213<br>Địa chỉ: 215 Nguyễn Văn Luông, phường 11, quận 6, Tp. HCM<br>Điện thoại: 028 - 38753773 (phòng TC-HC), 028 - 54061344 (Phòng tuyển sinh)<br>Website: http://ktkthcm.edu.vn<br>Email: ktkthcm@hotec.edu.vn, tuyensinh@hotec.edu.vn | | | | | |
| | Tiếng Anh | 120 | | | Xét tuyển (Điều kiện: tốt nghiệp THPT) | 01/06/2018 - 31/08/2018 |
| | Quản trị kinh doanh | 160 | | | | |
| | Tài chính - Ngân hàng | 30 | | | | |
| | Kế toán | 180 | | | | |
| | Hệ thống thông tin | 30 | | | | |
| | Công nghệ thông tin | 150 | | | | |
| | Công nghệ kỹ thuật cơ khí | 90 | | | | |
| | Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử | 30 | | | | |
| | Công nghệ kỹ thuật ô tô | 180 | | | | |
| | Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử | 70 | | | | |
| | Công nghệ kỹ thuật điện tử, truyền thông | 30 | | | | |
| | Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa | 30 | | | | |
| | Điện tử dân dụng | | 30 | | Xét tuyển học bạ lớp 9 (THCS) hoặc lớp 12 (THPT)<br>Sử dụng kết quả 2 môn (Toán + Lý) riêng ngành May (Toán + Văn) | 01/06/2018 - 31/07/2018 |
| | Công nghệ kỹ thuật nhiệt | | 90 | | | |
| | Điện công nghiệp và dân dụng | | 120 | | | |
| | Công nghệ may và thời trang | | 60 | | | |
| | Tin học ứng dụng | | 90 | | | |
| | Kế toán doanh nghiệp | | 90 | | | |
| | Bảo trì và sửa chữa ô tô | | 150 | | | |
| | Cơ khí chế tạo | | 120 | | | |
| | Thiết kế và quản lý website | | 60 | | | |
| | Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử | | 30 | | | |
| | Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông | | 30 | | | |
| | Quản trị mạng máy tính | | 30 | | | |
| 268 | **Trường Cao đẳng Giao thông Vận tải**<br>Mã trường: CDD0214<br>Địa chỉ: 252, Lý Chính Thắng, phường 9, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh<br>Điện thoại: (028) 38 439 775<br>Website: hcmct.edu.vn<br>Email: phongdt@hcmct.edu.vn | | | | | |
| | Quản trị kinh doanh | 110 | | | Xét tuyển theo học bạ năm lớp 12 hoặc điểm thi tốt nghiệp THPT quốc gia | Từ tháng 04/2018 đến tháng 12/2018 |
| | Kế toán | 110 | | | | |
| | Khai thác vận tải | 50 | | | | |
| | Công nghệ thông tin (ứng dụng phần mềm) | 50 | | | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Cao đẳng | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| | Công nghệ kỹ thuật ô tô | 390 | | | Xét tuyển theo học bạ năm lớp 12 hoặc điểm thi tốt nghiệp THPT quốc gia | Từ tháng 04/2018 đến tháng 12/2018 |
| | Công nghệ kỹ thuật xây dựng | 120 | | | | |
| | Xây dựng cầu đường bộ | 100 | | | | |
| | Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử | 120 | | | | |
| | Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa | 50 | | | | |
| | Kế toán doanh nghiệp | | 30 | | Xét tuyển theo học bạ năm lớp 9 hoặc lớp 12 hoặc điểm thi tốt nghiệp THPT quốc gia | Từ tháng 04/2018 đến tháng 12/2018 |
| | Lập trình/Phân tích hệ thống | | 15 | | | |
| | Bảo trì và sửa chữa ô tô | | 20 | | | |
| | Xây dựng dân dụng và công nghiệp | | 30 | | | |
| | Xây dựng cầu đường | | 30 | | | |
| | Điện công nghiệp và dân dụng | | 30 | | | |
| | Công nghệ kỹ thuật nhiệt | | 30 | | | |
| | Khai thác vận tải thủy nội địa | | 30 | | | |
| | Điều khiển phương tiện thủy nội địa | | 30 | | | |
| | Vận hành cần cẩu | | | 50 | Xét tuyển | Từ tháng 01/2018 đến tháng 12/2018 |
| | Vận hành máy cuốc (đào), xúc | | | 20 | | |
| | Vận hành máy đóng, ép cọc | | | 20 | | |
| | Vận hành máy san - ủi | | | 20 | | |
| | Vận hành thiết bị xe nâng | | | 50 | | |
| | Vận hành xe lu - đầm | | | 20 | | |
| | Lái xe ô tô | | | 2850 | | |
| 269 | **Trường Cao đẳng Văn hóa Nghệ thuật thành phố Hồ Chí Minh**<br>Mã trường: CDD0215<br>Địa chỉ: 5 Nam Quốc Cang, phường Phạm Ngũ Lão, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh<br>Điện thoại: (028)39250992 - 0968052700<br>Website: www.vhnthcm.edu.vn<br>Email: daotao.vhnthcm@yahoo.com.vn; daotao.vhnthcm@gmail.com | | | | | |
| | Thanh nhạc | 90 | | | Kết hợp thi năng khiếu và xét tuyển | Đợt 1: Tháng 6/2018<br>Đợt 2: Tháng 7/2018 |
| | Diễn viên kịch - điện ảnh | 60 | | | | |
| | Đạo diễn sân khấu | 15 | | | | |
| | Hội họa | 10 | | | | |
| | Nhiếp ảnh | 10 | | | | |
| | Thiết kế công nghiệp | 15 | | | | |
| | Thiết kế thời trang | 15 | | | | |
| | Khoa học thư viện | 30 | | | Xét tuyển (học bạ) | |
| | Kinh doanh xuất bản phẩm | 30 | | | | |
| | Quản lý văn hóa | 30 | | | | |
| | Hướng dẫn viên du lịch | 30 | | | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Cao đẳng | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| 270 | **Trường Cao đẳng Kỹ thuật Nguyễn Trường Tộ**<br>Mã trường: CD0211<br>Địa chỉ: 02, Mai Thị Lựu, phường Đa Kao, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh<br>Điện thoại: 028. 38242109<br>Website: www.nguyentruongto.edu.vn<br>Email: ntt@nguyentruongto.edu.vn | | | | | |
| | Cắt gọt kim loại | 30 | 30 | | Xét tuyển | Đến 31-12-2018 |
| | Điện tử công nghiệp | 30 | 30 | | | |
| | Điện công nghiệp | 30 | 30 | | | |
| | Hàn | | 30 | | | |
| | Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí. | 30 | 30 | | | |
| | Kỹ thuật sửa chữa và lắp ráp máy tính | | 60 | | | |
| | Tin học văn phòng | 35 | 35 | | | |
| | Kế toán doanh nghiệp | 50 | 40 | | | |
| | Quản trị doanh nghiệp vừa và nhỏ. | 40 | | | | |
| 271 | **Trường Cao đẳng Thủ Thiêm - thành phố Hồ Chí Minh**<br>Mã trường: CDD0202<br>Địa chỉ: 145 Lê Văn Thịnh, phường Bình Trưng Đông, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh<br>Điện thoại: 028.37.437.537 - 028.37.437.037<br>Website: http://www.caodangthuthiem-hcm.edu.vn<br>Email: cdtt.q2@tphcm.gov.vn | | | | | |
| | Kỹ thuật xây dựng | 35 | 35 | | Xét tuyển | 01/08;<br>01/09;<br>01/11;<br>01/12; |
| | Quản trị mạng máy tính | 100 | 100 | | | |
| | Kế toán doanh nghiệp | 100 | 1000 | | | |
| | Công nghệ ô tô | 70 | 70 | | | |
| | Điện công nghiệp | | 50 | | | |
| 272 | **Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Thủ Đức**<br>Mã trường: CDD 0204<br>Địa chỉ: số 17 đường 8 phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh<br>Điện thoại: 02838.029.585<br>Website: http://www.cdkttd.edu.vn<br>Email: tuyensinh@ctd.edu.vn | | | | | |
| | Điện công nghiệp | 40 | 100 | | Xét tuyển học bạ | Đợt 1: từ 02/01/2018 đến 31/03/2018<br>Đợt 2: từ 01/06/2018 đến 15/8/2018 |
| | Điện tử công nghiệp | 40 | 100 | | | |
| | Kỹ thuật máy lạnh và đều hòa không khí | 30 | 70 | | | |
| | Cắt gọt kim loại | 35 | 80 | | | |
| | Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính | 20 | 45 | | | |
| | Thiết kế đồ họa | 20 | 85 | | | |
| | Kế toán doanh nghiệp | 25 | 45 | | | |
| | Quản trị doanh nghiệp vừa và nhỏ | 20 | 45 | | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Cao đẳng | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| 273 | **Trường Cao đẳng bán công Công nghệ và Quản trị doanh nghiệp**<br>Mã trường: CDD0217<br>Địa chỉ: Số 15 đường Trần Văn Trà, khu Đô thị mới Nam thành phố, phường Tân Phú, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh<br>Điện thoại: 0903 912 807<br>Website: www.ctim.edu.vn<br>Email: phamvandungctim@gmail.com | | | | | |
| | Công nghệ thông tin | 60 | | | Xét tuyển (Tốt nghiệp THPT hoặc tương đương) | Từ ngày 02/01/2018 |
| | Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử | 60 | | | | |
| | Công nghệ kỹ thuật điện tử, truyền thông | 30 | | | | |
| | Công nghệ kỹ thuật cơ khí | 60 | | | | |
| | Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử | 30 | | | | |
| | Công nghệ kỹ thuật xây dựng | 30 | | | | |
| | Công nghệ kỹ thuật môi trường | 30 | | | | |
| | Quản lý công nghiệp | 30 | | | | |
| | Quản trị kinh doanh | 120 | | | | |
| | Kế toán | 60 | | | | |
| | Tài chính - Ngân hàng | 30 | | | | |
| | Tiếng Anh | 60 | | | | |
| 274 | **Trường Cao đẳng miền Nam**<br>Mã trường: CDD0218<br>Địa chỉ: 416 đường số 10, phường 9, quận Gò Vấp, Tp. Hồ Chí Minh<br>Điện thoại: (028) 3989 3967 - 3989 3968<br>Website: www.cdmiennam.edu.vn<br>Email: cdmiennam@cdmiennam.edu.vn | | | | | |
| | Dược sỹ | 300 | 50 | | Xét tuyển | Đợt 1<br>Từ 01/3/2018 đến 21/4/2018<br>Đợt 2<br>Từ 23/4/2018 đến 21/7/2018<br>Đợt 3<br>Từ 23/7/2018 đến 31/8/2018<br>Đợt 4<br>Từ 15/10/2018 đến 15/11/2018 |
| | Điều dưỡng | 250 | 50 | | | |
| | Kỹ thuật xét nghiệm y học | 70 | | | | |
| | Công nghệ kỹ thuật ô tô | 150 | | | | |
| | Công nghệ thông tin | 50 | | | | |
| | Tin học ứng dụng | 60 | | | | |
| | Kế toán | 105 | 15 | | | |
| | Tài chính ngân hàng | 40 | | | | |
| | Quản trị kinh doanh | 100 | | | | |
| | Quan hệ công chúng | 30 | | | | |
| | Dịch vụ pháp lý | 80 | | | | |
| | Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng | 50 | 15 | | | |
| | Công nghệ kỹ thuật kiến trúc | 50 | | | | |
| | Thiết kế nội thất | 50 | | | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Cao đẳng | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| | Quản lý đất đai | 100 | 15 | | Xét tuyển | Đợt 1<br>Từ 01/3/2018 đến 21/4/2018<br>Đợt 2<br>Từ 23/4/2018 đến 21/7/2018<br>Đợt 3<br>Từ 23/7/2018 đến 31/8/2018<br>Đợt 4<br>Từ 15/10/2018 đến 15/11/2018 |
| | Quản lý nhà đất | 30 | | | | |
| | Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành | 70 | | | | |
| | Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống | 70 | | | | |
| | Quản trị khách sạn | 70 | | | | |
| | Sư phạm mầm non | | 50 | | | |
| | Y sỹ | | 15 | | | |
| | Kỹ thuật vật lý trị liệu | | 15 | | | |
| | Hành chính văn phòng | | 15 | | | |
| | Pháp luật | | 15 | | | |
| | Quản lý công trình đô thị | | 15 | | | |
| | Hướng dẫn du lịch | | 15 | | | |
| | Thiết kế và quản lý website | | 15 | | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Cao đẳng | | Trung cấp | | | |
| | | Chính quy | Liên thông | Tốt nghiệp THPT | Tốt nghiệp THCS | | |
| 275 | **Trường Cao đẳng Đại Việt Sài Gòn**<br>Mã trường: CDD0219<br>Địa chỉ: Số 12 Hoàng Minh Giám, phường 9, quận Phú Nhuận, Tp. Hồ Chí Minh<br>Điện thoại: (028) 3847 5333 - 3847 6333<br>Website: www.daivietsaigon.edu.vn<br>Email: tuyensinh@daivietsaigon.edu.vn | | | | | | |
| | Dược học | 300 | 150 | | | Xét tuyển học bạ đối với học sinh tốt nghiệp THPT (Theo đề án tự chủ tuyển sinh riêng của trường); Xét tuyển kết quả thi tốt nghiệp THPT | Từ 01/3/2018 đến khi hết chỉ tiêu |
| | Điều dưỡng | 350 | | | | | |
| | Xét nghiệm | 100 | | | | | |
| | Hộ sinh | 100 | | | | | |
| | Kế toán | 70 | 50 | | | | |
| | Quản trị kinh doanh | 100 | 50 | | | | |
| | Công nghệ thông tin | 50 | 30 | | | | |
| | Công nghệ kỹ thuật điều khiển - tự động hóa | 70 | 30 | | | | |
| | Công nghệ kỹ thuật điện tử - truyền thông | 70 | 30 | | | | |
| | Công nghệ kỹ thuật cơ khí | 70 | 30 | | | | |
| | Công nghệ vật liệu | 70 | 30 | | | | |
| | Công nghệ kỹ thuật môi trường | 70 | 30 | | | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Cao đẳng | | Trung cấp | | | |
| | | Chính quy | Liên thông | Tốt nghiệp THPT | Tốt nghiệp THCS | | |
| | Công nghệ kỹ thuật xây dựng | 100 | 50 | | | Xét tuyển học bạ đối với học sinh tốt nghiệp THPT (Theo đề án tự chủ tuyển sinh riêng của trường); Xét tuyển kết quả thi tốt nghiệp THPT | Từ 01/3/2018 đến khi hết chỉ tiêu |
| | Công nghệ ô tô | 100 | | | | | |
| | Kỹ thuật dược | 100 | | | | | |
| | Điện công nghiệp | 100 | | | | | |
| | Quản trị doanh nghiệp vừa và nhỏ | 50 | | | | | |
| | Công nghệ thông tin (ứng dụng phần mềm) | 20 | | | | | |
| | Kế toán doanh nghiệp | 30 | | | | | |
| | Tiếng Anh | 50 | | | | | |
| | Kế toán | | | 50 | 50 | Xét tuyển học bạ đối với học sinh tốt nghiệp THPT hoặc THCS | |
| | Quản trị doanh nghiệp và sản xuất | | | 100 | 50 | | |
| | Xây dựng dân dụng và công nghiệp | | | 50 | 50 | | |
| | Công nghệ kỹ thuật cơ khí | | | 50 | 50 | | |
| | Công nghệ kỹ thuật điện - điện tử | | | 30 | 20 | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Cao đẳng | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| 276 | **Trường Cao đẳng Bách Việt**<br>Mã trường: CDD0220<br>Địa chỉ: 194 Lê Đức Thọ, phường 6, quận Gò Vấp, Tp. HCM<br>Điện thoại: 39. 841 317 - 39. 841 323<br>Website: www.bachviet.edu.vn<br>Email: info@bachviet.edu.vn | | | | | |
| | Công nghệ thực phẩm | 90 | | | Xét tuyển (kết quả học bạ THPT hoặc kết quả kỳ thi THPT Quốc gia) | 01/03/2018-15/12/2018 |
| | Công nghệ kỹ thuật xây dựng | 60 | | | | |
| | Truyền thông và mạng máy tính | 60 | | | | |
| | Tin học ứng dụng | 60 | | | | |
| | Thiết kế nội thất | 50 | | | | |
| | Thiết kế thời trang | 50 | | | | |
| | Tiếng Anh | 120 | | | | |
| | Thư ký văn phòng | 100 | | | | |
| | Dược | 100 | | | | |
| | Điều dưỡng | 100 | | | | |
| | Kế toán | 60 | | | | |
| | Tài chính - Ngân hàng | 60 | | | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Cao đẳng | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| | Quản trị kinh doanh | 100 | | | Xét tuyển (kết quả học bạ THPT hoặc kết quả kỳ thi THPT Quốc gia) | 01/03/2018-15/12/2018 |
| | Quản trị khách sạn | 50 | | | | |
| | Quản trị nhà hàng và dịch vụ | 50 | | | | |
| | Thiết kế đồ họa | 80 | | | | |
| | Quan hệ công chúng | 100 | | | | |
| | Công nghệ ô tô | 70 | 70 | | | |
| 277 | **Trường Cao đẳng Kinh tế - Công nghệ Tp. Hồ Chí Minh**<br>Mã trường: CDD0221<br>Địa chỉ: 138 Hà Huy Giáp, phường Thạnh Lộc, quận 12, Tp. Hồ Chí Minh<br>Điện thoại: 1900 636 744 - 028 62 933 744 - 028 62 933754<br>Website: www.hiast.edu.vn - http://tuyensinh.hiast.edu.vn<br>Email: tuyensinh@hiast.edu.vn | | | | | |
| | Kế toán | 80 | | | + Xét tuyển học bạ học sinh tốt nghiệp THCS và THPT trở lên.<br>+ Xét tuyển điểm thi THPT Quốc gia<br>+ Xét tuyển học bạ học sinh tốt nghiệp THCS và THPT trở lên.<br>+ Xét tuyển điểm thi THPT Quốc gia | CÁC ĐỢT XÉT TUYỂN:<br>Đợt 1: Từ ngày 02/4 đến 15/6<br>Công bố kết quả 16/6<br>Đợt 2: Từ ngày 16/6 đến 30/6<br>Công bố kết quả 02/7<br>Đợt 3: Từ ngày 01/7 đến 31/7<br>Công bố kết quả 01/8<br>Đợt 4: Từ ngày 01/8 đến 31/8<br>Công bố kết quả 01/9<br>Đợt 5: Từ ngày 01/9 đến 31/12<br>Xét tuyển liên tục đến khi đủ chỉ tiêu tuyển sinh |
| | Tài chính - Ngân hàng | 50 | 30 | | | |
| | Quản trị kinh doanh | 130 | | | | |
| | Quản trị văn phòng | 50 | | | | |
| | Marketing thương mại | 50 | | | | |
| | Quản trị nhân lực | 50 | | | | |
| | Kinh doanh quốc tế | 50 | | | | |
| | Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành | 100 | | | | |
| | Quản trị khách sạn | 80 | | | | |
| | Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống | 100 | | | | |
| | Kỹ thuật chế biến món ăn | 50 | | | | |
| | Công nghệ thông tin | 100 | | | | |
| | Thiết kế đồ họa | 50 | 30 | | | |
| | Truyền thông và mạng máy tính | 50 | 30 | | | |
| | Tin học ứng dụng | 50 | 30 | | | |
| | Kỹ thuật sửa chữa lắp ráp máy tính | 50 | | | | |
| | Thương mại điện tử (bán hàng trực tuyến) | 50 | | | | |
| | Công nghệ kỹ thuật cơ khí | 50 | | | | |
| | Công nghệ kỹ thuật ô tô | 100 | | | | |
| | Logistic | 50 | | | | |
| | Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử | 50 | | | | |
| | Kỹ thuật máy lạnh và điều hoà không khí | 50 | | | | |
| | Cơ điện tử | 50 | | | | |
| | Điện công nghiệp | 50 | | | | |
| | Công nghệ kỹ thuật xây dựng | 50 | | | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Cao đẳng | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| | Công nghệ sinh học | 50 | | | + Xét tuyển học bạ học sinh tốt nghiệp THCS và THPT trở lên.<br>+ Xét tuyển điểm thi THPT Quốc gia<br>+ Xét tuyển học bạ học sinh tốt nghiệp THCS và THPT trở lên.<br>+ Xét tuyển điểm thi THPT Quốc gia | CÁC ĐỢT XÉT TUYỂN:<br>Đợt 1: Từ ngày 02/4 đến 15/6<br>Công bố kết quả 16/6<br>Đợt 2: Từ ngày 16/6 đến 30/6<br>Công bố kết quả 02/7<br>Đợt 3: Từ ngày 01/7 đến 31/7<br>Công bố kết quả 01/8<br>Đợt 4: Từ ngày 01/8 đến 31/8<br>Công bố kết quả 01/9<br>Đợt 5: Từ ngày 01/9 đến 31/12<br>Xét tuyển liên tục đến khi đủ chỉ tiêu tuyển sinh |
| | Kiểm nghiệm chất lượng lương thực, thực phẩm | 50 | | | | |
| | Công nghệ thực phẩm | 40 | | | | |
| | Tiếng Anh | 100 | | | | |
| | Tiếng Hàn | 50 | | | | |
| | Tiếng Nhật | 50 | | | | |
| | Điều dưỡng | 200 | 30 | | | |
| | Dược | 150 | | | | |
| | Y học cổ truyền | 100 | | | | |
| | Kế toán doanh nghiệp | | 30 | | | |
| | Quản trị doanh nghiệp vừa và nhỏ | | 30 | | | |
| | Kinh doanh xuất nhập khẩu | | 30 | | | |
| | Nghiệp vụ nhà hàng, khách sạn | | 30 | | | |
| | Hướng dẫn du lịch | | 30 | | | |
| | Công nghệ thông tin (ứng dụng phần mềm) | | 30 | | | |
| | Điện công nghiệp và dân dụng | | 30 | | | |
| | Điện tử công nghiệp và dân dụng | | 30 | | | |
| | Bảo trì và sửa chữa ô tô | | 30 | | | |
| 278 | **Trường Cao đẳng Công nghệ Thông tin Tp. Hồ Chí Minh**<br>Mã trường: CDD0222<br>Địa chỉ: 12 Trịnh Đình Thảo, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh<br>Điện thoại: 028.38605003 - 028.38605004<br>Website: www.itc.edu.vn<br>Email: dongvv@itc.edu.vn | | | | | |
| | Công nghệ thông tin | 120 | | | Xét tuyển | Từ 01/01 - 25/12/2018 |
| | Truyền thông và mạng máy tính | 60 | | | | |
| | Hệ thống thông tin | 60 | | | | |
| | Công nghệ kỹ thuật máy tính | 40 | | | | |
| | Công nghệ kỹ thuật, điện tử truyền thông | 40 | | | | |
| | Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa | 40 | | | | |
| | Quản trị kinh doanh | 40 | | | | |
| | Kế toán | 40 | | | | |
| | Logistic | 60 | | | | |
| | Tài chính - Ngân hàng | 40 | | | | |
| | Tin học ứng dụng | | 40 | | | |
| | Thiết kế và quản lý website | | 20 | | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Cao đẳng | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| | Vẽ thiết kế mỹ thuật có trợ giúp bằng máy tính | | 20 | | Xét tuyển | Từ 01/01 - 25/12/2018 |
| | Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính | | 20 | | | |
| | Quản trị mạng máy tính | | 20 | | | |
| | Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông | | 20 | | | |
| | Kế toán doanh nghiệp | | 20 | | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | | | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Cao đẳng | | Trung cấp | | Sơ cấp | | |
| | | Chính quy | Liên thông | Tốt nghiệp THPT | Tốt nghiệp THCS | | | |
| 279 | **Trường Cao đẳng Viễn Đông**<br>Mã trường: CDD0223<br>Địa chỉ: Lô 2, Công viên phần mềm Quang Trung, P. Tân Chánh Hiệp, Q. 12, Tp. Hồ Chí Minh<br>Điện thoại: (028) 389 11111 - 0977 33 44 00 Fax: (028) 3715 4292<br>Website: www.viendong.edu.vn<br>Emails: tuvanhuongnghiepsv@vido.edu.vn hoặc tuvanviendong@viendong.edu.vn hoặc contact@viendong.edu.vn | | | | | | | |
| | Công nghệ kỹ thuật ô tô | 200 | | | | | + Vùng tuyển sinh: Tuyển sinh trong cả nước.<br>+ Phương thức đào tạo: Theo học chế tín chỉ<br>+ Thời gian đào tạo:<br>Từ 2 đến 2,5 năm (Đối với Trình độ Cao đẳng)<br>Từ 1 đến 1,5 năm (Đối với Trình độ Trung cấp)<br>+ Hỗ trợ giới thiệu Ký túc xá, chỗ trọ giá rẻ, an toàn cho SV.<br>+ Hỗ trợ vay vốn đi học cùng lúc ở 2 ngân hàng: NH Chính sách xã hội và NH BIDV.<br>+ Cam kết đảm bảo giới thiệu việc làm bán thời gian và việc làm ổn định, lương cao sau khi tốt nghiệp.<br>+ Có các chương trình du học:<br>* Du học Mỹ: 2 + 2; 1+3 (khối ngành Kinh tế và Công nghệ TT). | Thời gian đăng ký hồ sơ: tuyển sinh quanh năm<br>+ Đợt 1:<br>Nhận hồ sơ: 02/01/2018 -> 30/05/2018<br>Nhập học: Tháng 6/2018<br>+ Đợt 2:<br>Nhận hồ sơ: 01/06/2018 -> 30/06/2018<br>Nhập học: Tháng 7/2018 |
| | Chuyên ngành cơ khí ô tô | | | | | | | |
| | Chuyên ngành sửa chữa ô tô | | | | | | | |
| | Chuyên ngành tư vấn bán hàng & bảo hiểm ô tô | | | | | | | |
| | Chuyên ngành quản trị vận tải ô tô | | | | | | | |
| | Công nghệ kỹ thuật cơ khí | 120 | | 15 | 15 | | | |
| | Chuyên ngành cơ khí chế tạo | | | | | | | |
| | Chuyên ngành hàn | | | | | | | |
| | Công nghệ kỹ thuật điện - điện tử | 150 | | 15 | 15 | | | |
| | Chuyên ngành điện công trình, máy điện | | | | | | | |
| | Chuyên ngành điện dân dụng, điện lạnh | | | | | | | |
| | Chuyên ngành cơ điện tử & cảm biến | | | | | | | |
| | Chuyên ngành điện tử | | | | | | | |
| | Công nghệ kỹ thuật xây dựng | 80 | | | | | | |
| | Chuyên ngành xây dựng dân dụng | | | | | | | |
| | Chuyên ngành xây dựng cầu đường | | | | | | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | | | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Cao đẳng | | Trung cấp | | Sơ cấp | | |
| | | Chính quy | Liên thông | Tốt nghiệp THPT | Tốt nghiệp THCS | | | |
| | Quản trị kinh doanh | 300 | 50 | 30 | 20 | | * Du học Philippines 2 + 2; 3 + 1 (ngành Điều dưỡng để định cư và làm việc tại Mỹ).<br>* Chương trình Tu nghiệp sinh tại Đức, Nhật Bản (Cơ khí, Ô tô, Xây dựng, Điều dưỡng).<br>- HOTLINES/Viber/ Zalo:<br>0977 33 44 00 - 0966 33 77 55<br>0933 63 44 00 - (028)38911111<br>- Website:<br>www.viendong.edu.vn<br>- Xét tuyển trực tuyến:<br>http://www.viendong.edu.vn/a0-xet-tuyen-truc-tuyen.html<br>hoặc<br>http://truongnghe.tuoitre.vn/<br>- E-mail:<br>tuvanhuongnghiepsv@vido.edu.vn<br>tuvanviendong@viendong.edu.vn<br>contact@viendong.edu.vn<br>- Y!M và Facebook: Vivatuvan<br>Hoặc THI THPT QG 2018<br>+ HÌNH THỨC TUYỂN SINH:<br>Xét tuyển Cao Đẳng:<br>Xét tuyển bằng 1 trong 2 cách:<br>+ Từ điểm Học bạ THPT (lớp 12). | + Đợt 3:<br>Nhận hồ sơ: 01/07/2018 - 31/07/2018<br>Nhập học: Tháng 8/2018<br>+ Đợt 4:<br>Nhận hồ sơ: 01/08/2018 - 31/08/2018<br>Nhập học: Tháng 9/2018<br>+ Đợt 5:<br>Nhận hồ sơ: 01/09/2018 - 30/09/2018<br>Nhập học: Tháng 10/2018<br>+ Đợt 6:<br>Nhận hồ sơ: 01/10/2018 - 30/10/2018<br>Nhập học: Tháng 11/2018<br>+ Đợt 7:<br>Nhận hồ sơ: 01/11/2018 - 30/11/2018<br>Nhập học: Tháng 12/2018 |
| | Chuyên ngành Marketing | | | | | | | |
| | Chuyên ngành kinh doanh tổng hợp | | | | | | | |
| | Chuyên ngành xuất nhập khẩu | | | | | | | |
| | Chuyên ngành nhân sự | | | | | | | |
| | Chuyên ngành quản trị tài chính | | | | | | | |
| | Chuyên ngành thương mại điện tử | | | | | | | |
| | Kế toán | 280 | 50 | 15 | 15 | | | |
| | Chuyên ngành kế toán doanh nghiệp | | | | | | | |
| | Chuyên ngành kế toán ngân hàng | | | | | | | |
| | Chuyên ngành kế toán tin học | | | | | | | |
| | Chuyên ngành kế toán hành chính sự nghiệp | | | | | | | |
| | Quản trị văn phòng | 150 | | | | | | |
| | Chuyên ngành thư ký văn phòng | | | | | | | |
| | Chuyên ngành quản trị văn phòng | | | | | | | |
| | Chuyên ngành thư ký y khoa | | | | | | | |
| | Tài chính - ngân hàng | 50 | 25 | 25 | | | | |
| | Chuyên ngành tài chính doanh nghiệp | | | | | | | |
| | Chuyên ngành ngân hàng | | | | | | | |
| | Tiếng Anh | 250 | | | | | | |
| | Chuyên ngành Tiếng Anh thương mại | | | | | | | |
| | Chuyên ngành Tiếng Anh giảng dạy | | | | | | | |
| | Chuyên ngành biên - phiên dịch | | | | | | | |
| | Điều dưỡng | 250 | | | | | | |
| | Chuyên ngành điều dưỡng đa khoa | | | | | | | |
| | Chuyên ngành điều dưỡng hộ sinh | | | | | | | |
| | Tin học ứng dụng | 120 | 30 | 15 | 15 | | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | | | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Cao đẳng | | Trung cấp | | Sơ cấp | | |
| | | Chính quy | Liên thông | Tốt nghiệp THPT | Tốt nghiệp THCS | | | |
| | Chuyên ngành lập trình ứng dụng | | | | | | + Từ điểm Kỳ thi THPT quốc gia 2018<br>Điều kiện:<br>+ Thí sinh (TS) tốt nghiệp THPT hoặc tương đương<br>+ TS tốt nghiệp THCS (Hệ 9+5)<br>+ TS tốt nghiệp bậc Trung cấp đúng ngành nghề.<br>Xét tuyển Trung cấp:<br>TS tốt nghiệp THPT hoặc tương đương.<br>TS học xong chương trình lớp 12 nhưng chưa tốt nghiệp THPT.<br>TS tốt nghiệp THCS (Hệ 9+3) | + Đợt 3:<br>Nhận hồ sơ: 01/07/2018 - 31/07/2018<br>Nhập học: Tháng 8/2018<br>+ Đợt 4:<br>Nhận hồ sơ: 01/08/2018 - 31/08/2018<br>Nhập học: Tháng 9/2018<br>+ Đợt 5:<br>Nhận hồ sơ: 01/09/2018 - 30/09/2018<br>Nhập học: Tháng 10/2018<br>+ Đợt 6:<br>Nhận hồ sơ: 01/10/2018 - 30/10/2018<br>Nhập học: Tháng 11/2018<br>+ Đợt 7:<br>Nhận hồ sơ: 01/11/2018 - 30/11/2018<br>Nhập học: Tháng 12/2018 |
| | Chuyên ngành công nghệ phần mềm | | | | | | | |
| | Chuyên ngành hệ thống thông tin quản lý | | | | | | | |
| | Chuyên ngành lập trình game | | | | | | | |
| | Truyền thông và mạng máy tính | 55 | | | | | | |
| | Chuyên ngành truyền thông mạng | | | | | | | |
| | Chuyên ngành mạng máy tính | | | | | | | |
| | Thiết kế đồ họa | 150 | | | | | | |
| | Chuyên ngành nhận dạng thương hiệu | | | | | | | |
| | Chuyên ngành thiết kế thời trang | | | | | | | |
| | Chuyên ngành thiết kế công nghiệp, tạo mẫu | | | | | | | |
| | Chuyên ngành truyện tranh | | | | | | | |
| | Chuyên ngành quảng cáo đa phương tiện | | | | | | | |
| | Quản trị khách sạn | 150 | | | | | | |
| | Chuyên ngành khách sạn | | | | | | | |
| | Chuyên ngành resort | | | | | | | |
| | Chuyên ngành nhà hàng | | | | | | | |
| | Chuyên ngành bếp | | | | | | | |
| | Chuyên ngành pha chế | | | | | | | |
| | Công nghệ thông tin | 100 | | | | | | |
| | Chuyên ngành in design | | | | | | | |
| | Chuyên ngành Mobile app | | | | | | | |
| | Trắc địa công trình | 50 | | | | | | |
| | Xét nghiệm y học | 80 | | | | | | |
| | Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành | 180 | | | | | | |
| | Chuyên ngành quản trị dịch vụ | | | | | | | |
| | Chuyên ngành quản trị lữ hành | | | | | | | |
| | Chuyên ngành hướng dẫn viên du lịch | | | | | | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Cao đẳng | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| 280 | **Trường Cao đẳng Kỹ thuật - Công nghệ Vạn Xuân**<br>Mã trường: CDD0225<br>Địa chỉ: 15K Phan Văn Trị, phường 7, quận Gò Vấp, Tp. Hồ Chí Minh<br>Điện thoại: (028) 35 8888 31 - (028) 35 8888 32<br>Website: vx.edu.vn<br>Email: caodangvanxuan@vx.edu.vn | | | | | |
| | Công nghệ thông tin | 35 | 25 | | Hệ Cao đẳng: Tốt nghiệp THPT hoặc tương đương.<br>Hệ Trung cấp: Tốt nghiệp THCS, THPT hoặc tương đương | Hệ Cao đẳng: Từ 10/02/2018 - 15/12/2018<br>Hệ Trung cấp: Quanh năm. |
| | Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử | 35 | 30 | | | |
| | Công nghệ điện ảnh - truyền hình | 35 | | | | |
| | Kế toán | 105 | 20 | | | |
| | Quản trị kinh doanh | 125 | 25 | | | |
| | Nuôi trồng thủy sản | 35 | | | | |
| | Thiết kế đồ họa | 35 | | | | |
| 281 | **Trường Cao đẳng Sài Gòn**<br>Mã trường: CDD0209<br>Địa chỉ: Lô 14, Công viên phần mềm Quang Trung, P. Tân Chánh Hiệp, quận 12, thành phố Hồ Chí Minh<br>Điện thoại: 84-8-37155033<br>Website: www.caodangsaigon.edu.vn<br>Email: info@ caodangsaigon.edu.vn | | | | | |
| | Lập trình máy tính | 100 | | | Xét tuyển | Tháng 1, 5, 9 |
| | Quản trị mạng máy tính | 275 | | | | |
| | Kế toán doanh nghiệp | 150 | | | | |
| | Quản trị doanh nghiệp vừa và nhỏ | 200 | | | | |
| 282 | **Trường Cao đẳng Việt Mỹ**<br>Mã trường: CDD0203<br>Địa chỉ: 5-7-9-11 đường số 4, khu dân cư Trung Sơn, xã Bình Hưng, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh<br>Điện thoại: (028) 5433 6888<br>Website: www.caodangvietmy.edu.vn<br>Email: info@caodangvietmy.edu.vn | | | | | |
| | Phiên dịch Tiếng Anh thương mại | 75 | 0 | 0 | Xét tuyển | Quanh năm |
| | Quản trị doanh nghiệp vừa và nhỏ | 175 | 0 | 0 | | |
| | Quản trị khách sạn | 100 | 0 | 0 | | |
| | Quan hệ công chúng | 25 | 0 | 0 | | |
| | Thiết kế đồ hoạ | 50 | 0 | 0 | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Cao đẳng | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| 283 | **Trường Cao đẳng An ninh mạng iSPACE**<br>Mã trường: CĐĐ0208<br>Địa chỉ: 240 Võ Văn Ngân, P. Bình Thọ, Q. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh<br>Điện thoại: 0938 - 205 466 - 028 6261 0303 Fax: 028 6261 0303<br>Website: ispace.edu.vn<br>Email: ispace@ispace.edu.vn | | | | | |
| | An ninh mạng | 150 | | | Xét tuyển | Đợt 1: 27/03/2018<br>Đợt 2: 31/07/2018<br>Đợt 3: 05/09/2018<br>Đợt 4: 16/10/2018 |
| | Quản trị mạng máy tính | 100 | 20 | | | |
| | Thiết kế đồ họa | 50 | 20 | | | |
| | Lập trình máy tính | 50 | | | | |
| 284 | **Trường Cao đẳng Nghề Du lịch Sài Gòn**<br>Mã trường: CDD0210<br>Địa chỉ: 347A Nguyễn Thượng Hiền, P. 11, quận 10, Tp. Hồ Chí Minh<br>Điện thoại: (028) 6297 3210 - 6297 3211 - 6297 3212, Fax: (028) 38 344 917<br>Website: www.dulichsaigon.edu.vn<br>Email: saigon@dulichsaigon.edu.vn tuvantuyensinh.dlsg@gmail.com | | | | | |
| | Quản trị khách sạn | 750 | 50 | | Xét tuyển | Cả năm |
| | Quản trị lữ hành | 140 | | | | |
| | Hướng dẫn du lịch | 180 | | | | |
| | Kỹ thuật chế biến món ăn | | 105 | | | |
| | Nghiệp vụ lễ tân | | | 100 | | |
| | Nghiệp vụ phòng | | | 70 | | |
| | Nghiệp vụ nhà hàng | | | 100 | | |
| | Nghiệp vụ pha chế thức uống | | | 100 | | |
| | Kỹ thuật chế biến món ăn Á - Âu | | | 100 | | |
| | Kỹ thuật chế biến món ăn Việt Nam | | | 90 | | |
| | Quản lý khách sạn | | | 100 | | |
| | Quản lý nhà hàng | | | 100 | | |
| | Quản lý bếp | | | 60 | | |
| 285 | **Trường Cao đẳng Sài Gòn Gia Định**<br>Mã trường: SGC<br>Địa chỉ: 514 Lê Quang Định, phường 1, quận Gò Vấp, Tp. Hồ Chí Minh<br>Điện thoại: Hotline: 0917 327 840 - 0971 327 841 - (028) 62 564 639<br>Website: www.sgc.edu.vn<br>Email: Sggd2017@gmail.com | | | | | |
| | Tài chính ngân hàng | 70 | 30 | | Xét tuyển theo học bạ | Từ 01/01/2018 đến 31/12/2018 |
| | Kỹ thuật phục hình răng | 90 | 30 | | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Cao đẳng | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| | Dịch vụ pháp lý | 70 | 30 | | Xét tuyển theo học bạ | Từ 01/01/2018 đến 31/12/2018 |
| | Y học cổ truyền | 80 | 50 | | | |
| | Dược | 430 | 50 | | | |
| | Hướng dẫn du lịch | 90 | 30 | | | |
| | Quản trị kinh doanh | 90 | 30 | | | |
| | Kế toán doanh nghiệp | 50 | 30 | | | |
| | Quản trị cơ sở dữ liệu | 90 | 30 | | | |
| | Thú y | 230 | 50 | | | |
| | Kỹ thuật xây dựng | 50 | 30 | | | |
| | Điện công nghiệp và dân dụng | 30 | 30 | | | |
| | Hộ sinh | 50 | 30 | | | |
| | Điều dưỡng | 150 | 50 | | | |
| 286 | **Trường Cao đẳng Quốc tế thành phố Hồ Chí Minh**<br>Mã trường: CDD0206<br>Địa chỉ: 460/2 Kinh Dương Vương, phường An Lạc A, quận Bình Tân, Tp. HCM<br>Điện thoại: 028.54047799<br>Website: www.ich.edu.vn<br>Email: xettuyen@gmail.com | | | | | |
| | Kỹ thuật dược | 115 | 50 | | Xét tuyển (theo học bạ) | Cả năm |
| | Thiết kế đồ họa | 40 | 30 | | | |
| | Lập trình máy tính | 30 | | | | |
| | Quản trị mạng máy tính | | 30 | | | |
| | Kỹ thuật xây dựng | 30 | | | | |
| | Chế biến thực phẩm | 35 | 35 | | | |
| | Nghiệp vụ nhà hàng | | 35 | | | |
| | Hướng dẫn du lịch | 50 | 30 | | | |
| | Kỹ thuật chế biến món ăn | 35 | 40 | | | |
| | Công tác xã hội | 50 | 50 | | | |
| | Kế toán doanh nghiệp | 85 | 100 | | | |
| | Quản trị doanh nghiệp vừa và nhỏ | 95 | 50 | | | |
| | Phiên dịch Tiếng Anh thương mại | 40 | | | | |
| 287 | **Trường Cao đẳng Quốc tế KENT**<br>Mã trường: CDD0227<br>Địa chỉ: 219 - 221 Xô Viết Nghệ Tĩnh, phường 17, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh<br>Điện thoại: (028) 7300 3969<br>Website: www.kent.edu.vn<br>Email: info@kent.edu.vn | | | | | |
| | Quản trị kinh doanh | 30 | | | Xét tuyển | Cả năm |
| | Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống | 30 | | | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Cao đẳng | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| 288 | **Trường Cao đẳng Nghề Hoa Sen**<br>Mã trường: CDD0402<br>Địa chỉ: Số K62/39, đường Hà Huy Tập, phường Thanh Khê Đông, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng<br>Điện thoại: 0236.3661919 - 0916.944.455<br>Website: www.hsc.edu.vn<br>Email: info@hsc.edu.vn<br>**Tại trụ sở chính: Số K62/39, đường Hà Huy Tập, phường Thanh Khê Đông, quận Thanh Khê, Tp. Đà Nẵng** | | | | | |
| | Kế toán doanh nghiệp | x | | | Xét tuyển (Học bạ, Bằng TN THPT) | |
| | Quản trị doanh nghiệp vừa và nhỏ | x | | | | |
| | **Tại địa điểm đào tạo: Tại số 63 Phan Đăng Lưu, phường Hòa Cường Nam, quận Hải Châu, Tp. Đà Nẵng** | | | | | |
| | Quản trị mạng máy tính | x | | | Xét tuyển (Học bạ, Bằng TN THPT) | |
| | Công nghệ thông tin (Ứng dụng phần mềm) | x | | | | |
| | Thiết kế đồ họa | x | | | | |
| | Quản trị khách sạn | x | | | | |
| | Quản trị nhà hàng | x | | | | |
| | **Tại địa điểm đào tạo: Lô 10 Công viên phần mềm Quang Trung, phường Tân Chánh Hiệp, quận 12, Tp. Hồ Chí Minh** | | | | | |
| | Quản trị mạng máy tính | x | | | Xét tuyển (Học bạ, Bằng TN THPT) | |
| | Công nghệ thông tin (Ứng dụng phần mềm) | x | | | | |
| | Quản trị khách sạn | x | | | | |
| | Kế toán doanh nghiệp | x | | | | |
| | Quản trị doanh nghiệp vừa và nhỏ | x | | | | |
| | Quản trị nhà hàng | x | | | | |
| 289 | **Trường Cao đẳng Khoa học và Công nghệ Tây Sài Gòn**<br>Mã trường: CDD4906<br>Địa chỉ: 164 Nguyễn Đình Chính - phường 11 - quận Phú Nhuận - Tp. Hồ Chí Minh<br>Điện thoại: (028) 3997 7484 - 3997 0047<br>Website: www.wesgo.edu.vn<br>Email: wesgo@yahoo.com | | | | | |
| | Quản trị mạng máy tính | 70 | | | Xét tuyển | 8/2018 |
| | Quản trị doanh nghiệp vừa và nhỏ | 70 | | | | |
| | Kế toán doanh nghiệp | 70 | | | | |
| | Dịch vụ chăm sóc trẻ nhỏ | | | 100 | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Cao đẳng | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| 290 | **Trường Cao đẳng Công nghệ Sài Gòn**<br>Mã trường: CDD6401<br>Địa chỉ 1: 4/9 Hoàng Dư Khương, P12, Q.10, Tp. Hồ Chí Minh<br>Điện thoại: 028.3508.8482 - 028.3508.8483 - Hotline: 0945.19.0505<br>Địa chỉ 2: E4-52 Quốc lộ 1A, P.Bình Trị Đông B, Q. Bình Tân, Tp. Hồ Chí Minh<br>Điện thoại: 028.3504.2549 - Hotline: 0968.45.6845<br>Website: www.saigoncollege.edu.vn<br>Email: saigoncollege.edu@gmail.com | | | | | |
| | Kỹ thuật dược | 70 | | | Xét tuyển | |
| | Công nghệ thông tin | 60 | | | | |
| | Kế toán doanh nghiệp | 70 | | | | |
| | Quản trị doanh nghiệp vừa và nhỏ | 70 | | | | |
| | Bảo vệ thực vật | 35 | | | | |
| | Quản trị du lịch MICE | 35 | | | | |
| | Văn thư hành chính | 35 | | | | |
| | Công tác xã hội | 35 | | | | |
| 291 | **Trường Cao đẳng Điện lực thành phố Hồ Chí Minh**<br>Mã trường: CDT0211<br>Địa chỉ: 554 Hà Huy Giáp, phường Thạnh lộc, quận 12, Tp. Hồ Chí Minh<br>Điện thoại: 028.38919013<br>Website: www.hepc.edu.vn<br>Email: hepc@hepc.edu.vn | | | | | |
| | Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử | 250 | | | Xét tuyển học bạ, hoặc điểm thi THPT các tổ hợp:<br>- Toán, Lý, Hóa | Bắt đầu tháng 07/2018 |
| | Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa | 50 | | | | |
| | Điện công nghiệp | 50 | | | | |
| | Quản lý vận hành, sửa chữa đường dây và trạm biến áp có điện áp từ 110kV trở xuống | | 35 | | - Toán, Lý, Anh<br>- Toán, Hóa, Anh | |
| | Nhiệt điện | | 30 | | | |
| | Thủy điện | | 30 | | | |
| | Điện công nghiệp | | 30 | | | |
| 292 | **Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật VINATEX Tp. Hồ Chí Minh**<br>Mã trường: CDT0208<br>Địa chỉ: 586, Kha Vạn Cân, phường Linh Đông, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh<br>Điện thoại: (028) 3897 0160 - 3720 6426<br>Website: www.vetc.edu.vn<br>Email: tuyensinh@vetc.edu.vn | | | | | |
| | Công nghệ may | 470 | | 10 | - Đối với trình độ cao đẳng:<br>Xét tuyển<br>đối tượng: | Từ tháng 3 đến hết tháng 9/2018 |
| | May thời trang | 60 | 180 | 1200 | | |
| | Thiết kế thời trang | 60 | | 10 | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Cao đẳng | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| | Công nghệ sợi, dệt. Gồm 2 chuyên ngành:<br>- Công nghệ sợi, dệt<br>- Công nghệ hóa nhuộm - hoàn tất | 80 | | 100 | tốt nghiệp THPT<br>Xét tuyển theo 2 phương thức:<br>+ Xét tuyển theo điểm thi THPT quốc gia<br>+ Xét tuyển theo điểm học bạ THPT<br>- Đối với trình độ trung cấp:<br>Xét tuyển đối tượng: tốt nghiệp THCS trở lên | Từ tháng 3 đến hết tháng 9/2018 |
| | Công nghệ kỹ thuật cơ khí | 60 | | | | |
| | Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử | 60 | 30 | 100 | | |
| | Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử | 60 | | | | |
| | Sửa chữa thiết bị may | 60 | 40 | 100 | | |
| | Công nghệ thông tin | 60 | | 100 | | |
| | Quản trị mạng máy tính | 60 | | | | |
| | Kế toán | 80 | | 100 | | |
| | Kế toán doanh nghiệp | | 30 | | | |
| | Quản trị kinh doanh. Gồm 2 chuyên ngành:<br>- Quản trị kinh doanh tổng hợp<br>- Quản trị sản xuất dệt may | 100 | | | | |
| | Tiếng Anh | 60 | | 100 | | |
| 293 | **Trường Cao đẳng Kinh tế Đối ngoại**<br>Mã trường: CDT0209<br>Địa chỉ: 287 Phan Đình Phùng, phường 15, quận Phú Nhuận, Tp. Hồ Chí Minh<br>Điện thoại: (028) 38446320<br>Website: www.ktdn.edu.vn<br>Email: cofer@ktdn.edu.vn | | | | | |
| | Kinh doanh xuất nhập khẩu | 700 | | | Xét tuyển | |
| | Logistics quốc tế | 300 | | | | |
| | Quản trị doanh nghiệp | 320 | | | | |
| | Quản trị kinh doanh xăng dầu | 40 | | | | |
| | Marketing thương mại | 280 | | | | |
| | Quản trị kinh doanh nhà hàng - khách sạn | 320 | | | | |
| | Kinh doanh thương mại điện tử | 140 | | | | |
| | Tin học quản lý | 140 | | | | |
| | Kế toán doanh nghiệp | 400 | | | | |
| | Tài chính doanh nghiệp | 180 | | | | |
| | Tiếng Anh thương mại | 500 | | | | |
| 294 | **Trường Cao đẳng Kỹ thuật Cao Thắng**<br>Mã trường: CDT0221<br>Địa chỉ: 65 Huỳnh Thúc Kháng, P. Bến Nghé, Q1, Tp. Hồ Chí Minh<br>Điện thoại: (028) 38212868<br>Website: http://www.caothang.edu.vn<br>Email: ktcaothang@caothang.edu.vn | | | | | |
| | Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử | 700 | | | Xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi THPT QG 2018 | Từ 02/4/2018 đến 27/7/2018 |
| | Công nghệ kỹ thuật điện tử truyền thông | 200 | | | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Cao đẳng | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| | Công nghệ kỹ thuật cơ khí | 500 | | | Khối tuyển: A00, A01, D01 | Từ 02/4/2018 đến 27/7/2018 |
| | Công nghệ kỹ thuật ô tô | 500 | | | | |
| | Công nghệ thông tin | 400 | | | | |
| | Công nghệ kỹ thuật nhiệt | 200 | | | | |
| | Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử | 200 | | | | |
| | Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa | 200 | | | | |
| | Kế toán | 100 | | | | |
| | Cắt gọt kim loại | 200 | | | Xét tuyển, điều kiện tốt nghiệp THPT hoặc tương đương | Từ 02/5/2018 đến khi đủ chỉ tiêu |
| | Nguội sửa chữa máy công cụ | 150 | | | | |
| | Công nghệ ô tô | 400 | | | | |
| | Điện công nghiệp | 350 | | | | |
| | Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí | 150 | | | | |
| | Điện tử công nghiệp | 200 | | | | |
| | Quản trị mạng máy tính | 100 | | | | |
| | Kỹ thuật sửa chữa lắp ráp máy tính | 100 | | | | |
| | Kế toán doanh nghiệp | 100 | | | | |
| | Hàn | 50 | | | | |
| | Cơ khí chế tạo | | 100 | | | |
| | Bảo trì và sửa chữa cơ khí | | 100 | | | |
| | Cơ khí động lực | | 100 | | | |
| | Điện công nghiệp và dân dụng | | 100 | | | |
| | Công nghệ kỹ thuật nhiệt | | 100 | | | |
| | Điện tử công nghiệp và dân dụng | | 100 | | | |
| | Tin học ứng dụng | | 100 | | | |
| 295 | **Trường Cao đẳng Phát thanh - Truyền hình II**<br>Mã trường: CDT0212<br>Địa chỉ: 75 Trần Nhân Tôn, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh<br>ĐHT 27, phường Đông Hưng Thuận, quận 12, thành phố Hồ Chí Minh<br>Điện thoại: 028.37151994<br>Website: http://www.vov.edu.vn<br>Email: phongdaotao@vov.edu.vn | | | | | |
| | Truyền thông đa phương tiện | 40 | | | Xét tuyển (theo học bạ hoặc kết quả thi THPT quốc gia năm 2018) | Đợt 1 (từ tháng 01 đến tháng 3/2018) |
| | Quan hệ công chúng | 40 | | | | |
| | Quay phim | 40 | | | | |
| | Thiết kế đồ họa | 40 | | | | |
| | Báo chí | 270 | | | | |
| | Công nghệ kỹ thuật điện tử, truyền thông | 60 | | | | |
| | Tin học ứng dụng | 60 | | | | Đợt 2 (từ tháng 4 đến tháng 8/2018) |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Cao đẳng | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| 296 | **Trường Cao đẳng Xây dựng thành phố Hồ Chí Minh**<br>Mã trường: CDT0213<br>Địa chỉ: Số 190 Đường Võ Văn Ngân - P. Bình Thọ - Q. Thủ Đức - Tp. Hồ Chí Minh<br>Điện thoại: (028) 3896 0087<br>Website: www.hcc2.edu.vn<br>Email: tuyensinh.hcc2@gmail.com | | | | | |
| | Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng | 560 | | | - Xét tuyển theo học bạ lớp 12<br>- Xét tuyển theo điểm thi THPT<br>- Các tổ hợp môn xét tuyển:<br>1. Toán, Lý, Hóa<br>2. Toán, Lý, Tiếng Anh<br>3. Toán, Hóa, Tiếng Anh<br>4. Toán, Văn, Tiếng Anh | Tuyển sinh từ tháng 4 đến tháng 11 |
| | Quản lý xây dựng | 140 | | | | |
| | Cấp, thoát nước | 35 | | | | |
| | Kế toán | 35 | | | | |
| | Công nghệ kỹ thuật vật liệu xây dựng | 35 | | | | |
| | Công nghệ kỹ thuật giao thông | 35 | | | | |
| | Quản trị kinh doanh | 35 | | | | |
| | Quản trị kinh doanh bất động sản | 35 | | | | |
| | Quản lý tòa nhà | 35 | | | | |
| | Quản lý khu đô thị | 35 | | | | |
| | Trắc địa công trình | 35 | | | | |
| | Lắp đặt điện công trình | 35 | | | | |
| | Công nghệ kỹ thuật kiến trúc | 105 | | | 1. Toán, Lý, Hóa<br>2. Toán, Lý, Tiếng Anh<br>3. Toán, Hóa, Tiếng Anh<br>4. Toán, Văn, Vẽ | |
| | Mộc xây dựng và trang trí nội thất | 35 | | | | |
| | Xây dựng dân dụng và công nghiệp | | 35 | | 1. Toán, Lý<br>2. Toán, Tiếng Anh<br>3. Toán, Hóa<br>4. Toán, Văn | Tuyển sinh quanh năm |
| | Cấp, thoát nước | | 35 | | | |
| | Kế toán doanh nghiệp | | 35 | | | |
| 297 | **Trường Đại học Tôn Đức Thắng**<br>Mã trường: DTT<br>Địa chỉ: Số 19 Nguyễn Hữu Thọ, phường Tân Phong, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh<br>Điện thoại: 028 3840 7478<br>Website: www.tdt.edu.vn<br>Email: dhtonducthang@tdt.edu.vn | | | | | |
| | Thiết kế đồ họa | 35 | | | Xét tuyển<br>- Theo kết quả thi THPT<br>- Theo kết quả học bạ ở bậc THPT | 15/05/2017 đến 15/11/2017 |
| | Thiết kế thời trang | 35 | | | | |
| | Bảo hộ lao động | 35 | | | | |
| | Marketing | 35 | | | | |
| | Quản trị khách sạn | 35 | | | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Cao đẳng | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| | Quản trị nhà hàng | 35 | | | Xét tuyển<br>- Theo kết quả thi THPT<br>- Theo kết quả học bạ ở bậc THPT | 15/05/2017 đến 15/11/2017 |
| | Công nghệ kỹ thuật điện tử, truyền thông | 20 | | | | |
| | Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử | 20 | | | | |
| | Điện tử công nghiệp | 20 | | | | |
| | Điện dân dụng | 20 | | | | |
| | Điện công nghiệp | 20 | | | | |
| | Lập trình máy tính | 20 | | | | |
| | Quản trị mạng máy tính | 20 | | | | |
| | Tài chính - Ngân hàng | 20 | | | | |
| | Kế toán doanh nghiệp | 20 | | | | |
| | Tiếng Anh | 20 | | | | |
| | Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng | 20 | | | | |
| | May thời trang | 20 | | | | |
| | Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính | 20 | | | | |
| | Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí | 20 | | | | |
| **VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG** | | | | | | |
| **LONG AN** | | | | | | |
| 298 | **Trường Cao đẳng Công nghệ LADEC**<br>Mã trường: CDD4901<br>Địa chỉ: 201 Nguyễn Văn Rành, phường 7, Tp. Tân An, tỉnh Long An<br>Điện thoại: 0272 3839177 Fax: 0272 3839178<br>Website: ladec.edu.vn<br>Email: ladec@ladec.com.vn<br>*** Tại trụ sở chính** | | | | | |
| | Quản trị khách sạn | 25 | | | Xét tuyển | Từ 02/01/2018 đến 31/12/2018 |
| | Quản trị nhà hàng | 25 | | | | |
| | Hướng dẫn du lịch | 35 | | | | |
| | Quản trị mạng máy tính | 30 | | | | |
| | Thiết kế đồ họa | 15 | | | | |
| | Kỹ thuật xây dựng | 25 | | | | |
| | Kỹ thuật dược | 70 | | | | |
| | Thú y | 25 | | | | |
| | Văn thư hành chính | 35 | | | | |
| | Công tác xã hội | 35 | | | | |
| | Điện tử công nghiệp | 50 | | | | |
| | Điện công nghiệp | 25 | | | | |
| | Kế toán doanh nghiệp | 100 | | | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Cao đẳng | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| | Quản trị doanh nghiệp vừa và nhỏ | 100 | | | Xét tuyển | Từ 02/01/2018 đến 31/12/2018 |
| | Điện tử công nghiệp | | 25 | | | |
| | Quản trị khách sạn | | 25 | | | |
| | Điện công nghiệp | | 100 | | | |
| | Công tác xã hội | | 35 | | | |
| | Văn thư hành chính | | 35 | | | |
| | Thú y | | 25 | | | |
| | Kỹ thuật xây dựng | | 25 | | | |
| | Nghiệp vụ nhà hàng | | 25 | | | |
| | Bán hàng trong siêu thị | | | 100 | | |
| | Pha chế đồ uống (Bartender) | | | 35 | | |
| | Kỹ thuật chế biến món ăn | | | 35 | | |
| | Phục vụ buồng phòng | | | 100 | | |
| | Kỹ thuật xây dựng | | | 100 | | |
| | Thiết kế tạo mẫu tóc | | | 70 | | |
| | Lắp đặt điện công trình | | | 70 | | |
| | Lắp đặt thiết bị điện | | | 70 | | |
| | Chăm sóc da | | | 70 | | |
| | Chăm sóc trẻ nhỏ | | | 100 | | |
| | Trang điểm thẩm mỹ | | | 70 | | |
| | *** Tại 813, Lũy Bán Bích, phường Tân Thành, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh** | | | | | |
| | Quản trị mạng máy tính | 30 | | | Xét tuyển | Từ 02/01/2018 đến 31/12/2018 |
| | Thiết kế đồ họa | 30 | | | | |
| | Kế toán doanh nghiệp | 100 | | | | |
| | Quản trị doanh nghiệp vừa và nhỏ | 100 | | | | |
| | Kỹ thuật dược | 70 | | | | |
| | Bán hàng trong siêu thị | | | 100 | | |
| | Chăm sóc trẻ nhỏ | | | 100 | | |
| | *** Tại 89A, Lý Phục Man, phường Bình Thuận, Q.7, Tp. Hồ Chí Minh** | | | | | |
| | Kế toán doanh nghiệp | 95 | | | Xét tuyển | Từ 02/01/2018 đến 31/12/2018 |
| | Quản trị doanh nghiệp vừa và nhỏ | 95 | | | | |
| | Chăm sóc trẻ nhỏ | | | 100 | | |
| | *** Tại 55 Nguyễn Xí, phường 26, Q. Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh** | | | | | |
| | Quản trị mạng máy tính | 30 | | | Xét tuyển | Từ 02/01/2018 đến 31/12/2018 |
| | Thiết kế đồ họa | 30 | | | | |
| | Kế toán doanh nghiệp | 100 | | | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Cao đẳng | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| | Quản trị doanh nghiệp vừa và nhỏ | 100 | | | Xét tuyển | Từ 02/01/2018 đến 31/12/2018 |
| | Bán hàng trong siêu thị | 70 | | | | |
| | Chăm sóc trẻ nhỏ | | | 100 | | |
| | *** Tại 647/16, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Phước, Q. Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh** | | | | | |
| | Quản trị mạng máy tính | 95 | | | Xét tuyển | Từ 02/01/2018 đến 31/12/2018 |
| | Kế toán doanh nghiệp | 95 | | | | |
| | Quản trị DN vừa và nhỏ | 60 | | | | |
| | Chăm sóc trẻ nhỏ | | | 100 | | |
| 299 | **Trường Cao đẳng Nghề Long An**<br>Mã trường: CDD 4902<br>Địa chỉ: 60 Quốc Lộ 1, phường 5, Tp. Tân An, tỉnh Long An<br>Điện thoại: 0272.3 833.351<br>Website: www.caodangnghelongan.edu.vn<br>Email: tcdnla@longan.gov.vn | | | | | |
| | Thú y | 25 | 25 | 35 | Xét tuyển theo học bạ | 1/1/2018-30/11/2018 |
| | Kế toán doanh nghiệp | 50 | 50 | 35 | | |
| | Công tác xã hội | 25 | 25 | 35 | | |
| | Điện công nghiệp | 130 | 30 | 35 | | |
| | Hàn | 60 | 30 | 35 | | |
| | Cắt gọt kim loại | 70 | 60 | | | |
| | Lắp đặt thiết bị cơ khí | 30 | 30 | | | |
| | Cơ điện tử | 30 | 35 | | | |
| | Điện tử công nghiệp | 50 | 30 | | | |
| | Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí | 40 | 30 | | | |
| | Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh | 20 | 20 | | | |
| | Công nghệ ô tô | 70 | 30 | | | |
| | Quản trị mạng máy tính | 90 | 40 | | | |
| | Kế toán lao động tiền lương và bảo hiểm xã hội | 25 | 25 | | | |
| | May thời trang | 0 | 20 | | | |
| | Thiết kế thời trang | 0 | 20 | | | |
| | Kế toán tin học | 0 | 30 | | | |
| | Sửa chữa thiết bị may | 30 | 35 | | | |
| | Kế toán nghiệp vụ thương mại | | | 35 | | |
| | Kế toán thuế | | | 35 | | |
| | Điện tử dân dụng | | | 35 | | |
| | Sửa chữa động cơ điện và thiết bị điện gia dụng | | | 35 | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Cao đẳng | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| | Điện dân dụng | | | 35 | Xét tuyển theo học bạ | 1/1/2018-30/11/2018 |
| | Kỹ thuật điều khiển lập trình PLC | | | 35 | | |
| | Vận hành sửa chữa thiết bị lạnh | | | 35 | | |
| | Điện lạnh | | | 35 | | |
| | Tiện kim loại | | | 35 | | |
| | Hàn kim loại | | | 35 | | |
| | Lắp đặt thiết bị cơ khí | | | 35 | | |
| | Phay, bào kim loại | | | 35 | | |
| | Kỹ thuật lập trình vận hành máy tiện CNC | | | 35 | | |
| | Kỹ thuật lập trình vận hành máy phay CNC | | | 35 | | |
| | Hàn Tig | | | 35 | | |
| | Sửa xe ô tô | | | 35 | | |
| | Sửa xe gắn máy | | | 35 | | |
| | Sửa chữa hệ thống khung gầm ô tô | | | 35 | | |
| | Sửa chữa điện - điện lạnh ô tô | | | 35 | | |
| | Sửa chữa điện ô tô | | | 35 | | |
| | Sửa chữa động cơ nổ | | | 35 | | |
| | Thiết kế - xây dựng và quản trị mạng máy tính | | | 35 | | |
| | Tin học văn phòng và internet | | | 35 | | |
| | Lắp ráp - cài đặt máy tính và mạng | | | 35 | | |
| | May công nghiệp | | | 35 | | |
| | Kỹ thuật xây dựng | | | 35 | | |
| | Công tác xã hội | | | 35 | | |
| | Trang điểm thẩm mỹ | | | 60 | | |
| **TIỀN GIANG** | | | | | | |
| 300 | **Trường Cao đẳng Nghề Tiền Giang**<br>Mã trường: CDD5301<br>Địa chỉ: 11B/17, đường Học Lạc, phường 8, Tp. Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang<br>Điện thoại: 02733.958.684<br>Website: www.tvc.edu.vn<br>Email: caodangnghetg@gmail.com | | | | | |
| | Điện công nghiệp | 40 | 105 | 20 | Cao đẳng, Trung cấp: Xét tuyển (theo học bạ)<br>Sơ cấp: Xét tuyển | Cao đẳng, Trung cấp: Từ tháng 06/2018 tới hết tháng 12/2018 (chia thành 03 đợt tuyển sinh);<br>Sơ cấp: Thường xuyên trong năm |
| | Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí | 20 | 70 | | | |
| | Vận hành sửa chữa thiết bị lạnh | | 35 | | | |
| | Kỹ thuật xây dựng | 10 | 25 | 20 | | |
| | Công nghệ ô tô | 40 | 70 | | | |
| | Kế toán doanh nghiệp | 20 | | | | |
| | Điện tử công nghiệp | 20 | 35 | 20 | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Cao đẳng | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| | Cắt gọt kim loại | 10 | 35 | 20 | Cao đẳng, Trung cấp: Xét tuyển (theo học bạ)<br>Sơ cấp: Xét tuyển | Cao đẳng, Trung cấp: Từ tháng 06/2018 tới hết tháng 12/2018 (chia thành 03 đợt tuyển sinh); Sơ cấp: Thường xuyên trong năm |
| | Công nghệ thông tin (ứng dụng phần mềm) | 20 | 35 | | | |
| | Quản trị mạng máy tính | | | | | |
| | May thời trang | 20 | 35 | | | |
| | Điện tử dân dụng | | 35 | 20 | | |
| | Hàn | | 20 | 20 | | |
| | Sửa chữa bảo trì tủ lạnh - máy giặt | | | 40 | | |
| | Sửa chữa xe gắn máy | | | | | |
| | Sửa chữa động cơ ô tô | | | | | |
| | Sửa chữa điện ô tô | | | | | |
| | Sửa chữa gầm ô tô | | | 20 | | |
| | May công nghiệp | | | 20 | | |
| 301 | **Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ**<br>Mã trường: CDT5301<br>Địa chỉ: xã Tân Mỹ Chánh, Tp. Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang<br>Điện thoại: 02733. 958. 978 - 02733. 850.136<br>Fax: 02733. 850.247<br>Website: sac.edu.vn.<br>Email: info@sac.edu.vn | | | | | |
| | Khoa học cây trồng | 90 | | 500 | Xét tuyển điểm học bạ THPT hoặc tương đương | Từ 01/01 đến 31/12/2018 |
| | Bảo vệ thực vật | | | | | |
| | Chăn nuôi | 90 | | | | |
| | Thú y | | | | | |
| | Quản trị mạng máy tính | 40 | | | | |
| | Kế toán doanh nghiệp | | | | | |
| | Công nghệ kỹ thuật xây dựng | 60 | | | | |
| | Xây dựng công trình thủy | | | | | |
| | Công nghệ kỹ thuật tài nguyên nước | | | | | |
| | Nuôi trồng thủy sản nước ngọt | 20 | | | | |
| | Công nghệ sinh học | 20 | | | | |
| | Khảo sát địa hình | 40 | | | | |
| | Quản lý đất đai | | | | | |
| | Thủy lợi tổng hợp | | 35 | | Xét tuyển học sinh tốt nghiệp THCS trở lên | |
| | Cấp thoát nước | | | | | |
| | Kế toán doanh nghiệp | | 40 | | | |
| | Quản trị mạng máy tính | | | | | |
| | Quản lý đất đai | | 15 | | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Cao đẳng | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| | Công nghệ thực phẩm | | 35 | | Xét tuyển học sinh tốt nghiệp THCS trở lên | Từ 01/01 đến 31/12/2018 |
| | Chế biến và bảo quản thủy sản | | | | | |
| | Chăn nuôi - Thú y | | 65 | | | |
| | Thú y | | | | | |
| | Chăn nuôi gia súc, gia cầm | | | | | |
| | Trồng trọt - BVTV | | 50 | | | |
| | Bảo vệ thực vật | | | | | |
| | Các nghề | | | | | |
| 302 | **Trường Cao đẳng Y tế Tiền Giang**<br>Mã trường: CDD5301<br>Địa chỉ: 83 Thái Sanh Hạnh, phường 9, thành phố Mỹ Tho<br>Điện thoại: 02733.951464<br>Website: http://caodangytetg.edu.vn/<br>Email: daotao.caodangytetg@gmail.com hoặc caodangytetg@tiengiang.gov.vn | | | | | |
| | Điều dưỡng | 150 | | | Xét tuyển theo điểm tốt nghiệp PTTH | Tuyển sinh trong năm theo thông báo của trường. |
| | Dược | 400 | 100 | | | |
| | Hộ sinh | 100 | | | | |
| | Kỹ thuật xét nghiệm y học | 200 | | | | |
| | Y sĩ | | 100 | | | |
| | **BẾN TRE** | | | | | |
| 303 | **Trường Cao đẳng Bến Tre**<br>Mã trường: CDD5601<br>Địa chỉ: Ấp 1, xã Sơn Đông, Tp. Bến Tre, tỉnh Bến Tre<br>Điện thoại: (0275).3822325 - (0275).3822304<br>Website: http://www.cdbt.edu.vn; Email: tuyensinhpdt@gmail.com | | | | | |
| | Tiếng Anh | 50 | | | Xét tuyển | Cả năm |
| | Tin học ứng dụng | 40 | | | | |
| | Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử | 30 | | | | |
| | Công nghệ kỹ thuật xây dựng | 30 | | | | |
| | Công nghệ kỹ thuật ô tô | 30 | | | | |
| | Kế toán | 40 | | | | |
| | Quản trị kinh doanh | 40 | | | | |
| | Quản trị văn phòng | 40 | | | | |
| | Công nghệ chế biến thủy sản | 30 | | | | |
| | Nuôi trồng thủy sản | 30 | | | | |
| | Việt Nam học | 50 | | | | |
| | Tài chính - Ngân hàng | 40 | | | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Cao đẳng | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| | Giáo dục mầm non | 120 | | | Xét tuyển + Thi năng khiếu | Tháng 6 đến tháng 8 |
| | Điện công nghiệp và dân dụng | | 50 | | Xét tuyển | Cả năm |
| | Xây dựng dân dụng và công nghiệp | | 30 | | | |
| | Bảo trì sửa chữa ô tô | | 50 | | | |
| | Điện tử công nghiệp và dân dụng | | 50 | | | |
| | Công nghệ kỹ thuật phần cứng máy tính | | 60 | | | |
| | Kế toán doanh nghiệp | | 60 | | | |
| | Công nghệ thực phẩm | | 30 | | | |
| | Chăn nuôi thú y | | 30 | | | |
| | Nuôi trồng thủy sản | | 30 | | | |
| | Chế biến và bảo quản thủy sản | | 30 | | | |
| | Bảo vệ thực vật | | 30 | | | |
| | Lái xe ô tô hạng B2 | | | 640 | | |
| 304 | **Trường Cao đẳng Đồng Khởi**<br>Mã trường: CDT5601<br>Địa chỉ: Cơ sở 1: 17 A4, quốc lộ 60, phường Phú Tân, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre<br>Cơ sở 2: ấp 1, xã Lương Hòa, huyện Giồng Trôm, Bến Tre<br>Điện thoại: 0275.3822194 - 0275.3834225 - 0275.3834405<br>Website: cdndongkhoi.edu.vn<br>Email: cdndongkhoibt@gmail.com | | | | | |
| | Hướng dẫn du lịch | 60 | 50 | | Xét tuyển theo học bạ | Tháng 9/2018 |
| | Kỹ thuật xây dựng | 30 | 30 | | | |
| | Kế toán doanh nghiệp | 50 | 65 | | | |
| | Quản trị mạng máy tính | 40 | 35 | | | |
| | Quản trị khách sạn | 30 | 30 | | | |
| | Cắt gọt kim loại | 40 | 40 | | | |
| | May thời trang | 50 | 30 | | | |
| | Lập trình máy tính | 40 | 30 | | | |
| | Điện công nghiệp | 40 | 40 | | | |
| | Điện tử công nghiệp | 40 | 40 | | | |
| | Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí | 40 | 50 | | | |
| | Công nghệ ô tô | 50 | 35 | | | |
| | Cơ khí hàn, tiện, phay, bào | | | 50 | | Thường xuyên trong năm |
| | Kỹ thuật nề | | | 10 | | |
| | May công nghiệp | | | 200 | | |
| | Kỹ thuật phần cứng và mạng | | | 10 | | |
| | Hàn | | | 20 | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Cao đẳng | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| | Uốn tóc | | | 20 | Xét tuyển theo học bạ | Thường xuyên trong năm |
| | Sửa chữa điện tử | | | 10 | | |
| | Điện cơ - điện dân dụng | | | 20 | | |
| | Sửa chữa xe gắn máy | | | 20 | | |
| | Kỹ thuật sửa chữa điện lạnh | | | 15 | | |
| | Sửa chữa ô tô | | | 15 | | |
| | Sửa chữa máy nổ | | | 25 | | |
| | Nghiệp vụ lễ tân | | | 30 | | |
| | Nghiệp vụ nhà hàng | | | 30 | | |
| | Nghiệp vụ buồng, phòng | | | 30 | | |
| | Lái xe ô tô hạng B1, B2 | | | 600 | | |
| | Lái xe ô tô hạng C | | | 200 | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Cao đẳng | | | | |
| | | Chính quy | Liên thông | Trung cấp | | |
| **TRÀ VINH** | | | | | | |
| 305 | **Trường Cao đẳng Nghề Trà Vinh**<br>Mã trường: CDD5801.<br>Đại chỉ: Ấp Vĩnh Yên, xã Long Đức, Tp. Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh<br>Điện thoại: 0743.746354 - 0742.210415<br>Website: www.cdntravinh.edu.vn<br>Email: caodangnghetv@gmail.com | | | | | |
| | **I. Trình độ Cao đẳng nghề** | | | | | |
| | Công nghệ ô tô | 25 | 20 | | Xét tuyển học sinh tốt nghiệp THPT hoặc tương đương trở lên | - Đợt 1: Tháng 8/2018<br>- Đợt 2: Tháng 11/2018 |
| | Điện công nghiệp | 30 | 25 | | | |
| | Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí | 20 | | | | |
| | Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính | 20 | | | | |
| | Chế biến thực phẩm | 15 | 0 | | | |
| | Kế toán | 20 | 0 | | | |
| | Thú y | 20 | 20 | | | |
| | Tự động hóa công nghiệp | 15 | 0 | | | |
| | Công nghệ thông tin (ứng dụng phần mềm) | 20 | 0 | | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Cao đẳng | | | | |
| | | Chính quy | Liên thông | Trung cấp | | |
| | **II. Trình độ Trung cấp** | | | | | |
| | Công nghệ ô tô | | | 25 | Xét tuyển học sinh tốt nghiệp THCS trở lên | - Đợt 1: Tháng 8/2018<br>- Đợt 2: Tháng 11/2018 |
| | Cắt gọt kim loại | | | 20 | | |
| | Điều khiển phương tiện thủy nội địa | | | 15 | | |
| | Điện công nghiệp | | | 30 | | |
| | Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí | | | 25 | | |
| | Thú y | | | 25 | | |
| | Điện tử dân dụng | | | 20 | | |
| | Công nghệ kỹ thuật cơ khí | | | 20 | | |
| | Văn thư hành chính | | | 20 | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Cao đẳng | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| 306 | **Trường Cao đẳng Y tế Trà Vinh**<br>Mã trường: CDD5802<br>Địa chỉ: Số 7, Nguyễn Thiện Thành, khóm 4, phường 5, Tp. Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh<br>Điện thoại: 02943 855 815<br>Website: tvmc.edu.vn<br>Email: phongdaotaocdyttv77@gmail.com | | | | | |
| | Điều dưỡng | 130 | 30 | | Xét tuyển | Năm 2018 |
| | Hộ sinh | 110 | 30 | | | |
| | Dược | 130 | 30 | | | |
| | Y sỹ | | 30 | | | |
| | Y sỹ y học cổ truyền | | 30 | | | |
| | **VĨNH LONG** | | | | | |
| 307 | **Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vĩnh Long**<br>Mã trường: VLU<br>Địa chỉ: Số 73 Nguyễn Huệ, phường 2, Tp. Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long<br>Điện thoại: 0270 386 2456, 0270 382 0203<br>Website: http://www.vlute.edu.vn<br>Email: tuyensinh@vlute.edu.vn | | | | | |
| | Công nghệ sinh học | X | | | Xét tuyển<br>Điều kiện xét tuyển: | Từ 01/4/2018 đến 15/10/2018 |
| | Công nghệ thực phẩm | X | | | | |
| | Công nghệ sau thu hoạch | X | | | | |
| | Chăn nuôi gia súc, gia cầm | X | | | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Cao đẳng | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| | Thú y | X | | | - Tốt nghiệp THPT hoặc tương đương;<br>- Điểm trung bình chung cả năm lớp 12 đạt từ 5.0 trở lên;<br>- Xét từ cao xuống thấp đến hết chỉ tiêu; | Từ 01/4/2018 đến 15/10/2018 |
| | Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính | X | | | | |
| | Công nghệ thông tin (ứng dụng phần mềm) | X | | | | |
| | Tin học văn phòng | X | | | | |
| | Quản trị cơ sở dữ liệu | X | | | | |
| | Quản trị mạng máy tính | X | | | | |
| | Vẽ và thiết kế trên máy tính | X | | | | |
| | Thiết kế đồ họa | X | | | | |
| | Thiết kế trang Web | X | | | | |
| | An ninh mạng | X | | | | |
| | Công nghệ kỹ thuật giao thông | X | | | | |
| | Công nghệ kỹ thuật ô tô | X | | | | |
| | Kỹ thuật máy nông nghiệp | X | | | | |
| | Sửa chữa máy tàu thuỷ | X | | | | |
| | Công nghệ kỹ thuật cơ khí | X | | | | |
| | Cắt gọt kim loại | X | | | | |
| | Hàn | X | | | | |
| | Bảo trì thiết bị cơ điện | X | | | | |
| | Bảo trì hệ thống thiết bị cơ khí | X | | | | |
| | Cơ điện tử | X | | | | |
| | Công nghệ chế tạo máy | X | | | | |
| | Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử | X | | | | |
| | Lắp đặt thiết bị lạnh | X | | | | |
| | Kỹ thuật lắp đặt điện và điều khiển trong công nghiệp | X | | | | |
| | Kỹ thuật máy lạnh và điều hoà không khí | X | | | | |
| | Điện tử công nghiệp | X | | | | |
| | Điện công nghiệp | X | | | | |
| | Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa | X | | | | |
| | Công nghệ kỹ thuật điện tử, truyền thông | X | | | | |
| | Công nghệ kỹ thuật nhiệt - lạnh | X | | | | |
| | Báo chí | X | | | | |
| | Dịch vụ pháp lý | X | | | | |
| | Quản trị kinh doanh | X | | | | |
| | Marketing | X | | | | |
| | Tài chính - Ngân hàng | X | | | | |
| | Kế toán | X | | | | |
| | Kế toán doanh nghiệp | X | | | | |
| | Quản trị doanh nghiệp vừa và nhỏ | X | | | | |
| | Công tác xã hội | X | | | | |
| | Hướng dẫn du lịch | X | | | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Cao đẳng | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| 308 | **Trường Cao đẳng Nghề Vĩnh Long**<br>Mã trường: CDD5701<br>Địa chỉ: QL 1A, ấp Phước Yên, xã Phú Quới, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long<br>Điện thoại: 0270.3960566; 0270.3960123<br>Website: www.vlvc.edu.vn<br>Email: vlvc@vlvc.edu.vn | | | | | |
| | Kỹ thuật máy lạnh và điều hoà không khí | 15 | | | Xét tuyển | Hằng năm |
| | Điện công nghiệp | 15 | | | | |
| | Điện tử công nghiệp | 10 | | | | |
| | Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính | 15 | | | | |
| | Quản trị mạng máy tính | 15 | | | | |
| | Cắt gọt kim loại (Tiện, phay, mài) | 15 | | | | |
| | Công nghệ ôtô | 15 | | | | |
| | Kỹ thuật máy lạnh và điều hoà không khí | | 80 | | | |
| | Điện công nghiệp | | 100 | | | |
| | Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính | | 40 | | | |
| | Quản trị mạng máy tính | | 40 | | | |
| | Cắt gọt kim loại (Tiện, phay, mài) | | 60 | | | |
| | Công nghệ ôtô | | 90 | | | |
| | Điện tử dân dụng | | 20 | | | |
| | Điện dân dụng | | 30 | | | |
| | Kế toán doanh nghiệp | | 20 | | | |
| | Điều khiển phương tiện nội địa | | 20 | | | |
| | Lái xe ô tô B2 | | | 150 | | Thường xuyên |
| | Lái xe ô tô C | | | 32 | | |
| 309 | **Trường Cao đẳng Nghề số 9**<br>Mã trường: CDD5702<br>Địa chỉ: Số 9 đường Phạm Hùng, phường 9, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long<br>Điện thoại: 02703. 823.640<br>Website: http://www.caodangngheso9.edu.vn<br>Email: caodangngheso9@gmail.com | | | | | |
| | Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính | | | 200 | Xét tuyển | Thường xuyên |
| | Hàn | | | 40 | | |
| | Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí | | | 200 | | |
| | Công nghệ thông tin (Ứng dụng phần mềm) | | | 20 | | |
| | Kỹ thuật Xây dựng | | | 75 | | |
| | Sửa chữa điện thoại di động | | | 15 | | |
| | Sửa chữa động cơ điện và thiết bị điện gia dụng | | | 200 | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Cao đẳng | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| | Điện tử dân dụng | | | 30 | Xét tuyển | Thường xuyên |
| | Sửa chữa điện - điện lạnh ô tô | | | 60 | | |
| | Sửa chữa cơ khí động cơ | | | 150 | | |
| | Vận hành xe máy công trình | | | 300 | | |
| | Sửa chữa xe gắn máy | | | 300 | | |
| | Cắt gọt kim loại | | | 15 | | |
| | Bảo vệ | | | 350 | | |
| | Họa viên kiến trúc | | | 25 | | |
| | Thiết kế lắp đặt mạng máy tính | | | 25 | | |
| | Lái xe Mô tô hạng A1 | | | 9000 | | |
| | Lái xe ô tô các loại | | | 5.500 | | |
| 310 | **Trường Cao đẳng Kinh tế - Tài chính Vĩnh Long**<br>Mã trường: CDD5704.<br>Địa chỉ: Số 1B, Nguyễn Trung Trực, phường 8, Tp. Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.<br>Điện thoại: 02703. 823.443 - 3.877.879<br>Website: vcef.edu.vn.<br>Email: daotao@vcef.edu.vn - tuyensinh@vcef.edu.vn | | | | | |
| | Kế toán doanh nghiệp | 100 | 100 | / | (1) Cao đẳng: Xét tuyển thí sinh tốt nghiệp THPT hoặc tương đương<br>(2) Trung cấp: Xét tuyển thí sinh tốt nghiệp THCS, THPT hoặc tương đương | - Theo quy đinh của Bộ LĐ-TB&XH:<br>- Xét tuyển liên tục trong năm.<br>- Lịch xét tuyển dự kiến: Từ 16/07/2018 - 21/12/2018<br>(miễn 100% học phí thí sinh tốt nghiệp THCS học Trung cấp) |
| | Kế toán hành chính sự nghiệp | / | 50 | / | | |
| | Tài chính doanh nghiệp | 100 | 50 | / | | |
| | Tài chính-Ngân hàng | 75 | 50 | / | | |
| | Thuế | 50 | 50 | / | | |
| | Quản trị kinh doanh | 75 | / | / | | |
| | Quản lý kinh doanh khách sạn | / | 50 | / | | |
| | Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành | 75 | / | / | | |
| | Marketing | 75 | 50 | / | | |
| | Hành chính văn phòng | / | 50 | / | | |
| | Công nghệ thông tin | 75 | / | / | | |
| | Công nghệ thông tin (ứng dụng phần mềm) | / | 50 | / | | |
| | Tin học văn phòng | 75 | 50 | / | | |
| 311 | **Trường Cao đẳng Cộng đồng Vĩnh Long**<br>Mã trường: CDD5703<br>Địa chỉ: Số 112A, Đinh Tiên Hoàng, Tp. Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long<br>Điện thoại: 02703 823492 - 02703 883788, Fax: 02703 826356<br>Website: www.vlcc.edu.vn<br>Email: tuyensinh@vlcc.edu.vn<br>Facebook: https://www.facebook.com/vlcc.edu.vn/ | | | | | |
| | Tiếng Anh | 35 | | | Xét tuyển theo học bạ và kết quả thi THPT quốc gia | Cả năm |
| | Tài chính - ngân hàng | 35 | | | | |
| | Kế toán | 30 | | | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Cao đẳng | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| | Quản trị văn phòng | 35 | | | Xét tuyển theo học bạ và kết quả thi THPT quốc gia | Cả năm |
| | Quản trị kinh doanh | 35 | | | | |
| | Công nghệ thông tin | 30 | | | | |
| | Quản trị cơ sở dữ liệu | 30 | | | | |
| | Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử | 35 | | | | |
| | Công nghệ kỹ thuật tài nguyên nước | 30 | | | | |
| | Chế biến lương thực | 30 | | | | |
| | Công nghệ thực phẩm | 60 | | | | |
| | Nuôi trồng thuỷ sản | 30 | | | | |
| | Thú y | 35 | | | | |
| | Quản trị lữ hành | 35 | | | | |
| | Quản trị khách sạn | 35 | | | | |
| | Quản lý đất đai | 30 | | | | |
| | Hành chính văn phòng | | 30 | | | |
| | Kế toán doanh nghiệp | | 30 | | | |
| | Pháp luật | | 30 | | | |
| | Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính | | 30 | | | |
| | Tin học ứng dụng | | 30 | | | |
| | Công nghệ kỹ thuật nhiệt | | 30 | | | |
| | Trắc địa - địa hình - địa chính | | 35 | | | |
| | Cơ khí động lực | | 30 | | | |
| | Cơ khí chế tạo | | 30 | | | |
| | Điện tử công nghiệp và dân dụng | | 30 | | | |
| | Điện công nghiệp và dân dụng | | 35 | | | |
| | Hệ thống điện | | 35 | | | |
| | Công nghệ kỹ thuật chế biến và bảo quản lương thực | | 30 | | | |
| | Công nghệ kỹ thuật chế biến và bảo quản thực phẩm | | 30 | | | |
| | Công nghệ kỹ thuật kiểm nghiệm chất lượng lương thực, thực phẩm | | 30 | | | |
| | Trồng trọt và bảo vệ thực vật | | 35 | | | |
| | Chăn nuôi - thú y | | 35 | | | |
| | Công nghệ kỹ thuật chế biến và bảo quản thuỷ sản | | 30 | | | |
| | Chế biến và bảo quản thuỷ sản | | 30 | | | |
| | Nuôi trồng thủy sản | | 30 | | | |
| | Điều dưỡng | | 30 | | | |
| | Quản lý đất đai | | 30 | | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Cao đẳng | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| **ĐỒNG THÁP** | | | | | | |
| 312 | **Trường Cao đẳng Y tế Đồng Tháp**<br>Mã trường: CDD5003<br>Địa chỉ: 312 Nguyễn Thái Học, phường 4, Tp. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp<br>Điện thoại: 0277-3854.133, Fax: 0277-3859.112<br>Website: www.cdytdt.edu.vn, Email: cya@cdytdt.edu.vn | | | | | |
| | Điều dưỡng | 500 | | | 1. Chính quy: Xét tuyển dựa vào kết quả học tập lớp 12 THPT hoặc tương đương.<br>2. Liên thông: Xét tuyển và thi tuyển. | Từ tháng 03/2018 đến tháng 11/2018 |
| | Hộ sinh | 50 | | | | |
| | Dược học | 650 | 50 | | | |
| | Kỹ thuật xét nghiệm y học | 30 | | | | |
| | Kỹ thuật phục hồi chức năng | 20 | | | | |
| | Y sỹ | | 100 | | | |
| 313 | **Trường Cao đẳng Cộng đồng Đồng Tháp**<br>Mã trường: CDD5002<br>Địa chỉ: Số 259 đường Thiên Hộ Dương, phường Hòa Thuận, Tp. Cao Lãnh, Đồng Tháp<br>Điện thoại: 0277-3851.274, 0277-3851.523<br>Website: www.dtcc.edu.vn, Email: cdcddt@dtcc.edu.vn | | | | | |
| | Bảo vệ thực vật | 105 | | | Xét tuyển | Tháng 1-12/2018 |
| | Dịch vụ thú y | 105 | | | | |
| | Khoa học cây trồng | 70 | | | | |
| | Chăn nuôi | 70 | | | | |
| | Kế toán | 105 | | | | |
| | Quản trị kinh doanh | 70 | | | | |
| | Công nghệ thông tin | 70 | | | | |
| | Công nghệ thực phẩm | 150 | 70 | | | |
| | Nuôi trồng thủy sản | 70 | 35 | | | |
| | Bệnh học thủy sản | | 35 | | | |
| | Phát triển nông thôn | | 35 | | | |
| | Trồng trọt và bảo vệ thực vật | | 35 | | | |
| | Chăn nuôi thú y | | 35 | | | |
| | Quản trị mạng máy tính | | 35 | | | |
| | Tin học ứng dụng | | 35 | | | |
| | Chế biến và bảo quản thủy sản | | 70 | | | |
| | Kế toán doanh nghiệp | | 35 | | | |
| | Văn thư - lưu trữ | | 35 | | | |
| | Quản trị doanh nghiệp vừa và nhỏ | | 100 | | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Cao đẳng | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| 314 | **Trường Cao đẳng Nghề Đồng Tháp**<br>Mã trường: CDD5001.<br>Địa chỉ: số 2, Trần Phú, phường 3, thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp<br>Điện thoại liên hệ: 0277-3863.618, Fax: 0277-3866.364<br>Website: www.dtvc.edu.vn, Email: tcdndt@yahoo.com.vn | | | | | |
| | Công nghệ thông tin (Ứng dụng phần mềm) | 30 | | | Xét tuyển theo học bạ | Cả năm |
| | Cắt gọt kim loại | 35 | 35 | | | |
| | Điện công nghiệp | 40 | 70 | | | |
| | Công nghệ ô tô | 80 | 80 | | | |
| | Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí | 70 | 40 | | | |
| | Thú y | 25 | 50 | | | |
| | Kế toán doanh nghiệp | 30 | 30 | | | |
| | Quản trị doanh nghiệp vừa và nhỏ | 60 | | | | |
| | Thiết kế thời trang | 25 | 25 | | | |
| | Tin học văn phòng | | 70 | | | |
| | Quản trị mạng máy tính | 30 | 30 | | | |
| | Kỹ thuật xây dựng | 35 | 30 | | | |
| | **AN GIANG** | | | | | |
| 315 | **Trường Đại học An Giang**<br>Mã trường: TAG;<br>Địa chỉ: Số 18 Ung Văn Khiêm, P. Đông Xuyên, Tp. Long Xuyên, T. An Giang;<br>Điện thoại: 076 6256565, Fax: 0763.842560;<br>Website: http://www.agu.edu.vn;<br>Email: ado@agu.edu.vn. | | | | | |
| | Quản trị kinh doanh | 40 | | | Xét tuyển (theo học bạ) | Dự kiến tháng 07 năm 2018 |
| | Kế toán | 40 | | | | |
| | Công nghệ thông tin | 40 | | | | |
| | Công nghệ thực phẩm | 40 | | | | |
| | Bảo vệ thực vật | 40 | | | | |
| | Dịch vụ thú y | 60 | | | | |
| | Phát triển nông thôn | 40 | | | | |
| | Hướng dẫn du lịch | 40 | | | | |
| | Thiết kế trang web | 40 | | | | |
| | Quản trị lữ hành | 30 | | | | |
| | Quản trị khách sạn | 30 | | | | |
| | Quản trị nhà hàng | 30 | | | | |
| | Hội họa | 20 | | | | |
| | Thiết kế đồ họa | 20 | | | | |
| | Thanh nhạc | 30 | | | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Cao đẳng | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| 316 | **Trường Cao đẳng Nghề An Giang**<br>Mã trường: CDD5101<br>Địa chỉ: 841 (số cũ 165A), đường Trần Hưng Đạo, phường Bình Khánh, Tp. Long Xuyên, tỉnh An Giang<br>Điện thoại: 0296.3852.538<br>Website: http://agvc.edu.vn<br>Email: Caodangnghe@angiang.gov.vn | | | | | |
| | Điện công nghiệp | 60 | 30 | 20 | Xét tuyển (theo học bạ) | Dự kiến ngày 19/9/2018 |
| | Công nghệ ô tô | 90 | 60 | | | |
| | Điện tử công nghiệp | 15 | 15 | | | |
| | Cắt gọt kim loại | 15 | 15 | 20 | | |
| | Hàn | 15 | 15 | 50 | | |
| | Lắp đặt thiết bị cơ khí | 25 | 15 | | | |
| | Kỹ thuật xây dựng | 25 | 20 | 25 | | |
| | May thời trang | 25 | 20 | 20 | | |
| | Quản trị mạng máy tính | 30 | | | | |
| | Lập trình máy tính | 25 | | | | |
| | Kỹ thuật máy lạnh & điều hòa không khí | 80 | 60 | 20 | | |
| | Kế toán doanh nghiệp | 60 | 25 | 15 | | |
| | Quản trị nhà hàng | 30 | | | | |
| | Cơ điện tử | 20 | 15 | | | |
| | Nghiệp vụ nhà hàng | | 20 | | | |
| | Kỹ thuật sửa chữa lắp ráp máy tính | | 20 | 15 | | |
| | Quản trị khách sạn | | 15 | | | |
| | Công tác xã hội | 35 | 30 | | | |
| | Quản trị du lịch MICE | 30 | 30 | | | |
| | Kế toán hành chính sự nghiệp | | 25 | | | |
| | Tin học ứng dụng | | 25 | | | |
| | Tài chính - ngân hàng | | 25 | | | |
| | Hướng dẫn du lịch | 35 | 35 | | | |
| | Điều hành tour du lịch | 35 | 35 | | | |
| | Sửa chữa xe gắn máy | | | 100 | | |
| | Sửa chữa máy nổ | | | 60 | | |
| | Điện tử dân dụng | | | 15 | | |
| | Điện dân dụng | | | 20 | | |
| | Sư phạm dạy nghề | | | 80 | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Cao đẳng | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| 317 | **Trường Cao đẳng Y tế An Giang**<br>Mã trường: CDD 5102<br>Địa chỉ: Số 20, Nguyễn Văn Linh, phường Mỹ Phước, Tp. Long Xuyên, tỉnh An Giang<br>Điện thoại: 02963852103<br>Website: www.ahc.edu.vn<br>Email: caodangyteangiang@gmail.com | | | | | |
| | Điều dưỡng | 275 | | | Xét tuyển (theo học bạ) | Tháng 7/2018 |
| | Dược | 275 | | | | |
| | Hộ sinh | 55 | | | | |
| | **KIÊN GIANG** | | | | | |
| 318 | **Trường Cao đẳng Kiên Giang**<br>Mã trường: CDD 5405.<br>Địa chỉ: 217 Chu Văn An, phường An Hòa, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang<br>Điện thoại: 0297.3863530<br>Website: www.kgc.edu.vn<br>Email: kgc@kgc.edu.vn | | | | | |
| | Công nghệ kỹ thuật xây dựng | 60 | 30 | | Hình thức tuyển sinh: Xét tuyển.<br>Tiêu chí xét tuyển:<br>+ Trình độ Cao đẳng: Tốt nghiệp THPT hoặc tương đương trở lên. Xét tuyển căn cứ vào điểm trung bình cả năm lớp 12 và phải tham gia phỏng vấn theo yêu cầu của nhà trường.<br>+ Trình độ Trung cấp: Tốt nghiệp THCS hoặc tương đương trở lên. | Thời gian nhận hồ sơ:<br>+ Đợt 1: từ ngày 2/4/2018 đến ngày 30/6/2018.<br>+ Các đợt bổ sung: từ ngày 1/7/2018 đến ngày 15/10/2018.<br>- Khu vực tuyển sinh: Tuyển thí sinh trong cả nước. |
| | Công nghệ ô tô | 150 | 60 | | | |
| | Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử | 120 | 30 | | | |
| | Công nghệ kỹ thuật điện tử, truyền thông | 60 | 20 | | | |
| | Tin học ứng dụng | 80 | 20 | | | |
| | Nuôi trồng thủy sản | 90 | 25 | | | |
| | Công nghệ kỹ thuật cơ khí | 90 | | | | |
| | Lập trình máy tính | 30 | | | | |
| | Kế toán | 160 | | | | |
| | Quản trị kinh doanh | 120 | | | | |
| | Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành | 120 | | | | |
| | Quản trị khách sạn | 120 | | | | |
| | Dịch vụ thú y | 80 | | | | |
| | Tiếng Anh | 110 | | | | |
| | Tài chính - Ngân hàng | 40 | 30 | | | |
| | Truyền thông và mạng máy tính | 30 | | | | |
| | Công nghệ thực phẩm | 30 | | | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Cao đẳng | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| | Chăn nuôi | 30 | | | Xét tuyển căn cứ vào điểm trung bình cả năm lớp 9 hoặc lớp 12 đối với thí sinh đã tốt nghiệp từ THCS trở lên và phải tham gia phỏng vấn theo yêu cầu của nhà trường.<br>+ Trình độ Sơ cấp: là người đủ 15 tuổi trở lên, có trình độ học vấn và sức khỏe phù hợp với nghề cần học. | Địa điểm nộp hồ sơ: Thí sinh đăng ký xét tuyển trực tuyến trên website: www.kgc.edu.vn; gửi chuyển phát nhanh qua đường Bưu điện; nộp tại các trường THPT hoặc nộp tại Bộ phận tuyển sinh trường Cao đẳng Kiên Giang.<br>Ghi chú:<br>Chỗ ở ký túc xá: 1.000 chỗ. |
| | Kế toán doanh nghiệp | 30 | 30 | | | |
| | Cắt gọt kim loại | | 30 | | | |
| | Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí | | 90 | | | |
| | Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính | | 20 | | | |
| | Quản trị mạng máy tính | | 20 | | | |
| | Hướng dẫn du lịch | | 50 | | | |
| | Nghiệp vụ lễ tân | | 50 | | | |
| | Nghiệp vụ nhà hàng | | 30 | | | |
| | Chăn nuôi - Thú y | | 30 | | | |
| | Trồng trọt và bảo vệ thực vật | | 30 | | | |
| | Điện công nghiệp và dân dụng | | 20 | | | |
| | Công nghệ kỹ thuật môi trường | | 60 | | | Được miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập theo qui định.<br>Đối với trình độ sơ cấp: nhận hồ sơ liên tục hàng ngày và khai giảng khi đủ số lượng mở lớp. |
| | Chế biến và bảo quản thủy sản | | 60 | | | |
| | Kế toán hành chính sự nghiệp | | 20 | | | |
| | Pháp luật | | 60 | | | |
| | Vận hành xe nâng | | | 90 | | |
| | Nghiệp vụ lễ tân khách sạn | | | 100 | | |
| | Nghiệp vụ buồng | | | 200 | | |
| | Dịch vụ nhà hàng | | | 200 | | |
| | Kỹ thuật chế biến món ăn | | | 90 | | |
| | Sửa chữa, bảo trì tủ lạnh và máy điều hòa nhiệt độ | | | 100 | | |
| | Hàn điện | | | 60 | | |
| | Sửa chữa xe gắn máy | | | 30 | | |
| | Tin học văn phòng | | | 30 | | |
| | Sửa chữa điện và điện lạnh ô tô | | | 30 | | |
| | Kỹ thuật trong khách sạn - resort | | | 50 | | |
| | Điện dân dụng | | | 30 | | |
| | Lái xe ô tô | | | 3600 | | |
| 319 | **Trường Cao đẳng Nghề Kiên Giang**<br>Mã trường: CDD5401<br>Địa chỉ: 1022 Nguyễn Trung Trực, phường An Hòa, Tp. Rạch Giá, Kiên Giang<br>Điện thoại: 02973.814.947, 02973.926936<br>Website:http://www.caodangnghekg.edu.vn Email: tuyensinhcdnghe@gmail.com | | | | | |
| | Điện công nghiệp | 45 | 60 | | Xét tuyển | Từ ngày 06/02/2018 đến ngày 30/12/2018 |
| | Cắt gọt kim loại | 20 | 30 | | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Cao đẳng | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| | Chế biến và bảo quản thủy sản | 20 | 25 | | Xét tuyển | Từ ngày 06/02/2018 đến ngày 30/12/2018 |
| | Quản trị khách sạn | 60 | | | | |
| | Công nghệ ô tô | 60 | 80 | | | |
| | Kỹ thuật xây dựng | 45 | 40 | 25 | | |
| | Chăn nuôi, gia súc gia cầm | 20 | 30 | | | |
| | Thú y | 25 | | | | |
| | Kế toán doanh nghiệp | 20 | 30 | | | |
| | Quản trị mạng máy tính | 25 | | | | |
| | Kỹ thuật máy lạnh điều hòa không khí | 25 | | | | |
| | Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa | 25 | | | | |
| | Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính | | 30 | | | |
| | Tin học văn phòng | | 50 | | | |
| | Nuôi trồng thủy sản nước mặn, nước lợ | | 30 | | | |
| | Nghiệp vụ lễ tân | | 40 | | | |
| | Công tác xã hội | | 30 | | | |
| | Kỹ thuật chế biến món ăn | | 25 | | | |
| | Nghiệp vụ buồng | | | 25 | | |
| | Nghiệp vụ bàn | | | 25 | | |
| | Sửa xe gắn máy | | | 25 | | |
| | Lái xe ô tô hạng B2, C | | | 1600 | | |
| **CẦN THƠ** | | | | | | |
| 320 | **Trường Cao đẳng Cơ điện và Nông nghiệp Nam Bộ**<br>Mã trường: CEN<br>Địa chỉ: KV. Bình Khánh, P. Phước Thới, quận Ô Môn, Tp. Cần Thơ<br>Điện thoại: 02923 862 067 - 02923 661 804 - 02923 663 220<br>Website: www.cea.edu.vn<br>Email: bants.cen@moet.edu.vn | | | | | |
| | Điện công nghiệp | 40 | 50 | | Xét tuyển trên toàn quốc<br>- Hệ cao đẳng: xét tuyển theo học bạ đối với thí sinh tốt nghiệp THPT hoặc bổ túc THPT.<br>- Hệ trung cấp: tốt nghiệp từ THCS trở lên. | Từ tháng 1 cho đến tháng12 hàng năm |
| | Quản trị mạng máy tính | 40 | 30 | | | |
| | Chế biến và bảo quản thủy sản | 80 | 40 | | | |
| | Thú y | 30 | 80 | | | |
| | Bảo vệ thực vật | 30 | 160 | | | |
| | Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử | 120 | 0 | | | |
| | Công nghệ kỹ thuật ô tô | 80 | 0 | | | |
| | Kỹ thuật máy nông nghiệp | 40 | 0 | | | |
| | Công nghệ kỹ thuật cơ khí | 40 | 0 | | | |
| | Công nghệ thực phẩm | 40 | 0 | | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Cao đẳng | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| | Chăn nuôi (Chăn nuôi và Dịch vụ thú y) | 40 | 0 | | Xét tuyển trên toàn quốc<br>- Hệ cao đẳng: xét tuyển theo học bạ đối với thí sinh tốt nghiệp THPT hoặc bổ túc THPT.<br>- Hệ trung cấp: tốt nghiệp từ THCS trở lên. | Từ tháng 1 cho đến tháng12 hàng năm |
| | Khoa học cây trồng | 40 | 0 | | | |
| | Kế toán | 40 | 0 | | | |
| | Điện công nghiệp và dân dụng | 0 | 60 | | | |
| | Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí | 0 | 40 | | | |
| | Bảo trì và sửa chữa ô tô | 0 | 80 | | | |
| | Kỹ thuật sửa chữa lắp ráp máy tính | 0 | 30 | | | |
| | Cắt gọt kim loại | 0 | 40 | | | |
| | Chăn nuôi thú y | 0 | 40 | | | |
| | Trồng trọt và bảo vệ thực vật | 0 | 40 | | | |
| | Nuôi trồng thủy sản | 0 | 80 | | | |
| | Kế toán doanh nghiệp | 0 | 40 | | | |
| 321 | **Trường Cao đẳng Nghề Du lịch Cần Thơ**<br>Mã trường: CDT5502<br>Địa chỉ: Số 47, Đường số 1, KV3 Sông Hậu, P. Cái Khế, Q. Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ<br>Điện thoại: (0292) 3817487 - 3815252<br>Website: www.ctc.edu.vn www.facebook.com/ctc.edu.vn<br>Email: truongdulichcantho@gmail.com ctc.tuyensinh@gmail.com | | | | | |
| | Hướng dẫn du lịch | 35 | 25 | | - Cao đẳng, trung cấp xét tuyển theo học bạ.<br>- Sơ cấp xét tuyển theo nhu cầu của người học. | - Cao đẳng, trung cấp tuyển sinh đến hết tháng 10/2018.<br>- Sơ cấp tuyển sinh quanh năm. |
| | Quản trị khách sạn | 35 | | | | |
| | Quản trị lữ hành | 35 | | | | |
| | Quản trị nhà hàng | 30 | | | | |
| | Kỹ thuật chế biến món ăn | | 25 | | | |
| | Nghiệp vụ nhà hàng | | 25 | 30 | | |
| | Nghiệp vụ lễ tân | | 25 | 30 | | |
| | Quản lý và kinh doanh khách sạn | | 25 | | | |
| | Nghiệp vụ buồng | | | 35 | | |
| | Kỹ thuật chế biến món ăn căn bản | | | 35 | | |
| | Kỹ thuật chế biến món ăn nâng cao | | | 35 | | |
| | Kỹ thuật cắt tỉa rau củ trang trí món ăn | | | 30 | | |
| | Kỹ thuật pha chế thức uống | | | 30 | | |
| | Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch | | | 30 | | |
| 322 | **Trường Cao đẳng Nghề Cần Thơ**<br>Mã trường: CDD5501<br>Địa chỉ: 57, Cách Mạng Tháng 8, An Thới, Bình Thủy, Tp. Cần Thơ<br>Điện thoại: 02923 883 455 - 0936 090 041<br>Website: www.ctvc.edu.vn hoặc www.tuyensinh.ctvc.edu.vn<br>Email: caodangnghe@cantho.gov.vn hoặc tuyensinh@ctvc.edu.vn | | | | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Cao đẳng | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| | Điện tử công nghiệp | 50 | 30 | | Tuyển sinh theo hình thức xét tuyển học bạ cấp 3. Điểm TB của 2 môn Toán, Lý năm lớp 12. | Đợt 1: 07/03/2018 15/07/2018 Đợt 2: Từ 18/07/2018 Đến 08/09/2018 Đợt 3: Từ 09/09/2018 Đến 10/11/2018 |
| | Điện tử DD | 25 | 45 | | | |
| | Cơ điện tử | 25 | | | | |
| | Điện công nghiệp | 75 | 40 | | | |
| | Kỹ thuật ML&ĐHKK | 40 | | | | |
| | Công nghệ ô tô | 75 | 40 | | | |
| | Cắt gọt kim loại | 40 | 25 | | | |
| | Hàn | 25 | 25 | | | |
| | Quản trị mạng máy tính | 50 | | | | |
| | Kế toán doanh nghiệp | 40 | 40 | | | |
| | Kỹ thuật xây dựng | 25 | 40 | | | |
| | May thời trang | 30 | 50 | | | |
| | Tin học văn phòng | | 25 | | | |
| | Kỹ thuật sửa chữa lắp ráp máy tính | | 25 | | | |
| | Vận hành sửa chữa thiết bị lạnh | 25 | | | | |
| 323 | **Trường Cao đẳng Cần Thơ**<br>Mã trường: CDD5502<br>Địa chỉ: Số 413 đường 30/4, phường Hưng Lợi, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ<br>Điện thoại: 0292 3740 182<br>Website: www.cdct.edu.vn<br>Email: caodangct@cdct.edu.vn | | | | | |
| | Kế toán | 150 | | | - Xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi THPT quốc gia<br>- Xét tuyển dựa vào kết quả học tập THPT. | Từ tháng 01/2018 đến tháng 12/2018 |
| | Tài chính ngân hàng | 50 | | | | |
| | Quản trị kinh doanh | 210 | | | | |
| | Dịch vụ pháp lý | 270 | | | | |
| | Tiếng Anh | 150 | | | | |
| | Quản trị văn phòng | 150 | | | | |
| | Việt Nam học | 210 | | | | |
| | Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành | 150 | | | | |
| | Công nghệ kĩ thuật môi trường | 100 | | | | |
| | Quản lí tài nguyên và môi trường | 100 | | | | |
| | Công nghệ kĩ thuật xây dựng | 100 | | | | |
| | Hệ thống thông tin | 50 | | | | |
| | Tin học ứng dụng | 120 | | | | |
| | Công nghệ may | 50 | | | | |
| | Kế toán hành chính sự nghiệp | | 50 | | | |
| | Tài chính - ngân hàng | | 50 | | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Cao đẳng | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| | Du lịch lữ hành | | 50 | | - Xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi THPT quốc gia<br>- Xét tuyển dựa vào kết quả học tập THPT. | Từ tháng 01/2018 đến tháng 12/2018 |
| | Hướng dẫn du lịch | | 50 | | | |
| | Nghiệp vụ nhà hàng, khách sạn | | 50 | | | |
| | Hành chính văn phòng | | 50 | | | |
| | Văn thư hành chính | | 50 | | | |
| | Pháp luật | | 50 | | | |
| | Quản lý tài nguyên và môi trường | | 50 | | | |
| | Xây dựng dân dụng và công nghiệp | | 50 | | | |
| | Điện công nghiệp | | 50 | | | |
| | Thiết kế và quản lý Website | | 50 | | | |
| | Công nghệ kỹ thuật phần mềm máy tính | | 50 | | | |
| | Quản trị mạng máy tính | | 50 | | | |
| | Tin học ứng dụng | | 50 | | | |
| 324 | **Trường Cao đẳng Y Tế Cần Thơ**<br>Mã trường: CDD5503<br>Địa chỉ: 340 Nguyễn Văn Cừ, phường An Hòa, quận Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ<br>Điện thoại: 02923 890550<br>Website: www.mcc.edu.vn<br>Email: hanhchinhcdytct@gmail.com và huynhson89cmc@gmail.com | | | | | |
| | Điều dưỡng | 800 | 40 | | Tuyển sinh theo hình thức xét tuyển học bạ cấp 3. Điểm TB của 03 môn Toán, Hóa, Sinh năm lớp 12. | Đợt 1: 06/03/2018 14/07/2018<br>Đợt 2: Từ 18/07/2018 Đến 15/09/2018<br>Đợt 3:<br>Từ 17/09/2018 Đến 15/12/2018 |
| | Dược | 1.400 | 40 | | | |
| | Kỹ thuật xét nghiệm y học | 300 | 40 | | | |
| | Kỹ thuật hình ảnh y học | | 40 | | | |
| | Kỹ thuật vật lý trị liệu và phục hồi chức năng | | 40 | | | |
| | Hộ sinh | | 40 | | | |
| | Y sĩ | | 100 | | | |
| | Điều dưỡng chuyên ngành gây mê hồi sức | | | 40 | | |
| | Y sĩ chuyên ngành Y học cổ truyền | | | 40 | | |
| | Quản lý điều dưỡng | | | 40 | | |
| | Nhân viên xoa bóp | | | 100 | | |
| 325 | **Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Cần Thơ**<br>Mã trường: CDD5504<br>Địa chỉ: số 9, đường Cách Mạng Tháng Tám, phường An Hòa, quận Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ<br>Điện thoại: 02923 826072<br>Website: http://www.ctec.edu.vn<br>Email: pqldt@ctec.edu.vn | | | | | |
| | Tài chính - ngân hàng | 50 | | | * Bậc Cao đẳng: Xét tuyển theo kết quả thi THPT | Từ 01/3/2018 đến 30/11/2018 |
| | Kế toán | 50 | | | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Cao đẳng | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| | Kế toán doanh nghiệp | 150 | | | Quốc gia năm 2018 hoặc Điểm trung bình học bạ 5 học kỳ (lớp 10, 11 và học kỳ 1 lớp 12)<br>* Bậc Trung cấp:<br>Xét tuyển theo Điểm tổng kết 2 môn Toán, Sinh của lớp 9<br>* Trường giải quyết việc làm hoàn toàn cho HSSV sau khi tốt nghiệp | |
| | Quản trị kinh doanh | 160 | | | | |
| | Kinh doanh xuất nhập khẩu | 50 | | | | |
| | Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành | 100 | | | | |
| | Kinh doanh thương mại | 60 | | | | |
| | Quản lý và kinh doanh nông nghiệp | 50 | | | | |
| | Dịch vụ pháp lý | 60 | | | | |
| | Công nghệ thông tin | 200 | | | | |
| | Công nghệ thực phẩm | 200 | | | | |
| | Công nghệ chế biến thuỷ sản | 60 | | | | |
| | Nuôi trồng thuỷ sản | 70 | 30 | | | |
| | Quản lý đất đai | 50 | | | | |
| | Quản lý tài nguyên và môi trường | 50 | | | | |
| | Bảo vệ thực vật | 200 | 30 | | | |
| | Chăn nuôi | 60 | 40 | | | |
| | Dịch vụ thú y | 180 | | | | |
| 326 | **Trường Cao đẳng Văn hóa Nghệ thuật Cần Thơ**<br>Mã trường: CDD5505<br>Địa chỉ: 188/35a Nguyễn Văn Cừ, P. An Hòa, quận Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ<br>Điện thoại: 02923 899028<br>Website: www.vhntcantho.edu.vn<br>Email: truongcdvhnt@cantho.gov.vn | | | | | |
| | Biểu diễn nhạc cụ phương tây (Classic, Modern); Organ | | 20 | | Kết hợp thi năng khiếu và xét tuyển học bạ | *Nhận hồ sơ từ: 02/7/2018<br>* Thời gian thi tuyển và xét tuyển từ:<br>+ 8/2018.<br>+9/2018.<br>+10/2018. |
| | Biểu diễn nhạc cụ truyền thống: Sáo trúc, đàn tranh, đàn bầu | | 10 | | | |
| | Thanh nhạc | 40 | 30 | | | |
| | Sáng tác âm nhạc | | 5 | | | |
| | Nghệ thuật biểu diễn múa DGDT | | 20 | | | |
| | Biên đạo múa | | 20 | | | |
| | Sp Âm nhạc | | 30 | | | |
| | Hội họa | | 10 | | | |
| | Điêu khắc | | 5 | | | |
| | Sư phạm mỹ thuật | | 20 | | | |
| | Thiết kế đồ họa | 30 | | | | |
| | Diễn viên kịch - điện ảnh | 30 | 25 | | | |
| | Nghệ thuật biểu diễn cải lương | | 25 | | | |
| | Nhạc công kịch hát dân tộc | | 0 | | | |
| | Quản lý văn hóa | 60 | 40 | | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Cao đẳng | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| **HẬU GIANG** | | | | | | |
| 327 | **Trường Cao đẳng Cộng đồng Hậu Giang**<br>Mã trường: CDD6402<br>Địa chỉ: Đường 19/8, xã Vị Tân, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang<br>Điện thoại: 0293.3870680<br>Website: http://www.hgcc.edu.vn<br>Email: hgcc@hgcc.edu.vn | | | | | |
| | Tin học ứng dụng | 30 | | | Xét tuyển căn cứ vào điểm học bạ năm cuối cấp | Quanh năm |
| | Tiếng Anh | 30 | | | | |
| | Quản trị văn phòng | 30 | | | | |
| | Kế toán | 30 | | | | |
| | Dịch vụ thú y | 30 | | | | |
| | Quản trị kinh doanh | 30 | | | | |
| | Tài chính - ngân hàng | 30 | | | | |
| | Công nghệ thực phẩm và dược phẩm | 70 | | | | |
| | Dược | 60 | | | | |
| | Điều dưỡng | 60 | | | | |
| | Thú y | | 30 | | | |
| | Thiết kế và quản lý website | | 30 | | | |
| | Dược | | 30 | | | |
| | Điều dưỡng | | 30 | | | |
| | Y sĩ | | 30 | | | |
| **SÓC TRĂNG** | | | | | | |
| 328 | **Trường Cao đẳng Cộng đồng Sóc Trăng**<br>Mã trường: CDD5902<br>Địa chỉ: 400, Lê Hồng Phong, phường 3, thành phố Sóc Trăng<br>Điện thoại: 0299.3827.028; 0299.3821.730<br>Website: www.stcc.edu.vn<br>Email: tchc@stcc.edu.vn; daotao@stcc.edu.vn | | | | | |
| | Công tác xã hội | x | | | Xét tuyển học bạ | - Đợt 1: Nhận hồ sơ từ 01/01/2017 đến 22/3/2018.<br>- Đợt 2: Nhận hồ sơ từ 23/3/2018 đến 22/6/2018.<br>- Đợt 3: Nhận hồ sơ từ 23/6/2018 đến 22/9/2018.<br>- Đợt 4: Nhận hồ sơ từ 23/9/2018 đến 22/12/2018. |
| | Kế toán | x | | | | |
| | Quản trị kinh doanh | x | | | | |
| | Quản trị văn phòng | x | | | | |
| | Tiếng Anh | x | | | | |
| | Tin học ứng dụng | x | | | | |
| | Công tác xã hội | | x | | | |
| | Chăn nuôi - thú y | | x | | | |
| | Kế toán doanh nghiệp | | x | | | |
| | Pháp luật | | x | | | |
| | Trồng trọt và bảo vệ thực vật | | x | | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Cao đẳng | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| 329 | **Trường Cao đẳng Nghề Sóc Trăng**<br>Mã trường: CDD5901<br>Địa chỉ: 176, Nam Kỳ Khởi Nghĩa, K4, P7, Tp. Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng<br>Điện thoại: 0299.3611963 - Fax: 0299.3613780<br>Website: www.svc.edu.vn<br>Email: cdnst@svc.edu.vn | | | | | |
| | Nghề chế biến & bảo quản thủy sản | 20 | 40 | | Xét tuyển | * Trình độ trung cấp:<br>- Đợt 1: từ tháng 01/2018 đến ngày 23/7/2018.<br>- Đợt 2: từ ngày 24/7/2018 đến ngày 05/9/2018.<br>* Trình độ Cao đẳng:<br>- Đợt 1: từ tháng 01/2018 đến ngày 10/9/2018.<br>- Đợt 2: từ ngày 11/9/2018 đến ngày 22/10/2018. |
| | Nghề chế biến thực phẩm | 20 | 40 | | | |
| | Nghề bảo vệ thực vật | 20 | 30 | | | |
| | Nghề thú y | 25 | 50 | | | |
| | Nghề nuôi trồng thủy sản nước mặn, nước lợ | 15 | 15 | | | |
| | Nghề quản trị mạng máy tính | 20 | 40 | | | |
| | Nghề kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính | 20 | 35 | | | |
| | Nghề công tác xã hội | 15 | 25 | | | |
| | Nghề cắt gọt kim loại | 20 | 40 | | | |
| | Nghề công nghệ ô tô | 40 | 60 | | | |
| | Nghề kế toán doanh nghiệp | 15 | 25 | | | |
| | Nghề kỹ thuật xây dựng | 15 | 30 | | | |
| | Nghề điện công nghiệp | 30 | 50 | | | |
| | Nghề điện tử công nghiệp | 25 | | | | |
| | Nghề kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí | 30 | 50 | | | |
| | **BẠC LIÊU** | | | | | |
| 330 | **Trường Cao đẳng Nghề Bạc Liêu**<br>Mã trường: CDD6001<br>Địa chỉ: số 68 đường Tôn Đức Thắng, khóm 7, phường 1, Tp. Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu<br>Điện thoại: 02913822358<br>Website: www.cdnbl.edu.vn<br>Email: caodangnghe.bl@gmail.com | | | | | |
| | Cắt gọt kim loại | 30 | 30 | | Xét tuyển | Từ tháng 6 đến tháng 10 năm 2018 |
| | Chế tạo thiết bị cơ khí | 30 | 30 | | | |
| | Công nghệ ô tô (sửa chữa ô tô) | 30 | 30 | | | |
| | Điện công nghiệp | 30 | 30 | | | |
| | Điện tử công nghiệp | 30 | | | | |
| | Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí | 30 | 30 | | | |
| | Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh | 30 | 30 | | | |
| | Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính | 30 | 30 | | | |
| | Kỹ thuật xây dựng | 30 | 20 | 50 | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Cao đẳng | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| | May thời trang | 20 | 20 | | Xét tuyển | Từ tháng 6 đến tháng 10 năm 2018 |
| | Thiết kế đồ họa | 20 | 20 | | | |
| | Công nghệ thông tin (ứng dụng phần mềm) | 30 | 30 | | | |
| | Tin học viễn thông ứng dụng | 30 | | | | |
| | Chế biến và bảo quản thủy sản | | 20 | 100 | | |
| | Đào tạo lái xe ô tô | | | 1200 | | Thường xuyên |
| | Sửa chữa xe gắn máy | | | 50 | | |
| | Sửa chữa máy nổ | | | 50 | | |
| | Kỹ thuật gò hàn | | | 50 | | |
| | Kỹ thuật tiện | | | 50 | | |
| | Điện dân dụng | | | 50 | | |
| | Sửa chữa điện lạnh | | | 50 | | |
| | Vận hành xe máy thi công | | | 100 | | |
| | May công nghiệp | | | 100 | | |
| | May dân dụng | | | 100 | | |
| | Kỹ thuật chăn nuôi gà | | | 100 | | |
| | Mộc dân dụng | | | 50 | | |
| | Điều khiển phương tiện thủy nội địa | | | 500 | | |
| | Máy tàu thủy nội địa | | | 200 | | |
| 331 | **Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Bạc Liêu**<br>Mã trường: CDD6002<br>Địa chỉ: Số 10 đường Tôn Đức Thắng, khóm 10, phường 1, thành phố Bạc Liêu<br>Điện thoại: 0291 3825 619/3822 589. Fax: 0291 3822 589.<br>Website: http://ktktbl.edu.vn<br>Email: thktkt.baclieu@moet.edu.vn | | | | | |
| | Quản trị kinh doanh | 70 | | | Xét tuyển | * Cao đẳng:<br>- Đợt 1: ngày 08/8/2018.<br>- Đợt 2: ngày 08/10/2018.<br>- Đợt 3: ngày 20/11/2018.<br>* Trung cấp:<br>- Đợt 1: ngày 08/8/2018.<br>- Đợt 2: ngày 08/10/2018.<br>- Đợt 3: ngày 20/12/2018.<br>* Sơ cấp:<br>Tuyển sinh thường xuyên. |
| | Nuôi trồng thuỷ sản | 70 | | | | |
| | Kế toán doanh nghiệp | | 35 | 25 | | |
| | Kế toán hành chính sự nghiệp | | 35 | 25 | | |
| | Chăn nuôi - thú y | | 35 | 20 | | |
| | Chế biến và bảo quản thủy sản | | 35 | 20 | | |
| | Nuôi trồng thuỷ sản | | 80 | 20 | | |
| | Trồng trọt và bảo vệ thực vật | | 20 | 20 | | |
| | Văn thư hành chính | | 30 | 20 | | |
| | Pháp luật | | 50 | 20 | | |
| | Tin học ứng dụng | | 20 | 20 | | |
| | Thư ký văn phòng | | 30 | 20 | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Cao đẳng | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| | Kế toán lao động tiền lương và bảo hiểm xã hội | | 30 | | Xét tuyển | * Cao đẳng:<br>- Đợt 1: ngày 08/8/2018.<br>- Đợt 2: ngày 08/10/2018.<br>- Đợt 3: ngày 20/11/2018.<br>* Trung cấp:<br>- Đợt 1: ngày 08/8/2018.<br>- Đợt 2: ngày 08/10/2018.<br>- Đợt 3: ngày 20/12/2018.<br>* Sơ cấp:<br>Tuyển sinh thường xuyên. |
| | Kế toán xây dựng | | 30 | | | |
| | Phát triển nông thôn | | 20 | | | |
| | Công nghệ kỹ thuật phần mềm máy tính | | 20 | | | |
| | Công nghệ kỹ thuật phần cứng máy tính | | 20 | | | |
| | Kế toán | 30 | | | | |
| | Tài chính - ngân hàng | 30 | | | | |
| | Chăn nuôi | 60 | | | | |
| | Chế biến và bảo quản thủy sản | 60 | | | | |
| | Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính | 30 | | | | |
| | Tin học ứng dụng | 30 | | | | |
| | Quản trị doanh nghiệp vừa và nhỏ | | 30 | 25 | | |
| | Quản trị mạng máy tính | | 20 | | | |
| | Thiết kế đồ hoạ | | 20 | 20 | | |
| | Thiết kế và quản lý Website | | 20 | | | |
| | Nuôi trồng thuỷ sản nước ngọt | | 30 | 20 | | |
| | Nuôi trồng thuỷ sản nước mặn, nước lợ | | 30 | 20 | | |
| | Bệnh học thủy sản | | 30 | 20 | | |
| | Dược thú y | | 30 | 20 | | |
| | Nghiệp vụ nhà hàng, khách sạn | | 30 | 25 | | |
| 332 | **Trường Cao đẳng Y tế Bạc Liêu**<br>Mã trường: CDD6003<br>Địa chỉ: Số 01 - Đoàn Thị Điểm - phường 3 - Tp. Bạc Liêu<br>Điện thoại: 0291.3826265; 0291.3822222<br>Website: caodangytebaclieu.vn<br>Email: pdtcdytbl@yahoo.com.vn | | | | | |
| | Dược sỹ cao đẳng | 300 | | | - Xét tuyển (chính quy):<br>(Điểm thi tốt nghiệp THPT hoặc học bạ THPT);<br>- Thi tuyển (liên thông): (Toán, môn cơ sở (Giải phẫu-sinh lý hoặc Hóa phân tích), môn chuyên môn. | Đợt 1: Từ 15/07/2018 đến 30/08/2018<br>Đợt 2: Tháng 10, 11 năm 2018 |
| | Điều dưỡng | 150 | | | | |
| | Hộ sinh | 100 | | | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Cao đẳng | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| | Dược sỹ trung cấp | | 130 | | Xét tuyển (học bạ THPT) | - Đợt 1: tháng 8/2018<br>- Đợt 2: tháng 3,4 năm 2018<br>- Đợt 3: tháng 10, 11 năm 2018 |
| | Điều dưỡng | | 50 | | | |
| | Hộ sinh | | 20 | | | |
| | Y sĩ | | 100 | | | |
| | Kỹ thuật xét nghiệm y tế | | 20 | | | |
| | Y sĩ định hướng chuyên khoa y học cổ truyền | | | 50 | Xét tuyển (Bằng tốt nghiệp y sĩ) | Tháng 11/2018 |
| | Y sĩ định hướng chuyên khoa y học dự phòng | | | 50 | | |
| | Điều dưỡng | | | 100 | | - Đợt 1: tháng 1/2018<br>- Đợt 2: tháng 6/2018 |
| **CÀ MAU** | | | | | | |
| 333 | **Trường Cao đẳng Cộng đồng Cà Mau**<br>Mã trường: CDD6102<br>Địa chỉ: Số 126, đường 3/2, phường 6, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau<br>Điện thoại: 02903.825.262 (0290.838.277) Fax: 0290.838.390<br>Website: www.cmcc.edu.vn<br>Email: bants.d61@moet.edu.vn | | | | | |
| | Kế toán | 80 | | | Xét tuyển (theo học bạ) | Từ tháng 2/2018 đến 22/12/2018 |
| | Công nghệ thông tin | 30 | | | | |
| | Tiếng Anh | 40 | | | | |
| | Nuôi trồng thủy sản | 30 | | | | |
| | Quản trị kinh doanh | 30 | | | | |
| | Kế toán doanh nghiệp | 30 | 30 | | | |
| | Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính | 30 | 30 | | | |
| | Tin học văn phòng | 30 | 30 | | | |
| | Nuôi trồng thủy sản nước mặn, nước lợ | 30 | 30 | | | |
| | Kỹ thuật nuôi tôm công nghiệp | | | 35 | Xét tuyển (theo nhu cầu xã hội) | |
| | Kỹ thuật nuôi trồng thủy sản (Kỹ thuật nuôi giống nước ngọt) | | | 70 | | |
| | Kỹ thuật sản xuất giống thủy sản | | | 105 | | |
| 334 | **Trường Cao đẳng Nghề Việt Nam - Hàn Quốc Cà Mau**<br>Mã trường: CDD6101<br>Địa chỉ: Số 8, đường Mậu Thân, khóm 6, phường 9, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau<br>Điện thoại: (0290)3592101; 3832 835<br>Website: www.camauvkc.edu.vn<br>Email: daotaocamauvkc@gmail.com | | | | | |
| | Cơ điện tử | 35 | | | Xét tuyển | Thường xuyên trong năm |
| | Công nghệ thông tin | 35 | | | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Cao đẳng | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| | Công nghệ ô tô | 70 | | | Xét tuyển | Thường xuyên trong năm |
| | Kỹ thuật máy lạnh và điều hoà không khí | 70 | | | | |
| | Điện công nghiệp | 35 | 35 | 150 | | |
| | Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính | | 35 | | | |
| | Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh | | 35 | | | |
| | Tin học văn phòng | | | 35 | | |
| | Điện lạnh | | | 35 | | |
| 335 | **Trường Cao đẳng Y tế Cà Mau**<br>Mã trường: CDD6103<br>Địa chỉ: Số 1, Nguyễn Đình Chiểu, khóm 1, phường 8, Tp. Cà Mau<br>Điện thoại: 02903 828 304<br>Website: caodangytecamau.gov.vn<br>Email: daotao.cdyt@gmail.com | | | | | |
| | Cao đẳng dược | 150 | | | Xét tuyển dựa vào điểm tổng kết học bạ cuối năm lớp 12 các môn Toán, Hóa và môn Sinh | Tháng 7, 8 năm 2018 |
| | Cao đẳng điều dưỡng | 150 | | | | |

# TUYỂN SINH CÁC TRƯỜNG TRUNG CẤP

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|
| | | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| **TRUNG DU MIỀN NÚI PHÍA BẮC** | | | | | |
| **HÀ GIANG** | | | | | |
| 1 | **Trường Trung cấp Y tế Hà Giang**<br>Mã trường: TCD0503<br>Địa chỉ: Đường Hải Thượng Lãn Ông - Phường Minh Khai - TP Hà Giang - tỉnh Hà Giang<br>Điện thoại: 02193.886.666; 01239.841.235<br>Website: http://tcythg.edu.vn<br>Email: truongtcyt.syt@hagiang.gov.vn | | | | |
| | Y sỹ | 65 | | Xét tuyển theo học bạ THPT | 01/01/2018 |
| | Dược sỹ | | | | 30/12/2018 |
| 2 | **Trường Trung cấp Nghề Dân tộc Nội trú Bắc Quang**<br>Mã trường: TCD0501<br>Địa chỉ: Tổ 13 thị trấn Việt Quang huyện Bắc Quang tỉnh Hà Giang<br>Điện thoại: 02193.821.918<br>Website: trungcapnghedtntbacquang.edu.vn<br>Email: trungcapnghebacquang@gmail.com | | | | |
| | Công nghệ thông tin | 35 | | Xét tuyển | Liên tục trong năm |
| | Công nghệ ô tô | 60 | | | |
| | Lâm sinh | 40 | | | |
| | Điện công nghiệp | 35 | | | |
| | Công tác xã hội | 40 | | | |
| | Chăn nuôi thú y | 40 | | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Trung cấp | | Sơ cấp | | |
| | | Tốt nghiệp THPT | Tốt nghiệp THCS | | | |
| **CAO BẰNG** | | | | | | |
| 3 | **Trường Trung cấp nghề tỉnh Cao Bằng**<br>Mã trường: TCĐ0601<br>Địa chỉ: 073 tổ 1 phường Sông Hiến, Tp. Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng<br>Điện thoại: 0206.3.758.346 Fax: 0206.3.758.346<br>Website: Email: Đaotaotcncb@gmail.com | | | | | |
| | Công nghệ ôtô | 25 | 25 | 15 | Xét tuyển | Từ tháng 03 đến tháng 12/2018 |
| | Hàn | 25 | 25 | 15 | | |
| | Vận hành máy thi công nền | 25 | 25 | 15 | | |
| | Điện dân dụng | 25 | 25 | 15 | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Trung cấp | | Sơ cấp | | |
| | | Tốt nghiệp THPT | Tốt nghiệp THCS | | | |
| | Điện công nghiệp | 30 | 0 | 15 | | |
| | Quản trị mạng máy tính | 20 | 20 | | | |
| | May thời trang | 0 | 30 | | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|
| | | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| 4 | **Trường Trung cấp Y tế Cao Bằng**<br>Mã trường: TCD 0603<br>Địa chỉ: 040 Tổ 17 Phường Tân Giang, thành phố Cao Bằng<br>Điện thoại 02063855412<br>Website: truongycaobang.edu.vn<br>Email: trươngtcytcb@gmail.com | | | | |
| | Y sỹ | 50 | 0 | Xét học bạ | Quanh năm |
| 5 | **Trường Trung cấp Kinh tế Kỹ thuật Cao Bằng**<br>Mã trường: TCD 0602<br>Địa chỉ: Thị trấn Nước Hai, huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng<br>Điện thoại: 02063860127 hoặc 02063860403<br>Website: www.tcktkt_caobang.freevnn.com<br>Email: ktktcb@gmail.com | | | | |
| | Trồng trọt | 75 | | Xét tuyển theo học bạ | Từ tháng 1/2018 đến hết tháng 12/2018 |
| | Khuyến nông lâm | 75 | | | |
| | Chăn nuôi - thú y | 75 | | | |
| | Quản lý tài nguyên rừng | 75 | | | |
| | **BẮC CẠN** | | | | |
| 6 | **Trường Trung cấp Y tế Bắc Kạn**<br>Mã trường: TCD1101<br>Địa chỉ: Tổ Khuổi Thuổm - Phường Huyền Tụng - Tp. Bắc Kạn - tỉnh Bắc Kạn<br>Điện thoại: 02813.871.596<br>Website: truongybackan.edu.vn<br>Mail: backan.tcy@gmail.com | | | | |
| | Y sỹ | 30 | | Xét theo học bạ | Cả năm |
| | Dân số Y tế | 30 | | | |
| | Dược | 30 | | | |
| | Điều dưỡng | 30 | | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|
| | | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| **LÀO CAI** | | | | | |
| 7 | **Trường Trung học Y tế Lào Cai**<br>Mã trường: TCT 0802<br>Địa chỉ: tổ 21, phường Bắc Cường, Tp. Lào Cai<br>Điện thoại: 0214.3849061<br>Website: http://ylc.edu.vn Email: daotao@ylc.edu.vn | | | | |
| | Y sỹ đa khoa | 20 | | Xét tuyển (học bạ) | 4/2018 |
| | Điều dưỡng trung học | 20 | | | |
| | Dược sỹ trung học | 20 | | | |
| | Đào tạo chuyển đổi Y sỹ sang Điều dưỡng (03 tháng) | | 100 | Xét tuyển | 3/2018 |
| 8 | **Trường Trung cấp Nghề Công ty APATIT Việt Nam**<br>Mã trường: TCT0801<br>Địa chỉ: Số 331, đường Hoàng Quốc Việt, phường Bắc Lệnh, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai<br>Điện thoại: 0214.3852.257<br>Website:.....<br>Email: truongtcnapatit@gmail.com | | | | |
| | Công nghệ tuyển khoáng | 40 | | Xét tuyển | Tháng 7,8,9,10 |
| | Công nghệ ô tô | 30 | | | |
| | Vận hành máy thi công nền | 40 | | | |
| | Vận hành máy xúc | | 50 | | Các tháng trong năm |
| | Vận hành máy ủi | | 50 | | |
| | Vận hành máy hóa | | 100 | | |
| | Hàn điện | | 100 | | |
| | Nguội sửa chữa | | 100 | | |
| | Lái xe ô tô | | 500 | | |
| **YÊN BÁI** | | | | | |
| 9 | **Trường Trung cấp Dân tộc nội trú Nghĩa Lộ**<br>Mã trường: TCD 1301<br>Địa chỉ: Tổ 7, phường Pú Trạng, thị xã Nghĩa Lộ<br>Điện thoại: 0211. 3.872.494<br>Email: Tcnnghialo@gmail.com | | | | |
| | Điện công nghiệp | 70 | | Xét tuyển theo học bạ | Từ tháng 3 đến tháng 12/2018 |
| | Hàn | 70 | | | |
| | May thời trang | 35 | 60 | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|
| | | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| 10 | **Trường Trung cấp Lục Yên**<br>Mã trường: TCD1302<br>Địa chỉ:<br>Cơ sở 1: Tổ 10, thị trấn Yên Thế, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái;<br>Cơ sở 2: Thôn Thooc Phưa, thị trấn Yên Thế, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái<br>Điện thoại: 02163.846.803<br>Email: tcnlucyen@gmail.com | | | | |
| | Thú y | 30 | | Xét tuyển | Trong năm 2018 |
| | May thời trang | 35 | | | |
| | Điện công nghiệp | 30 | | | |
| | Hàn | 30 | | | |
| | Công nghệ ô tô | 35 | | | |
| | Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí | 30 | | | |
| 11 | **Trường Trung cấp Bách khoa Yên Bái**<br>Mã trường: TCD1303<br>Địa chỉ: Số 6, ngõ 31 đường Lê Văn Tám, phường Đồng Tâm, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái.<br>Điện thoại: 02163.890.878 - 0982.099.757 - 0913.351.068<br>Website: truongbachkhoayenbai.edu.vn<br>Email: trungcapbachkhoayenbai@gmail.com | | | | |
| | Kế toán doanh nghiệp | 150 | | Xét tuyển | Từ tháng 2/2018 tới 31/12/2018 |
| | Lập trình máy tính | 150 | | | |
| | **THÁI NGUYÊN** | | | | |
| 12 | **Trường Trung cấp Nghề Thái Nguyên**<br>Mã trường: 1201<br>Địa chỉ: Tổ 10A, Phường Tân Lập, Tp. Thái Nguyên tỉnh Thái Nguyên<br>Điện thoại: 0208 3751 277<br>Website: Daynghe.edu.vn<br>Email: tcnghethainguyen@gmail.com | | | | |
| | Điện công nghiệp | 35 | 30 | Xét tuyển | Liên tục trong năm |
| | Điện tử công nghiệp | 80 | 30 | | |
| | Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí | 70 | - | | |
| | Công nghệ ô tô | 90 | - | | |
| | Hàn | 30 | 30 | | |
| | Cấp, thoát nước | 35 | 30 | | |
| | Cơ điện tử | 30 | 30 | | |
| | Điện - nước | 20 | 30 | | |
| | Kỹ thuật chế biến món ăn | 60 | - | | |
| | Xây dựng | - | 350 | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|
| | | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| | May công nghiệp | - | 250 | Xét tuyển | Liên tục trong năm |
| | Điện dân dụng | - | 250 | | |
| | Điện tử dân dụng | - | 250 | | |
| | Kỹ thuật lắp đặt và sửa chữa điện công nghiệp | - | 30 | | |
| | Lái xe ô tô hạng B, C | - | 2432 | | |
| 13 | **Trường Trung cấp Luật Thái Nguyên**<br>Mã trường: TCT 1202<br>Địa chỉ: Đường Tố Hữu, xóm Bắc Thành, xã Quyết Thắng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên<br>Điện thoại: 02083.842.383<br>Website: trungcapluatthainguyen.moj.gov.vn<br>Email: tcltnpdt@gmail.com | | | | |
| | Pháp Luật | 200 | | Xét tuyển | Liên tục trong năm |
| 14 | **Trường Trung cấp Y tế Thái Nguyên**<br>Mã trường: TCD1201<br>Địa chỉ: Số 478, Đường Thống Nhất, Phường Tân Thịnh, TP. Thái Nguyên<br>Điện thoại: 02083 656 929<br>Website: http://ytethainguyen.vn<br>Email: truongytethainguyen@gmail.com | | | | |
| | Dược sĩ | 200 | | Xét tuyển | Liên tục trong năm |
| | Y sĩ | 200 | | | |
| | Điều dưỡng | 100 | | | |
| | Y sĩ Y học cổ truyền | 100 | | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|
| | | Trung cấp | | | |
| | | Tốt nghiệp THPT | Tốt nghiệp THCS | | |
| 15 | **Trường Trung cấp Thái Nguyên**<br>Mã trường: TCD1202<br>Địa chỉ: Số 3, Ngõ 158, đường Phan Đình Phùng, TP Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên<br>Điện thoại: 02083.656.006<br>Email: trungcapthainguyen.edu.vn<br>Website: trungcapthainguyen.edu.vn Email: trungcapthainguyen.edu.vn | | | | |
| | Kế toán doanh nghiệp sản xuất | 30 | | Xét tuyển | Cả năm |
| | Pháp luật | 50 | | | |
| | Y sĩ | 150 | | | |
| | Y sĩ Y học cổ truyền | 50 | | | |
| | Dược | 200 | | | |
| | Điều dưỡng | 30 | | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|
| | | Trung cấp | | | |
| | | Tốt nghiệp THPT | Tốt nghiệp THCS | | |
| | Hướng dẫn du lịch | 30 | | Xét tuyển | Cả năm |
| | Kỹ thuật chế biến món ăn | 70 | | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|
| | | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| 16 | **Trường Trung cấp Nghề Nam Thái Nguyên**<br>Mã trường: TCD1204<br>Địa chỉ: Xã Hồng Tiến - thị xã Phổ Yên - tỉnh Thái Nguyên<br>Điện thoại: 02083563126<br>Website: www.tcnamtn.edu.vn<br>Email: tcnamthainguyen@gmail.com | | | | |
| | Công nghệ thông tin | 35 | | Xét tuyển | 01/6/2018 - 30/8/2018 |
| | Thú y | 70 | | | |
| | May thời trang | 35 | | | |
| | Hàn | 35 | | | |
| | Điện công nghiệp | 90 | | | |
| | Điện tử dân dụng | 70 | | | |
| | Kỹ thuật xây dựng | | 70 | | 01/1/2018 - 30/11/2018 |
| | Sử dụng thuốc thú y trong chăn nuôi | | 70 | | |
| | Kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật và thú y | | 35 | | |
| | Hàn điện | | 70 | | |
| | Tin học văn phòng | | 200 | | |
| | Sửa chữa, bảo trì tủ lạnh và điều hòa nhiệt độ | | 35 | | |
| | Điện dân dụng | | 70 | | |
| | May công nghiệp | | 70 | | |
| | Quản lý điện nông thôn | | 35 | | |
| | Kỹ thuật gia công bàn ghế | | 70 | | |
| | Chế biến bảo quản chè | | 70 | | |
| | Công tác xã hội | | 35 | | |
| | Đan lát thủ công | | 35 | | |
| | Trồng chè | | 70 | | |
| | Trồng và nhân giống nấm | | 35 | | |
| | Nuôi và phòng trị bệnh cho lợn | | 70 | | |
| | Nuôi và phòng trị bệnh cho gà | | 70 | | |
| | Trồng rau an toàn | | 70 | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|
| | | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| | Tạo dáng và chăm sóc cây cảnh | | 35 | Xét tuyển | 01/1/2018 - 30/11/2018 |
| | Công nghệ chế biến chè | | 70 | | |
| | Trồng thanh long | | 70 | | |
| 17 | **Trường Trung cấp Y khoa PASTEUR**<br>Mã trường: TCD1205<br>Địa chỉ trụ sở: Xóm Bắc Thành, xã Quyết Thắng, thành phố Thái Nguyên, Thái Nguyên. Điện thoại: 0280 655 633<br>Phân hiệu Hà Nội: 101 Tô Vĩnh Diện, Khương Trung, Thanh Xuân, Hà Nội<br>Điện thoại: 024.62966296<br>Website:trungcapykhoapasteur.com.vn Email: ykhoapasteur1@gmail.com | | | | |
| | Điều dưỡng | 90 | | Xét tuyển | Từ 01/01/2018 đến 31/12/2018 |
| | Dược | 310 | | | |
| | Y sỹ | 130 | | | |
| | Y sỹ y học cổ truyền | 250 | | | |
| | Kỹ thuật xét nghiệm y học | 40 | | | |
| | Kỹ thuật hình ảnh y học | 40 | | | |
| | Hộ sinh | 20 | | | |
| | Kỹ thuật phục hình răng | 90 | | | |
| 18 | **Trường Trung cấp Nghề Thái Hà**<br>Mã trường: TCD 1206<br>Địa chỉ: Tổ 10, phường Tích Lương, Tp. Thái Nguyên, Thái Nguyên<br>Điện thoại: 0208.3733486<br>Website:.....<br>Email: truonglaithaiha@gmail.com | | | | |
| | Công nghệ ô tô | 100 | 100 | Xét tuyển | Liên tục |
| | Vận hành máy thi công nền | 100 | 100 | | |
| | Công nghệ hàn | 70 | 70 | | |
| | Vận hành cần, cầu trục | | 70 | | |
| | Xếp dỡ cơ giới tổng hợp | 70 | 70 | | |
| | Lái xe ô tô | | 2.196 | | |
| 19 | **Trường Trung cấp Nghề Giao thông Vận tải Thái Nguyên**<br>Mã trường: TCD1207<br>Địa chỉ: Số 291A, tổ 4, Phường Tân Lập, TP. Thái Nguyên, Thái Nguyên<br>Điện thoại: 02083 755 940<br>Website:<br>Email: nguyenthanhgiangqlgt@gmail.com | | | | |
| | Vận hành máy thi công nền | 35 | 30 | Xét tuyển | Liên tục trong năm |
| | Vận hành máy thi công mặt đường | 35 | | | |
| | Công nghệ ô tô | 70 | | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|
| | | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| | Kế toán doanh nghiệp | 35 | | Xét tuyển | Liên tục trong năm |
| | Hàn | 100 | 70 | | |
| | Sửa chữa ô tô | | 30 | | |
| | Vận hành máy xúc | | 30 | | |
| | Vận hành máy lu | | 30 | | |
| | Vận hành máy ủi | | 30 | | |
| | Điện dân dụng | | 70 | | |
| | Lái xe ô tô | | 400 | | |
| | Bê tông | | 60 | | |
| | Cấp, thoát nước | | 60 | | |
| | Nề, hoàn thiện | | 120 | | |
| | Kỹ thuật xây dựng | | 60 | | |
| | Kỹ thuật làm đường bộ | | 100 | | |
| | Bảo dưỡng, duy tu công trình đường bộ | | 100 | | |
| 20 | **Trường Trung cấp Nghề Dân tộc nội trú Thái Nguyên**<br>Mã trường: TCD1208<br>Địa chỉ: Tiểu khu Thái An, thị trấn Đu, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên<br>Điện thoại: 02083 674 886<br>Website:<br>Email: thainguyenebivs@gmail.com | | | | |
| | Cơ điện nông thôn | 60 | | Xét tuyển | Liên tục trong năm |
| | Kỹ thuật xây dựng | 60 | | | |
| | Thú y | 60 | | | |
| | Điện công nghiệp | 60 | | | |
| | Điện tử công nghiệp | 60 | | | |
| | Hàn | 60 | | | |
| | Bảo vệ thực vật | 60 | | | |
| | **LẠNG SƠN** | | | | |
| 21 | **Trường Trung cấp Văn hóa Nghệ thuật tỉnh Lạng Sơn**<br>Mã trường: TCD1001<br>Địa chỉ: Số 39A đường Nhị Thanh, phường Tam Thanh, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn<br>Điện thoại: 02053.871.078 Fax: 02053.871.078<br>Website: www.vhntls.vn<br>Email: truongtc.vhntls@gmail.com | | | | |
| | Thanh nhạc | 15 | 0 | Đối tượng tuyển sinh: | Hệ Chính quy:<br>- Nhận hồ sơ: 01/04/2018 ÷ 15/12/2018 |
| | Biểu diễn nhạc cụ phương Tây | 10 | 0 | | |
| | Nghệ thuật biểu diễn múa dân gian dân tộc | 10 | 0 | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|
| | | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| | Nghệ thuật biểu diễn dân ca | 15 | 0 | - Tất cả các ngành đều tuyển những thí sinh đã hoàn thành bậc THCS trở lên.<br>- Riêng ngành Biểu diễn nhạc cụ phương Tây và ngành Nghệ thuật biểu diễn múa dân gian dân tộc tuyển học sinh từ lớp 6 trở lên<br>+ Hệ 03 năm tuyển học sinh tốt nghiệp THCS.<br>+ Hệ 06 năm tuyển học sinh từ lớp 6 trở lên.<br>Thi tuyển Năng khiếu:<br>- Ngành Thanh nhạc, ngành Nghệ thuật biểu diễn dân ca và ngành Quản lý văn hóa:<br>Thi năng khiếu âm nhạc: Thẩm âm, tiết tấu, và Trình bày 1 đến 2 ca khúc.<br>- Ngành Biểu diễn nhạc cụ phương Tây:<br>Thi năng khiếu âm nhạc: Thẩm âm, tiết tấu, và Kiểm tra điều kiện tay.<br>- Ngành Nghệ thuật biểu diễn múa dân gian dân tộc:<br>Thi năng khiếu âm nhạc: Thẩm âm, tiết tấu, và Kiểm tra điều kiện Múa.<br>- Ngành Hội họa và ngành Thiết kế đồ họa:<br>Thi năng khiếu: môn Hình hoạ.<br>Xét tuyển:<br>- Ngành Hướng dẫn du lịch, ngành Nghiệp vụ lễ tân và ngành Nghiệp vụ nhà hàng, khách sạn:<br>+ Xét tuyển điểm tổng kết môn Ngữ văn và Toán lớp 9 đối với học sinh THCS, điểm tổng kết môn Ngữ văn và Toán lớp 12 đối với học sinh THPT.<br>+ Điều kiện: hình thể cân đối (Không bị các dị tật), có khả năng giao tiếp tốt. Nam cao tối thiểu: 1,60 m; Nữ cao tối thiểu: 1,55 m. | - Ngày thi tuyển đợt 1: 15/05/2018<br>- Ngày thi tuyển đợt 2: 19/09/2018<br>- Ngày thi tuyển đợt 3: 08/10/2018<br>- Ngày thi tuyển đợt 4: 22/11/2018<br>- Ngày xét tuyển đợt 1: 07/06/2018<br>- Ngày xét tuyển đợt 2: 03/10/2018<br>- Ngày xét tuyển đợt 3: 08/11/2018<br>- Ngày xét tuyển đợt 4: 14/12/2018<br>- Tuyển thí sinh tỉnh Lạng Sơn và các tỉnh lân cận. |
| | Quản lý văn hóa | 10 | 0 | | |
| | Hội họa | 10 | 0 | | |
| | Thiết kế đồ họa | 10 | 0 | | |
| | Hướng dẫn du lịch | 15 | 0 | | |
| | Nghiệp vụ lễ tân | 15 | 0 | | |
| | Nghiệp vụ nhà hàng, khách sạn | 15 | 0 | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|
| | | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| **PHÚ THỌ** | | | | | |
| 22 | **Trường Trung cấp Nghề HERMANN GMEINER Việt Trì**<br>Mã trường: TCD1501<br>Địa chỉ: Phường Dữu Lâu - thành Phố Việt Trì - tỉnh Phú Thọ<br>Điện thoại: 0210 384186 - 02106271318 - 0989811012<br>Website: http://hgvt.edu.vn<br>Email: vts.viettri@sosvietnam.org | | | | |
| | Điện công nghiệp | 50 | | Xét tuyển học bạ | Cả năm |
| | Điện tử công nghiệp | 50 | | | |
| | Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí | 50 | | | |
| | Quản trị mạng máy tính | 40 | | | |
| | Lắp đặt điện nội thất | | 30 | | |
| | Sửa chữa quạt, động cơ điện và ổn áp | | 30 | | |
| | Sửa chữa, bảo trì tủ lạnh và điều hòa nhiệt độ | | 40 | | |
| | Sửa chữa thiết bị đo lường - điều khiển | | 30 | | |
| | Sửa chữa phần cứng máy tính | | 35 | | |
| | Vi tính văn phòng | | 35 | | |
| | Lắp ráp cài đặt, sửa chữa máy tính | | 30 | | |
| 23 | **Trường Trung cấp Văn hóa Nghệ thuật và Du lịch Phú Thọ**<br>Mã trường:<br>Địa chỉ: Tổ 39B - phố Thành Công - Phường Tiên Cát - T.P Việt Trì - tỉnh Phú Thọ<br>Điện thoại: (02103).843.502<br>Website:<br>Email: truongvhntdlpt@gmail.com | | | | |
| | Trung cấp | | | Xét học bạ môn Văn lớp 9<br>Thi tuyển năng khiếu | Nhận hồ sơ: từ ngày 20/01/2018<br>Ngày xét tuyển:<br>Đợt 1: Tháng 4/2018<br>Đợt 2:Tháng 8/2018<br>Đợt 3: Tháng 12/2018 |
| | Thanh nhạc | 10 | | | |
| | Biểu diễn nhạc cụ Phương Tây | 10 | | | |
| | Nghệ thuật biểu diễn Chèo<br>Biểu diễn nhạc cụ truyền thống<br>Nghệ thuật biểu diễn Múa dân gian - dân tộc | 10 | | | |
| | Quản lý văn hóa | 10 | | Xét học bạ môn Văn, Sử lớp 9 | |
| | Hướng dẫn du lịch | 10 | | | |
| | Sơ cấp năng khiếu (Bậc III - Học 3 năm) | | | Thi tuyển năng khiếu | |
| | Biểu diễn nhạc cụ Phương Tây | | 05 | | |
| | Thanh nhạc | | 05 | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|
| | | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| | Hội họa | | 10 | Thi tuyển năng khiếu | Nhận hồ sơ: từ ngày 20/01/2018<br>Ngày xét tuyển:<br>Đợt 1: Tháng 4/2018<br>Đợt 2:Tháng 8/2018<br>Đợt 3: Tháng 12/2018 |
| | Nghệ thuật biểu diễn Múa dân gian - dân tộc | | 10 | | |
| | Sơ cấp (bậc III - học 9 tháng liên tục) | | | | |
| | Biểu diễn nhạc cụ Phương Tây | | 10 | | |
| | Thanh nhạc | | 10 | | |
| | Nghệ thuật biểu diễn Múa dân gian - dân tộc | | 10 | | |
| | Nghệ thuật biểu diễn Kịch nói | | 10 | | |
| | Hướng dẫn du lịch | | 10 | | |
| | Hội họa | | 10 | | |
| 24 | **Trường Trung cấp Nghề Dân tộc nội trú Phú Thọ**<br>Mã trường: 1503<br>Địa chỉ: Khu Bình Dân, xã Thục Luyện, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ<br>Điện thoại: 02103.613.099<br>Website: daynghephutho.vn;<br>Email: truongtrungcapnghedtntphutho@gmail.com | | | | |
| | Điện công nghiệp | 35 | | Xét tuyển | Liên tục trong năm |
| | Hàn | 25 | | | |
| | Thú y | 25 | | | |
| | May thời trang | 35 | | | |
| | Công nghệ ô tô | 20 | | | |
| | May công nghiệp | | 70 | | |
| | Sửa chữa quạt, động cơ điện và ổn áp | | 35 | | |
| | Trồng cây có múi | | 35 | | |
| 25 | **Trường Trung cấp Kỹ thuật - Nghiệp vụ sông Hồng**<br>Mã trường: TCT 1501<br>Địa chỉ: Khu 10 phường Nông Trang thành phố Việt Trì tỉnh Phú Thọ.<br>Điện thoại: 02103 953 589.<br>Website:<br>Email: | | | | |
| | Kỹ thuật xây dựng | 100 | 10 | Xét tuyển theo hồ sơ | Tuyển sinh liên tục trong tháng |
| | Cốt thép-Hàn | 35 | 10 | | |
| | Kỹ thuật thi công lắp dựng kính xây dựng | 35 | 10 | | |
| | Hàn | 70 | | | |
| | Điện dân dụng | 35 | 10 | | |
| | Điện công nghiệp | 35 | 10 | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|
| | | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| | Điện-Nước | 35 | 10 | Xét tuyển theo hồ sơ | Tuyển sinh liên tục trong tháng |
| | Xếp dỡ cơ giới tổng hợp | 35 | | | |
| | Vận hành máy thi công nền | 35 | | | |
| | Vận hành cần trục, cầu trục | 35 | 10 | | |
| | Bảo trì và sửa chữa ô tô | 35 | | | |
| | Công nghệ thông tin (Ứng dụng phần mềm) | 35 | 10 | | |
| | Hàn điện | | 10 | | |
| | Hàn TIG | | 10 | | |
| | Hàn MAG | | 10 | | |
| | Hàn khí | | 10 | | |
| | Điện tử dân dụng | | 10 | | |
| | Vận hành xe nâng hàng | | 10 | | |
| | Vận hành cần trục tháp | | 10 | | |
| | Vận hành cần trục tự hành | | 10 | | |
| | Vận hành cầu trục, cầu trục | | 10 | | |
| | Vận hành máy lu | | 10 | | |
| | Vận hành máy ủi | | 10 | | |
| | Vận hành máy xúc đào | | 20 | | |
| | Vận hành máy xúc lật | | 10 | | |
| 26 | **Trường Trung cấp Nông Lâm Nghiệp Phú Thọ**<br>Mã trường: TCD1504<br>Địa chỉ: xã Hà Lộc - Thị xã Phú Thọ - Phú Thọ<br>Điện thoại: 02103.673.555<br>Email: truongthnlnsnnpt@gmail.com | | | | |
| | Chăn nuôi - Thú y | 110 | | Xét tuyển học bạ lớp 9 hoặc lớp 12 | Từ 01/01/2018 đến 31/12/2018 |
| | Trồng trọt | 50 | | | |
| | Quản lý đất đai | 18 | | | Từ 01/05/2018 đến 30/10/2018 |
| | Quản lý và kinh doanh nông nghiệp và Kế toán | 18 | | | |
| | Quản lý và kinh doanh nông nghiệp | 18 | | | |
| | Nuôi và phòng trị bệnh cho lợn | | 70 | Xét tuyển | hết tháng 4/2018 |
| | Nuôi và phòng trị bệnh cho gà | | 70 | | hết tháng 6/2018 |
| | Quản lý dịch hại tổng hợp | | 105 | | hết tháng 7/2018 |
| | Trồng lúa năng suất cao | | 35 | | hết tháng 8/2018 |
| | Kỹ thuật nuôi cá nước ngọt | | 70 | | hết tháng 6/2018 |
| | Trồng cây có múi | | 35 | | hết tháng 7/2018 |
| | Trồng rau an toàn | | 35 | | hết tháng 3/2018 |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|
| | | Trung cấp | Sơ cấp, đào tạo nghề dưới 3 tháng | | |
| **LAI CHÂU** | | | | | |
| 27 | **Trường Trung cấp Y tế Lai Châu**<br>Mã trường: TCD0702<br>Địa chỉ: Tổ 22 - Phường Đông Phong - Thành Phố Lai Châu<br>Điện thoại: 02133.878.484<br>Website:<br>Email: trungcapytelaichau@gmail.com | | | | |
| | Y sĩ | 50 | | Xét tuyển (theo học bạ) | Tháng 5 - 12/2018 |
| | Dân số y tế | 50 | | | |
| | Cô đỡ thôn bản | | 40 | Xét tuyển | Tháng 2 - 11/2018 |
| | Y tá thôn bản 9 tháng | | 30 | | |
| | Y tá thôn bản 6 tháng lên 9 tháng | | 30 | | |
| | Đào tạo nghề dưới 3 tháng: | | | | |
| | + Chăm sóc sức khỏe ban đầu theo nguyên lý y học gia đình dành cho y sỹ làm việc tại trạm y tế xã/phường<br>(30 người/lớp x 8 lớp) | | 240 | | |
| | + Chăm sóc điều dưỡng tại trạm y tế theo nguyên tắc y học gia đình<br>(30 người/lớp x 4 lớp) | | 120 | | |
| | + Chăm sóc sức khỏe sinh sản tại trạm y tế theo nguyên lý y học gia đình<br>(30 người/lớp x 2 lớp) | | 60 | | |
| | + Nâng cao năng lực cán bộ dược làm việc tại trạm y tế hoạt động theo nguyên lý y học gia đình<br>(30 người/lớp x 2 lớp) | | 60 | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|
| | | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| 28 | **Trường Trung cấp Nghề Dân tộc nội trú**<br>Mã trường: TCD0701<br>Địa chỉ: Bản Sùng Chô, xã Nậm Loỏng, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu<br>Điện thoại: 02133 878 524<br>Website: tcdtntlaichau.edu.vn<br>Email: trungcapnghelaichau@gmail.com | | | | |
| | Điện công nghiệp | 60 | | Xét tuyển | Liên tục trong năm |
| | Kỹ thuật xây dựng | 60 | | | |
| | Vận hành máy thi công nền | 30 | | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|
| | | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| | Khuyến nông lâm | 60 | | Xét tuyển | Liên tục trong năm |
| | Thú y | 30 | | | |
| | Công tác xã hội | 30 | | | |
| | May thời trang | 30 | | | |
| | Hàn điện | | 90 | | |
| | Kỹ thuật chế biến món ăn | | 90 | | |
| **SƠN LA** | | | | | |
| 29 | **Trường Trung cấp Văn hóa Nghệ thuật và Du lịch Sơn La**<br>Mã trường: TCD 1401<br>Địa chỉ: Khu đô thị mới Chiềng ngần, Thành Phố Sơn La, tỉnh Sơn La<br>Điện thoại: 02123.852.645<br>Website:<br>Email: truongvhntdlsonla1967@gmail.com | | | | |
| | Nghệ thuật biểu diễn múa dân gian dân tộc | 40 | | Thi tuyển năng khiếu Múa, xét hồ sơ văn hóa (học bạ) | Thi tuyển năng khiếu (Sơ tuyển, chung tuyển); bán và nhận hồ sơ tuyển sinh: Từ 10/3/2018 |
| | Biên đạo múa | 20 | | | |
| | Thanh nhạc | 10 | | Thi tuyển năng khiếu Thanh nhạc, xét hồ sơ văn hóa (học bạ) | |
| | Organ | 15 | | Thi tuyển năng khiếu nhạc cụ, xét hồ sơ văn hóa (học bạ) | |
| | Hội họa | 05 | | | |
| | Quản lý văn hoá | 35 | | Thi tuyển năng khiếu Hội họa, xét hồ sơ văn hóa (học bạ) | |
| | Văn hóa, văn nghệ quần chúng | 20 | | Thi tuyển năng khiếu thanh nhạc, múa, nhạc, họa; xét hồ sơ văn hóa (học bạ) | |
| | Hướng dẫn du lịch | 20 | | | |
| | Thư viện | 35 | | Xét hồ sơ văn hóa (học bạ) | |
| **HÒA BÌNH** | | | | | |
| 30 | **Trường Trung cấp Y tế Hòa Bình**<br>Mã trường: TCN 2302<br>Địa chỉ: số 195, đường Cù Chính Lan, phường Đồng Tiến, thành phố Hòa Bình<br>Điện thoại: 0218 3 853 927 - 0218 3895433<br>Website: truongytehoabinh.edu.vn<br>Email: ytehoabinh@meat.edu.vn | | | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|
| | | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| | Y sỹ | 50 | | Xét tuyển<br>Điểm TBC lớp 12 PTTH hoặc tương đương | Từ tháng 5 đến tháng 12 hằng năm |
| | Điều dưỡng | 50 | | | |
| | Hộ sinh | 50 | | | |
| | Dược sỹ | 50 | | | |
| | Dân số y tế | 50 | | | |
| | Trình độ sơ cấp | | 400 | Xét tuyển<br>Trình độ từ Trung học cơ sở trở lên | Từ tháng 1 đến tháng 12 hằng năm |
| **ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG** | | | | | |
| **HÀ NỘI** | | | | | |
| 31 | **Trường Trung cấp Xây dựng Hà Nội**<br>Mã trường: TCD0147<br>Địa chỉ: Số 2, Nghĩa Dũng, Phúc Xá, Ba Đình, Hà Nội<br>Điện thoại: 024.38239223 - 024.37165260<br>Website: http://xaydunghanoi.edu.vn<br>Email: ttcxdhn_soldtbxh@hanoi.gov.vn | | | | |
| | Xây dựng dân dụng và công nghiệp | 200 | | Xét tuyển theo Học bạ THCS và THPT | Từ tháng 1/2018 đến tháng 12/2018 |
| | Công nghệ kỹ thuật nội thất và điện nước công trình | 150 | | | |
| | Thiết kế kiến trúc | 50 | | | |
| | Thiết kế đồ họa | 50 | | | |
| | Kế toán doanh nghiệp | 50 | | | |
| | Kế toán xây dựng | 50 | | | |
| 32 | **Trường Trung cấp Công nghệ và Quản trị Kinh doanh Hà Nội**<br>Mã trường: TCD0159<br>Địa chỉ: Số 85, đường Lương Định Của, phường Phương Mai, quận Đống Đa, TP. Hà Nội<br>Điện thoại: (024) 62536767<br>Website: www.cta.edu.vn<br>Email: tc-cnqtkd@hanoiedu.vn | | | | |
| | Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông | 80 | | Xét tuyển học bạ THPT, BTVH | 01/01/2018 |
| | Điện công nghiệp và dân dụng | 80 | | | |
| | Tin học ứng dụng | 70 | | | |
| | Kế toán doanh nghiệp | 70 | | | |
| | Tài chính - Ngân hàng | 70 | | | |
| 33 | **Trường Trung cấp Y tế Hà Nội**<br>Mã trường: 0157<br>Địa chỉ: Thôn Thường Lệ, xã Đại Thịnh, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội<br>Điện thoại: 024.32 32 1764<br>Website: trungcapytehanoi.edu.vn<br>Email: infoythn@gmail.com | | | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|
| | | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| | Y sỹ | 150 | | Xét tuyển | |
| | Dược | 150 | | | |
| | Điều dưỡng | 100 | | | |
| 34 | **Trường Trung cấp Y dược cộng đồng Hà Nội**<br>Mã trường: TCD.0157<br>Địa chỉ: Vĩnh Thanh - Vĩnh Ngọc - Đông Anh - Hà Nội<br>Điện thoại: 02462942377<br>Website: giaoduccongdonghanoi.edu.vn<br>Email: yduoccongdonghanoi@gmail.com | | | | |
| | Dược | 150 | | Xét tuyển | Cả năm |
| | Điều Dưỡng | 250 | | | |
| | Thương mại điện tử | 100 | | | |
| | Công nghệ thông tin (Ứng dụng phần mềm) | 100 | | | |
| 35 | **Trường Trung cấp Công nghệ Bách Khoa Hà Nội**<br>Mã trường: TCD 0158<br>Địa chỉ: 18-20/322 Nhân Mỹ, P. Mỹ Đình 1, Quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội<br>Điện thoại: 02437960505<br>Website: www.bachkhoahanoi.edu.vn<br>Email: hpc@hpc.edu.vn | | | | |
| | Tiếng Hàn Quốc | 350 | | Xét tuyển theo học bạ | Từ tháng 02 đến tháng 12/2018 |
| | Tiếng Nhật | 150 | | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|
| | | Trung cấp | | | |
| | | Tốt nghiệp THPT | Tốt nghiệp THCS | | |
| 36 | **Trường trung cấp Kinh tế - Tài chính Hà Nội**<br>Mã trường:<br>Địa chỉ: Số 953, Quốc lộ 6A, phường Phú Lãm, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội<br>Điện thoại: 02433.821.791 Fax:.....<br>Website: http://www.hefc.edu.vn, Email: tc-kttchanoi@hanoiedu.vn | | | | |
| | Tài chính - Ngân hàng | - | 30 | Xét tuyển | Liên tục trong năm |
| | Kế toán hành chính sự nghiệp | - | - | | |
| | Kế toán doanh nghiệp | 60 | 200 | | |
| | Kế toán hợp tác xã | | 30 | | |
| | Kế toán xây dựng | - | - | | |
| | Kinh doanh thương mại và dịch vụ | - | 30 | | |
| | Pháp luật | - | 100 | | |
| | Tin học ứng dụng | - | 100 | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|
| | | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| 37 | **Trường Trung cấp Cộng đồng Hà Nội**<br>Mã trường: TCD 0169<br>Địa chỉ trụ sở chính: Số 40 ngõ 20, đường Mỹ Đình, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội<br>Điện thoại: 0242 218 65 72<br>Website: www.tccongdong.edu.vn E.mail: tc-congdong@hanoiedu.vn<br>Địa chỉ phân hiệu: Đường Phú Lộc 4, Khối 6, phường Vĩnh Trại, Thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn.<br>Địa chỉ địa điểm đào tạo số 2: Thôn Miếu Thờ, xã Tiên Dược, huyện Sóc Sơn TP. Hà Nội.<br>Địa chỉ phân hiệu: Đường Phú Lộc 4, Khối 6, phường Vĩnh Trại, Thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn.<br>Địa chỉ địa điểm đào tạo số 2: Thôn Miếu Thờ, xã Tiên Dược, huyện Sóc Sơn TP. Hà Nội. | | | | |
| | Pháp luật | 50 | 100 | Xét tuyển theo học bạ THPT và THCS | Từ tháng 02 đến 31/12/2018 |
| | Tiếng Anh | 50 | 150 | | |
| | Tiếng Hàn Quốc | 50 | 100 | | |
| | Tiếng Nhật | 50 | 100 | | |
| | Tiếng Trung Quốc | 50 | 100 | | |
| | Kế toán doanh nghiệp | 50 | 100 | | |
| | Kỹ thuật Chế biến món ăn | 200 | 200 | | |
| | Tạo mẫu và Chăm sóc sắc đẹp | 350 | 500 | | |
| | Chăn nuôi Thú y | 100 | 100 | | |
| | Nuôi trồng Thủy sản | 50 | 100 | | |

| STT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|
| | | Trung cấp (Tốt nghiệp từ THCS) | Sơ cấp | | |
| 38 | **Trường Trung cấp Kinh tế Kỹ thuật Bắc Thăng Long**<br>Mã trường: 0116<br>Địa chỉ: Thôn Bầu - Xã Kim Chung - Đông Anh - Thành Phố Hà Nội<br>Điện thoại: 024.38812431<br>Website: www.btl.edu.vn<br>Email: Nhà trường: info@btl.edu.vn | | | | |
| | Kinh doanh thương mại và dịch vụ | 140 | | Xét tuyển theo học bạ | Liên tục trong năm |
| | Nghiệp vụ nhà hàng, khách sạn | 80 | | | |
| | Kỹ thuật chế biến món ăn | 120 | | | |
| | Tạo mẫu và chăm sóc sắc đẹp | 40 | | | |
| | Công nghệ may và thời trang | 90 | | | |
| | Tin học ứng dụng | 320 | | | |
| | Điện công nghiệp và dân dụng | 150 | | | |
| | Điện tử công nghiệp và dân dụng | 110 | | | |
| | Thư viện thiết bị trường học | 30 | | | |

| STT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|
| | | Trung cấp (Tốt nghiệp từ THCS) | Sơ cấp | | |
| | Hành chính văn thư | 30 | | Xét tuyển theo học bạ | Liên tục trong năm |
| | Hành chính văn phòng | 50 | | | |
| | Bảo trì và sửa chữa ôtô | 30 | | | |
| | Pháp luật | 30 | | | |
| | Quản lý và bán hàng siêu thị | 30 | | | |
| | Hướng dẫn du lịch | 30 | | | |
| | Kế toán doanh nghiệp | 30 | | | |
| | Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông | 20 | | | |
| | Quản trị mạng máy tính | 20 | | | |
| | Kỹ thuật lắp đặt đài, trạm viễn thông | 15 | | | |
| | Bảo trì và sửa chữa thiết bị nhiệt | 15 | | | |
| | Công nghệ hàn | 15 | | | |
| | Kỹ thuật lắp ráp sửa chữa máy tính | 15 | | | |
| | Tiếng Nhật | 15 | | | |
| | Tiếng Anh | 15 | | | |
| | Kế toán hành chính sự nghiệp | 15 | | | |
| | Tài chính - Ngân hàng | 15 | | | |
| | Chế biến món ăn | | 150 | Đào tạo theo nhu cầu người học | |
| | Bán hàng | | 150 | | |
| | May công nghiệp | | 120 | | |
| | Vi tính văn phòng (tin học) | | 80 | | |
| | Phun Thêu thẩm mỹ | | 80 | | |
| | Kế toán doanh nghiệp | | 40 | | |
| | Điện công nghiệp | | 40 | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|
| | | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| 39 | **Trường Trung cấp Giao thông Vận tải Hà Nội**<br>Mã trường: TCD 0173<br>Địa chỉ: Tòa nhà H, đường Hàm Nghi, Mỹ Đình 1, Quận Nam Từ Liêm, Hà Nội<br>Điện thoại: 024 2213 8221<br>Website: htt://gtvthanoi.edu.vn<br>Email: tcgtvthanoi@gmail.com | | | | |
| | Xây dựng cầu đường | 50 | | Xét tuyển (theo học bạ) | Từ 01/01 - 31/12 |
| | Tin học ứng dụng | 200 | | | |
| | Kế toán doanh nghiệp | 50 | | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|
| | | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| | Tin học văn phòng | | 165 | Xét tuyển (Theo độ tuổi) | Từ 01/01 - 31/12 |
| | Kế toán doanh nghiệp | | 140 | | |
| | May công nghiệp | | 140 | | |
| | Điện nước dân dụng | | 140 | | |
| | Kỹ thuật chế biến món ăn | | 245 | | |
| | Chăn nuôi thú y | | 245 | | |
| | Trồng lúa chất lượng cao | | 200 | | |
| | Trồng rau hữu cơ, trồng rau an toàn | | 200 | | |
| | Trồng cây ăn quả | | 200 | | |
| | Kỹ thuật trồng và chăm sóc cây cảnh | | 200 | | |
| | Kỹ thuật nuôi cá thương phẩm nước ngọt | | 200 | | |
| 40 | **Trường Trung cấp Kinh tế - Tài nguyên và Môi Trường**<br>Mã trường: TCD0182<br>Địa chỉ: Nhà E, Trường Đại học sân khấu Điện Ảnh, Đường Hồ Tùng Mậu, Mai Dịch, Cầu Giấy, Hà Nội<br>Điện thoại: 024.62693288 - 024.62690116- 0988161667<br>Website: Enre.edu.vn<br>Email: Ktm@hanoiedu.vn | | | | |
| | Công nghệ kỹ thuật môi trường | 50 | | Xét tuyển<br>Bằng tốt nghiệp: | Liên tục trong năm<br>- Tuyển sinh trong cả nước |
| | Công nghệ kỹ thuật trắc địa | 50 | | | |
| | Quản lý đất đai | 50 | | | |
| | Kế toán doanh nghiệp | 50 | | | |
| | Quản trị mạng | 50 | | | |
| | Trồng Trọt và bảo vệ thực vật | 50 | | | |
| | Kỹ thuật chế biến món ăn | 50 | 150 | | |
| | Pháp luật | 50 | | | |
| | Chăn nuôi - Thú y | 50 | | | |
| | Kế toán hành chính sự nghiệp | 50 | | | |
| | Khí tượng | 50 | | | |
| | Thủy văn | 50 | | | |
| 41 | **Trường Trung cấp Y dược Phạm Ngọc Thạch Hà Nội**<br>Mã trường: TCD0180<br>Địa chỉ: Số 192 Đức Giang, Long Biên, TP. Hà Nội<br>Điện thoại: 043.6555043Fax: 043.6557855<br>Website: yduocpnt.edu.vn<br>Email: phamngocthach192@gmail.com | | | | |
| | Y sỹ | 100 | | Xét tuyển | Từ 1/3 đến hết tháng 12/2018 |
| | Dược | 100 | 50 | | |
| | Điều dưỡng | 100 | 100 | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|
| | | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| 42 | **Trường Trung cấp Nghề tổng hợp Hà Nội**<br>Mã trường: TCD0131<br>Địa chỉ: Cơ sở 1 - Số 21 Bùi Bằng Đoàn, Phường Nguyễn Trãi, Quận Hà Đông, Hà Nội<br>Cơ sở 2 - Thôn Xuân Thủy, Xã Thủy Xuân Tiên, Chương Mỹ, Hà Nội<br>Điện thoại: 024.33840176<br>Website: http://tcnthhn.edu.vn<br>Email: trungcapnghe.tonghop@yahoo.com | | | | |
| | Kỹ thuật điêu khắc gỗ | 30 | 160 | Xét tuyển | Trong năm |
| | Kỹ thuật sơn mài và khảm trai | 30 | | | |
| | Sản xuất hàng mây tre đan | 60 | | | |
| | Thiết kế đồ họa | 40 | | | |
| | May thời trang | 40 | | | |
| | Điện công nghiệp | 80 | | | |
| | Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí | 50 | | | |
| | Cắt gọt kim loại | 20 | | | |
| | Hàn | 40 | 160 | | |
| | Điện tử dân dụng | 40 | | | |
| | Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính | 50 | | | |
| | Tin học văn phòng | 60 | 80 | | |
| | Kế toán doanh nghiệp | 50 | | | |
| | Tiện ren | | 160 | | |
| | Điện nước dân dụng | | 160 | | |
| | Sửa chữa lắp ráp máy tính | | 80 | | |
| | Gia công thiết kế sản phẩm mộc | | 40 | | |
| | May công nghiệp | | 80 | | |
| | Thêu ren mỹ thuật | | 80 | | |
| | Kỹ thuật sơn mài | | 160 | | |
| | Kỹ thuật khảm trai | | 80 | | |
| | Sản xuất hàng mây tre, giang đan | | 80 | | |
| | Mỹ thuật cơ bản | | 80 | | |
| | Thiết kế sản phẩm thủ công mỹ nghệ | | 80 | | |
| 43 | **Trường Trung cấp Đa ngành Hà Nội**<br>Mã trường: TCD0191<br>Địa chỉ: Tổ 5, Kẻ Tạnh, Giang Biên, Long Biên, Hà Nội<br>169 Nguyễn Ngọc Vũ, Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội<br>Điện thoại: 024 66 866 889<br>Website: danganhhanoi.edu.vn<br>Email: trungcapdanganhhanoi.vn@gmail.com | | | | |
| | Tin học ứng dụng | 50 | | Xét tuyển | 1-12/2018 |
| | Kế toán doanh nghiệp | 50 | | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|
| | | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| 44 | **Trường Trung cấp Công nghệ và Quản trị Đông Đô**<br>Mã trường: TCD0163<br>Địa chỉ: Số 5 đường Nam Hồng, Nam Hồng, Đông Anh, Hà Nội<br>Điện thoại: 046.2926.553<br>Website: trungcapdongdo.com<br>Email:: tc-cnqtdongdo@hanoiedu.vn | | | | |
| | Thư viện - thiết bị trường học | 250 | 50 | Xét tuyển | Từ 01/02/2017 đến hết ngày 31/12/2017 |
| | Văn thư hành chính | 100 | 50 | | |
| | Văn thư - Lưu trữ | 100 | 50 | | |
| | Tài chính - Ngân hàng | 50 | 20 | | |
| | Kế toán doanh nghiệp | 200 | 20 | | |
| | Quản lý và kinh doanh nhà hàng và dịch vụ ăn uống | 35 | 20 | | |
| | Pháp luật | 100 | | | |
| | Tin học ứng dụng | 100 | 50 | | |
| | Kỹ thuật chế biến món ăn | 70 | 50 | | |
| | Kỹ thuật pha chế và phục vụ đồ uống | 30 | 20 | | |
| 45 | **Trường Trung cấp Nghề số 1 Hà Nội**<br>Mã trường: TCD0132<br>Địa chỉ: TT Phú Xuyên, Huyện Phú Xuyên, TP Hà Nội<br>Điện thoại: 024 33854235<br>Hiệu trưởng: Nguyễn Đức Dũng: Điện thoại: 024 33854235<br>Email: ttcns1_soldtbxh@hanoi.gov.vn | | | | |
| | Hàn | 90 | 70 | Xét tuyển | Liên tục |
| | Quản trị cơ sở dữ liệu | 90 | | | |
| | Điện công nghiệp | 50 | 50 | | |
| | May thời trang | 30 | 50 | | |
| | Kế toán doanh nghiệp | 70 | | | |
| | Quản trị mạng máy tính | 60 | | | |
| | Thiết kế Website | 60 | | | |
| | Tin học văn phòng | 60 | 50 | | |
| | Cắt gọt kim loại | 50 | 50 | | |
| | Quản trị doanh nghiệp vừa và nhỏ | 50 | | | |
| | Điện dân dụng | 90 | 70 | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|
| | | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| 46 | **Trường Trung cấp Nghề nấu ăn - Nghiệp vụ Du lịch và Thời trang Hà Nội**<br>Mã trường: TCD0104<br>Địa chỉ: Số 6, Ngõ Lệnh Cư, Khâm Thiên, Đống Đa, Hà Nội<br>Số 56 Phố Khâm Thiên, Đống Đa, Hà Nội<br>Số 2B, Phố Lê Đại hành, Hai Bà Trưng, Hà Nội<br>Số 1, Phố Chùa Thông, Phường Quang Trung, Thị xã Sơn Tây, Hà Nội<br>Điện thoại: (024) 38519372<br>Website: http://trungcapnghenauan.edu.vn/<br>Email: truongtcnnauan@gmail.com | | | | |
| | Kỹ thuật chế biến món ăn | 280 | 220 | Xét tuyển | Tuyển sinh liên tục |
| | Kỹ thuật pha chế đồ uống | 60 | 100 | | |
| | Kỹ thuật chế biến bánh | 30 | 20 | | |
| | Nghiệp vụ nhà hàng | 60 | 100 | | |
| | Nghiệp vụ lưu trú | 30 | 20 | | |
| | Nghiệp vụ lễ tân | 30 | 20 | | |
| | Quản trị khách sạn | 30 | 20 | | |
| | Quản trị lữ hành | 30 | 20 | | |
| | Nghiệp vụ kinh doanh bán hàng | | 30 | | |
| | Thiết kế thời trang | 30 | | | |
| | May thời trang | 270 | | | |
| | May công nghiệp | | 50 | | |
| | Cắt may thời trang | | 150 | | |
| 47 | **Trường Trung cấp Nghề cơ khí I Hà Nội**<br>Mã trường: TCD0117<br>Địa chỉ: số 28, tổ 47 thị trấn Đông Anh, Hà Nội<br>Điện thoại: 04. 38 832 562<br>Website: http://www.cokhi1hanoi.edu.vn/<br>Email: ttcnck1_soldtbxh@hanoi.gov.vn | | | | |
| | Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính | 110 | | Xét tuyển | Từ tháng 4 đến tháng 11 hàng năm |
| | Tin học văn phòng | 150 | 70 | | |
| | Công nghệ ô tô | 80 | 50 | | |
| | Cắt gọt kim loại | 200 | 30 | | |
| | Hàn | 100 | 120 | | |
| | Nguội chế tạo | 40 | 30 | | |
| | Nguội sửa chữa máy công cụ | 40 | 20 | | |
| | Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí | 70 | | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|
| | | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| | Điện công nghiệp | 180 | 50 | Xét tuyển | Từ tháng 4 đến tháng 11 hàng năm |
| | Điện dân dụng | | 120 | | |
| | Sửa chữa, lắp ráp xe máy | | 50 | | |
| 48 | **Trường Trung cấp Tổng hợp Hà Nội**<br>Mã trường: TCD0152<br>Địa chỉ: 135 Trần Phú, Văn Quán Hà Đông, Hà Nội<br>Điện thoại: 024.3854 4425<br>Website: www.tc-tonghophanoi.edu.vn<br>Email: tc-ktktth@hanoiedu.vn | | | | |
| | Thiết kế đồ họa | 30 | | Xét tuyển | 12 tháng |
| | Thư ký văn phòng | 30 | | | |
| | Kinh doanh thương mại và dịch vụ | 30 | | | |
| | Kế toán doanh nghiệp | 50 | | | |
| | Quản lý và kinh doanh du lịch | 50 | | | |
| | Lập trình/Phân tích hệ thống | 80 | | | |
| | Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông | 50 | | | |
| | Bảo trì và sửa chữa thiết bị cơ khí | 50 | | | |
| | Kỹ thuật chế biến món ăn | 150 | 200 | | |
| 49 | **Trường Trung cấp Kinh tế Kỹ thuật Hà Nội 1**<br>Mã trường: TCD0153<br>Địa chỉ: 54 Vũ Trọng Phụng - Thanh Xuân - Hà Nội<br>Điện thoại: 02435571223<br>Website: ktkthn1.edu.vn<br>Email: tc-ktkthn1@hanoiedu.vn | | | | |
| | Thư viện - Thiết bị trường học | 30 | | Xét tuyển | Xét tuyển 3 đợt<br>Đợt 1: 15/03/2018<br>Đợt 2: 16/07/2018<br>Đợt 3: 15/10/2018 |
| | Văn thư lưu trữ | 60 | | | |
| | Thư ký văn phòng | 30 | | | |
| | Tài chính ngân hàng | 30 | | | |
| | Kế toán doanh nghiệp | 100 | | | |
| | Pháp luật | 30 | | | |
| | Tin học ứng dụng | 40 | | | |
| | CN Kỹ thuật điện điện tử | 60 | | | |
| | Điện Công nghiệp và dân dụng | 80 | | | |
| | Kỹ thuật chế biến món ăn | 60 | | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|
| | | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| 50 | **Trường Trung cấp Bách nghệ Hà Nội**<br>Mã trường: TCD0156.<br>Địa chỉ: Số 1, Nhân Hòa - Nhân Chính - Thanh Xuân - Hà Nội<br>Điện thoại: 0243 5573259 - 0243.5574959 - Fax: 0243.5571823<br>Website: truongbachnghehn.edu.vn<br>Email: tc-bachnghe@hanoiedu.vn | | | | |
| | Kế toán doanh nghiệp | 30 | | Xét tuyển | Tháng 2 đến 31/12/2018 |
| | Tài chính ngân hàng | 30 | | | |
| | Kinh doanh thương mại và dịch vụ | 20 | | | |
| | Tin học ứng dụng | 30 | | | |
| | Kỹ thuật chế biến món ăn | 60 | | | |
| | Hướng dẫn du lịch | 30 | | | |
| | Nghiệp vụ lễ tân | 30 | | | |
| | Nghiệp vụ nhà hàng, khách sạn | 20 | | | |
| 51 | **Trường Trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật Phan Chu Trinh**<br>Mã trường: TCD0120<br>Địa chỉ: số 101 phố Tô Vĩnh Diện, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội<br>Điện thoại: 0904 252 357<br>Website: trungcappct.edu.vn<br>Email: trungcapphanchutrinh@gmail.com | | | | |
| | Kế toán doanh nghiệp | 50 | | Xét tuyển học bạ | Liên tục trong năm 2018 |
| | Kế toán hành chính sự nghiệp | 50 | | | |
| | Quản lý doanh nghiệp | 50 | | | |
| | Tin học ứng dụng | 50 | | | |
| 52 | **Phân hiệu Trường Trung cấp Y khoa PASTEUR**<br>Mã trường:<br>Địa chỉ phân hiệu Hà Nội: 101 Tô Vĩnh Diện, Khương Trung, Thanh Xuân, Hà Nội.<br>Điện thoại: 024.62966296<br>Website: trungcapykhoapasteur.com.vn<br>Email: ykhoapasteur1@gmail.com | | | | |
| | Điều dưỡng | 40 | | Xét tuyển | Từ 01/01/2018 đến 31/12/2018 |
| | Dược | 260 | | | |
| | Y sỹ | 70 | | | |
| | Y sỹ y học cổ truyền | 150 | | | |
| | Kỹ thuật xét nghiệm y học | 35 | | | |
| | Kỹ thuật hình ảnh y học | 40 | | | |
| | Hộ sinh | 20 | | | |
| | Kỹ thuật phục hình răng | 70 | | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|
| | | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| 53 | **Trường Trung cấp Kinh tế Hà Nội**<br>Mã trường: TCD0148<br>Địa chỉ: 102 Tân Ấp - Phúc Xá - Ba Đình - Hà Nội<br>Điện thoại: 024.38293186<br>Website: http://www.hnce.edu.vn<br>Email: ttckhn_soldtbxh@hanoi.gov.vn | | | | |
| | Kế toán hành chính sự nghiệp | 70 | | Xét tuyển | Cả năm |
| | Kế toán doanh nghiệp | 410 | | | |
| | Tài chính doanh nghiệp | 70 | | | |
| 54 | **Trường Trung cấp Kỹ thuật Tin học Hà Nội**<br>Mã trường: TCD0150<br>Địa chỉ: 73 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội<br>Điện thoại: (84-24) 38357388 - (84-24) 38358377 - (84-24) 38358290; Fax: (84-24) 38358290<br>Website: http://estih.edu.vn<br>Email: tc-estih@hanoiedu.vn, ttcktthhn_soldtbxh@hanoi.gov.vn | | | | |
| | Tin học ứng dụng | 60 | | Xét tuyển (theo học bạ) | Từ 01/02/2018 đến 30/11/2018 |
| | Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính | 60 | | | |
| | Quản trị mạng máy tính | 50 | | | |
| | Tin học văn phòng | 100 | | | |
| | Kế toán doanh nghiệp | 30 | | | |
| | Tài chính - Ngân hàng | 30 | | | |
| | Thư viện | 20 | | | |
| | Thư viện - Thiết bị trường học | 20 | | | |
| | Văn thư - Lưu trữ | 30 | | | |
| | Kỹ thuật chế biến món ăn | 20 | | | |
| | Điện tử công nghiệp và dân dụng | 20 | | | |
| 55 | **Trường Trung cấp Công nghệ và Kinh tế đối ngoại**<br>Mã trường: TCD0165<br>Địa chỉ: Số 21-23, Ngõ 167, Tây Sơn, Đống Đa, Hà Nội<br>Điện thoại: (024)66 815 422<br>Website: https://heucollege.edu.vn/<br>Email: congnghevakinhtedoingoai@heu.vn | | | | |
| | Hướng dẫn du lịch | 200 | | Xét tuyển | 01/01/2018 - 30/12/2018 |
| | Nghiệp vụ lễ tân | 150 | | | |
| | Tin học ứng dụng | 150 | | | |
| | Quản lý doanh nghiệp | 100 | | | |
| | Kế toán doanh nghiệp | 30 | | | |
| | Tài chính ngân hàng | 30 | | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|
| | | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| | Kinh doanh thương mại và dịch vụ | 30 | | Xét tuyển | 01/01/2018 - 30/12/2018 |
| | Thư ký văn phòng | 30 | | | |
| | Văn thư hành chính | 30 | | | |
| 56 | **Trường Trung cấp Nghề Cơ khí Xây dựng**<br>Mã trường: TCT0108<br>Địa chỉ: Số 73, đường Cổ Bi, Gia Lâm, Hà Nội<br>Điện thoại: 043.8767.497/043.6763.239<br>Website: http://cmtc.edu.vn<br>Email: truongcoma@gmail.com | | | | |
| | Kế toán doanh nghiệp | 50 | | Xét tuyển | Cả năm |
| | Cắt gọt kim loại | 150 | | | |
| | Hàn | 200 | | | |
| | Nguội lắp ráp cơ khí | 100 | | | |
| | Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí | 70 | | | |
| | Điện tử công nghiệp | 70 | | | |
| | Điện dân dụng | 50 | | | |
| | Điện công nghiệp | 150 | | | |
| | May thời trang | 35 | | | |
| | Hàn điện | | 60 | | |
| | Hàn MAG/MIG | | 20 | | |
| | Hàn TIG | | 15 | | |
| | Hàn tự động | | 15 | | |
| | Hàn hơi | | 20 | | |
| | Hàn áp lực | | 20 | | |
| | Tiện | | 10 | | |
| | Phay | | 5 | | |
| | Bào | | 5 | | |
| | Khoan | | 10 | | |
| | Tiện CNC | | 10 | | |
| | Phay CNC | | 10 | | |
| | Điện dân dụng và công nghiệp | | 50 | | |
| | Điện tử | | 30 | | |
| | Điện lạnh | | 30 | | |
| | Nguội sửa chữa | | 20 | | |
| | Gò | | 20 | | |
| | Đúc | | 20 | | |
| | Sửa chữa, vận hành máy xây dựng | | 20 | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|
| | | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| | Vận hành cần trục, cổng trục có tải trọng đến 10 tấn | | 30 | Xét tuyển | Cả năm |
| | Vận hành máy khoan cọc nhồi | | 40 | | |
| | Vận hành máy đóng cọc | | 40 | | |
| | Vận hành máy ủi | | 40 | | |
| | Vận hành máy san | | 40 | | |
| | Vận hành máy xúc | | 40 | | |
| | Vận hành trạm trộn, máy bơm bê tông | | 40 | | |
| | Vận hành máy nâng hàng | | 40 | | |
| | Nề hoàn thiện | | 40 | | |
| | Cấp thoát nước | | 40 | | |
| 57 | **Trường Trung cấp Y khoa Hà Nội**<br>Mã trường: TCD0179<br>Địa chỉ: 422 Vĩnh Hưng, Phường Thanh Trì, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội<br>Điện thoại: 024 3 858 0437<br>Website: http://www.tcykhoahanoi.edu.vn - http://trungcapykhoahanoi.edu.vn<br>Email: hnmedical.2008@gmail.com | | | | |
| | Điều dưỡng | 100 | 100 | Xét tuyển | Nhiều đợt trong năm bắt đầu từ 1/1/2018 đến hết ngày 20/12/2018. |
| | Y sỹ | 100 | 100 | | |
| | Dược sỹ | 100 | | | |
| | Kỹ thuật xét nghiệm y học | 50 | | | |
| | Hộ sinh | 50 | | | |
| | **VĨNH PHÚC** | | | | |
| 58 | **Trường Trung cấp Nghề 1 - BQP**<br>Mã trường: TCT1601<br>Địa chỉ: Định Trung - Vĩnh Yên - Vĩnh Phúc<br>Điện thoại: 02113861964<br>Website: http://tcn11.edu.vn<br>Email: truongtcn11@yahoo.com | | | | |
| | Hàn | 140 | 160 | Xét tuyển | Trong năm |
| | Cắt gọt kim loại | 120 | | | |
| | Công nghệ ô tô | 240 | 280 | | |
| | Điện công nghiệp | 160 | 140 | | |
| | Điện dân dụng | 180 | 140 | | |
| | Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí | 180 | 140 | | |
| | Kỹ thuật sửa chữa lắp ráp máy tính | 120 | 140 | | |
| | Cơ điện nông thôn | 120 | 80 | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|
| | | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| | Lái xe ô tô | | 5.000 | Xét tuyển | Trong năm |
| | Sửa chữa điện lạnh ô tô | | 240 | | |
| | Sửa chữa xe gắn máy | | 280 | | |
| 59 | **Trường Trung cấp Nghề Kỹ thuật Xây dựng và Nghiệp vụ**<br>Mã trường: TCD1603<br>Địa chỉ: Số 349 - Trường Chinh - Đồng Xuân - Phúc Yên - Vĩnh Phúc<br>Điện thoại: 0211.3863.208 Fax: 0211.3863.062<br>Website: WWW.ktxdnv.edu.vn Email: daotaotruongktxd@gmail.com | | | | |
| | Kỹ thuật xây dựng | 50 | | Xét tuyển | Tuyển sinh quanh năm |
| | Cốp pha - Giàn Giáo | 50 | | | |
| | Cốt thép - Hàn | 60 | | | |
| | Cấp, thoát nước | 40 | | | |
| | Vận hành trạm trộn bê tông | | 35 | | |
| | Trắc địa công trình | 35 | | | |
| | Hàn | 40 | | | |
| | Lắp đặt thiết bị cơ khí | 50 | | | |
| | Điện dân dụng | 40 | | | |
| | Điện công nghiệp | 40 | | | |
| | Điện tử công nghiệp | 40 | | | |
| | Vận hành nhà máy thủy điện | 40 | | | |
| | Vận hành máy xây dựng | 35 | | | |
| | Tin học văn phòng | 35 | | | |
| | Kỹ thuật chế biến món ăn | 35 | | | |
| | Nghiệp vụ nhà hàng | 30 | | | |
| | May thời trang | 115 | | | |
| | Quản lý đô thị | | 240 | | |
| 60 | **Trường Trung cấp Y tế Vĩnh Phúc**<br>Mã trường: 1606<br>Địa chỉ: Phố Tuệ Tĩnh - Phường Liên Bảo - TP Vĩnh Yên - Tỉnh Vĩnh Phúc<br>Điện thoại: 02113.860.758Fax: 02113.721.068<br>Website: http://yduocvinhphuc.edu.vnEmail: ytevinhphuc@moet.edu.vn<br>Email: anhphuongtcytvp@gmail.com | | | | |
| | **Hệ đào tạo 2 năm** | | | | |
| | Điều dưỡng | 150 | | Xét tuyển điểm hai môn Toán, Sinh lớp 12 | Đợt 1: từ tháng 3 đến tháng 6 |
| | Hộ sinh | 60 | | | |
| | Y sỹ | 150 | | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|
| | | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| | Dược sỹ | 150 | | Xét tuyển điểm hai môn Toán, Hóa lớp 12 | Đợt 2: từ tháng 7 đến tháng 9<br>Đợt 3: từ tháng 10 đến tháng 12 |
| | **II. Hệ đào tạo 01 năm (văn bằng 2)** | | | | |
| | Điều dưỡng | 100 | | Xét tuyển điểm hai môn Toán, Sinh lớp 12 và bằng trung cấp trở lên. | |
| | Y sỹ | 150 | | | |
| | Dược sỹ | 150 | | Xét tuyển điểm hai môn Toán, Hóa lớp 12 và bằng trung cấp trở lên. | |
| 61 | **Trường Trung cấp Văn hóa Nghệ thuật Vĩnh Phúc**<br>Mã trường: TCD1602<br>Địa chỉ: Đường Nguyễn Tất Thành - Phường Tích Sơn - TP Vĩnh Yên - Tỉnh Vĩnh Phúc.<br>Điện thoại: 0211.3861.380 - 0919.914.886<br>Website: www.truongvhntvinhphuc.edu.vn<br>Email: Truongvhnt.vp@gmail.com | | | | |
| | Hội họa | 11 | 06 | Thi tuyển (Năng khiếu chuyên ngành) | - Sơ cấp từ tháng 1/2018<br>- Trung cấp từ tháng 8/2018 |
| | Thiết kế thời trang | | 20 | | Từ tháng 1/2018 |
| | Điêu khắc | | 20 | | |
| | Thiết kế đồ họa | | 20 | | |
| | Thanh nhạc | 12 | 05 | Thi tuyển (Thẩm âm, tiết tấu, chuyên ngành) | - Sơ cấp từ tháng 1/2018<br>- Trung cấp từ tháng 8/2018 |
| | Biểu diễn nhạc cụ phương tây-Chuyên ngành Guitar | 05 | 04 | | |
| | Organ | 15 | 15 | | |
| | Nghệ thuật biểu diễn múa dân gian dân tộc | 10 | 20 | Thi tuyển (Năng khiếu chuyên ngành) | |
| | Hướng dẫn du lịch | 20 | 50 | Xét tuyển (Học bạ THCS) | |
| | Nghiệp vụ lễ tân | 20 | 50 | | |
| | Quản trị khách sạn | | 30 | Xét tuyển (Học bạ PTTH) | Từ tháng 1/2018 |
| | Dịch vụ chăm sóc gia đình | | 60 | | |
| | Quản lý văn hóa | 10 | | | Từ tháng 8/2018 |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|
| | | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| 62 | **Trường Trung cấp Công nghệ Vĩnh Phúc**<br>Mã trường: TCD 1604<br>Địa chỉ: Phường Đồng Tâm - Thành phố Vĩnh Yên - Tỉnh Vĩnh Phúc.<br>Điện thoại: 02113867125<br>Website:.....<br>Email: tccnvp@vinhphuc.edu.vn | | | | |
| | Tin học ứng dụng | 60 | | Xét theo học bạ lớp 12 3 môn Toán, Lý, Hóa | 1/1/2018 đến 31/12/2018 |

| TT | Tên ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | Hình thức thi tuyển | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|
| | | Trung cấp | | | |
| | | Tốt nghiệp THPT | Tốt nghiệp THCS | | |
| **BẮC NINH** | | | | | |
| 63 | **Trường Trung cấp Văn hóa Nghệ thuật và Du lịch Bắc Ninh**<br>Mã trường: TCD 1901<br>Địa chỉ: Số 25, đường Thiên Đức, P. Vệ An, TP. Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh<br>Điện thoại: (0222) 3.815.567; 3.825.983.<br>Website: vhntbacninh.edu.vn<br>Email: tcvhnt.bacninh@moet.edu.vn | | | | |
| | Nghệ thuật biểu diễn dân ca quan họ | 30 | 30 | Hệ chính quy: (3 năm)<br>Các ngành từ 1 - 8: xét tuyển điểm tổng kết môn văn lớp 12 (hệ tuyển THPT) hoặc lớp 9 (hệ tuyển THCS) và thi môn năng khiếu theo từng chuyên ngành.<br>Hệ chính quy: (2 năm)<br>Ngành 9, 10: Xét tuyển điểm tổng kết môn Văn, Sử lớp 12 | Nhận hồ sơ:<br>Từ: 05/02/2018<br>Ngày thi và xét tuyển:<br>Từ: 02/7/2018<br>Đến: 31/12/2018 |
| | Biểu diễn nhạc cụ truyền thống | 05 | 05 | | |
| | Biểu diễn nhạc cụ phương tây | 05 | 05 | | |
| | Organ | 15 | 15 | | |
| | Thanh nhạc | 20 | 20 | | |
| | Hội họa | 05 | 05 | | |
| | Thiết kế đồ họa | 05 | 05 | | |
| | Nghệ thuật biểu diễn múa dân gian dân tộc | 10 | 10 | | |
| | Quản lý văn hóa | 30 | | | |
| | Hướng dẫn du lịch | 30 | | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|
| | | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| 64 | **Trường Trung cấp Kinh tế Kỹ thuật Công Thương - CCI**<br>Mã trường: 1903<br>Địa chỉ: 331 Ngô Gia Tự - p.Suối Hoa - tp. Bắc Ninh - Bắc Ninh<br>Điện thoại: 0222 3 874 078/3 875 087 Fax: 0222 3 874 080<br>Website: tuyensinhcci24h.edu.vn<br>Email: kinhbacedu@gmail.com | | | | |
| | Điện công nghiệp và dân dụng | 150 | | - HS tốt nghiệp THPT, THCS<br>- Xét tuyển | - Nhận hồ sơ: từ 01/03 - 31/12/2018<br>- Liên tục, tuyển sinh trong cả nước |
| | Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử | 150 | | | |
| | Tin học ứng dụng | 45 | | | |
| | Tài chính - Ngân hàng | 80 | | | |
| | Kế toán doanh nghiệp | 80 | | | |
| 65 | **Trường Trung cấp Y tế Trung ương**<br>Mã trường: TCD 1912<br>Địa chỉ: Khu Khúc Toại - Phường Khúc Xuyên - TP. Bắc Ninh - Tỉnh Bắc Ninh<br>Điện thoại: 0222 6282 181<br>Website: ytetrunguong.edu.vn<br>Email: ytetrunguong@gmail.com | | | | |
| | Trung cấp Y sỹ | 100 | | Xét điểm học bạ THPT | Tuyển sinh nhiều đợt trong năm |
| | Trung cấp Y sỹ Y học cổ truyền | 50 | | | |
| | Trung cấp Điều dưỡng | 50 | | | |
| | Trung cấp Hộ sinh | 50 | | | |
| | Dược sỹ trung cấp | 300 | | | |
| | Điều dưỡng Lão Khoa (Sơ cấp) | | 100 | Xét tuyển | |
| | Xoa bóp - Bấm huyệt, dưỡng sinh (Sơ cấp) | | 100 | | |
| | Vật lý trị liệu - Phục hồi chức năng (Sơ cấp) | | 100 | | |
| | Phun xăm thẩm mỹ (Sơ cấp) | | 100 | | |
| | Chăm sóc da (Sơ cấp) | | 100 | | |
| | Chứng chỉ Tiêm truyền | | 100 | | |
| 66 | **Trường Trung cấp Nghề Kinh tế - Kỹ thuật Bắc Ninh**<br>Mã trường: TCT1903<br>Địa chỉ: Địa chỉ 213 Ngô Gia Tự - P Suối Hoa - Tp Bắc Ninh - Bắc Ninh<br>Điện thoại: 0222 3870991<br>Website: www.dulichbacninh.edu.vn<br>Email: trungcapnghektktbacninh@gmail.com | | | | |
| | Điện tử công nghiệp | X | X | Xét tuyển | Từ tháng 1 đến 15/11 hàng năm |
| | Điện công nghiệp | X | X | | |
| | Điện dân dụng | X | X | | |
| | May thời trang | X | X | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|
| | | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| | Công nghệ Hàn | X | X | Xét tuyển | Từ tháng 1 đến 15/11 hàng năm |
| | Quản trị khách sạn | X | | | |
| | Kỹ thuật chế biến món ăn | X | X | | |
| | Nghiệp vụ nhà hàng | X | X | | |
| | Kế toán doanh nghiệp | X | | | |
| | Công tác xã hội | X | X | | |
| | Pha chế đồ uống | | X | | |
| | Nghiệp vụ Bàn | | X | | |
| | Tin học văn phòng | | X | | |
| | Chăm sóc da | | X | | |
| | Thiết kế tạo mẫu tóc | | X | | |
| | Kỹ thuật chăm sóc móng | | X | | |
| 67 | **Trường Trung cấp Nghề Kinh tế Kỹ thuật và Thủ công Mỹ nghệ truyền thống Thuận Thành**<br>Mã trường: TCDN 1915<br>Địa chỉ: Phố Hồ - Thị trấn Hồ - Thuận Thành - Bắc Ninh<br>Điện thoại: 0241.3775.957<br>Website: vocthuanthanh.vn<br>Email: truongtcnktktthuanthanh@gmail.com | | | | |
| | Điện công nghiệp | 105 | | Xét tuyển | Theo năm học |
| | May thời trang | 70 | | | |
| | Công nghệ ô tô | 70 | | | |
| | Hàn | 70 | | | |
| | Công nghệ thông tin | 50 | | | |
| | Kỹ thuật điêu khắc gỗ | 50 | | | |
| | Kế toán doanh nghiệp | 50 | | | |
| 68 | **Trường Trung cấp Bách khoa Bắc Ninh**<br>Mã trường: TCD1917<br>Địa chỉ: Số 568, đường Thành Cổ, phường Vệ An, Thành phố Bắc Ninh, Bắc Ninh<br>Điện thoại: 0983.727.168<br>Website: bkbn.edu.vn<br>Email: phanduongbkbn@gmail.com | | | | |
| | Điện tử công nghiệp | 50 | 50 | Xét tuyển theo học bạ | T1/2018 - T12/2018 |
| | Điện công nghiệp | 35 | 50 | | |
| | Kỹ thuật Máy lạnh và điều hòa không khí | 50 | 50 | | |
| | Hàn | 35 | 35 | | |
| | Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính | 30 | | Xét tuyển | |
| | Tin học Văn phòng | | 80 | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|
| | | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| | May công nghiệp | | 30 | Xét tuyển | T1/2018 - T12/2018 |
| | Sửa chữa động cơ điện và thiết bị gia dụng | | 60 | | |
| | Kỹ thuật chế biến món ăn | | 90 | | |
| **HẢI DƯƠNG** | | | | | |
| 69 | **Trường Trung cấp Cơ giới Đường bộ**<br>Mã trường: TCT2101<br>Địa chỉ: Phường Cộng Hòa - TX Chí Linh - Hải Dương<br>Điện thoại: 02203882781<br>Website: http://www.cdngiaothongvantai<br>Email: cdncgdb@gmail.com | | | | |
| | Công nghệ ôtô | 350 | 15 | Xét tuyển | Liên tục trong năm |
| | Công nghệ Hàn | 110 | 20 | | |
| | Cắt gọt kim loại | 50 | 20 | | |
| | Vận hành máy thi công nền | 70 | 20 | | |
| | Điện Công nghiệp | 80 | | | |
| | Điện dân dụng | 80 | | | |
| | Tin học văn phòng | 70 | | | |
| | Công nghệ thông tin (Ứng dụng phần mềm) | 70 | | | |
| | Lái xe ô tô các hạng B,C,D,E | | 2940 | | |
| 70 | **Trường Trung cấp Văn hóa Nghệ thuật và Du lịch Hải Dương**<br>Mã trường: TCD2105<br>Địa chỉ: Số 30 phố Tống Duy Tân, phường Ngọc Châu, TP. Hải Dương<br>Điện thoại: 02203.847906<br>Website: vhntdlhd.edu.vn<br>Email: vhntdlhd@gmail.com, daotao.vhntdh@gmail.com | | | | |
| | Thanh nhạc | 15 | | Xét tuyển theo học bạ THPT hoặc THCS và thi 02 môn: Thanh nhạc + Thẩm âm tiết tấu | Đợt 1: 24-25/8/2018<br>Đợt 2: 19-20/12/2018 |
| | Biểu diễn nhạc cụ truyền thống | 05 | | Xét tuyển theo học bạ THPT hoặc THCS và thi 02 môn: Nhạc cụ + Thẩm âm tiết tấu | |
| | Biểu diễn nhạc cụ phương tây | 10 | | | |
| | Hội họa | 10 | | Xét tuyển theo học bạ THPT hoặc THCS và thi 01 môn: Hình họa | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|
| | | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| | Nghệ thuật biểu diễn Múa dân gian, dân tộc | 10 | | Xét tuyển theo học bạ THPT hoặc THCS và thi 01 môn: Múa | Đợt 1: 24-25/8/2018<br>Đợt 2: 19-20/12/2018 |
| | Nghệ thuật biểu diễn chèo | 10 | | Xét tuyển theo học bạ THPT hoặc THCS và thi 02 môn: Hát + Diễn xuất | |
| | Văn thư Hành chính | 15 | | Xét tuyển học bạ THPT hoặc THCS | |
| | Báo chí | 10 | | | |
| | Hướng dẫn du lịch | 10 | | | |
| | Tin học ứng dụng | 10 | | | |
| | Quản lý văn hoá | 12 | | | |
| **HẢI PHÒNG** | | | | | |
| 71 | **Trường Trung cấp Nghề Kỹ thuật xi măng**<br>Mã trường: TCT0301<br>Địa chỉ: Số 3 đường Hà Nội, phường Sở Dầu, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng<br>Điện thoại: 0225.3821808<br>Fax: 0225.3821809<br>Website: www.daotaoximang.vn<br>Email: daotaoximang@gmail.com | | | | |
| | Sản xuất xi măng | 80 | 100 | Xét tuyển | Tháng 4/2018 |
| | Sản xuất bao bì xi măng | 40 | 70 | | Tháng 5/2018 |
| | Sửa chữa, lắp đặt thiết bị cơ khí xi măng | 20 | 50 | | Tháng 6/2018 |
| | Sửa chữa, lắp đặt thiết bị điện xi măng | 22 | 50 | | |
| | Phân tích cơ lý, hóa xi măng | 40 | 90 | | Tháng 9/2018 |
| | Hàn | 40 | 70 | | |
| | Sản xuất vật liệu không nung và cốt liệu | 20 | 50 | | |
| | Vận hành máy xây dựng | 40 | 50 | | |
| | Bê tông | 20 | 50 | | |
| | Kỹ thuật khai thác mỏ lộ thiên | 30 | 50 | | |
| 72 | **Trường Trung cấp An Dương**<br>Mã trường: TCD0301<br>Địa chỉ: Tổ 1 Thị trấn An Dương, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng<br>Điện thoại: 02253871547<br>Email: dayngheanduong.edu@gmail.com | | | | |
| | Hàn | 70 | | Xét tuyển | Cả năm |
| | Thiết kế thời trang | 70 | | | |
| | Điện công nghiệp | 70 | 35 | | |
| | Điện dân dụng | 70 | 70 | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|
| | | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| | Quản lý điện nông thôn | | 35 | Xét tuyển | Cả năm |
| | Hàn điện | | 35 | | |
| | Cắt gọt kim loại | | 35 | | |
| | Nguội căn bản | | 35 | | |
| | May công nghiệp | | 105 | | |
| | May mũ giày | | 35 | | |
| | Sửa chữa thiết bị may | | 35 | | |
| | Sửa chữa xe gắn máy | | 35 | | |
| | Trồng lúa năng suất cao | | 70 | | |
| | Trồng rau an toàn | | 70 | | |
| | Chăn nuôi gà, lợn hữu cơ | | 70 | | |
| | Vi tính văn phòng | | 35 | | |
| | Chế biến món ăn | | 35 | | |
| | Sử dụng máy nông cụ | | 35 | | |
| 73 | **Trường Trung cấp Khu Kinh tế Hải Phòng**<br>Mã trường: TCD0302<br>Trường TC Khu kinh tế Hải Phòng<br>Địa chỉ: Số 01 Bạch Đằng, Thị trấn Núi Đèo, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng<br>Điện thoại: 02253874168<br>Fax: 02253874168<br>Website: www.heza.edu.vn<br>Email: truongtcnthuynguyen@gmail.com | | | | |
| | Điện công nghiệp | 60 | 70 | Xét tuyển | Liên tục |
| | Hàn | 30 | 35 | | |
| | Kỹ thuật chế biến món ăn | 30 | 35 | | |
| | May thời trang | 30 | 105 | | |
| | Kế toán doanh nghiệp | 30 | 35 | | |
| | Điện tử dân dụng | | 35 | | |
| | Tin học văn phòng | | 35 | | |
| | Điện dân dụng | | 35 | | |
| | Nhân giống và trồng khoai tây | | 35 | | |
| | Trồng bầu, bí, dưa chuột | | 35 | | |
| | Trồng rau hữu cơ | | 35 | | |
| | Tạo dáng và chăm sóc cây cảnh | | 35 | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|
| | | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| | Chăn nuôi gà, lợn hữu cơ | | 70 | Xét tuyển | Liên tục |
| | Nuôi và phòng trị bệnh cho gà | | 35 | | |
| | Nuôi và phòng trị bệnh cho lợn | | 35 | | |
| | Sửa chữa bơm điện | | 35 | | |
| 74 | **Trường Trung cấp Xây dựng**<br>Mã trường: TCD0303<br>Địa chỉ: Số 165 Hoàng Quốc Việt, phường Ngọc Sơn, quận Kiến An, thành phố Hải Phòng<br>Điện thoại: 02253877354<br>Fax: 02253878021 | | | | |
| | Kỹ thuật xây dựng | 100 | 70 | Xét tuyển | Liên tục trong năm |
| | Cốt thép - Hàn | 70 | 40 | | |
| | Cấp, thoát nước | 70 | 70 | | |
| | Cốp pha - Giàn giáo | 40 | 40 | | |
| | Điện công nghiệp | 60 | 40 | | |
| | Điện dân dụng | 60 | 60 | | |
| | Hàn | 70 | 40 | | |
| | Quản lý điện nông thôn | | 40 | | |
| | Vận hành và sửa chữa trạm bơm điện | | 70 | | |
| | Vận hành máy xây dựng | | 40 | | |
| | Gia công và lắp dựng kết cấu thép | | 40 | | |
| | Vi tính văn phòng | | 70 | | |
| 75 | **Trường Trung cấp Nông nghiệp Thủy sản**<br>Mã trường: TCD0304<br>Địa chỉ: Số 10A/319 Đà Nẵng, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng<br>Điện thoại: 02253751409<br>Fax:02253751643<br>Email: phongdaotao.tts@gmail.com | | | | |
| | Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí | 30 | 35 | Xét tuyển | Cả năm |
| | Điện công nghiệp | 20 | | | |
| | Điện dân dụng | 20 | | | |
| | Vận hành và sửa chữa trạm bơm điện | 20 | 35 | | |
| | Quản lý khai thác công trình thủy lợi | 20 | | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|
| | | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| | Hàn | 20 | 35 | Xét tuyển | Cả năm |
| | Vận hành máy nông nghiệp | 30 | 35 | | |
| | Nuôi trồng thủy sản nước ngọt | 20 | | | |
| | Nuôi trồng thủy sản nước mặn, lợ | 30 | | | |
| | Khai thác, đánh bắt hải sản | 30 | | | |
| | Chế biến và bảo quản thủy sản | 30 | | | |
| | Chế biến thực phẩm | 20 | | | |
| | Thú y | 50 | | | |
| | Chăn nuôi gia súc, gia cầm | 30 | | | |
| | Kế toán doanh nghiệp | 30 | | | |
| | Sửa chữa máy nông nghiệp | | 35 | | |
| | Vận hành, bảo trì máy tàu cá | | 35 | | |
| | Quản lý công trình thủy nông | | 35 | | |
| | Sơ chế và bảo quản thủy sản | | 35 | | |
| | Sử dụng thuốc thú y trong chăn nuôi | | 105 | | |
| | Thú y trang trại gia cầm | | 35 | | |
| | Chế biến sản phẩm từ thịt gia súc | | 35 | | |
| | Chế biến nước mắm | | 35 | | |
| | Thú y trang trại lợn | | 35 | | |
| | Nuôi cá nước ngọt trong ao | | 35 | | |
| | Nuôi cá lồng bè nước ngọt | | 70 | | |
| | Nuôi tôm càng xanh | | 35 | | |
| | Chẩn đoán nhanh bệnh động vật thủy sản | | 35 | | |
| | Nuôi tôm sú | | 35 | | |
| | Nuôi tôm thẻ chân trắng | | 35 | | |
| | Sản xuất giống và nuôi ngao | | 35 | | |
| | Nuôi cá biển trong ao nước lợ | | 35 | | |
| | Thủy thủ tàu cá (áp dụng đối với tàu cá hạng nhỏ có tổng công suất máy chính của tàu từ 20 đến dưới 90 sức ngựa) | | 35 | | |
| | Vận hành tàu vỏ thép, tàu vỏ vật liệu mới | | 90 | | |
| | Kỹ thuật khai thác, bảo quản sản phẩm công nghệ mới đối với tàu có tổng công suất máy chính từ 400CV trở lên. | | 120 | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|
| | | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| 76 | **Trường Trung cấp Giao thông Vận tải Hải Phòng**<br>Mã trường: TCD0305<br>Địa chỉ: Số 514 Trần Nhân Tông, quận Kiến An, thành phố Hải Phòng<br>Điện thoại: 02253876437<br>Fax: 02253777732<br>Website: www. truonggtvthp.edu.vn<br>Email: gtvthp@gmail.com | | | | |
| | Công nghệ ô tô | 120 | | Xét tuyển (Theo học bạ) | 01/01/2018 |
| | Hàn | 120 | | | |
| | Điện công nghiệp | 40 | | | |
| | Điện dân dụng | 60 | | | |
| | Xử lý dữ liệu | 70 | | | |
| | Sửa chữa động cơ ô tô | | 50 | Xét tuyển | |
| | Sửa chữa gầm ô tô | | 50 | | |
| | Sửa chữa điện ô tô | | 50 | | |
| | Sửa chữa điện và điện lạnh ô tô | | 50 | | |
| | Hàn 5G | | 50 | | |
| | Hàn 3G | | 50 | | |
| | Lái xe ô tô hạng B | | 1.920 | | |
| | Lái xe ô tô hạng C | | 672 | | |
| 77 | **Trường Trung cấp Du lịch Thăng Long**<br>Mã trường: TCD0306<br>Địa chỉ: Số 8A Lán Bè, phường Lam Sơn, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng<br>Điện thoại: 02252222352 | | | | |
| | Điện dân dụng | 25 | 70 | Xét tuyển | Cả năm 2018 |
| | Kỹ thuật chế biến món ăn | 70 | 300 | | |
| | Nghiệp vụ nhà hàng | 35 | 70 | | |
| | Điện công nghiệp | 25 | | | |
| | Kế toán doanh nghiệp | 25 | | | |
| | Hàn điện | | 105 | | |
| | Vận hành xe nâng hàng | | 35 | | |
| | Sửa chữa xe gắn máy | | 70 | | |
| 78 | **Trường Trung cấp Kinh tế Kỹ thuật và Công nghệ Hải Phòng**<br>Mã trường: TCD0307<br>Địa chỉ: Số 2/258 Đà Nẵng, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng<br>Điện thoại: 02253568595<br>Email: kinhte-kythuat@haiphong.edu.vn | | | | |
| | Kế toán doanh nghiệp | 40 | | Xét tuyển học bạ | Cả năm |
| | Quản lý doanh nghiệp | 40 | | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|
| | | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| | Bảo trì và sửa chữa thiết bị nhiệt | 20 | | Xét tuyển học bạ | Cả năm |
| | Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử | 40 | | | |
| | Công nghệ kỹ thuật điều khiển tự động | 40 | | | |
| | Tin học ứng dụng | 80 | | | |
| | Công nghệ ô tô | 20 | | | |
| | Hàn | 20 | | | |
| | May thời trang | 40 | 50 | | |
| | Kỹ thuật chế biến món ăn | 60 | 50 | | |
| | Điện dân dụng | | 50 | | |
| | Sửa chữa quạt, động cơ điện và ổn áp | | 50 | | |
| | Sửa chữa xe gắn máy | | 50 | | |
| | Tin học văn phòng | | 50 | | |
| 79 | **Trường Trung cấp Nghiệp vụ và Công nghệ Hải Phòng**<br>Mã trường: TCD0308<br>Địa chỉ: Số 15 Khúc Thừa Dụ, phường Vĩnh Niệm, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng.<br>Điện thoại: 02253851365<br>Email: nghiepvu-congnghe@haiphong.edu.vn | | | | |
| | Kỹ thuật chế biến món ăn | | 150 | Xét tuyển | Cả năm |
| | Nghiệp vụ khách sạn | | 75 | | |
| 80 | **Trường Trung cấp Chuyên nghiệp Hải Phòng**<br>Mã trường: TCD0309<br>Địa chỉ: Số 39 Lương Khánh Thiện, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng<br>Điện thoại: 02253757668<br>Fax: 0225757669<br>Website: www.hpg.edu.vn<br>Email: nguyenthanhngoc2011@gmail.com | | | | |
| | Kế toán Doanh nghiệp | 70 | | Xét tuyển học bạ | Từ 01/01/2018 đến hết 30/11/2018 |
| | Quản lý Doanh nghiệp | 45 | | | |
| | Bảo trì & sửa chữa ôtô | 45 | | | |
| | Hướng dẫn du lịch | 35 | | | |
| | Hàn | 20 | | | |
| | Quản trị cơ sở dữ liệu | 20 | | | |
| | Quản trị mạng máy tính | 20 | | | |
| | Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính | 20 | | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|
| | | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| 81 | **Trường Trung cấp Bách khoa Hải Phòng**<br>Mã trường: TCD0310<br>Địa chỉ: số 138 Hai Bà Trưng, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng<br>Điện thoại: 02253840114<br>Fax:02253843332<br>Website: bachkhoahp.com.vn<br>Email: homicoedu@gmail.com | | | | |
| | Kế toán doanh nghiệp | 100 | | Xét tuyển môn Toán, Văn (theo học bạ) | Cả năm 2018 |
| | Tài chính - Ngân hàng | 50 | | | |
| | Quản trị mạng máy tính | 50 | | | |
| | **HƯNG YÊN** | | | | |
| 82 | **Trường Trung cấp Nghề GTVT Hưng Yên**<br>Mã trường: TCD2202<br>Địa chỉ: Số 02 Nguyễn Văn Linh, phường An Tảo, Tp Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên<br>Điện thoại: 02213.526.555 Fax: 02213.556.265<br>Website: Tcngtvthungyen.edu.vn<br>Email: ungthanhgtvt@gmail.com | | | | |
| | Vận hành máy thi công nền | 15 | | Xét tuyển | 2018 |
| | Xây dựng cầu đường bộ | 15 | | | |
| | Công nghệ ô tô | Đang đào tạo | | | |
| | Lái xe ô tô các hạng: B1, B2, C, D, E | | 3.680 | Xét tuyển | 2018 |
| 83 | **Trường Trung cấp Nghề Á Châu**<br>Mã trường: TCD2204<br>Địa chỉ: Xã Tân Quang - huyện Văn Lâm - tỉnh Hưng Yên<br>Điện thoại: 02213791665<br>Email: trungcapachau@gmail.com | | | | |
| | Lái xe ô tô các hạng | | 6500 | | |
| | Quản trị doanh nghiệp vừa và nhỏ | 70 | | Xét tuyển | 01/03/2018 |
| 84 | **Trường Trung cấp Nghề Châu Hưng**<br>Mã trường: TCD2205<br>Địa chỉ: Trưng Trắc - Văn Lâm - Hưng Yên<br>Điện thoại: 02213997151<br>Website:<br>Email: truongtcnchauhung@yahoo.com.vn | | | | |
| | Công nghệ ôtô | x | X | Xét tuyển | |
| | Điện Công nghiệp | x | X | | |
| | Hàn | x | X | | |
| | May | | X | | |
| | Lái xe ôtô, lái xe môtô | | X | | |
| | Ngoại ngữ | | X | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|
| | | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| 85 | **Trường Trung cấp Văn hóa Nghệ thuật và Du lịch Hưng Yên**<br>Mã trường: TCD2203<br>Địa chỉ: Đường Nguyễn Văn Linh, phường An Tảo, thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên<br>Điện thoại: 0221.3519.589<br>Website: http://vhntdlhy.edu.vn/<br>Email: 2204@moet.edu.vn | | | | |
| | Thanh nhạc | 20 | 30 | Xét tuyển + Thi năng khiếu | Bắt đầu từ 3/2018 |
| | Đàn Organ | 10 | 30 | | |
| | Nghệ thuật biểu diễn chèo | 30 | | | |
| | Hội họa | 10 | 50 | | |
| | Quản lý văn hóa | 30 | | Xét tuyển | |
| | Thiết kế thời trang | 30 | | | |
| | Thiết kế đồ họa | 30 | | | |
| | Hướng dẫn du lịch | 30 | 100 | | |
| | Lễ tân | 30 | 50 | | |
| | Nghiệp vụ nhà hàng | 30 | | | |
| 86 | **Trường Trung cấp Tổng hợp Đông Đô**<br>Mã trường: TCD2207<br>Địa chỉ: Thôn khuyến Thiện, xã Lương Tài, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên<br>Điện thoại: 02213.998.060<br>Website:: http://dongdohy.edu.vn<br>Email:tcluongtai@gmail.com | | | | |
| | Luật | 350 | | Xét học bạ,xét bảng điểm + bằng tốt nghiệp TC,CĐ,ĐH đối với hệ 1 năm | Tuyển sinh liên tục |
| | Hành chính văn thư | 250 | 250 | | |
| | Kế toán | 150 | 80 | | |
| | Tin học ứng dụng | 100 | 250 | | |
| | Tài chính ngân hang | 50 | | Xét học bạ | |
| 87 | **Trường Trung cấp Nghề Việt Thanh**<br>Mã trường:TCD2206<br>Địa chỉ: xã Vĩnh Khúc - Huyện Văn Giang - Tỉnh Hưng Yên<br>Điện thoại: 03213997478<br>Website:.....<br>Email:..... | | | | |
| | Công nghệ ô tô | 50 | | Xét tuyển | |
| | Đào tạo lái xe ô tô | | 1400 | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|
| | | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| **THÁI BÌNH** | | | | | |
| 88 | **Trường Trung cấp Nông nghiệp Thái Bình**<br>Mã trường: TCD2602<br>Địa chỉ: Số 362 đường Nguyễn Du, thị trấn Quỳnh Côi, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình<br>Điện thoại: 0227.3863.223 - 0227.3693.568<br>Website: www.tcnnthaibinh.edu.vn<br>Email: Phongdaotaotnntb@gmail.com | | | | |
| | Chăn nuôi - Thú y | 200 | | Xét tuyển theo bằng phổ thông | Từ tháng 1 đến tháng 12 |
| | Trồng trọt và bảo vệ thực vật | 200 | | | |
| | Quản lý đất đai | 30 | | | |
| | Kế toán doanh nghiệp | 70 | | | |
| 89 | **Trường Trung cấp Xây dựng Thái Bình**<br>Mã trường: TCD2601<br>Địa chỉ: thôn Thượng Cầm, xã Vũ Lạc, thành phố Thái Bình<br>Điện thoại: 02273545349<br>Website:<br>Email: bgh.tcxdtb@gmail.com | | | | |
| | Kỹ thuật xây dựng | 35 | 100 | Xét tuyển | tháng 8 |
| | Kế toán xây dựng | 50 | 100 | | |
| | Cốt thép - Hàn | 50 | 100 | | |
| | Hàn | 50 | 100 | | |
| | Điện - Nước | 50 | 100 | | |
| | Điện dân dụng | 50 | 100 | | |
| | Cấp thoát nước | 50 | 100 | | |
| | Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp | 50 | 100 | | |
| 90 | **Trường Trung cấp Nghề cho người khuyết tật Thái Bình**<br>Mã trường:<br>Địa chỉ: Xã Đông Hòa, Thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình<br>Điện thoại: 02273 748 437<br>Website: http://nkt.edu.vn Email: truongtcncnkttb@gmail.com | | | | |
| | Điện công nghiệp | 45 | 20 | Xét tuyển | 01/01/2018 - 31/12/2018 |
| | Điện tử công nghiệp | 45 | 20 | | |
| | Tin học văn phòng | 35 | 20 | | |
| | Quản trị cơ sở dữ liệu | 40 | 20 | | |
| | Kế toán doanh nghiệp | 40 | 15 | | |
| | May thời trang | 40 | 15 | | |
| | Thiết kế thời trang | 40 | 15 | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|
| | | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| | Hàn | 40 | 20 | Xét tuyển | 01/01/2018 - 31/12/2018 |
| | Cắt gọt kim loại | 20 | 10 | | |
| | Kỹ thuật điêu khắc gỗ | 25 | 15 | | |
| 91 | **Trường Trung cấp Nghề Thủ công Mỹ nghệ Kiến Xương**<br>Mã trường: TCD 2608<br>Địa chỉ: Khu đô thị Tân Tiến -Thị trấn Thanh Nê - Kiến Xương - Thái Bình<br>Điện thoại: 0363514514<br>Email: trungcapthucongmynghekienxuong@gmail.com | | | | |
| | Điện công nghiệp | 50 | | Xét tuyển | Tháng 5,6,7 |
| | Điện dân dụng | 50 | | | |
| | May thời trang | 50 | | | |
| | Hàn | 50 | | | |
| | May công nghiệp | | 50 | | Từ tháng 3 đến tháng 9 |
| | Tin học văn phòng | | 50 | | |
| | **HÀ NAM** | | | | |
| 92 | **Trường Trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật Hà Nam**<br>Mã trường: TCT2401<br>Địa chỉ: Đ. Trần Nhật Duật - P. Lê Hồng Phong - TP. Phủ Lý - T. Hà Nam<br>Điện thoại: 0226 3855443<br>Website:<br>Email: buihonghaitcn@gmail.com | | | | |
| | Điện dân dụng | 100 | | Xét tuyển | Từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/12/2018 |
| | Điện công nghiệp | 100 | | | |
| | Công nghệ thông tin | 50 | | | |
| | Công nghệ ô tô | 50 | | | |
| | Sửa chữa gầm ô tô | 50 | | | |
| | May Công nghiệp | | 50 | | |
| | Sửa chữa quạt điện, động cơ và ổn áp | | 50 | | |
| | Sửa chữa trang thiết bị nhiệt gia dụng | | 50 | | |
| | Vi tính văn phòng | | 50 | | |
| | Lái xe ô tô | | 720 | | |
| 93 | **Trường Trung cấp Nghề Công nghệ Hà Nam**<br>Mã trường:TCD2404<br>Địa chỉ: Non - Thanh Lưu - Thanh Liêm - Hà Nam<br>Điện thoại:0226.760.999/0226.760.978<br>Website:www.tncongnghehanam.edu.vn<br>Email:tncnhanam@gmail.com | | | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|
| | | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| | Cơ điện tử | 100 | | Xét tuyển học bạ THCS, THPT | Cả năm |
| | Kỹ Thuật máy lạnh và điều hòa không khí | 35 | | | |
| | Hàn | 18 | | | |
| | May công nghiệp | | 150 | Xét tuyển | |
| | Điện dân dụng | | 25 | | |
| | Hàn điện | | 25 | | |
| | Thêu ren | | 150 | | |
| | Vi tính văn phòng | | 50 | | |
| 94 | **Trường Trung cấp Nghề Giao thông và Xây dựng Việt Úc**<br>Mã trường: TCD2403<br>Địa chỉ: Thôn Mạc - Xã Tiên Tân - tp. Phủ Lý - Tỉnh Hà Nam<br>Điện thoại: 0226.3885.882<br>Website: http://truongnghevietuc.com/<br>Email: trvietuc@gmail.com. | | | | |
| | Lái xe ô tô hạng B2 | | X | Xét tuyển | Liên tục |
| | Lái xe ô tô hạng B1 | | X | | |
| | Lái xe ô tô hạng B1(số tự động) | | X | | |
| | Lái xe ô tô hạng C | | X | | |
| | Lái xe ô tô hạng D | | | | |
| | Lái xe ô tô hạng E | | | | |
| | Lái xe mô tô hạng A1 | | | | |
| | Vận hành máy thi công nền | X | | | |
| | Vận hành máy thi công mặt đường | X | | | |
| | **NAM ĐỊNH** | | | | |
| 95 | **Trường Trung cấp GTVT Nam Định**<br>Mã trường:TCD 2506<br>Địa chỉ: Quốc Lộ 10 xã Lộc An TP Nam Định<br>Website: truonggtvt.namdinh.gov.vn<br>Điện thoại: 0228.3843678<br>Email: | | | | |
| | Công nghệ ô tô | 150 | | Xét tuyển | Liên tục trong năm |
| | Vận hành máy thi công nền | 100 | 100 | | |
| | Hàn | 100 | 100 | | |
| | Điện công nghiệp | 100 | | | |
| | Điện dân dụng | 100 | 100 | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|
| | | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| | Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí | 100 | | Xét tuyển | Liên tục trong năm |
| | Vận hành xe nâng hàng | | 150 | | |
| | Lái xe ô tô các hạng | | 2.500 | | |
| 96 | **Trường Trung cấp Nghề số 8**<br>Mã trường: TCT2503<br>Địa chỉ: - Cơ sở I: Xã Nam Phong - TP. Nam Định<br>- Cơ sở II: 121 - Lê Hồng Phong - TP. Nam Định<br>Điện thoại:02283.644.318<br>Website:.....<br>Email: trungcapngheso8nd@gmail.com | | | | |
| | Công nghệ Đúc kim loại | 15 | | Xét tuyển | Cả năm |
| | Điện Công nghiệp | 50 | | | |
| | Hàn | 15 | | | |
| | Kế toán doanh nghiệp | 10 | | | |
| | Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính | 15 | | | |
| | May thời trang | 85 | 100 | | |
| | Mộc mỹ nghệ | 15 | | | |
| | Rèn dập | 15 | | | |
| 97 | **Trường Trung cấp Nghề Thủ công Mỹ nghệ truyền thống Nam Định**<br>Mã trường: TCĐ2505<br>Địa chỉ: Khu công nghiệp làng nghề Nam Thị trấn Lâm - Huyện Ý Yên - Tỉnh Nam Định<br>Điện thoại: 02283.950.352<br>Email: trungcapngheyyen@gmail.com | | | | |
| | Kỹ thuật điêu khắc gỗ | 25 | 35 | Xét tuyển | Cả năm |
| | Gia công thiết kế sản phẩm mộc | 25 | | | |
| | Công nghệ đúc kim loại | 25 | | | |
| | Đúc, dát đồng mỹ nghệ | 25 | | | |
| | May thời trang | 150 | | | |
| | Điện công nghiệp | 50 | | | |
| | Công nghệ ô tô | 20 | | | |
| | Kế toán doanh nghiệp | 20 | | | |
| | Mộc dân dụng | | 70 | | |
| | Đúc kim loại | | 35 | | |
| | May công nghiệp | | 120 | | |
| | Điện dân dụng | | 30 | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|
| | | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| | Kỹ thuật máy nông nghiệp | | 30 | | |
| | Hàn | | 30 | | |
| | Mây tre đan, cói, bẹ chuối, bèo tây | | 90 | | |
| | Tin học văn phòng | | 30 | | |
| | Thêu ren | | 90 | | |
| 98 | **Trường Trung cấp Nghề Thương mại - Du lịch - Dịch vụ Nam Định**<br>Mã trường: TCĐ 2508<br>Địa chỉ: 940 Vũ Hữu Lợi-TP Nam Định Điện thoại: 02283852557<br>Website: tmdldv.edu.vn Email: tcntmdldv@gmail.com | | | | |
| | Nghiệp vụ lễ tân | 90 | 50 | Xét tuyển | T1 đến T12 |
| | Nghiệp vụ nhà hàng | 20 | 50 | | |
| | May thời trang | 40 | 150 | | |
| | Kỹ thuật chế biến món ăn | 100 | 150 | | |
| | Hướng dẫn du lịch | 25 | | | |
| | Quản trị khách sạn | 20 | | | |
| 99 | **Trường Trung cấp Kinh tế Kỹ thuật Nông nghiệp Nam Định**<br>Mã trường: TCD2507<br>Địa chỉ: Xã Nam Phong - TP Nam Định Điện thoại: 02283.858208<br>Website: www.trungcapktktnongnghiepnamdinh.edu.vn<br>Email: trungcapnongnghiepnamdinh@gmail.com | | | | |
| | Kế toán doanh nghiệp | 30 | | Xét tuyển | Liên tục trong năm |
| | Kế toán hành chính sự nghiệp | 30 | | | |
| | Kế toán hợp tác xã | 30 | | | |
| | Công nghệ kỹ thuật trắc địa | 30 | | | |
| | Trồng trọt và bảo vệ thực vật | 30 | | | |
| | Chăn nuôi - Thú y | 30 | | | |
| | Quản lý và kinh doanh nông nghiệp | 30 | | | |
| | Nuôi trồng thủy sản | 30 | | | |
| | Quản lý đất đai | 30 | | | |
| | Quản lý tài nguyên và môi trường | 30 | | | |
| | Nuôi cá nước ngọt, ba ba, ếch | | 30 | | |
| | Nuôi cá nước lợ | | 30 | | |
| | Nuôi tôm, ghẹ, cua biển, ngao | | 30 | | |
| | Chăn nuôi lợn nái, lợn thịt | | 60 | | |
| | Chăn nuôi gà, vịt, ngan, ngỗng | | 30 | | |
| | Thú y | | 30 | | |
| | Trồng hoa, cây cảnh | | 30 | | |
| | Bảo vệ thực vật | | 30 | | |
| | Trồng cây lương thực, thực phẩm | | 30 | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|
| | | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| 100 | **Trường Trung cấp Cơ điện Nam Định**<br>Mã trường: TCD2502<br>Địa chỉ: 393A Trần Huy Liệu-P. Trường Thi-TP. Nam Định<br>Điện thoại: 02283849619Fax:<br>Website:truongtrungcapcodiennd.edu.vn<br>Email: truongcodiennamdinh@yahoo.com | | | | |
| | Điện công nghiệp | 90 | 50 | - Xét học bạ và bằng (hoặc giấy chứng nhận) tốt nghiệp THCS, THPT đối với học sịnh theo học Trung cấp;<br>- Xét tuyển hồ sơ và độ tuổi theo quy định đối với học sinh học sơ cấp. | Từ 2/1/2018 đến 31/12/2018 |
| | Điện tử công nghiệp | 30 | 30 | | |
| | Công nghệ ô tô | 80 | 30 | | |
| | Hàn kim loại | 40 | 50 | | |
| | Cắt gọt kim loại | 40 | 30 | | |
| | May thời trang | 40 | 40 | | |
| | Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính | 30 | 20 | | |
| | Quản trị mạng máy tính | 30 | 20 | | |
| | Kỹ thuật máy lạnh và điều hoà không khí | 40 | | | |
| | Điện dân dụng | | 30 | | |
| | Kỹ thuật sửa chữa xe đạp điện | | 40 | | |
| | Điện tử dân dụng | | 30 | | |
| | Sửa chữa lắp ráp xe máy | | 50 | | |
| | Vận hành, sửa chữa trạm bơm | | 40 | | |
| | Kỹ thuật lò hơi | | 30 | | |
| | Vận hành sửa chữa thiết bị lạnh | | 40 | | |
| | Sửa chữa bảo dưỡng điện- Điện tử ô tô | | 50 | | |
| | Nguội sửa chữa máy công cụ | | 20 | | |
| 101 | **Trường Trung cấp Công nghệ và Truyền thông Nam Định**<br>Mã trường: TCD 2503<br>Địa chỉ: Lô 21 phố Đoàn Khuê, khu đô thị Thống Nhất- TP Nam Định - tỉnh Nam Định<br>Điện thoại: 02283.648823- 0228 3.645263<br>Website: cnttnd.edu.vnEmail: tc_ptth@namdinh.edu.vn | | | | |
| | May Thời Trang | 60 | 140 | Xét tuyển Học bạ THPT, THCS | Từ tháng 3/2018-11/2018 |
| | Kỹ thuật máy lạnh và Điều hòa không khí | 25 | 60 | | |
| | Báo chí | 20 | x | | |
| | Công nghệ Phát thanh - Truyền hình | 20 | x | | |
| | Điện công nghiệp và dân dụng | 20 | 60 | | |
| | Điện tử dân dụng | 20 | x | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|
| | | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| | Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử | 25 | x | Xét tuyển Học bạ THPT, THCS | Từ tháng 3/2018-11/2018 |
| | Công nghệ kỹ thuật điện tử - Viễn thông | 20 | x | | |
| | Kỹ thuật sửa chữa và lắp ráp máy tính | 20 | 70 | | |
| | Công nghệ kỹ thuật điều khiển tự động | 20 | x | | |
| | Dẫn chương trình (MC) | x | 35 | | |
| | Quay phim dựng phim | x | 35 | | |
| 102 | **Trường Trung cấp Nghề Kỹ thuật Công nghiệp Nam Định**<br>Mã trường: TCD2501<br>Địa chỉ: Xã Việt Hùng, huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định<br>Điện thoại: 02283.941.899<br>Website:<br>Email: tcnktnamdinh@gmail.com | | | | |
| | Hàn | 20 | | Xét tuyển theo học bạ | Từ tháng 01/2018 đến 31/12/2018 |
| | Cắt gọt kim loại | 20 | | | |
| | Công nghệ ô tô | 30 | | | |
| | Công nghệ chế tạo vỏ tàu thủy | 20 | | | |
| | Kế toán doanh nghiệp | 20 | | | |
| | Kỹ thuật điêu khắc gỗ | 20 | | | |
| | Điện công nghiệp | 150 | | | |
| | Điện tử dân dụng | 30 | | | |
| | May thời trang | 90 | | | |
| | May công nghiệp | | 300 | Xét tuyển theo đơn xin học nghề | |
| | Mộc dân dụng | | 70 | | |
| | Đan lát thủ công | | 130 | | |
| | **NINH BÌNH** | | | | |
| 103 | **Trường Trung cấp Nghề Quốc tế**<br>Mã trường: TCD2705<br>Địa chỉ trụ sở chính: Quốc lộ 1A, km 10 Ninh Bình - Hà Nội, xã Gia Trấn, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình.<br>Điện thoại: 0229 3868231 Fax: 0229 3833425.<br>Website: ivs.edu.vn<br>Email: | | | | |
| | Quản trị khách sạn | 200 | | Xét tuyển theo học bạ | Liên tục trong năm học |
| | Hướng dẫn du lịch | 100 | | | |
| | Kỹ thuật xây dựng | 30 | | | |
| | Phiên dịch tiếng Anh du lịch | 30 | | | |
| | Kỹ thuật chế biến món ăn | 60 | | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|
| | | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| 104 | **Trường Trung cấp Y - Dược Tôn Thất Tùng**<br>Mã trường: TCD2703<br>Địa chỉ: Số 81, ngõ 70, đường Phạm Thận Duật, phường Bích Đào, thành phố Ninh bình, tỉnh Ninh Bình.<br>Điện thoại:02293893367<br>Website: www.yduoctonthattung.edu.vn<br>Email: tonthattung.edu@gmail.com | | | | |
| | Y sỹ | 100 | | Xét tuyển | |
| | Dược sỹ | 200 | | | |
| | Điều dưỡng | 50 | | | |
| 105 | **Trường Trung cấp Nghề Nho Quan**<br>Mã trường: TCD2704<br>Địa chỉ: Phố Tân Nhất - Thị trấn Nho Quan - Huyện Nho Quan - Tỉnh Ninh Bình.<br>Điện thoại: 02293. 662.949<br>Website: tcnnhoquan.edu.vn<br>Email: tcnnhoquan@gmail.com | | | | |
| | May thời trang | 150 | | Xét tuyển | Từ tháng 6/2018 ÷ 10/2018 |
| | Điện công nghiệp | 100 | | | |
| | Hướng dẫn du lịch | 100 | | | |
| | Kế toán doanh nghiệp | 75 | | | |
| | May công nghiệp | | 120 | | Tuyển sinh liên tục trong năm |
| | Lắp đặt điện cho cơ sở sản xuất nhỏ | | 50 | | |
| | Sửa chữa, bảo trì tủ lạnh và điều hòa nhiệt độ | | 50 | | |
| | Kỹ thuật chế biến món ăn | | 50 | | |
| | Sửa chữa máy nông nghiệp | | 50 | | |
| | Vi tính văn phòng | | 50 | | |
| | Vận hành máy gặt đập liên hợp | | 50 | | |
| 106 | **Trường Trung cấp Kỹ thuật - Du lịch Công đoàn Ninh Bình**<br>Mã trường: TCD2707<br>Địa chỉ: Đường Triệu Việt Vương - phường Bích Đào - Thành phố Ninh Bình<br>Điện thoại: 02293.899.656, 0229.510.868<br>Website: www.tccdnb.edu.vn<br>Email: Daotaocdnb@gmail.com | | | | |
| | Điện dân dụng | 200 | 200 | Xét tuyển điểm học bạ tốt nghiệp THCS, THPT | Liên tục trong năm |
| | Hướng dẫn du lịch | 100 | 200 | | |
| | Công nghệ thông tin | 150 | 200 | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|
| | | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| 107 | **Trường Trung cấp Công nghệ và Y tế PASTEUR**<br>Mã trường: TCD2701<br>Địa chỉ: Phố Thiên Sơn - Thị trấn Thiên Tôn - huyện Hoa Lư - tỉnh Ninh Bình<br>Điện thoại: 02293.626.979 - 0984.845.731<br>Email: ninhntt@pasteur.edu.vn<br>Cơ sở Hà Nội: Số 41 - Vũ Thạnh - Đống Đa - Hà Nội<br>Điện thoại: 0973.229.968<br>Website: www.ytp.edu.vn<br>Email: ytp@ytb.edu.vn | | | | |
| | Điều dưỡng | 100 | 90 | - Tất cả các ngành xét tuyển học bạ lớp 12 (đối với học sinh tốt nghiệp THPT và trượt tốt nghiệp THPT) hoặc học bạ lớp 9 (dành cho học sinh tốt nghiệp THCS).<br>- Hoặc xét tuyển kết quả điểm thi tuyển sinh đại học, cao đẳng năm 2018 cho tất cả các khối. | - Nhận hồ sơ đến hết ngày 30/12/2018.<br>- Thời gian xét tuyển được chia ra làm nhiều đợt. |
| | Kế toán | 50 | | | |
| 108 | **Trường Trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật và tại chức Ninh Bình**<br>Mã trường: 2702<br>Địa chỉ: Phường Bích Đào - TP Ninh Bình - Tỉnh Ninh Bình<br>Điện thoại: 02293.871.028<br>Website: ninhbinh.edu.vn<br>Email: thkt@ninhbinh.edu.vn | | | | |
| | Kế toán doanh nghiệp | 100 | 0 | Xét tuyển | Liên tục trong năm |
| | Chăn nuôi -Thú y | 100 | 0 | | |
| | Trồng trọt -Bảo vệ thực vật | 50 | 0 | | |
| | Tin học văn phòng | 35 | 0 | | |
| | **QUẢNG NINH** | | | | |
| 109 | **Trường Trung cấp Nghề Công nghệ Hạ Long**<br>Mã trường: TCĐ17103<br>Địa chỉ: Ngõ 13 - Phường cao thắng - Hạ Long - Quảng Ninh<br>Điện thoại: 0203.3617150 Fax: 0203.3818718<br>Website:<br>Email: www.congnghehl@yahoo.com | | | | |
| | Kế toán doanh nghiệp | 30 | | Xét tuyển | Hàng tháng |
| | Tin học văn phòng | | 100 | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|
| | | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| | Lái xe ô tô hạng B1, B2 | | 1045 | Xét tuyển | Hàng tháng |
| | Lái xe ô tô hạng C | | 455 | | |
| **BẮC GIANG** | | | | | |
| 110 | **Trường Trung cấp Văn hóa, Thể thao và Du lịch Bắc Giang**<br>Mã trường: TCD1803<br>Địa chỉ: Quán Thành - Xương Giang - Thành phố. Bắc Giang - Tỉnh Bắc Giang<br>Điện thoại: (0204) 3522.431<br>Website: vhntbacgiang.edu.vn<br>Email: truongtcvhttdl_vt@bacgiang.gov.vn | | | | |
| | Thanh nhạc | 15 | | Thi tuyển + Xét tuyển | - Đợt 1: ngày 16,17/6/2018<br>- Đợt 2: ngày 18,19/8/2018<br>- Đợt 3: ngày 24,25/11/2018 |
| | Nghệ thuật biểu diễn Dân ca Quan họ | 10 | | | |
| | Biểu diễn nhạc cụ truyền thống (Bầu, Sáo, Nhị, Nguyệt, Tam thập lục,... | 5 | | | |
| | Organ | 10 | | | |
| | Nghệ thuật biểu diễn múa dân gian dân tộc | 10 | | | |
| | Hội họa | 10 | | | |
| | Nghệ thuật biểu diễn Chèo | 15 | | | |
| | Nhạc công kịch hát dân tộc | 5 | | | |
| | Hướng dẫn du lịch | 15 | | Xét tuyển | |
| | Thể dục thể thao | 25 | | | |
| | Văn thư-Lưu trữ | 10 | | | |
| | Quản lý Thể dục thể thao | 10 | | | |
| 111 | **Trường Trung cấp Y tế Bắc Giang**<br>Mã trường: TCD1805<br>Địa chỉ: Số 147 đường Thánh Thiên, phường Lê Lợi, TP. Bắc Giang<br>Điện thoại: 02043 854 542<br>Website: Http://tcytbacgiang.edu.vn<br>Email: Truongtrungcapyte@bacgiang.gov.vn | | | | |
| | Điều dưỡng | 100 | | Xét tuyển theo học bạ | 02/01-31/12/2018 |
| | Y sỹ (đa khoa) | 100 | | | |
| | Y sỹ Y học cổ truyền | 30 | | | |
| | Dược sỹ trung cấp | 120 | | | |
| 112 | **Trường Trung cấp Y - Dược Bắc Giang**<br>Mã trường: TCD1806<br>Địa chỉ: 202 Trần Nguyên Hãn - TP Bắc Giang - Bắc Giang<br>Điện thoại: 0204.3.825529<br>Website: yduocbacgiang.edu.vn<br>Email: yduocbacgiang@gmail.com | | | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|
| | | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| | Y sỹ | 100 | | Xét tuyển học bạ | Nhiều đợt trong năm |
| | Y sỹ y học cổ truyền | 100 | | | |
| | Dược sỹ trung cấp | 220 | | | |
| | Điều dưỡng | 50 | | | |
| | Kỹ thuật phục hình răng | 50 | | | |
| | Kỹ thuật xét nghiệm y tế | 50 | | | |
| 113 | **Trường Trung cấp ASEAN**<br>Mã trường: TCD 1805<br>Địa chỉ: Số 50, đường Chu Danh Tể, phường Xương Giang, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang<br>Điện thoại: 0906151050 - 02043.663.663<br>Website: www.au.edu.vn<br>Email: info@au.edu.vn | | | | |
| | Kế toán doanh nghiệp | 30 | | Xét tuyển theo học bạ | Từ 01/01 đến 31/12/2018 |
| | Thư ký văn phòng | 30 | | | |
| | Chăn nuôi-Thú y | 30 | 120 | | |
| | Nghiệp vụ lễ tân | 30 | 100 | | |
| | Nghiệp vụ nhà hàng, khách sạn | 30 | | | |
| | Hướng dẫn du lịch | 30 | | | |
| | Kỹ thuật chế biến món ăn | 30 | 100 | | |
| | Nghiệp vụ bàn | | 100 | | |
| | Quản lý và sử dụng thuốc bảo vệ thực vật | | 120 | | |
| | Trồng trọt | | 120 | | |
| 114 | **Trường Trung cấp Nghề miền núi Yên Thế**<br>Mã trường: TCD1804<br>Địa chỉ: Số 114, Phố Hoàng Hóa Thám, thị trấn Cầu Gồ, huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang.<br>Điện thoại: 02403.876.780<br>Website: truongtrungcapmnyt.edu.vn<br>Email: tdnmnyt_sldtbxh@bacgiang.gov.vn | | | | |
| | Điện tử công nghiệp | 125 | 60 | Xét tuyển | Cả năm |
| | Hàn | 25 | | | |
| | Công nghệ ô tô | 50 | | | |
| | May thời trang | 150 | | | |
| | May công nghiệp | | 30 | | |
| 115 | **Trường Trung cấp Nghề Thủ công Mỹ nghệ 19-5**<br>Mã trường: 077<br>Địa chỉ: km số 6 - Bãi Bò - Tân Mỹ - TP Bắc Giang - Bắc Giang<br>Điện thoại: 02043553039<br>Website:<br>Email: tcmn195@gmail.com | | | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|
| | | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| | Điện công nghiệp | 30 | 0 | Xét tuyển học bạ | Từ 15/4/2018 đến 30/9/2018 |
| | Hàn | 30 | 0 | | |
| | Điện tử công nghiệp | 30 | 0 | | |
| | Vận hành sửa chữa thiết bị lạnh | 30 | 0 | | |
| | Điện dân dụng | 0 | 30 | Xét tuyển | Từ 15/01/2018 đến 30/9/2018 |
| | Chăn nuôi thú y | 0 | 30 | | |
| | Hàn | 0 | 30 | | |
| 116 | **Trường Trung cấp Nghề số 12/BQP**<br>Mã trường: TCT 1801<br>Địa chỉ: Thị trấn Vôi, Lạng Giang, Bắc Giang<br>Điện thoại: 02043 638 478; Fax: 02043.638.474;<br>Website: Truong12boquocphong.edu.vn;<br>Email:truongtcn12bqp@gmail.com | | | | |
| | Điện dân dụng | | 140 | Xét tuyển (theo học bạ) | Từ tháng 01đến tháng 10/2018 |
| | Cơ khí (Gò - hàn) | | 140 | | |
| | Lái xe hạng B, C, nâng hạng E | | 1.952 | Xét tuyển theo quy định của BGTVT | Cả năm |
| **BẮC TRUNG BỘ VÀ DUYÊN HẢI MIỀN TRUNG** | | | | | |
| **THANH HÓA** | | | | | |
| 117 | **Trường Trung cấp Nghề thanh, thiếu niên khuyết tật, đặc biệt khó khăn Thanh Hóa**<br>Mã trường: TCD2813<br>Địa chỉ: Số 525B đường Lê Lai, phường Quảng Hưng, TP. Thanh Hóa.<br>Điện thoại: 0237.6 255090<br>Website: Không<br>Email: ngoctruongson1965@gmail.com | | | | |
| | May thời trang | 20 | | Xét tuyển | Liên tục trong năm |
| | Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính | 20 | | | |
| | Điện công nghiệp | 20 | | | |
| | Hàn | | | | |
| | May công nghiệp | | 60 | | |
| | Thêu ren mỹ nghệ | | 20 | | |
| | Vi tính văn phòng | | 30 | | |
| | Điện dân dụng | | 60 | | |
| | Hàn | | 20 | | |
| 118 | **Trường Trung cấp Nghề miền núi Thanh Hóa**<br>Mã trường: TCĐ 2801<br>Địa chỉ: Xã Minh Sơn- Huyện Ngọc Lặc- Tỉnh Thanh Hóa<br>Điện thoại: 02378.958.003<br>Website: Trungcapnghemiennui.vn;<br>Email: tcnghemn@thanhhoa.edu.vn | | | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|
| | | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| | Điện Công nghiệp | 70 | | Xét tuyển | Cả năm |
| | Hàn | 70 | 100 | | |
| | May Thời trang | 70 | | | |
| | Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính | 30 | | | |
| | Chăn nuôi - Thú y | 30 | 70 | | |
| | May Công nghiệp | | 100 | | |
| | Vi tính văn phòng | | 100 | | |
| | Trồng nấm- Mộc nhĩ | | 70 | | |
| | Trồng, chăm sóc mủ cao su | | 35 | | |
| | Quản lý, vận hành lưới điện | | 30 | | |
| 119 | **Trường Trung cấp Nghề Kỹ nghệ Thanh Hóa**<br>Mã trường: TCD2802<br>Địa chỉ: Số 5, đường 3, phố Tây Sơn 2, Phú Chung, phường Phú Sơn, Thành phố Thanh Hóa<br>Điện thoại: 02373.942.057<br>Website: daynghethanhhoa.edu.vn<br>Email: daynghethanhhoa@gmail.com | | | | |
| | Điện công nghiệp | 60 | 30 | Xét tuyển học bạ | Xét tuyển liên tục nhiều đợt trong năm |
| | Hàn | 40 | 30 | | |
| | Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí | 40 | 40 | | |
| | Sửa chữa thiết bị may | 50 | 40 | | |
| | Thiết kế thời trang | 40 | 30 | | |
| | Gia công và thiết kế sản phẩm mộc | 20 | 0 | | |
| | Quản trị mạng | 50 | 0 | | |
| | May công nghiệp | 0 | 40 | | Xét tuyển liên tục trong năm |
| | Vi tính văn phòng | 0 | 40 | | |
| 120 | **Trường Trung cấp Nghề Xây dựng Thanh Hóa**<br>Mã trường: TCD2806<br>Địa chỉ: phường Quảng Hưng, Thành phố Thanh Hóa<br>Điện thoại: 0237.3913.896<br>Website:.....<br>Email: truongtrungcapnghexaydung@gmail.com | | | | |
| | Kỹ thuật xây dựng | 50 | 80 | Xét tuyển | Liên tục trong năm |
| | Cốt thép - hàn | 40 | 45 | | |
| | Nề hoàn thiện | 50 | 50 | | |
| | Hàn | 50 | 60 | | |
| | Điện dân dụng | 30 | 50 | | |
| | Cốp pha - giàn giáo | 40 | 30 | | |
| | Mộc xây dựng và trang trí nội thất | 50 | 30 | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|
| | | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| | Cấp thoát nước | 40 | 30 | Xét tuyển | Liên tục trong năm |
| | Bê tông | 30 | 30 | | |
| | Tin học văn phòng | 30 | 30 | | |
| 121 | **Trường Trung cấp Nghề Thương mại Du lịch Thanh Hóa**<br>Mã trường: TCD2803<br>Địa chỉ: Số 272 Phố Môi, xã Quảng Tâm, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa<br>Điện thoại: 023.7375.735<br>Website:tmdl.edu.vn<br>Email: phongtuyensinhtmdl @gmail.com | | | | |
| | Kỹ thuật chế biến món ăn | 300 | 200 | Xét tuyển | Tất cả các tháng trong năm |
| | Nghiệp vụ nhà hàng | 100 | 50 | | |
| | Nghiệp vụ lễ tân | 50 | 100 | | |
| | Bán hàng trong siêu thị | 50 | 100 | | |
| | Kỹ thuật khai thác mỏ lộ thiên | 70 | 100 | | |
| | Kế toán doanh nghiệp | 50 | | | |
| | Hướng dẫn du lịch | 50 | 100 | | |
| | Điện dân dụng | 70 | | | |
| | Quản trị lữ hành | 50 | | | |
| | Quản trị khách sạn | 50 | | | |
| | Nghiệp vụ nhà hàng, khách sạn | 50 | | | |
| | Nghiệp vụ Du lịch gia đình | | 200 | | |
| | Dịch vụ chăm sóc gia đình | | 70 | | |
| | Nghiệp vụ bảo quản và bán xăng, dầu | | 70 | | |
| 122 | **Trường Trung cấp Phát thanh - Truyền hình Thanh Hóa**<br>Mã trường: TCD2804<br>Địa chỉ: Phường Quảng Thọ - Thành phố Sầm Sơn - tỉnh Thanh Hóa<br>Điện thoại: 0237.6255.777<br>Website: ttv.edu.vn<br>Email: tcngheptth@gmail.com | | | | |
| | Công nghệ thông tin | 150 | 120 | Xét tuyển | Liên tục trong năm |
| | Quản trị mạng máy tính | 70 | | | |
| | Tin học Văn phòng | 120 | 120 | | |
| | Vi tính văn phòng | | 40 | | |
| | Khai thác Thiết bị phát thanh | 30 | 40 | | |
| | Khai thác Thiết bị truyền hình | 30 | 40 | | |
| | Kỹ thuật Sản xuất chương trình Truyền hình | 70 | 40 | | |
| | Phóng viên, biên tập | 30 | | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|
| | | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| | Phóng viên, biên tập đài cơ sở | | 40 | Xét tuyển | Liên tục trong năm |
| | Điện Dân dụng | 100 | 40 | | |
| | Kỹ thuật máy lạnh và Điều hòa không khí | 100 | 40 | | |
| 123 | **Trường Trung cấp Nghề Giao thông Vận tải Thanh Hóa**<br>Mã trường: TCD 2805<br>Địa chỉ: 02 Dốc ga, Phường Phú Sơn, TP Thanh Hóa, Tỉnh Thanh Hóa<br>Điện thoại: 02373.942804<br>Website: http:/truonggtvtthanhhoa.edu.vn<br>Email: truongtcngtvt.sgtvt@thanhhoa.gov.vn | | | | |
| | Vận hành máy thi công nền | 100 | | Xét tuyển | Liên tục trong năm |
| | Công nghệ ô tô | 50 | | | |
| | Vận hành máy xúc | | 50 | | |
| | Vận hành máy ủi | | 20 | | |
| | Vận hành máy lu | | 20 | | |
| | Vận hành xe nâng hàng | | 50 | | |
| | Vận hành cần trục ô tô | | 35 | | |
| | Sửa chữa ô tô | | 30 | | |
| | Vi tính văn phòng | | 20 | | |
| | Vận hành máy kéo | | 20 | | |
| | Lái xe ô tô hạng B1,B2,C,D,E | | 5600 | | |
| 124 | **Trường Trung cấp Nghề Bỉm Sơn**<br>Mã trường: TCD2808<br>Địa chỉ: Số 217 Đường Trần Phú - Phường Lam Sơn - Thị xã Bỉm Sơn - Tỉnh Thanh Hoá<br>Điện thoại: 02373 825 436<br>Website: www.trungcapnghebimson.edu.vn;<br>Email: trungcapnghebs@gmail.com | | | | |
| | Nghề Hàn | 65 | | Xét tuyển học bạ | Liên tục |
| | Nghề Công nghệ ô tô | 80 | | | |
| | Nghề May thời trang | 65 | 160 | | |
| | Nghề Điện công nghiệp và dân dụng | 50 | | | |
| | Nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hoà không khí | 30 | 20 | | |
| | Nghề Tin học văn phòng | 15 | 20 | | |
| 125 | **Trường Trung cấp Nghề Nga Sơn**<br>Mã trường: TCD 2815<br>Địa chỉ: Số 5 - Đinh Công Tráng - Tiểu khu 3 - Thị trấn Nga Sơn - Tỉnh Thanh Hóa<br>Điện thoại: 0237.362.7878; 0237.862.7898<br>Website: tcnghengason.edu.vn https://www.facebook.com/TruongTrungCapNgheNgaSonThanhHoa/<br>Email: tcnngason@gmail.com; tcnghengason@thanhhoa.edu.com | | | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|
| | | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| | Điện công nghiệp và dân dụng | 120 | 90 | Xét tuyển | Cả năm |
| | Hàn | 80 | 70 | | |
| | Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh | 60 | 55 | | |
| | May thời trang | 90 | | | |
| | Chăn nuôi - thú y | 65 | 50 | | |
| | Kỹ thuật chế biến món ăn | 40 | 25 | | |
| | Nghiệp vụ nhà hàng | 45 | 30 | | |
| | Vi tính văn phòng | | 25 | | |
| | Sửa chữa thiết bị may | | 30 | | |
| | May công nghiệp | | 200 | | |
| | Kỹ thuật xây dựng | | 40 | | |
| | Điện nước | | 40 | | |
| | Nuôi và phòng trị bệnh cho trâu, bò, lợn, gà | | 75 | | |
| | Trồng trọt và bảo vệ thực vật | | 30 | | |
| | Nuôi trồng thủy sản | | 30 | | |
| 126 | **Trung cấp Nghề số 1 Thành phố Thanh Hóa**<br>Mã trường: TCD2807<br>Địa chỉ: 2/58 Nguyễn Phục, phường Quảng Thắng, thành phố Thanh Hóa<br>Điện thoại: 0237.3713052 Fax:<br>Website: tcns1.edu.vn<br>Email: trungcapngheso1tpth@gmail.com | | | | |
| | Hàn | 105 | | Xét tuyển | Tháng 3 & 9 |
| | Hàn 3G | | 35 | | Liên tục |
| | Hàn 6G | | 35 | | |
| | Khai thác, vận hành máy cắt gọt CNC | | 35 | | |
| | Điện dân dụng | 70 | 35 | | Tháng 3 & 9 |
| | Điện công nghiệp | 105 | 35 | | |
| | Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh | 105 | | | |
| | Sửa chữa điện lạnh | | 35 | | Liên tục |
| | Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính | 35 | | | Tháng 3 & 9 |
| | Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính | | 35 | | Liên tục |
| | Vi tính văn phòng | | 150 | | |
| | May thời trang | 140 | | | Tháng 3 & 9 |
| | May công nghiệp | | 35 | | Liên tục |
| | Sửa chữa thiết bị may công nghiệp | | 35 | | |
| | Công nghệ ô tô | 140 | | Xét tuyển | Tháng 3 & 9 |
| | Sửa chữa ô tô | | 35 | | Liên tục |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|
| | | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| 127 | **Trường Trung cấp Nghề Thạch Thành**<br>Mã trường: TCD2809<br>Địa chỉ: Thôn Tân Sơn, xã Thành Kim, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá<br>Điện thoại: 0373.656.766, Fax: 0373.656.766<br>Website:www.trungcapthachthanh.com.vn;<br>Email: tcnthachthanh@gmail.com | | | | |
| | Công nghệ thông tin | 60 | 20 | Xét tuyển | Liên tục trong năm |
| | Tin học văn phòng | 30 | | | |
| | Kế toán danh nghiệp | 30 | | | |
| | Kế toán lao động, tiền lương và bảo hiểm xã hội | 30 | | | |
| | May thời trang | 20 | | | |
| | Sửa chữa thiết bị may | 60 | 30 | | |
| | Hàn | 30 | 30 | | |
| | Thú y | 80 | | | |
| | Chăn nuôi gia súc, gia cầm | 60 | 50 | | |
| | Lâm sinh | 20 | | | |
| | Quản lý tài nguyên rừng | 50 | | | |
| | Vi tính văn phòng | | 60 | | |
| | Điện dân dụng | | 30 | | |
| | Cơ điện nông thôn | | 30 | | |
| | Sản xuất hàng mây tre đan, giang xiên | | 60 | | |
| | KT trồng mía | | 35 | | |
| | Trồng nấm | | 70 | | |
| | Trồng rau an toàn | | 30 | | |
| | Nuôi trồng thủy sản nước ngọt | | 30 | | |
| | Kỹ thuật nuôi ong | | 30 | | |
| | May công nghiệp | | 80 | | |
| 128 | **Trường Trung cấp Nghề Yên Định**<br>Mã trường: TCD 2810<br>Địa chỉ: Khu 5, Thị trấn Quán Lào, Huyện Yên Định, Tỉnh Thanh Hóa<br>Điện thoại: 02373.510.686<br>Website:.....<br>Email: Trungcapngheyendinh@gmail.com | | | | |
| | Hàn | 35 | | Xét tuyển | Trong năm |
| | Điện dân dụng | 35 | | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|
| | | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| | May thời trang | 35 | | Xét tuyển | Trong năm |
| | Thú y | 35 | | | |
| | Kỹ thuật chế biến món ăn | 35 | 35 | | |
| | Chăn nuôi gia súc, gia cầm | | 35 | | |
| | Bảo vệ thực vật | | 35 | | |
| | Nuôi trồng thủy sản nước ngọt | | 35 | | |
| | Trồng cây có múi | | 35 | | |
| | Trồng rau an toàn | | 35 | | |
| 129 | **Trường Trung cấp Xây dựng Thanh Hóa**<br>Mã trường: TCT2801<br>Địa chỉ: Số 296 - Đ. Lê Lợi - Phường Lam Sơn - TX Bỉm Sơn - T. Thanh Hóa<br>Điện thoại: (02373) 760.320 - 01699.303.468<br>Website:.....<br>Email: tcxdth@vnn.vn - tranvuminhhang@gmail.com | | | | |
| | Điện dân dụng | 50 | 50 | Xét tuyển (học bạ) | Cả năm |
| | Điện công nghiệp | 50 | 50 | | |
| | Hàn | 50 | 100 | | |
| | Gò | 30 | 30 | | |
| | Mộc xây dựng và trang trí nội thất | 30 | 30 | | |
| | Kỹ thuật xây dựng | 30 | 30 | | |
| | Cốppha - Giàn giáo | 40 | 40 | | |
| | Cốt thép - Hàn | 70 | 70 | | |
| | Cấp - thoát nước | 40 | 40 | | |
| | Bê tông | 30 | 30 | | |
| | Vận hành máy xúc | 30 | 30 | | |
| | Vận hành máy ủi | 30 | 30 | | |
| | Vận hành máy xây dựng | 30 | 30 | | |
| | Tin học văn phòng | 30 | 30 | | |
| | Thiết kế đồ họa | 30 | 30 | | |
| | Vẽ và thiết kế trên máy tính | 30 | 50 | | |
| 130 | **Trường Trung cấp Kỹ thuật Y Dược Thanh Hóa**<br>Mã trường: CCD 2820<br>Địa chỉ: Số 02, đường Chi Lăng, p. Quảng Thành, TP Thanh Hóa<br>Điện thoại: 02376660305<br>Website:<br>Email: tcktydthanhhoa@thanhhoa.edu.vn | | | | |
| | Y sỹ | 50 | 0 | xét tuyển theo học bạ | Tháng 9, 10, 11, 12 |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|
| | | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| | Dược sỹ | 100 | 0 | xét tuyển theo học bạ | Tháng 9, 10, 11, 12 |
| | Điều dưỡng | 150 | 0 | | |
| | Y sỹ YHCT | 50 | 0 | | |
| 131 | **Trường Trung cấp Tuệ Tĩnh Thanh Hóa**<br>Mã trường: 2518<br>Địa chỉ: Số 2 Đường Chi Lăng, phường Quảng Thành, TP Thanh Hóa<br>Điện thoại:.(0237) 6255666<br>Website:<br>Email: tctuetinh@thanhhoa.edu.vn | | | | |
| | Y sĩ YHCT | 350 | | Xét tuyển | Đợt 1: 20/8, Đợt 2: 30/9, Đợt 3:30/12 |
| | Y sĩ | 100 | | | |
| | Dược sĩ | 50 | | | |
| | Điều dưỡng | 50 | | | Liên tục |
| 132 | **Trường Trung cấp Bách Nghệ Thanh Hóa**<br>Mã trường: TCD 2817.<br>Địa chỉ: Số 01 Đường Hàm Tử, phường Quảng Hưng, thành phố Thanh Hoá<br>Điện thoại: (0237).3721.333 Fax:(0237).3914.474<br>Website: www.bachngheth.edu.vn<br>Email: tcbachnghe@thanhhoa.edu.vn | | | | |
| | Y sĩ. | 80 | | Xét tuyển | Liên tục trong năm |
| | Dược. | 80 | | | |
| | Sư phạm mầm non. | 350 | | | |
| | Y sĩ Y học cổ truyền. | 60 | | | |
| | Hành chính văn phòng. | 50 | | | |
| | Thư viện - Thiết bị trường học. | 50 | | | |
| | Chăn nuôi - Thú y. | 80 | | | |
| | Điều dưỡng. | 100 | 100 | | |
| | Tin học ứng dụng | 200 | 100 | | |
| | **NGHỆ AN** | | | | |
| 133 | **Trường Trung cấp Dân tộc nội trú Nghệ An**<br>Mã trường: TCD2908.<br>Địa chỉ: Thôn Tân Trà xã Bồng Khê, huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An.<br>Điện thoại: 02383 731 456.<br>Website:.....<br>Email: Truongtcndtnt@ldtbxh.nghean.gov.vn | | | | |
| | Điện dân dụng | 150 | 70 | Xét tuyển | Từ tháng 01/2018 đến tháng 12/2018 |
| | Hàn | 70 | | | |
| | May Thời trang | 150 | | | |
| | Thú Y | 35 | | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|
| | | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| | Dệt Thổ cẩm | | 350 | Xét tuyển | Từ tháng 01/2018 đến tháng 12/2018 |
| | May Công nghiệp | | 105 | | |
| | Chăn nuôi thú y | | 210 | | |
| | Kỹ thuật trồng nấm | | 175 | | |
| | Hàn điện | | 70 | | |
| | Sữa chữa xe máy | | 35 | | |
| | Tin học | | 60 | | |
| 134 | **Trường Trung cấp Kỹ thuật Yên Thành**<br>Mã trường: TCD2907<br>Địa chỉ: Khối 2 - Thị trấn Yên Thành - Huyện Yên Thành - Tỉnh Nghệ An<br>Điện thoại: 02383863157<br>Website:.....<br>Email: tcncnnyenthanh.nghean@gmail.com | | | | |
| | Nghề Công nghệ ô tô | 65 | | Xét tuyển | Từ tháng 3 đến tháng 10/2018 |
| | Nghề Hàn | 40 | | | |
| | Nghề May thời trang | 65 | | | |
| | Nghề Điện công nghiệp | 20 | | | |
| | Nghề Điện dân dụng | 20 | | | |
| | Nghề Nguội lắp ráp cơ khí | 35 | | | |
| | Nghề Lắp đặt thiết bị cơ khí | 35 | | | |
| | Nghề May công nghiệp | | 240 | | Toàn bộ thời gian trong năm |
| | Nghề Hàn điện - Hàn hơi | | 20 | | |
| | Nghề Chăn nuôi Thú y | | 100 | | |
| | Nghề Kỹ thuật chế biến món ăn | | 60 | | |
| 135 | **Trường Trung cấp Kinh tế - Công nghiệp - Thủ công nghiệp Nghệ An**<br>Mã trường: TCD2904<br>Địa chỉ: Số 47 - Đ. Thành Thái - P. Hưng Phúc - TP. Vinh - Nghệ An<br>Điện thoại: 0238.3.599.894<br>Website: ktcnna.edu.vn<br>Email: truongtcntcn@ldtbxh.nghean.gov.vn | | | | |
| | Điện công nghiệp | 120 | | Xét tuyển | Liên tục trong năm |
| | Hàn | 50 | | | |
| | May thời trang | 240 | | | |
| | Mộc mỹ nghệ | 25 | 30 | | |
| | Gia công & thiết kế sản phẩm mộc | 25 | | | |
| | Thêu ren mỹ thuật | 25 | 150 | | |
| | Sản xuất hàng mây tre đan | 25 | 330 | | |
| | Dệt thổ cẩm | | 240 | | |
| | May công nghiệp | | 380 | | |
| | Tin học | | 60 | | |

| TT | Tên nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|
| | | Trung cấp | | | |
| | | Tốt nghiệp THPT | Tốt nghiệp THCS | | |
| 136 | **Trường Trung cấp Kinh Tế - Kỹ Thuật Bắc Nghệ An**<br>Mã trường: TCD2909<br>Địa chỉ: Khối 1, Thị trấn Cầu Giát, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An<br>Điện thoại: 0383643981; 0388640785<br>E-mail: TCNKTKTBac.NgheAn@Gmail.com | | | | |
| | Hàn | 40 | 80 | Xét tuyển | Tháng 1 đến tháng 9 hàng năm |
| | Kế Toán Doanh Nghiệp | 60 | | | |
| | Điện dân dụng | 40 | 110 | | |
| | Điện Công nghiệp | 50 | 100 | | |
| | Thú y | 90 | | | |
| | May thời trang | 60 | 90 | | |
| | Công nghệ ôtô | 20 | 70 | | |
| | Bảo trì hệ thống thiết bị cơ khí | 15 | 45 | | |
| | Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí | 20 | 40 | | |
| 137 | **Trường Trung cấp Kinh Tế Kỹ Thuật Miền Tây**<br>Mã trường: TCD 2902<br>Địa chỉ: phường Long Sơn - thị xã Thái Hoà - tỉnh Nghệ An<br>Điện thoại: 02383.881.906 Fax: 02383.811.449.<br>Email: dnmientay@gmail.com | | | | |
| | Thú y | | 90 | Xét tuyển | Từ 20/03 đến 30/10 năm 2018 |
| | Bảo vệ thực vật | | 90 | | |
| | Điện công nghiệp | | 95 | | |
| | Hàn | | 35 | | |
| | Công nghệ ôtô | | 45 | | |
| | May thời trang | | 35 | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|
| | | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| 138 | **Trường Trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật Nghi Lộc**<br>Mã trường: TCĐ2911<br>Địa chỉ: Khối 4 - TT Quán Hành - huyện Nghi Lộc - tỉnh Nghệ An<br>Điện thoại: 02383614323<br>Website: WWWtruong trung cap KT- KT<br>Email: daotaonghiloc@gmail.com | | | | |
| | Điện dân dụng | 40 | | Xét tuyển | Tháng 03/2018 - 09/2018 |
| | Điện công nghiệp | 25 | | | |
| | Kỹ thuật máy lạnh& Điều hòa không khí | 45 | | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|
| | | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| | Công nghệ ô tô | 75 | | | |
| | Hàn | 40 | | | |
| | May thời trang | 80 | | | |
| | Kỹ thuật chế biến món ăn | 100 | | | |
| | Thú y | | 140 | | Tháng 01/2018 - 09/2018 |
| | Kỹ thuật chế biến món ăn | | 160 | | |
| 139 | **Trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật Tây Nam Nghệ An**<br>Mã trường: TCD 2910<br>Địa chỉ: Xóm 7, Xã Đông Sơn - Huyện Đô Lương - tỉnh Nghệ An<br>Điện thoại: 02383 871 551 Fax:<br>Website: http://trungcapnghe.doluong.edu.vn<br>Email: truongtcndoluong@ldtbxh.nghean.gov.vn | | | | |
| | Điện công nghiệp | 60 | | | |
| | Điện tử công nghiệp | 30 | | | |
| | Hàn | 30 | | | T5 - 11/2018 |
| | May thời trang | 60 | | | |
| | Thú y | 30 | | | |
| | May công nghiệp | | 120 | | |
| | Chăn nuôi thú y | | 210 | | |
| | Kỹ thuật trồng rau | | 180 | | |
| | Điện tử dân dụng | | 30 | | |
| | Điện dân dụng | | 30 | Xét tuyển | |
| | Điện lạnh | | 30 | | |
| | Sửa chữa máy nông nghiệp | | 60 | | T1 - 12/2018 |
| | Tin học văn phòng | | 120 | | |
| | Gò hàn | | 30 | | |
| | Sửa chữa xe máy | | 30 | | |
| | Trồng cây công nghiệp | | 30 | | |
| | Dâu tằm tơ | | 60 | | |
| | Chế biến nông sản | | 60 | | |
| 140 | **Trường Trung cấp Kinh tế Kỹ thuật Vinh**<br>Mã trường: TCĐ 2905<br>Địa chỉ: Số 35 đường Hồ Hán Thương - Phường Cửa Nam - Thành Phố Vinh - Nghệ An<br>Điện thoại: 02383.591286<br>Website: Truongkinhtekythuatvinh.edu.vn<br>Email: huyluongdaotao@gmail.com | | | | |
| | Công nghệ ô tô | 60 | | | |
| | Điện công nghiệp | 30 | | Xét tuyển | 2018 |
| | Hàn | 30 | | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|
| | | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| | Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí | 30 | | | |
| | May thời trang | 60 | | | |
| | Sửa chữa xe máy | | 30 | | |
| | Sửa chữa điện tử | | 60 | | |
| | Sửa chữa điện thoại di động | | 30 | | |
| | Sửa chữa điện dân dụng | | 60 | | |
| | May công nghiệp | | 120 | | |
| | Kỹ thuật chế biến món ăn | | 60 | | |
| | Kỹ thuật viên vi tính | | 60 | | |
| 141 | **Trường Trung cấp Kỹ thuật - Nghiệp vụ Vinh**<br>Mã trường: TCT2901<br>Địa chỉ: Số 179, đường Phong Định Cảng, TP.Vinh, tỉnh Nghệ An<br>Điện thoại: 02383 598 685<br>Website: vitapco.edu.vn<br>Email: btsxdvinh@gmail.com | | | | |
| | Điện dân dụng | 30 | | Xét tuyển | 22/01/2018 đến 28/12/2018 |
| | Điện công nghiệp | 60 | | | |
| | Cốt thép - Hàn | 70 | | | |
| | Nề - Hoàn thiện | 15 | | | |
| | Kỹ thuật xây dựng | 20 | | | |
| | Cấp, thoát nước | 20 | | | |
| | Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí | 50 | | | |
| | Hàn | 30 | | | |
| | Kế toán doanh nghiệp | 15 | | | |
| | Tin học ứng dụng | 20 | | | |
| | Xây dựng dân dụng và công nghiệp | 20 | | | |
| | Xây trát láng | | 60 | | |
| | Ốp lát | | 60 | | |
| | Sản xuất vật liệu xây dựng | | 60 | | |
| 142 | **Trường Trung cấp Y khoa miền Trung**<br>Mã trường: TCD2912<br>Địa chỉ: Km02, Đại lộ Lênin, thành phố Vinh, Nghệ An<br>Điện thoại: 02383 68 69 69<br>Website: http://ykhoamientrung.edu.vn<br>Email: ykhoamientrung.edu.vn | | | | |
| | Điều dưỡng | 50 | | Xét tuyển | |
| | Kỹ thuật Dược | 150 | | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|
| | | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| | Y sỹ Y học cổ truyền | 100 | | Xét tuyển | |
| | Dược | 150 | | | |
| | Điều dưỡng Nha khoa | | 35 | | |
| | Y học cổ truyền | | 35 | | |
| | Y tế thôn bản | | 35 | | |
| | Y tế học đường | | 35 | | |
| | Kỹ thuật VLTL- PHCN | | 35 | | |
| | Dinh dưỡng | | 35 | | |
| **HÀ TĨNH** | | | | | |
| 143 | **Trường Trung cấp Nghề Hà Tĩnh**<br>Mã trường: TCD3001<br>Địa chỉ: 454 đường Hà Huy Tập - TP Hà Tĩnh<br>Điện thoại: 02393.885.472<br>Website: www.truongtrungcapnghehatinh.edu.vn<br>Email: thutruongnghe@gmail.com | | | | |
| | Hàn | 70 | 80 | Xét tuyển học bạ | Tháng 3 và tháng 9 hằng năm |
| | Công nghệ ô tô | 70 | | | |
| | Điện công nghiệp | 70 | 60 | | |
| | KT máy lạnh và ĐHKK | 60 | | | |
| | May thời trang | 70 | 60 | | |
| | Kỹ thuật CBMA | 105 | 100 | | |
| | Nghiệp vụ nhà hàng | 60 | 60 | | |
| | Nghiệp vụ lễ tân | 70 | | | |
| | Vận hành máy thi công nền | 60 | 75 | | |
| | Vận hành cần trục, cầu trục | 50 | 60 | | |
| | Chăn nuôi - Thú y | 70 | 70 | | |
| | VH máy nâng và bốc xếp hàng | | 100 | Xét tuyển | Liên tục |
| | Sửa chữa máy nông nghiệp, ngư nghiệp | | 100 | | |
| | Trồng cây ăn quả có múi | | 100 | | |
| | Kỹ thuật xây dựng | | 100 | | |
| | Lái xe ô tô các hạng B1, B2, C, D, E, F | | 1700 | | |
| 144 | **Trường Trung cấp Kỹ nghệ Hà Tĩnh**<br>Mã trường: TCD3002<br>Địa chỉ trụ sở chính: Khối 7 Phường Đậu Liêu - Thị Xã Hồng Lĩnh- Tỉnh Hà Tĩnh<br>Điện thoại: 02396.578686 Fax: 0393573877<br>Email: thutruongnghe@gmail.com | | | | |
| | Công nghệ ô tô | 90 | 75 | Xét tuyển | Liên tục trong năm |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|
| | | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| | Hàn | 65 | 70 | Xét tuyển | Liên tục trong năm |
| | Vận hành máy thi công nền | 100 | 90 | | |
| | Điện công nghiệp | 90 | 90 | | |
| | Kỹ thuật chế biến món ăn | 100 | 75 | | |
| | Kỹ thuật sữa chữa lắp ráp máy tính | 50 | 70 | | |
| | May thời trang | 75 | 70 | | |
| | Vận hành cần, cầu trục | 55 | 50 | | |
| | Tin học | | 120 | | |
| | Sữa chữa máy nông nghiệp | | 105 | | |
| | Điện dân dụng | | 70 | | |
| | Lái xe ô tô B1, B2, C | | 750 | | |
| 145 | **Trường Trung cấp Lý Tự Trọng**<br>Mã trường: TCD3003<br>Địa chỉ: Xã Thiên Lộc-huyện Can Lộc-tỉnh Hà Tĩnh<br>Điện thoại: 02393.634.907<br>Website: lytutrongtcn.edu.vn<br>Email: tcnlytutrong@gmail.com | | | | |
| | Kỹ thuật chế biến món ăn | 200 | 350 | Xét tuyển | Cả năm |
| | May thời trang | 70 | 100 | | |
| | Hàn | 50 | 105 | | |
| | Điện công nghiệp | 70 | 105 | | |
| | Công tác xã hội | 50 | 100 | | |
| | Công nghệ thông tin (Ứng dụng phần mềm) | 135 | 100 | | |
| 146 | **Trường Trung cấp Nghề MITRACO**<br>Mã trường: TCD3004<br>Địa chỉ: K9 - TT Thạch Hà - Hà Tĩnh<br>Điện thoại: 0393.847389<br>Website:.....<br>Email: vomanhha@gmail.com | | | | |
| | Trồng cây ăn quả có múi | | 105 | Xét tuyển | 15/4/2018 |
| | Trồng rau an toàn | | 105 | | |
| | Chăn nuôi lợn | | 105 | | |
| | Chăn nuôi trâu bò | | 105 | | |
| | Thú y | | 105 | | |
| | May thời trang | | 35 | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|
| | | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| **QUẢNG BÌNH** | | | | | |
| 147 | **Trường Trung cấp Y tế Quảng Bình**<br>Mã trường: TCD 3103<br>Địa chỉ: Tổ dân phố 14, phường Nam Lý, TP.Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình<br>Điện thoại: 0232 3827143Fax: 0232 3822691<br>Website: ytequangbinh.edu.vn<br>Email: yteqb@quangbinh.edu.vn | | | | |
| | Y sỹ | 70 | | Xét tuyển học bạ | 04 đợt trong năm 2018 |
| | Dược | 70 | | | |
| | Điều dưỡng | 70 | | | |
| | Hộ sinh | 35 | | | |
| | Y tá | | Đào tạo theo nhu cầu người học nhưng không vượt quá quy mô tuyển sinh và đào tạo được giao | | |
| | Dược tá | | | | |
| | Dân số Y tế | | | | |
| | Cô đỡ thôn bản | | | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|
| | | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| 148 | **Trường Trung cấp Kinh tế Quảng Bình**<br>Mã trường: TCD3101<br>Địa chỉ: Tổ dân phố 4, Bắc Nghĩa, Đồng Hới, Quảng Bình<br>Điện thoại: 02323.826251<br>Website: tcktqb.edu.vn<br>Email: kinhteqb@quangbinh.edu.vn | | | | |
| | Nghiệp vụ nhà hàng | 70 | 90 | Xét tuyển theo điểm tổng kết các môn Toán, Văn lớp 12 (đối với thí sinh đã tốt nghiệp THPT) hoặc lớp 9 (đối với thí sinh tốt nghiệp THCS) | - Nhận hồ sơ từ: 01/02/2018.<br>- Đợt 1: 20/07/2018<br>- Đợt 2: 20/10/2018<br>- Các đợt tiếp theo từ tháng 11 đến cuối năm 2018 |
| | Quản trị khách sạn | 70 | 70 | | |
| | Văn thư hành chính | 35 | 70 | | |
| | Kế toán doanh nghiệp | 200 | | | |
| | Tin học ứng dụng | 120 | | | |
| | Kỹ thuật chế biến món ăn | 60 | 120 | | |
| 149 | **Trường Trung cấp Du lịch - Công nghệ số 9**<br>Mã trường: TCT 3101<br>Địa chỉ: 193 Hữu Nghị - Đồng Hới - Quảng Bình<br>Điện thoại: 0232.845352<br>Website: vcn.edu.vn<br>Email: vanphong_n9@ gmail.com | | | | |
| | Kỹ thuật chế biến món ăn | 180 | 60 | Xét tuyển | Liên tục trong năm |
| | Quản trị khách sạn | 60 | 30 | | |
| | Nghiệp vụ nhà hàng | 20 | 30 | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|
| | | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| | Kế toán doanh nghiệp | 30 | 0 | Xét tuyển | Liên tục trong năm |
| | Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí | 30 | 30 | | |
| | Công nghệ Hàn | 20 | 0 | | |
| | Hàn điện | 0 | 30 | | |
| | Điện công nghiệp | 30 | 0 | | |
| | Điện dân dụng | 20 | 30 | | |
| | Công nghệ ô tô | 30 | 0 | | |
| | Ngiệp vụ Bàn | 0 | 30 | | |
| | Nghiệp vụ Buồng | 0 | 60 | | |
| | Nghiệp vụ Lễ tân | 0 | 30 | | |
| | Nghiệp vụ du lịch | 0 | 30 | | |
| | Sửa chữa điện và điện lạnh oto | 0 | 30 | | |
| 150 | **Trường Trung cấp Luật Đồng Hới**<br>Mã trường: TCT3102<br>Địa chỉ: Tổ dân phố 6, phường Bắc Lý, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình<br>Điện thoại: 0232.6258.016<br>Website: https://trungcapluatdonghoi.edu.vn<br>Email: tcldh@moj.gov.vn | | | | |
| | Pháp luật | 300 | | Xét tuyển | Từ tháng 3 đến tháng 11/2018 |
| 151 | **Trường Trung cấp Nghề Bình Minh**<br>Mã trường: TCD3104<br>Địa chỉ: Thôn Lệ Kỳ 1, Xã Vĩnh Ninh, Huyện Quảng Ninh, Tỉnh Quảng Bình<br>Điện thoại: 02323910919<br>Website: www.trungcapnghebinhminh.com.vn<br>Email: trungcapnghebinhminhquangbinh@gmail.com | | | | |
| | Đào tạo lái xe mô tô hạng A1 | | | Xét tuyển | Từ 01/01/2018 |
| | Đào tạo lái xxe ô tô hạng B2 | | 1480 | | |
| | Đào tạo lái xe ô tô hạng C | | 384 | | |
| | **QUẢNG TRỊ** | | | | |
| 152 | **Trường Trung cấp Trung Cấp Nghề Quảng Trị**<br>Mã trường: TCD3201<br>Địa chỉ: Số 179, đường Lý Thường Kiệt, phường Đông Lễ, TP. Đông Hà, tỉnh Quảng Trị<br>Điện thoại: 0233.3560.119<br>Website: http://dayngheqt.edu.vn/<br>Email: tcnquangtri2017@gmail.com | | | | |
| | Điện công nghiệp | 30 | 30 | Xét tuyển | Liên tục trong năm |
| | Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí | 20 | 30 | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|
| | | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| | Công nghệ ô tô | 30 | 30 | Xét tuyển | Liên tục trong năm |
| | Vận hành máy thi công nền | 20 | 30 | | |
| | Kỹ thuật xây dựng | 30 | 30 | | |
| | Lập trình máy tính | 30 | 30 | | |
| | Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính | 30 | 30 | | |
| | May thời trang | 20 | 60 | | |
| | Cắt gọt kim loại | 30 | 30 | | |
| | Hàn | 30 | 30 | | |
| 153 | **Trường Trung cấp Nghề Giao thông Vận tải Quảng Trị**<br>Mã trường: TCD3202<br>Địa chỉ: Số 49, đường Lý Thường Kiệt, TP. Đông Hà, tỉnh Quảng Trị<br>Điện thoại: 0233.3521666Fax: 0233.3567088<br>Website: truonggtvtquangtri.edu.vn<br>Email: trungcapgtvtquangtri @gmail.com | | | | |
| | Quản trị kinh doanh vận tải đường bộ | 35 | | Xét tuyển | Liên tục trong năm |
| | Vận hành máy thi công nền | 30 | | | |
| | Xây dựng cầu đường bộ | 30 | | | |
| | Vận hành máy thi công nền | | 30 | | |
| | Vận hành máy xúc | | 35 | | |
| | Điều khiển phương tiện thủy nội địa | | 35 | | |
| | Lái xe ô tô các hạng (B1, B2, và C) | | 1.600 | | |
| 154 | **Trường Trung cấp Trung Cấp Mai Lĩnh Quảng Trị**<br>Mã trường: TCML 3201<br>Địa chỉ: Số 04 đường Lê Thế Hiếu - thành phố Đông Hà - tỉnh Quảng Trị<br>Điện thoại::(0233).2241.012; 3561355<br>Website:http://mailinhqt.edu.vn<br>Email: mailinhquangtri@gmail.com/ daotao12.2005@gmail.com | | | | |
| | Văn thư- Lưu trữ | 60 | | Xét tuyển | Liên tục trong năm |
| | Hành chính văn phòng | 60 | | | |
| | Kinh doanh thương mại và Dịch vụ | 60 | | | |
| | Quản lý doanh nghiệp | 60 | | | |
| | Quản lý kinh doanh du lịch | 60 | | | |
| | Kế toán Doanh nghiệp | 60 | | | |
| | Tin học ứng dụng | 60 | | | |
| | Điện công nghiệp và dân dụng | 60 | | | |
| | Nghề kỹ thuật chế biến món ăn | 60 | | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|
| | | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| 155 | **Trường Trung cấp Nông nghiệp và PTNT Quảng Trị**<br>Mã trường:<br>Địa chỉ: Km750, Quốc lộ 1A, Gio Quang, Gio Linh, Quảng Trị<br>Điện thoại: 0233.3825.328<br>Website: http://trungcapnongnghiepquangtri.edu.vn/<br>Email: trungcapnongnghiepqt@gmail.com | | | | |
| | Kế toán doanh nghiệp | x | | Xét tuyển | Liên tục trong năm |
| | Chăn nuôi- Thú y | x | | | |
| | Quản lý và kinh doanh nông nghiệp | x | | | |

| TT | Tên ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|
| | | Tốt nghiệp THPT | Tốt nghiệp THCS | | |
| | **HUẾ** | | | | |
| 156 | **Trường Trung cấp nghề Quảng Điền**<br>Mã trường: TCD3305<br>Địa chỉ: Số 75, Nguyễn Vịnh, thị trấn Sịa, Quảng Điền, Thừa Thiên Huế.<br>Điện thoại: 0234.3755111; Fax: 0234.3555638;<br>Webside: http://qdvts.edu.vn/ Email:tcn.quangdien@thuathienhue.gov.vn | | | | |
| | Hàn | 25 | 25 | Xét tuyển | Liên tục trong năm |
| | Điện công nghiệp | 25 | 25 | | |
| | May thời trang | 25 | 25 | | |
| | Kỹ thuật máy lạnh và điều hoà không khí | 25 | 25 | | |
| | Nuôi trồng thuỷ sản nước mặn, nước lợ | 20 | 20 | | |

| TT | Ngành, nghề đạo tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|
| | | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| 157 | **Trường Trung cấp Văn hóa Nghệ thuật tỉnh Thừa Thiên Huế**<br>Mã trường: TCD3303<br>Địa chỉ: 49 Nguyễn Chí Diểu, Thành phố Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế<br>Điện thoại: 0234. 3525043fax: 0234. 3511466<br>Họ tên hiệu trưởng: Dương Hồng LamĐiện thoại: 0945313888<br>Website:cdvhnt-tthue.edu.vnEmail: truongvhnthue@gmail.com | | | | |
| | Thanh nhạc | | 20 | - Xét tuyển môn Ngữ văn: học bạ lớp 9 trở lên<br>- Thi năng khiếu: Môn hát | Đợt 1: 02/7/2018<br>Đợt 2: 02/8/2018<br>Đợt 3: 05/9/2018<br>Đợt 4: 05/10/2018 |

| TT | Ngành, nghề đạo tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|
| | | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| | Biểu diễn nhạc cụ phương Tây | | 15 | - Xét tuyển môn Ngữ văn: học bạ lớp 9 trở lên<br>- Thi năng khiếu: Kiểm tra năng khiếu, điều kiện sử dụng nhạc cụ Organ hoặc Guitare | Đợt 1: 02/7/2018<br>Đợt 2: 02/8/2018<br>Đợt 3: 05/9/2018<br>Đợt 4: 05/10/2018 |
| | Hội họa | | 15 | - Xét tuyển môn Ngữ văn: học bạ lớp 9 trở lên<br>- Thi năng khiếu: Môn Hình họa | |
| | Thiết kế đồ họa | | 15 | - Xét tuyển môn Ngữ văn: học bạ lớp 9 trở lên<br>- Thi năng khiếu: Môn Trang trí | |
| | Quản lý văn hóa | | 20 | - Xét tuyển môn Ngữ văn và Lịch sử: học bạ lớp 9 trở lên | |
| | Thư viện | | 20 | - Xét tuyển môn Ngữ văn và Lịch sử: học bạ lớp 9 trở lên | |
| | Nghệ thuật biểu diễn múa dân gian dân tộc | | 25 | - Xét tuyển môn Ngữ văn: học bạ lớp 9 trở lên<br>- Thi năng khiếu biểu diễn. Kiểm tra độ mềm dẻo và khả năng nhạy bén của cơ thể với các động tác múa. | |
| | Nghệ thuật biểu diễn Ca kịch Huế | | 15 | - Xét tuyển môn Ngữ văn: học bạ lớp 9 trở lên<br>- Thi năng khiếu biểu diễn. Kiểm tra giọng hát | |
| | Nhạc công truyền thống Huế | | 20 | - Xét tuyển môn Ngữ văn: học bạ lớp 9 trở lên<br>- Thi năng khiếu, kiểm tra điều kiện sử dụng nhạc cụ đã đăng ký dự thi. | |

| TT | Ngành, nghề đạo tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|
| | | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| | Biên đạo Múa | 25 | | - Xét tuyển môn Ngữ văn: học bạ lớp 12<br>- Thi năng khiếu Biên đạo: Nghe và nghiên cứu một đoạn nhạc, sau đó thể hiện động tác múa cho phù hợp. | Đợt 1: 02/7/2018<br>Đợt 2: 02/8/2018<br>Đợt 3: 05/9/2018<br>Đợt 4: 05/10/2018 |
| 158 | **Trường Trung cấp Công nghệ Số 10**<br>Mã trường: TCT 3301<br>Địa chỉ: 63 Lê Ngô Cát, phường Thủy Xuân, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.<br>Điện thoại: 0234.3846450 - 0234.3832236Fax: 0234.3846450<br>Website: www.tcn10hue.edu.vn<br>Email: tcn10hue.tuyensinh@gmail.com | | | | |
| | Điện tử công ngiệp | 50 | | Xét tuyển | Cả năm |
| | Điện công nghiệp | 50 | | | |
| | May thời trang | 50 | | | |
| | Hàn | 30 | | | |
| | Kỹ thuật chế biến món ăn | 50 | | | |
| | Sửa chữa thiết bị may | 30 | | | |
| | Tin học viễn thông ứng dụng | 30 | | | |
| | Điện dân dụng-Công nghiệp | | | | |
| | Kỹ thuật thiết kế và lắp đặt mạch quảng cáo điện tử | | 30 | | |
| | Điện lạnh gia dụng | | 30 | | |
| | Điện tử dân dụng và công nghiệp | | 30 | | |
| | Cơ khí Hàn | | 30 | | |
| | Sửa chữa máy nổ | | 30 | | |
| | May công nghiệp | | 30 | | |
| | Sửa chữa thiết bị may | | 30 | | |
| | Kỹ thuật xây dựng | | 30 | | |
| | Gia công Mộc | | 30 | | |
| | Kỹ thuật chế biến món ăn | | 30 | | |
| **ĐÀ NẴNG** | | | | | |
| 159 | **Trường Trung cấp Nghề Giao thông Công chính Đà Nẵng**<br>Mã trường: TCD0406<br>Địa chỉ: số 72 Đỗ Thúc Tịnh, P. Khuê Trung, Q. Cẩm Lệ, TP. Đà Nẵng<br>Điện thoại: (0236) 3625 251<br>Website: www.gtccdanang.edu.vn<br>Email: tcngtcc@gmail.com | | | | |

| TT | Ngành, nghề đạo tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|
| | | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| | Công nghệ ô tô | 50 | | Xét tuyển | Cả năm |
| | Quản trị kinh doanh vận tải đường bộ | 100 | | | |
| | Quản trị doanh nghiệp vừa và nhỏ | 100 | | | |
| | Quản lý khu đô thị | 100 | | | |
| | Kế toán doanh nghiệp | 100 | | | |
| | Lái xe ô tô | | 1800 | | |
| 160 | **Trường Trung cấp Chuyên nghiệp Ý Việt**<br>Mã trường: TCD0402<br>Địa chỉ:<br>Cơ sở 1: 478A Điện Biên Phủ, P Thanh Khê Đông, Q. Thanh Khê, TP. Đà Nẵng<br>Cơ sở 2: 85 Huỳnh Ngọc Huệ, P. Hòa Khê, Q. Thanh Khê, TP. Đà Nẵng<br>Điện thoại: (0236) 3741 668 - (0236) 3727 927<br>Website: http://yviet.edu.vn<br>Email: yvietdn@gmail.com | | | | |
| | Kế toán doanh nghiệp | 200 | 100 | Xét tuyển Học bạ THPT hoặc học bạ THCS | Cả năm |
| | Tài chính bgân hàng | 50 | | | |
| | Quản lý văn hóa | 50 | | | |
| | Xây dựng dân dụng và công nghiệp | 150 | 100 | | |
| | Thiết kế kiến trúc | 50 | | | |
| | Xây dựng cầu đường | 100 | | | |
| | Hướng dẫn du lịch | 250 | 100 | | |
| | Hành chính văn thư | 100 | 100 | | |
| 161 | **Trường Trung cấp Kỹ thuật - Nghiệp vụ Thăng Long**<br>Mã trường: TCD0403<br>Địa chỉ: Số 86 Lê Quang Đạo, P. Mỹ An, Q. Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng<br>Điện thoại: 0901 154 579<br>Website: thanglongcollege.edu.vn<br>Email: thanglong.pts@gmail.com | | | | |
| | Kế toán doanh nghiệp | 30 | | Xét tuyển học bạ THPT | Từ tháng 2-11 hằng năm |
| | Tin học ứng dụng | 30 | | | |
| | Nghiệp vụ lễ tân | 30 | | | |
| | Hướng dẫn du lịch | 70 | | | |
| | Kỹ thuật chế biến món ăn | 70 | | | |
| | Nghiệp vụ nhà hàng, khách sạn | 70 | | | |

| TT | Ngành, nghề đạo tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|
| | | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| 162 | **Trường Trung cấp Nghề Kỹ thuật Công nghệ Đà Nẵng**<br>Mã trường: TCD0405<br>Địa chỉ: 181 Nguyễn Văn Thoại, Q. Sơn Trà, TP. Đà Nẵng<br>Điện thoại: (0236) 3985 313 - (0236) 3986 609<br>Website: www.ktcndn.edu.vn<br>Email: kythuatcongnghedn@gmail.com | | | | |
| | Điện dân dụng | 120 | 60 | Xét tuyển | Thường xuyên |
| | Điện công nghiệp | 130 | | | |
| | Hàn | | 60 | | |
| | Kinh doanh xăng dầu | | 100 | | |
| 163 | **Trường Trung cấp Nghề Việt Á**<br>Mã trường: TCD0401<br>Địa chỉ: 16 Lý Thường Kiệt, P. Thạch Thang, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng<br>Điện thoại: (0236) 3888 627<br>Email: danafoodtuyendung@gmail.com | | | | |
| | Kế toán doanh nghiệp | 30 | | Xét tuyển | Từ 01/8 đến 15/9 |
| | Nghiệp vụ nhà hàng | 30 | | | |
| | **QUẢNG NAM** | | | | |
| 164 | **Trường Trung cấp Nghề Thanh niên Dân tộc - miền núi Quảng Nam**<br>Mã trường: TCD 3404<br>Địa chỉ: thôn Pà Dồn, xã Cà Dy, huyện Nam Giang, tỉnh Quảng Nam<br>Điện thoại: 02353.792297, 02353.792971<br>Email: trungcap.dtmnqnam@gmail.com | | | | |
| | Điện dân dụng | 30 | | Xét tuyển | Liên tục trong năm |
| | Gia công và thiết kế sản phẩm mộc | 30 | | | |
| | May thời trang | 30 | | | |
| | Hàn | 30 | 35 | | |
| | Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính | 30 | | | |
| | Mộc xây dựng và trang trí nội thất | 30 | | | |
| | Cơ điện nông thôn | 30 | | | |
| | Trồng cây công nghiệp | 30 | | | |
| | Thú y | 30 | | | |
| | Công tác xã hội | 35 | | | |
| | Nề hoàn thiện | | 35 | | |
| 165 | **Trường Trung cấp Quảng Đông**<br>Mã trường: TCD 3405<br>Địa chỉ: Quốc lộ 1A, xã Điện Thắng Bắc, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam<br>Điện thoại:0235.3769799Fax:0235.3868848<br>Website:www. quangdong.edu.vn<br>Email:minhtrietqd@gmail.com | | | | |

| TT | Ngành, nghề đạo tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|
| | | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| | Xây dựng dân dụng và công nghiệp | 65 | 50 | Xét tuyển theo học bạ | 01/03/2018 đến 30/12/2018 |
| | Quản lý và kinh doanh du lịch | 65 | 100 | | |
| | Điện công nghiệp và dân dụng | 100 | 100 | | |
| | Tin học ứng dụng | 65 | 0 | | |
| | Kế toán doanh nghiệp | 65 | 0 | | |
| | Chăn nuôi - Thú y | 70 | 100 | | |
| 166 | **Trường Trung cấp Nghề Nam Quảng Nam**<br>Mã trường: TCD3403<br>Địa chỉ: Thôn Thanh Trà - Tam Nghĩa - Núi Thành - Quảng Nam<br>Điện thoại: 02353535323 - 02353535808<br>Website:<br>Email: tcn.namquangnam@gmail.com | | | | |
| | Điện công nghiệp | 70 | | Xét tuyển | 01/1 - 30/11/2018 |
| | Công nghệ Hàn | 50 | | | |
| | Công nghệ May và Thời trang | 50 | 180 | | |
| | Lắp đặt thiết bị điện | 50 | | | |
| | Cơ điện nông thôn | 30 | | | |
| 167 | **Trường Trung cấp Nghề Kinh tế - Kỹ thuật miền Trung - Tây Nguyên**<br>Mã trường: TCT 3401<br>Địa chỉ: Lô 25B, Phan Bội Châu, TP Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam<br>Điện thoại: 02353.813.656- 0905. 400.799<br>Website: www.truongtcnmttm.edu.vn<br>Email: tcnmttntuyensinh@gmail.com.vn | | | | |
| | Kỹ thuật xây dựng | 50 | | Xét tuyển học bạ | Từ ngày 01/8/2018 - 05/9/2018 |
| | Kỹ thuật điện | 100 | | | |
| | Quản trị mạng máy tính | 50 | | | |
| | Gia công thiết sản phẩm mộc | 50 | | | |
| 168 | **Trường Trung cấp ASEAN (tên cũ: Trường TCN Tư thục ASEAN)**<br>Mã trường: TCD 3406<br>Địa chỉ: 53A Hùng Vương - Phường An Mỹ - Thành phố Tam Kỳ - Tỉnh Quảng Nam<br>Điện thoại: 0235.3812458Fax: 0235.3828836<br>Website: vsa.edu.vn<br>Email: tinhpx@donga.edu.vn | | | | |
| | Kỹ thuật chế biến món ăn | 30 | 40 | Thí sinh học xong THCS; THPT; BT.THPT | Tuyển thường xuyên trong năm |
| | Kỹ thuật pha chế đồ uống | 30 | 20 | | |
| | Hướng dẫn du lịch | 30 | 30 | | |
| | Quản trị khách sạn | 30 | 30 | | |
| | Nghiệp vụ lễ tân | 30 | 30 | | |
| | Điện dân dụng | 30 | 20 | | |

| TT | Ngành, nghề đạo tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|
| | | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| | Điện công nghiệp | 30 | 20 | Thí sinh học xong THCS; THPT; BT.THPT | Tuyển thường xuyên trong năm |
| | Quản trị doanh nghiệp vừa và nhỏ | 20 | 20 | | |
| | Công nghệ thông tin | 30 | 20 | | |
| | Công tác xã hội | 20 | 20 | | |
| | May thời trang | 20 | 20 | | |
| | Điều dưỡng | 20 | 0 | | |
| | Chụp ảnh | 0 | 20 | | |
| 169 | **Trường Trung cấp Nghề Bắc Quảng Nam**<br>Mã trường: TCD 3402<br>Địa chỉ: Khối 7B - Phường Điện Nam Đông - Thị xã Điện Bàn - Tỉnh Quảng Nam<br>Điện thoại: 0235.3922670 - 0235.2214053 Fax: 0235.3922279<br>Website: http://bacquangnamvtc.edu.vn<br>Email: daynghebqn.@yahoo.com.vn | | | | |
| | Công nghệ ô tô | 40 | | Xét tuyển | Cả năm |
| | May thời trang | 30 | | | |
| | Nghiệp vụ nhà hàng | 50 | | | |
| | Kỹ thuật chế biến món ăn | 90 | | | |
| | Quản trị khách sạn | 20 | | | |
| | Điện công nghiệp | 20 | | | |
| | Kỹ thuật chế biến món ăn | | 140 | | |
| | Nghiệp vụ Lễ tân | | 50 | | |
| | Nghiệp vụ Buồng | | 100 | | |
| | Nghiệp vụ Bàn | | 100 | | |
| | Kỹ thuật pha chế đồ uống | | 175 | | |
| | May công nghiệp | | 50 | | |
| 170 | **Trường Trung cấp Văn hóa, Nghệ thuật & Du lịch Quảng Nam**<br>Mã trường: TCD 3407<br>Địa chỉ: 106 Trần Văn Dư, Thành phố Tam Kỳ, Quảng Nam.<br>Điện thoại: 02353.813434<br>Website: http://www.vhntdlqn.edu.vn<br>Email: vhntdlquangnam@gmail.com | | | | |
| | Hướng dẫn du lịch | 25 | | Xét tuyển tốt nghiệp THCS hoặc tương đương (theo học bạ) | Từ tháng 6 đến tháng 10 |
| | Nghiệp vụ Nhà hàng | 25 | 50 | | |
| | Nghiệp vụ Lễ tân | 25 | 50 | | |
| | Nghiệp vụ Buồng | | 100 | Xét tuyển tùy theo từng đối tượng | Cả năm |
| | Dịch vụ chăm sóc gia đình | | 40 | | |
| | Kỹ Thuật pha chế thức uống | | 60 | | |
| | Kỹ thuật chế biến món ăn | | 150 | | |

| TT | Ngành, nghề đạo tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|
| | | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| | Quản lý Văn hóa | 20 | | Xét tuyển tốt nghiệp THCS hoặc tương đương (theo học bạ) | Từ tháng 6 đến tháng 10 |
| | Thư viện | 30 | 30 | | |
| | Hội họa | 20 | 50 | | |
| | Thiết kế đồ họa | 25 | 50 | | |
| | Thanh nhạc | 50 | 100 | | |
| | Organ | 50 | 100 | | |
| | Nghệ thuật biểu diễn Múa dân gian dân tộc | 30 | 50 | | |
| **QUẢNG NGÃI** | | | | | |
| 171 | **Trường Trung cấp Nghề tỉnh Quảng Ngãi**<br>Mã trường: TCD3503<br>Địa chỉ: Tổ dân phố Liên Hiệp 1, Phường Trương Quang Trọng, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi<br>Điện thoại: 0255.3673871<br>Website: tcnghequangngai.edu.vn<br>Email: trungcap.quangngai.edu.vn | | | | |
| | May thời trang | 115 | | Xét tuyển | Cả năm |
| | Điện tử công nghiệp | 60 | | | |
| | Điện công nghiệp | 70 | | | |
| | Điện dân dụng | 60 | | | |
| | Điện tử dân dụng | 60 | | | |
| | Vận hành, sữa chữa thiết bị lạnh | 90 | | | |
| | Hàn | 60 | | | |
| | Cắt gọt kim loại | 30 | | | |
| | Công nghệ ôtô | 60 | | | |
| | Tin học văn phòng | 100 | | | |
| | Công nghệ thông tin | 60 | | | |
| | Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính | 35 | | | |
| | Nghiệp vụ nhà hàng | 30 | | | |
| | Kỹ thuật chế biến món ăn | 90 | | | |
| | Chăn nuôi gia súc, gia cầm | 40 | | | |
| | Thú Y | 40 | | | |
| **BÌNH ĐỊNH** | | | | | |
| 172 | **Trường Trung cấp Thủ công Mỹ nghệ Bình Định**<br>Mã trường: TCD 3701<br>Địa chỉ: Tổ 5, khu vực 5, phường Nhơn Phú, TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định<br>Điện thoại: 0256.3848647<br>Website: tcbd.edu.vn<br>Email: ttctcmnbd@gmail.com | | | | |

| TT | Ngành, nghề đạo tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|
| | | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| | Điện công nghiệp | 30 | - | Xét tuyển | Cả năm |
| | Hàn | 25 | 25 | | |
| | Công nghệ thông tin (Ứng dụng phần mềm) | 30 | - | | |
| | Kỹ thuật chế biến món ăn | 25 | 70 | | |
| | Thú y | 30 | - | | |
| | May công nghiệp | - | 50 | | |
| | Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính | - | 30 | | |
| | Tin học văn phòng | - | 30 | | |
| | Điện dân dụng | - | 30 | | |
| | Lắp đặt điện cơ sở sản xuất nhỏ | - | 30 | | |
| 173 | **Trường Trung cấp Kỹ thuật Công nghệ Hoài Nhơn**<br>Mã trường: TCD 3702<br>Địa chỉ: Khối phố 5, thị trấn Bồng Sơn, huyện Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định<br>Điện thoại: 02563.661705<br>Website: http://www.hoainhonVST.edu.vn<br>Email: hoainhonVST@gmail.com | | | | |
| | Công tác xã hội | 20 | | Xét tuyển | 09/01/2018 |
| | Kế toán doanh nghiệp | 15 | | | |
| | Thú Y | 20 | | | |
| | Kỹ thuật chế biến món ăn | 20 | | | |
| | May thời trang | 15 | | | |
| | Công nghệ thông tin (UDPM) | 40 | | | |
| | Điện công nghiệp | 20 | | | |
| | Điện dân dụng | 20 | | | |
| | Hàn | 20 | | | |
| | Cắt gọt kim loại | 20 | | | |
| | Kỹ thuật sửa chữa và lắp ráp máy tính | 15 | | | |
| | Tin học văn phòng | | 20 | | |
| | Kỹ thuật chế biến món ăn | | 20 | | |
| 174 | **Trường Trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật Bình Định**<br>Mã trường: TCD 3703<br>Địa chỉ: 31 Trần Thị Kỷ, phường Bình Định, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định<br>Điện thoại: 0256.3836845, 0914046535<br>Website: trungcapktktbinhdinh.edu.vn<br>Email: tcktkt.binhdinh@gmail.com | | | | |

| TT | Ngành, nghề đạo tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|
| | | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| | Chăn nuôi-thú y | 150 | | Xét tuyển theo bằng tốt nghiệp | Hàng tháng, chậm nhất ngày 15/12/2018 |
| | Trồng trọt và Bảo vệ thực vật | 70 | | | |
| | Kế toán doanh nghiệp | 70 | | | |
| | Công nghệ thông tin (Ứng dụng phần mềm) | 35 | | | |
| | Khuyến nông lâm | 35 | | | |
| | Quản trị doanh nghiệp vừa và nhỏ | 35 | | | |
| | Văn thư hành chính | 35 | | | |
| | Quản lý nhà đất | 35 | | | |
| | Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính | 35 | | | |
| | Nuôi và phòng trị bệnh cho lợn | | 35 | Xét tuyển | Hàng tháng, chậm nhất ngày 30/9/2018 |
| | Nuôi và phòng trị bệnh cho gia cầm | | 35 | | |
| | Nuôi và phòng trị bệnh cho trâu bò | | 35 | | |
| | Trồng và nhân giống nấm | | 70 | | |
| | Quản lý dịch bệnh tổng hợp trên cây lúa | | 35 | | |
| | Quản lý và kỹ thuật trồng lúa năng suất cao | | 35 | | |
| | Quản lý Hợp tác xã nông nghiệp | | 35 | | |
| | Kế toán Hợp tác xã nông nghiệp | | 35 | | |
| | Kỹ thuật thụ tinh nhân tạo heo, bò | | 35 | | |
| 175 | **Trường Trung cấp Văn hóa Nghệ thuật Bình Định**<br>Mã trường: TCD 3704<br>Địa chỉ: 66 Hàn Mặc Tử, Phường Ghềnh Ráng, TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định<br>Điện thoại: 0256.3846939, 3847301<br>Website: www.vhntbinhdinh.edu.vn<br>Email: vhntbd@gmail.com | | | | |
| | Hướng dẫn du lịch | 20 | | Xét tuyển | Từ tháng 01/4 đến 31/12/2018 |
| | Thư viện | 30 | | | |
| | Nhạc Jazz (Trống Jazz) | 10 | | Thi tuyển | |
| | Biểu diễn nhạc cụ phương Tây (Guitar modern) | 10 | | | |
| | Organ | 30 | | | |
| | Thanh nhạc | 20 | | | |
| | Sáng tác âm nhạc | 10 | | | |
| | Hội họa | 10 | | | |
| | Điêu khắc | 10 | | | |

| TT | Ngành, nghề đạo tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|
| | | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| **PHÚ YÊN** | | | | | |
| 176 | **Trường Trung cấp Nghề Thanh niên Dân tộc Phú Yên**<br>Mã trường: TCD3901<br>Địa chỉ: Thôn Tân Phú, xã Suối Bạc, huyện Sơn Hòa, tỉnh Phú Yên<br>Điện thoại: 02573. 861858<br>Website: www.tcntndtpy.edu.vn<br>Email: minhhaittdn@gmail.com | | | | |
| | May thời trang | 30 | | Xét tuyển<br>ĐK: Tốt nghiệp, THCS, THPT | 01/02/2018 đến 31/12/2018 |
| | Điện dân dụng | 30 | 30 | | |
| | Kỹ thuật máy nông nghiệp | 30 | | | |
| | Chăn nuôi gia súc, gia cầm | 30 | 30 | | |
| **KHÁNH HÒA** | | | | | |
| 177 | **Trường Trung cấp Nghề Ninh Hòa**<br>Mã trường: TCD4101<br>Địa chỉ: Số 02 Tân Định, tổ dân phố 17, phường Ninh Hiệp, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa<br>Điện thoại: 02583.630.918 - 02583.630.494<br>Website: tcnnh.edu.vnEmail: tcnnh.sldtbxh@khanhhoa.gov.vn | | | | |
| | Hàn | 120 | 35 | Xét tuyển | 01/01/2018 đến 31/12/2018 |
| | Cắt gọt kim loại | 45 | 20 | | |
| | May thời trang | 120 | 140 | | |
| | Kỹ thuật chế biến món ăn | 120 | 75 | | |
| | Điện công nghiệp | 120 | 15 | | |
| | Vận hành sửa chữa thiết bị lạnh | 45 | | | |
| | Điện tử công nghiệp | 45 | | | |
| | Nghiệp vụ nhà hàng | 45 | | | |
| | Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính | 40 | 20 | | |
| 178 | **Trường Trung cấp Nghề Cam Ranh**<br>Mã trường: TCD4102<br>Địa chỉ: TDP Hòa Do 6B, P. Cam Phúc Bắc, TP. Cam Ranh, Tỉnh Khánh Hòa<br>Điện thoại: 02583. 970879 - 854535<br>Website: www.tcncamranh.edu.vn<br>Email: tcncr.sldtbxh@khanhhoa.gov.vn | | | | |
| | Điện công nghiệp | 80 | | Xét tuyển | 15/01/2018-15/12/2018 |
| | Hàn | 20 | | | |
| | May thời trang | 40 | | | |
| | Kỹ thuật chế biến món ăn | 40 | | | |
| | Nghiệp vụ nhà hàng | 40 | | | |
| | Công nghệ thông tin | 40 | | | |

| TT | Ngành, nghề đạo tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|
| | | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| | Kỹ thuật xây dựng | 20 | | Xét tuyển | 15/01/2018-15/12/2018 |
| | Kế toán doanh nghiệp | 20 | | | |
| | May công nghiệp | | 80 | | |
| | Hàn | | 30 | | |
| | Điện công nghiệp | | 25 | | |
| | Điện dân dụng | | 25 | | |
| | Kế toán doanh nghiệp | | 25 | | |
| | Nghiệp vụ lưu trú | | 30 | | |
| | Nghiệp vụ lễ tân | | 25 | | |
| 179 | **Trường Trung cấp Nghề Vạn Ninh**<br>Mã trường: TCD4106<br>Địa chỉ: Thôn Tân Đức Đông, xã Vạn Lương, Vạn Ninh, Khánh Hòa<br>Điện thoại: 02583.840.368<br>Website: tcnvn.edu.vn<br>Email: tcnvn.sldtbxh@khanhhoa.gov.vn | | | | |
| | Hàn | 30 | 60 | Xét tuyển | 01/01/2018 đến 31/12/2018 |
| | Cắt gọt kim loại | 35 | | | |
| | May thời trang | 35 | | | |
| | Kỹ thuật chế biến món ăn | 80 | | | |
| | Điện công nghiệp | 35 | 35 | | |
| | Vận hành sửa chữa thiết bị lạnh | 35 | | | |
| | Điện dân dụng | | 35 | | |
| | Sửa chữa xe gắn máy | | 30 | | |
| 180 | **Trường Trung cấp Nghề Cam Lâm**<br>Mã trường: TCD 4107<br>Địa chỉ: Thôn Bãi Giếng 2, xã Cam Hải Tây, huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa<br>Điện thoại: 0258 3996 379<br>Website:<br>Email: tcncl.sld@khanhhoa.gov.vn | | | | |
| | Nghiệp vụ nhà hàng | 35 | | Xét tuyển | 01/01/2018 đến 31/12/2018 |
| | Kỹ thuật chế biến món ăn | 35 | | | |
| | Quản trị khách sạn | 35 | | | |
| | Điện công nghiệp | 30 | | | |
| | May thời trang | 60 | | | |
| | Thú y | 20 | | | |
| | Công nghệ ô tô | 20 | | | |
| | Hàn | 15 | | | |
| | Chăm sóc sắc đẹp | 30 | | | |
| | Công nghệ thông tin | 20 | | | |

| TT | Ngành, nghề đạo tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|
| | | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| 181 | **Trường Trung cấp Nghề Diên Khánh**<br>Mã trường: TCD4105<br>Địa chỉ: 116 Hùng Vương, Thị trấn Diên Khánh, Khánh Hòa<br>Điện thoại: 0258.3850574<br>Website:<br>Email: tcndienkhanh@mail.com | | | | |
| | Nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí | 25 | | Xét tuyển (theo bằng tốt nghiệp) | Từ tháng 1/2018 đến tháng 12/2018 |
| | Nghề Công nghệ Ô tô | 25 | | | |
| | Nghề Kỹ thuật chế biến món ăn | 60 | | | |
| | Nghề May thời trang | 25 | | | |
| | Nghề Điện công nghiệp | 25 | | | |
| | Điện lạnh | | 25 | Xét tuyển | |
| | Điện dân dụng | | 25 | | |
| | Hàn | | 20 | | |
| | May công nghiệp | | 40 | | |
| | Xây dựng | | 60 | | |
| | Trồng hoa chăm sóc cây cảnh | | 20 | | |
| | Kỹ thuật chế biến món ăn | | 60 | | |
| 182 | **Trường Trung cấp Nghề Dân tộc nội trú Khánh Vĩnh**<br>Mã trường: TCD4111<br>Địa chỉ: Số 2, đường Hùng Vương, thị trấn Khánh Vĩnh, huyện Khánh Vĩnh, tỉnh Khánh Hòa<br>Điện thoại: 0258.3790989<br>Website: www.tcnkhanhvinh.edu.vn<br>Email: tcndtntkv@gmail.com | | | | |
| | Điện Công nghiệp | 40 | | Xét tuyển | Thực hiện nhiều lần trong năm |
| | May thời trang | 40 | | | |
| | Công nghệ thông tin | 40 | | | |
| | Kỹ thuật xây dựng | 40 | | | |
| | Thú y | 40 | | | |
| | Kỹ thuật chế biến món ăn | 40 | | | |
| | Điện dân dụng | | 50 | | |
| | Điện công nghiệp | | 50 | | |
| | Mộc dân dụng | | 60 | | |
| | Mộc điêu khắc | | 60 | | |
| | May | | 40 | | |
| | Sửa chữa xe gắn máy | | 30 | | |
| | Kỹ thuật thú y | | 35 | | |

| TT | Ngành, nghề đạo tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|
| | | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| | Nhóm nghề nông nghiệp: Trồng cây lương thực, thực phẩm; Kỹ thuật trồng cây công nghiệp; Kỹ thuật trồng cây ăn quả | | 90 | | Thực hiện nhiều lần trong năm |
| | Nấu ăn (Nghiệp vụ chế biến món ăn) | | 30 | | |
| | Xây dựng nề | | 30 | | |
| 183 | **Trung cấp Nghề Dân tộc nội trú Khánh Sơn**<br>Mã trường: TCD4108<br>Địa chỉ: Thôn Ma 0 - xã Sơn Trung - Khánh Sơn - Khánh Hòa<br>Điện thoại: 058.3869789Fax: 058.3869789<br>Website:<br>Email: ndtnks.sldtbxh@khanhhoa.gov.vn | | | | |
| | Công nghệ thông tin (ứng dụng phần mềm) | 30 | 50 | Xét tuyển | Từ 01/6/2018 đến 31/12/2018 |
| | Kỹ thuật xây dựng | 40 | 60 | | |
| | May thời trang | 40 | 100 | | |
| | Kỹ thuật chế biến món ăn | 25 | 60 | | |
| | Hàn | 30 | 50 | | |
| | Nghiệp vụ nhà hàng | 30 | 60 | | |
| 184 | **Trường Trung cấp Kinh tế Khánh Hòa**<br>Mã trường: TCD 4104<br>Địa chỉ: 79 Nguyễn Đình Chiểu, Nha Trang, Khánh Hòa<br>Điện thoại: (0258).3837.731<br>Wedsite: www.tcktkhanhhoa.edu.vn<br>Email: trungcapkinhtekhanhhoa.tvts@gmail.com | | | | |
| | Kế toán doanh nghiệp | 35 | | Xét tuyển | T6-T12 Năm 2018 |
| | Quản lý và kinh doanh du lịch | 30 | | | |
| | Điện công nghiệp và dân dụng | 25 | | | |
| | Quản lý công trình đô thị (Ứng dụng phần mềm) | 40 | | | |
| | Công nghệ thông tin | 30 | | | |
| | Kỹ thuật chế biến món ăn | 40 | | | |
| | Nghiệp vụ nhà hàng, khách sạn | 60 | | | |
| | Marketing | 20 | | | |
| | Lâm sinh | 20 | | | |
| | Xây dựng | | 70 | | |
| | Mây tre lá | | 30 | | |
| | Tin học ứng dụng | | 60 | | |
| | Nghiệp vụ bếp | | 20 | | |

| TT | Ngành, nghề đạo tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|
| | | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| | Pha chế đồ uống | | 50 | Xét tuyển | T6-T12 Năm 2018 |
| | Anh văn | | 20 | | |
| | Nghiệp vụ khai báo thuế | | 20 | | |
| | Kế toán | | 30 | | |
| 185 | **Trường Trung cấp Kỹ thuật Miền Trung**<br>Mã trường: TCT4101<br>Địa chỉ: Số 99 Nguyễn Xiển-Vĩnh Thành-Vĩnh Phương-Nha Trang<br>Điện thoại: 3727346<br>Website:<br>Email: | | | | |
| | Công nghệ kỹ thuật ô tô | 25 | | Xét tuyển | Thường xuyên |
| | Thợ gia công cơ khí | | 35 | | |
| 186 | **Trường Trung cấp Y Dược YERSIN Nha Trang**<br>Mã trường: TCD4110<br>Địa chỉ: 75C Nguyễn Thị Minh Khai, Nha Trang, Khánh Hòa<br>Điện thoại: 0258 3515585<br>Website: yduocyersin.khanhhoa.edu.vn<br>Email: yduocyersin@gmail.com | | | | |
| | Y sỹ | 250 | | Xét tuyển (theo học bạ) | Liên tục trong năm |
| | Dược sỹ trung cấp | 300 | | | |
| | Điều dưỡng | 150 | | | |
| 187 | **Trường Trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật Trần Đại Nghĩa**<br>Mã trường: TCD4109<br>Địa chỉ: 1028 đường 2/4, P.Vĩnh Phước, TP.Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa<br>Điện thoại: (0258) 3550668 - (0258) 3<br>Website: www.tdn.edu.vn<br>Email: tdnktkt.nt@khanhhoa.edu.vn | | | | |
| | Kế toán doanh nghiệp | 30 | 40 | Xét tuyển | Từ 01/01/2018 đến 30/12/2018 |
| | Tài chính - Ngân hàng | 30 | | | |
| | Điện công nghiệp và dân dụng | 30 | | | |
| | Tin học ứng dụng | 30 | | | |
| | Nghiệp vụ lễ tân | 65 | 30 | | |
| | Hướng dẫn du lịch | 40 | | | |
| | Sửa chữa ô tô | | 30 | | |
| | Nghiệp vụ An ninh khách sạn | | 35 | | |
| | Quản lý Nhà hàng - Khách sạn | | 80 | | |
| | Nghiệp vụ buồng phòng khách sạn | | 100 | | |
| | Nghiệp vụ bếp | | 60 | | |

| TT | Ngành, nghề đạo tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|
| | | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| | Phục vụ nhà hàng | | 40 | Xét tuyển | Từ 01/01/2018 đến 30/12/2018 |
| | Nghiệp vụ pha chế (bartender) | | 20 | | |
| **NINH THUẬN** | | | | | |
| 188 | **Trường Trung cấp Việt Thuận**<br>Mã trường: TCD4502<br>Địa chỉ: 90a, Hải Thượng Lãn Ông, Tấn Tài, Phan Rang - Tháp Chàm, Ninh Thuận<br>Điện thoại: 02593 507707<br>Website: vietthuan.edu.vn<br>Email: tcvietthuan@moet.edu.vn | | | | |
| | Sư phạm mầm non | 100 | | Xét tuyển | +Đợt 1: 05/6/2018<br>+ Đợt 2: 05/9/2018<br>+ Đợt 3: 05/10/2018 |
| | Xây dựng dân dụng và công nghiệp | 100 | | | |
| | Kế toán doanh nghiệp | 100 | | | |
| | Quản trị mạng máy tính | 100 | | | |
| | Du lịch lữ hành | 100 | | | |
| | Nghiệp vụ lễ tân | | 100 | | Quanh năm |
| | Nghiệp vụ pha chế | | 100 | | |
| | Nghiệp vụ buồng | | 100 | | |
| | Nghiệp vụ bàn | | 100 | | |
| | Nghiệp vụ bếp | | 100 | | |
| | Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch | | 100 | | |
| | Kỹ thuật xây dựng | | 100 | | |
| | Nghiệp vụ thuyết minh viên du lịch | | 100 | | |
| **BÌNH THUẬN** | | | | | |
| 189 | **Trường Trung cấp Nghề Kinh tế - Kỹ thuật Công đoàn Bình Thuận**<br>Mã trường: TCT04701<br>Địa chỉ: 417 Trần Hưng Đạo - Tp Phan Thiết - tỉnh Bình Thuận<br>Điện thoại: (0252)3.824.375 - (0252).3.829.342<br>Website: dncdbt.edu.vn<br>Email: phongtuyensinhbthuan@gmail.com | | | | |
| | Quản trị khu Resort | 30 | | Xét tuyển (theo học bạ) | Thường xuyên trong năm |
| | Kỹ thuật chế biến món ăn | 90 | 60 | | |
| | Kế toán doanh nghiệp | 30 | | | |
| | Lập trình máy tính | 30 | | | |
| | Điện công nghiệp-Điện dân dụng | 30 | 35 | | |
| | Dịch vụ pháp lý | 35 | | | |
| | Hướng dẫn du lịch | 35 | | | |
| | Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí | 90 | | | |
| | Công tác xã hội | 30 | | | |

| TT | Ngành, nghề đạo tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|
| | | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| | Phục vụ nhà hàng | | 30 | Xét tuyển | Thường xuyên trong năm |
| | Phục vụ buồng | | 30 | | |
| | Tiếng Anh CN PV nhà hàng | | 18 | | |
| | Tiếng Anh CN NV lễ tân | | 18 | | |
| | Pha chế thức uống | | 30 | | |
| | Dinh dưỡng và kỹ thuật nấu ăn | | 30 | | |
| | Cơ khí ô tô | | 18 | | |
| **VÙNG TÂY NGUYÊN** | | | | | |
| **GIA LAI** | | | | | |
| 190 | **Trường Trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật Đông Gia Lai**<br>Mã trường: TCD3830<br>Địa chỉ: 279 Hoàng Hoa Thám - Thị xã An Khê - Tỉnh Gia Lai<br>Điện thoại: 02693. 532.219 Fax: 02693.532.219<br>Email: tcn.ankhe@gmail.com | | | | |
| | Công nghệ ô tô | 25 | | Xét tuyển | Liên tục trong năm |
| | May thời trang | 25 | | | |
| | Khuyến nông lâm | 25 | | | |
| | Điện công nghiệp | 25 | | | |
| | Cơ điện nông thôn | 25 | | | |
| | Văn thư hành chính | 25 | | | |
| | Tin học văn phòng | 25 | | | |
| | Chăn nuôi gia súc gia cầm | 25 | | | |
| | Hàn | 25 | 25 | | |
| | Kỹ thuật trồng lúa năng suất cao | | 25 | | |
| | Kỹ thuật trồng ngô | | 25 | | |
| | Nuôi và phòng trị bệnh cho trâu bò | | 25 | | |
| | Nuôi và phòng trị bệnh cho lợn | | 25 | | |
| | Sửa chữa máy nông nghiệp | | 25 | | |
| | Điện dân dụng | | 25 | | |
| | Sửa chữa xe gắn máy | | 25 | | |
| | Tin học văn phòng | | 25 | | |
| | May công nghiệp và dân dụng | | 25 | | |
| | Kỹ thuật xây dựng | | 25 | | |
| | Thú y | | 25 | | |
| | Kỹ thuật chế biến món ăn | | 25 | | |
| | Sinh vật cảnh | | 25 | | |

| TT | Ngành, nghề đạo tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|
| | | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| 191 | **Trường Trung cấp Văn hóa - Nghệ thuật Gia Lai**<br>Mã trường: TCD3801<br>Địa chỉ: 140 Nguyễn Chí Thanh, Phường Chi Lăng, Thành phố Pleiku, Gia Lai<br>Điện thoại: 0269.3748280; 0982.256357<br>Website: vhntgialai.edu.vn<br>Email: vhntdlgl@yahoo.com.vn | | | | |
| | Thanh nhạc | 40 | 40 | Xét tuyển (điểm 02 môn Ngữ văn, Lịch sử theo học bạ cuối cấp), sơ tuyển năng khiếu. | 06/9/2018 |
| | Organ | 40 | 40 | | |
| | Biểu diễn nhạc cụ truyền thống(T'rưng) | 40 | 40 | | |
| | Biểu diễn nhạc cụ phương Tây (Guitar) | 110 | 40 | | |
| | Hội họa | 40 | 40 | | |
| | Nghệ thuật biểu diễn múa dân gian dân tộc | 100 | 40 | | |
| | Quản lý văn hoá | 70 | | | Đợt 1: 09/9/2018<br>Đợt 2: 03/12/2018 |
| | Thư viện - thiết bị trường học | 70 | | | |
| | Hướng dẫn du lịch | 70 | 40 | | |
| | Nghiệp vụ lễ tân | 40 | 40 | | |
| | Quản trị khách sạn | 40 | 40 | | |
| 192 | **Trường Trung cấp Lâm nghiệp Tây Nguyên**<br>Mã trường: TCT 3801<br>Địa chỉ: Tổ 4, Phường Chi lăng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai.<br>Điện Thoại: 0269 3747 706<br>Website: lamnghieptaynguyen.edu.vn<br>Emai: thlngialai@dnn.vn | | | | |
| | Lâm sinh | 70 | 50 | Xét tuyển | Từ 20/01/2018 - 15/12/2018 |
| | Quản lý tài nguyên rừng | 35 | | | |
| | Khuyến nông lâm | 85 | | | |
| | Trồng trọt | 105 | 150 | | |
| | Bảo vệ thực vật | 100 | 50 | | |
| | Quản lý đất đai | 35 | | | |
| | Kế toán doanh nghiệp | 70 | 50 | | |
| 193 | **Trường Trung cấp Y tế Gia Lai**<br>Mã trường: TCD3802<br>Địa chỉ: Thôn 6 xã Trà Đa, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai<br>Điện Thoại: 0269. 3756.088<br>Website: tcytgialai.edu.vn<br>Emai: tcvt@moet.edu.vn | | | | |

| TT | Ngành, nghề đạo tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|
| | | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| | Y sĩ | 70 | | Xét tuyển điểm Toán (x2) + Văn của kỳ thi tốt nghiệp THPT | Từ 23/7/2018 - 24/8/2018 |
| | Dược sĩ trung cấp chính quy | 70 | | | |
| **ĐẮK LẮK** | | | | | |
| 194 | **Trường Trung cấp Bách Nghệ Thanh Hóa**<br>Mã trường: TCD 2817.<br>Địa chỉ: Số 01 Đường Hàm Tử, phường Quảng Hưng, thành phố Thanh Hoá<br>Điện thoại: (0237).3721.333 Fax:(0237).3914.474<br>Website: www.bachngheth.edu.vn Email: tcbachnghe@thanhhoa.edu.vn | | | | |
| | Y sĩ. | 80 | | Xét tuyển theo học bạ | 15/3-15/12/2018 |
| | Dược. | 80 | | | |
| | Sư phạm mầm non. | 350 | | | |
| | Y sĩ Y học cổ truyền. | 60 | | | |
| | Hành chính văn phòng. | 50 | | | |
| | Thư viện - Thiết bị trường học. | 50 | | | |
| | Chăn nuôi - Thú y. | 80 | | | |
| | Điều dưỡng. | 100 | | | |
| | Tin học | 200 | | | |
| 195 | **Trường Trung cấp Đam San**<br>Mã trường: TCD4008<br>Địa chỉ: 300 Hà Huy Tập, phường Tân An, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk<br>Điện thoại: 02628.551.557- 02628.551.559<br>Website: damsan.edu.vn<br>Email: tuyensinhdamsan@gmail.com | | | | |
| | Y sỹ | 50 | | Xét tuyển theo học bạ | Liên tục trong năm |
| | Dược sỹ trung cấp | 50 | | | |
| | Điều dưỡng | 35 | | | |
| | Hướng dẫn du lịch | 35 | | | |
| | Nghiệp vụ lễ tân | 35 | | | |
| | Tài chính ngân hàng | 35 | | | |
| | Quản lý văn hóa | 35 | | | |
| 196 | **Trường Trung cấp Đắk Lắk**<br>Mã trường: TCD4004<br>Địa chỉ: 01 Đinh Tiên Hoàng, phường Tự an, TP.Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk<br>Điện thoại: 02623.812490 - 02623.859074<br>Website: trungcapdaklak.edu.vn<br>Email: trungcapdaklak@yahoo.com.vn | | | | |

| TT | Ngành, nghề đạo tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|
| | | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| | Công nghệ thông tin (ứng dụng phần mềm) | 80 | 0 | Xét tuyển học bạ hoặc bằng tốt nghiệp từ THCS trở lên. Thời gian đào tạo: 1,5 năm | Từ tháng 01/2018 đến tháng 12/2018 |
| | Công nghệ kỹ thuật phần cứng máy tính | 25 | 0 | | |
| | Xây dựng cầu đường | 25 | 0 | | |
| | Xây dựng dân dụng và công nghiệp | 50 | 0 | | |
| | Kế toán doanh nghiệp | 70 | 0 | | |
| | Tài chính - Ngân hàng | 25 | 0 | | |
| | Marketing | 25 | 0 | | |
| | Văn thư hành chính | 30 | 0 | | |
| | Quản lý đất đai | 25 | 0 | | |
| | Trồng trọt và bảo vệ thực vật | 80 | 0 | | |
| 197 | **Trường Trung cấp Kinh tế Kỹ thuật Đắk Lắk**<br>Mã trường: TCD4001<br>Địa chỉ: 144 Phan Chu Trinh, Phường tân lợi, Thành Phố Buôn Ma Thuột<br>Điện thoại: 0262 3 958 397<br>Website: ktktdl.edu.vn<br>Email: ktktdl@yahoo.com.vn | | | | |
| | Kế toán doanh nghiệp | 35 | | Xét tuyển kết quả tốt nghiệp và điểm học bạ | Từ tháng 1 đến tháng 12 |
| | Tài chính Ngân hàng | 35 | | | |
| | Quản lý doanh nghiệp | 35 | | | |
| | Công nghệ thông tin | 35 | | | |
| | Tin học văn phòng | 35 | | | |
| | Xây dựng dân dụng & công nghiệp | 35 | | | |
| | Văn thư hành chính | 35 | | | |
| | Nghiệp vụ Khách sạn, Nhà hàng | 35 | | | |
| | Thư viện | 35 | | | |
| | Hướng dẫn du lịch | 35 | | | |
| | Kỹ thuật chế biến món ăn | 35 | | | |
| | Nấu ăn dinh dưỡng | | 35 | | |
| | May công nghiệp | | 35 | | |
| | Điện dân dụng | | 35 | | |
| | Văn thư - lưu trữ | | 35 | | |
| | Kế toán | | 35 | | |

| TT | Ngành, nghề đạo tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|
| | | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| 198 | **Trường Trung cấp Tây Nguyên**<br>Mã trường: TCĐ 4006<br>Địa chỉ: 298 Hà Huy Tập, phường Tân An, TP.Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk<br>Điện thoại: 02623.986.688<br>Website: www.taynguyen.edu.vn<br>Email: tet@taynguyen.edu.vn | | | | |
| | Kỹ thuật xây dựng | 60 | | Xét điểm học bạ cuối cấp THPT | Đợt 1: Thời gian nhận hồ sơ: Từ 01/03/2018 đến 19/05/2018<br>Xét tuyển: Từ 21/05/2018 đến 31/05/2018<br>Đợt 2: Thời gian nhận hồ sơ: Từ 01/06/2018 đến 20/08/2018<br>Xét tuyển: Từ 20/08/2018 đến 31/08/2018<br>Đợt 3: Thời gian nhận hồ sơ: Từ 01/09/2018 đến 18/11/2018<br>Xét tuyển: Từ 19/11/2018 đến 30/11/2018 |
| | Dược | 50 | | Đã tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng, đại học khác ngành | |
| | Kỹ thuật lái xe ô tô | | | | |
| | Hạng B | | 600 | Xét tuyển | Tuyển sinh cả năm |
| | Hạng C | | 168 | | |
| 199 | **Trường Trung cấp Trường Sơn**<br>Mã trường: TCD4007<br>Địa chỉ: 164 Phan Chu Trinh, Phường Tân Lợi, Thành Phố Buôn Ma Thuột, Đắk Lắk<br>Điện thoại: 0262.8553.779 - 0262.8554.779<br>Website: truongsondaklak.edu.vn<br>Email: tctruongsondaklak@gmail.com | | | | |
| | Sư phạm Mầm Non | 80 | | Xét tuyển học bạ | Liên tục |
| | Công Nghệ Thông Tin | 60 | | | |
| | Pháp Luật | 30 | | | |
| 200 | **Trường Trung cấp Luật Buôn Ma Thuột**<br>Mã trường: TCT4001<br>Địa chỉ: Tổ dân phố 8, phường Tân An, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk<br>Điện thoại: 0262 3977 799, 0262 3988 989<br>Website: http://trungcapluatbmt.edu.vn<br>Email: tclbmt@moj.gov.vn | | | | |
| | Pháp luật | 400 | | Xét tuyển (bằng tốt nghiệp, học bạ) | Liên tục từ ngày 01/01 đến ngày 31/12 |

| TT | Ngành, nghề đạo tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|
| | | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| **ĐẮK NÔNG** | | | | | |
| 201 | **Trường Trung cấp Kinh tế - Kĩ thuật Phương Nam**<br>Mã trường: TCD6302<br>Địa chỉ: Tổ 8, phường Nghĩa Phú, thị xã Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông<br>Điện thoại: 02613.503.222 Website: phongnamdno.edu.vn<br>Email:tcktktphuongnam@moet.edu.vn; truongtrungcapphuongnam@gmail.com | | | | |
| | Kế toán doanh nghiệp | 60 | 0 | Xét tuyển (theo học bạ THCS, THPT) | Từ tháng 01 đến tháng 12 năm 2018 |
| | Văn thư hành chính | 100 | 0 | | |
| | Dược sĩ | 150 | 0 | | |
| | Y sĩ | 200 | 0 | | |
| | Điều dưỡng | 30 | 0 | | |
| 202 | **Trường Trung cấp Nghề Đắk Nông**<br>Mã trường: TCD6301<br>Địa chỉ: Địa chỉ: TDP 4 - P. Nghĩa Tân - TX. Gia Nghĩa - Đắk Nông<br>Điện thoại: 02613.548.895 Website: trungcapnghedaknong.edu.vn<br>Email: info@tcndaknong.edu.vn, truongtrungcapnghedaknong.edu.vn | | | | |
| | Điện công nghiệp | 35 | 0 | Xét tuyển (theo học bạ THCS, THPT) | Từ tháng 01 đến tháng 12 năm 2018 |
| | Bảo vệ thực vật | 35 | 0 | | |
| | Cắt gọt kim loại | 35 | 0 | | |
| | Công tác xã hội | 35 | 0 | | |
| | Thú y | 35 | 0 | | |
| | Hàn | 35 | 0 | | |
| **LÂM ĐỒNG** | | | | | |
| 203 | **Trường Trung cấp Nghề Bảo Lộc**<br>Mã trường: TCD4201<br>Địa chỉ: 53 Đào Duy Từ, Phường Lộc Phát, Thành phố Bảo Lộc, Tỉnh Lâm Đồng<br>Điện thoại: 02633 746 555 - 02633 750 850<br>Website: www.nbl.edu.vn<br>Email: tuyensinh@nbl.edu.vn | | | | |
| | Thú y | 50 | | Xét tuyển | Liên tục trong năm |
| | Quản trị mạng máy tính | 35 | | | |
| | Điện công nghiệp | 35 | | | |
| | Kế toán doanh nghiệp | 70 | | | |
| | Kỹ thuật chế biến món ăn | 50 | | | |
| | May thời trang | 30 | | | |
| | Văn thư lưu trữ | 50 | | | |
| | Văn thư hành chính | 50 | | | |
| | Kế toán doanh nghiệp | | 60 | | |
| | Kế toán thương mại-dịch vụ-báo cáo thuế | | 60 | | |

| TT | Ngành, nghề đạo tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|
| | | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| | Kế toán ngân sách xã | | 60 | Xét tuyển | Liên tục trong năm |
| | Móc thủ công | | 60 | | |
| | Thú y | | 60 | | |
| | May công nghiệp | | 60 | | |
| | Sửa chữa máy nông nghiệp | | 60 | | |
| | Kỹ thuật xây dựng | | 60 | | |
| | Kỹ thuật chế biến món ăn | | 80 | | |
| 204 | **Trường Trung cấp Nghề Tân Tiến**<br>Mã trường: TCD4202<br>Địa chỉ: 54/30 Phan Chu Trinh, Tổ 1, Phường Lộc Tiến, TP Bảo Lộc, Tỉnh Lâm Đồng<br>Điện thoại: 02633868894<br>Website: http://trungcapnghetantien.edu.vn<br>Email: phongdaotaotcntantien@gmail.com | | | | |
| | Cắt gọt kim loại | 60 | | Xét tuyển theo học bạ với học sinh tốt nghiệp THCS và THPT | Ngày xét tuyển:<br>Đợt 1: 20/08/2018<br>Đợt 2: 20/12/2018 |
| | Hàn | 60 | | | |
| | Điện Công Nghiệp | 60 | | | |
| | Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí | 50 | | | |
| | Công nghệ Ô-tô | 70 | | | |
| | May thời trang | 50 | | | |
| | Thiết kế đồ họa | 50 | | | |
| | Kế toán doanh nghiệp | 50 | | | |
| | Hàn điện | | 80 | | Xét tuyển liên tục trong năm |
| | Hàn hơi và Inox | | 50 | | |
| | Vi tính văn phòng | | 50 | | |
| | Cắt may trang phụ nữ | | 50 | | |
| | Tiện ren | | 50 | | |
| | Sửa chữa quạt điện, động cơ điện và ổn áp | | 50 | | |
| | Lắp đặt điện nội thất | | 30 | | |
| | Sửa chữa, bảo trì tủ lạnh và điều hòa nhiệt độ | | 50 | | |
| | Sửa chữa máy kéo công suất nhỏ | | 50 | | |
| | Sửa chữa xe gắn máy | | 50 | | |
| | May công nghiệp | | 100 | | |
| | Sửa chữa trang thiết bị gia đình | | 50 | | |
| 205 | **Trường Trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật Quốc Việt**<br>Mã trường: TCD4203<br>Địa chỉ: Tổ 62, Liên Nghĩa, Đức Trọng, Lâm Đồng<br>Điện thoại: 0263.3994888<br>Website: quocviet.edu.vn<br>Email: tcktktquocviet.moet.edu.vn | | | | |

| TT | Ngành, nghề đạo tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|
| | | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| | Kế toán | 100 | | Xét tuyển theo học bạ | Tháng 4, tháng 6, tháng 10, tháng 12 |
| | Y sỹ đa khoa | 300 | | | |
| | Dược sỹ đa khoa | 300 | | | |
| | Trồng trọt | 100 | | | |
| **ĐÔNG NAM BỘ** | | | | | |
| **BÌNH PHƯỚC** | | | | | |
| 206 | **Trung cấp Kinh tế Kỹ thuật Bình Phước**<br>Mã trường: TCD4301<br>Địa chỉ:Phan Bội Châu - Kp. Thanh Bình - P. Tân Bình - Tx. Đồng Xoài - Tỉnh Bình Phước<br>Điện thoại: 0271.3885.422 - Fax: 0271.3885.423<br>Website: http://ktktbp.edu.vn<br>Email: cuongbanme@gmail.com | | | | |
| | Điện công nghiệp Dân dụng | 50 | | Xét tuyển học bạ | Cả năm 2018 |
| | Kế toán doanh nghiệp | 50 | | | |
| | Bảo về thực vật | 50 | | | |
| | Thú y | 50 | | | |

| TT | Tên ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|
| | | Trung cấp | | | |
| | | Tốt nghiệp THPT | Tốt nghiệp THCS | | |
| **TÂY NINH** | | | | | |
| 207 | **Trường Trung cấp Kinh tế Kỹ thuật Tây Ninh**<br>Mã trường: TCD4601<br>Địa chỉ: Đường Trưng Nữ Vương, xã Thái Bình, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh<br>Điện thoại: 0276.3879179Fax: 066.3842114<br>Website: www.ktkttayninh.edu.vnEmail: thktkttn.tayninh@moet.edu.vn | | | | |
| | Trồng trọt và Bảo vệ thực vật | 45 | 25 | Xét tuyển học bạ 02 môn: Toán - Sinh năm cuối cấp | Từ tháng 01//2018 đến ngày 20/12/2018 |
| | Chăn nuôi - Thú y | 45 | 25 | | |
| | Tin học ứng dụng | 35 | 20 | Xét tuyển học bạ 02 môn: Toán - Lý năm cuối cấp | |
| | Kế toán doanh nghiệp | 55 | 20 | | |
| | Quản lý đất đai | 20 | 10 | | |

| TT | Tên ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|
| | | Trung cấp | | | |
| | | Tốt nghiệp THPT | Tốt nghiệp THCS | | |
| 208 | **Trường Trung cấp Y tế Tây Ninh**<br>Mã trường: 4603<br>Địa chỉ: 288 đường 30/4, khu phố 5, Phường 3, Thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh<br>Điện thoại: 0276. 3826545 (Phòng Hành chính-quản trị) 0276.3826546 (phòng Đào tạo-QLCL)<br>Hiệu trưởng: Lương Thị Thuận Điện thoại: 02763815690 - 0918.397.334<br>Website: truongytetayninh.edu.vn Email: ytetayninh@moet.edu.vn | | | | |
| | Y sỹ | 50 | 0 | Xét tuyển | Từ tháng 5/2018 đến tháng 11/2018 |
| | Dược sỹ trung cấp | 100 | 0 | | |
| | Điều dưỡng | 50 | 0 | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|
| | | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| 209 | **Trường Trung cấp Nghề khu vực Nam Tây Ninh**<br>Mã trường: TCD 4602<br>Địa chỉ: Gia Lâm, Gia Lộc, Trảng Bàng, Tây Ninh<br>Điện thoại: 066 3893366 Fax: 0663 893477<br>Website: Email: leminhduc1812@yahoo.com.vn | | | | |
| | Điện công nghiệp | 40 | | Xét tuyển | 8/2018 đến 30/12/2018 |
| | Cắt gọt kim loại | 40 | | | |
| | Kế toán doanh nghiệp | 40 | | | |
| | Quản trị mạng | 40 | | | |
| | Điện tử công nghiệp | 40 | | | |
| | Điện công nghiệp | | 30 | | Thường xuyên |
| | Điện dân dụng | | 30 | | |
| | Kỹ thuật xây dựng | | 60 | | |
| | Hàn điện cơ bản | | 20 | | |
| | Lái xe nâng hàng | | 20 | | |
| | Sửa chữa thiết bị may công nghiệp | | 40 | | |
| 210 | **Trường Trung cấp Tân Bách Khoa**<br>Mã trường: TCD4604<br>Địa chỉ: 24 Nguyễn Chí Thanh, Phường 3, Thành phố Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh<br>Điện thoại: 02763.815.416<br>Website: tbkc.edu.vn<br>Email: daotao@tbkc.edu.vn | | | | |
| | Dược sĩ trung cấp | 100 | | Xét tuyển học bạ THCS, THPT | Tháng 3/2018 đến tháng 12/2018 |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|
| | | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| | Y sỹ | 100 | | Xét tuyển học bạ THPT | Tháng 3/2018 đến tháng 12/2018 |
| | Điều dưỡng | 100 | | Xét tuyển học bạ THCS, THPT | |
| | Kỹ thuật vật lý trị liệu, phục hồi chức năng | 100 | | Xét tuyển học bạ THPT | |
| | Hành chính văn phòng | 100 | | Xét tuyển học bạ THCS, THPT | |
| | Quản lý và bán hàng siêu thị | 100 | | | |
| | Quản lý và kinh doanh du lịch | 100 | | | |
| | Quản lý và kinh doanh khách sạn | 100 | | | |
| | Kế toán doanh nghiệp | 100 | | | |
| | Pháp luật | 100 | | | |
| | Tin học | 100 | | | |
| | Sư phạm mầm non | 150 | | | |
| | Vi tính văn phòng | | 100 | | |
| | Thư ký văn phòng | | 100 | | |
| | Chế biến món ăn | | 100 | | |
| | Nghiệp vụ lưu trú | | 100 | | |
| | Nghiệp vụ nhà hàng | | 100 | | |
| | Nghiệp vụ lễ tân | | 100 | | |
| | Bảo mẫu trẻ em | | 100 | | |
| | Cấp dưỡng trong trường học | | 100 | | |
| 211 | **Trung cấp Á Châu**<br>Mã trường: TCD4605<br>Địa chỉ: Ấp Phước Đức A, Xã Phước Đông, Huyện Gò Dầu, Tỉnh Tây Ninh<br>Điện thoại: 0276 3521 521<br>Website: acv.edu.vn<br>Email: truongtrungcapachautayninh@gmail.com | | | | |
| | Kế toán doanh nghiệp | 100 | | Xét tuyển (Tốt nghiệp THCS, THPT) | Từ tháng 02/2018 |
| | Dược sỹ | 100 | | | |
| | Pháp luật | 100 | | | |
| | Quản trị mạng máy tính | 100 | | | |
| | Sư phạm mầm non | 100 | | | |
| **BÌNH DƯƠNG** | | | | | |
| 212 | **Trường Trung cấp Công nghiệp Bình Dương**<br>Mã trường: TCD4410<br>Địa chỉ: Đường DT743, Phường Bình Hòa, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương<br>Điện thoại: 0247.280.176 - 0935.656.603<br>Website: bdi.edu.vn<br>Email: truongtccnbd@gmail.com | | | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|
| | | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| | Kế toán Doanh nghiệp | 50 | | Xét tuyển theo học bạ | Tuyển sinh trong cả năm |
| | Điện Công nghiệp & Dân dụng | 60 | | | |
| | Công nghệ Thông tin | 50 | | | |
| | Công nghệ Kỹ thuật Điện tử. | 40 | | | |
| 213 | **Trường Trung cấp Kinh tế Bình Dương**<br>Mã trường: TCD4401<br>Địa chỉ: Đại lộ Bình Dương, khu phố 2, phường Tân Định, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương<br>Điện thoại: 0274 3560417<br>Website: tcktbinhduong.edu.vn<br>Email: tcktbinhduong@gmail.com | | | | |
| | Kế toán doanh nghiệp | 100 | | Xét tuyển (Bằng tốt nghiệp hoặc Giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời THPT, THCS) | Tháng 7/2018 đến tháng 12/2018 |
| | Tin học ứng dụng | 50 | | | |
| | Kế toán tin học | 75 | | | |
| | Điện công nghiệp và dân dụng | 50 | | | |
| | Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử | 25 | | | |
| | Kế toán doanh nghiệp | | 25 | Xét tuyển (Người từ đủ 15 tuổi trở lên, có trình độ học vấn và sức khỏe phù hợp với nghề cần học) | Tháng 02/2018 đến tháng 12/2018 |
| | Tin học kế toán | | 25 | | |
| | Sổ sách kế toán | | 25 | | |
| | Vi tính văn phòng | | 25 | | |
| | Quản trị mạng máy tính | | 25 | | |
| | Lắp ráp, cài đặt, sửa chữa máy vi tính | | 25 | | |
| | Vẽ và thiết kế trên máy vi tính | | 25 | | |
| 214 | **Trường Trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật Bình Dương**<br>Mã trường: TCD4413<br>Địa chỉ: Số 89 đường Hoàng Hoa Thám, phường Hiệp Thành, Thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương<br>Điện thoại: 0274.3822.847- 3870.795- 3721.254<br>Website: www.ktktbd.edu.vn<br>Email: tuyensinh@ktkt.edu.vn | | | | |
| | Tin học ứng dụng | 70 | | Xét tuyển | Đợt 1: 12/4<br>Đợt 2: 29/6<br>Đợt 3: 21/9<br>Đợt 4: 19/12 |
| | Điện công nghiệp và dân dụng | 70 | | | |
| | Công nghệ kỹ thuật chế biến và bảo quản thực phẩm | 50 | | | |
| | Kế toán doanh nghiệp | 360 | | | |
| | Thư ký văn phòng | 50 | | | |
| | Pháp luật | 50 | | | |
| | Dược | 300 | | | |
| | Điều dưỡng | 50 | | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|
| | | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| 215 | **Trường Trung cấp Kinh tế - Công nghệ Đông Nam**<br>Mã trường: TC4402<br>Địa chỉ: 508 Đại lộ Bình Dương, P. Hiệp Thành, Tp. TDM, T. Bình Dương<br>Điện thoại: (0274) 3870 500Fax: (0274) 3828 566<br>Website: www.dongnam.edu.vn<br>Email: dongnamcollege@gmail.com | | | | |
| | Kế toán doanh nghiệp | 80 | | Xét tuyển | Tháng 5,7,9, 11 |
| | Công nghệ kĩ thuật Điện tử - Viễn thông | 100 | | | Tháng 5,7 |
| | Điện công nghiệp và dân dụng | 100 | | | Tháng 5,7,9, 11 |
| | Quản lí Nhà đất | 100 | | | |
| | Tiếng Nhật | 50 | | | |
| | Sư phạm Mầm non | 1000 | | | |
| | Sư phạm Tiểu học | 70 | | | |
| 216 | **Trường Trung cấp Kỹ thuật và Nghiệp vụ Công đoàn Bình Dương**<br>(Trực thuộc Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam)<br>Mã trường: TCT4401<br>Địa chỉ: Đường N2, cụm sản xuất An Thạnh, Phường An Thạnh, Thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương<br>Điện thoại: (02743) 745 180 - 744 219 - 724 015 - 799 335<br>Website: www.truongcongdoanbinhduong.edu.vn<br>Email: trungcapcongdoanbinhduong@gmail.com | | | | |
| | Điện công nghiệp | 60 | | Xét tuyển (theo học bạ) | Tháng 3 và tháng 7 năm 2018 |
| | Điện tử công nghiệp | 30 | | | |
| | Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí | 30 | | | |
| | Công nghệ ôtô | 35 | | | |
| | Lập trình máy tính | 40 | | | |
| | Kế toán doanh nghiệp | 50 | | | |
| | Công tác xã hội | 35 | | | |
| | Lắp đặt thiết bị điện | 20 | | | |
| | Điện công nghiệp | | 30 | | |
| | Công tác xã hội | | 70 | | |
| | Lắp đặt thiết bị điện | | 40 | | |
| | Điện lạnh | | 20 | | |
| | Điện dân dụng | | 30 | | |
| | Điện tử dân dụng | | 20 | | |
| | Kỹ thuật viên tin học | | 25 | | |
| | Tin học ứng dụng | | 25 | | |
| | Sửa chữa xe gắn máy cơ bản | | 75 | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|
| | | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| | Sửa chữa xe tay ga | | 30 | | |
| | Bảo trì máy may công nghiệp | | 30 | | |
| | Lái xe nâng hàng | | 120 | | |
| | Hàn | | 40 | | |
| | Sửa chữa máy nổ và điện ôtô | | 30 | | |
| 217 | **Trường Trung cấp Mỹ thuật - Văn hóa Bình Dương**<br>Mã trường: TCD4406<br>Địa chỉ: Số 210 đường Bạch Đằng, phường Phú Cường, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương<br>Điện thoại: 0274.3858218<br>Website: mythuatvanhoabinhduong.edu.vn<br>Email: phongdaotao.mtvhbd@gmail.com | | | | |
| | Thiết kế Đồ họa | 50 | | Xét tuyển (học bạ) | - Nhận hồ sơ:<br>Từ 15/5 đến 25/12/2018<br>-Xét tuyển và thi tuyển:<br>+ Đợt 1: 15/8/2018<br>+ Đợt 2: 25/9/2018<br>+ Đợt 3: 31/12/2018 |
| | Thiết kế Đồ gỗ | 20 | | | |
| | Thiết kế Thời trang | 20 | | | |
| | Sơn mài | 10 | | | |
| | Điêu khắc | 10 | | | |
| | Quản lý Văn hóa | 20 | | | |
| | Thanh nhạc | 20 | | Thi tuyển (Năng khiếu cơ bản và Thanh nhạc) | |

| STT | Ngành, nghề đào tạo | Trình độ | | | Hình thức tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|
| | | Trung cấp | | Sơ cấp | |
| | | Chính quy | Vừa làm vừa học | | |
| 218 | **Trường Trung cấp Nông Lâm Nghiệp Bình Dương**<br>Mã trường: 4404<br>Địa chỉ: Số 08, đường DDX061, khu phố 8, phường Định Hòa, Tp. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương<br>Điện thoại: 02743 511447<br>Website: nonglambd.edu.vn<br>Email: tc-nonglam@sgdbinhduong.edu.vn | | | | |
| | Trồng trọt và bảo vệ thực vật | 40 | 30 | | Xét tuyển theo học bạ |
| | Chăn nuôi - thú y | 100 | 60 | | |
| | Kế toán doanh nghiệp | 50 | 30 | | |
| | Quản lý đất đai | 40 | 25 | | |
| | Quản lý tài nguyên và môi trường | 40 | 20 | | |
| | Tin học ứng dụng | 50 | 20 | | |
| | Tin học văn phòng | 20 | | | |
| | Tiếng Anh | 20 | | | |
| | Chăn nuôi gia súc, gia cầm | 30 | | | |

| STT | Ngành, nghề đào tạo | Trình độ | | | Hình thức tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|
| | | Trung cấp | | Sơ cấp | |
| | | Chính quy | Vừa làm vừa học | | |
| | Thú y | 30 | | | |
| | Trồng cây công nghiệp | 25 | | | |
| | Kỹ thuật chăn nuôi, thú y | | | 50 | Theo thỏa thuận giữa địa phương với Nhà trường |
| | Kỹ thuật trồng nấm | | | 50 | |
| | Kỹ thuật và chăm sóc sinh vật cảnh | | | 40 | |
| | Kỹ thuật trồng bưởi | | | 40 | |
| | Trồng rau hữu cơ | | | 50 | |
| | Kỹ thuật trồng, chăm sóc và cạo mủ cao su | | | 40 | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|
| | | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| 219 | **Trường Trung cấp Tài chính Kế toán Bình Dương**<br>Mã trường: TCT 4408<br>Địa chỉ:<br>Cơ sở 1: 102 Nguyễn Văn Tiết, phường Lái Thiêu, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương<br>Cơ sở 2: Đường D7, Khu công nghiệp Mỹ Phước 1, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương<br>Điện thoại: (0274) 3636 800 - (0274) 3762 332<br>Website: tcktbd.edu.vn<br>Email: doangiadung@yahoo.com | | | | |
| | Kế toán doanh nghiệp | 300 | | Xét tuyển (theo học bạ) | |
| | Quản lý doanh nghiệp | 100 | | | |
| | Tài chính ngân hàng | 100 | | | |
| | Quản trị nhân lực | 100 | | | |
| 220 | **Trường Trung cấp Nghề Dĩ An**<br>Mã trường: TCD4403<br>Địa chỉ: 78 khu phố Thống Nhất 1, phường Dĩ An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương<br>Điện thoại: 0274.3733290 - 0274.3735126<br>Website: http://tcndian.edu.vn<br>Email: tcnghedian@gmail.com | | | | |
| | Điện công nghiệp | 50 | | Xét tuyển | Từ tháng 4 đến tháng 9 hàng năm |
| | Cắt gọt kim loại | 50 | | | |
| | Tin học văn phòng | 50 | | | |
| | Hàn | 50 | | | |
| | Bảo trì hệ thống thiết bị cơ khí | 50 | | | |
| | Lập trình máy tính | 50 | | | |
| | Xây dựng dân dụng và công nghiệp | 50 | | | |
| | Kế toán doanh nghiệp | 50 | | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|
| | | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| | Điện | | 40 | Xét tuyển | Thường xuyên |
| | Cơ khí | | 40 | | |
| | Thiết kế, tạo mẫu tóc | | 40 | | |
| | Kỹ thuật trồng và chăm sóc sinh vật cảnh | | 30 | | |
| | Xây dựng | | 50 | | |
| | Lái xe nâng hàng | | 50 | | |
| | Nấu ăn đãi tiệc | | 50 | | |
| | Sửa chữa xe gắn máy | | 50 | | |
| | Hàn điện | | 50 | | |
| | Kỹ thuật gò, hàn nông thôn | | 50 | | |
| | Bảo mẫu | | 50 | | |
| 221 | **Trường Trung cấp Nghề Tân Uyên**<br>Mã trường: TCD4404<br>Địa chỉ: Khu 6, phường Uyên Hưng, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương<br>Điện thoại: 0650.3640847<br>Website: trungcapnghetanuyen.edu.vn<br>Email: ttcntu@gmail.com | | | | |
| | Cắt gọt kim loại | 20 | | Xét tuyển (theo học bạ) | Tháng 3, 9 hàng năm |
| | Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính | 20 | | | |
| | Điện dân dụng | 20 | | | |
| | Điện công nghiệp | 20 | | | |
| | Kỹ thuật chế biến món ăn | 20 | | | |
| | Cơ khí chế tạo | | 20 | Xét tuyển | Tháng 2, 6, 10 hàng năm |
| | Sửa chữa, lắp ráp, cài đặt thiết bị tin học | | 20 | | |
| | Điện dân dụng | | 20 | | |
| | Điện công nghiệp | | 20 | | |
| | Sửa chữa xe gắn máy | | 20 | | |
| | Sửa chữa điện thoại di động | | 20 | | |
| | Vi tính văn phòng | | 20 | | |
| | Nấu ăn - Đãi tiệc | | 20 | | |
| | Lái xe nâng hàng | | 80 | | Tháng 1, 4, 7, 10 hàng năm |
| | Trồng và nhân giống nấm | | 20 | | Dạy nghề LĐNT |
| | Trồng, chăm sóc và cạo mủ cây cao su | | 20 | | |
| | Tạo dáng và chăm sóc cây cảnh | | 20 | | |
| | May gia dụng | | 20 | | |
| | Trồng hoa lan | | 20 | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|
| | | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| **ĐỒNG NAI** | | | | | |
| 222 | **Trường Trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật số 2**<br>Mã trường: TCT4802<br>Địa chỉ: 99/5 Phạm Văn Thuận, phường Tam Hiệp, Biên Hòa Đồng Nai<br>Điện Thoại: 02513.223.602<br>Website: ktkts2.edu.vn<br>Email: pdt.tcn2@gmail.com | | | | |
| | Lập trình máy tính | 50 | | Xét tuyển (theo học bạ) | Cả năm |
| | Cơ điện tử | 40 | | | |
| | Điện công nghiệp | 50 | | | |
| | Nghiệp vụ nhà hàng | 50 | | | |
| | Cơ khí sửa chữa | 40 | | | |
| | Cơ khí cắt gọt | 40 | | | |
| | Kế Toán Doanh Nghiệp | 40 | | | |
| | Kỹ thuật chế biến món ăn | 50 | | | |
| | Dịch vụ pháp lý | 50 | | | |
| | Văn thư hành chính | 50 | | | |
| | Bảo trì MMCN | | 50 | | |
| | Nấu ăn tổng hợp | | 50 | | |
| | Quản lý nhà hàng | | 50 | | |
| | Điện công nghiệp | | 60 | | |
| | Pha chế thức uống (Bartender) | | 60 | | |
| | Nghiệp vụ bàn | | 60 | | |
| | Hàn | | 50 | | |
| | Nguội sửa chữa | | 50 | | |
| | Tiện | | 50 | | |
| | Phay | | 50 | | |
| | Trang điểm thẩm mỹ | | 100 | | |
| 223 | **Trường Trung cấp Cơ điện Đông Nam Bộ**<br>Mã trường: TCT4805<br>Địa chỉ: Số 453A, ĐT 768, xã Thiện Tân, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai<br>Điện thoại: 02513.97690<br>Website: seemc.edu.vn<br>Email: | | | | |
| | Điện công nghiệp | 100 | 15 | Xét tuyển (theo học bạ) | Cả năm |
| | Công nghệ ô tô | 60 | 10 | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|
| | | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| | Cắt gọt kim loại | 25 | 10 | Xét tuyển (theo học bạ) | Cả năm |
| | Kế toán doanh nghiệp | 50 | | | |
| | Quản trị mạng máy tính | 75 | | | |
| | Vận hành máy ủi, xúc | | 30 | | |
| 224 | **Trường Trung cấp Nghề Giao thông Vận tải**<br>Mã trường: TCD4803<br>Địa chỉ: KP3, Bửu Long, Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai<br>Điện thoại: 02513.951474<br>Website:<br>Email: | | | | |
| | Công nghệ ô tô | 100 | | Xét tuyển (theo học bạ) | Cả năm |
| | Kế toán doanh nghiệp | 150 | | | |
| | Quản trị kinh doanh vận tải đường bộ | | 100 | | |
| | Lái xe ô tô hạng B, C, D, E | | 1800 | | |
| | Lái xe mô tô 3 bánh A3 | | 150 | | |
| | Vận hành xe nâng | | 100 | | |
| | Vi tính văn phòng | | 100 | | |
| 225 | **Trường Trung cấp Nghề 26/3**<br>Mã trường: TCD4801<br>Địa chỉ: Tổ 94, khu phố 13, phường Hố Nai, Biên Hòa, Đồng Nai<br>Điện thoại: 02513.3212109<br>Website:<br>Email: | | | | |
| | Điện công nghiệp | 55 | | Xét tuyển (theo học bạ) | Cả năm |
| | Cắt gọt kim loại | 40 | 20 | | |
| | Quản trị mạng máy tính | 25 | | | |
| | May thời trang | 40 | 20 | | |
| | Nguội sửa chữa máy công cụ | 15 | | | |
| | Thiết kế đồ họa | 15 | | | |
| | Kế toán doanh nghiệp | 15 | | | |
| | Hàn | 15 | | | |
| | Điện dân dụng | 15 | | | |
| | Kỹ thuật sửa chữa & lắp ráp máy tính | 15 | | | |
| 226 | **Trường Trung cấp Kinh tế Kỹ thuật Đồng Nai**<br>Mã trường: TCD4804<br>Địa chỉ: Đường Nguyễn Bỉnh Khiêm, Xã Phú Hội, Nhơn Trạch, Đồng Nai<br>Điện thoại: 02513 561 319<br>Website: http://www.dnet.edu.vn/<br>Email: | | | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|
| | | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| | Cơ khí chế tạo | 40 | | Xét tuyển (theo học bạ) | Cả năm |
| | Công nghệ ô tô | 30 | | | |
| | Cắt gọt kim loại | 30 | 30 | | |
| | Hàn | 30 | 30 | | |
| | Bảo trì sửa chữa máy công cụ | 50 | | | |
| | Chế tạo khuôn mẫu | 30 | 0 | | |
| | Điện công nghiệp và dân dụng | 80 | | | |
| | Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí | 30 | 30 | | |
| | Công nghệ kỹ thuật điều khiển tự động | 25 | | | |
| | Kế toán doanh nghiệp | 50 | 0 | | |
| | Thư ký văn phòng | 25 | 0 | | |
| | Kỹ thuật chế biến món ăn | 25 | 30 | | |
| | Kỹ thuật lắp ráp, sửa chữa máy tính | 30 | | | |
| | Lập trình, phân tích hệ thống | 25 | 30 | | |
| | Quản trị mạng máy tính | 25 | 0 | | |
| | Vẽ và thiết kế trên máy tính | 25 | | | |
| | Nguội sửa chữa máy công cụ | | 30 | | |
| | Trang điểm và chăm sóc da | | 30 | | |
| | Tin học văn phòng | | 30 | | |
| | Điện dân dụng | | 30 | | |
| | Bảo mẫu | | 30 | | |
| 227 | **Trường Trung cấp Văn hóa Nghệ thuật Đồng Nai**<br>Địa chỉ: 2065, đường Nguyễn Ái Quốc, KP3, phường Trung Dũng, TP. Biên Hòa, Đồng Nai<br>Điện thoại: 02513.822896<br>Website: http://vhntdongnai.edu.vn<br>Email: truongvhntdongnai@gmail.com | | | | |
| | Biểu diễu Thanh nhạc (hệ 4 năm): | 6 | | Xét tuyển (theo học bạ) | Cả năm |
| | Biểu diễn Múa (hệ 4 năm, 6 năm): | 15 | | | |
| | Biểu diễn nhạc cụ truyền thống (hệ 4 năm, 6 năm): Đàn Tỳ bà, Đàn Tranh, Sáo trúc, Đàn Nguyệt, Đàn Nhị, Đàn Tam T'Rưng... | 12 | | | |
| | Biểu diễn nhạc cụ Phương Tây (hệ 4 năm, 7 năm): Guitare, Kèn,... | 7 | | | |
| | Chỉ huy hợp xướng | 1 | | | |
| | Piano | 2 | | | |
| | Organ | 4 | | | |
| | Violon | 3 | | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|
| | | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| 228 | **Trường Trung cấp Miền Đông**<br>Mã trường: TCD4802<br>Địa chỉ: 12, Hoàng Minh Châu, P. Hòa Bình, TP.Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai<br>Điện thoại: 0251 3.951.254<br>Website: http://truongmiendong.edu.vn<br>Email: thvtdongnai@moet.edu.vn | | | | |
| | Dược sỹ | 58 | | Xét tuyển (theo học bạ) | Cả năm |
| | Thư viện | 163 | | | |
| 229 | **Trường Trung cấp Bách khoa Đồng Nai**<br>Mã trường: TCD4808<br>Địa chỉ: ấp Hưng Long, xã Hưng Thịnh, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai<br>Điện thoại: 0251 3.678.333<br>Website: http://dnp.edu.vn<br>Email: tcbkdn@gmail.com | | | | |
| | Kế toán doanh nghiệp | 30 | | Xét tuyển (theo học bạ) | Cả năm |
| | Y sỹ y học cổ truyền | 100 | | | |
| | Y sỹ | 30 | | | |
| | Dược | 100 | | | |
| | Điều dưỡng | 30 | | | |
| | Kỹ thuật xét nghiệm y học | 20 | | | |
| | Kỹ thuật hình ảnh y học | 20 | | | |
| | Kỹ thuật phục hình răng | 20 | | | |
| 230 | **Trường Trung cấp Nghề Đinh Tiên Hoàng**<br>Mã trường: TCD4809<br>Địa chỉ: K18, KP5, đường Đồng Khởi, phường Tân Hiệp, Biên Hòa, Đồng Nai<br>Điện thoại: 02516.505388<br>Website:<br>Email: | | | | |
| | Lái xe đào tạo hạng A1 | | 1.000 | Xét tuyển (theo học bạ) | Cả năm |
| | Lái xe đào tạo hạng B1, B2, C, D | | 828 | | |
| | **BÀ RỊA - VŨNG TÀU** | | | | |
| 231 | **Trường Trung cấp Công nghệ Thông tin TM.COMPUTER**<br>Mã trường: TCD5207<br>Địa chỉ: Số 565 Trương Công Định, Phường 7, Tp.Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu<br>Điện thoại: (0254) 3 572 505 - 3 854 234<br>Website: www.tm.edu.vn<br>Email: tmcomputer@tm.edu.vn | | | | |
| | Kế toán doanh nghiệp | 100 | 100 | Xét tuyển | Trung cấp: các đợt tháng 1, 4, 9, 12 trong năm<br>Sơ cấp: mỗi tháng |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|
| | | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| | Quản trị doanh nghiệp vừa và nhỏ | 100 | | Xét tuyển | Các đợt tháng 1, 4, 9, 12 trong năm |
| | Tài chính doanh nghiệp | 100 | | | |
| | Thiết kế đồ họa | 100 | 100 | | Trung cấp: các đợt tháng 1, 4, 9, 12 trong năm<br>Sơ cấp: mỗi tháng |
| | Công nghệ thông tin | 100 | | | Các đợt tháng 1, 4, 9, 12 trong năm |
| | Kỹ thuật sửa chữa lắp ráp máy tín | 100 | 100 | | Trung cấp: các đợt tháng 1, 4, 9, 12 trong năm<br>Sơ cấp: mỗi tháng |
| | Tin học văn phòng | 100 | 200 | | |
| | Lập trình máy tính | 100 | | | Các đợt tháng 1, 4, 9, 12 trong năm |
| | Quản trị cơ sở dữ liệu | 100 | | | |
| | Quản trị mạng máy tính | 100 | 100 | | Trung cấp: các đợt tháng 1, 4, 9, 12 trong năm<br>Sơ cấp: mỗi tháng |
| | Lập trình ứng dụng trên môi trường.NET | | 100 | | Mỗi tháng |
| | Lập trình ứng dụng Web | | 100 | | |
| | Thiết kế Website | | 100 | | |
| 232 | **Trường Trung cấp Chuyên nghiệp Bà Rịa**<br>Mã trường: TCD5209<br>Địa chỉ: 144, đường Tôn Đức Thắng, phường Phước Nguyên, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu<br>Điện thoại: 02543.844444<br>Website: http://brc.edu.vn hoặc http://phuoctho.vn<br>Email: phuoctho@brc.edu.vn | | | | |
| | Kế toán Doanh nghiệp | 100 | 50 | Xét tuyển:<br>- Xét điểm học bạ (hoặc bằng tốt nghiệp) dành cho học sinh đã hoàn thành chương trình THPT (hoặc đã tốt nghiệp THPT, BT.THPT)<br>- Xét điểm học bạ lớp 9 (dành cho thí sinh đã tốt nghiệp THCS, BT.THCS) | Từ tháng 01/2018 đến tháng 12/2018 |
| | Lập trình máy tính | 50 | 30 | | |
| | Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính | 50 | 30 | | |
| | Quản lý Doanh nghiệp | 50 | 30 | | |
| | Tài chính - Ngân hàng | 50 | 30 | | |

| TT | Tên ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|
| | | Trung cấp | | | |
| | | Tốt nghiệp THPT | Tốt nghiệp THCS | | |
| 233 | **Trường Trung cấp nghề Kinh tế - Kỹ thuật Công đoàn BR-VT**<br>Mã trường: TCD5206<br>Địa chỉ: 1A Nguyễn Trường Tộ - Phường 3, TP. Vũng Tàu<br>Điện thoại: 02543.532558 - 02543.510610Fax: 02543.531527<br>Website:Email: danhvt2011@yahoo.com.vn | | | | |
| | Kế toán doanh nghiệp | 60 | 35 | Xét tuyển | Cả năm |
| | Hàn | 45 | 35 | | |
| | Văn thư - hành chính | 70 | 35 | | |
| | Công tác xã hội | 175 | 35 | | |
| | Kỹ thuật sửa chữa và lắp ráp máy tính | 35 | 35 | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|
| | | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| 234 | **Trường Trung cấp Kỹ thuật Công nghệ Phước Lộc**<br>Mã trường: TCD5210<br>Địa chỉ: Phước lộc, Tân Phước, Tân Thành, BR-VT<br>Điện thoại: 0254.3891 955<br>Website:.....<br>Email: ttdnpl@gmail.com | | | | |
| | Điện công nghiệp | 150 | | Xét học bạ | 6/2018 |
| | Cắt gọt kim loại | 150 | | | |
| | Công nghệ ô tô | 150 | | | |
| | Kế toán doanh nghiệp | 30 | | | |
| | Quản Gia | | 40 | | 8/2018 |
| 235 | **Trường Trung cấp Nghề Giao thông Vận tải tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu**<br>Mã trường: TCD5202<br>Địa chỉ: 369 Đường 3/2 phường 11 Thành phố Vũng Tàu tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu<br>Điện thoại: 02543859887 - 02543581398<br>Website: http://truongdaylaixebrvt.vn<br>Email: tcngtvt tinhbrvt@gmail.com | | | | |
| | Công nghệ ô tô | 35 | 80 | Xét tuyển | Hàng quý |
| | Kế toán doanh nghiệp | 35 | | | |
| | Lái xe ô tô hạng B2, C | | 2400 | | Hàng tháng |
| | Lái máy ủi | | 80 | | |
| | Lái máy xúc | | 80 | | |
| | Lái máy lu | | 80 | | |
| | Lái máy san | | 80 | | |
| | Lái máy nâng hàng | | 140 | | |
| | Vận hành cẩu | | 80 | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|
| | | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** | | | | | |
| 236 | **Trường Trung cấp Lê Thị Riêng**<br>Mã trường: TCT0207<br>Địa chỉ: Đường 9, Phường Phước Bình, Quận 9, Tp. Hồ Chí Minh<br>Điện thoại: 028.62826016 Fax: 028.62825973<br>Website: www.lethirieng.edu.vn<br>Email: info@lethirieng.edu.vn | | | | |
| | May thời trang | 60 | | Xét tuyển hồ sơ do Trường phát hành | Từ tháng 1 đến tháng 12 |
| | Kế toán doanh nghiệp | 100 | | | |
| | Kỹ thuật chế biến món ăn | 50 | | | |
| | Chế biến thực phẩm | 60 | | | |
| | Trang điểm | | 90 | | Tuyển sinh thường xuyên |
| | Cắt - uốn tóc | | 60 | | |
| | Kỹ thuật làm móng | | 60 | | |
| | Kỹ thuật Tỉa rau củ | | 60 | | |
| | Kỹ thuật trang trí rau câu | | 30 | | |
| | Kết cườm | | 30 | | |
| | Kỹ thuật làm bánh | | 90 | | |
| | Pha chế thức uống | | 60 | | |
| | May thời trang | | 30 | | |
| | May công nghiệp | | 90 | | |
| | Kỹ thuật nấu ăn | | 90 | | |
| | Dịch vụ chăm sóc gia đình | | 90 | | |
| | Bảo mẫu | | 90 | | |
| | Cấp dưỡng | | 90 | | |
| | Móc thủ công | | 30 | | |
| | Quản trị doanh nghiệp vừa và nhỏ | | 30 | | |
| 237 | **Trường Trung cấp Nghề Châu Hưng - Phân hiệu Thành phố Hồ Chí Minh**<br>Mã trường: TCD2204<br>Địa chỉ: 109 Nguyễn Minh Hoàng, Phường 12, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh<br>Điện thoại: 0906281568<br>Website:.....<br>Email: chauhanco@yahoo.com | | | | |
| | Quản trị kinh doanh | x | | Xét tuyển (học bạ) | 9.2018 |
| | Tài chính kinh doanh | x | | | |
| | Tiếng Anh giao tiếp cho lao động đi làm việc tại Singapor | | x | Xét tuyển | |
| | Tiếng Nhật giao tiếp dành cho lao động đi làm việc tại Nhật | | x | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|
| | | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| 238 | **Trường Trung cấp Nghề Củ Chi**<br>Mã trường: TCD0220<br>Địa chỉ: 02, đường Nguyễn Đại Năng, KP1, Thị trấn Củ Chi, huyện Củ Chi, Tp.HCM.<br>Điện thoại: 028. 3.7907268; 028. 3.8920312.<br>Wedsite: trungcapnghecuchi.edu.vn<br>Email: tcncuchi2007@gmail.com | | | | |
| | Điện công nghiệp | 120 | | Xét tuyển | Tháng 08 |
| | Điện tử công nghiệp | 35 | | | |
| | Kỹ thuật sửa chữa lắp ráp máy tính | 50 | | | |
| | May thời trang | 40 | | | |
| | Cắt gọt kim loại | 80 | | | |
| | Kỹ thuật máy lạnh và điều hoà không khí | 60 | | | |
| | Công nghệ ô tô | 100 | | | |
| | Thú y | 35 | | | |
| | Tin học văn phòng | | 210 | | Thường xuyên hàng tháng |
| | Hàn căn bản | | 35 | | |
| | Tiện căn bản | | 35 | | |
| | Điện dân dụng | | 70 | | |
| | Điện lạnh căn bản | | 35 | | |
| | May công nghiệp | | 35 | | |
| | Sửa chữa máy may công nghiệp | | 35 | | |
| | Kỹ thuật chăn nuôi bò sữa | | 70 | | |
| | Kỹ thuật trồng rau an toàn | | 210 | | |
| | Kỹ thuật trồng hoa lan cây cảnh | | 70 | | |
| | Thú y | | 70 | | |
| | Kỹ thuật nấu ăn | | 525 | | |
| | Kỹ thuật trồng nấm rơm | | 70 | | |
| | Kỹ thuật trồng và khai thác cây cao su | | 30 | | |
| 239 | **Trường Trung cấp Nghề Quang Trung**<br>Mã trường: TCD0204.<br>Địa chỉ: 689 Quang Trung, Phường 8, Quận Gò Vấp, Tp.HCM.<br>Điện thoại: 028.38946097 - 028.35892025<br>Website: quangtrungtech.edu.vn<br>Email: quangtrungtech@yahoo.com | | | | |
| | Điện công nghiệp | 80 | | Xét tuyển theo học bạ (lớp 9 hoặc lớp 12) | Từ 01/04/2018 đến 30/10/2018 |
| | Điện tử công nghiệp | 30 | | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|
| | | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| | Kỹ thuật máy lạnh, Điều hòa không khí | 50 | | Xét tuyển theo học bạ (lớp 9 hoặc lớp 12) | Từ 01/04/2018 đến 30/10/2018 |
| | Kế toán doanh nghiệp | 30 | | | |
| | May thời trang | 30 | | | |
| | Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính | 40 | | | |
| | Quản trị mạng máy tính | 40 | | | |
| 240 | **Trường Trung cấp Nghề Đông Sài Gòn**<br>Mã trường: TCD0208<br>Địa chỉ: 2/38 Lê Văn Việt, KP.2, P.Hiệp Phú, Q.9, TP.HCM<br>Điện thoại: 028.38966643 - 028.37360345<br>Website: www.dsgc.edu.vn - www.quan9vieclam.com<br>Email: tcndsg.edu@gmail.com - quan9vieclam@gmail.com | | | | |
| | Cắt gọt kim loại | 40 | | Xét tuyển | - Đợt 1: từ tháng 01 đến tháng 4<br>- Đợt 2: từ tháng 5 đến tháng 8<br>- Đợt 3: từ tháng 9 đến tháng 11/2018 |
| | Điện công nghiệp | 40 | | | |
| | Quản trị mạng máy tính | 40 | | | |
| | Kế toán doanh nghiệp | 40 | | | |
| | Kỹ thuật may | | 10 | | Vào đầu mỗi tháng |
| | Sửa chữa thiết bị may | | 15 | | |
| | Điện tử dân dụng | | 15 | | |
| | Điện công nghiệp - dân dụng | | 15 | | |
| | Cắt uốn tóc nam nữ | | 10 | | |
| | Kỹ thuật làm móng | | 10 | | |
| | Trang điểm | | 10 | | |
| | Kỹ thuật nấu ăn | | 30 | | |
| | Tin học văn phòng | | 20 | | |
| | Tin học quản lý | | 20 | | |
| | Kỹ thuật thiết kế và quản trị website | | 05 | | |
| 241 | **Trường Trung cấp Nghề Bình Thạnh**<br>Mã trường: TCD 0228<br>Địa chỉ: -Trụ sở chính: 235 Phan Văn Trị, Phường 11, Quận Bình Thạnh, TP.HCM<br>Phân hiệu: 131 Nơ Trang Long, Phường 12, Quận Bình Thạnh, TP.HCM<br>Điện thoại: 028.35150250 - 028.38432476<br>Website: www.tcnbinhthanh.edu.vn<br>Email: binhthanhtcn@gmail.com | | | | |
| | Điện công nghiệp | 40 | | Xét tuyển (theo học bạ) | - Đợt 1: từ tháng 5 đến tháng 10 |
| | Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí | 40 | | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|
| | | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| | Quản trị mạng máy tính | 40 | | Xét tuyển (theo học bạ) | - Đợt 2: từ tháng 12 đến tháng 2/2019 |
| | Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính | 40 | | | |
| | Nghiệp vụ nhà hàng | 40 | | | |
| | May thời trang | 35 | | | |
| | Công nghệ ô tô | 40 | | | |
| | Cắt gọt kim loại | 40 | | | |
| | Nấu ăn | | 20 | Ghi danh | Cả năm |
| | Bếp Á | | 20 | | |
| | Làm bánh | | 20 | | |
| | Làm bánh Âu | | 20 | | |
| | Pha chế thức uống | | 20 | | |
| | Pha chế Cocktail | | 20 | | |
| | Kỹ thuật cắm hoa | | 20 | | |
| | Cắt uốn tóc nữ | | 20 | | |
| | Cắt tóc nam | | 20 | | |
| | Trang điểm thẩm mỹ | | 20 | | |
| | Kỹ thuật làm móng | | 20 | | |
| | Cắt may đồ kiểu thời trang | | 20 | | |
| | Cắt may Âu phục nam nữ | | 20 | | |
| | Cắt may váy đầm | | 20 | | |
| | Cắt may Việt phục | | 20 | | |
| | Quy trình công nghệ sản xuất may công nghiệp | | 20 | | |
| | Bảo trì, sửa chữa điện | | 20 | | |
| | Bảo trì, sửa chữa điện dân dụng | | 20 | | |
| | Quấn dây máy điện | | 20 | | |
| | Bảo trì, sửa chữa điện tử | | 20 | | |
| | Bảo trì, sửa chữa điện tử dân dụng - kỹ thuật số | | 20 | | |
| | Bảo trì, sửa chữa điện lạnh | | 20 | | |
| | Bảo trì, sửa chữa điện lạnh dân dụng | | 20 | | |
| | Kỹ thuật tiện | | 20 | | |
| | Kỹ thuật phay-bào | | 20 | | |
| | Kỹ nghệ sắt | | 20 | | |
| | Hàn điện | | 20 | | |
| | Gò - Hàn gió đá | | 20 | | |
| | Bảo trì, sửa chữa ô tô | | 20 | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|
| | | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| | Bảo trì, sửa chữa xe gắn máy | | 20 | Ghi danh | Cả năm |
| | Đào tạo lái xe ô tô hạng B2, C | | 350 | | |
| 242 | **Trường Trung cấp Trần Đại Nghĩa**<br>Mã trường: TCD0229<br>Địa chỉ: A16/4 Quốc lộ 1, ấp 1, xã Bình Chánh, huyện Bình Chánh, TP.HCM<br>Điện thoại: (08)37605057<br>Website: truongtrandainghia.edu.vn<br>Email: truongtcntdn@gmail.com | | | | |
| | Cắt gọt kim loại | 30 | | Xét tuyển | Tháng 6 đến tháng 10/2018 |
| | Điện công nghiệp | 60 | | | |
| | Điện tử công nghiệp | 30 | | | |
| | Tin học văn phòng | 60 | | | |
| | Kế toán doanh nghiệp | 30 | | | |
| | Điện công nghiệp | | 30 | | Thường xuyên |
| | Tiện | | 10 | | |
| | Hàn điện | | 30 | | |
| | Điện cơ | | 10 | | |
| | Điện dân dụng | | 10 | | |
| | Cơ điện lạnh | | 50 | | |
| | Sửa chữa xe gắn máy | | 30 | | |
| | Sửa chữa thiết bị may công nghiệp | | 20 | | |
| | Sửa chữa máy may bằng, trụ, zigzag | | 20 | | |
| | Kỹ thuật nấu ăn | | 30 | | |
| | Kỹ thuật kết cườm | | 50 | | |
| | Cắt uốn tóc nữ | | 20 | | |
| | Cắt tóc nam | | 20 | | |
| | Trang điểm | | 20 | | |
| | Kỹ thuật làm móng và trang trí móng | | 20 | | |
| | Chải bới tóc | | 20 | | |
| | Kỹ thuật viên cấp dưỡng | | 40 | | |
| | Kỹ thuật trồng rau an toàn | | 60 | | |
| 243 | **Trường Trung cấp Nghề Kỹ thuật Nghiệp vụ Tôn Đức Thắng**<br>Mã trường: TCD0201<br>Địa chỉ: TT 17 Tam Đảo, Phường 15, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh<br>Điện thoại: (028) 38 642 672<br>Website: www.tonducthang.edu.vn<br>Email: info@tonducthang.edu.vn | | | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|
| | | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| | Thiết kế đồ họa | 70 | | Xét tuyển | 03/2018 |
| | Điện công nghiệp | 70 | | | |
| | Văn thư hành chính | 35 | | | |
| | Kế toán doanh nghiệp | 70 | | | |
| | Quản trị mạng máy tính | 70 | | | |
| | Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính | 70 | | | |
| | Quản trị doanh nghiệp vừa và nhỏ | 35 | | | |
| | Thư ký | 35 | | | |
| | Bảo hộ lao động | 35 | | | |
| | Công tác xã hội | 35 | | | |
| | Bán hàng trong siêu thị | 35 | | | |
| | Công nghệ thông tin (Ứng dụng phần mềm) | 35 | | | |
| | May thời trang | 35 | | | |
| | Quấn dây máy điện | | 25 | | |
| | Sửa chữa bộ nguồn | | 25 | | |
| | Thiết kế trang Web | | 25 | | |
| | Lập trình trang Web | | 25 | | |
| | Kế toán doanh nghiệp | | 25 | | |
| | Xử lý ảnh kỹ thuật số | | 25 | | |
| | Vẽ phối cảnh kiến trúc | | 25 | | |
| | Tự động hóa công nghiệp | | 25 | | |
| | Thư ký và quản trị văn phòng | | 25 | | |
| | Quản trị doanh nghiệp vừa và nhỏ | | 25 | | |
| | Bảo trì hệ thống nhà cao tầng | | 25 | | |
| | Kỹ thuật đồ họa, truyền thông đa phương tiện | | 25 | | |
| | Thiết kế xây dựng và Quản trị hệ thống mạng máy tính | | 25 | | |
| | Lắp ráp, cài đặt máy tính và quản trị hệ thống mạng máy tính | | 25 | | |
| | Vận hành thiết bị nâng | | 25 | | |
| | Vận hành lò hơi, thiết bị áp lực | | 25 | | |
| | Công tác xã hội | | 80 | | |
| | Vệ sinh công nghiệp | | 60 | | |
| | Văn thư hành chính | | 40 | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|
| | | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| 244 | **Trường Trung cấp Nghề Du lịch và Tiếp thị Quốc tế**<br>Mã trường: TCD0214<br>Địa chỉ: 159/14 Phạm Văn Chiêu, phường 14, quận Gò Vấp, Tp. HCM.<br>Điện thoại: 028 - 62952441, 0901349434<br>Website: www.dulichquocte.edu.vn<br>Email: contact@dulichquocte.edu.vn; huynhhoangthuy@gmail.com | | | | |
| | Quản trị khách sạn | | | Xét tuyển | 03/03/2018 |
| | Hướng dẫn du lịch | | | | |
| | Quản trị lữ hành | | | | |
| | Nghiệp vụ lễ tân | | x | | |
| | Nghiệp vụ phòng | | x | | |
| | Nghiệp vụ bàn | | x | | |
| 245 | **Trường Trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật Quận 12**<br>Mã trường: 02-43<br>Địa chỉ: Cơ sở 1: 592 Nguyễn Ảnh Thủ, KP3, P.Trung Mỹ Tây, Quận 12<br>Cơ sở 2: 36 HT11, KP3, P.Hiệp Thành, Quận 12<br>Điện thoại: (08)62.508.620 - (08)37.189.289<br>Website: www.dttec.edu.vn<br>Email: ktktquan12@dttec.edu.vn | | | | |
| | Kế toán doanh nghiệp | 80 | | Xét tuyển | |
| | Tài chính - ngân hàng | 25 | | | |
| | Công nghệ kỹ thuật nhiệt | 150 | | | |
| | Thiết kế và quản lý website | 175 | | | |
| | Điện công nghiệp và dân dụng | 100 | | | |
| | Bảo trì và sữa chữa ôtô | 200 | | | |
| | Nghiệp vụ nhà hàng, khách sạn | 200 | | | |
| | Hướng dẫn du lịch | 50 | | | |
| | Tiếng Hàn quốc | 35 | | | |
| 246 | **Trường Trung cấp Bách nghệ Thành phố Hồ Chí Minh**<br>Mã trường: 0242<br>Địa chỉ: 146 Đỗ Văn Dậy, xã Tân Hiệp, huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh<br>Điện thoại: (028) 37105908<br>Website: www.bachnghehcm.edu.vn<br>Email: tcktkthocmon@gmail.com | | | | |
| | Điện công nghiệp và dân dụng | 100 | | Xét tuyển | 03/2018 |
| | Kỹ thuật lắp ráp và sửa chữa máy tính | 100 | | | |
| | Kế toán doanh nghiệp | 100 | | | |
| | Tài chính ngân hàng | 50 | | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|
| | | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| | Công nghệ kỹ thuật cơ khí | 100 | | Xét tuyển | 03/2018 |
| | Công nghệ kỹ thuật điện tử viễn thông | 70 | | | |
| | Công nghệ kỹ thuật nhiệt | 150 | | | |
| | Bảo trì và sửa chữa ô tô | 150 | | | |
| | Tạo mẫu và chăm sóc sắc đẹp | 80 | | | |
| | Hướng dẫn du lịch | 50 | | | |
| | Sư phạm mầm non | 250 | | | |
| 247 | **Trường Trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật Nguyễn Hữu Cảnh**<br>Mã trường: TCD0205<br>Địa chỉ: 500-502 Huỳnh Tấn Phát, Phường Bình Thuận, Quận 7, TP.HCM<br>Điện thoại: 028.38732088 - 028.38730399<br>Website: www.tech-nhc.edu.vn<br>Email: nguyenhuucanh@tech-nhc.edu.vn | | | | |
| | Cơ khí chế tạo. | 70 | | Xét tuyển (theo học bạ) | Tháng 3/2018 |
| | Cơ khí động lực. | 70 | | | |
| | Bảo trì và sửa chữa máy xây dựng và máy nâng chuyển. | 35 | | | |
| | Kinh doanh xuất nhập khẩu. | 105 | | | |
| | Tài chính - Ngân hàng. | 70 | | | |
| | Kế toán doanh nghiệp. | 280 | | | |
| | Logistic. | 140 | | | |
| | Điện công nghiệp và dân dụng. | 70 | | | |
| | Bảo trì và sửa chữa thiết bị nhiệt. | 70 | | | |
| | Thiết kế thời trang. | 35 | | | |
| | Tin học ứng dụng. | 70 | | | |
| | Thiết kế và quản lý Website. | 35 | | | |
| | Công nghệ kỹ thuật phần cứng máy tính. | 70 | | | |
| | Điện tử công nghiệp. | 35 | | | |
| | Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử. | 35 | | | |
| | Công nghệ kỹ thuật điều khiển tự động. | 35 | | | |
| 248 | **Trường Trung cấp Kỹ thuật Nông nghiệp TP. Hồ Chí Minh**<br>Mã trường: TCD0216<br>Địa chỉ: 40 Đinh Tiên Hoàng, Phường Đakao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh<br>Điện thoại: 028.38225969 - Fax: 028.39103813<br>Website: www.ats.edu.vn<br>Email: admin@ats.edu.vn | | | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|
| | | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| | Chăn nuôi thú y | 240 | | Xét tuyển (Học bạ và Bằng tốt nghiệp THCS trở lên) | -Nhận hồ sơ: Từ 01/2018 đến 20/12/2018<br>-Ngày xét tuyển:<br>+ Đợt 1: 31/05/2018<br>+ Đợt 2: 31/08/2018<br>+ Đợt 3: 21/12/2018 |
| | Trồng trọt - bảo vệ thực vật | 70 | | | |
| | Quản lý đất đai | 50 | | | |
| | Bảo trì sửa chữa thiết bị nhiệt | 50 | | | |
| | Kế toán doanh nghiệp | 30 | | | |
| | Trắc địa - địa hình - địa chính | 30 | | | |
| | Thủy lợi tổng hợp | 30 | | | |
| | Thiết kế cảnh quan hoa viên | 30 | | | |
| | Quản lý nhà đất | 30 | | | |
| | Điện công nghiệp và dân dụng | 30 | | | |
| | Quản lý tài nguyên và môi trường | 30 | | | |
| | Kinh doanh bất động sản | 30 | | | |
| | Cơ điện lạnh | | 50 | Xét tuyển (Phổ cập tiểu học trở lên) | Thường xuyên |
| | Điện dân dụng | | 50 | | |
| | Kỹ thuật trồng rau hoa cây cảnh bảo vệ thực vật | | 150 | | |
| | Tin học văn phòng | | 25 | | |
| | Chăn nuôi heo | | 25 | | |
| | Chăn nuôi Bò sữa | | 100 | | |
| | Kỹ thuật trồng rau an toàn | | 170 | | |
| | Lắp ráp - cài đặt - bảo trì máy vi tính | | 25 | | |
| | Kỹ thuật trồng chăm sóc rừng ngập mặn | | 25 | | |
| | Cảnh quan Kỹ thuật hoa viên | | 25 | | |
| | Dịch vụ thú y | | 25 | | |
| | Kỹ thuật trồng nấm | | 25 | | |
| | Phòng trừ sau bệnh hại CĂQ - CCN | | 50 | | |
| | Sử dụng thuốc thú y trong chăn nuôi | | 25 | | |
| | Kỹ thuật trồng hoa kiểng | | 80 | | |
| 249 | **Trường Trung cấp Thông tin Truyền thông TP. Hồ Chí Minh**<br>Mã trường: TCD0217<br>Địa chỉ: Lô 24, công viên phần mềm Quang Trung, Quận 12, Tp. HCM<br>Điện thoại: 028.54371105 - 0902.520.510<br>Website: www.imc.edu.vn<br>Email: daotao@imc.edu.vn | | | | |
| | Quản trị hệ thống | 100 | | Xét tuyển | Từ 01/3/2018 đến 31/12/2018 |
| | Thiết kế và quản lý Website | 100 | | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|
| | | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| | Công nghệ truyền thông | 100 | | Xét tuyển | Từ 01/3/2018 đến 31/12/2018 |
| | Tiếng Anh | 100 | | | |
| 250 | **Trường Trung cấp Âu Việt**<br>Mã trường: TCD0226<br>Địa chỉ:<br>CS1: 785/5 Nguyễn Kiệm, phường 3, quận Gò Vấp, TP.HCM<br>CS2: 15 Lương Minh Nguyệt, phường Tân Thới Hoà, Tân Phú, TP.HCM<br>Điện thoại: 028.39618508 - 028.62780083<br>Website: www.auviet.edu.vn<br>Email: tuyensinh@auviet.edu.vn | | | | |
| | Dược | 100 | | Xét tuyển học bạ | 03/2018 - 12/2018 |
| | Y sỹ Y học cổ truyền | 100 | | | |
| | Y sỹ | 150 | | | |
| | Điều dưỡng | 100 | | | |
| | Kỹ thuật hình ảnh y học | 100 | | | |
| | Kế toán doanh nghiệp | 50 | | | |
| | Quản lý doanh nghiệp | 50 | | | |
| | Tin học ứng dụng | 50 | | | |
| 251 | **Trường Trung cấp Quang Trung**<br>Mã trường: TCD0231<br>Địa chỉ: 106 Đường số 34, Phường Bình Trị Đông B, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh<br>Điện thoại: 028.376 22848<br>Website: http://quangtrungco.edu.vn/<br>Email: info@quangtrungco.edu.vn | | | | |
| | Dược | 510 | | Xét tuyển | Từ 01/03 đến 30/11/2018 |
| | Điều dưỡng | 50 | | | |
| | Y sỹ | 100 | | | |
| | Quản trị mạng máy tính | 20 | | | |
| | Quản lý doanh nghiệp | 20 | | | |
| 252 | **Trường Trung cấp Bến Thành**<br>Mã trường: TCD0232<br>Địa chỉ trụ sở chính: 14 Phú Châu, Phường Tam Phú, Quận Thủ Đức, TP.HCM<br>Địa chỉ cơ sở 2: 47-49-51 Ngô Nhân Tịnh, Phường 1, Quận 6, TP.HCM<br>Điện thoại: (028) 3859 0525 Fax: (028) 3952 0026<br>Website: www.benthanh.edu.vn<br>E.mail: tuyensinh@benthanh.edu.vn | | | | |
| | Dược | 150 | | Xét tuyển theo học bạ | Tháng 1 đến tháng 12 năm 2018 |
| | Y sỹ | 80 | | | |
| | Quản lý doanh nghiệp | 80 | | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|
| | | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| | Kế toán doanh nghiệp | 80 | | Xét tuyển theo học bạ | Tháng 1 đến tháng 12 năm 2018 |
| | Công nghệ may và thời trang | 80 | | | |
| | Tài chính - Ngân hàng | 60 | | | |
| | Quản lý và bán hàng siêu thị | 80 | | | |
| | Vẽ thiết kế mỹ thuật có trợ giúp bằng máy tính | 80 | | | |
| | Sư phạm mầm non | 180 | | | |
| 253 | **Trường Trung cấp Cửu Long**<br>Mã trường: TCD0233<br>Địa chỉ: 61-63 Nguyễn Văn Đừng, P.6, Q.5<br>Điện thoại: 028.39.245.551 - 028.39.245.552<br>Website: www.cuulongcollege.edu.vn<br>Email: cuulongcollege@gmail.com | | | | |
| | Dược sỹ trung cấp | 210 | | Xét tuyển (theo học bạ THPT) | Từ 15/01/2018 đến 31/12/2018 |
| | Điều dưỡng | 30 | | | |
| | Kỹ thuật xét nghiệm | 60 | | | |
| | Kỹ thuật Vật lý trị liệu, phục hồi chức năng | 140 | | | |
| | Y sỹ Y học cổ truyền | 40 | | | |
| 254 | **Trường Trung cấp Hồng Hà**<br>Mã trường: 0208<br>Địa chỉ 1: 4/9 Hoàng Dư Khương, P12, Q.10, Tp.HCM<br>Điện thoại: 028.3868.3056 - 028.3868.3057- Hotline: 0945.19.0505<br>Địa chỉ 2: E4-52 Quốc lộ 1A, P.Bình Trị Đông B, Q. Bình Tân, TpHCM<br>Điện thoại: 028.3504.2549- Hotline: 0968.45.6845<br>Website: www.hongha.edu.vn<br>Email: trungcaphongha.edu.vn@gmail.com | | | | |
| | Dược sỹ | 200 | | Xét tuyển | |
| | Y sỹ | 200 | | | |
| | Điều dưỡng | 100 | | | |
| | Nghiệp vụ nhà hàng khách sạn | 50 | | | |
| | Điện công nghiệp và dân dụng | 50 | | | |
| | Xây dựng dân dụng và công nghiệp | 100 | | | |
| | Công nghệ thông tin | 50 | | | |
| | Kế toán doanh nghiệp | 100 | | | |
| | Quản lý doanh nghiệp | 100 | | | |
| | Tài chính - ngân hàng | 50 | | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|
| | | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| 255 | **Trường Trung cấp Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh**<br>MÃ TRƯỜNG: 0226<br>Địa chỉ: 514 Lê Quang Định, Phường 1, Quận Gò Vấp.<br>Điện thoại: 028.3588.5558<br>Website: www. tonghoptphcm.edu.vn<br>Email: tonghoptphcm_school@yahoo.com.vn | | | | |
| | Tin học ứng dụng | 100 | | Xét tuyển học bạ | Từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/12/2018 |
| | Kế toán doanh nghiệp | 100 | | | |
| | Hướng dẫn du lịch | 80 | | | |
| | Quản lý doanh nghiệp | 80 | | | |
| | Tài chính - Ngân hàng | 50 | | | |
| | Thư ký văn phòng | 50 | | | |
| | Điều dưỡng | 150 | | | |
| | Dược sỹ trung cấp | 240 | | | |
| | Y sỹ | 200 | | | |
| | Pháp luật | 100 | | | |
| | Xây dựng dân dụng và công nghiệp | 50 | | | |
| 256 | **Trường Trung cấp Y Dược Vạn Hạnh**<br>Mã trường: TCD0236<br>Địa chỉ: 302A Vườn Lài, Phường Phú Thọ Hòa, Quận Tân Phú, TP.HCM<br>Điện thoại: 028. 62 676 500<br>Website: vhs.edu.vn<br>Email: info@vhs.edu.vn | | | | |
| | Y sỹ | 50 | | Xét tuyển | 01/01/2018 -31/12/2018 |
| | Dược sỹ trung cấp | 50 | | | |
| | Điều dưỡng | 50 | | | |
| | Y sỹ y học cổ truyền | 50 | | | |
| | Kỹ thuật xét nghiệm y tế | 50 | | | |
| | Tin học ứng dụng | 50 | | | |
| | Kế toán doanh nghiệp | 50 | | | |
| | Công nghệ kỹ thuật chế biến và bảo quản thực phẩm | 50 | | | |
| | Xoa bóp - Bấm huyệt | | 200 | | |
| | Giúp việc gia đình | | 200 | | |
| | Thư ký y khoa | | 200 | | |
| | Tư vấn bán thuốc | | 200 | | |
| | Kiến thức cơ bản về Vệ sinh, An toàn thực phẩm | | 200 | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|
| | | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| 257 | **Trường Trung cấp Vạn Tường**<br>Mã trường: TCD0237<br>Địa chỉ: 469 Lê Hồng Phong, Phường 2, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh<br>Điện thoại: (028) 38355873<br>Website: www.vantuong.edu.vn<br>Email: tuyensinh@vt.edu.vn | | | | |
| | Dược | 50 | | Xét tuyển | Từ 02/01/2018 đến 31/12/2018 |
| | Điều dưỡng | 50 | | | |
| | Kinh doanh xuất nhập khẩu | 50 | | | |
| | Tài chính - Ngân hàng | 50 | | | |
| | Kế toán doanh nghiệp | 100 | | | |
| | Thư ký văn phòng | 50 | | | |
| | Tin học ứng dụng | 100 | | | |
| | Công nghệ kỹ thuật chế biến và bảo quản thực phẩm | 100 | | | |
| | Du lịch lữ hành | 100 | | | |
| 258 | **Trường Trung cấp Bách khoa TP. Hồ Chí Minh**<br>(HoChiMinh City Polytechnic College)<br>Mã trường: TCD0238<br>Địa chỉ: Trụ sở (Quận 12): Số 802- 804 đường Nguyễn Văn Quá, P.Đông Hưng Thuận, Quận 12, Tp.Hồ Chí Minh; Điện thoại: (028) 37.159.560 - 37.159.561, 37.159.562, hotline: 0936.60.63.64;<br>- Cơ sở 2 (Quận 11): tại Số 33, Đường 52, cư xá Lữ Gia, Phường 15, Quận 11, Tp.Hồ Chí Minh (Bên trong Trung tâm Dạy nghề Quận 11); Điện thoại: (028) 38.666.305- DĐ 0933.775.268.<br>Website: www.BachKhoaHCM.edu.vn; Email: BachKhoaHCM07@gmail.com. | | | | |
| | Dược sỹ | 140 | | Hệ chính quy:<br>Xét điểm học bạ lớp 12 (hoặc bằng tốt nghiệp) dành cho thí sinh đã tốt nghiệp THPT,BT. THPT<br>Xét điểm học bạ lớp 9 (dành cho thí sinh đã tốt nghiệp THCS,BT. THCS)<br>Xét điểm học bạ lớp 12 (dành cho thí sinh đã hoàn thành chương trình lớp 12 nhưng chưa tốt nghiệp) | Đợt 1:<br>Nhận hồ sơ: 01/02/2018- 06/05/2018<br>Xét tuyển: 07/05/2018<br>Đợt 2:<br>Nhận hồ sơ: 08/05/2018- 14/08/2018<br>Xét tuyển: 15/08/2018<br>Đợt 3:<br>Nhận hồ sơ: 16/08/2018 - 27/12/2018<br>Xét tuyển: 29/12/2018<br>Ghi chú:<br>Tuyển sinh trên cả nước |
| | Sư phạm mầm non | | | | |
| | Điều dưỡng | 70 | | | |
| | Y sĩ | 90 | | | |
| | Hộ sinh | 40 | | | |
| | Chăm sóc người già | 50 | | | |
| | Kế toán doanh nghiệp | 150 | | | |
| | Tài chính - Ngân hàng | 40 | | | |
| | Kiểm toán | 40 | | | |
| | Tin học ứng dụng | 130 | | | |
| | Kỹ thuật chế biến món ăn | 120 | | | |
| | Quản lý đất đai | 50 | | | |
| | Công nghệ kỹ thuật trắc địa | 40 | | | |
| | Y sĩ y học cổ truyền | 200 | | | |
| | Kỹ thuật nấu ăn | | 480 | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|
| | | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| | Kế toán thực hành | | 250 | | |
| | Kế toán tin học | | 300 | | |
| | Tin học văn phòng | | 350 | | |
| | Thiết kế Website | | 350 | | |
| | Thiết kế đồ họa | | 600 | | |
| | Nghiệp vụ chăm sóc người già | | 50 | | |
| | Kỹ thuật sửa chữa lắp, ráp mạng máy tính | | 50 | | |
| | Quản trị mạng máy tính | | 50 | | |
| 259 | **Trường Trung cấp Công nghệ Thông tin Sài Gòn**<br>Mã trường: TCD0240<br>Địa chỉ: 311-319 Gia Phú, Phường 1, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.<br>Điện thoại: 028.3854 7272 - 028.3854 9090<br>Website: www.sitc.edu.vn<br>Email: info@sitc.edu.vn - info@it.net.vn | | | | |
| | Tin học ứng dụng | 80 | | Xét tuyển học sinh tốt nghiệp THPT và THCS | Đợt 1: Từ ngày 01/08/2018 đến 31/08/2018<br>Đợt 2: Từ ngày 01/12/2018 đến 31/12/2018 |
| | Công nghệ kỹ thuật Phần cứng máy tính | 80 | | | |
| | Công nghệ kỹ thuật Điện tử - Viễn thông | 40 | | | |
| | Quản lý doanh nghiệp | 80 | | | |
| | Tiếng Anh kinh doanh | 80 | | | |
| 260 | **Trường Trung cấp Kinh tế - Du lịch TP. Hồ Chí Minh**<br>Mã trường: TCD0243<br>Địa chỉ: 145 - 147 Xuân Hồng, phường 12, quận Tân Bình, TP.HCM<br>Điện thoại: 08. 73006148 (Ext: 1141)<br>Website: cet.edu.vn<br>Email: xuanmai@huongnghiepaau.com | | | | |
| | Quản lý và kinh doanh du lịch | 100 | | Xét tuyển | |
| | Kế toán doanh nghiệp | 100 | | | |
| | Kỹ thuật chế biến món ăn | 100 | | | |
| | Nghiệp vụ nhà hàng, khách sạn | 150 | | | |
| 261 | **Trường Trung cấp Mai Linh**<br>Mã trường: TCD0244<br>Địa chỉ: 64-68 Hai Bà Trưng, P. Bến Nghé, Quận 1, Tp.HCM.<br>Điện thoại: (028) 62979 888 - (028) 62978 999<br>Website: www.mailinh.edu.vn<br>Email: tuyensinhmailinh@gmail.com. | | | | |
| | Kế toán doanh nghiệp | 50 | | Xét tuyển | Quanh năm |
| | Thư ký văn phòng | 20 | | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|
| | | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| | Bảo trì và sữa chữa ô tô | 150 | | Xét tuyển | Quanh năm |
| | Quản lý và kinh doanh khách sạn | 60 | | | |
| | Điện công nghiệp và dân dụng | 100 | | | |
| | Điều dưỡng | 20 | | | |
| | Nghiệp vụ lễ tân | | 50 | | |
| | Nghiệp vụ bảo mẫu | | 50 | | |
| | Nghiệp vụ buồng | | 50 | | |
| | Nghiệp vụ bàn | | 50 | | |
| | Quản lý nhà hàng khách sạn | | 50 | | |
| | Cấp dưỡng | | 50 | | |
| | Điều dưỡng chăm sóc người cao tuổi | | 50 | | |
| 262 | **Trường Trung cấp Nguyễn Tất Thành**<br>Mã trường: TCD00245<br>Địa chỉ: 27A Nguyễn Oanh, phường 17, Gò Vấp, TP.HCM<br>Điện thoại: (028) 6271 2464<br>Website: www.tcntt.edu.vn<br>Email: nguyentatthanhtc@gmail.com | | | | |
| | Dược | 50 | | Xét tuyển | Từ tháng 01/2018 đến tháng 12/2018 |
| | Y sỹ | 30 | 50 | | |
| | Điều dưỡng | 50 | 50 | | |
| | Tài chính - ngân hàng | 30 | 30 | | |
| | Kế toán doanh nghiệp | 30 | 30 | | |
| | Du lịch lữ hành | 20 | 30 | | |
| | Quản lý đô thị | 30 | 30 | | |
| | Kinh doanh thương mại và dịch vụ | 30 | 30 | | |
| | Kinh doanh bưu chính viễn thông | 30 | | | |
| | Quản trị mạng máy tính | 30 | 30 | | |
| | Kỹ thuật lắp ráp, sửa chữa máy tính | 30 | 30 | | |
| | Tin học ứng dụng | 30 | 30 | | |
| | Điện công nghiệp & dân dụng | 20 | 30 | | |
| | Xây dựng dân dụng & công nghiệp | 20 | 20 | | |
| | Nhiệt điện | 20 | 20 | | |
| | Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông | 20 | 20 | | |
| | Tạo mẫu tóc và chăm sóc sắc đẹp | 50 | 100 | | |
| | Công nghệ may & thời trang | 30 | 40 | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|
| | | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| 263 | **Trường Trung cấp Phương Nam**<br>Mã trường: 0218<br>Địa chỉ: 23-25 Nguyễn Văn Vịnh, Phường Hiệp Tân, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh<br>Điện thoại: 0283.961.6608; 0283.961.6678; Hotline: 0977.014.098<br>Website: www.phuongnam-et.edu.vn<br>Email: 0218@moet.edu.vn | | | | |
| | Dược | 150 | 200 | Xét tuyển | 01/1/2018 đến 31/12/2018 |
| | Điều dưỡng | 30 | 50 | | |
| | Sư phạm mầm non | 170 | 50 | | |
| | Quản lý đất đai | 30 | 50 | | |
| | Tiếng Anh | 30 | 100 | | |
| | Tin học ứng dụng | 30 | 100 | | |
| | Kế toán doanh nghiệp | 30 | 0 | | |
| | Quản trị khách sạn | 30 | 0 | | |
| | Quản trị lữ hành | 30 | 0 | | |
| 264 | **Trường Trung cấp Tây Sài Gòn**<br>Mã trường: TCD0247<br>Địa chỉ: Đường Suối Lội, ấp Bàu Sim, xã Tân Thông Hội, huyện Củ Chi, Tp.Hồ Chí Minh<br>Điện thoại: 08.37963840; 08.3796384<br>Website: www.wsc.edu.vn<br>Email: trungcaptaysaigon@gmail.com | | | | |
| | Công nghệ kỹ thuật điện - Điện tử | 30 | | Xét tuyển | Từ tháng 1 đến tháng 12/2018 |
| | Công nghệ may và thời trang | 40 | | | |
| | Kế toán doanh nghiệp | 40 | | | |
| | Nghiệp vụ nhà hàng, khách sạn | 30 | | | |
| | Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính | 40 | | | |
| | Quản lý doanh nghiệp | 40 | | | |
| | Dược | 120 | | | |
| | Y sỹ Y học cổ truyền | 450 | | | |
| | Tài chính- Ngân hàng | 30 | | | |
| 265 | **Trường Trung cấp Việt Khoa**<br>Mã trường: TCD0249<br>Địa chỉ: 153 đường Tân Thới Nhất 5, Phường Tân Thới Nhất, Quận 12, TP.HCM<br>Điện thoại: 028 37190699 - 0912 429 944<br>Website: www.vietkhoa.edu.vn<br>Email: tcvkhcm@gmail.com | | | | |
| | Quản trị mạng máy tính | 50 | | Xét tuyển | Tháng 3 - 12/2018 |
| | Vẽ thiết kế mỹ thuật có trợ giúp bằng máy tính | 50 | | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|
| | | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| | Kế toán doanh nghiệp | 50 | | Xét tuyển | Tháng 3 - 12/2018 |
| | Kinh doanh thương mại và dịch vụ | 50 | | | |
| | Tài chính - Ngân hàng | 50 | | | |
| | Hướng dẫn du lịch | 50 | | | |
| | Thiết kế kiến trúc | 50 | | | |
| | Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông | 50 | | | |
| 266 | **Trường Trung cấp Tin học Kinh tế Sài Gòn**<br>Mã trường: TCD0250<br>Địa chỉ: Số 14-16-18 Nguyễn An Ninh, Phường 14, Quận Bình Thạnh, TP. HCM<br>Điện thoại: 028.3551 3658 - 0901 302 866<br>Website: www.iescollege.edu.vn<br>Email: tinhockinhtesaigon@iescollege.edu.vn | | | | |
| | Vẽ thiết kế mỹ thuật có trợ giúp bằng máy tính | 50 | | Xét tuyển | 01/01/2018 - 30/12/2018 |
| | Quản lý doanh nghiệp | 150 | | | |
| | Marketing | 150 | | | |
| | Quản lý và kinh doanh khách sạn | 200 | | | |
| | Kế toán doanh nghiệp | 100 | | | |
| | Thư ký văn phòng | 50 | | | |
| | Tin học ứng dụng | 200 | | | |

| TT | Tên ngành đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh 2018 | | Hình thức tuyển sinh TCCN hệ chính quy (Bằng hình thức xét tuyển) | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|
| | | Tốt nghiệp THPT | Tốt nghiệp THCS | | |
| 267 | **Trường Trung cấp Sài Gòn (Tên cũ: Trường trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật Sài Gòn)**<br>Mã trường: TCD0251<br>Địa chỉ: Số 4A, 8A,6B, 8B đường Nguyễn Thái Sơn, Phường 3, Quận Gò Vấp, TPHCM<br>Điện thoại: 028 62936116<br>Họ tên Hiệu trưởng: Nguyễn Việt Dũng; Điện thoại: 0903990099<br>Website: www.saigonc.edu.vn<br>Email: nguyenvietdungetc@gmail.com | | | | |
| | Tin học ứng dụng | 40 | 30 | - Đối tượng tuyển sinh:<br>+ Tốt nghiệp THPT, bổ túc THPT hoặc tương đương.<br>+ Hoàn thành chương trình lớp 12, Thi trượt tốt nghiệp THPT.<br>+ Tốt nghiệp THCS hoặc học dở dang lớp 10,11,12. | - Thời gian nhận hồ sơ: 15/4 - 15/12/2018<br>- Thời gian xét tuyển:<br>+ Đợt 1:15/6/2018<br>+ Đợt 2: 15/8/2018 + Đợt 3:15/10/2018<br>+ Đợt 4: 15/12/2018<br>- Tuyển thí sinh trong cả nước. |
| | Kế toán doanh nghiệp | 90 | 60 | | |
| | Điện công nghiệp và dân dụng | 90 | 60 | | |
| | Xây dựng công nghiệp và dân dụng | 70 | 40 | | |
| | Nghiệp vụ nhà hàng khách sạn | 40 | 30 | | |
| | Thư ký văn phòng | 25 | 15 | | |
| | Tài chính Ngân hàng | 25 | 15 | | |
| | Marketing | 90 | 60 | | |

| TT | Tên ngành đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh 2018 | | Hình thức tuyển sinh TCCN hệ chính quy (Bằng hình thức xét tuyển) | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|
| | | Tốt nghiệp THPT | Tốt nghiệp THCS | | |
| | Kiểm toán | 25 | 15 | + Tốt nghiệp Trung cấp, Cao đẳng, Đại học.<br>- Tiêu chí xét tuyển:<br>+ Học sinh tốt nghiệp và có bằng tốt nghiệp các bậc học theo đối tượng trên.<br>+ Xét tuyển Bằng tốt nghiệp: Bằng tốt nghiệp THCS; Bằng tốt nghiệp THPT; Bằng tốt nghiệp THCS và Chứng nhận hoàn thành chương trình THPT; Bằng Kỹ thuật viên, Trung cấp, Cao đẳng, Đại học. | * Ghi chú:<br>- Nhà trường có chế độ học bổng cho sinh viên học giỏi, sinh viên vượt khó.<br>- Miễn giảm học phí cho con mồ côi - hoàn cảnh khó khăn, gia đình chính sách hoàn cảnh khó khăn, nghèo vượt khó, Công nhân và Bộ đội xuất ngũ.<br>- Nhà trường có bộ phận chăm lo chỗ ăn, chỗ ở cho học sinh vùng sâu, vùng xa, học sinh từ các tỉnh về nhập học.<br>- Có tất cả các chế độ ưu đãi (Hỗ trợ thủ tục vay vốn ngân hàng, miễn giảm học phí...) và nhiều hình thức động viên học bổng khuyến học khác. |
| | Công nghệ kỹ thuật chế biến và bảo quản thực phẩm | 25 | 15 | | |
| | Kinh doanh xuất nhập khẩu | 25 | 15 | | |
| | Quản lý doanh nghiệp | 25 | 15 | | |
| | Dịch vụ pháp lý | 40 | 30 | | |
| | Hướng dẫn du lịch | 40 | 30 | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|
| | | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| 267 | **Trường Trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật Tây Nam Á**<br>Mã trường: 0212<br>Địa chỉ: 254 Lê Trọng Tấn, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Tp.HCM<br>Điện thoại:(028) 38164843 - 38164832 - 22462511<br>Hiệu trưởng: TS. Nguyễn Văn ToànĐiện thoại: (08) 38164832<br>Website: truongtaynama.edu.vnEmail: tccntaynama@gmail.com | | | | |
| | Sư phạm Mầm non | 700 | | Xét tuyển (Theo học bạ) | Đợt 1: 01/01 -13/03<br>Đợt 2: 20/03 -13/05<br>Đợt 3: 20/05 -13/07<br>Đợt 4: 20/07 -13/09<br>Đợt 5: 20/09 -13/11 |
| | Điều dưỡng | 70 | | | |
| | Quản lý và kinh doanh du lịch | 100 | | | |
| | Tin học ứng dụng | 80 | | | |
| | Xây dựng dân dụng và công nghiệp | 100 | | | |
| | Công nghệ Kỹ thuật Chế biến và Bảo quản thực phẩm | 50 | | | |
| | Quản lý doanh nghiệp | 100 | | | |
| | Kế toán | 100 | | | |
| 269 | **Trường Trung cấp Thủy sản**<br>Mã trường: TCT0202<br>Địa chỉ: 511 An Dương Vương, P. An Lạc A, Q. Bình Tân, Tp. Hồ Chí Minh<br>Điện thoại: 028.38750349<br>Website: trungcapthuysan.edu.vn<br>Email: trungcapthuysan@gmail.com | | | | |
| | Khai thác hàng hải thủy sản | 450 | 0 | Xét tuyển | Cả năm |
| | Khai thác đánh bắt hải sản | | | | |
| | Nuôi trồng thủy sản | | | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|
| | | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| | Nuôi trồng thủy sản nước ngọt | | | Xét tuyển | Cả năm |
| | Nuôi trồng thủy sản nước mặn, lợ | | | | |
| | Công nghệ sinh học | | | | |
| | Công nghệ kỹ thuật chế biến và bảo quản thủy sản | | | | |
| | Công nghệ kỹ thuật chế biến và bảo quản thực phẩm | | | | |
| | Bảo trì và sửa chữa thiết bị nhiệt | | | | |
| | Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí | | | | |
| | Điện công nghiệp và dân dụng | | | | |
| | Điện công nghiệp | | | | |
| | Điện dân dụng | | | | |
| | Sửa chữa máy tàu thủy | | | | |
| | Bảo trì và Sửa chữa máy tàu thủy | | | | |
| | Kế toán doanh nghiệp | | | | |
| | Tin học ứng dụng | | | | |
| | Quản trị mạng máy tính | | | | |
| | Quản trị cơ sở dữ liệu | | | | |
| | Kỹ thuật sửa chữa lắp ráp máy tính | | | | |
| | Thuyền trưởng tàu cá hạng tư | 0 | 200 | | |
| | Máy trưởng tàu cá hạng tư | | | | |
| | Nuôi cá lồng bè trên biển | | | | |
| | Thuyền trưởng tàu cá hạng nhỏ | | | | |
| | Máy trưởng tàu cá hạng nhỏ | | | | |
| | Chế biến hải sản khô | | | | |
| 270 | **Trường Trung cấp Công nghệ Lương thực Thực phẩm**<br>Mã trường: TCT0201<br>Địa chỉ: 296 Lưu Hữu Phước, Phường 15, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh<br>Điện thoại: 082.38776919<br>Website: www.hftc.edu.vn<br>Email: pdt.cnlttp@gmail.com | | | | |
| | Công nghệ kỹ thuật kiểm nghiệm chất lượng lương thực thực phẩm | 25 | | Xét tuyển học bạ năm cuối cấp THCS, THPT. | Đợt 1: Từ 04/6/2018 đến 15/6/2018<br>Đợt 2: Từ 06/8/2018 đến 17/8/2018 |
| | Công nghệ kỹ thuật chế biến và bảo quản thực phẩm | 50 | | | |
| | Công nghệ kỹ thuật chế biến và bảo quản lương thực | 20 | | | |
| | Kế toán doanh nghiệp | 35 | | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|
| | | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| | Điện công nghiệp và dân dụng | 35 | | Xét tuyển học bạ năm cuối cấp THCS, THPT. | Đợt 3: Từ 01/10/2018 đến 12/10/2018<br>Đợt 4: Từ 03/12/2018 đến 14/12/2018 |
| | Quản lý đất đai | 30 | | | |
| | Bảo trì và sửa chữa thiết bị nhiệt | 35 | | | |
| | Bảo trì và sửa chữa thiết bị cơ khí | 35 | | | |
| | Tin học ứng dụng | 35 | | | |
| | Chế biến rau quả | | 20 | | |
| | Chế biến sản phẩm từ bột gạo | | 20 | | |
| | Chế biến sản phẩm từ thịt gia súc | | 20 | | |
| | Chế biến sản phẩm từ đậu nành | | 20 | | |
| | Sơ chế, bảo quản rau, củ, quả sau thu hoạch | | 20 | | |
| 271 | **Trường Trung cấp Múa Thành phố Hồ Chí Minh**<br>Mã trường: TCT0204<br>Địa chỉ: 155 Bis Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường 6, quận 3, Tp. HCM<br>Điện thoại: 028 39303492<br>Website: truongmuahcm.vn<br>Email: truongmuahcm@moet.edu.vn | | | | |
| | Nghệ thuật biểu diễn kịch múa (chính quy 6 năm) | 45 | | Thi tuyển (thể hình, năng khiếu) | 19,20/7/2018 |
| | Nghệ thuật biểu diễn múa dân gian dân tộc (chính quy 4 năm) | 45 | | | |
| | Nghệ thuật biểu diễn múa dân gian dân tộc (vừa làm vừa học 2 năm) | 100 | | | |
| 272 | **Trường Trung cấp Chuyên nghiệp Tôn Đức Thắng**<br>Mã trường: TCT0209<br>Địa chỉ: 98 Ngô Tất Tố, Phường 19, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh<br>Điện thoại: 028 3840 7478<br>Website: thcn@tdt.edu.vn<br>Email: thcn@tdt.edu.vn | | | | |
| | Thiết kế đồ họa | 20 | | Xét tuyển<br>- Theo kết quả thi THPT<br>- Theo kết quả học bạ ở bậc THPT | 15/05/2017 đến 15/11/2017 |
| | Thiết kế thời trang | 20 | | | |
| | Bán hàng trong siêu thị | 20 | | | |
| | Tài chính - Ngân hàng | 20 | | | |
| | Kế toán doanh nghiệp | 20 | | | |
| | Lập trình máy tính | 20 | | | |
| | Quản trị mạng máy tính | 20 | | | |
| | Bảo trì và sửa chữa thiết bị nhiệt | 20 | | | |
| | Kỹ thuật mạng ngoại vi và thiết bị đầu cuối | 20 | | | |
| | Điện công nghiệp và dân dụng | 20 | | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|
| | | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| | Xây dựng dân dụng và công nghiệp | 20 | | Xét tuyển<br>- Theo kết quả thi THPT<br>- Theo kết quả học bạ ở bậc THPT | 15/05/2017 đến 15/11/2017 |
| | Hướng dẫn du lịch | 20 | | | |
| | Quản trị khách sạn | 20 | | | |
| | Tạo mẫu và chăm sóc sắc đẹp | 20 | | | |
| **VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG** | | | | | |
| **LONG AN** | | | | | |
| 273 | **Trường Trung cấp Y tế Long An**<br>Mã trường: 4902<br>Địa chỉ: Số 93, Quốc lộ 62, Phường 6, Thành phố Tân An, Tỉnh Long An<br>Điện thoại: 0272. 3828851<br>Website: www.tcytlongan.gov.vn<br>Email: ttcyt@longan.gov.vn | | | | |
| | Y sỹ định hướng Y học cổ truyền | 50 | | Xét tuyển | Dự kiến từ ngày 04/6/2018 đến ngày 28/9/2018 |
| | Điều dưỡng | 50 | | | |
| | Hộ sinh | 50 | | | |
| | Dược sỹ | 50 | | | |
| | Dược tá | | 50 | | |
| 274 | **Trường Trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật Long An**<br>Mã trường: TCD4908<br>Địa chỉ: 277, ấp Voi Lá, thị trấn Bến Lức, huyện Bến Lức, tỉnh Long An<br>Điện thoại: 02723641313<br>Website: http://ktktlongan.edu.vn<br>Email: trungcapktktlongan@longan.edu.vn. | | | | |
| | Kế toán doanh nghiệp | 80 | | Xét tuyển | Tuyển sinh thường xuyên |
| | Tin học ứng dụng | 50 | | | |
| | Công nghệ kỹ thuật cơ khí | 100 | | | |
| | Điện công nghiệp và dân dụng | 130 | | | |
| | Điện tử công nghiệp | 50 | | | |
| | Cắt gọt kim loại | 50 | | | |
| | Điện công nghiệp | 50 | | | |
| | Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí | 50 | | | |
| | Công nghệ ô tô | 50 | | | |
| | May thời trang | 50 | | | |
| | Kế toán doanh nghiệp | | 80 | | |
| | Điện công nghiệp và dân dụng | | 90 | | |
| | Lái xe ô tô hạng B, C, D | | 400 | | |
| | Vận hành xe nâng hàng | | 120 | | |
| | Tiện kim loại | | 80 | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|
| | | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| | Hàn cắt kim loại | | 80 | Xét tuyển | Tuyển sinh thường xuyên |
| | Điện lạnh dân dụng | | 60 | | |
| | Lập trình PLC S7-200 điều khiển thiết bị điện công nghiệp | | 90 | | |
| | Sản xuất cọc bê tông ly tâm | | 60 | | |
| 275 | **Trường Trung cấp Nghề Đức Hòa**<br>Mã trường: TCD4902<br>Địa chỉ: 180A - đường 3/2 - TT. Hậu Nghĩa - huyện Đức Hòa - tỉnh Long An<br>Điện thoại: 0272.3851.617<br>Website: www.daynngheducchoa.edu.vn<br>Email: ttcnduchoa@yahoo.com | | | | |
| | Cắt gọt kim loại | 75 | | Xét tuyển | - Đợt 1: tháng 7/2018<br>- Đợt 2: tháng 11/2018 |
| | Chế tạo thiết bị cơ khí | 60 | | | |
| | Hàn | 30 | | | |
| | Công nghệ ô tô | 50 | | | |
| | Điện công nghiệp | 110 | | | |
| | Điện tử công nghiệp | 30 | | | |
| | May thời trang | 60 | | | |
| | Sửa chữa thiết bị may | 35 | | | |
| | Công nghệ thông tin | 30 | | | |
| | Thú y | 30 | | | |
| | Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí | 60 | | | |
| | Kế toán doanh nghiệp | 30 | | | |
| | Tiện | | 10 | | Từ 1/1/2018 đến 31/12/2018 |
| | Hàn | | 25 | | |
| | Sửa chữa điện ô tô | | 5 | | |
| | Điện dân dụng | | 10 | | |
| | Điện công nghiệp | | 25 | | |
| | Vận hành sửa chữa thiết bị lạnh | | 10 | | |
| | Lắp ráp, cài đặt và sửa chữa máy tính | | 10 | | |
| | Tin học văn phòng | | 25 | | |
| | Sửa chữa thiết bị may | | 60 | | |
| 276 | **Trường Trung cấp Nghề Đồng Tháp Mười**<br>Mã trường: TCD4903<br>Địa chỉ: Quốc lộ 62, khu phố 3, phường 3, thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An<br>Điện thoại: 02723 840198<br>Website:<br>Email: ttcndtm@longan.gov.vn | | | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|
| | | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| | Công nghệ ôtô | X | | Xét tuyển | 15/01/2018 đến 07/12/2018 |
| | Cắt gọt kim loại | X | | | |
| | Hàn | X | X | | |
| | Cơ điện nông thôn | X | | | |
| | Kỹ thuật sữa chữa lắp ráp máy tính | X | | | |
| | Điện công nghiệp | X | X | | |
| | Điện tử dân dụng | X | | | |
| | Thú y | X | X | | |
| | Bảo vệ thực vật | X | X | | |
| | Chăn nuôi gia súc - gia cầm | X | | | |
| | Kế toán doanh nghiệp | X | | | |
| | Công tác xã hội | X | | | |
| | Điện dân dụng | | X | | |
| | Điện lạnh | | X | | |
| | Đồ hoạ máy tính | | X | | |
| | Kỹ thuật chế biến và bảo quản lương thực, thực phẩm | | X | | |
| | Kỹ thuật xây dựng | | X | | |
| | Lắp ráp, cài đặt máy vi tính | | X | | |
| | May công nghiệp | | X | | |
| | May gia đình | | X | | |
| | Nuôi trồng thuỷ sản | | X | | |
| | Sửa chữa động cơ xăng, dầu | | X | | |
| | Sửa chữa thiết bị may | | X | | |
| | Sửa chữa xe gắn máy | | X | | |
| | Tiện | | X | | |
| | Tin học văn phòng | | X | | |
| | Trồng khoai mì | | X | | |
| | Trồng lúa năng suất cao | | X | | |
| | Vận hành hệ thống cấp nước nông thôn | | X | | |
| 277 | **Trường Trung cấp Nghề Cần Giuộc**<br>Mã trường: TCD4904<br>Địa chỉ: Số 96, Đường tỉnh 835A, Xã Trường Bình, Huyện Cần Giuộc, Tỉnh Long An<br>Điện thoại: 0272.3893874, 0272.3894315<br>Website:<br>Email: ttcncangiuoc@longan.gov.vn | | | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|
| | | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| | Cắt gọt kim loại | 50 | 30 | Xét tuyển | Từ 01/01/2018 đến 31/12/2018 |
| | Công nghệ ô tô | 80 | | | |
| | Điện công nghiệp | 80 | 30 | | |
| | Quản trị mạng máy tính | 70 | 30 | | |
| | Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh | 50 | 30 | | |
| | Điện dân dụng | | 30 | | |
| | Hàn | | 30 | | |
| | Lắp ráp, cài đặt máy vi tính | | 30 | | |
| | May công nghiệp và dân dụng | | 60 | | |
| | Sửa chữa động cơ xăng, dầu | | 30 | | |
| | Sửa chữa thiết bị may | | 30 | | |
| | Sửa chữa xe gắn máy | | 30 | | |
| | Thiết kế đồ họa | | 30 | | |
| | Tin học văn phòng | | 60 | | |
| 278 | **Trường Trung cấp Nghề và Đào tạo Cán bộ HTX miền Nam**<br>Mã trường: TCT4906<br>Địa chỉ: Số 6, QL1A, Khu phố Nhơn Phú, phường 5, Tp.Tân An, Long An<br>Điện thoại: (0272) 3511257<br>Website: svct.edu.vn<br>Email: svct15072011@gmail.com | | | | |
| | Kế toán doanh nghiệp | 40 | | Xét tuyển | Cả năm |
| | Quản trị doanh nghiệp vừa và nhỏ | 40 | | | |
| | Quản trị mạng máy tính | 40 | | | |
| | Quản trị kinh doanh vận tải đường bộ | 40 | | | |
| | Kế toán hợp tác xã | 50 | | | |
| | Kỹ thuật xây dựng | | 90 | | |
| | Kỹ thuật hàn | | 60 | | |
| | Giám đốc hợp tác xã | | 100 | | |
| | Kế toán hợp tác xã | | 100 | | |
| | Kiểm soát hợp tác xã | | 100 | | |
| 279 | **Trường Trung cấp Việt Nhật**<br>Mã trường: TCD4910<br>Địa chỉ: Số 3, đường số 3, KDC Kiến Phát, phường 6, thành phố Tân An, tỉnh Long An<br>Điện thoại: (0272)3 524 579<br>Website: http://truongvietnhat.edu.vn<br>Email: info@truongvietnhat.edu.vn | | | | |
| | Kế toán doanh nghiệp | 50 | | Xét tuyển (theo học bạ) | Từ 1/1/2018 đến 31/12/2018 |
| | Quản trị hệ thống | 50 | | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|
| | | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| | Xây dựng dân dụng và công nghiệp | 50 | | Xét tuyển (theo học bạ) | Từ 1/1/2018 đến 31/12/2018 |
| | Văn thư - Lưu trữ | 50 | | | |
| | Sư phạm mầm non | 80 | | | |
| **TIỀN GIANG** | | | | | |
| 280 | **Trường Trung cấp Bách khoa Gò Công**<br>Mã trường: TCD5308<br>Địa chỉ: 91 Hai Bà Trưng, P1,Tx Gò Công, Tiền Giang<br>Điện thoại: 02733841684 - Fax: 02733510212<br>Website: bachkhoagocong.edu.vn<br>Email: 5301@moet.edu.vn | | | | |
| | Điện công nghiệp và dân dụng | 30 | | Xét tuyển tổng điểm 2 môn Văn và Toán lớp 9 | Từ tháng 05 đến tháng 8/2018 |
| | Lập trình/Phân tích hệ thống | 30 | | | |
| | Kế toán doanh nghiệp | 30 | | | |
| | Công nghệ May và Thời trang | 30 | | | |
| 281 | **Trường Trung cấp Kinh tế - Công nghệ Cai Lậy**<br>Mã trường: TCD5303<br>Địa chỉ: Số 12, đường 868, khu phố 2, phường 5, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang<br>Điện thoại: 02733 826447 - 02733 710591<br>Website: tccailay.tiengiang.edu.vn<br>Email: tcktcncailay.tiengiang@moet.edu.vn | | | | |
| | Điện công nghiệp và dân dụng | 30 | | Xét tuyển | Từ tháng 01/2018 đến 12/2018 |
| | Quản trị mạng máy tính | 30 | | | |
| | Kế toán doanh nghiệp | 30 | | | |
| | Lắp đặt điện nội thất | | 20 | | |
| | Sửa chữa quạt, động cơ và ổn áp | | 20 | | |
| | Sửa chữa xe gắn máy | | 20 | | |
| | May công nghiệp | | 20 | | |
| 282 | **Trường Trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật Tiền Giang**<br>Mã trường: 5302<br>Địa chỉ: 11 Hùng Vương, Phường 7, Mỹ Tho - Tiền Giang<br>Điện thoại: 0273.3872635<br>Website: https://www.tcktkt.tiengiang.edu.vn<br>Email: tcktkt.tiengiang@moet.edu.vn | | | | |
| | Tin học ứng dụng | 25 | | Xét tuyển theo học bạ | 8/5/2018 - 16/9/2018 |
| | Kỹ thuật sửa chữa lắp ráp máy tính | 20 | | | |
| | Điện công nghiệp và Dân dụng | 50 | | | |
| | Kế toán doanh nghiệp | 30 | | | |
| | Marketing thương mại | 20 | | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|
| | | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| | Công nghệ may và thời trang | 25 | | Xét tuyển theo học bạ | 8/5/2018 - 16/9/2018 |
| | Nghiệp vụ nhà hàng, khách sạn | 30 | | | |
| | Kỹ thuật chế biến món ăn | 20 | | | |
| | Lắp đặt điện công trình | 20 | | | |
| 283 | **Trường Trung cấp Kỹ thuật - Nghiệp vụ Cái Bè**<br>Mã trường: TCD5301<br>Địa chỉ: Cơ sở 1: Khu 4, Thị trấn Cái Bè, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang;<br>Cơ sở 2: Ấp Hòa Phúc, xã Hòa Khánh, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang<br>Điện thoại: 02733 924291; 02733 923 288<br>Website: trungcapcaibe.edu.vn<br>Email: tcktnvcaibe.tiengiang@moet.edu.vn | | | | |
| | Điện Công nghiệp và dân dụng | 30 | | Xét tuyển học bạ lớp cuối cấp | Từ 02/4/2018 đến 31/12/2018 |
| | Kế toán doanh nghiệp | 20 | | | |
| | Thú y | 40 | | | |
| | Kỹ thuật lắp ráp sửa chữa máy tính | 20 | | | |
| | Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí | 40 | | | |
| | Tiện | | 20 | Xét tuyển hồ sơ | Từ 26/02/2018 đến 31/12/2018 |
| | Hàn | | 20 | | |
| | Lắp đặt điện nhà | | 20 | | |
| | Điện lạnh | | 20 | | |
| | Sửa chữa, cài đặt, bảo trì máy tính | | 20 | | |
| | Kế toán khai báo thuế | | 20 | | |
| 284 | **Trường Trung cấp Văn hóa Nghệ thuật Tiền Giang**<br>Mã trường: TCT 5305<br>Địa chỉ: Số 56 Lê Thị Hồng Gấm, Phường 6, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang<br>Điện thoại: 0273.3970696<br>Email: truongtcvhnttg@gmail.com | | | | |
| | Thanh nhạc | 20 | | Thi tuyển:<br>- Hát<br>- Nhảy âm<br>- Gõ tiết tấu | Bắt đầu từ tháng 2/2018 cho đến khi đủ chỉ tiêu để mở lớp và kết thúc tuyển sinh vào tháng 2/2019 |
| | Nghệ thuật biểu diễn sân khấu cải lương | 15 | | Thi tuyển: chọn 1 trong các môn năng khiếu sau:<br>- Diễn 1 tiểu tiết hoặc 1 trích đoạn ngắn<br>- Hát 6 câu vọng cổ<br>- Đàn 6 câu vọng cổ<br>- Ca các bài ca tài tử | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|
| | | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| | Nghệ thuật biểu diễn múa dân gian dân tộc | 20 | | Thi tuyển:<br>- Độ dẻo<br>- Gõ tiết tấu<br>- Múa theo thị phạm | |
| | Sư phạm mỹ thuật | 20 | | Thi tuyển:<br>- Hình họa<br>- Trang trí | |
| | Thư viện | 20 | | Xét tuyển | |
| | Hướng dẫn du lịch | 15 | | | |
| 285 | **Trường Trung cấp Nghề Giao thông Vận tải Tiền Giang**<br>Mã trường: TCD5306<br>Địa chỉ: Số 469 Khu phố 6, Phường 9, Thành phố Mỹ Tho, Tiền Giang<br>Điện thoại: 02733.958989 - 02733.883282<br>Website:<br>Email: truongtcngtvttg@gmail.com | | | | |
| | Quản trị kinh doanh vận tải đường bộ | 35 | | Xét tuyển | 9,10/2018 |
| | Điều khiển phương tiện thủy nội địa | 35 | | | |
| | Khai thác máy tàu thủy | 35 | | | |
| | Lái xe ôtô các hạng B, C | | 1200 | | Thường xuyên |
| | Thuyền viên phương tiện thủy nội địa | | 100 | | |
| | Lái phương tiện - Thợ máy phương tiện thủy nội địa hạng I | | 100 | | |
| | Nâng hạng Thuyền trưởng thủy nội địa hạng III, II | | 100 | | |
| | Nâng hạng Máy trưởng thủy nội địa hạng III, II | | 100 | | |
| 286 | **Trường Trung cấp Nghề khu vực Cai Lậy**<br>Mã trường: TCD 5302<br>Địa chỉ: Trường Trung cấp nghề khu vực Cai Lậy, đường Trần Xuân Hòa, Phường 1, Thị xã Cai Lậy<br>Điện thoại: 02733919922<br>Website: tcnkcailay.com.vn<br>Email: trungcapnghecailay@yahoo.com.vn | | | | |
| | Hệ Trung Cấp | 360 | | | |
| | Điện công nghiệp | 80 | | Xét tuyển | Cả năm |
| | Điện tử công nghiệp | 40 | | | |
| | Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí | 40 | | | |
| | Công nghệ ô tô | 80 | | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|
| | | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| | Cắt gọt kim loại | 40 | | Xét tuyển | Cả năm |
| | May thời trang | 40 | | | |
| | Hàn | 40 | | | |
| | Hệ Sơ Cấp | | 210 | | |
| | May công nghiệp | | 35 | Xét tuyển | Cả năm |
| | Sữa chữa xe gắn máy | | 35 | | |
| | Lắp đặt hệ thống điện | | 35 | | |
| | Sữa chữa trang thiết bị nhiệt gia đình | | 35 | | |
| | Sửa chữa quạt, động cơ và ổn áp | | 35 | | |
| | Sửa chữa bảo trì tủ lạnh và điều hòa nhiệt độ | | 35 | | |
| 287 | **Trường Trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật Công đoàn Tiền Giang**<br>Mã trường:<br>Địa chỉ: 95/3, Lê Thị Hồng Gấm, KP 2, F.6, TP Mỹ Tho, Tiền Giang<br>Điện thoại: 0273.3883.554 - 0273.3979.195 (Phòng đào tạo)<br>Website: tcncongdoan.edu.vn<br>Email: ttccongdoantg@yahoo.com.vn | | | | |
| | Kế toán doanh nghiệp | 20 | | Xét tuyển | 03/2017-11/2017 |
| | Quản trị mạng máy tính | 20 | | | |
| | Chế biến thực phẩm | 20 | | | |
| | Công tác xã hội | 20 | | | |
| | Điện công nghiệp | 20 | | | |
| 288 | **Trường Trung cấp Nghề khu vực Gò Công**<br>Mã trường: TCD5307<br>Địa chỉ: 26/1 Võ Thị Lớ, Khu phố 5, Phường 4, Thị xã Gò Công, Tỉnh Tiền Giang<br>Điện thoại: 0273 3514416 - 0273 3514250<br>Website: tcngocong.edu.vn<br>Email: pdttcngc@gmail.com - ptchcth@gmail.com | | | | |
| | Điện công nghiệp | 25 | | Xét tuyển theo học bạ | từ 01/3/2018 đến 31/12/2018 |
| | Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí | 20 | | | |
| | Công nghệ ô tô | 20 | | | |
| | Cắt gọt kim loại | 20 | | | |
| | May thời trang | 30 | | | |
| | Quản trị mạng máy tính | 20 | | | |
| | Tin học văn phòng | 20 | | | |
| | Cơ điện lạnh thủy sản | 15 | | | |
| | Hàn | 15 | | | |
| | Điện tử công nghiệp | 15 | | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|
| | | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| | Lắp đặt hệ thống điều hòa không khí trung tâm | | 18 | Xét tuyển theo học bạ | từ 02/01/2018 đến 31/12/2018 |
| | Hàn | | 20 | | |
| | Tiện | | 18 | | |
| | Sửa chữa máy tàu thủy | | 15 | | |
| | Sửa chữa thiết bị may công nghiệp | | 20 | | |
| | Lắp ráp, cài đặt và bảo trì máy tính | | 20 | | |
| **BẾN TRE** | | | | | |
| 289 | **Trường Trung cấp Nghề Bến Tre**<br>Mã trường: TCD5601<br>Địa chỉ: Số 884, tỉnh lộ 884, ấp 2 xã Sơn Đông, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre<br>Điện thoại: 0275.3.822.854 - 0275.817.080<br>Email: daotao.ttcnbt@gmail.com | | | | |
| | Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính | 30 | 50 | Xét tuyển | Từ 01/3/2018 đến ngày 31/12/2018 |
| | Quản trị mạng | 20 | 50 | | |
| | Điện công nghiệp | 80 | 50 | | |
| | Kỹ thuật máy lạnh và điều hoà không khí | 50 | 50 | | |
| | Công nghệ ô tô | 70 | 50 | | |
| | Cắt gọt kim loại | 50 | 50 | | |
| | Vận hành máy xúc, đào | | 30 | | |
| | Vận hành xe nâng hạ | | 30 | | |
| | Vận hành máy ủi, cạp, san | | 30 | | |
| 290 | **Trường Trung cấp Văn hóa Nghệ thuật Bến Tre**<br>Mã trường: TCD5603<br>Địa chỉ: 610A, Đường Nguyễn Thị Định, phường Phú Khương, Tp.Bến Tre, T.Bến Tre<br>Điện thoại: 02753.820186<br>Website: truongvhntbentre.edu.vn<br>Email: vhntbentre@moet.edu.vn | | | | |
| | Thanh nhạc | 10 | | Thi tuyển (Hát và Năng khiếu) | - Đợt 1: 01/11/2018<br>- Đợt 2: 03/12/2018 |
| | Hội họa | 10 | | Thi tuyển (Hình họa tĩnh vật và Trang trí) | |
| | Hướng dẫn Du lịch | 20 | | Xét tuyển theo học bạ lớp 12 | - Đợt 1: 30/11/2018<br>- Đợt 2: 24/12/2018 |
| | Quản lý văn hóa | 30 | | | |
| | Quản lý văn hóa (hệ VLVH) | 30 | | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|
| | | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| 291 | **Trường Trung cấp Y tế Bến Tre**<br>Mã trường: 5602<br>Địa chỉ: 78 Đoàn Hoàng Minh P6 TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre<br>Điện thoại: 2753.822135<br>Website: tcytbentre@moet.edu.vn<br>Email: 5602@moet.edu.vn | | | | |
| | Điều dưỡng | 150 | | Xét tuyển | 2018 |
| | Hộ sinh | 60 | | | |
| | Dược | 300 | | | |
| | Y sĩ | 190 | | | |
| | **TRÀ VINH** | | | | |
| 292 | **Trường Trung cấp nghề Dân tộc nội trú Trà Vinh**<br>Mã trường: TCD5802<br>Địa chỉ: Ấp Xa Xi, xã Ngãi Xuyên, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh<br>Điện thoại: 02943.665.165 - 665.777<br>Website: truongtcndtnttravinh.edu.vn | | | | |
| | Bảo vệ thực vật | 25 | | Xét tuyển | Liên tục trong năm |
| | Cắt gọt kim loại | 25 | | | |
| | Thú y | 50 | | | |
| | Tin học văn phòng | 25 | | | |
| | Kế toán | 25 | | | |
| | Điện công nghiệp | 75 | | | |
| | Điện dân dụng | 25 | | | |
| | Kỹ thuật xây dựng | | 125 | | |
| | Hàn điện khí | | 50 | | |
| | Tiện kim loại | | 25 | | |
| | Lắp đặt, sửa chữa thiết bị điện dân dụng | | 25 | | |
| | Lắp đặt, sửa chữa thiết bị lạnh gia dụng | | 50 | | |
| | Trồng rau an toàn | | 25 | | |
| 293 | **Trường trung cấp văn hóa nghệ thuật và Thể thao Trà Vinh**<br>Mã trường: TCD5801<br>Địa chỉ: 99 Phạm Ngũ Lão, khóm 4, phường 1, thành phố Trà Vinh<br>Điện thoại: 02943.846278<br>Website: vhnttravinh.edu.vn<br>Email: vhnttravinh.edu.vn | | | | |
| | Hội họa | 05 | 10 | Xét tuyển năng khiếu + điểm môn Ngữ văn học bạ cuối cấp | - Trung cấp:<br>+ Đợt 1: tháng 8/2018<br>+ Đợt 2: 12/2018 |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|
| | | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| | Đồ họa | 05 | 10 | | - Sơ cấp:<br>+ Đợt 1: tháng 01/2018<br>+ Đợt 2: tháng 5/2018<br>+ Đợt 3: tháng 9/2018 |
| | Thanh nhạc | 05 | 10 | | |
| | Organ | 05 | 10 | | |
| | Nghệ thuật biểu diễn kịch múa Dù Kê | 10 | 10 | | |
| | Nghệ thuật biểu diễn múa dân gian dân tộc | | 10 | | |
| **VĨNH LONG** | | | | | |
| 294 | **Trường Trung cấp Y tế Vĩnh Long**<br>Mã trường: TCD5701<br>Địa chỉ: 500A/33 Ấp Long Thuận B, Xã Long Phước, Huyện Long Hồ, Tỉnh Vĩnh Long.<br>Điện thoại: 02703826786<br>Website: tcyt.vinhlong.gov.vn<br>Email: tcyt@vinhlong.gov.vn | | | | |
| | Điều dưỡng | 90 | | Xét tuyển (Tốt nghiệp THPT) | 09/2018 - 12/2018 |
| | Y sỹ | 100 (trong đó 50 chỉ tiêu học định hướng 6 tháng chuyên khoa YHCT) | | | |
| | Dược | 50 | | | |
| **ĐỒNG THÁP** | | | | | |
| 295 | **Trường Trung cấp Thanh Bình**<br>Mã trường: TCD5004<br>Địa chỉ: Quốc lộ 30, Khóm Tân Đông B, Thị trấn Thanh Bình, Thanh Bình, Đồng Tháp.<br>Điện thoại: 0277-3835.402, Fax: 0277-3835.403<br>Website: www.ttcnthanhbinhdt.edu.vn<br>Email: ttcnthanhbinh.dongthap@gmail.com | | | | |
| | Điện công nghiệp | 35 | | Xét tuyển theo học bạ | Cả năm |
| | Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí | 35 | | | |
| | Chế biến và bảo quản thủy sản | 35 | | | |
| | Chế biến thực phẩm | 35 | | | |
| | Kế toán doanh nghiệp | 35 | | | |
| | Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính | 35 | | | |
| 296 | **Trường Trung cấp Nghề - Giáo dục thường xuyên Hồng Ngự**<br>Mã trường: TCD5003<br>Địa chỉ: ấp An Lợi, xã An Bình A, thị xã Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp<br>Điện thoại: 02773.836520<br>Website: www.tcngdtxhongngu.edu.vn<br>Email: tcngdtx@tcngdtxhongngu.edu.vn | | | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|
| | | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| | Nuôi trồng thủy sản nước ngọt | 35 | | Xét tuyển theo học bạ | Cả năm |
| | Chế biến và bảo quản thủy sản | 70 | | | |
| | Điện công nghiệp | 70 | | | |
| | Bảo vệ thực vật | 35 | | | |
| | Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính | 70 | | | |
| | Tin học văn phòng | 35 | | | |
| | Kế toán doanh nghiệp | 35 | | | |
| 297 | **Trường Trung cấp Nghề - Giáo dục thường xuyên Tháp Mười**<br>Mã trường: TCD5002<br>Địa chỉ: Khóm 2, thị trấn Mỹ An, Tháp Mười, Đồng Tháp<br>Điện thoại: 0277-3826.056, Fax: 0277-3826.056<br>Website: www.tcnthapmuoi.dongthap.gov.vn<br>Email: phongdaotao2007@yahoo.com.vn | | | | |
| | Cắt gọt kim loại | 40 | | Xét tuyển theo học bạ | Cả năm |
| | Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí | 70 | | | |
| | Điện công nghiệp | 35 | 40 | | |
| | Kỹ thuật máy nông nghiệp | 35 | | | |
| | Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính | 35 | | | |
| | Bảo vệ thực vật | 35 | | | |
| | Bảo trì hệ thống máy may công nghiệp | | 40 | Xét tuyển | |
| | Hàn điện | | 40 | | |
| | Công nhân xây dựng | | 40 | | |
| | Chế biến và bảo quản thủy sản | | 210 | | |
| | Cắt gọt kim loại trên máy CNC | | 40 | | |
| | Đàn cổ nhạc | | 30 | | |
| | Kỹ thuật chăm sóc móng và tóc | | 30 | | |
| | Vận hành, sửa chữa máy gặt đập liên hợp | | 40 | | |
| | May công nghiệp | | 100 | | |
| | Sửa kiểng bonsai | | 100 | | |
| | Tạo sản phẩm từ lục bình, bẹ chuối, mây cói | | 120 | | |
| | Nữ công gia chánh | | 40 | | |
| | Vận hành, sửa chữa máy phun xịt thuốc | | 40 | | |
| | Tạo sản phẩm từ tre, trúc, mây, cói | | 120 | | |
| | Vận hành, sửa chữa máy gặt đập liên hợp | | 40 | | |
| | May túi xách tự hoại | | 40 | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|
| | | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| **AN GIANG** | | | | | |
| 298 | **Trường Trung cấp Nghề Châu Đốc**<br>Mã trường: TCD5102<br>Địa chỉ: Đường kênh Hòa Bình, khóm Châu Long, phường Châu Phú B, Châu Đốc, An Giang.<br>Điện thoại: 0296.3550409<br>Website:<br>Email: ttcncd@gmail.com | | | | |
| | Nghiệp vụ nhà hàng | 40 | | Xét tuyển (theo học bạ) | Liên tục trong năm 2018 |
| | Kỹ thuật xây dựng | 25 | | | |
| | Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí | 20 | | | |
| | Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính | 40 | | | |
| | Kế toán doanh nghiệp | 25 | | | |
| | Xây dựng dân dụng | | 40 | | |
| | Sửa chữa xe gắn máy | | 30 | | |
| | Điện lạnh | | 30 | | |
| 299 | **Trường Trung cấp Nghề Tân Châu**<br>Mã trường: TCD5104<br>Địa chỉ: số 114, tỉnh lộ 952, ấp Tân Phú B, xã Tân An, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang<br>Điện thoại: (02963) 506487 823358<br>Website:<br>Email: tcntcag@gmail.com; ttgdtxtanchau@angiang.edu.vn | | | | |
| | Tin học văn phòng | 30 | 30 | Xét tuyển (theo học bạ) | Liên tục trong năm 2018 |
| | Điện công nghiệp | 30 | 30 | | |
| | Chế biến và bảo quản thủy sản | 20 | | | |
| 300 | **Trường Trung cấp Nghề Dân tộc nội trú**<br>Mã trường: TCD5103<br>Địa chỉ: Ấp Tô Hạ, xã Núi Tô, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang<br>Điện thoại: 02693.773313<br>Website:<br>Email: tcndtntag@gmail.com | | | | |
| | Quản trị mạng máy tính | 25 | | Xét tuyển (theo học bạ) | Liên tục trong năm 2018 |
| | Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính | 25 | | | |
| | Cơ điện nông thôn | 50 | | | |
| | Hàn | 20 | | | |
| | Điện công nghiệp | 20 | | | |
| | Bảo vệ thực vật | 30 | | | |
| | Trồng cây lương thực, thực phẩm | 30 | | | |
| | Xây dựng dân dụng | | 30 | | Từ tháng 3 - tháng 11 |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|
| | | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| 301 | **Trường Trung cấp Kỹ thuật - Công nghệ An Giang**<br>Mã trường: TCD5105<br>Địa chỉ: Đường 942, Lộ vòng cung, Ấp Mỹ Hòa, Thị trấn Mỹ Luông, Huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang<br>Điện thoại: 02963.615350<br>Website: http://cmvs.edu.vn<br>Email: truongtcn.chomoi@angiang.gov.vn | | | | |
| | Gia công và thiết kế sản phẩm mộc | 25 | | Xét tuyển (theo học bạ) | Liên tục trong năm 2018 |
| | Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí | 25 | | | |
| | May thời trang | 25 | | | |
| | Kỹ thuật xây dựng | 25 | | | |
| | Điện công nghiệp | 25 | | | |
| | Hàn | 25 | | | |
| | Chạm, trám trên gỗ | | 35 | | |
| | Mộc gia dụng | | 60 | | |
| | Xây dựng dân dụng | | 60 | | |
| | Điện công nghiệp | | 60 | | |
| | Hàn điện | | 35 | | |
| 302 | **Trường Trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật An Giang**<br>Mã trường: TCD5106<br>Địa chỉ: Số 297, Quốc lộ 91, tổ 10, ấp Vĩnh Phú, xã Vĩnh Thạnh Trung, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang<br>Điện thoại: 02963. 689036<br>Website: www.aetc.edu.vn<br>Email: trungcapktktag@angiang.edu.vn | | | | |
| | Trồng trọt | 60 | | Xét tuyển (theo học bạ) | Liên tục trong năm 2018 |
| | Chăn nuôi - Thú y | 60 | | | |
| | Chế biến và bảo quản thủy sản | 60 | | | |
| | Bệnh học thủy sản | 60 | | | |
| | Bảo vệ thực vật | 240 | | | |
| | Kế toán hành chính sự nghiệp | 60 | | | |
| | **KIÊN GIANG** | | | | |
| 303 | **Trường Trung cấp Kỹ thuật - Nghiệp vụ Kiên Giang**<br>Mã trường: TCD 5406<br>Địa chỉ: 31 Chi Lăng, Vĩnh Bảo, Rạch Giá, Kiên Giang<br>Điện thoại: (02973) 875 415<br>Website: tcktnvkg.edu.vn<br>Email: tuyensinh@tcktnvkg.edu.vn | | | | |
| | Điện công nghiệp và dân dụng | 30 | 60 | Xét tuyển | - Thời gian nhận hồ sơ: từ 04/06 đến 31/08/2018 |
| | Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông | 20 | | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|
| | | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| | Quản trị hệ thống | 20 | | Xét tuyển | - Thời gian xét tuyển: từ 05/09 đến 20/09/2018<br>- Khu vực tuyển sinh: Trên toàn quốc.<br>*Ghi chú:<br>- Miễn học phí Trung cấp cho học sinh Tốt nghiệp THCS.<br>- Ký túc xá miễn phí cho học sinh ở xa. |
| | Kế toán doanh nghiệp | 30 | | | |
| | Quản lý doanh nghiệp | 20 | | | |
| | Tài chính - Ngân hàng | 20 | | | |
| | Hướng dẫn du lịch | 30 | | | |
| | Điện công nghiệp | 20 | | | |
| | Điện dân dụng | 20 | | | |
| | Điện tử dân dụng | 20 | 30 | | |
| | Quản trị mạng máy tính | 20 | | | |
| | Tin học văn phòng | 30 | | | |
| | Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính | 20 | 30 | | |
| | Thiết kế đồ họa | 20 | | | |
| | Kỹ thuật máy lạnh và điều hóa không khí | 20 | | | |
| | Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa | 20 | | | |
| | Kỹ thuật nấu ăn | | 60 | | |
| | May công nghiệp - gia dụng | | 60 | | |
| | Làm bánh | | 30 | | |
| | Cơ khí (Hàn - Tiện kim loại) | | 30 | | |
| | Sửa chữa xe máy - máy nổ | | 30 | | |
| 304 | **Trường Trung cấp Việt - Hàn Phú Quốc**<br>Mã trường: TCD5407<br>Địa chỉ: Ấp Bãi Vòng, xã Hàm Ninh, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang<br>Điện thoại: 0947 105066<br>Website: viethanpq.edu.vn<br>Email: info@viethanpq.edu.vn | | | | |
| | Nghiệp vụ hướng dẫn | 60 | | Xét tuyển | Đến 30/9/2018 |
| | Nghiệp vụ lễ tân | 60 | | | |
| | Nghiệp vụ nhà hàng | 60 | | | |
| | Quản trị khách sạn | 30 | | | |
| | Kỹ thuật chế biến món ăn | 30 | | | |
| | Kỹ thuật pha chế thức uống | 30 | | | |
| | Hướng dẫn viên du lịch | | 30 | | Quanh năm |
| | Nghiệp vụ lễ tân | | 30 | | |
| | Phục vụ buồng, bàn | | 60 | | |
| | Kỹ thuật nấu ăn (bếp) | | 60 | | |
| | Cắt uốn tóc | | 60 | | |
| | Trang điểm thẩm mỹ | | 60 | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|
| | | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| 305 | **Trường Trung cấp Nghề Dân tộc nội trú tỉnh Kiên Giang**<br>Mã trường: TCD5402<br>Địa chỉ: Ấp Xẻo Chác, xã Long Thạnh, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang<br>Điện thoại: 0773.822999; Fax: 0773.876444<br>Website: truongtrungcapnghedantocnoitrukg.edu.vn<br>Email: tcndtnt.sld@kiengiang.gov.vn | | | | |
| | Thú y | 25 | | Xét tuyển | Từ tháng 3/2018 đến tháng 11/2018 |
| | Bảo vệ thực vật | 30 | | | |
| | Nuôi trồng thủy sản nước mặn, nước lợ | 25 | | | |
| | Kế toán doanh nghiệp | 30 | | | |
| | Tin học văn phòng | 30 | | | |
| | Họa viên kiến trúc | 25 | | | |
| | Kỹ thuật xây dựng | 30 | | | |
| | Điện dân dụng | 25 | | | |
| | Điện, nước | 25 | | | |
| | Hàn | 25 | | | |
| | Sửa chữa máy tàu thủy | 25 | | | |
| | Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính | 25 | | | |
| | Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí | 30 | | | |
| | Bảo trì và sửa chữa ô tô | 25 | | | |
| | Công nghệ kỹ thuật chế biến và bảo quản thực phẩm | 25 | | | |
| | Cắt uốn tóc | | 35 | | |
| | Điện dân dụng | | 110 | | |
| | Kỹ thuật nấu ăn | | 35 | | |
| | Gò hàn nông thôn | | 30 | | |
| | Sửa chữa xe gắn máy | | 35 | | |
| | Vận hành, sửa chữa xe đào xúc | | 30 | | |
| | Vận hành, sửa chữa xe nâng hạ | | 30 | | |
| | Kỹ thuật sửa chữa điện lạnh | | 60 | | |
| | Kỹ thuật xây, trát công trình | | 35 | | |
| 306 | **Trường Trung cấp Nghề Tân Hiệp**<br>Mã trường: TCD5405<br>Địa chỉ: 323 -QL80, Khu phố Đông An, Thị Trấn Tân Hiệp, Tân Hiệp, Kiên Giang<br>Điện thoại: 0297. 3737 456.; Fax: Không có<br>Website: Không có<br>Email: tcnth.sld@kiengiang.gov.vn | | | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|
| | | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| | Thú y | 25 | | Xét tuyển | Từ tháng 3/2018 đến tháng 11/2018 |
| | Cắt gọt kim loại | 25 | | | |
| | Quản trị mạng máy tính | 25 | | | |
| | Cơ điện nông thôn (LK - Liên kết) | 25 | | | |
| | Trồng cây lương thực, thực phẩm (LK) | 25 | | | |
| | Bảo vệ thực vật (LK) | 25 | | | |
| | Nghiệp vụ nhà hàng (LK) | 25 | | | |
| | Quản trị khách sạn (LK) | 25 | | | |
| | Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí (LK) | 25 | | | |
| | Nuôi trồng thủy sản nước ngọt (LK) | 25 | | | |
| | Điện dân dụng | | 70 | | |
| | May công nghiệp | | 60 | | |
| | Sửa chữa xe gắn máy | | 30 | | |
| | Hàn điện | | 70 | | |
| 307 | **Trường Trung cấp Nghề vùng Tứ Giác Long Xuyên**<br>Mã trường: TCD5404<br>Địa chỉ: Ấp Ba Núi, xã Bình An, Kiên Lương, Kiên Giang<br>Điện thoại: 02973 695678 - 02973 695007<br>Website: http://tglx.edu.vn/<br>Email: tcnvtglx@gmail.com - pdt.tglx@gmail.com | | | | |
| | Điện công nghiệp | 30 | | Xét tuyển | Tháng 4 đến tháng 11 |
| | Điện Lạnh | 30 | 60 | | |
| | Quản trị mạng và sửa chữa máy tính | 30 | 60 | | |
| | Cấp thoát nước | 30 | 60 | | |
| | Cắt gọt kim loại | 30 | | | |
| | Bảo trì và sửa chữa ôtô | 30 | | | |
| | Quản trị Khách Sạn | 30 | 60 | | |
| | Hướng dẫn viên du lịch | 30 | 60 | | |
| | Kỹ thuật Chế biến món ăn | 30 | 60 | | |
| | Kế toán Doanh nghiệp | 30 | 60 | | |
| | Văn thư hành chính | 30 | | | |
| | Trồng cây Lương thực thực phẩm | 30 | | | |
| | Bảo vệ thực vật | 30 | | | |
| 308 | **Trường Trung cấp Nghề vùng U Minh Thượng**<br>Mã trường: TCD5403<br>Địa chỉ: Quốc lộ 63, ấp Cạn Ngọn A, xã Thạnh Yên, huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang<br>Điện thoại: 02973.809.228<br>Website: www.vumt.edu.vn<br>Email: tcnumt.sld@kiengiang.gov.vn | | | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|
| | | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| | Nuôi trồng thủy sản nước mặn, nước lợ | 60 | | Xét tuyển theo học bạ | Từ tháng 1/2018 đến tháng 9/2018 |
| | Tin học văn phòng | 30 | | | |
| | Thú y | 60 | | | |
| | Điện dân dụng | 30 | | | |
| | Bảo trì và sửa chữa ô tô | 35 | | | |
| | Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí | 35 | | | |
| | Sửa chữa xe gắn máy | | 30 | Xét tuyển hồ sơ | Từ tháng 1/2018 đến tháng 10/2018 |
| | Sửa chữa quạt, động cơ điện và ổn áp | | 30 | | |
| **CẦN THƠ** | | | | | |
| 309 | **Trường Trung cấp Giao thông Vận tải miền Nam**<br>Mã trường: GT02<br>Địa chỉ: Số 288 - đường Nguyễn Văn Linh - Khu vực 3 - phường An Khánh - quận Ninh Kiều - Tp. Cần Thơ<br>Điện thoại: 0292 3.600.946<br>Website: www.stc.edu.vn<br>Email: trunghocgtvtmn@gmail.com | | | | |
| | Điện công nghiệp và dân dụng | 300 | | Xét tuyển học bạ | Ngày 01/01 đến ngày 31/12 hàng năm |
| | Công nghệ ô tô | | | | |
| | Kỹ thuật xây dựng | | | | |
| | Kế toán doanh nghiệp | | | | |
| | Xây dựng cầu đường bộ | | | | |
| | Quản trị kinh doanh vận tải đường bộ | | | | |
| | Công nghệ thông tin (Ứng dụng PM) | | | | |
| | Quản trị kinh doanh vận tải đường thủy nội địa | | | | |
| 310 | **Trường Trung cấp Bách Nghệ Cần Thơ**<br>Mã trường: 5501<br>Địa chỉ: D 24-25-26 Đường số 30, Khu đô thị mới Hưng Phú, Q.Cái Răng, TP. Cần Thơ<br>Điện thoại: 0292 6522644 - 0947644744<br>Website: truongbachnghecantho.edu.vn<br>Email: huuvi_bn@yahoo.com | | | | |
| | Kế toán doanh nghiệp | 30 | | Xét tuyển | 01/01/2018-30/12/2018 |
| | Tin học ứng dụng | 30 | | | |
| | Dịch vụ pháp lý | 30 | | | |
| | Hướng dẫn du lịch | 30 | | | |
| | Quản lý doanh nghiệp | 30 | | | |
| | Tài chính ngân hàng | 30 | | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|
| | | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| 311 | **Trường Trung cấp Miền Tây**<br>Mã trường: 5502<br>Địa chỉ: Số 130C- 130D Nguyễn Văn Cừ nối dài phường An Khánh, quậnNinh Kiều, thành phố Cần Thơ.<br>Điện thoại: 02922225577<br>Website: mtpc.edu.vn<br>Email: trungcapmientay@gmail.com | | | | |
| | Điều dưỡng cho đối tượng Y sỹ | | 80 | Xét tuyển | Năm 2018 |
| | Chuyên khoa Răng Hàm Mặt | | 60 | | |
| | Chuyên khoa Y học cổ truyền | | 30 | | |
| | Chuyên ngành Nhi khoa | | 30 | | |
| | Dược | 100 | | | |
| | Y sỹ | 120 | | | |
| | Điều dưỡng | 50 | | | |
| 312 | **Trường Trung cấp Nghề Thới Lai - TP. Cần Thơ**<br>Mã trường: TCD5503.<br>Địa chỉ: số 139 ấp Thới Thuận A, thị trấn Thới Lai, huyện Thới Lai, Tp. Cần Thơ.<br>Điện thoại: (0292) 3 680 250.Fax: (0292) 3 681 303.<br>Website:.....<br>Email: ttcntl@cantho.gov.vn | | | | |
| | Kỹ thuật xây dựng | 20 | | Xét tuyển | Từ 01/01/2018-đến 31/12/2018 |
| | Nuôi trồng thủy sản nước ngọt | 15 | | | |
| | Điện công nghiệp | 20 | | | |
| | Công nghệ ô tô | 50 | | | |
| | Quản trị mạng máy tính | 20 | | | |
| | Thú y | 20 | | | |
| | Cắt gọt kim loại | 15 | | | |
| | Kế toán doanh nghiệp | 15 | | | |
| | Công tác xã hội | 25 | | | |
| | May công nghiệp | | 105 | | |
| | Đan lát | | 70 | | |
| | Hàn điện | | 35 | | |
| | May gia dụng | | 35 | | |
| | Điện cơ | | 35 | | |
| | Nhân giống lúa | | 35 | | |
| | Trồng rau an toàn | | 35 | | |
| | Nề hoàn thiện | | 70 | | |
| | Nuôi thủy sản nước ngọt | | 35 | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|
| | | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| 313 | **Trường Trung cấp Y Dược MEKONG**<br>Mã trường: TCD5504<br>Địa chỉ: Số 366 Cách Mạng Tháng 8, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ<br>Điện thoại: 0292.3.881.644<br>Website: www.ydmekong.edu.vn<br>Email: ydmekong@gmail.com | | | | |
| | Điều dưỡng cho đối tượng Y sỹ | | 30 | Xét tuyển | Năm 2018 |
| | Chuyên khoa Y học cổ truyền | | 30 | | |
| | Chuyên khoa Xét nghiệm | | 30 | | |
| | Chuyên khoa Răng Hàm Mặt | | 50 | | |
| | Dịch vụ chăm sóc người cao tuổi | | 30 | | |
| | Dược | 100 | | | |
| | Y sỹ | 100 | | | |
| | Điều dưỡng | 25 | | | |
| | Hộ sinh | 25 | | | |
| | Kỹ thuật xét nghiệm y học | 50 | | | |
| | Kỹ thuật phục hình răng | 50 | | | |
| | Y sỹ y học cổ truyền | 50 | | | |
| 314 | **Trường Trung cấp Phạm Ngọc Thạch Cần Thơ**<br>Mã trường: TCD5505<br>Địa chỉ: 600 đường 30/4, phường Hưng Lợi, quận Ninh Kiều, TP Cần Thơ<br>Điện thoại: 07106.250803; 07106.253478<br>Website: truongphamngocthachcantho.edu.vn<br>Email: xanh403@gmail.com | | | | |
| | Y sĩ | 100 | | Xét tuyển (theo học bạ) | 04/03/2018 |
| | Dược sĩ trung cấp | 150 | | | |
| | Điều dưỡng | 50 | 500 | | |
| | Hộ sinh | 50 | | | |
| | Tài chính ngân hàng | 50 | | | |
| | Quản trị mạng máy tính | 50 | | | |
| | Quản lý doanh nghiệp | 50 | | | |
| 315 | **Trường Trung cấp Đại Việt TP Cần Thơ**<br>Mã trường: TCD 5506<br>Địa chỉ: Số 390 đường Cách mạng Tháng Tám, P. Bùi Hữu Nghĩa, Q. Bình Thủy, TP Cần Thơ<br>Điện thoại: (0292) 6252510 - 625. 7555 Tổng đài: 1900 70 43<br>Website: http://daivietcantho.edu.vn<br>Email: tuyensinh@daivietcantho.edu.vn | | | | |
| | Y sĩ | 100 | | Xét tuyển:<br>Xét điểm học bạ cuối cấp THCS, | Thời gian nhận hồ sơ: |
| | Y sĩ y học cổ truyền | 100 | | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|
| | | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| | Dược sĩ trung cấp | 100 | | THPT hoặc Đã tốt nghiệp TC, CĐ, ĐH xét bảng điểm và bằng tốt nghiệp | Từ ngày: 01/01/2018 đến ngày 31/12/2018<br>Thời gian xét tuyển:<br>Đợt 1: 25/04/2018<br>Đợt 2: 27/07/2018<br>Đợt 3: 25/09/2018<br>Đợt 4: 15/11/2018 |
| | Kỹ thuật xét nghiệm y tế | 80 | | | |
| | Điều dưỡng | 80 | | | |
| | Sư phạm mầm non | 75 | | | |
| | Sư phạm tiểu học | 75 | | | |
| | Xây dựng dân dụng và công nghiệp | 50 | | | |
| | Kế toán doanh nghiệp | 30 | | | |
| | Quản lý doanh nghiệp | 50 | | | |
| | Tin học ứng dụng | 50 | | | |
| | Dịch vụ pháp lý | 50 | | | |
| | Quản trị khách sạn | 100 | | | |
| | Kỹ thuật dược | | 200 | | |
| 316 | **Trường Trung cấp Hồng Hà TP. Cần Thơ**<br>Mã trường: TCD5507<br>Địa chỉ: 557/9 Trần Quang Diệu, P.An Thới, Q.Bình Thủy, TP.Cần Thơ<br>Điện thoại: 0292.2468767<br>Website: www.honghacantho.edu.vn<br>Email: vanphong.hhct@gmail.com | | | | |
| | Nghiệp vụ nhà hàng - khách sạn | 80 | | Hình thức tuyển sinh:<br>Xét tuyển | Thời gian tuyển sinh:<br>Ngày 01/01 đến ngày 31/12 hàng năm |
| | Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử | 80 | | | |
| | Kế toán doang nghiệp | 80 | | | |
| | Công nghệ thông tin | 80 | | | |
| | Tài chính ngân hàng | 80 | | | |
| | Pháp luật | 80 | | | |
| | Quản trị doanh nghiệp vừa và nhỏ | 80 | | | |
| | Kỹ thuật chế biến món ăn | 100 | | | |
| | Thư viện - thiết bị trường học | 100 | | | |
| | Hướng dẫn du lịch | 100 | | | |
| | Văn thư lưu trữ | 80 | | | |
| | Dịch vụ pháp lý | 80 | | | |
| 317 | **Trung cấp Thể dục Thể thao - TP Cần Thơ**<br>Mã trường:5503<br>Địa chỉ: Khu liên hợp TDTT, Phường Cái Khế, Quận Ninh Kiều, TP.Cần Thơ<br>Điện thoại: 0292.3760.158 - 0292.3820951; Fax: 0292.3765752<br>Website: www.truongtctdtt.edu.vn<br>Email: truongtctdtt@gmail.com | | | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|
| | | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| | Thể dục thể thao | 200 | 50 | Xét tuyển | -Đợt 1: Tháng 1 - tháng 3/2018<br>- Đợt 2: Tháng 4 - tháng 6/2018<br>- Đợt 3: Tháng 7 - tháng 9/2018<br>- Đợt 4: Tháng 10 - tháng 12/2018 |
| 318 | **Trường Trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật Công đoàn Cần Thơ**<br>Mã trường:.....<br>Địa chỉ: 30 - 32 - 34, Hùng Vương, Thới Bình, Ninh Kiều, Cần Thơ<br>Điện thoại: 02923.824.749 - 02923.826.177<br>Website:.....(Không)<br>Email: ttcnct@ldldct.org.vn | | | | |
| | Công nghệ ô tô | 50 | | Xét tuyển | Thường xuyên cả năm |
| | Hàn | 50 | | | |
| | Dịch vụ chăm sóc gia đình | 60 | | | |
| | Kỹ thuật chế biến món ăn | 50 | | | |
| | Lái xe ô tô B2 | | 480 | | |
| | Tin học văn phòng | | 50 | | |
| | May công nghiệp | | 100 | | |
| | Nguội căn bản | | 30 | | |
| | Kỹ thuật gò hàn | | 30 | | |
| | Hàn điện | | 30 | | |
| | Sửa chữa máy tính phần cứng | | 50 | | |
| | Nấu ăn căn bản - Nấu ăn nâng cao | | 40 | | |
| | Pha chế thức uống tổng hợp | | 40 | | |
| | Bartender nâng cao | | 10 | | |
| | Kỹ thuật cắt tỉa rau củ quả | | 10 | | |
| | Bếp trưởng | | 20 | | |
| | Bánh âu căn bản - Bánh âu nâng cao | | 25 | | |
| 319 | **Trường Trung cấp Nghề Đông Dương**<br>Mã trường: TCT5501<br>Địa chỉ: Lô 5, Đường A2, Khu Đô Thị Phú An, Phường Phú Thứ, Quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ<br>Điện thoại: 02923917935 - 0939366872<br>Website: www.irdet.edu.vn<br>Email: truongtrungcapnghedongduong@gmail.com | | | | |
| | Văn thư hành chính | 60 | | Xét tuyển (theo học bạ) | 2 đợt/năm |
| | Công tác xã hội | 180 | | | |
| | Dịch vụ nhà hàng | 120 | | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|
| | | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| | Kỹ thuật xây dựng | 40 | | Xét tuyển (theo học bạ) | 2 đợt/năm |
| | Kế toán doanh nghiệp | 100 | | | |
| | Công nghệ thông tin | 200 | | | |
| | Quản trị doanh nghiệp vừa và nhỏ | 100 | | | |
| 320 | **Trường Trung cấp Kinh tế Kỹ thuật Cần Thơ**<br>Mã trường: 5502<br>Địa chỉ: Số 105C Trần Quang Diệu, phường An Thới, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ<br>Điện thoại: 0292.3.834.828<br>Website: www.tcktktct.edu.vn<br>Email: canthoktktschool@gmail.com | | | | |
| | Sơ cấp Điện | | 30 | Xét tuyển | Năm 2018 |
| | Khai báo thuế | | 30 | | |
| | Tin học ứng dụng | | 30 | | |
| | Thiết kế website | | 50 | | |
| | Sửa chữa và lắp ráp cài đặt máy vi tính | | 30 | | |
| | Thiết kế đồ họa | | | | |
| | Kế toán | 50 | | | |
| | Công nghệ thông tin | 25 | | | |
| | Tài chính ngân hàng | 25 | | | |
| | Điện công nghiệp và dân dụng | 50 | | | |
| | Bảo trì và sửa chữa ô tô | 50 | | | |
| | **HẬU GIANG** | | | | |
| 321 | **Trường Trung cấp Kỹ thuật - Công nghệ tỉnh Hậu Giang**<br>Mã trường: TCD6401<br>Địa chỉ: 19/8, Ấp 6, Xã Vị Tân, Thành phố Vị Thanh, Tỉnh Hậu Giang<br>Điện thoại: 0293.358.1212 hoặc 0293.358.1516<br>Website: www.kythuatcongnghe.org.vn<br>Email: tcnhg.tuyensinhvieclam@gmail.com | | | | |
| | Điện công nghiệp | 60 | | Xét tuyển học bạ lớp 9 (học sinh THCS) hoặc lớp 12 (học sinh THCS) các môn: Toán, Vật lý, Hóa học | Thường xuyên trong năm |
| | Kỹ thuật lạnh và điều hoà không khí | 50 | | | |
| | Quản trị mạng máy tính | 20 | | | |
| | Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính | 30 | | | |
| | May thời trang | 30 | | | |
| | Thú y | 50 | | | |
| | Công nghệ ô tô | 60 | | | |
| | Kỹ thuật xây dựng | 30 | | | |
| | Cắt gọt kim loại | 20 | | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|
| | | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| 322 | **Trường Trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật tỉnh Hậu Giang**<br>Mã trường: TCD6402<br>Địa chỉ: Quốc lộ 61C, xã Vị Trung, huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang<br>Điện thoại: 02933582410<br>Website: www.ktkthaugiang.edu.vn<br>Email: truongktkt@haugiang.edu.vn | | | | |
| | Chế biến và bảo quản thủy sản | 60 | | Xét tuyển (Toán, Sinh) | Từ tháng 3/2018 đến tháng 12/2018 |
| | Công nghệ kỹ thuật chế biến và bảo quản thực phẩm | 60 | | | |
| | Quản lý đất đai | 30 | | Xét tuyển (Toán, Lý) | |
| | Kế toán hành chính sự nghiệp | 30 | | Xét tuyển (Toán, Văn) | |
| | Chế biến và bảo quản thủy sản | | 50 | Xét tuyển | |
| 323 | **Trường Trung cấp Luật Vị Thanh**<br>Mã trường: TCT6401<br>Địa chỉ: Ấp 11, xã Vị Trung, huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang<br>Điện thoại: 02933.870.288<br>Website: http://trungcapluatvithanh.edu.vn<br>Email: tclvt@moj.gov.vn | | | | |
| | Pháp luật | 250 | | Xét tuyển (theo học bạ) | Thường xuyên trong năm |
| | **SÓC TRĂNG** | | | | |
| 324 | **Trường Trung cấp Văn hóa Nghệ thuật Sóc Trăng**<br>Mã trường: TCD5902<br>Địa chỉ: 719/3 Lê Hồng Phong, Phường 3, Thành phố Sóc Trăng<br>Điện thoại: 0299.3821939; 0299.3821804<br>Website: www.vhntsoctrang.edu.vn<br>Email: thvhntsoctrang@moet.edu.vn; truongthvhntst@gmail.com | | | | |
| | Sáng tác âm nhạc | x | | Thi kiểm tra năng khiếu | - Đợt 1:<br>Nhận hồ sơ từ 02/5/2018 đến 09/8/2018.<br>Tuyển sinh 16 và 17/8/2018<br>- Đợt 2:<br>Nhận hồ sơ từ 20/8/2018 đến 12/10/2018.<br>Tuyển sinh 16 và 17/10/2018<br>- Đợt 3:<br>Nhận hồ sơ từ 18/10/2018 đến 18/12/2018.<br>Tuyển sinh 19 và 20/12/2018 |
| | Thanh nhạc | x | | | |
| | Biểu diễn nhạc cụ truyền thống (Dàn nhạc Ngũ âm Khmer) | x | | | |
| | Organ | x | | | |
| | Hội họa | x | | | |
| | Quản lý văn hóa | x | | Xét tuyển học bạ | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|
| | | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| 325 | **Trường Trung cấp Y tế tỉnh Sóc Trăng**<br>Mã trường: 5902<br>Địa chỉ: 137 Phạm Hùng, Khóm 3, Phường 8, TPST, tỉnh Sóc Trăng<br>Điện thoại: 0299.3821150 - 02993827389<br>Website: www.trungcapyte.soctrang.gov.vn<br>Email: truong.tcytst@gmail.com, tcytsoctrang@moet.edu.vn | | | | |
| | Điều dưỡng trung cấp | 40 | | Xét tuyển | Đợt 1: Tháng 4/2018<br>Đợt 2: Tháng 7/2018 |
| | Y sĩ đa khoa | 40 | | | |
| | Dược sĩ trung cấp | 50 | | | |
| | **BẠC LIÊU** | | | | |
| 326 | **Trường Trung cấp Văn hóa Nghệ thuật Bạc Liêu**<br>Mã trường: TCD6001<br>Địa chỉ: 188 Đường 23 tháng 8, Phường 8, Tp Bạc Liêu, Bạc Liêu<br>Điện thoại: 02916268968<br>Website: http://vhntbl.edu.vn<br>Email: baclieuact@vhntbl.edu.vn | | | | |
| | Thanh nhạc | 150 | 150 | - Xét tuyển môn Văn và thi năng khiếu đối | Bắt đầu từ ngày: 05/03/2018 |
| | Hội họa | 60 | 60 | | |
| | Nghệ thuật biểu diễn cải lương | 45 | 45 | | |
| | Hướng dẫn du lịch | 100 | 100 | - Xét kết quả xếp loại tốt nghiệp đối với hệ tốt nghiệp THPT, THCS. Xét điểm môn Ngữ Văn, Lịch sử đối với hệ chưa tốt nghiệp THPT (Hết lớp 12) | |
| | Quản lý văn hóa | 60 | 60 | | |
| | Thư viện | 60 | 60 | | |
| 327 | **Trường Trung cấp Nghề Tư Thục STC**<br>Mã trường: TCD6002<br>Địa chỉ: 85/2, Trần Phú, Phường 7, T.phố Bạc Liêu, Tỉnh Bạc Liêu<br>Điện thoại: 0948.68.41.68<br>Email: khanhphat_baclieu@yahoo.com.vn | | | | |
| | Kỹ thuật Dược | 60 | 60 | Xét tuyển | Tháng 03/2018 |
| | Lập trình máy tính | 100 | 100 | | |
| | Kế toán doanh nghiệp | 100 | 100 | | |
| | **CÀ MAU** | | | | |
| 328 | **Trường Trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật Cà Mau**<br>Mã trường: TCD6101<br>Địa chỉ: Số 02, Nguyễn Tất Thành, Phường 8, Thành phố Cà Mau, Tỉnh Cà Mau<br>Điện thoại: 02903.582717 Fax: 02903.828.619<br>Website: www.kinhtekythuat.camau.gov.vn<br>Email: trungcapktkt@camau.edu.vn | | | | |
| | Chế biến và bảo quản thủy sản | 70 | | Học bạ | 01/03/2018-31/12/2018 |
| | Nuôi trồng thủy sản | 35 | | | |

| TT | Ngành, nghề đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh | | Hình thức tuyển sinh | Thời gian tuyển sinh |
|---|---|---|---|---|---|
| | | Trung cấp | Sơ cấp | | |
| | Kế toán doanh nghiệp | 70 | | Học bạ | 01/03/2018-31/12/2018 |
| | Bán hàng trong siêu thị | 35 | | | |
| | Tin học ứng dụng | 35 | | | |
| | Chăn nuôi - Thú y | 70 | | | |
| | Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính | 35 | | | |
| | Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí | 35 | | | |
| | Điện công nghiệp | 35 | | | |
| | Kỹ thuật xây dựng | 35 | | | |
| | Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh | 35 | | | |
| | Kỹ thuật chăn nuôi thú y | | 105 | | 01/02/2018-01/11/2018 |
| | Kỹ thuật nuôi tôm quảng canh cải tiến | | 35 | | |
| | Kỹ thuật nuôi tôm càng xanh trên ruộng lúa | | 70 | | |
| | Cài đặt và sửa chữa máy tính | | 35 | | |
| | Chế biến thủy sản | | 105 | | |

# MỤC LỤC


| TT | Nội dung | Trang |
|---|---|---|
| | Lời nói đầu | 3 |
| | Danh mục một số văn bản hướng dẫn thực hiện luật giáo dục nghề nghiệp ban hành năm 2016-2017 | 4 |
| | Danh mục mô tả một số ngành/nghề đào tạo phổ biến, có nhu cầu cao của xã hội trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng | 6 |
| | Giới thiệu và mô tả một số ngành/nghề đào tạo phổ biến, có nhu cầu cao của xã hội trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng | 11 |
| **TUYỂN SINH CÁC TRƯỜNG CAO ĐẲNG** | | **79** |
| | **TRUNG DU MIỀN NÚI PHÍA BẮC** | **79** |
| | **Hà Giang** | 79 |
| 1 | Trường Cao đẳng Nghề tỉnh Hà Giang | 79 |
| | **Bắc Cạn** | 79 |
| 2 | Trường Cao đẳng Nghề Dân tộc nội trú Bắc Kạn | 79 |
| 3 | Trường Cao đẳng Cộng đồng Bắc Kạn | 80 |
| | **Lào Cai** | 80 |
| 4 | Trường Cao đẳng Lào Cai | 80 |
| 5 | Trường Cao đẳng Cộng đồng Lào Cai | 81 |
| 6 | Trường Cao đẳng Sư phạm Lào Cai | 82 |
| | **Yên Bái** | 82 |
| 7 | Trường Cao đẳng Nghề Yên Bái | 82 |
| 8 | Trường Cao đẳng Y tế Yên Bái | 83 |
| 9 | Trường Cao đẳng Văn hóa nghệ thuật và Du lịch Yên Bái | 83 |
| | **Thái Nguyên** | 87 |
| 10 | Trường Cao đẳng Công thương Thái Nguyên | 87 |
| 11 | Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật | 88 |
| 12 | Trường Cao đẳng Nghề số 1- BQP | 89 |
| 13 | Trường Cao đẳng Công nghiệp Việt Đức | 90 |
| 14 | Trường Cao đẳng Công nghiệp Thái Nguyên | 90 |
| 15 | Trường Cao đẳng Cơ khí - Luyện kim | 91 |
| 16 | Trường Cao đẳng Thương mại và Du lịch | 92 |

| TT | Nội dung | Trang |
|---|---|---|
| 17 | Trường Cao đẳng Công nghệ và Kinh tế Công nghiệp | 93 |
| 18 | Trường Cao đẳng Văn hóa Nghệ thuật Việt Bắc | 94 |
| 19 | Trường Cao đẳng Kinh tế - Tài chính Thái Nguyên | 95 |
| 20 | Trường Cao đẳng Y tế Thái Nguyên | 96 |
| 21 | Trường Cao đẳng Công thương Việt Nam | 96 |
| | **Lạng Sơn** | 97 |
| 22 | Trường Cao đẳng Nghề Lạng Sơn | 97 |
| 23 | Trường Cao đẳng Y tế Lạng Sơn | 98 |
| 24 | Trường Cao đẳng Công nghệ và Nông lâm Đông Bắc | 98 |
| | **Phú Thọ** | 99 |
| 25 | Trường Cao đẳng Y tế Phú Thọ | 99 |
| 26 | Trường Cao đẳng Công nghệ và Nông lâm Phú Thọ | 100 |
| 27 | Trường Cao đẳng Cơ điện Phú Thọ | 100 |
| 28 | Trường Cao đẳng Công thương Phú Thọ | 101 |
| 29 | Trường Cao đẳng Công nghiệp hóa chất | 102 |
| 30 | Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ nghệ thực hành Phú Thọ | 102 |
| 31 | Trường Cao đẳng Y dược Phú Thọ | 103 |
| 32 | Trường Cao đẳng Công nghiệp Quốc phòng | 103 |
| 33 | Trường Cao đẳng Công nghiệp Thực phẩm | 104 |
| 34 | Trường Cao đẳng Nghề Phú Thọ | 105 |
| | **Điện Biên** | 106 |
| 35 | Trường Cao đẳng Nghề Điện Biên | 106 |
| 36 | Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Điện Biên | 106 |
| 37 | Trường Cao đẳng Y tế Điện Biên | 107 |
| 38 | Trường Cao đẳng Sư phạm Điện Biên | 108 |
| | **Lai Châu** | 108 |
| 39 | Trường Cao đẳng Cộng đồng tỉnh Lai Châu | 108 |
| | **Sơn La** | 109 |
| 40 | Trường Cao đẳng Y tế Sơn La | 109 |
| 41 | Trường Cao đẳng Nông lâm Sơn La | 109 |

| TT | Nội dung | Trang |
|---|---|---|
| 42 | Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Sơn La | 110 |
| 43 | Trường Cao đẳng Sơn La | 111 |
| | **Hòa Bình** | 111 |
| 44 | Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Hòa Bình | 111 |
| 45 | Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Hòa Bình | 112 |
| 46 | Trường Cao đẳng Nghề sông Đà | 113 |
| 47 | Trường Cao đẳng Văn hóa Nghệ thuật Tây Bắc | 113 |
| | **ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG** | **114** |
| | **Hà Nội** | 114 |
| 48 | Trường Cao đẳng Nghề Công nghiệp Hà Nội | 114 |
| 49 | Trường Cao đẳng Công nghệ và Kinh tế Hà Nội | 114 |
| 50 | Trường Cao đẳng Cơ điện và Công nghệ Thực phẩm Hà Nội | 115 |
| 51 | Trường Cao đẳng Cơ điện Hà Nội | 116 |
| 52 | Trường Cao đẳng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Bắc Bộ | 117 |
| 53 | Trường Cao đẳng Nghề Kỹ thuật Mỹ nghệ Việt Nam | 118 |
| 54 | Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Hà Nội | 119 |
| 55 | Trường Cao đẳng Công nghệ và Môi trường Hà Nội | 119 |
| 56 | Trường Cao đẳng Y tế Hà Nội | 119 |
| 57 | Trường Cao đẳng Cộng đồng Hà Tây | 120 |
| 58 | Trường Cao đẳng Du lịch Hà Nội | 121 |
| 59 | Trường Cao đẳng Múa Việt Nam | 121 |
| 60 | Trường Cao đẳng Nghề Kỹ thuật Công nghệ | 122 |
| 61 | Trường Cao đẳng Thương mại và Du lịch Hà Nội | 122 |
| 62 | Trường Cao đẳng Nghệ thuật Hà Nội | 123 |
| 63 | Trường Cao đẳng Điện lực miền Bắc | 124 |
| 64 | Trường Cao đẳng Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội | 124 |
| 65 | Trường Cao đẳng Y tế Hà Đông | 124 |
| 66 | Trường Cao đẳng Truyền hình | 125 |
| 67 | Trường Cao đẳng Quốc tế Hà Nội | 125 |
| 68 | Trường Cao đẳng Nghề Việt Nam - Hàn Quốc Tp Hà Nội | 125 |

| TT | Nội dung | Trang |
|---|---|---|
| 69 | Trường Cao đẳng Nghề số 17- Bộ Quốc Phòng | 126 |
| 70 | Trường Cao đẳng Công thương Hà Nội | 126 |
| 71 | Trường Cao đẳng Nghề Văn Lang Hà Nội | 127 |
| 72 | Trường Cao đẳng Nghề Kỹ thuật và Nghiệp vụ Hà Nội | 128 |
| 73 | Trường Cao đẳng Điện tử - Điện lạnh Hà Nội | 129 |
| 74 | Trường Cao đẳng Xây dựng Công trình Đô thị | 129 |
| 75 | Trường Cao đẳng Công nghệ Hà Nội | 130 |
| 76 | Trường Cao đẳng Xây dựng số 1 | 130 |
| 77 | Trường Cao đẳng Dược Hà Nội I | 131 |
| 78 | Trường Cao đẳng Giao thông Vận tải Trung ương I | 131 |
| 79 | Trường Cao đẳng Nghề Công nghệ cao Hà Nội | 133 |
| 80 | Trường Cao đẳng Nghề Trần Hưng Đạo | 134 |
| | **Vĩnh Phúc** | 134 |
| 81 | Trường Cao đẳng Nghề Vĩnh Phúc | 134 |
| 82 | Trường Cao đẳng Cơ khí Nông nghiệp | 135 |
| 83 | Trường Cao đẳng Kinh tế Kỹ thuật Vĩnh Phúc | 135 |
| 84 | Trường Cao đẳng Công nghiệp Phúc Yên | 136 |
| 85 | Trường Cao đẳng Nghề số 2 - Bộ Quốc Phòng | 137 |
| 86 | Trường Cao đẳng Nghề Việt Xô số 1 | 137 |
| 87 | Trường Cao đẳng Vĩnh Phúc | 138 |
| 88 | Trường Đại học Công nghệ Giao thông Vân tải (Thuộc: Bộ Giao thông vân tải) | 138 |
| | **Bắc Ninh** | 139 |
| 89 | Trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh | 139 |
| 90 | Trường Cao đẳng Cơ điện và Xây dựng Bắc Ninh | 140 |
| 91 | Trường Cao đẳng Công nghiệp Hưng Yên | 141 |
| 92 | Trường Cao đẳng Y dược Hà Nội | 142 |
| 93 | Trường Cao đẳng Thống kê | 142 |
| 94 | Trường Cao đẳng Ngoại ngữ - Công nghệ Việt Nhật | 142 |
| 95 | Trường Cao đẳng Y tế Bắc Ninh | 143 |
| 96 | Trường Cao đẳng Kinh tế Kỹ thuật và Thủy sản | 144 |

| TT | Nội dung | Trang |
|---|---|---|
| | **Hải Dương** | 145 |
| 97 | Trường Cao đẳng Nghề Hải Dương | 145 |
| 98 | Trường Cao đẳng Cơ giới Xây dựng | 145 |
| 99 | Trường Cao đẳng Công thương Hải Dương | 146 |
| 100 | Trường Cao đẳng Giao thông Vận tải đường thủy 1 | 147 |
| 101 | Trường Cao đẳng Du lịch và Thương mại | 148 |
| 102 | Trường Cao đẳng Hải Dương | 148 |
| 103 | Trường Cao đẳng Dược Trung ương - Hải Dương | 149 |
| 104 | Trường Cao đẳng Y tế Hải Dương | 150 |
| | **Hải Phòng** | 150 |
| 105 | Trường Cao đẳng Hàng hải I | 150 |
| 106 | Trường Cao đẳng Giao thông Vận tải Trung ương II | 151 |
| 107 | Trường Cao đẳng Nghề số 3 Bộ Quốc Phòng | 152 |
| 108 | Trường Cao đẳng Nghề Kinh tế - Kỹ thuật Bắc Bộ | 153 |
| 109 | Trường Cao đẳng Công nghệ, Kinh tế và Thủy sản | 153 |
| 110 | Trường Cao đẳng VMU | 154 |
| 111 | Trường Cao đẳng Kinh tế và Công nghệ Thực phẩm | 155 |
| 112 | Trường Cao đẳng Du lịch Hải Phòng | 156 |
| 113 | Trường Cao đẳng Duyên hải | 156 |
| 114 | Trường Cao đẳng Công nghệ và Du lịch Bắc Nam | 156 |
| 115 | Trường Cao đẳng Công nghiệp Hải Phòng | 157 |
| 116 | Trường Cao đẳng Lao động - Xã hội Hải Phòng | 157 |
| 117 | Trường Cao đẳng Y tế Hải Phòng | 158 |
| 118 | Trường Cao đẳng Cộng đồng Hải Phòng | 159 |
| | **Hưng Yên** | 159 |
| 119 | Trường Cao đẳng Công nghiệp Hưng Yên | 159 |
| 120 | Trường Cao đẳng Y - Dược Asean | 160 |
| 121 | Trường Cao đẳng Dược Hà Nội | 160 |
| 122 | Trường Cao đẳng Kinh tế Kỹ thuật Tô Hiệu Hưng Yên | 160 |
| 123 | Trường Cao đẳng Cơ điện và Thủy lợi | 162 |
| 124 | Trường Cao đẳng Y tế Hưng Yên | 163 |

| TT | Nội dung | Trang |
|---|---|---|
| | **Thái Bình** | 163 |
| 125 | Trường Cao đẳng nghề số 19/BQP | 163 |
| 126 | Trường Cao đẳng Nghề Thái Bình | 164 |
| 127 | Trường Cao đẳng Văn hóa Nghệ thuật Thái Bình | 164 |
| 128 | Trường Cao đẳng Y tế Thái Bình | 165 |
| | **Hà Nam** | 166 |
| 129 | Trường Cao đẳng Công nghệ, Kinh tế và Chế biến Lâm sản | 166 |
| 130 | Trường Cao đẳng Thủy lợi Bắc Bộ | 166 |
| 131 | Trường Cao đẳng Nghề Hà Nam | 167 |
| 132 | Trường Cao đẳng Phát thanh - Truyền hình I | 168 |
| | **Nam Định** | 168 |
| 133 | Trường Cao đẳng Xây dựng Nam Định | 168 |
| 134 | Trường Cao đẳng Văn hóa Nghệ thuật & Du lịch Nam Định | 169 |
| 135 | Trường Cao đẳng Nghề số 20/BQP | 170 |
| 136 | Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nam Định | 170 |
| 137 | Trường Cao đẳng Công nghiệp Nam Định | 171 |
| | **Ninh Bình** | 172 |
| 138 | Trường Cao đẳng Cơ giới Ninh Bình | 172 |
| 139 | Trường Cao đẳng Nghề Lilama 1 | 173 |
| 140 | Trường Cao đẳng Cơ điện Xây dựng Việt Xô | 174 |
| 141 | Trường Cao đẳng Y tế Ninh Bình | 175 |
| | **Quảng Ninh** | 175 |
| 142 | Trường Đại học Hạ Long | 175 |
| 143 | Trường Cao đẳng Than - Khoáng sản Việt Nam | 175 |
| 144 | Trường Cao đẳng Công nghiệp và Xây dựng | 176 |
| 145 | Trường Cao đẳng Nông lâm Đông Bắc | 180 |
| 146 | Trường Cao đẳng Việt - Hàn Quảng Ninh | 180 |
| 147 | Trường Cao đẳng Nghề Xây dựng | 181 |
| 148 | Trường Cao đẳng Giao thông | 181 |
| 149 | Trường Cao đẳng Y tế Quảng Ninh | 182 |

| TT | Nội dung | Trang |
|---|---|---|
| | **Bắc Giang** | 182 |
| 150 | Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghiệp | 182 |
| 151 | Trường Cao đẳng Nghề Công nghệ Việt - Hàn Bắc Giang | 184 |
| | **BẮC TRUNG BỘ VÀ DUYÊN HẢI MIỀN TRUNG** | **184** |
| | **Thanh Hóa** | 184 |
| 152 | Trường Cao đẳng Nghề Công nghiệp Thanh Hóa | 184 |
| 153 | Trường Cao đẳng Nghề Nghi Sơn | 185 |
| 154 | Trường Cao đẳng Nghề Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn Thanh Hóa | 185 |
| 155 | Trường Cao đẳng Y tế Thanh Hóa | 186 |
| 156 | Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Công thương | 186 |
| 157 | Trường Cao đẳng Tài nguyên và Môi trường miền Trung | 187 |
| 158 | Trường Cao đẳng Nông lâm Thanh Hóa | 187 |
| 159 | Trường Cao đẳng Y dược Hợp Lực | 188 |
| 160 | Trường Cao đẳng Nghề Kinh tế - Công nghệ VICET | 188 |
| | **Nghệ An** | 189 |
| 161 | Trường Cao đẳng Giao thông Vận tải Trung ương IV | 189 |
| 162 | Trường Cao đẳng Việt - Đức Nghệ An | 189 |
| 163 | Trường Cao đẳng Hoan Châu | 190 |
| 164 | Trường Cao đẳng Văn hóa Nghệ thuật Nghệ An | 191 |
| 165 | Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghiệp Việt Nam - Hàn Quốc | 193 |
| 166 | Trường Cao đẳng Nghề số 4 - Bộ Quốc Phòng | 193 |
| 167 | Trường Cao đẳng Việt - Anh | 194 |
| | **Hà Tĩnh** | 194 |
| 168 | Trường Cao đẳng Y tế Hà Tĩnh | 194 |
| 169 | Trường Cao đẳng Công nghệ Hà Tĩnh | 195 |
| 170 | Trường Cao đẳng Kỹ thuật Việt - Đức Hà Tĩnh | 195 |
| 171 | Trường Cao đẳng Văn hóa, Thể thao và Du lịch Nguyễn Du | 196 |
| | **Quảng Bình** | 197 |
| 172 | Trường Cao đẳng Nghề Quảng Bình | 197 |
| 173 | Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công - Nông nghiệp Quảng Bình | 198 |

| TT | Nội dung | Trang |
|---|---|---|
| | **Quảng Trị** | 199 |
| 174 | Trường Cao đẳng Y tế Quảng Trị | 199 |
| | **Huế** | 200 |
| 175 | Trường Cao đẳng Nghề Số 23 - BQP | 200 |
| 176 | Trường Cao đẳng Nghề Thừa Thiên Huế | 200 |
| 177 | Trường Cao đẳng Giao thông Huế | 201 |
| 178 | Trường Cao đẳng Y tế Huế | 202 |
| 179 | Trường Cao đẳng Sư phạm Thừa Thiên Huế | 202 |
| | **Đà Nẵng** | 203 |
| 180 | Trường Cao đẳng Công nghệ Thông tin Hữu nghị Việt - Hàn | 203 |
| 181 | Trường Cao đẳng Giao thông Vận tải Trung ương V | 204 |
| 182 | Trường Cao đẳng Thương mại | 205 |
| 183 | Trường Cao đẳng Du lịch Đà Nẵng | 206 |
| 184 | Trường Cao đẳng Nghề Số 5 - Bộ Quốc Phòng | 206 |
| 185 | Trường Cao đẳng Lương thực - Thực phẩm | 207 |
| 186 | Trường Cao đẳng Kinh tế - Kế hoạch Đà Nẵng | 208 |
| 187 | Trường Cao đẳng Công nghệ Thông tin - Đại học Đà Nẵng | 209 |
| 188 | Trường Cao đẳng Công nghệ - Đại học Đà Nẵng (nay là Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật - Đại học Đà Nẵng) | 209 |
| 189 | Trường Cao đẳng Nghề Đà Nẵng | 209 |
| 190 | Trường Cao đẳng Nghề Hoa Sen | 210 |
| 191 | Trường Cao đẳng Nguyễn Văn Trỗi | 211 |
| 192 | Trường Cao đẳng Phương Đông Đà Nẵng | 211 |
| 193 | Trường Cao đẳng Bách Khoa Đà Nẵng | 212 |
| 194 | Trường Cao đẳng Nghề Việt - Úc | 213 |
| 195 | Trường Cao đẳng Đại Việt Đà Nẵng | 214 |
| 196 | Trường Cao đẳng Đức Trí | 214 |
| 197 | Trường Cao đẳng Văn hóa Nghệ thuật Đà Nẵng | 215 |
| 198 | Trường Cao đẳng Lạc Việt | 215 |
| 199 | Trường Cao đẳng Quốc tế PEGASUS | 216 |

| TT | Nội dung | Trang |
|---|---|---|
| | **Quảng Nam** | 216 |
| 200 | Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Quảng Nam | 216 |
| 201 | Trường Cao đẳng Tâm Trí | 218 |
| 202 | Trường Cao đẳng THACO. | 218 |
| 203 | Trường Cao đẳng Nghề Quảng Nam | 218 |
| 204 | Trường Cao đẳng Công nghệ - Kinh tế và Thủy lợi miền Trung | 219 |
| 205 | Trường Cao đẳng Y tế Quảng Nam | 220 |
| 206 | Trường Cao đẳng Điện lực miền Trung | 220 |
| 207 | Trường Cao đẳng Phương Đông | 221 |
| | **Quảng Ngãi** | 221 |
| 208 | Trường Cao đẳng Việt Nam - Hàn Quốc - Quảng Ngãi | 221 |
| 209 | Trường Cao đẳng Y tế Đặng Thùy Trâm | 222 |
| 210 | Trường Cao đẳng Quảng Ngãi | 222 |
| 211 | Trường Cao đẳng Kỹ nghệ Dung Quất | 223 |
| 212 | Trường Cao đẳng Nghề Cơ giới | 224 |
| 213 | Trường Đại học Phạm Văn Đồng | 225 |
| | **Bình Định** | 225 |
| 214 | Trường Cao đẳng Cơ điện - Xây dựng và Nông lâm Trung Bộ | 225 |
| 215 | Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Quy Nhơn | 226 |
| 216 | Trường Cao đẳng Y tế Bình Định | 227 |
| 217 | Trường Cao đẳng Bình Định | 227 |
| | **Phú Yên** | 228 |
| 218 | Trường Cao đẳng Công nghiệp Tuy Hòa | 228 |
| 219 | Trường Cao đẳng Y tế Phú Yên | 229 |
| | **Khánh Hòa** | 229 |
| 220 | Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang | 229 |
| 221 | Trường Cao đẳng Du lịch Nha Trang | 231 |
| 222 | Trường Cao đẳng Y tế Khánh Hòa | 232 |
| | **Ninh Thuận** | 233 |
| 223 | Trường Cao đẳng Nghề Ninh Thuận | 233 |

| TT | Nội dung | Trang |
|---|---|---|
| | **Bình Thuận** | 233 |
| 224 | Trường Cao đẳng Nghề tỉnh Bình Thuận | 233 |
| 225 | Trường Cao đẳng Cộng đồng Bình Thuận | 234 |
| 226 | Trường Cao đẳng Y tế Bình Thuận | 235 |
| | **VÙNG TÂY NGUYÊN** | **236** |
| | **Kon Tum** | 236 |
| 227 | Trường Cao đẳng Cộng đồng Kon Tum | 236 |
| | **Gia Lai** | 238 |
| 228 | Trường Cao đẳng Nghề Gia Lai | 238 |
| | **Đắk Lắk** | 239 |
| 229 | Trường Cao đẳng Công nghệ Tây Nguyên | 239 |
| 230 | Trường Cao đẳng Văn hóa Nghệ thuật Đắk Lắk | 240 |
| 231 | Trường Cao đẳng Y tế Đắk Lắk | 241 |
| 232 | Trường Cao đẳng Kỹ thuật Đắk Lắk | 241 |
| | **Lâm Đồng** | 242 |
| 233 | Trường Cao đẳng Công nghệ - Kinh tế Bảo Lộc | 242 |
| 234 | Trường Cao đẳng Du lịch Đà Lạt | 243 |
| 235 | Trường Cao đẳng Nghề Đà Lạt | 243 |
| 236 | Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Lâm Đồng | 244 |
| 237 | Trường Cao đẳng Y tế Lâm Đồng | 245 |
| | **ĐÔNG NAM BỘ** | **245** |
| | **Bình Phước** | 245 |
| 238 | Trường Cao đẳng Công nghiệp Cao su | 245 |
| 239 | Trường Cao đẳng Nghề Bình Phước | 246 |
| 240 | Trường Cao đẳng Y tế Bình Phước | 246 |
| | **Tây Ninh** | 247 |
| 241 | Trường Cao đẳng Nghề Tây Ninh | 247 |
| | **Bình Dương** | 247 |
| 242 | Trường Cao đẳng Công nghệ Cao Đồng An | 247 |
| 243 | Trường Cao đẳng Công nghệ và Nông lâm Nam Bộ | 248 |

| TT | Nội dung | Trang |
|---|---|---|
| 244 | Trường Cao đẳng Đường sắt | 249 |
| 245 | Trường Cao đẳng Việt Nam - Hàn Quốc Bình Dương | 250 |
| 246 | Trường Cao đẳng Y tế Bình Dương | 251 |
| 247 | Trường Cao đẳng Nghề Kỹ thuật Thiết bị Y tế Bình Dương | 252 |
| 248 | Trường Cao đẳng Nghề Việt Nam - SINGAPORE | 252 |
| 249 | Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Bình Dương | 253 |
| | **Đồng Nai** | 253 |
| 250 | Trường Cao đẳng Nghề Cơ giới Thủy lợi | 253 |
| 251 | Trường Cao đẳng Nghề Số 8 | 254 |
| 252 | Trường Cao đẳng Công nghệ Quốc tế LILAMA 2 | 255 |
| 253 | Trường Cao đẳng Thống kê II | 256 |
| 254 | Trường Cao đẳng Mỹ thuật Trang trí Đồng Nai | 256 |
| 255 | Trường Cao đẳng Kỹ thuật Đồng Nai | 256 |
| 256 | Trường Cao đẳng Nghề Công nghệ cao Đồng Nai | 257 |
| 257 | Trường Cao đẳng Y tế Đồng Nai | 258 |
| 258 | Trường Cao đẳng Công nghệ và Quản trị SONADESI | 258 |
| 259 | Trường Cao đẳng Lê Quí Đôn | 258 |
| 260 | Trường Cao đẳng Hòa Bình Xuân Lộc | 259 |
| | **Bà Rịa - Vũng Tàu** | 259 |
| 261 | Trường Cao đẳng Quốc tế VABIS | 259 |
| 262 | Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Bà Rịa - Vũng Tàu | 260 |
| 263 | Trường Cao đẳng Du lịch Vũng Tàu | 261 |
| 264 | Trường Cao đẳng Dầu khí | 262 |
| | **Thành phố Hồ Chí Minh** | 262 |
| 265 | Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng thành phố Hồ Chí Minh | 262 |
| 266 | Trường Cao đẳng Công nghệ Thủ Đức | 263 |
| 267 | Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh | 265 |
| 268 | Trường Cao đẳng Giao thông Vận tải | 265 |
| 269 | Trường Cao đẳng Văn hóa Nghệ thuật Thành phố Hồ Chí Minh | 266 |
| 270 | Trường Cao đẳng Kỹ thuật Nguyễn Trường Tộ | 267 |

| TT | Nội dung | Trang |
|---|---|---|
| 271 | Trường Cao đẳng Thủ Thiêm - Thành phố Hồ Chí Minh | 267 |
| 272 | Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Thủ Đức | 267 |
| 273 | Trường Cao đẳng bán công Công nghệ và Quản trị doanh nghiệp | 268 |
| 274 | Trường Cao đẳng miền Nam | 268 |
| 275 | Trường Cao đẳng Đại Việt Sài Gòn | 269 |
| 276 | Trường Cao đẳng Bách Việt | 270 |
| 277 | Trường Cao đẳng Kinh tế - Công nghệ TP.HCM | 271 |
| 278 | Trường Cao đẳng Công nghệ Thông tin TP. Hồ Chí Minh | 272 |
| 279 | Trường Cao đẳng Viễn Đông | 273 |
| 280 | Trường Cao đẳng Kỹ thuật - Công nghệ Vạn Xuân | 276 |
| 281 | Trường Cao đẳng Sài Gòn | 276 |
| 282 | Trường Cao đẳng Việt Mỹ | 276 |
| 283 | Trường Cao đẳng An ninh mạng iSPACE | 277 |
| 284 | Trường Cao đẳng Nghề Du lịch Sài Gòn | 277 |
| 285 | Trường Cao đẳng Sài Gòn Gia Định | 277 |
| 286 | Trường Cao đẳng Quốc tế Thành phố Hồ Chí Minh | 278 |
| 287 | Trường Cao đẳng Quốc tế KENT | 278 |
| 288 | Trường Cao đẳng Nghề Hoa Sen | 279 |
| 289 | Trường Cao đẳng Khoa học và Công nghệ Tây Sài Gòn | 279 |
| 290 | Trường Cao đẳng Công nghệ Sài Gòn | 280 |
| 291 | Trường Cao đẳng Điện lực Thành phố Hồ Chí Minh | 280 |
| 292 | Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật VINATEX TP. Hồ Chí Minh | 280 |
| 293 | Trường Cao đẳng Kinh tế Đối ngoại | 281 |
| 294 | Trường Cao đẳng Kỹ thuật Cao Thắng | 281 |
| 295 | Trường Cao đẳng Phát thanh - Truyền hình II | 282 |
| 296 | Trường Cao đẳng Xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh | 283 |
| 297 | Trường Đại học Tôn Đức Thắng | 283 |
| | **VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG** | **284** |
| | **Long An** | 284 |
| 298 | Trường Cao đẳng Công nghệ LADEC | 284 |
| 299 | Trường Cao đẳng Nghề Long An | 286 |

| TT | Nội dung | Trang |
|---|---|---|
| | **Tiền Giang** | 287 |
| 300 | Trường Cao đẳng Nghề Tiền Giang | 287 |
| 301 | Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ | 288 |
| 302 | Trường Cao đẳng Y tế Tiền Giang | 289 |
| | **Bến Tre** | 289 |
| 303 | Trường Cao đẳng Bến Tre | 289 |
| 304 | Trường Cao đẳng Đồng Khởi | 290 |
| | **Trà Vinh** | 291 |
| 305 | Trường Cao đẳng Nghề Trà Vinh | 291 |
| 306 | Trường Cao đẳng Y tế Trà Vinh | 292 |
| | **Vĩnh Long** | 292 |
| 307 | Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vĩnh Long | 292 |
| 308 | Trường Cao đẳng Nghề Vĩnh Long | 294 |
| 309 | Trường Cao đẳng Nghề số 9 | 294 |
| 310 | Trường Cao đẳng Kinh tế - Tài chính Vĩnh Long | 295 |
| 311 | Trường Cao đẳng Cộng đồng Vĩnh Long | 295 |
| | **Đồng Tháp** | 297 |
| 312 | Trường Cao đẳng Y tế Đồng Tháp | 297 |
| 313 | Trường Cao đẳng Cộng đồng Đồng Tháp | 297 |
| 314 | Trường Cao đẳng Nghề Đồng Tháp | 298 |
| | **An Giang** | 298 |
| 315 | Trường Đại học An Giang | 298 |
| 316 | Trường Cao đẳng Nghề An Giang | 299 |
| 317 | Trường Cao đẳng Y tế An Giang | 299 |
| | **Kiên Giang** | 299 |
| 318 | Trường Cao đẳng Kiên Giang | 299 |
| 319 | Trường Cao đẳng Nghề Kiên Giang | 301 |
| | **Cần Thơ** | 301 |
| 320 | Trường Cao đẳng Cơ điện và Nông nghiệp Nam Bộ | 301 |
| 321 | Trường Cao đẳng Nghề Du lịch Cần Thơ | 303 |

| TT | Nội dung | Trang |
|---|---|---|
| 322 | Trường Cao đẳng Nghề Cần Thơ | 303 |
| 323 | Trường Cao đẳng Cần Thơ | 304 |
| 324 | Trường Cao đẳng Y Tế Cần Thơ | 305 |
| 325 | Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Cần Thơ | 305 |
| 326 | Trường Cao đẳng Văn hóa Nghệ thuật Cần Thơ | 306 |
| | **Hậu Giang** | 307 |
| 327 | Trường Cao đẳng Cộng đồng Hậu Giang | 307 |
| | **Sóc Trăng** | 307 |
| 328 | Trường Cao đẳng Cộng đồng Sóc Trăng | 307 |
| 329 | Trường Cao đẳng Nghề Sóc Trăng | 308 |
| | **Bạc Liêu** | 308 |
| 330 | Trường Cao đẳng Nghề Bạc Liêu | 308 |
| 331 | Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Bạc Liêu | 308 |
| 332 | Trường Cao đẳng Y tế Bạc Liêu | 310 |
| | **Cà Mau** | 311 |
| 333 | Trường Cao đẳng Cộng đồng Cà Mau | 311 |
| 334 | Trường Cao đẳng Nghề Việt Nam - Hàn Quốc Cà Mau | 311 |
| 335 | Trường Cao đẳng Y tế Cà Mau | 311 |
| **TUYỂN SINH CÁC TRƯỜNG TRUNG CẤP** | | **313** |
| | **TRUNG DU MIỀN NÚI PHÍA BẮC** | **313** |
| | **Hà Giang** | 313 |
| 1 | Trường Trung cấp Y tế Hà Giang | 313 |
| 2 | Trường Trung cấp Nghề Dân tộc Nội trú Bắc Quang | 313 |
| | **Cao Bằng** | 313 |
| 3 | Trường Trung cấp nghề tỉnh Cao Bằng | 313 |
| 4 | Trường Trung cấp Y tế Cao Bằng | 314 |
| 5 | Trường Trung cấp Kinh tế Kỹ thuật Cao Bằng | 314 |
| | **Bắc Cạn** | 314 |
| 6 | Trường Trung cấp Y tế Bắc Kạn | 314 |

| TT | Nội dung | Trang |
|---|---|---|
| | **Lào Cai** | 315 |
| 7 | Trường Trung học Y tế Lào Cai | 315 |
| 8 | Trường Trung cấp Nghề Công ty APATIT Việt Nam | 315 |
| | **Yên Bái** | 315 |
| 9 | Trường Trung cấp Dân tộc nội trú Nghĩa Lộ | 315 |
| 10 | Trường Trung cấp Lục Yên | 316 |
| 11 | Trường Trung cấp Bách khoa Yên Bái | 316 |
| | **Thái Nguyên** | 316 |
| 12 | Trường Trung cấp Nghề Thái Nguyên | 316 |
| 13 | Trường Trung cấp Luật Thái Nguyên | 317 |
| 14 | Trường Trung cấp Y tế Thái Nguyên | 317 |
| 15 | Trường Trung cấp Thái Nguyên | 317 |
| 16 | Trường Trung cấp Nghề Nam Thái Nguyên | 318 |
| 17 | Trường Trung cấp Y khoa PASTEUR | 319 |
| 18 | Trường Trung cấp Nghề Thái Hà | 319 |
| 19 | Trường Trung cấp Nghề Giao thông Vận tải Thái Nguyên | 319 |
| 20 | Trường Trung cấp Nghề Dân tộc nội trú Thái Nguyên | 320 |
| | **Lạng Sơn** | 320 |
| 21 | Trường Trung cấp Văn hóa Nghệ thuật tỉnh Lạng Sơn | 320 |
| | **Phú Thọ** | 322 |
| 22 | Trường Trung cấp Nghề HERMANN GMEINER Việt Trì | 322 |
| 23 | Trường Trung cấp Văn hóa Nghệ thuật và Du lịch Phú Thọ | 322 |
| 24 | Trường Trung cấp Nghề Dân tộc nội trú Phú Thọ | 323 |
| 25 | Trường Trung cấp Kỹ thuật - Nghiệp vụ sông Hồng | 323 |
| 26 | Trường Trung cấp Nông Lâm Nghiệp Phú Thọ | 324 |
| | **Lai Châu** | 325 |
| 27 | Trường Trung cấp Y tế Lai Châu | 325 |
| 28 | Trường Trung cấp Nghề Dân tộc nội trú | 325 |
| | **Sơn La** | 326 |
| 29 | Trường Trung cấp Văn hóa Nghệ thuật và Du lịch Sơn La | 326 |

| TT | Nội dung | Trang |
|---|---|---|
| | **Hòa Bình** | 326 |
| 30 | Trường Trung cấp Y tế Hòa Bình | 326 |
| | **ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG** | **327** |
| | **Hà Nội** | 327 |
| 31 | Trường Trung cấp Xây dựng Hà Nội | 327 |
| 32 | Trường Trung cấp Công nghệ và Quản trị Kinh doanh Hà Nội | 327 |
| 33 | Trường Trung cấp Y tế Hà Nội | 327 |
| 34 | Trường Trung cấp Y dược cộng đồng Hà Nội | 328 |
| 35 | Trường Trung cấp Công nghệ Bách Khoa Hà Nội | 328 |
| 36 | Trường trung cấp Kinh tế - Tài chính Hà Nội | 328 |
| 37 | Trường Trung cấp Cộng đồng Hà Nội | 329 |
| 38 | Trường Trung cấp Kinh tế Kỹ thuật Bắc Thăng Long | 329 |
| 39 | Trường Trung cấp Giao thông Vận tải Hà Nội | 330 |
| 40 | Trường Trung cấp Kinh tế - Tài nguyên và Môi Trường | 331 |
| 41 | Trường Trung cấp Y dược Phạm Ngọc Thạch Hà Nội | 331 |
| 42 | Trường Trung cấp Nghề tổng hợp Hà Nội | 332 |
| 43 | Trường Trung cấp Đa ngành Hà Nội | 332 |
| 44 | Trường Trung cấp Công nghệ và Quản trị Đông Đô | 333 |
| 45 | Trường Trung cấp Nghề số 1 Hà Nội | 333 |
| 46 | Trường Trung cấp Nghề nấu ăn - Nghiệp vụ Du lịch và Thời trang Hà Nội | 334 |
| 47 | Trường Trung cấp Nghề cơ khí I Hà Nội | 334 |
| 48 | Trường Trung cấp Tổng hợp Hà Nội | 335 |
| 49 | Trường Trung cấp Kinh tế Kỹ thuật Hà Nội 1 | 335 |
| 50 | Trường Trung cấp Bách nghệ Hà Nội | 336 |
| 51 | Trường Trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật Phan Chu Trinh | 336 |
| 52 | Phân hiệu Trường Trung cấp Y khoa PASTEUR | 336 |
| 53 | Trường Trung cấp Kinh tế Hà Nội | 337 |
| 54 | Trường Trung cấp Kỹ thuật Tin học Hà Nội | 337 |
| 55 | Trường Trung cấp Công nghệ và Kinh tế đối ngoại | 337 |
| 56 | Trường Trung cấp Nghề Cơ khí Xây dựng | 338 |
| 57 | Trường Trung cấp Y khoa Hà Nội | 339 |

| TT | Nội dung | Trang |
|---|---|---|
| | **Vĩnh Phúc** | 339 |
| 58 | Trường Trung cấp Nghề 1 - BQP | 339 |
| 59 | Trường Trung cấp Nghề Kỹ thuật Xây dựng và Nghiệp vụ | 340 |
| 60 | Trường Trung cấp Y tế Vĩnh Phúc | 340 |
| 61 | Trường Trung cấp Văn hóa Nghệ thuật Vĩnh Phúc | 341 |
| 62 | Trường Trung cấp Công nghệ Vĩnh Phúc | 342 |
| | **Bắc Ninh** | 342 |
| 63 | Trường Trung cấp Văn hóa Nghệ thuật và Du lịch Bắc Ninh | 342 |
| 64 | Trường Trung cấp Kinh tế Kỹ thuật Công Thương - CCI | 343 |
| 65 | Trường Trung cấp Y tế Trung ương | 343 |
| 66 | Trường Trung cấp Nghề Kinh tế - Kỹ thuật Bắc Ninh | 343 |
| 67 | Trường Trung cấp Nghề Kinh tế Kỹ thuật và Thủ công Mỹ nghệ truyền thống Thuận Thành | 344 |
| 68 | Trường Trung cấp Bách khoa Bắc Ninh | 344 |
| | **Hải Dương** | 345 |
| 69 | Trường Trung cấp Cơ giới Đường bộ | 345 |
| 70 | Trường Trung cấp Văn hóa Nghệ thuật và Du lịch Hải Dương | 345 |
| | **Hải Phòng** | 346 |
| 71 | Trường Trung cấp Nghề Kỹ thuật xi măng | 346 |
| 72 | Trường Trung cấp An Dương | 346 |
| 73 | Trường Trung cấp Khu Kinh tế Hải Phòng | 347 |
| 74 | Trường Trung cấp Xây dựng | 348 |
| 75 | Trường Trung cấp Nông nghiệp Thủy sản | 348 |
| 76 | Trường Trung cấp Giao thông Vận tải Hải Phòng | 350 |
| 77 | Trường Trung cấp Du lịch Thăng Long | 350 |
| 78 | Trường Trung cấp Kinh tế Kỹ thuật và Công nghệ Hải Phòng | 350 |
| 79 | Trường Trung cấp Nghiệp vụ và Công nghệ Hải Phòng | 351 |
| 80 | Trường Trung cấp Chuyên nghiệp Hải Phòng | 351 |
| 81 | Trường Trung cấp Bách khoa Hải Phòng | 352 |
| | **Hưng Yên** | 352 |
| 82 | Trường Trung cấp Nghề GTVT Hưng Yên | 352 |

| TT | Nội dung | Trang |
|---|---|---|
| 83 | Trường Trung cấp Nghề Á Châu | 352 |
| 84 | Trường Trung cấp Nghề Châu Hưng | 352 |
| 85 | Trường Trung cấp Văn hóa Nghệ thuật và Du lịch Hưng Yên | 353 |
| 86 | Trường Trung cấp Tổng hợp Đông Đô | 353 |
| 87 | Trường Trung cấp Nghề Việt Thanh | 353 |
| | **Thái Bình** | 354 |
| 88 | Trường Trung cấp Nông nghiệp Thái Bình | 354 |
| 89 | Trường Trung cấp Xây dựng Thái Bình | 354 |
| 90 | Trường Trung cấp Nghề cho người khuyết tật Thái Bình | 354 |
| 91 | Trường Trung cấp Nghề Thủ công Mỹ nghệ Kiến Xương | 355 |
| | **Hà Nam** | 355 |
| 92 | Trường Trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật Hà Nam | 355 |
| 93 | Trường Trung cấp Nghề Công nghệ Hà Nam | 355 |
| 94 | Trường Trung cấp Nghề Giao thông và Xây dựng Việt Úc | 356 |
| | **Nam Định** | 356 |
| 95 | Trường Trung cấp GTVT Nam Định | 356 |
| 96 | Trường Trung cấp Nghề số 8 | 357 |
| 97 | Trường Trung cấp Nghề Thủ công Mỹ nghệ truyền thống Nam Định | 357 |
| 98 | Trường Trung cấp Nghề Thương mại - Du lịch - Dịch vụ Nam Định | 358 |
| 99 | Trường Trung cấp Kinh tế Kỹ thuật Nông nghiệp Nam Định | 358 |
| 100 | Trường Trung cấp Cơ điện Nam Định | 359 |
| 101 | Trường Trung cấp Công nghệ và Truyền thông Nam Định | 359 |
| 102 | Trường Trung cấp Nghề Kỹ thuật Công nghiệp Nam Định | 360 |
| | **Ninh Bình** | 360 |
| 103 | Trường Trung cấp Nghề Quốc tế | 360 |
| 104 | Trường Trung cấp Y - Dược Tôn Thất Tùng | 361 |
| 105 | Trường Trung cấp Nghề Nho Quan | 361 |
| 106 | Trường Trung cấp Kỹ thuật - Du lịch Công đoàn Ninh Bình | 361 |
| 107 | Trường Trung cấp Công nghệ và Y tế PASTEUR | 362 |
| 108 | Trường Trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật và tại chức Ninh Bình | 362 |

| TT | Nội dung | Trang |
|---|---|---|
| | **Quảng Ninh** | 362 |
| 109 | Trường Trung cấp Nghề Công nghệ Hạ Long | 362 |
| | **Bắc Giang** | 363 |
| 110 | Trường Trung cấp Văn hóa, Thể thao và Du lịch Bắc Giang | 363 |
| 111 | Trường Trung cấp Y tế Bắc Giang | 363 |
| 112 | Trường Trung cấp Y - Dược Bắc Giang | 363 |
| 113 | Trường Trung cấp ASEAN | 364 |
| 114 | Trường Trung cấp Nghề miền núi Yên Thế | 364 |
| 115 | Trường Trung cấp Nghề Thủ công Mỹ nghệ 19-5 | 364 |
| 116 | Trường Trung cấp Nghề số 12/BQP | 365 |
| | **BẮC TRUNG BỘ VÀ DUYÊN HẢI MIỀN TRUNG** | **365** |
| | **Thanh Hóa** | 365 |
| 117 | Trường Trung cấp Nghề thanh, thiếu niên khuyết tật, đặc biệt khó khăn Thanh Hóa | 365 |
| 118 | Trường Trung cấp Nghề miền núi Thanh Hóa | 365 |
| 119 | Trường Trung cấp Nghề Kỹ nghệ Thanh Hóa | 366 |
| 120 | Trường Trung cấp Nghề Xây dựng Thanh Hóa | 366 |
| 121 | Trường Trung cấp Nghề Thương mại Du lịch Thanh Hóa | 367 |
| 122 | Trường Trung cấp Phát thanh - Truyền hình Thanh Hóa | 367 |
| 123 | Trường Trung cấp Nghề Giao thông Vận tải Thanh Hóa | 368 |
| 124 | Trường Trung cấp Nghề Bỉm Sơn | 368 |
| 125 | Trường Trung cấp Nghề Nga Sơn | 368 |
| 126 | Trung cấp Nghề số 1 Thành phố Thanh Hóa | 369 |
| 127 | Trường Trung cấp Nghề Thạch Thành | 370 |
| 128 | Trường Trung cấp Nghề Yên Định | 370 |
| 129 | Trường Trung cấp Xây dựng Thanh Hóa | 371 |
| 130 | Trường Trung cấp Kỹ thuật Y Dược Thanh Hóa | 371 |
| 131 | Trường Trung cấp Tuệ Tĩnh Thanh Hóa | 372 |
| 132 | Trường Trung cấp Bách Nghệ Thanh Hóa | 372 |
| | **Nghệ An** | 372 |
| 133 | Trường Trung cấp Dân tộc nội trú Nghệ An | 372 |
| 134 | Trường Trung cấp Kỹ thuật Yên Thành | 373 |

| TT | Nội dung | Trang |
|---|---|---|
| 135 | Trường Trung cấp Kinh tế - Công nghiệp - Thủ công nghiệp Nghệ An | 373 |
| 136 | Trường Trung cấp KT - KT Bắc Nghệ An | 374 |
| 137 | Trường Trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật Miền Tây | 374 |
| 138 | Trường Trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật Nghi Lộc | 374 |
| 139 | Trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật Tây Nam Nghệ An | 375 |
| 140 | Trường Trung cấp Kinh tế Kỹ thuật Vinh | 375 |
| 141 | Trường Trung cấp Kỹ thuật - Nghiệp vụ Vinh | 376 |
| 142 | Trường Trung cấp Y khoa miền Trung | 376 |
| | **Hà Tĩnh** | 377 |
| 143 | Trường Trung cấp Nghề Hà Tĩnh | 377 |
| 144 | Trường Trung cấp Kỹ nghệ Hà Tĩnh | 377 |
| 145 | Trường Trung cấp Lý Tự Trọng | 378 |
| 146 | Trường Trung cấp Nghề MITRACO | 378 |
| | **Quảng Bình** | 379 |
| 147 | Trường Trung cấp Y tế Quảng Bình | 379 |
| 148 | Trường Trung cấp Kinh tế Quảng Bình | 379 |
| 149 | Trường Trung cấp Du lịch - Công nghệ số 9 | 379 |
| 150 | Trường Trung cấp Luật Đồng Hới | 380 |
| 151 | Trường Trung cấp Nghề Bình Minh | 380 |
| | **Quảng Trị** | 380 |
| 152 | Trường Trung cấp Trung Cấp Nghề Quảng Trị | 380 |
| 153 | Trường Trung cấp Nghề Giao thông Vận tải Quảng Trị | 381 |
| 154 | Trường Trung cấp Trung Cấp Mai Lĩnh Quảng Trị | 381 |
| 155 | Trường Trung cấp Nông nghiệp và PTNT Quảng Trị | 382 |
| | **Huế** | 382 |
| 156 | Trường Trung cấp nghề Quảng Điền | 382 |
| 157 | Trường Trung cấp Văn hóa Nghệ thuật tỉnh Thừa Thiên Huế | 382 |
| 158 | Trường Trung cấp Công nghệ Số 10 | 384 |
| | **Đà Nẵng** | 384 |
| 159 | Trường Trung cấp Nghề Giao thông Công chính Đà Nẵng | 384 |
| 160 | Trường Trung cấp Chuyên nghiệp Ý Việt | 385 |

| TT | Nội dung | Trang |
|---|---|---|
| 161 | Trường Trung cấp Kỹ thuật - Nghiệp vụ Thăng Long | 385 |
| 162 | Trường Trung cấp Nghề Kỹ thuật Công nghệ Đà Nẵng | 386 |
| 163 | Trường Trung cấp Nghề Việt Á | 386 |
| | **Quảng Nam** | 386 |
| 164 | Trường Trung cấp Nghề Thanh niên Dân tộc - miền núi Quảng Nam | 386 |
| 165 | Trường Trung cấp Quảng Đông | 386 |
| 166 | Trường Trung cấp Nghề Nam Quảng Nam | 387 |
| 167 | Trường Trung cấp Nghề Kinh tế - Kỹ thuật miền Trung - Tây Nguyên | 387 |
| 168 | Trường Trung cấp ASEAN (tên cũ: Trường TCN Tư thục ASEAN) | 387 |
| 169 | Trường Trung cấp Nghề Bắc Quảng Nam | 388 |
| 170 | Trường Trung cấp Văn hóa, Nghệ thuật & Du lịch Quảng Nam | 388 |
| | **Quảng Ngãi** | 389 |
| 171 | Trường Trung cấp Nghề tỉnh Quảng Ngãi | 389 |
| | **Bình Định** | 389 |
| 172 | Trường Trung cấp Thủ công Mỹ nghệ Bình Định | 389 |
| 173 | Trường Trung cấp Kỹ thuật Công nghệ Hoài Nhơn | 390 |
| 174 | Trường Trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật Bình Định | 390 |
| 175 | Trường Trung cấp Văn hóa Nghệ thuật Bình Định | 391 |
| | **Phú Yên** | 392 |
| 176 | Trường Trung cấp Nghề Thanh niên Dân tộc Phú Yên | 392 |
| | **Khánh Hòa** | 392 |
| 177 | Trường Trung cấp Nghề Ninh Hòa | 392 |
| 178 | Trường Trung cấp Nghề Cam Ranh | 392 |
| 179 | Trường Trung cấp Nghề Vạn Ninh | 393 |
| 180 | Trường Trung cấp Nghề Cam Lâm | 393 |
| 181 | Trường Trung cấp Nghề Diên Khánh | 394 |
| 182 | Trường Trung cấp Nghề Dân tộc nội trú Khánh Vĩnh | 394 |
| 183 | Trung cấp Nghề Dân tộc nội trú Khánh Sơn | 395 |
| 184 | Trường Trung cấp Kinh tế Khánh Hòa | 395 |
| 185 | Trường Trung cấp Kỹ thuật Miền Trung | 396 |

| TT | Nội dung | Trang |
|---|---|---|
| 186 | Trường Trung cấp Y Dược YERSIN Nha Trang | 396 |
| 187 | Trường Trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật Trần Đại Nghĩa | 396 |
| | **Ninh Thuận** | 397 |
| 188 | Trường Trung cấp Việt Thuận | 397 |
| | **Bình Thuận** | 397 |
| 189 | Trường Trung cấp Nghề Kinh tế - Kỹ thuật Công đoàn Bình Thuận | 397 |
| | **VÙNG TÂY NGUYÊN** | **398** |
| | **Gia Lai** | 398 |
| 190 | Trường Trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật Đông Gia Lai | 398 |
| 191 | Trường Trung cấp Văn hóa - Nghệ thuật Gia Lai | 399 |
| 192 | Trường Trung cấp Lâm nghiệp Tây Nguyên | 399 |
| 193 | Trường Trung cấp Y tế Gia Lai | 399 |
| | **Đắk Lắk** | 400 |
| 194 | Trường Trung cấp Bách Nghệ Thanh Hóa | 400 |
| 195 | Trường Trung cấp Đam San | 400 |
| 196 | Trường Trung cấp Đắk Lắk | 400 |
| 197 | Trường Trung cấp Kinh tế Kỹ thuật Đắk Lắk | 401 |
| 198 | Trường Trung cấp Tây Nguyên | 402 |
| 199 | Trường Trung cấp Trường Sơn | 402 |
| 200 | Trường Trung cấp Luật Buôn Ma Thuột | 402 |
| | **Đắk Nông** | 403 |
| 201 | Trường Trung cấp Kinh tế - Kĩ thuật Phương Nam | 403 |
| 202 | Trường Trung cấp Nghề Đắk Nông | 403 |
| | **Lâm Đồng** | 403 |
| 203 | Trường Trung cấp Nghề Bảo Lộc | 403 |
| 204 | Trường Trung cấp Nghề Tân Tiến | 404 |
| 205 | Trường Trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật Quốc Việt | 404 |
| | **ĐÔNG NAM BỘ** | **405** |
| | **Bình Phước** | 405 |
| 206 | Trung cấp Kinh tế Kỹ thuật Bình Phước | 405 |

| TT | Nội dung | Trang |
|---|---|---|
| | **Tây Ninh** | 405 |
| 207 | Trường Trung cấp Kinh tế Kỹ thuật Tây Ninh | 405 |
| 208 | Trường Trung cấp Y tế Tây Ninh | 406 |
| 209 | Trường Trung cấp Nghề khu vực Nam Tây Ninh | 406 |
| 210 | Trường Trung cấp Tân Bách Khoa | 406 |
| 211 | Trung cấp Á Châu | 407 |
| | **Bình Dương** | 407 |
| 212 | Trường Trung cấp Công nghiệp Bình Dương | 407 |
| 213 | Trường Trung cấp Kinh tế Bình Dương | 408 |
| 214 | Trường Trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật Bình Dương | 408 |
| 215 | Trường Trung cấp Kinh tế - Công nghệ Đông Nam | 409 |
| 216 | Trường Trung cấp Kỹ thuật và Nghiệp vụ Công đoàn Bình Dương | 409 |
| 217 | Trường Trung cấp Mỹ thuật - Văn hóa Bình Dương | 410 |
| 218 | Trường Trung cấp Nông Lâm Nghiệp Bình Dương | 410 |
| 219 | Trường Trung cấp Tài chính Kế toán Bình Dương | 411 |
| 220 | Trường Trung cấp Nghề Dĩ An | 411 |
| 221 | Trường Trung cấp Nghề Tân Uyên | 412 |
| | **Đồng Nai** | 413 |
| 222 | Trường Trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật số 2 | 413 |
| 223 | Trường Trung cấp Cơ điện Đông Nam Bộ | 413 |
| 224 | Trường Trung cấp Nghề Giao thông Vận tải | 414 |
| 225 | Trường Trung cấp Nghề 26/3 | 414 |
| 226 | Trường Trung cấp Kinh tế Kỹ thuật Đồng Nai | 414 |
| 227 | Trường Trung cấp Văn hóa Nghệ thuật Đồng Nai | 415 |
| 228 | Trường Trung cấp Miền Đông | 416 |
| 229 | Trường Trung cấp Bách khoa Đồng Nai | 416 |
| 230 | Trường Trung cấp Nghề Đinh Tiên Hoàng | 416 |
| | **Bà Rịa - Vũng Tàu** | 416 |
| 231 | Trường Trung cấp Công nghệ Thông tin TM.COMPUTER | 416 |
| 232 | Trường Trung cấp Chuyên nghiệp Bà Rịa | 417 |

| TT | Nội dung | Trang |
|---|---|---|
| 233 | Trường Trung cấp nghề Kinh tế - Kỹ thuật Công đoàn BR-VT | 418 |
| 234 | Trường Trung cấp Kỹ thuật Công nghệ Phước Lộc | 418 |
| 235 | Trường Trung cấp Nghề Giao thông Vận tải tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu | 418 |
| | **Thành phố Hồ Chí Minh** | 419 |
| 236 | Trường Trung cấp Lê Thị Riêng | 419 |
| 237 | Trường Trung cấp Nghề Châu Hưng - Phân hiệu Thành phố Hồ Chí Minh | 419 |
| 238 | Trường Trung cấp Nghề Củ Chi | 420 |
| 239 | Trường Trung cấp Nghề Quang Trung | 420 |
| 240 | Trường Trung cấp Nghề Đông Sài Gòn | 421 |
| 241 | Trường Trung cấp Nghề Bình Thạnh | 421 |
| 242 | Trường Trung cấp Trần Đại Nghĩa | 423 |
| 243 | Trường Trung cấp Nghề Kỹ thuật Nghiệp vụ Tôn Đức Thắng | 423 |
| 244 | Trường Trung cấp Nghề Du lịch và Tiếp thị Quốc tế | 425 |
| 245 | Trường Trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật Quận 12 | 425 |
| 246 | Trường Trung cấp Bách nghệ Thành phố Hồ Chí Minh | 425 |
| 247 | Trường Trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật Nguyễn Hữu Cảnh | 426 |
| 248 | Trường Trung cấp Kỹ thuật Nông nghiệp TP. Hồ Chí Minh | 426 |
| 249 | Trường Trung cấp Thông tin Truyền thông TP. Hồ Chí Minh | 427 |
| 250 | Trường Trung cấp Âu Việt | 428 |
| 251 | Trường Trung cấp Quang Trung | 428 |
| 252 | Trường Trung cấp Bến Thành | 428 |
| 253 | Trường Trung cấp Cửu Long | 429 |
| 254 | Trường Trung cấp Hồng Hà | 429 |
| 255 | Trường Trung cấp Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh | 430 |
| 256 | Trường Trung cấp Y Dược Vạn Hạnh | 430 |
| 257 | Trường Trung cấp Vạn Tường | 431 |
| 258 | Trường Trung cấp Bách khoa TP. Hồ Chí Minh | 431 |
| 259 | Trường Trung cấp Công nghệ Thông tin Sài Gòn | 432 |
| 260 | Trường Trung cấp Kinh tế - Du lịch TP. Hồ Chí Minh | 432 |
| 261 | Trường Trung cấp Mai Linh | 432 |

| TT | Nội dung | Trang |
|---|---|---|
| 262 | Trường Trung cấp Nguyễn Tất Thành | 433 |
| 263 | Trường Trung cấp Phương Nam | 434 |
| 264 | Trường Trung cấp Tây Sài Gòn | 434 |
| 265 | Trường Trung cấp Việt Khoa | 434 |
| 266 | Trường Trung cấp Tin học Kinh tế Sài Gòn | 435 |
| 267 | Trường Trung cấp Sài Gòn (Tên cũ: Trường trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật Sài Gòn) | 435 |
| 268 | Trường Trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật Tây Nam Á | 436 |
| 269 | Trường Trung cấp Thủy sản | 436 |
| 270 | Trường Trung cấp Công nghệ Lương thực Thực phẩm | 437 |
| 271 | Trường Trung cấp Múa Thành phố Hồ Chí Minh | 438 |
| 272 | Trường Trung cấp Chuyên nghiệp Tôn Đức Thắng | 438 |
| | **VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG** | **439** |
| | **Long An** | 439 |
| 273 | Trường Trung cấp Y tế Long An | 439 |
| 274 | Trường Trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật Long An | 439 |
| 275 | Trường Trung cấp Nghề Đức Hòa | 440 |
| 276 | Trường Trung cấp Nghề Đồng Tháp Mười | 440 |
| 277 | Trường Trung cấp Nghề Cần Giuộc | 441 |
| 278 | Trường Trung cấp Nghề và Đào tạo Cán bộ HTX miền Nam | 442 |
| 279 | Trường Trung cấp Việt Nhật | 442 |
| | **Tiền Giang** | 443 |
| 280 | Trường Trung cấp Bách khoa Gò Công | 443 |
| 281 | Trường Trung cấp Kinh tế - Công nghệ Cai Lậy | 443 |
| 282 | Trường Trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật Tiền Giang | 443 |
| 283 | Trường Trung cấp Kỹ thuật - Nghiệp vụ Cái Bè | 444 |
| 284 | Trường Trung cấp Văn hóa Nghệ thuật Tiền Giang | 444 |
| 285 | Trường Trung cấp Nghề Giao thông Vận tải Tiền Giang | 445 |
| 286 | Trường Trung cấp Nghề khu vực Cai Lậy | 445 |
| 287 | Trường Trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật Công đoàn Tiền Giang | 446 |
| 288 | Trường Trung cấp Nghề khu vực Gò Công | 446 |

| TT | Nội dung | Trang |
|---|---|---|
| | **Bến Tre** | 447 |
| 289 | Trường Trung cấp Nghề Bến Tre | 447 |
| 290 | Trường Trung cấp Văn hóa Nghệ thuật Bến Tre | 447 |
| 291 | Trường Trung cấp Y tế Bến Tre | 448 |
| | **Trà Vinh** | 448 |
| 292 | Trường Trung cấp nghề Dân tộc nội trú Trà Vinh | 448 |
| 293 | Trường trung cấp văn hóa nghệ thuật và Thể thao Trà Vinh | 448 |
| | **Vĩnh Long** | 449 |
| 294 | Trường Trung cấp Y tế Vĩnh Long | 449 |
| | **Đồng Tháp** | 449 |
| 295 | Trường Trung cấp Thanh Bình | 449 |
| 296 | Trường Trung cấp Nghề - Giáo dục thường xuyên Hồng Ngự | 449 |
| 297 | Trường Trung cấp Nghề - Giáo dục thường xuyên Tháp Mười | 450 |
| | **An Giang** | 451 |
| 298 | Trường Trung cấp Nghề Châu Đốc | 451 |
| 299 | Trường Trung cấp Nghề Tân Châu | 451 |
| 300 | Trường Trung cấp Nghề Dân tộc nội trú | 451 |
| 301 | Trường Trung cấp Kỹ thuật - Công nghệ An Giang | 452 |
| 302 | Trường Trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật An Giang | 452 |
| | **Kiên Giang** | 452 |
| 303 | Trường Trung cấp Kỹ thuật - Nghiệp vụ Kiên Giang | 452 |
| 304 | Trường Trung cấp Việt - Hàn Phú Quốc | 453 |
| 305 | Trường Trung cấp Nghề Dân tộc nội trú tỉnh Kiên Giang | 454 |
| 306 | Trường Trung cấp Nghề Tân Hiệp | 454 |
| 307 | Trường Trung cấp Nghề vùng Tứ Giác Long Xuyên | 455 |
| 308 | Trường Trung cấp Nghề vùng U Minh Thượng | 455 |
| | **Cần Thơ** | 456 |
| 309 | Trường Trung cấp Giao thông Vận tải miền Nam | 456 |
| 310 | Trường Trung cấp Bách Nghệ Cần Thơ | 456 |
| 311 | Trường Trung cấp Miền Tây | 457 |
| 312 | Trường Trung cấp Nghề Thới Lai - TP. Cần Thơ | 457 |

| TT | Nội dung | Trang |
|---|---|---|
| 313 | Trường Trung cấp Y Dược MEKONG | 458 |
| 314 | Trường Trung cấp Phạm Ngọc Thạch Cần Thơ | 458 |
| 315 | Trường Trung cấp Đại Việt TP Cần Thơ | 458 |
| 316 | Trường Trung cấp Hồng Hà TP. Cần Thơ | 459 |
| 317 | Trung cấp Thể dục Thể thao - TP Cần Thơ | 459 |
| 318 | Trường Trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật Công đoàn Cần Thơ | 460 |
| 319 | Trường Trung cấp Nghề Đông Dương | 460 |
| 320 | Trường Trung cấp Kinh tế Kỹ thuật Cần Thơ | 461 |
| | **Hậu Giang** | 461 |
| 321 | Trường Trung cấp Kỹ thuật - Công nghệ tỉnh Hậu Giang | 461 |
| 322 | Trường Trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật tỉnh Hậu Giang | 462 |
| 323 | Trường Trung cấp Luật Vị Thanh | 462 |
| | **Sóc Trăng** | 462 |
| 324 | Trường Trung cấp Văn hóa Nghệ thuật Sóc Trăng | 462 |
| 325 | Trường Trung cấp Y tế tỉnh Sóc Trăng | 463 |
| | **Bạc Liêu** | 463 |
| 326 | Trường Trung cấp Văn hóa Nghệ thuật Bạc Liêu | 463 |
| 327 | Trường Trung cấp Nghề Tư Thục STC | 463 |
| | **Cà Mau** | 463 |
| 328 | Trường Trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật Cà Mau | 463 |

NHỮNG ĐIỀU CẦN BIẾT

# VỀ TUYỂN SINH TRUNG CẤP, CAO ĐẲNG NĂM 2018

**NHÀ XUẤT BẢN LAO ĐỘNG - XÃ HỘI**
**Số 36, ngõ Hòa Bình 4, Minh Khai, Hai Bà Trưng, Hà Nội**
**ĐT: (024) 36246917 - 36246920; Fax: (024) 36246915**

***Chịu trách nhiệm xuất bản và nội dung:***
*Q. Chủ tịch kiêm Tổng Giám đốc - Tổng Biên tập*
**Vũ Anh Tuấn**

***Biên tập và sửa bản in:***
**Nguyễn Thị Phương Thảo**
**Đinh Thị Thanh Hòa**

***Chế bản và thiết kế bìa:***
**Thái Phạm**

In 1.500 cuốn, khổ 20,5 × 29,5 (cm). In và đóng sách tại Xí nghiệp In, Nhà xuất bản Lao động - Xã hội, ngõ Hòa Bình 4, Minh Khai, Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Xác nhận đăng ký xuất bản số 916-2018/CXBIPH/06-69/LĐXH.

Quyết định xuất bản số 88/QĐ-NXBLĐXH, cấp ngày 21/3/2018.

In xong và nộp lưu chiểu Quý I/2018.

**ISBN: 978-604-65-3441-9**